

Joël Dicker

Sự thật về vụ án

HARRY

QUEBERT

hay Chuyện nàng NOLA

THE #1
INTERNATIONAL
BESTSELLER

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

**SỰ THẬT VỀ VỤ ÁN HARRY
QUEBERT
HAY CHUYỆN NÀNG NOLA**



Nguyên tác: The Truth About the Harry Quebert Affair

Tác giả: Joël Dicker

Người dịch: La Phương Thủy

Nhà xuất bản Phụ Nữ - 2014

ebook©vctvegroup

17-08-2018

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

“... Sự thật về vụ án Harry Quebert hay Chuyện nàng Nola đã thổi bay vị trí đầu bảng trong danh sách bán chạy trên khắp châu Âu của Hỏa ngục do Dan Brown sáng tác trong suốt mùa hè vừa qua.”

• **Christopher MacLehose** - đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực dịch thuật của Anh

“Sau sự thật về vụ án Harry Quebert hay Chuyện nàng Nola, dòng tiểu thuyết đương đại sẽ không còn như trước, không một ai còn có thể giả vờ Không nhận ra nó. Đánh giá: Hạng ưu. Ít nhất phải thang điểm 110. Một tiểu thuyết tuyệt vời.”

• **Antonio d'Orrico. Corriere della Sera**

Một thước phim tuyệt vời bằng ngôn từ, một bức chân dung sống động của nước Mỹ. Kịch tính... gay cấn...

• **Le Point**

Độc giả không thể đặt cuốn sách xuống bởi nó như thần dược adrélin làm người đọc luôn phấn khích...

• **Le Figaro**

“Joël Dicker là một ngôi sao mới tỏa sáng trong thể loại trinh thám, anh đã chứng tỏ những lát cắt nghiêm túc của mình trong tác phẩm không ngừng gây sốc, thắt nút

nguyệt thở và cực kỳ hồi hộp này.”

- **Lisa Gardner, tác giả cuốn sách bán chạy Fear Nothing**

Như trên người... Hấp dẫn... Có một sự mê hoặc vô cùng đối với câu chuyện của nàng Nola Kellergan...

- **Booklist**

Phong cách điều tra theo kiểu Máu lạnh... Cốt truyện ấn tượng, thông minh, không ngừng gây bất ngờ... Những bước ngoặt liên tục, thôi thúc, khiến ta mê mẩn câu chuyện, làm thỏa mãn bất kỳ người đọc nào cảm thấy thiếu thốn sau khi đã đọc xong... bộ ba Millennium của Stieg Larsson.

- **Metro**

Mục lục

NGÀY XẢY RA VỤ MẮT TÍCH LỜI NÓI ĐẦU PHẦN MỞ ĐẦU

Chương 31
Chương 30
Chương 29
Chương 28
Chương 27
Chương 26
Chương 25
Chương 24
Chương 23
Chương 22
Chương 21
Chương 20
Chương 19
Chương 18
Chương 17
Chương 16
Chương 15

PHẦN HAI

Chương 14
Chương 13
Chương 12
Chương 11
Chương 10
Chương 9
Chương 8
Chương 7
Chương 6

PHẦN THỨ BA

Chương 5
Chương 4
Chương 3
Chương 2
Chương 1
Lời Kết

LỜI CẢM ƠN

Dành tặng cho cha mẹ tôi

NGÀY XẢY RA VỤ MẮT TÍCH

(Thứ Bảy 30 tháng Tám năm 1975)

- Đây là trung tâm cảnh sát, xin lắng nghe vụ việc của quý vị!
- A lô, tôi là Deborah Cooper sống ở đường Side Creek. Hình như tôi vừa thấy một người đàn ông rượt đuổi một cô gái ở trong rừng.
- Xin bà hãy nói rõ hơn, sự việc xảy ra như thế nào?
- Tôi không biết! Tôi đang đứng ở cửa sổ nhìn về phía cánh rừng, thì thấy một cô gái chạy len lỏi giữa những hàng cây... Một người đàn ông chạy đuổi theo sau tôi nghĩ là cô gái ấy đang cố gắng thoát thân.
- Hiện tại họ ở đâu?
- Tôi... Tôi không nhìn thấy họ nữa. Họ đang trong rừng.
- Tôi sẽ cử một đội tuần tra đến ngay chỗ bà, thưa bà.

Sau cú điện thoại này là hàng loạt các tin tức hỗn loạn khuấy động cả thành phố Aurora bang New Hampshire. Ngày hôm đó, Nola Kellergan, một bé gái mười lăm tuổi trong vùng đã biến mất. Từ khi ấy không ai còn thấy dấu vết nào của cô bé.

LỜI NÓI ĐẦU

Tháng Mười năm 2008

(Ba mươi ba năm sau vụ mất tích)

Ai ai cũng nói về cuốn sách. Trên các đường phố của New York, tôi không còn được yên thân đi dạo, cũng không thể chạy bộ trong công viên Central Park mà không có những người cũng chạy bộ như tôi nhận ra và thốt lên: “Ô kìa, là Goldman đó! Nhà văn đấy!” Thậm chí, một số người còn chạy theo và hỏi tôi những vấn đề mà họ thắc mắc: “Những điều anh viết trong sách là thật đấy à? Harry Quebert đã làm thế thật sao?” Trong quán cà phê West Village nơi tôi có thói quen lui tới, một số khách hàng còn không ngần ngại ngồi hẳn vào bàn nói chuyện với tôi: “Tôi đang đọc quyển sách của anh, anh Goldman ạ: tôi không sao ngừng lại được! Cuốn đầu tiên đã quá hay rồi, thế mà cuốn này thì, trời ơi! Anh được người ta trả đến tận một triệu đô la để viết cuốn này à? Anh bao nhiêu tuổi? Chắc chưa đến ba mươi phải không? Ba mươi! Thế mà anh đã hái được cả một đồng tiền như thế!” Ngay cả bảo vệ tòa nhà tôi ở còn tranh thủ đọc lúc không có người ra vào, khi đọc xong, ông chặn tôi lại ở chân cầu thang máy rất lâu để thổ lộ những điều làm ông đang xúc động tột độ: “Ôi thật cuộc đó là điều đã xảy ra với Nola Kellergan ư? Kinh khủng thật! Nhưng làm sao mà lại thế được nhỉ? Này, anh Goldman này, làm sao mà lại có thể thế được nhỉ?”

Toàn bộ New York say sưa đọc cuốn sách của tôi; mới xuất bản được hai tuần mà đã hứa hẹn là quyển sách bán chạy nhất trong năm trên toàn lục địa châu Mỹ. Ai ai cũng muốn biết điều gì đã xảy ra ở Aurora năm 1975. Khắp nơi người ta nói đến nó: tivi, đài và báo chí. Mới sắp sửa tròn ba mươi mà với cuốn sách này, chỉ là cuốn thứ hai trong sự nghiệp viết lách của mình, tôi đã trở thành nhà văn nổi tiếng nhất nước.

Vụ án chấn động nước Mỹ là nhiên liệu cho tôi sáng tác xảy ra trước đó mấy tháng, vào đầu mùa hè khi người ta phát hiện ra bộ hài cốt của cô bé bị mất tích cách đây ba mươi ba năm. Từ đó kéo theo biết bao sự kiện xảy ra tại bang New Hampshire mà tôi sẽ tường thuật lại sau đây. Nếu không có những sự kiện đó thì toàn bộ phần còn lại của nước Mỹ sẽ không bao giờ biết đến thành phố Aurora bé nhỏ.

PHẦN MỞ ĐẦU

Bệnh của nhà văn

(Tám tháng trước khi xuất bản sách)

31

Ở nơi sâu thẳm của ký ức

“Marcus ạ, chương đầu tiên là chương chính yếu của truyện. Nếu độc giả không thích chương đầu thì họ sẽ không đọc phần còn lại. Anh tính sẽ bắt đầu cuốn sách thế nào đây?”

– Em không biết thầy Harry ạ. Thầy có nghĩ là một ngày nào đó em sẽ làm được không?

– Làm được cái gì?

– Viết được một cuốn sách

– Chắc chắn rồi, Marcus ạ.”

Đầu năm 2008, khoảng một năm rưỡi sau khi trở thành thần tượng của nền văn học nước Mỹ nhờ cuốn tiểu thuyết đầu tay, tôi rơi vào trạng thái khủng hoảng trầm trọng gọi là hiện tượng trang trắng, tình trạng này hình như không phải là hiếm xảy ra với các nhà văn đạt được thành công nhanh chóng và rầm rộ. Căn bệnh này không đến bất ngờ: nó từ từ xâm chiếm tôi. Cứ như thể bộ não tôi bị căn bệnh ăn mòn, dần dần càng ngày càng trở lì. Khi những triệu chứng đầu tiên xuất hiện, tôi không hề muốn lưu tâm: tôi tự nhủ rằng ngày mai, hay ngày hôm sau, hoặc thậm chí ngày hôm sau nữa cảm hứng sẽ quay trở lại. Nhưng ngày này qua ngày khác, tuần này qua tuần khác, tháng này qua tháng khác trôi đi mà cảm hứng vẫn chưa chịu quay trở lại.

Quá trình sa vào địa ngục của tôi trải qua ba giai đoạn. Giai đoạn đầu là cú rớt thẳng đứng ngoạn mục, là sự suy thoái rành rành trước mặt: cuốn tiểu thuyết của tôi bán được hai triệu

bản, làm tôi thăng hoa ở độ tuổi hai mươi tám, đứng vào hàng các nhà văn thành công. Đó là vào mùa thu năm 2006, trong vòng vài tuần, tôi đã khẳng định được tên tuổi của mình: ở đâu cũng thấy mặt tôi, trên tivi, báo chí, hay bìa các tập san. Khuôn mặt tôi còn xuất hiện trên cả những tấm panô quảng cáo cỡ bự trong trạm tàu điện ngầm. Những tay phê bình nghiêm khắc nhất của các tờ nhật báo bờ Đông đều hoàn toàn nhất trí rằng: chàng trai trẻ Marcus Goldman sẽ trở thành một nhà văn tầm cỡ.

Một cuốn sách, một cuốn duy nhất đã giúp tôi mở ra cánh cửa cuộc đời mới: đó là cuộc đời của những ngôi sao triệu phú trẻ. Rồi ngôi nhà của cha mẹ tôi ở thị trấn Montclair bang New Jersey, tôi dọn đến sống trong một căn nhà sang trọng tại Village; tôi lên đời xe hơi, chuyển từ chiếc Ford cũ đã qua ba đời sử dụng sang một chiếc Range Rover màu đen mới cấu lắp kính đen; tôi bắt đầu lui tới những quán ăn xa xỉ thời thượng; tôi thuê một đại diện văn chương, người quản lí thời gian biểu và cũng hay đến ngôi nhà mới của tôi để xem bóng chày trên chiếc ti vi màn ảnh rộng cỡ khủng. Tôi thuê một văn phòng chỉ cách Central Park có vài bước chân và tại đó tôi sắm một nàng thư kí hơi hơi phải lòng tôi tên là Denise. Nàng có nhiệm vụ phân loại thư tín, pha cà phê cho tôi và lưu trữ giúp tôi những tài liệu quan trọng.

Trong vòng sáu tháng sau khi cuốn sách được xuất bản, tôi sung sướng tận hưởng vị ngọt ngào của cuộc đời mới. Buổi sáng, tôi rẽ qua văn phòng xem lướt những bài báo viết về mình, ngày nào cũng đọc cả tá thư do người hâm mộ gửi tới để sau đó, Denise sẽ lưu vào thành những tập hồ sơ dày tổ chẳng. Sau đó, hài lòng với bản thân và tự nhủ rằng làm việc như vậy là đủ, tôi đi dạo vợ vẫn một vòng quanh các phố ở quận

Manhattan nơi những người qua đường không ngừng thì thào mỗi khi thấy tôi đi qua. Tôi dành phần còn lại của ngày tận hưởng những đặc quyền mới mẻ mà sự nổi tiếng của tôi mang lại: quyền được mua tất cả những gì mà tôi muốn có, quyền được ngồi ở những lô VIP của Madison Square Garden để xem những chiếc Ranger trên trường đua, quyền được sánh vai với những ngôi sao ca nhạc trên thảm đỏ mà khi còn trẻ con, tôi hâm mộ đến mức mua tất cả các đĩa hát của họ, quyền được hẹn hò với nàng Lydia Gloor, nữ diễn viên chính của bộ phim truyền hình nhiều tập lúc bấy giờ ai ai cũng hâm mộ. Tôi là một nhà văn nổi tiếng; tôi có cảm giác mình đang làm một nghề cao quý nhất thế giới. Tôi chắc chắn là thành công của tôi sẽ kéo dài mãi mãi, tôi không gợn mảy may lo âu cho tới khi người đại diện của tôi bắt đầu nhắc nhở và nhà xuất bản bắt đầu thúc tôi phải trở lại làm việc, phải bắt tay vào viết cuốn tiểu thuyết thứ hai.

Sáu tháng tiếp theo tôi bắt đầu ý thức được rằng gió đã đổi chiều: thư của người hâm mộ thưa dần và trên phố ít có người tiến lại phía tôi hơn. Chẳng bao lâu sau, những người đi ngang qua nếu có nhận ra tôi thì bắt đầu hỏi những câu kiểu: “Anh Goldman à, chủ đề của cuốn sách thứ hai của anh là gì? Khi nào thì xuất bản?” Tôi hiểu ra rằng mình cần phải bắt tay vào việc và tôi đã làm vậy: tôi bắt đầu viết ý tưởng lên trên các tờ giấy rời rồi phác thảo ra kịch bản vào máy tính cá nhân. Nhưng chả có gì hay ho. Thế nên tôi lại bắt đầu tìm ý tưởng khác và lại phác thảo kịch bản khác. Nhưng vẫn chả có gì hay ho. Rồi cuộc tôi quyết định mua một cái máy tính mới với hi vọng sẽ viết được tiểu thuyết mới với những ý tưởng tuyệt vời và một cấu trúc không chệ vào đâu được nhưng tất cả đều vô ích. Tiếp theo, tôi quyết định thay đổi phương pháp làm việc: tôi bắt

Denise ở lại thật muộn đến tận khuya để đánh máy tất cả những câu văn mà tôi cho là những áng văn bất hủ, những ngôn từ tinh túy và những cú tấn công táo bạo và độc đáo trong tiểu thuyết. Nhưng ngay ngày hôm sau, tôi lại thấy những từ ngữ ấy trở nên nhạt nhẽo, câu văn trở nên khoa trương, câu cú tấn công táo bạo và độc đáo lại biến thành những thất bại thảm hại. Tôi lâm vào giai đoạn hai của căn bệnh.

Vào mùa thu năm 2007, tức là một năm sau khi cuốn tiểu thuyết đầu tay của tôi xuất bản, tôi vẫn chưa viết được lấy nữa câu cho cuốn thứ hai. Khi chẳng còn thư từ gì để lưu trữ, khi ở những nơi công cộng chẳng ai nhận ra tôi và khi các thư viện lớn ở khu Broadways không còn những tấm áp phích quảng cáo chân dung của tôi nữa, thì tôi hiểu rằng vinh quang chỉ là phù du. Vinh quang là một con ma đói mà hễ ai không cho nó ăn thì nó sẽ bỏ đi tìm người khác để thay thế: các nhân vật chính khách thời thượng, các ngôi sao giải trí chiếu trên chương trình Truyền hình Thực tế, các nhóm nhạc rock đã cướp đi của tôi sự quan tâm của dư luận. Thế mà mới có mười hai tháng ngắn ngủi trôi qua kể từ lúc tôi xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tiên: dưới con mắt tôi, đó là một khoảng thời gian ngắn tũn mủn, nhưng theo thước đo của nhân loại lại là một độ dài vô tận. Cũng trong chính năm đó, chỉ riêng tại Mỹ, có một triệu trẻ em ra đời, lại cũng có một triệu người chết, hàng chục nghìn người bị bắn chết, một nửa triệu người ngập vùi trong ma túy, một triệu người trở thành tỉ phú, mười bảy triệu người đổi máy điện thoại, năm mươi triệu người chết và hai triệu người khác bị thương vì tai nạn xe hơi. Còn tôi, tôi chỉ làm có mỗi một việc là viết một cuốn tiểu thuyết.

Schmid & Hanson là nhà xuất bản rất mạnh ở New York, đã trả tôi một món tiền béo bở để có giấy phép xuất bản cuốn tiểu

thuyết đầu tay của tôi, đặt rất nhiều hi vọng vào tôi, bắt đầu giục giã người đại diện của tôi là Douglas Claren, rồi đến lượt Douglas Claren hối thúc tôi. Anh ta nói là thời gian gấp rút lắm rồi, tôi phải khẩn trương mang nộp bản thảo, còn tôi thì cố gắng trấn an anh ta đồng thời cũng là để tự trấn an mình, cố khẳng định rằng cuốn tiểu thuyết thứ hai của tôi đang tiến triển tốt, không việc gì phải lo lắng. Nhưng dù đóng cửa tự giam mình trong phòng làm việc hàng giờ liền, trước mặt tôi vẫn là những trang giấy trắng: cảm hứng đã bỏ tôi đi mà chẳng thông báo nửa lời, tôi không tìm thấy tí chút nào nữa. Còn ban đêm nằm trên giường, tôi không tài nào chợp mắt nổi, nghĩ rằng nay mai, thậm chí trước cả lúc tròn ba mươi tuổi, nhà văn lớn Marcus Goldman sẽ chẳng còn tồn tại nữa. Ý nghĩ này làm tôi khiếp đảm tới mức tôi quyết định sẽ phải đi xa một chuyến để tẩy rửa đầu óc: tôi tự thưởng cho mình một tháng thư giãn trong một cung điện ở Miami gọi là để tái tạo năng lượng nội lực, âm thầm nghĩ rằng thư giãn dưới bóng những rặng cọ xanh sẽ cho phép tôi tìm lại được tài năng sáng tạo. Nhưng Florida đúng chỉ là một âm mưu hoàn hảo để trốn chạy, trước tôi hai nghìn năm, nhà triết học Sénèque đã ném trải tình trạng nặng nề này: dù anh có lẩn trốn ở bất kì đâu, thì các vấn đề của anh cũng lẩn vào giữa những món hành lí của anh và theo anh khắp nơi. Vừa đặt chân tới Miami, một phu khuân vác tốt bụng người Cuba đã chạy ngay đến gặp tôi ở lối ra của sân bay và nói:

- Ông Goldman phải không ạ?
- Vâng.
- Cái gói này là của ông ạ?

Anh ta chìa ra cho tôi một phong bì lớn trong đó đựng những trang giấy trắng.

- Những trang giấy trắng của tôi à?

– Vâng, thưa ông Goldman, chắc ông cũng không thể rời xa New York mà không cầm theo chúng?

Cứ thế, tôi đơn độc tại bang Florida suốt một tháng, tự nhốt mình trong một phòng suite^[1] cùng với những ám ảnh của mình, khốn khổ và lạc lối. Máy tính của tôi bật liên tục cả ngày lẫn đêm, trong đó tài liệu mang tên *tiethuyetmoi.doc* vẫn vô vọng không có câu chữ nào. Vào buổi tối khi mà tôi tặng cho gã nhạc công ở quầy rượu của khách sạn chiếc bánh pizza margarita, tôi mới nhận ra rằng tôi đã mắc một căn bệnh rất phổ biến của giới nghệ sĩ. Ngồi cùng nhau ở quầy rượu, gã kể chuyện đời gã cho tôi nghe, rằng suốt đời gã chỉ sáng tác được một bài hát duy nhất, nhưng bài hát đó là cả một thành công vang dội, gã đã thành công tới mức sau đó không thể sáng tác được bài hát nào khác, còn lúc này, gã đã hoàn toàn cháy túi và bất hạnh, tồn tại nhờ đánh piano các thành công của kẻ khác để phục vụ đám khách hàng của khách sạn. “Vào thời kì đó, tôi đi lưu diễn rầm rộ khắp các sân khấu lớn nhất trên toàn quốc”, gã vừa nói vừa tóm chặt lấy cổ áo sơ mi của tôi. “Mười nghìn người hò hét tên tôi, hàng loạt gái đẹp chân dài ngất xỉu vì tôi, còn vô vàn gái khác ném cho tôi những chiếc quần lót xinh xắn. Cũng ghê gớm đấy chứ, phải không?”. Khi liếm xong những hạt muối dính xung quanh miệng cốc, gã nói thêm: “Tôi thể chuyện thật một trăm phần trăm”. Tệ bạc làm sao, tôi biết rằng đó chính là sự thật.

Giai đoạn thứ ba của nỗi bất hạnh bắt đầu ngay khi tôi quay trở lại New York. Trong chuyến bay về từ Miami, tôi đọc được bài báo viết về một tác giả trẻ vừa cho ra đời cuốn tiểu thuyết thu hút được sự quan tâm của giới phê bình. Khi hạ cánh tại sân bay La Guardia, tôi đã thấy ngay gương mặt hấn trên tấm áp phích to đùng ở phòng nhận hành lí. Đời đã chơi tôi một vố rồi:

không chỉ bị rơi vào quên lãng, mà tệ hơn nữa, tôi đang bị thay thế. Douglas đến đón tôi tại sân bay với tâm trạng hoảng loạn: Schmid & Hanson không thể kiên nhẫn hơn được nữa, họ muốn có bằng chứng chứng tỏ tôi đang tiến triển tốt và sẽ mau chóng mang cho họ bản thảo mới đã hoàn chỉnh.

– Chết cha rồi ông ơi, anh ta nói khi đã ngồi vào xe chở tôi về Manhattan. Hãy nói với tớ rằng Florida đã làm cậu phục hồi và có một cuốn sách sắp xong! Giờ cả nước đang nói đến một tay... Quyển sách của hấn sẽ mang lại thành công vang dội vào Noel. Thế còn cậu, Marcus? Cậu có gì cho Noel chưa?

– Mình sẽ bắt tay vào việc ngay đây! Tôi kêu lên, lo sợ. Mình sẽ làm được! Bọn mình sẽ làm một chiến dịch quảng cáo ác liệt rồi mọi việc sẽ thuận buồm xuôi mái. Người ta đã thích cuốn thứ nhất thì người ta sẽ thích cuốn thứ hai!

– Marc, cậu chẳng hiểu mẹ gì cả: nhẽ ra mình đã phải làm vậy cách đây vài tháng rồi cơ. Chiến lược của ta là: lướt từ đỉnh thành công trước, mớm thức ăn cho công chúng, đưa cho họ những gì họ muốn. Công chúng muốn Marcus Goldman, nhưng Marcus Goldman còn mãi ăn chơi ở Florida, cho nên độc giả bỏ đi mua sách của người khác. Cậu có học tí nào về kinh tế không thế hở Marc? Sách đã trở thành một mặt hàng có khả năng thay thế: người ta cần mua cuốn sách có thể khiến người ta hài lòng và thư giãn. Thế nên nếu cậu không phải là người cung cấp cuốn sách đó, thì hàng xóm của cậu sẽ làm điều đó, còn cậu sẽ chỉ còn đáng vứt vào thùng rác.

Chết đứng vì những tiên đoán của Douglas, tôi lao vào làm việc như điên: bắt tay vào viết ngay từ tờ mờ sáng, thông trưa, đến tận 9, 10 giờ tối. Nhiều ngày như vậy liên tục cứ trôi đi trong phòng làm việc chỉ để viết không ngừng nghỉ với nỗi thất vọng điên dại hoàn toàn chi phối, để lựa chọn từ ngữ, hoàn

thành câu cú và tìm hết ý tưởng này đến ý tưởng kia cho cuốn tiểu thuyết. Dù nỗ lực là vậy mà tôi vẫn chẳng ra được cái gì có giá trị. Cả ngày Denise chỉ có mỗi một việc là lo lắng cho tình trạng của tôi. Vì nàng chẳng còn gì để làm, không phải chép chính tả, không còn thư tín để sắp xếp, cũng chẳng phải pha cà phê, nên nàng cứ đi lại trong hành lang. Lúc không thể chịu hơn được nữa, nàng bắt đầu đập thành thình vào cửa phòng tôi.

– Marcus, em xin anh, hãy mở cửa ra! Nàng rên rỉ. Hãy ra khỏi phòng làm việc, ra công viên đi dạo một chút. Hôm nay anh đã chẳng ăn tí gì rồi.

Tôi gào lên trả lời:

– Không đói! Không đói! Không sách, không ăn!

Nàng gần như khóc nức lên.

– Đừng nói những lời kinh khủng thế, Marcus. Em ra cửa hàng Deli ngoài phố mua bánh mì kẹp thịt bò băm cho anh nhé, anh vẫn thích loại đó mà. Em đi ngay đây, nhanh thôi.

Tôi nghe thấy tiếng nàng quơ vội túi xách, chạy ra cửa và lao xuống cầu thang, cứ như thể sự nhanh nhẹn của nàng có thể cứu vãn được chút gì đó cho tình trạng của tôi. Tôi đã hiểu được cú đòn giáng xuống đầu tôi tệt đến thế nào: dường như viết một cuốn sách từ chỗ chưa có gì thật là dễ dàng, nhưng bây giờ, tôi đã ở trên đỉnh vinh quang, nên tôi phải chịu sức ép của tài năng, phải lập lại thành công, nhưng lần này thật nặng nề, bắt buộc tôi phải có một tiểu thuyết thật hay, tôi cảm thấy không còn đủ khả năng nữa. Căn bệnh của các nhà văn đã hạ gục tôi mà không ai có thể cứu vãn: nói chuyện với ai họ cũng bảo là chẳng có gì khó khăn cả, đó là vấn đề chung, nếu hôm nay tôi không viết được thì ngày mai tôi sẽ viết được. Tôi cũng đã thử gắng làm việc hai ngày liên tục trong căn phòng cũ của tôi ở nhà

bố mẹ tôi ở Montclair, chính là nơi tôi đã tìm thấy cảm hứng cho tiểu thuyết đầu tay. Nhưng rốt cuộc âm mưu này cũng kết thúc bằng một thất bại thê thảm mà có khi mẹ tôi cũng góp phần vì hai ngày liên tục, bà chỉ ngồi cạnh ngó nghiêng màn hình máy tính của tôi rồi nói đi nói lại: “Tốt lắm Markie”.

– Mẹ này, con đã viết được dòng nào đâu mà mẹ cứ... , rốt cuộc tôi nói.

– Nhưng mẹ cảm thấy là sẽ rất tốt.

– Mẹ, mẹ để mặc con một mình đi.

– Sao lại một mình? Con đau bụng à? Con có muốn đánh rắm một cái không? Thế thì cứ việc làm như thế trước mặt mẹ, con trai yêu quý ạ, vì mẹ là mẹ của con.

– Không, con không muốn đánh rắm, mẹ ạ.

– Thế con đói à? Con có muốn ăn bánh rán hay bánh sáp ong không? Hay con muốn ăn cái gì mặn? Ăn trứng nhé?

– Không, con không đói.

– Thế sao con lại muốn mẹ để con một mình? Hay con muốn nói là mẹ, người đẻ ra con, có mặt ở đây làm phiền con?

– Không, mẹ không làm phiền con, nhưng...

– Nhưng cái gì?

– Không có gì, mẹ ạ.

– Con phải kiếm bạn gái đi Markie. Con nghĩ mẹ không biết con đã cắt đứt với con bé diễn viên truyền hình rồi à? Mà nó tên là gì ý nhỉ?

– Lydia Gloor. Dù sao chúng con cũng không thực sự với nhau đâu mẹ. Con muốn nói, chỉ là chuyện bình thường thế thôi.

– Chuyện bình thường thế thôi à! Thế hệ trẻ bây giờ toàn thế:

chúng nó cứ làm những chuyện bình thường thế thôi rồi rốt cuộc đến tận năm mươi tuổi, đầu thì hói mà vẫn chưa có gia đình!

– Thế có gì liên quan đến chuyện hói đầu ở đây ạ?

– Không liên quan gì cả. Nhưng con có biết là mẹ biết chuyện con đi lại với con bé ấy qua báo chí không? Có đứa con trai nào đối xử với mẹ nó thế không? Con tưởng tượng xem, ngay trước khi con đi Florida, mẹ đến hiệu Scheingetz để làm tóc, không phải hiệu thịt lợn đâu tất cả mọi người ở đấy đều nhìn mẹ với cái vẻ thật hài. Mẹ hỏi có việc gì. Thế là bà Berg, cái bà lúc nào cũng đội mũ bảo hiểm ý, đưa cho mẹ tờ tạp chí và bảo: có một bức ảnh chụp con với Lydia Gloor ở ngoài phố với nhau, còn tựa đề của bài báo thì lại là hai đứa đã chia tay. Tất cả mọi người ở hiệu làm tóc đều biết bọn con chia tay nhau, trong khi đó mẹ thậm chí không biết con với nó đã từng đi lại với nhau! Tất nhiên là mẹ không muốn bị coi là ngu ngốc, nên phải giả vờ bảo là ồ, con bé ấy rất thanh lịch, nó thường xuyên đến nhà ta ăn tối.

– Mẹ, con không kể với mẹ vì chuyện chẳng có gì là nghiêm túc cả. Cô ấy chưa phải đúng người con tìm, mẹ biết đấy.

– Nhưng sẽ không bao giờ có ai là đúng người đâu con! Con sẽ chẳng gặp ai là đúng cả, Markie ạ! Vấn đề là ở chỗ đấy. Con nghĩ là diễn viên truyền hình có thể càng đáng được công việc gia đình hay sao? Con này, hôm qua mẹ gặp bà Emerson ở siêu thị: con gái bà ấy cũng chưa có người yêu. Con bé đó sẽ là người hoàn hảo cho con. Hơn nữa, nó có hàm răng tuyệt đẹp. Con có muốn mẹ mời họ rẽ qua nhà mình bây giờ không?

– Không, mẹ ạ. Con đang tập trung làm việc.

Đúng lúc đó, có tiếng chuông cửa.

- Mẹ nghĩ là họ đến đây, mẹ tôi nói.
- Sao lại thế được, họ nghĩa là sao ạ?
- Là bà Emerson và con gái bà ấy. Mẹ đã mời họ rě qua uống trà chiều lúc 4 giờ. Bây giờ là 4 giờ đúng. Người phụ nữ đoan trang là người phụ nữ đúng giờ. Đấy đấy, con bắt đầu phải lòng rồi đấy, đúng chưa?
- Mời họ đến uống trà á? Mẹ đuổi họ về ngay đi! Con không muốn gặp họ! Con phải viết một cuốn tiểu thuyết, khổ quá! Con không về đây để chơi trò hẹn hò ăn tối, con về để viết tiểu thuyết!
- Ô Markie, con thật sự cần phải có người yêu. Yêu rồi con sẽ đính hôn và sẽ cưới làm vợ. Con nghĩ quá nhiều về tiểu thuyết mà quá ít về cưới xin...

Không ai nắm được chủ đề chính của truyện: tôi cấp thiết cần một cuốn sách mới, đó là điều cần thiết nhằm tránh vi phạm hợp đồng với nhà xuất bản. Trong suốt tháng Giêng năm 2008, Roy Barnaski, giám đốc nhà xuất bản Schmid & Hanson đầy quyền lực đã liên tục triệu tập tôi đến văn phòng của ông ta trên tầng 51 của tòa tháp ở phố Lafayette, nghiêm khắc nhắc nhở tôi về trách nhiệm: “Thế nào Goldman, khi nào tôi mới có trong tay bản thảo mới của anh? Ông ta găm giữ. Chúng ta kí hợp đồng năm cuốn tiểu thuyết: anh phải làm việc đi và phải khẩn trương lên! Cần phải có kết quả. Cần phải có con số cụ thể. Anh đã bị chậm tiến độ! Anh chậm trên mọi phương diện! Anh thấy cái tay xuất bản sách trước Noel chưa? Hấn đã thay thế anh trước công chúng. Ông bầu của hấn nói cuốn sách tiếp theo của hấn sắp hoàn thành. Thế còn anh? Anh chỉ có làm phí tiền! Hãy tỉnh dậy và thay đổi tình hình ngay. Hãy đánh một cú thật vang dội, viết một tiểu thuyết thật hay mà cứu lấy tính mạng mình.

Tôi cho anh sáu tháng, tôi cho anh đến tận tháng Sáu”. Sáu tháng để viết một tiểu thuyết, trong khi tôi đã bị tắc tị từ một năm rưỡi nay. Không thể được. Tệ hơn nữa, trong khi Barnaski áp đặt thời hạn cho tôi, lại không thông báo hậu quả của việc nếu như tôi không thực hiện được thời hạn đó. Hai tuần sau, chính Douglas báo cho tôi biết trong một cuộc nói chuyện chả biết là lần thứ mấy tại nhà tôi. Anh ta nói: “Phải bắt tay vào viết đi ông bạn, cậu không thể lẩn tránh chuyện này được nữa. Cậu kí hợp đồng năm cuốn sách! Năm tiểu thuyết! Barnaski là kẻ nóng tính như hổ, hấn không muốn đợi nữa Hấn bảo sẽ để cho cậu đến tháng Sáu. Cậu biết điều gì sẽ xảy ra nếu cậu cứ dậm chân tại chỗ như thế này không? Họ sẽ hủy hợp đồng, sẽ kiện ra tòa và sẽ rút ruột cậu đến tận cùng xương tủy. Họ sẽ lấy hết tài sản tiền bạc và cậu sẽ kết thúc cuộc sống tươi đẹp ở đây, ngôi nhà sang trọng, những cuộc liên hoan kiểu Ý xa xỉ, chiếc xe hơi hào nhoáng: sẽ chẳng còn gì sất. Họ sẽ chôn sống cậu”. Vậy là trước đây một năm, tôi còn được coi là ngôi sao mới nổi của nền văn học nước nhà, bây giờ tôi chỉ còn là nỗi thất vọng to lớn, là con ốc sên khổng lồ của nhà xuất bản Bắc Mỹ. Bài học thứ hai: ngoài tính chất phù du của nó, vinh quang không phải là không có hậu quả. Buổi tối sau khi được Douglas cảnh báo, tôi nhắc điện thoại quay số của người duy nhất mà tôi nghĩ là có thể giúp tôi ra khỏi tình trạng tồi tệ này: Harry Quebert, thầy giáo cũ của tôi hồi ở trường đại học và đặc biệt còn là một trong những tác giả được tôn kính nhất và được đọc nhiều nhất nước Mỹ. Tôi có quan hệ chặt chẽ với thầy từ hơn chục năm nay, kể từ khi tôi còn là sinh viên của thầy ở trường đại học Burrows bang Massachusetts.

Lúc đó, đã khoảng hơn một năm tôi không gặp, cũng không gọi điện cho thầy. Tôi điện về nhà thầy ở Aurora bang New

Hampshire. Khi nghe thấy giọng tôi, thầy trả lời giọng mỉa mai:

– Ô, Marcus đây à! Anh Marcus gọi điện cho thầy đây ư? Không thể tin được. Từ khi anh trở thành sao thì anh chẳng tin tức gì cho tôi cả. Cách đây một tháng, tôi đã cố gắng gọi điện cho anh, nhưng chỉ gặp thư kí của anh nói rằng, anh không muốn gặp ai cả.

Tôi trả lời ngay lập tức:

– Mọi chuyện tồi tệ lắm thầy Harry ơi. Em nghĩ em không còn là nhà văn nữa.

Ông lấy lại ngay giọng nghiêm túc:

– Có chuyện gì vậy hả Marcus?

– Em không biết viết gì, đời em xong rồi thầy ơi. Toàn những trang trắng. Nhiều tháng rồi thầy ạ. Đến cả một năm trời rồi.

Ông phá lên cười trấn an tôi, thật nồng hậu.

– Tinh thần tắc tị hả Marcus, người ta gọi vấn đề này như vậy đó. Những trang trắng cũng ngu xuẩn như hiện tượng bất lực tạm thời về tình dục: đó là nỗi sợ của thiên tài, nỗi sợ đó làm chân giữa của anh mềm oặt ra như bún trong khi anh định chơi trò bắn pháo với cô nàng thần tượng anh và định mang đến cho cô nàng một cơn khoái cảm phải đo bằng độ Richter. Đừng lo lắng gì về tài năng Marcus ạ, hãy tự bằng lòng với việc xếp các con chữ lại cùng nhau. Lúc đó tài năng sẽ lại tự xuất hiện.

– Thầy nghĩ vậy ạ?

– Hẳn nhiên rồi. Nhưng anh cần phải bỏ bớt những đêm hội hè đình đám. Viết lách là chuyện nghiêm túc. Tôi đã chỉ bảo anh điều đó từ lâu.

– Em luôn nỗ lực làm việc mà. Em chỉ có làm việc và làm việc. Dù vậy, em vẫn chẳng làm được gì.

– Vậy chắc có lẽ anh chưa có một môi trường thuận lợi. New York đẹp đấy, nhưng lại quá ồn ào. Sao anh không đến chỗ tôi, ở nhà tôi, như cái thời anh còn là sinh viên của tôi ấy?

Rời xa New York và thay đổi không khí. Chưa bao giờ lời mời đi ở ẩn lại có ý nghĩa lớn lao đối với tôi đến thế. Đi tìm cảm hứng cho một cuốn sách mới ở vùng quê xa xôi hẻo lánh của Mỹ với sự hỗ trợ của thầy giáo cũ: đó chính là điều tôi cần. Vậy nên một tuần sau, vào giữa tháng Hai năm 2008, tôi đến Aurora thuộc bang New Hampshire. Lúc đó là vài tháng trước khi xảy ra những sự kiện bi thảm mà tôi sắp kể sau đây.

* * *

Trước khi vụ việc khuấy động cả nước Mỹ xảy ra vào mùa hè 2008, không có ai nói đến Aurora. Đó là một thành phố nhỏ nằm bên bờ biển, cách biên giới với bang Massachusetts khoảng một tiếng đường bộ. Trên con phố chính ở đây có một rạp chiếu bóng mà chương trình chiếu phim luôn luôn chậm hơn so với toàn bộ phần còn lại của đất nước, vài cửa hàng, một bưu điện, một đồn cảnh sát và vài tiệm ăn, trong đó có tiệm Clark's lâu đời nhất thành phố. Xung quanh đó, chỉ là những khu dân cư thanh bình với những ngôi nhà gỗ có hiên sơn những tông màu ấm áp, những mái nhà bằng đá ardoise nổi bật, vây xung quanh là vườn cây với những thảm cỏ được chăm sóc tỉ mỉ không chê vào đâu được. Đó là một nước Mỹ trong lòng nước Mỹ, nơi người dân không bao giờ phải khóa cửa lúc vắng nhà; những nơi như thế này chỉ có ở New England, thanh bình đến mức làm cho người ta có cảm giác được che chở và hiểm nguy không bao giờ xảy ra.

Tôi biết rõ Aurora vì thường xuyên ghé thăm nhà thầy Harry khi còn là sinh viên. Ông sống trong một ngôi nhà tuyệt đẹp xây bằng đá và gỗ thông to bản, nằm ở ngoại ô, trên đường 1 thẳng hướng đi Vermont, phía bên kia nhà là bờ biển được in trên bản đồ với tên gọi Goose Cove. Ngôi nhà bề thế, cơ ngơi của một nhà văn, hướng ra đại dương với một mái hiên tuyệt vời dành cho những ngày đẹp trời, một con đường nhỏ từ đó chạy thẳng ra bãi biển. Xung quanh hoàn toàn là những miền tĩnh lặng hoang sơ: rừng cây um tùm dọc bờ biển, những dải sỏi và đá cuội lớn, những bụi cây dương xỉ ẩm ướt và rêu xanh, một vài đường đi đạo dẫn thẳng ra bãi đá. Chỉ cách trung tâm văn minh có vài dặm, mà nơi đây đôi khi làm người ta cứ ngỡ như là nơi tận cùng của thế giới. Thật dễ tưởng tượng được rằng, nơi đây, dưới hiên nhà, thủy triều và những buổi hoàng hôn đỏ thắm là nguồn cảm hứng cho nhà văn viết nên những tác phẩm để đời.

Ngày 10 tháng Hai năm 2008, tôi rời New York giữa cơn khủng hoảng trang trắng. Trong khi đó toàn bộ đất nước đang sục sôi bước vào chiến dịch bầu cử tổng thống: vào ngày Super Tuesday xảy ra cách mấy hôm (năm đó được tổ chức một cách ngoại lệ vào tháng Hai thay vì tháng Ba, chứng tỏ đây sẽ là một năm đặc biệt), tám vé của Đảng Cộng hòa đã được trao cho nghị sĩ McCain, còn phía Đảng Dân chủ thì cuộc chiến giữa Hilary Clinton và Barack Obama vẫn diễn ra ác liệt. Tôi lái ô tô một mạch tới thẳng Aurora mà không hề dừng lại nghỉ giữa đường. Mùa đông ngập tuyết và quang cảnh vụt qua tôi phủ một màu trắng xóa. Tôi rất thích bang New Hampshire: tôi yêu cái tĩnh lặng của nó, yêu những cánh rừng ngút ngàn nơi đây, yêu những cái ao nở đầy hoa súng có thể nhảy xuống bơi vào mùa hè và trượt băng vào mùa đông. Tôi thấy bang này rất tự do, khẩu hiệu ở đây là SỐNG TỰ DO HAY LÀ CHẾT được dán lên

hầu hết trên các biển xe hơi của vùng đang chạy vụt qua tôi trên xa lộ, thể hiện rất rõ ràng tinh thần yêu chuộng tự do mà mỗi lần tới Aurora đều khiến tôi phải ngỡ ngàng. Hơn nữa, tôi còn nhớ khi đến nhà thầy Harry hôm đó, vào giữa một buổi chiều vừa lạnh vừa mù mịt sương, tôi thấy ngay lập tức một cảm giác chùng xuống từ bên trong. Thầy đợi tôi dưới mái hiên, trùm chiếc áo khoác dày mùa đông kín mít. Tôi xuống xe, thầy chạy lại phía tôi, đặt đôi bàn tay lên vai tôi và tặng tôi một nụ cười rạng rỡ nồng ấm.

– Có chuyện gì xảy ra vậy, Marcus?

– Em không biết, thầy ơi...

– Nào nào, anh lúc nào cũng là một đứa trẻ quá nhạy cảm.

Còn chưa dỡ xong hành lí để mang vào nhà, thì chúng tôi đã ngồi trong phòng khách để nói chuyện. Thầy mời tôi cà phê. Trong bếp lò, lửa tí tách cháy; ở trong nhà thật là tuyệt khi nhìn qua tấm cửa kính rộng bản, ngoài trời, đại dương đang quay cuồng trong gió buốt, tuyết rơi ẩm ướt trên những mỏm núi đá.

– Em đã quên mất rằng ở đây đẹp đến nhường này, tôi thì thâm.

Thầy gật đầu tán thành.

– Rồi anh sẽ thấy, Marcus bé nhỏ, thầy sẽ chăm sóc anh cẩn thận. Anh sẽ để ra được một tiểu thuyết gây chấn động dư luận. Đừng có lo lắng quá, nhà văn xuất sắc nào cũng phải trải qua những giai đoạn khó khăn như thế.

Nét mặt thầy tràn đầy vẻ bình thản và tin tưởng mà tôi vẫn thường xuyên thấy. Thầy là một người đàn ông mà chưa bao giờ tôi thấy mất đi sự tự tin: ông lôi cuốn những người xung quanh, tự tin về bản thân mình, chỉ riêng sự hiện diện của ông

đã đủ toát lên một quyền lực. Ông sắp tròn sáu mươi bảy tuổi nhưng dáng người còn rất đẹp, mái tóc bạch kim, dày, gọn gàng; đôi vai rộng, cơ thể kiện tráng là kết quả tập đấm bốc lâu dài và thường xuyên. Hồi còn ở trường đại học Burrows, cũng chính nhờ môn thể thao này, môn thể thao mà tôi cũng chuyên cần tập luyện, chúng tôi đã có cảm tình với nhau.

Những sợi dây kết nối tôi với thầy Harry rất mạnh mẽ, tôi sẽ kể ra sau đây. Thầy bước vào cuộc đời tôi năm 1998, khi tôi đang bắt đầu hòa nhập vào trường đại học Burrows, bang Massachusetts. Lúc đó tôi hai mươi, còn thầy năm mươi bảy tuổi. Tính đến thời điểm đó là mười lăm năm, ông mang lại thành công và vẻ vang cho khoa văn của trường đại học khiêm tốn với toàn những sinh viên rất dễ mến và lịch sự ở vùng quê thanh bình này. Trước đó, tôi chỉ biết đến tên tuổi của đại văn hào Harry Quebert như tất cả mọi người khác: còn ở Burrows, tôi trực tiếp gặp và làm quen với nhà văn Harry bằng xương bằng thịt, sau này trở thành một trong những người bạn gần gũi nhất của tôi bất chấp sự chênh lệch về tuổi tác. Ông cũng chính là người sau này dạy tôi trở thành nhà văn. Bản thân thầy Harry cũng đạt tới đỉnh cao vinh quang vào giữa những năm 1970, khi cuốn tiểu thuyết thứ hai của ông có tựa đề *Nguồn gốc cái xấu xa* được bán tới tận mười lăm triệu bản, mang lại cho ông giải thưởng Booker và National Book, là hai giải thưởng uy tín nhất Quốc gia. Kể từ đó, ông xuất bản với nhịp độ đều đặn và biên tập một chuyên mục có rất nhiều độc giả theo dõi của tờ *Boston Globe*. Ông là một trong những gương mặt trí thức lớn nhất của nước Mỹ: chủ trì nhiều hội thảo, thường xuyên được mời tham gia vào những sự kiện văn hóa lớn; ý kiến của ông về chính trị được nhiều người lưu tâm. Ông là người rất được kính trọng, một trong những niềm tự hào, là tinh hoa của đất nước,

là sản phẩm tốt nhất mà nước Mỹ có thể sản xuất được. Tôi hi vọng đến ở đây vài tuần, ông sẽ giúp tôi một lần nữa trở thành nhà văn và bày cho tôi cách vượt qua vực thẳm của cơn khủng hoảng trang trắng. Tuy nhiên tôi phải thừa nhận rằng thầy Harry rõ ràng thấy tôi sa vào tình trạng khó khăn, nhưng không coi đó là điều bất bình thường. Ông giải thích, “Đôi khi cánh nhà văn cũng gặp lúc khó khăn, đó là rủi ro nghề nghiệp. Cứ bắt tay vào việc đi, rồi anh sẽ thấy, khó khăn tự nhiên sẽ được giải quyết”. Thầy xếp cho tôi ngồi trong phòng làm việc ở dưới tầng trệt, nơi chính thầy cũng đã ngồi viết tất cả các cuốn sách của mình, trong đó có *Nguồn gốc cái xấu xa*. Tôi ngồi đó hàng giờ liền, cố gắng viết, nhưng thường xuyên bị đại dương và tuyết trắng ở phía ngoài cửa kính cuốn hút. Khi thầy mang đến cho tôi tách cà phê hay cái gì đó để ăn, nhìn bộ mặt thất vọng của tôi, thầy cố gắng động viên tinh thần cho tôi. Một buổi sáng, rốt cuộc thầy nói:

– Đừng có vác cái bộ mặt như vậy Marcus, cứ như thể anh sắp chết đến nơi vậy.

– Cũng gần lắm thầy ơi...

– Thôi nào, hãy đau khổ cho bước tiến của thế giới vì cuộc chiến tranh ở Irac chứ không phải vì quyển sách khốn khổ...còn quá sớm. Anh làm tôi phát chán, này: anh thật là lảm chuyện chỉ vì chưa viết ra được ba câu văn. Tốt hơn hết nên nhìn thẳng vào sự việc thế này: anh đã viết được một cuốn sách tuyệt vời, đã trở nên giàu có và nổi tiếng. Cuốn sách thứ hai hơi gặp khó khăn trong quá trình chui ra khỏi đầu của anh, chẳng có gì là lạ hay đáng phải lo lắng cả...

– Nhưng thầy ơi, thầy chưa bao giờ gặp vấn đề tương tự sao?

Ông phá lên cười.

- Trang trắng à? Anh đùa đây à? Con yêu quý của thầy ơi, quá nhiều ấy chứ, anh không thể tưởng tượng nổi đâu.

- Nhà xuất bản bảo nếu bây giờ em không viết được một cuốn mới thì coi như đời em tiêu tùng.

- Anh có hiểu nhà xuất bản là gì không? Đó là một tay viết văn bất tài nhưng lại có ông bố thừa tiền giúp nó quơ được tài năng của người khác. Anh sẽ thấy, rồi mọi thứ sẽ nhanh chóng đầu vào đó Marcus ạ. Anh có sự nghiệp tuyệt vời trước mặt. Cuốn sách đầu tay đã thành công, cuốn thứ hai sẽ còn tuyệt vời hơn nữa. Đừng lo lắng, thầy sẽ giúp anh tìm lại cảm hứng.

Không thể nói kì ở ẩn tại Aurora đã giúp tôi tìm lại cảm hứng nhưng chắc chắn rất có ích cho tôi. Cho cả thầy Harry nữa, tôi biết ông thường xuyên cảm thấy cô đơn: thầy là người đàn ông không gia đình, không có nhiều cái để khuây khỏa. Đó là những ngày hạnh phúc. Thật ra đó là những ngày hạnh phúc cuối cùng của chúng tôi với nhau. Ngày nào chúng tôi cũng cùng nhau đi dạo rất lâu trên bờ đại dương, nghe những bản nhạc kịch cổ điển nổi tiếng nhất, trượt tuyết đường dài, tham dự tất cả các sự kiện văn hóa ở địa phương, lượn lơ tất cả các siêu thị lớn của vùng và khuân về hàng núi thức ăn, truy lùng tất cả những chiếc xúc xích cóc tai được bán để ủng hộ hội cựu chiến binh Mỹ vì thầy Harry rất khoái khẩu món đó và cho rằng chỉ riêng vì nó cũng đủ lí do biện minh và ủng hộ sự can thiệp quân sự của quân đội Mỹ vào Irac! Chúng tôi cũng thường đi ăn trưa ở tiệm Clark's, ngồi đó uống cà phê cả buổi chiều để đàm đạo về cuộc sống như chúng tôi vẫn thường làm khi tôi còn là sinh viên. Ai ai ở Aurora cũng đều biết thầy Harry và tôn trọng ông, và kể từ hồi đó, người ta cũng biết tôi luôn. Người mà chúng tôi có cảm tình nhất là Jenny Dawn, chủ quán Clack's và Erne Pinkas, ông thủ thư tình nguyện của thành phố rất gần gũi với

thầy Harry và cũng thỉnh thoảng ghé Goose Cove vào cuối ngày để uống một cốc rượu mạnh. Sáng nào tôi cũng tới thư viện để đọc tờ *New York Times*. Ngay hôm đầu tiên, tôi đã thấy bác Erne Pinkas bày cuốn sách của tôi trên giá giới thiệu sách ở vị trí nổi bật nhất. Ông rất hãnh diện chỉ cho tôi và nói:

– Marcus thấy không, sách của cậu ở vị trí đẹp nhất nhé. Đó là cuốn sách được nhiều người mượn nhất từ một năm nay. Khi nào thì có cuốn tiếp theo đây?

– Thú thật là cháu hơi gặp khó khăn để bắt đầu. Chính vì vậy mà cháu tới đây.

– Cậu đừng lo lắng gì. Tôi chắc chắn rằng cậu sẽ tìm ra một ý tưởng độc đáo cho mà xem. Cái gì đó thật ấn tượng và ám ảnh.

– Ví dụ như là cái gì ạ?

– Ồ, bác cũng không biết được, cháu mới là nhà văn cơ mà. Nhưng chắc phải tìm ra một chủ đề mà đông đảo công chúng yêu thích.

Ở tiệm Clark's, từ ba mươi năm nay thầy Harry lúc nào cũng ngồi ở một bàn duy nhất, bàn số 17, trên đó Jenny cho đóng một tấm biển kim loại có khắc dòng chữ:

Đây là chiếc bàn mà suốt mùa hè năm 1975, nhà văn Harry Quebert đã ngồi để sáng tác cuốn tiểu thuyết nổi tiếng “Nguồn gốc cái xấu xa”.

Dù biết tấm biển này từ lâu, nhưng chưa bao giờ tôi để ý tới nó. Chỉ vào chuyến thăm thầy lần này tôi mới nhìn kỹ và ngắm nghía nó. Những dòng chữ khắc trên miếng kim loại ngay lập tức ám ảnh tôi: ngồi trên chiếc bàn khốn khổ bằng gỗ dính đầy dầu mỡ và nước sirô, trong một tiệm bình dân ở một thành phố nhỏ của bang New Hampshire này, thầy Harry đã viết nên tuyệt phẩm đồ sộ của mình, cuốn sách làm cho ông trở thành một

huyền thoại văn chương. Làm sao cảm hứng như vậy lại có thể đến như thế được chứ? Tôi cũng muốn thế, tôi cũng muốn ngồi tại bàn này, viết và thăng hoa. Chẳng những thế, trong suốt hai buổi chiều liên tục, tôi đã ngồi ở chính chỗ đó, cùng giấy và bút trước mặt. Nhưng hoàn toàn thất bại. Rốt cuộc, tôi hỏi Jenny:

– Cô Jenny, ông ấy ngồi tại chính cái bàn này và đã viết ở đây à?

Jenny gật đầu:

– Suốt cả ngày Marcus ạ. Suốt cả ngày dài. Ông ấy không dừng lại lần nào. Đó là vào mùa hè năm 1975, tôi còn nhớ rõ lắm.

– Năm 1975 thì ông ấy bao nhiêu tuổi?

– Bằng tuổi cậu bây giờ. Gần ba mươi tuổi. Có thể hơn một vài tuổi.

Tôi cảm thấy cơn cuồng nộ sôi sục trong người: tôi cũng vậy, tôi cũng muốn viết một tuyệt tác, tôi cũng muốn viết cuốn sách trở thành dẫn chiếu của nhiều người. Harry nhận ra vấn đề khi thấy sau gần một tháng ở Aurora, tôi vẫn không viết được nửa dòng. Sự việc diễn ra vào đầu tháng Ba, trong phòng làm việc ở Goose Cove, nơi tôi đang mong chờ sự giác ngộ thần thánh xuất hiện, thì ông bước vào, đeo tạp dề mang cho tôi những chiếc bánh do chính ông vừa rán:

– Có tiến triển gì không? Ông hỏi.

– Một tuyệt tác đây ạ, tôi trả lời và giơ ra cho ông mớ giấy trắng mà anh khuôn vác người Cuba đã dúi vào tay tôi ba tháng trước.

– Anh chưa viết được gì hết à? Trong suốt ba tuần ở đây anh vẫn chưa viết được gì sao?

Tôi cũng phát điên lên:

– Chưa! Chưa! Chưa có gì hay ho cả! Chỉ rặt những ý tưởng cho một cuốn tiểu thuyết tệ hại.

– Trời ơi, Marcus, thế anh còn muốn viết gì nữa ngoài tiểu thuyết?

Tôi trả lời không cần suy nghĩ:

– Một tuyệt tác! Em muốn viết một tuyệt tác!

– Một tuyệt tác á?

– Vâng, em muốn viết một đại tiểu thuyết với những ý tưởng lớn! Em muốn viết một tác phẩm sẽ lưu dấu trong trí tuệ loài người.

Thầy Harry nhìn tôi chăm chăm giây lát rồi cười phá lên:

– Tham vọng vô giới hạn của anh làm tôi phát ngấy, Marcus ạ, tôi đã nói với anh nhiều lần rồi. Anh sẽ trở thành một nhà văn tầm cỡ, tôi biết, tôi tin tưởng như vậy ngay từ khi tôi quen anh. Nhưng anh có biết vấn đề của mình là gì không: anh quá vội vàng! Chính xác bây giờ anh bao nhiêu tuổi?

– Ba mươi ạ.

– Ba mươi tuổi! Thế mà anh đã muốn trở thành một dạng đại loại ở giữa Saul Bellow^[2] và Arthur Miller^[3] à? Vinh quang sẽ đến, đừng quá nóng vội. Chính tôi đây, tôi đã sáu mươi bảy tuổi rồi và rất hoảng sợ; thời gian trôi quá nhanh, Marcus ạ, mỗi năm trôi qua là tôi lại mất đi một năm không thể lấy lại được. Anh nghĩ thế nào hả Marcus? Rằng anh sẽ để ra cuốn tiểu thuyết thứ hai tương tự à? Một sự nghiệp cần phải có quá trình xây dựng, anh bạn trẻ của tôi ạ. Còn viết một tiểu thuyết lớn, không cần phải có những ý tưởng lớn: hãy bằng lòng với việc là chính mình rồi chắc chắn anh sẽ làm được, tôi không lo lắng cho anh. Tôi dạy văn chương từ hai lăm năm nay, hai lăm năm trời và anh là người học trò xuất sắc nhất.

– Em cảm ơn thầy.

– Không cần phải cảm ơn, vì đó hoàn toàn là sự thực. Nhưng đừng có đến đây rên rỉ như người trúng gió bởi vì anh chưa đoạt giải Nobel, trời ạ... Ba mươi tuổi... xì, tôi thì anh cả đồng tuyệt tác luôn... Giải Nobel dành cho tính đàn độn, đây là cái mà anh xứng đáng nhận được.

– Nhưng thầy đã làm thế nào hả Harry? Cuốn tiểu thuyết của thầy, cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa* năm 1976 là một tuyệt tác! Đây mới chỉ là cuốn thứ hai của thầy... Thầy đã làm thế nào ạ? Làm thế nào để viết được một tuyệt tác?

Ông cười buồn bã:

– Marcus, người ta không viết nên tuyệt tác. Tuyệt tác tồn tại bởi chính tự thân nó. Anh biết đấy, dưới con mắt nhiều người, rất cuộc, đó là cuốn sách duy nhất mà tôi viết... Ý tôi là, không có cuốn sách nào viết ra sau đó thành công được như thế. Khi người ta nói đến tôi, ai ai cũng ngay lập tức nghĩ đến cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa*. Đó là điều đáng buồn, vì tôi tin rằng nếu vào độ tuổi ba mươi mà người ta bảo tôi rằng tôi đã đạt tới đỉnh vinh quang cao nhất của sự nghiệp, chắc chắn tôi sẽ lao xuống biển tự tử. Đừng có nóng vội quá Marcus ạ.

– Thầy tiếc cho cuốn đó à?

– Có thể... Một chút... Thầy không biết... Sự hối tiếc là một khái niệm mà tôi không thích: hối tiếc nghĩa là chúng ta không chấp nhận được chính bản thân chúng ta trong quá khứ.

– Thế thì em phải làm gì đây ạ?

– Phải làm cái mà anh từng làm tốt nhất từ trước tới nay, đó là viết. Nếu tôi phải khuyên anh một điều, thì Marcus ạ, đừng có bắt chước tôi. Chúng ta giống nhau ở rất nhiều điểm, anh biết đấy, cho nên thầy muốn tránh cho anh những lỗi lầm mà

thầy đã mắc phải.

– Những lỗi lầm nào ạ?

– Thầy cũng vậy, khi tới đây vào mùa hè năm 1975, tôi cũng muốn viết một tuyệt tác, ý nghĩa và tham vọng trở thành một nhà văn lớn luôn ám ảnh tôi.

– Và thầy đã đạt được điều đó...

– Anh không hiểu gì cả: chắc hẳn ngày hôm nay tôi là một nhà văn lớn như lời anh nói, nhưng tôi sống trong ngôi nhà rộng mênh mông. Đời tôi trống rỗng, Marcus ạ. Đừng làm như tôi... Đừng để cho tham vọng của anh nuốt chửng anh. Nếu không, tim anh sẽ cô độc và ngòi bút của anh sẽ u sầu. Tại sao anh không có người yêu?

– Vì em không gặp được ai làm em cảm thấy hoàn toàn hài lòng.

– Tôi tin cách anh làm tình cũng giống như cách anh viết văn vậy: hoặc là cực khoái trên tít chín tầng mây, hoặc là hoàn toàn rỗng tuếch. Hãy tìm một người nào tử tế, rồi cho người ta một cơ hội. Viết sách cũng nên làm tương tự: phải tự cho bản thân mình một cơ hội. Hãy mang đến cho đời anh một cơ hội! Anh có biết việc chính của tôi là gì không? Nuôi mòng biển. Tôi lượm những mẩu bánh mì khô cho vào chiếc bát sắt trong bếp có khắc chữ KỈ NIỆM ROCKLAND, MAINE, rồi tôi đi ném cho chim mòng biển ăn. Anh không nên suốt ngày chỉ có mỗi một việc là viết.

Mặc dù Harry cố gắng cho tôi những lời khuyên hữu ích, nhưng tôi vẫn cứ bị ám ảnh bởi ý nghĩ: làm thế nào mà chính ông, vào chính độ tuổi của tôi bây giờ, đã có được cú tỏa sáng ngoạn mục, có được phút giây thiên tài gõ cửa để viết nên cuốn Nguồn gốc cái xấu xa? Càng ngày câu hỏi này càng trở nên ám

ảnh. Vì Harry không ngồi trong phòng làm việc nên tôi tự cho phép mình lục lọi đôi chút. Tôi không thể hình dung nổi điều tôi đã phát hiện ra. Mọi thứ bắt đầu khi tôi mở ngăn kéo để tìm bút viết, tôi thấy ngay một cuốn vở viết tay và một vài tờ giấy rời: bản gốc của Harry. Tôi cảm thấy rất kích động: đây chính là cơ hội ngoài sự mong mỏi để có thể hiểu được Harry đã làm việc như thế nào, để biết bản thảo có đầy những câu chữ tẩy xóa không, hay là thiên tài đến ngự trị trong thầy và câu cú cứ thế tự nhiên tuôn trào. Chưa thỏa mãn, tôi bắt đầu lục những ngăn kéo mong tìm những cuốn sổ khác. Để được tự do trong phòng, tôi phải đợi lúc Harry vắng nhà; vậy mà chỉ có mỗi ngày thứ Năm trong tuần là ông phải đi dạy ở Burrows, đi từ sáng sớm và thường chỉ về đến nhà vào cuối ngày. Chính vì thế, vào chiều thứ Năm ngày 6 tháng Ba năm 2008 đã xảy ra một sự kiện mà tôi quyết phải quên đi ngay lập tức: tôi phát hiện ra thầy Harry có quan hệ với một cô gái mười lăm tuổi trong khi bản thân đã ba mươi tư tuổi. Chuyện xảy ra trong những năm 1975.

Đã dò ra một bí mật của ông, nên tôi tiếp tục tìm kiếm một cách điên cuồng không kiêng nể gì toàn bộ các ngăn kéo trong phòng làm việc, tôi phát hiện ra một hộp gỗ trạm khảm lớn có nắp đóng bằng bản lề đập kín giấu đằng sau hàng sách. Tôi linh cảm toàn bộ bí mật được chứa đựng bên trong chiếc hộp, có thể là bản viết tay của cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa*. Tôi vội lấy chiếc hộp và háo hức mở ra, nhưng tôi quá thất vọng, bên trong không có bản thảo: chỉ là mấy tấm ảnh và rất nhiều bài báo được cắt ra. Những tấm ảnh chụp Harry vào thời kì đó, tuổi ba mươi rực rỡ, thanh lịch, kiêu hãnh và đứng cạnh một cô gái rất trẻ. Có bốn năm tấm ảnh và cái nào cũng có cô gái ấy. Một tấm có thầy Harry trên bãi biển, cởi trần, làn da rám nắng và cuộn cơ bắp, ôm chặt vào lòng cô gái trẻ ấy tươi cười, đeo kính

râm gài vào mái tóc dài vàng óng và đang hôn lên má Harry. Phía đằng sau tấm ảnh ghi dòng chú thích: *Nola và tôi, Martha's Vineyard, cuối tháng Bảy năm 1975*. Vào lúc đó, quá kích động với những bí mật vừa phát hiện được, tôi không nghe thấy tiếng thầy Harry về nhà sớm hơn nhiều so với thường lệ: tôi không hề nghe thấy tiếng bánh xe chiếc Corvette của ông lăn trên đường vào Goose Cove, cũng chẳng nghe thấy tiếng ông vào nhà. Tôi không nghe thấy gì hết bởi vì trong chiếc hộp gỗ ấy, dưới những tấm ảnh, có một bức thư không để ngày tháng. Một nét chữ trẻ con trên một loại giấy tuyệt đẹp:

Xin anh đừng lo lắng Harry, đừng lo lắng vì em, em sẽ tự tìm cách để gặp anh ở đây. Hãy đợi em ở phòng số 8, em rất thích con số này, nó là số em thích nhất. Hãy đợi em trong phòng lúc 19 giờ. Sau đó chúng ta sẽ ra đi cùng nhau, sẽ bên nhau mãi mãi. Yêu anh thật nhiều, người yêu đầu của em.

Nola.

Ai là người con gái có tên Nola? Tim đập thành thịch, tôi bắt đầu xem qua các bài báo được cắt: tất cả đều viết về vụ mất tích bí ẩn của người có tên là Nola Kellergan, vào một tối tháng Tám năm 1975; và bức ảnh của người con gái tên là Nola trong các bài báo trùng khớp với bức ảnh của cô gái tên là Nola chụp với thầy Harry. Đúng lúc đó thì ông bước vào, trên tay bê khay đựng cà phê và đĩa bánh bích quy, ông dùng chân đẩy cửa, khi thấy tôi đang quỳ trên thảm chúi mũi vào chiếc hộp gỗ bí mật với tất cả những thứ bên trong nó còn tứ tung trước mặt, ông buông rơi mọi thứ trên tay xuống đất.

– A kìa, anh làm cái gì thế? Ông gào lên. Anh... anh lục lọi hả Marcus? Tôi mời anh đến nhà tôi để anh lục lọi đồ riêng tư của

tôi à? Anh là loại bạn bè gì thế ?

Tôi đáp ứng những lời xin lỗi không thể tha thứ được:

– Em bất ngờ thấy cái này thôi, thầy Harry. Em vô tình thấy chiếc hộp này, em không lục lọi. Nhẽ ra em không nên mở ra... Em xin lỗi.

– Hiển nhiên là anh không nên mở! Anh có quyền gì! Quyền gì mà mở ra, mẹ kiếp.

Ông giật những tấm ảnh từ tay tôi, vội vàng nhặt những bài báo và đặt cả đống lộn lộn vào trong hộp và mang đi vào phòng riêng đóng sập cửa lại. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy ông như vậy, tôi không thể xác định được thái độ đó là lo sợ hay là điên dại. Từ phía ngoài cửa phòng, tôi không ngớt lời xin lỗi và phân bua rằng tôi không muốn làm ông tổn thương, rằng tôi vớ phải chiếc hộp đó một cách vô tình và không làm gì cả. Tận hai tiếng sau ông mới ra khỏi phòng và bước thẳng xuống phòng khách để liên tục nốc cạn mấy cốc rượu mạnh. Khi ông có vẻ trở nên bình tĩnh hơn, tôi tiến lại gần:

– Thầy Harry, cô gái trẻ ấy là ai thế? Tôi rụt rè hỏi.

Ông cụp mắt xuống, trả lời:

– Nola.

– Nola là ai?

– Làm ơn đừng hỏi Nola là ai.

– Thầy Harry, Nola là ai? Tôi nhắc lại.

– Tôi đã yêu cô ấy, Marcus, yêu thực sự.

– Thế tại sao thầy chưa bao giờ nói cho em biết?

– Chuyện phức tạp lắm...

– Bạn bè với nhau, chẳng có gì là quá phức tạp cả.

Ông nhún vai.

– Vì anh đã thấy những tấm ảnh nên tôi sẽ kể cho anh vậy... Năm 1975 khi đến thành phố Aurora này, tôi đã phải lòng một cô bé mới có mười lăm tuổi. Cô ấy tên là Nola và Nola mãi mãi là người phụ nữ của cuộc đời tôi.

Ông nói đến đó rồi im lặng, tôi đợi một lúc rồi hỏi tiếp:

– Chuyện gì đã xảy ra với Nola?

– Một câu chuyện tồi tệ Marcus ạ. Cô ấy đã biến mất. Vào một buổi tối tháng Tám năm 1975, cô ấy đã biến mất, trước lúc ấy, một phụ nữ nhìn thấy cô ấy mình đầy máu me. Sau đó, không ai còn thấy cô ấy nữa, chẳng có ai biết chuyện gì đã xảy ra.

– Thật đáng sợ, tôi thở dài.

Ông cứ ngồi gật đầu một hồi dài.

– Anh biết không Marcus, Nola đã thay đổi cả đời tôi. Đối với tôi, trở thành nhà văn vĩ đại Harry Quebert không quan trọng mấy. Vinh quang, tiền bạc và cả số phận cuộc đời đối với tôi cũng không quan trọng mấy nếu như tôi có thể bảo vệ được Nola. Tôi không thể làm được điều gì đáng giá hơn mùa hè năm đó khi tôi sống với nàng, nàng đã mang đến cho cuộc đời của tôi xiết bao ý nghĩa.

Kể từ khi quen biết thầy Harry, đó là lần đầu tiên tôi thấy ông ngỡ ngác mất phương hướng như vậy. Sau khi nhìn tôi chăm chú một hồi, ông nói thêm:

– Marcus à, không có ai biết chuyện này hết. Từ bây giờ anh là người duy nhất biết chuyện này. Anh phải giữ kín.

– Hẳn nhiên rồi, Harry.

– Hãy hứa với tôi đi.

– Em xin hứa, Harry, đây là câu chuyện bí mật giữa chúng ta.

– Nếu như ai đó ở Aurora này biết tôi đã có câu chuyện tình như vậy với Nola Kellergan, đời tôi sẽ chấm hết...

– Thầy có thể tin ở em, Harry.

Đó là tất cả những gì tôi biết về Nola Kellergan. Chúng tôi không bao giờ nói về cô ấy nữa, cũng không đã động đến chuyện chiếc hộp gỗ và tôi quyết định đào sâu chôn chặt vĩnh viễn chuyện này ở tận nơi sâu thẳm của trí nhớ, không ngờ rằng, do nhiều tình cờ ngẫu nhiên một vài tháng sau đó, bóng ma của Nola lại hiện về trong cuộc sống của chúng tôi.

Tôi trở về New York vào cuối tháng Ba, sau sáu tuần lưu lại ở Aurora đã không cho phép tôi thai nghén được cuốn đại tiểu thuyết thứ hai. Chỉ còn có ba tháng nữa là hết kì hạn mà Barnaski đưa ra và tôi biết sẽ không còn có cơ may cứu vãn sự nghiệp. Tôi đã tự đốt đi đôi cánh của mình, chính thức lâm vào thời kì mạt vận, tôi là một nhà văn bất hạnh và kém khả năng sáng tạo nhất trong số các nhà văn nổi tiếng của New York. Tuần nối tiếp tuần trôi qua: phần lớn thời gian tôi dành để khẩn trương chuẩn bị cho thất bại của mình. Tôi tìm việc làm khác cho Denise, tôi liên lạc với luật sư nhờ giúp tôi lúc bị nhà xuất bản Schmid & Hanson kiện ra tòa, tôi lên danh sách các đồ vật yêu thích nhất mang đến giấu ở nhà bố mẹ tôi trước khi bị thẩm phán đến gõ cửa. Khi tháng Sáu đến, tháng định mệnh, tháng lên máy chém, tôi bắt đầu tính từng ngày còn lại cho cuộc đời nghệ sĩ của tôi: ba mươi ngày ngắn ngủi, rồi sẽ đến một buổi triệu tập trong phòng làm việc của Barnaski và sẽ là cuộc hành trình. Đã đến lúc tôi bắt đầu đếm ngược thời gian. Thế nhưng, một sự kiện đầy kịch tính đã xảy ra và lật ngược hoàn toàn ván bài. Tôi hoàn toàn không thể ngờ.

30

Siêu Nhân

“Chương 2 của cuốn sách rất quan trọng, Marcus ạ. Chương 2 phải sắc và mạnh.

– Kiểu như thế nào hả thầy Harry?

– Như đấm bốc ấy. Anh thuận tay phải, nhưng thế tự vệ của anh lúc nào cũng phải là nắm đấm trái: cú đầu tiên nhắm thẳng vào mặt đối thủ, cú tiếp theo là nắm đấm phải, cần mạnh để hạ gục đối thủ. Chương 2 của anh cũng vậy: một cú đấm phải vào quai hàm độc giả.”

Chuyện xảy ra vào thứ Năm ngày 12 tháng Sáu năm 2008. Tôi ở trong nhà suốt buổi sáng, đang đọc sách ở phòng khách. Bên ngoài trời mưa nhưng nóng: kể từ ba ngày nay, New York đang tắm mình bởi những cơn mưa nóng ẩm. Vào khoảng 13 giờ, có chuông điện thoại reo. Tôi nhắc máy trả lời, thoát đầu tôi tưởng không có ai ở đầu dây bên kia. Sau đó, tôi nghe rõ tiếng nức nở nghẹn lại.

– Alô? Alô? Ai đấy? tôi hỏi.

– Cô ấy... cô ấy đã chết.

Giọng nói kìm nén thật khó nghe nhưng tôi nhận ra ngay lập tức.

– Thầy Harry, thầy Harry, thầy phải không?

– Cô ấy chết rồi, Marcus.

– Chết? Ai chết?

– Nola.

– Cái gì? Thế là thế nào?

– Cô ấy đã chết, tất cả là lỗi tại tôi, Marcus ạ... Tôi đã làm gì, trời ơi, tôi đã làm gì?

Ông đang khóc.

– Thầy Harry, thầy đang nói về điều gì vậy? Thầy nói cho em biết đi.

Nhưng ông đã gác máy. Tôi gọi lại nhà thầy ngay lập tức nhưng ông không trả lời. Gọi vào di động, thầy cũng không nghe máy. Tôi thử gọi lại nhiều lần nữa, để lại nhiều tin nhắn trên điện thoại. Nhưng vẫn chẳng có tin phản hồi. Tôi vô cùng lo lắng. Lúc đó tôi không biết là Harry gọi cho tôi từ đồn cảnh sát bang ở thành phố Concord. Tôi không hiểu chuyện gì đang xảy ra cho đến tận khoảng 16 giờ, Douglas gọi điện cho tôi.

– Marc, ôi trời, cậu biết gì không? Anh ta gào thét thanh.

– Biết cái gì?

– Ôi trời ơi, bật tivi lên đi! Chuyện về Harry Quebert! Về Quebert đấy!

– Quebert? Quebert cái gì?

– Bật tivi lên đi trời ạ!

Ngay lập tức tôi mở tivi, xem một kênh thông tin bất kì. Tôi quả đối ngạc nhiên khi trên màn hình đang hiện lên những hình ảnh ở Goose Cove, giọng cô phát thanh viên giảng giải: Chính tại đây, trong ngôi nhà này ở thành phố Aurora, thuộc bang New Hampshire, là nơi nhà văn Harry Quebert hôm nay vừa bị bắt sau khi cảnh sát đã đào được một bộ hài cốt trong dinh thự của ông. Theo những yếu tố ban đầu của cuộc điều tra, đây có thể là xác chết của Nola Kellergan, một thiếu nữ trong vùng đã bị mất tích vào tháng Tám năm 1975 lúc mới mười lăm tuổi. Từ đó đến nay, vẫn chưa ai biết chuyện gì đã xảy ra... Bất chợt, mọi thứ quanh tôi

quay cuồng; tôi ngã gục xuống tràng kỉ, choáng váng kinh ngạc. Tôi không còn nghe được gì hết: cả tiếng ti vi lẫn tiếng Douglas, ở đầu kia của đường dây điện thoại đang rống lên: “Marcus, cậu vẫn còn ở đấy chứ, Alô? Ông ta đã giết một bé gái à? Ông ta đã giết cô bé đó à?” Trong đầu tôi, mọi thứ lẫn lộn, như trong một cơn ác mộng.

Vậy là cùng lúc với cả nước Mỹ cũng đang sửng sờ kinh ngạc, qua truyền hình tôi biết được câu chuyện vừa xảy ra trước đó vài giờ: vào đầu giờ sáng, theo yêu cầu của Harry, một công ty cây xanh đã đến Goose Cove để trồng cấm tú cầu trong vườn nhà ông. Khi đào đất trồng cây, những người thợ làm vườn đã phát hiện ra bộ xương người được chôn ở độ sâu một mét và ngay lập tức báo cảnh sát. Một bộ xương người hoàn chỉnh đã nhanh chóng được mang ra ánh sáng và Harry bị bắt.

Mọi thứ xảy ra quá nhanh. Người ta thay nhau truyền hình trực tiếp từ Aurora về những thông tin xoay quanh vụ án, từ thành phố Concord, thủ phủ bang New Hampshire, nằm cách đó sáu mươi dặm về phía đông bắc, nơi Harry từ bây giờ bị giam giữ trong nhà tù dành cho tội phạm địa phương của cảnh sát bang. Nhiều nhóm nhà báo đã đến hiện trường để theo dõi sát cuộc điều tra. Có vẻ như người ta đã tìm thấy cùng với bộ hài cốt, một yếu tố nào đó cho phép suy luận một cách nghiêm túc rằng đây chính là hài cốt của Nola Kellergan; một quan chức cảnh sát đã chỉ ra rằng nếu thông tin này được khẳng định thì điều đó có nghĩa là Harry Quebert cũng bị coi là đối tượng tình nghi về cái chết của một người có tên là Deborah Cooper, người cuối cùng nhìn thấy Nola còn sống vào ngày 30 tháng Tám năm 1975, bị giết hại cùng ngày sau khi gọi báo cảnh sát về Nola. Câu chuyện thực sự đáng kinh ngạc. Tin đồn càng ngày càng bùng lên mạnh mẽ; thông tin lan truyền khắp đất nước bằng nhiều

phương tiện như ti vi, đài internet và cả các mạng xã hội: Harry Quebert, sáu mươi bảy tuổi, một trong những tác giả lớn của nửa sau thế kỉ, lại là một kẻ giết trẻ vị thành niên kinh tởm.

Phải rất lâu sau đó, tôi mới ý thức được điều gì đang xảy ra: có thể là rất nhiều giờ sau đó. Vào lúc 20 giờ, khi Douglas đến tận nhà tôi vì quá lo lắng, kiểm tra xem tôi có chịu đựng được cú sốc này không, thì tôi vẫn cứ tin chắc có điều gì đó nhầm lẫn. Tôi nói:

– Thế là thế nào, làm sao có thể kết tội ông ấy giết chết một lúc hai mạng người trong khi thậm chí người ta còn chưa chắc chắn đó là hài cốt của Nola!

– Dù sao thì cũng có bộ hài cốt chôn trong vườn nhà ông ấy!

– Thế tại sao ông ấy lại cho người đào bới đúng cái chỗ mà gọi là được chôn cái xác chết ấy? Vô lí thật đấy, mình phải đi đến đó mới được.

– Cậu đi đâu?

– Đến bang New Hampshire. Mình phải đi bảo vệ Harry.

Douglas trả lời một cách rất thực tế đúng cái chất của người bản xứ Midwest:

– Không được, Marc. Đừng có đi đến đấy. Đừng có đi nhúng mũi vào cái đồng cứt thối hoắc đấy...

– Harry đã gọi điện cho mình.

– Lúc nào? Hôm nay à?

– Vào khoảng 1 giờ chiều nay. Mình nghĩ đó là cú điện thoại duy nhất mà nghi phạm được quyền gọi. Mình phải đi bảo vệ ông ấy. Đây là việc quan trọng.

– Quan trọng á? Việc quan trọng là cuốn sách thứ hai của cậu. Hi vọng là cậu không cho tớ ăn quả lừa đấy chứ, cậu phải

có bản thảo nộp vào cuối tháng. Barnaski chuẩn bị thả cậu rồi đấy. Cậu có ý thức hết được những điều sẽ xảy ra với Harry không? Đừng có nhúng tay vào đồng phân thối ấy, Marc, cậu còn quá trẻ! Đừng tự hủy hoại sự nghiệp của mình.

Tôi không trả lời. Trên tivi, trợ lí của người đại diện cho cơ quan pháp luật Nhà nước vừa mới phát biểu trước cánh nhà báo. Ông ta liệt kê tất cả các tội danh đang đè lên vai Harry: kẻ bắt cóc nguy hiểm nhất, thủ phạm hai vụ giết người liên tiếp nguy hiểm nhất. Harry đã chính thức bị buộc tội ám sát Deborah Cooper và Nola Kellergan. Với hai tội danh bắt cóc và giết người, Harry có thể phải chịu án tử hình.

Vận hạn của Harry mới chỉ bắt đầu. Ngày hôm sau, hình ảnh những phiên họp đầu tiên của tòa được lan ra khắp đất nước. Dưới hàng chục máy quay và hàng loạt tia sáng flash của máy ảnh, người ta thấy hình ảnh Harry đang tiến ra bục bị cáo, tay bị còng và xung quanh là cảnh sát. Ông có vẻ rất căng thẳng: nét mặt tối tăm, râu mọc lởm chởm không cạo, đôi mắt sưng húp sụp, tóc tai bù xù, cúc áo sơ mi mở tung. Luật sư của ông, Benjamin Roth, ngồi bên cạnh. Roth là một luật sư nổi tiếng ở Concord, trước kia rất hay được nhờ đến và đôi khi tôi cũng có gặp ở Goose Cove nên cũng hơi quen biết ông ta.

Hệ thống truyền hình kì diệu đã cho phép cả nước Mỹ được theo dõi trực tiếp vụ xét xử cho thấy Harry phản đối các tội danh mà người ta đang cáo buộc, hội đồng phán xử tuyên bố tạm giam Harry trong khu tù nhân có địa vị của bang New Hampshire. Đây mới chỉ là khởi đầu của trận bão tố: lúc này, tôi vẫn còn nuôi hi vọng ngây ngô vào một giải pháp nhanh chóng, nhưng một tiếng sau khi phiên tòa diễn ra, tôi nhận được cú điện thoại từ Benjamin Roth.

– Harry đưa cho tôi số điện thoại của anh. Ông ta nài nỉ tôi

gọi điện cho anh, ông ấy muốn nhấn rằng ông ấy vô tội, rằng ông ấy không giết bất kì ai.

– Tôi biết rõ là ông ấy vô tội! Tôi trả lời. Tôi tin chắc chắn như vậy. Tình hình ông ấy thế nào?

– Rất tồi tệ. Như anh có thể tưởng tượng đây. Cảnh sát đang gây áp lực cho ông ấy. Ông ấy đã thú nhận mối quan hệ với Nola vào mùa hè trước khi cô này biến mất.

– Tôi biết chuyện với Nola, nhưng còn các chuyện khác thì sao?

Roth lưỡng lự một giây trước khi trả lời:

– Tôi thì tôi phủ định, nhưng... Anh ta ngập ngừng.

– Nhưng cái gì? Tôi lo lắng hỏi.

– Marcus, tôi không giấu anh nhưng quả thực việc này quá khó. Tình hình rất nghiêm trọng, họ có bằng chứng chết người.

– Ý anh là thế nào mà anh bảo bằng chứng chết người? Nói cho rõ ràng nào, trời ạ!

– Chỉ giữa tôi và anh thôi nhé. Không ai được biết đây.

– Tôi sẽ không nói gì. Anh có thể tin tưởng ở tôi.

– Cùng với hài cốt, cảnh sát còn tìm thấy cả bản thảo viết tay của cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa*.

– Cái gì?

– Như tôi đã nói với anh đây: bản thảo gốc của cái quyển sách chết tiệt kia được chôn cùng với cô ta. Harry đang nằm giữa một đồng phân thối hoắc. Thật là nan giải.

– Thế ông ấy giải thích thế nào?

– Ờ, Harry bảo rằng ông ấy viết cuốn sách đó vì cô ta. Cô ta lúc nào cũng ở nhà ông ấy ở Goose Cove, thỉnh thoảng có mượn mấy trang mang về đọc. Nhưng mấy ngày trước khi cô ta biến

mất, toàn bộ bản thảo cũng bị cô ta mang đi.

– Gì cơ? Tôi kêu lên. Ông ấy đã viết cuốn sách này vì cô bé ấy ư?

– Đúng. Bằng bất cứ giá nào, tin này cũng không được lan ra. Tôi để cho anh tưởng tượng xì căng đan sẽ nổ ra như thế nào nếu giới truyền thông biết rằng một trong những cuốn sách bán chạy nhất trong vòng năm mươi năm gần đây của nước Mỹ không đơn thuần là một câu chuyện tình như mọi người vẫn tưởng tượng, mà là kết quả của mối quan hệ yêu đương bất chính giữa một gã đàn ông ba mươi tư và một con bé mười lăm tuổi...

– Anh có nghĩ chúng ta có thể xin thả tự do cho Harry nếu chấp nhận trả tiền cọc không?

– Trả một khoản đặt cọc á? Marcus à, anh chưa hiểu hết được tính nghiêm trọng của vụ việc rồi: không có chuyện xin thả tự do bằng cách trả tiền cọc khi dính vào án mạng. Harry có nguy cơ bị tử hình. Khoảng chục ngày nữa, ông ta sẽ bị giải ra trước hội đồng thẩm phán cấp cao hơn, họ sẽ quyết định việc truy cứu trách nhiệm và đưa ông ấy ra tòa. Thường đó chỉ là thủ tục thôi, còn chẳng nghi ngờ gì nữa, ông ấy sẽ phải bị đưa ra tòa xét xử. Khoảng sáu tháng, có thể là một năm nữa.

– Thế trong thời gian đó thì sao?

– Thì ông ấy ngồi tù và đợi.

– Thế nếu ông ấy vô tội?

– Đây là luật rồi. Tôi nhắc lại với anh là tình hình rất nghiêm trọng. Người ta kết tội ông ấy giết hai mạng người.

Tôi đổ sụp xuống chiếc ghế dài.

– Tôi cần phải nói chuyện với Harry. Hãy bảo ông ấy gọi điện cho tôi! Tôi năn nỉ Roth. Rất quan trọng đấy.

- Tôi sẽ chuyển cho ông ấy tin nhắn của anh.
- Hãy nói với ông ấy rằng tôi nhất thiết phải nói chuyện với ông ấy và tôi đợi điện thoại của ông ấy.

Ngay khi đập máy, tôi vào giá sách lấy ra cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa*. Ở trang đầu tiên của cuốn sách có dòng đề tặng của tác giả:

Tặng Marcus, cậu học trò xuất sắc nhất của tôi với tình bạn chân thành nhất. H.L.Quebert, tháng Năm năm 1999.

Tôi vùi đầu vào đọc cuốn truyện mà từ nhiều năm nay tôi không thềm giở ra. Đó là một câu chuyện tình, đan xen giữa các tình tiết của truyện với các mẫu tin nhắn và thư từ; câu chuyện về một người đàn ông và một người đàn bà yêu nhau tha thiết mà không thực sự có quyền được yêu. Vậy là Harry viết cuốn truyện này cho người con gái bí ẩn mà tôi chưa hề hay biết. Đến giữa đêm khuya khi đọc xong, tôi suy nghĩ rất lâu về tựa đề của nó. Và cũng là lần đầu tiên, tôi tự hỏi về ý nghĩa của tựa đề này: tại sao lại là *Nguồn gốc cái xấu xa*? Cái xấu xa mà Harry muốn nói ở đây là gì?

* * *

Ba ngày trôi qua, trong ba ngày đó người ta tiến hành phân tích ADN và mẫu răng đã cho phép khẳng định hài cốt phát hiện ở Goose Cove chính xác là bộ xương của Nola Kellergan. Việc khám nghiệm bộ xương cũng cho phép khẳng định đây là hài cốt của một bé gái mười lăm tuổi, điều này cho thấy thời điểm Nola chết đúng vào lúc mất tích. Đặc biệt vết vỡ phía sau hộp sọ đã cho phép khẳng định chắc chắn, ngay cả sau đó ba mươi năm, rằng nạn nhân đã chết bởi ít nhất một cú đánh

giáng vào đầu: Nola Kellergan đã bị đánh tới chết.

Tôi không có bất kì tin tức gì về Harry. Mặc dù tôi đã cố gắng liên lạc thông qua cảnh sát bang, nhà tù và cả Roth nữa, nhưng chẳng mang lại kết quả nào. Tôi bí bức trong phòng, đi đi lại lại, quay cuồng vì hàng nghìn câu hỏi, tôi đau khổ dần vật vờ vì cú điện thoại bí ẩn của ông. Rốt cuộc đến cuối tuần, không chịu nổi nữa, tôi coi như không còn lựa chọn nào ngoài việc đích thân đi xem điều gì đang xảy ra ở bang New Hampshire.

Lúc 1 giờ sáng thứ Hai ngày 16 tháng Sáu năm 2008, tôi xếp vali vào cốp xe Range Rover và rời Manhattan bằng đường Franklin Roosevelt men theo sông Đông. Bên ngoài xe, New York dần dần bị lùi lại phía sau: Harlem, le Bronx, trước khi đi trên đường 1-95 hướng thẳng về phía Bắc. Chỉ đến lúc tôi đã tiến sâu vào New York và không còn có nguy cơ bị thuyết phục phải bỏ cuộc để ngoan ngoãn quay trở về nhà, thì tôi mới gọi điện thông báo cho bố mẹ là mình đang trên đường tới bang New Hampshire. Mẹ tôi nói rằng tôi bị điên:

– Con đang làm cái gì thế hả Markie? Con đi bảo vệ cho cái tên tội phạm dã man đó hả?

– Mẹ ơi, không phải là tên tội phạm dã man. Mà là một người bạn.

– Hay hớ m chữa, bạn bè của con toàn là bọn tội phạm! Bố đang đứng cạnh mẹ đây, bố bảo con chạy trốn khỏi New York là vì cuốn sách.

– Con không chạy trốn.

– Thế con chạy trốn vì phụ nữ à?

– Con đã nói với mẹ là con không chạy trốn cơ mà. Hiện tại thì con không có người phụ nữ nào cả mẹ ạ.

– Thế khi nào thì con có người yêu? Mẹ đang nghĩ tới con bé

Natalie mà con đã giới thiệu với bố mẹ năm ngoái. Con bé ấy không phải là người Do Thái và rất tử tế. Sao con lại không nhớ con bé ấy nhỉ?

– Hồi đây mẹ ghét cô ấy cơ mà?

– Thế tại sao con lại không viết sách nữa hả? Ai cũng yêu quý con khi con là một nhà văn lớn.

– Con lúc nào cũng là nhà văn mà mẹ.

– Hãy quay về nhà đi. Mẹ sẽ nướng cho con một cái xúc xích thật ngon và một chiếc bánh táo nóng hổi, con sẽ đặt một viên kem va ni lên trên cho nó tan ra.

– Mẹ à, con đã ba mươi rồi, con có thể tự nướng lấy xúc xích khi con muốn.

– Con phải biết là bố con không còn được ăn xúc xích nữa đây. Bác sĩ bảo thế. (Tôi nghe thấy tiếng bố tôi rên rỉ ở đằng xa rằng thỉnh thoảng ông vẫn có quyền được ăn một cái chứ, rồi mẹ tôi trả lời: “Không có chuyện xúc xích với những đồ ăn như cám lợn ấy nữa. Bác sĩ đã bảo là những đồ ăn như thế sẽ bịt kín hết cả hệ thống mạch máu của anh đấy”). Markie yêu quý của mẹ, bố bảo con phải viết một cuốn sách về Quebert. Nó sẽ giúp con khôi phục lại sự nghiệp. Vì ai cũng nói về Quebert, nên mọi người cũng sẽ đọc và nói về cuốn sách của con. Sao con không đến nhà bố mẹ ăn tối nữa hả Markie? Lâu quá rồi. Măm măm, bánh táo ngon quá cơ.

Vừa mới vượt qua được bang Connecticut thì tự nhiên tôi có ý nghĩ chẳng hay ho cho lắm là tắt nhạc thính phòng đang nghe để mở đài nghe tin tức. Lúc đó, tôi mới biết đội ngũ cảnh sát đã làm rò rỉ thông tin: giới truyền thông đã biết bản thảo cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa* được chôn cùng với xác chết của Nola Kellergan, cũng biết luôn việc Harry thú nhận đã lấy cảm hứng

từ mối quan hệ với cô bé để sáng tác nên cuốn sách đó. Trong một buổi sáng, các tin tức giạt gân mới đã kịp lan truyền trên toàn bộ đất nước. Ngay sau khi ra khỏi thị trấn Tolland, trong quán nhỏ cạnh cây xăng nơi tôi ghé vào để đổ đầy bình, tôi thấy nhân viên bơm xăng đang dán mũi vào màn hình vô tuyến nghe tường thuật vắn tắt những thông tin này. Tôi đứng sững như trời trồng rồi đề nghị anh ta vắn to tiếng lên, nhìn thấy vẻ ngây thộn như mới từ trên trời rơi xuống của tôi, anh ta hỏi:

– Anh không biết gì à? Mấy tiếng đồng hồ rồi, ai cũng nói về chuyện này. Anh ở đâu da thế? Từ trên xao hỏa xuống à?

– Không, tôi ở trong xe hơi ra.

– À, thế trong xe hơi không có đài à?

– Tôi nghe nhạc thính phòng. Nhạc thính phòng giúp tôi thay đổi suy nghĩ.

Anh ta nhìn xoáy vào tôi hồi lâu.

– Hình như tôi biết anh thì phải?

– Không đâu, tôi trả lời.

– Hình như tôi có biết anh... .

– Khuôn mặt tôi rất là phổ biến.

– Không, chắc chắn tôi đã gặp anh ở đâu rồi... Có phải anh là phát thanh viên không? Hay là diễn viên?

– Không phải.

– Thế anh làm nghề gì?

– Tôi là nhà văn.

– À, chuẩn mẹ nó rồi! Năm ngoái ở đây chúng tôi bán sách của anh mà. Tôi nhớ rồi, trên bìa sách có in mặt anh.

Anh ta lục lọi các ngăn hàng để tìm lại cuốn sách nhưng hiển nhiên là nó không còn ở đó nữa. Rốt cuộc, anh ta cũng tìm thấy

một cuốn trong kho lưu trữ rồi lôi ra quầy bán hàng với vẻ mặt rất hãnh diện:

– Đây này, anh đây này ! Nhìn này, sách của anh đây. Marcus Goldman nè tên anh, nó được viết trên cuốn sách.

– Anh mà nói vậy thì chắc là đúng vậy rồi.

– Thế nào? Có gì mới không anh Goldman?

– Nói thật là chả có gì mới.

– Thế cho tôi mạn phép hỏi anh đi đâu với cái bộ dạng như vậy?

– Tôi đi đến bang New Hampshire.

–Ồ, một nơi tuyệt đẹp. Nhất nè vào mùa hè. Anh đến đây nèm gì thế? Đi câu à?

– Vâng.

– Câu gì? Ở đó, có những chỗ có rất nhiều cá dõ bụng đen cực hay.

– Ôi, chắc là câu đen câu đũi, câu phiến câu toái thôi. Tôi đến với người bạn đang gặp hoạn nạn. Đại hoạn nạn.

–Ồ, có cái đại hoạn nạn nào to bằng cái hoạn nạn của Harry Quebert không!

Anh ta phá lên cười và bắt tay tôi hết sức nồng nhiệt bởi vì “hiếm khi có người lỗi tiếng ghé qua đây”, sau đó anh ta đả tôi một ly cà phê trước khi lên đường.

Dư luận công chúng đã hoàn toàn đổi chiều: chẳng những Harry đã thực sự bị kết án vì toàn bộ bản thảo gốc nằm giữa bộ hài cốt của Nola, mà công chúng còn vô cùng khó chịu khi phát giác ra cuốn sách được viết dựa trên cảm hứng từ câu chuyện tình với một bé gái mới có mười lăm tuổi. Từ giờ, dân tình sẽ suy nghĩ thế nào về cuốn sách? Liệu trước đây, nước Mỹ có bị

ma ám không mà đồng loạt tâng Harry lên hàng đầu các nhà văn xuất sắc nhất? Nhiều nhà báo bắt đầu đưa ra các giả thiết khác nhau dẫn Harry đến hành động sát hại Nola Kellergan. Liệu cô bé có đe dọa tố giác mối quan hệ của họ hay không? Liệu cô bé có muốn chấm dứt quan hệ nên dẫn đến việc Harry có hành động điên rồ? Trong suốt hành trình tới bang New Hampshire, tôi không thể cưỡng lại sự ám ảnh của tất cả các câu hỏi này trong đầu. Tôi cố hết sức thay đổi suy nghĩ bằng cách tắt đài, chuyển sang nghe nhạc thính phòng, nhưng không có giai điệu nào giúp tôi xao nhãng suy nghĩ về Harry. Và khi nghĩ đến ông, tôi lại nghĩ ngay tới bé gái nằm dưới đất từ ba mươi năm nay, ngay cạnh ngôi nhà mà tôi cho là đã trải qua những năm tháng đẹp nhất của cuộc đời mình.

Sau 5 giờ lái xe, rốt cuộc tôi cũng đến Goose Cove. Tôi chạy xe thẳng một mạch mà không hề nghĩ: tại sao lại đến đây mà không đến thủ phủ Concord để gặp Harry hay là Roth? Những chiếc xe tải nhỏ truyền tin tức qua vệ tinh đậu dọc theo trục đường 1, trong khi đó tại lối rẽ vào con đường nhỏ lát đá dẫn đến ngôi nhà, cánh nhà báo đứng đợi để thuyết minh trực tiếp trên các kênh truyền hình. Vào lúc tôi định ngoặt tay lái, tất cả mọi người đổ xô về phía tôi để xem ai đến, che kín cả lối đi. Một trong số họ nhận ra tôi liền kêu lên: “A, nhà văn Marcus Goldman!” Đám đông lại càng thêm náo loạn, những màn hình camera và máy ảnh chen nhau áp sát vào cửa kính ô tô của tôi. Người ta hét vào tai tôi hàng loạt câu hỏi: “Anh có nghĩ Harry Quebert đã giết cô bé ấy không?”, “Anh có biết ông ta viết cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa* vì cô ta không?”, “Cuốn sách này liệu có bị cấm lưu hành không?”. Tôi không muốn tuyên bố bất kì điều gì, tôi đóng kín cửa kính ô tô và đeo kính râm lên. Máy viên cảnh sát thành phố Aurora xuất hiện ở hiện trường nỗ lực dẹp

đám nhà báo và những người tò mò, rốt cuộc cũng tạo ra cho tôi được một lối đi để vào trong nhà, vốn bị những khóm cây dâu tằm và hàng cây thông che khuất. Tôi còn nghe thấy tiếng một số nhà báo hét với theo: “Anh Goldman, anh đến Aurora làm gì? Anh làm gì ở nhà Harry Quebert? Anh Goldman, tại sao anh lại đến đây?”

Tại sao tôi lại ở đây? Tại vì Harry. Tại vì ông hẳn là người bạn tốt nhất của tôi. Thật đáng ngạc nhiên và khó có thể tưởng tượng, chỉ lúc đó tôi mới ý thức được rằng ông là người bạn quý báu nhất đời tôi. Trong suốt những năm cấp ba và đại học, tôi không bao giờ có bạn bằng tuổi mà thông thường ai ai cũng giữ được quan hệ suốt đời. Trong đời, tôi chỉ có mỗi Harry. Thật ngạc nhiên là tôi không đặt ra vấn đề liệu ông có phải hay không phải là tội phạm trong những vụ việc mà người ta đang kết án: câu trả lời không làm cho tình cảm sâu nặng của tôi đối với ông phải thay đổi. Đó là một tình cảm lạ lùng: tôi cứ tưởng rằng cùng với cả đất nước, tôi sẽ phải căm thù ông, phải nhổ vào mặt ông; nếu như vậy thì đơn giản hơn. Nhưng vụ việc này không hề ảnh hưởng đến tình cảm tôi dành cho ông. Tôi tự nhủ đơn giản rằng, trong trường hợp xấu nhất, thì ông cũng là con người, mà trong con người có cả con quỷ. Ai cũng có một con quỷ ngự trị trong mình. Vấn đề chỉ là phải xem có thể tha thứ cho con quỷ này đến đâu mà thôi.

Tôi đỗ xe vào bãi đỗ nền sỏi cạnh hiên nhà. Chiếc Corvette đỏ của ông cũng đậu ở đó, trước phần công trình phụ dùng làm gara, vẫn như mọi khi. Cứ như thể chủ nhân vẫn đang ở nhà và mọi việc đều tốt đẹp. Tôi định vào nhưng cửa đã bị khóa. Theo tôi nhớ, đây là lần đầu tiên cánh cổng này chống lại tôi. Tôi đi một vòng; không còn viên cảnh sát nào ở đây nữa, nhưng lối vào đằng sau ngôi nhà đã bị cảnh sát rào chắn lại. Tôi đành

đứng từ xa mà quan sát khu vực cấm được khoanh vùng từ vườn đến tận bìa rừng. Có thể thấy một cái hố to tướng ngoác miệng rộng chứng tỏ cảnh sát đã tiến hành đào bới tìm kiếm rất kĩ, ngay bên cạnh đó mấy cây cấm tú cầu bị bỏ quên đang héo khô đi.

Dường như tôi đứng như vậy đến cả tiếng đồng hồ, vì tôi bỗng nghe thấy tiếng xe hơi phía sau lưng. Đó là Roth đến từ thủ phủ Concord. Vì xem truyền hình thấy tôi đã có mặt tại đây nên anh ta ngay lập tức lên đường. Lời đầu tiên của anh ta là:

– Thế là anh đã đến đây rồi đấy.

– Vâng, sao ạ?

– Harry nói với tôi là anh sẽ đến. Ông ta cũng nói anh là một đứa cứng đầu cứng cổ và sẽ đến đây để nhúng mũi vào vụ việc này.

– Harry hiểu tôi rất rõ.

Roth lục tìm trong túi áo vét và lấy ra một mẫu giấy.

– Ông ấy gửi cho anh đây, Roth nói.

Tôi mở tờ giấy ra. Đó là tin nhắn viết bằng tay.

Marcus yêu quý của thầy, Nếu anh đọc những dòng này, tức là anh đã đến New Hampshire kiểm tin tức của người bạn già này. Anh là một chàng trai dũng cảm. Thầy không bao giờ nghi ngờ điều này. Thầy viết cho anh, thề rằng thầy vô tội và không dính dáng gì đến những tội danh mà người ta đang buộc cho thầy. Tuy nhiên, thầy nghĩ mình sẽ phải ngồi tù ít lâu còn anh có nhiều việc hay hơn phải làm chứ đừng phí phạm thời gian quan tâm tới thầy. Hãy quan tâm tới sự nghiệp của mình, hãy quan tâm tới cuốn tiểu thuyết mà anh phải hoàn thành vào cuối tháng cho Nhà xuất bản. Theo thầy sự nghiệp của anh là quan

trọng nhất. Đừng lãng phí thời gian vì thầy. Chúc anh mọi việc tốt đẹp.

Harry.

TB. Mặc dù vậy, nếu như chẳng may anh có muốn ở lại bang New Hampshire ít ngày hay thỉnh thoảng muốn ghé qua đây anh Phải biết Goose Cove là nhà của mình. Anh có thể ở lại đây bao lâu tùy ý. Thầy chỉ đề nghị anh duy nhất một điều hãy nuôi bọn mòng biển. Hãy vứt bánh mì ra ngoài hè, nuôi mòng biển là việc quan trọng.

– Đừng bỏ ông ấy, Roth nói với tôi. Quebert cần tới anh.

Tôi gật đầu.

– Ông ấy nhìn nhận sự việc thế nào?

– Rất bi quan. Anh xem tất cả thông tin rồi chứ? Ai ai cũng biết về cuốn sách. Thật là một thảm họa. Càng biết thêm nhiều điều thì tôi càng lo làm sao có thể bảo vệ được ông ấy.

– Từ đâu xảy ra tình trạng rò rỉ thông tin như vậy?

– Theo tôi, tin lọt thẳng ra từ văn phòng của chương lý. Họ muốn tăng áp lực lên Harry bằng cách gây sức ép dư luận. Họ muốn có lời thú tội đầy đủ. Họ biết rằng với những vụ việc cũ mèm đến ba mươi năm, không có gì quý hơn những lời tự thú.

– Khi nào tôi có thể gặp ông ấy?

– Ngay sáng mai. Nhà tù của bang nằm ngay trên đường ra từ thủ phủ Concord. Thế anh ngủ ở đâu?

– Nếu có thể thì ngủ ở đây luôn.

Anh ta hơi nhăn nhó.

– Tôi hơi nghi ngờ, anh ta nói. Cảnh sát đã trưng thu ngôi nhà. Đây là hiện trường vụ án.

– Hiện trường không phải chỉ là ở chỗ có cái hồ kia à? Tôi hỏi.

Roth kiểm tra lại lần nữa lối cửa vào, sau đó anh ta nhanh chóng đi vòng quanh ngôi nhà rồi quay lại phía tôi, mỉm cười;

– Anh sẽ là luật sư giỏi đấy Goldman. Trên nhà không có dấu niêm phong.

– Vậy tức là tôi được quyền vào ở trong nhà đúng không?

– Vậy tức là anh không bị cấm vào ở trong nhà.

– Tôi chả hiểu gì cả.

– Cái hay của luật pháp nước Mỹ nằm ở đó, anh Goldman ạ: chỗ nào không có luật, thì anh có thể tự biên tự diễn. Nếu anh cả gan bới lông tìm vết, cứ việc đến tận Tòa tối cao để tìm chân lí và có thể xuất bản một bản án mang tên anh: Goldman chống lại bang New Hampshire. Anh có biết tại sao trên đất nước này, khi bắt anh, người ta phải nói cho anh biết các quyền của anh không? Bởi vì trong những năm 1960, một kẻ nào đó tên là Ernesto Miranda đã bị kết tội cưỡng hiếp dựa trên chính những lời tự thú của hắn. Và thế là, anh biết không, luật sư của hắn tuyên bố bản án không chính đáng vì cái tay Miranda dững cảm này không được học hành nhiều và hắn không hề biết có Bộ Nhân quyền cho phép hắn không cần phải thú tội gì hết. Viên luật sư đó đã làm âm ỉ lên thành chuyện to, rồi mang vụ việc kiện lên đến tận Tòa án tối cao và mọi cơ quan thẩm quyền. Thế rồi, anh biết không, cái tên luật sư khốn kiếp ấy đã thắng kiện! Những lời thú tội không có giá trị, bản án Miranda chống lại bang Arizona trở nên nổi tiếng và từ đó khi cảnh sát bắt người đều phải nói theo quy định: “Anh có quyền giữ im lặng và có quyền đòi luật sư, nếu anh không có khả năng tài chính trả tiền luật sư thì sẽ có luật sư nhà nước phục vụ anh”. Tóm lại, mấy

cái câu nhảm nhí ngu ngốc đó người ta thường nghe trên phim, tất cả là nhờ vào anh bạn Ernesto! Đạo đức, chân lí ở nước Mỹ là kết quả làm việc tập thể: tất cả mọi người đều có quyền tham gia. Vậy anh cứ chiếm lấy nơi này, chẳng có gì ngăn cản cả. Nếu cảnh sát dám đến làm phiền, thì anh cứ nói là ở đây thiếu quy định của luật pháp, cứ nhắc đến Tòa án tối cao rồi đe dọa họ phải đền bù thiệt hại với tổn thất to lớn, thế nào họ cũng sợ. Tuy nhiên, tôi lại không có chìa khóa để vào nhà.

Tôi rút từ túi quần ra một bộ chìa khóa.

– Harry cho tôi một bộ từ lâu rồi, - tôi nói.

– Goldman, anh đúng là nhà ảo thuật! Nhưng làm ơn đừng vượt qua rào chắn của cảnh sát nếu không sẽ rầy rà to.

– Được rồi, tôi hứa. Benjamin này, rốt cuộc việc khám xét ngôi nhà có mang lại được kết quả gì không?

– Không. Cảnh sát không tìm thấy gì. Chính vì vậy mà chúng ta được tự do vào nhà.

Roth ra về còn tôi bước vào ngôi nhà thênh thang không bóng người. Tôi xoay khóa cửa phía sau lưng và tiến thẳng về phía phòng làm việc, đi tìm chiếc hộp gỗ trứ danh kia, nhưng nó không còn ở đó nữa. Không biết Harry đã làm gì với nó? Tôi rất muốn có nó nên đã đi tìm khắp các giá sách từ phòng làm việc tới phòng khách, chú ý đến từng chi tiết nhỏ có thể giúp tôi hiểu được chuyện gì đã xảy ra ở đây vào năm 1975. Phải chăng Nola Kellergan đã bị sát hại tại một trong những căn phòng ở đây?

Cuối cùng tôi cũng thấy mấy cuốn album mà tôi chưa thấy bao giờ hay chưa bao giờ để ý tới. Tôi mở ngẫu nhiên một cuốn, bên trong là những bức ảnh Harry và tôi chụp hồi tôi học đại học. Trên lớp, trong phòng đám bốc, trên sân trường, trong

tiệm ăn nơi chúng tôi thường xuyên gặp nhau. Thậm chí còn có cả ảnh chụp buổi lễ trao bằng tốt nghiệp của tôi. Cuốn album tiếp theo chứa đầy những bài báo cắt ra từ tạp chí viết về tôi và về cuốn sách của tôi. Một số đoạn được đánh dấu bằng bút đỏ, hay được gạch chân; vào lúc đó, tôi nhận ra Harry từ lâu luôn dõi sát theo những bước đi của tôi, lưu giữ thận trọng tất cả những gì liên quan đến hành trình ấy. Thậm chí tôi còn thấy một đoạn trích cắt ra từ một tờ báo của Montclair cách đây một năm rưỡi kể lại buổi lễ tổ chức vinh danh tôi ở trường Felton, nơi tôi học cấp ba. Quá say mê với thành công rực rỡ của tôi, nhà trường thấy tôi xứng đáng được tổ chức cho một buổi lễ tôn vinh đình đám.

Buổi lễ được long trọng khai mạc vào một chiều thứ Bảy trong sân chính của trường, khoảng sân đó do học sinh, cựu học sinh và các nhà báo địa phương chọn ra. Ai nấy tràn trề hạnh phúc, rạng rỡ ngồi sát bên nhau trên những chiếc ghế gấp đối diện với một tấm thảm lớn mà sau bài diễn văn hùng hồn, ông hiệu trưởng đã kéo xuống, để lộ ra chiếc tủ kính lớn, có trang trí dòng chữ *Tôn vinh Marcus Goldman*, được gọi là “Siêu Nhân”, học sinh của trường từ 1993 đến 1998, còn bên trong tủ kính, trưng bày cuốn tiểu thuyết, các bảng điểm cũ của tôi, một vài tấm ảnh, chiếc áo thể thao tôi mặc khi tham gia môn đánh bóng crosse và chiếc áo tôi mặc khi thi chạy... Tôi mỉm cười khi đọc bài báo này. Thời gian của tôi ở trường Felton, một ngôi trường nhỏ, rất yên tĩnh của miền bắc Montclair với các thiếu niên ngoan ngoãn, đã để lại cho trường này những dấu ấn mạnh mẽ đến nỗi bạn bè và thầy cô đều gọi tôi là Siêu Nhân. Nhưng Vào cái ngày đó , tháng Mười hai năm 2006, vào thời điểm vỗ tay trước cái tủ kính để tán dương cho vinh quang của tôi, không một ai biết rằng việc trở thành một ngôi sao sáng

chói của trường Felton được tất cả mọi người thừa nhận trong suốt bốn năm dài tươi đẹp rực rỡ đó, chỉ là kết quả của sự hiểu nhầm, mới đầu là vô tình, nhưng về sau là kết quả của sự tổ chức sắp xếp một cách có bài bản.

Thời kì huy hoàng của Siêu Nhân bắt đầu cùng lúc với năm thứ nhất của tôi ở trường trung học, khi tôi phải chọn một môn thể thao bắt buộc để đăng kí cho chương trình học. Tôi đã định chọn bóng đá hoặc bóng rổ, nhưng số lượng học sinh được phép tham gia vào hai môn này lại rất hạn chế, và không may cho tôi, đúng hôm phải đến phòng ghi danh đăng kí học thì tôi lại đến quá muộn. “- Tôi đóng cửa rồi, - người giáo vụ béo đẫy nói với tôi. - Hãy quay trở lại ghi tên vào năm sau nhé...”

- Xin cô làm ơn đi mà, thưa cô, tôi nài nỉ, em nhất định phải đăng kí tham gia một môn thể thao, nếu không em sẽ bị lưu ban cô ạ.

- Họ và tên? Bà giáo vụ ngán ngấm thở dài.

- Goldman. Marcus Goldman, thưa cô.

- Môn thể thao đăng kí?

- Bóng đá, hoặc bóng rổ ạ.

- Cả hai đều không còn chỗ. Chỉ còn chỗ trong hai môn, hoặc nhào lộn, hoặc đánh bóng crosse”.

Đánh bóng crosse hay là nhào lộn. Cũng tương tự như người ta nói đi tả hay tiêu chảy mà thôi. Tôi biết rằng nếu tôi học nhào lộn, thế nào bạn bè cũng trêu chọc vậy nên tôi đành phải chọn đánh bóng crosse. Nhưng từ cả hai thập kỉ nay, trường Felton không có đội đánh bóng crosse giỏi, đến nỗi chả có học sinh nào muốn đăng kí tham gia. từ lâu, những học sinh đăng kí học môn này toàn là học sinh bị trượt tất cả các môn học hoặc đến muộn vào ngày đăng kí. Vậy là tôi đã đăng kí gia nhập

một đội thể thao đang ở đáy vực, chẳng có chiến thắng nào và vô cùng hậu đậu, nhưng chính điều này lại mang vinh quang về cho tôi. Với hi vọng được đội bóng đá cho nhập cuộc vớt vớt vào giữa mùa, nên tôi cố gắng lập nhiều thành tích thể thao để thu hút sự chú ý của mọi người: tôi tập luyện với một động lực chưa từng có từ trước đến nay và chỉ trong hai tuần, huấn luyện viên của chúng tôi đã thấy trong tôi tiềm ẩn một ngôi sao lớn của đội mà ông đã chờ đợi từ lâu. Ngay lập tức tôi được bầu làm đội trưởng. Không cần phải cố gắng nhiều để người ta coi tôi là tay đánh bóng crosse giỏi nhất trong lịch sử của trường. Tôi phá vỡ mọi kỉ lục ghi bàn từ hai mươi năm trở lại đây chẳng chút khó khăn nào quá dễ dàng vì chiến công này, tên tôi được ghi trên bảng danh dự của nhà trường, điều chưa bao giờ xảy ra đối với học sinh vừa mới vào năm đầu của cấp ba. Thành tích đó ngay lập tức đã gây ấn tượng cho bạn bè tôi và lôi cuốn sự quan tâm của giáo viên: qua kinh nghiệm này, tôi rút ra bài học rằng để trở thành siêu nhân, chỉ cần phải điều chỉnh lại mối quan hệ tương quan với người khác; rốt cuộc, mọi thứ chỉ là làm thế nào để thể hiện ra bên ngoài cho có vẻ là như vậy mà thôi.

Tôi nhanh chóng nắm được luật chơi. Hiển nhiên, từ kinh nghiệm trên, tôi không còn nghĩ đến chuyện bỏ đội bóng crosse nữa, ám ảnh duy nhất của tôi là bằng mọi biện pháp phải trở thành người đứng đầu; phải là ánh sáng, là tấm gương bằng mọi giá. Lúc đó nhà trường cũng tổ chức cuộc thi đề tài nghiên cứu cá nhân về các môn khoa học. Một đứa dịch hạch nào đó tên là Sally quá siêu bản đã đoạt giải, và ở cuộc thi đó, tôi đứng ở tận vị trí thứ mười sáu. Ngày trao giải, tại phòng thu thanh của trường, tôi đã tự dàn xếp để được phát biểu và đã tự bịa ra cả một câu chuyện về những ngày cuối tuần hoàn toàn dành hết mình cho hoạt động tình nguyện vì những người bị thiếu năng

trí tuệ. Chính vì vậy mà dự án của tôi không được tiến hành đúng tiến độ. Tôi kết luận, với đôi mắt sáng lấp lánh vì những giọt nước mắt chực tuôn ra: “Giải nhất đối với tôi không quan trọng, nếu như tôi có thể mang đến một tia hạnh phúc cho những người bạn của tôi là những trẻ em bị khuyết tật”. Hiển nhiên là tôi đã làm toàn trường cảm động. Điều này đã nâng cao giá trị của tôi và hạ thấp Sally dưới con mắt của giáo viên, bạn bè và của chính Sally. Sally cũng có một người em trai bị khuyết tật nặng mà tôi không hề biết, đã tình nguyện từ chối giải thưởng và đề nghị trao nó cho tôi. Câu chuyện này đã nâng giá trị của tôi lên, tên của tôi được vinh danh dưới các thể loại thể thao, khoa học và giải thưởng tình bạn trên tấm bảng danh dự mà tôi âm thầm gọi là bảng *mất danh dự*, ý thức rất rõ những điều phàm quấy lừa bịp của bản thân mình. Nhưng tôi không thể dừng lại được, cứ như bị ma ám vậy. Một tuần sau, tôi còn phá kỉ lục bán vé số bằng cách tự bỏ tiền túi ra mua, toàn bộ số tiền tiết kiệm được qua hai mùa hè lăn lóc dọn vườn cỏ trong khu bể bơi của thành phố. Thế là đủ để cho tiếng tăm của tôi đồn thổi toàn trường: Marcus Goldman là một học sinh có phẩm chất đặc biệt. Sự thừa nhận này khiến toàn bộ học sinh và giáo viên trong trường gọi tôi là *Siêu Nhân*, gắn vào tôi như một nhãn hiệu hàng hóa, đảm bảo cho tôi mọi thành công tuyệt đối trong trường; danh tiếng nho nhỏ của tôi nhanh chóng lan rộng khắp thị trấn Montclair, làm cho bố mẹ tôi vô cùng hãnh diện.

Sự nổi tiếng có được nhờ sắp đặt có tính toán hồi thúc tôi rèn luyện một môn nghệ thuật cao quý là *đắm bốc*. Từ lâu tôi đã rất thích *đắm bốc*, và cũng là một tay *đắm bốc* khá cừ, nhưng điều tôi mong muốn khi bí mật đi tập *đắm bốc* tại câu lạc bộ Brooklyn, cách nhà tôi một tiếng đi tàu nơi không ai biết đến tôi, ở đó *Siêu Nhân* không còn tồn tại nữa, là khả năng bị thua

cuộc: tôi đến để giành lại cái quyền được đánh bại bởi một kẻ mạnh hơn, cái quyền được mất mặt với mọi người đó là cách duy nhất giúp tôi thoát khỏi cái thế giới quỷ quái của sự hoàn thiện mà tôi tạo ra: trong căn phòng tập đấm bốc, Siêu Nhân có thể bị thua cuộc, có thể là đũa kém cỏi. Và Marcus có thể tồn tại. Bởi dần dần, ám ảnh phải luôn luôn là người dẫn đầu đã vượt quá khả năng tưởng tượng: càng thắng cuộc nhiều thì tôi càng sợ bị thua.

Khi tôi lên năm thứ ba ở trường trung học Felton, do cắt giảm ngân sách nên Ban giám hiệu nhà trường buộc phải quyết định giải tán nhóm đánh bóng crosse vì nó gây ra những khoản chi phí quá đắt cho trường so với những điều nó mang lại. Cực chẳng đã, tôi đành chọn một môn thể thao khác: hiển nhiên là đội bóng đá và đội bóng rổ nhìn tôi với đôi mắt rất thiện cảm, nhưng tôi biết rằng nếu gia nhập vào một trong hai đội này, tôi sẽ phải đối đầu với những tay chơi khác có năng khiếu hơn và quyết thắng hơn so với những đối thủ của tôi ở đội đánh bóng crosse. Tôi có nguy cơ sẽ bị thua cuộc, bị rơi vào đám người vô danh, hay thậm tệ hơn, sẽ mất cả danh dự: Người ta sẽ nói gì khi Marcus Goldman được gọi là “Siêu Nhân”, đội trưởng cũ của đội đánh bóng crosse đã phá kỉ lục ghi bàn trong vòng hai mươi năm gần đây, trở thành thằng lon ton của đội bóng đá? Tôi sống trong lo sợ hai tuần liền đến tận khi nghe nói về đội chạy đua đường dài rất ít được biết đến trong trường, đội chỉ gồm hai thằng béo phì ngắn chân và một thằng cò hương không sức. Hơn nữa hóa ra đây là một môn thể thao duy nhất của trường Felton chưa bao giờ tham gia vào bất kì cuộc thi đấu liên trường nào: điều này đảm bảo rằng tôi sẽ không bao giờ phải đo sức với đối thủ nào nguy hiểm hơn tôi. Vậy là an toàn rồi, nên tôi không chần chừ gia nhập ngay đội chạy đua đường dài của

trường Felton. Ngay từ ngày đầu tiên tập luyện, tôi đã phá kỉ lục chẳng khó khăn gì về tốc độ của những người bạn hiền lành cùng nhóm dưới con mắt nhìn đầy ngưỡng mộ và triu mến của các nhóm khác và của Ban giám hiệu nhà trường.

Tất cả mọi việc nhẽ ra sẽ diễn ra tốt đẹp như vậy nếu như lại không chính là Ban giám hiệu, vì bị những thành công của tôi làm lóa mắt, mà nảy ra cái ý nghĩ lạ lùng là tổ chức một cuộc thi lớn liên trường mong sưu tập thêm huân huy chương cho trường, chắc chắn rằng Siêu Nhân sẽ thắng lớn. Sau khi tin này được thông báo, vì quá sợ hãi, tôi đã rèn luyện không ngừng trong suốt một tháng trời nhưng vẫn cảm chắc sẽ chẳng làm được gì khi phải đối mặt với các vận động viên từ các trường khác dày dặn kinh nghiệm trong các cuộc đua. Tôi, tôi chỉ là bề ngoài, là đồ giả: tôi sẽ tự làm cho mình trở nên nực cười trên chính sân nhà.

Ngày diễn ra cuộc đua, toàn bộ trường Felton lẫn một nửa dân cư trong trị trấn của tôi có mặt để gây áp lực cho tôi. Lệnh xuất phát đã điểm, và như tôi đã lo lắng từ đầu, ngay lập tức tôi bị những tay đua khác bỏ xa. Thời điểm sống chết đã đến: sự nổi tiếng của tôi đang bị đe dọa. Cuộc đua chạy dài sáu dặm, tức là hai mươi lăm vòng quanh sân vận động. Hai mươi lăm lần nhục nhã. Tôi sẽ về đích cuối cùng! thua cuộc và mất mặt. Có khi thằng đến đích đầu tiên còn có kỉ lục gấp đôi tôi. Tôi phải cứu lấy Siêu Nhân bằng mọi giá. Tôi tập hợp toàn bộ sức lực, toàn bộ năng lượng và trong một cú vượt lên tuyệt vọng, tôi chạy như điên: giữa tiếng tung hô cổ động của đám đông tụ tập vì tôi hôm đó, tôi đã vượt lên dẫn đầu đội đua. Đúng vào lúc đó, tôi đã nảy ra và dựng lên một kế hoạch tàn bạo: đang lúc tạm thời là người dẫn đầu đội đua và cảm thấy mình sắp sửa chạm tới giới hạn của khả năng sức lực, tôi giả vờ như bị vướng chân

vào nền đất rồi tự ngã lăn quay ra, lăn lông lốc luôn mấy vòng một cách ấn tượng, tiếng hét, tiếng kêu của khán giả âm âm vang lên, rớt cuộc, tôi bị gãy một chân điều này chắc chắn là tôi không tính trước được, nhưng với cái giá là một cuộc phẫu thuật và hai tuần nhập viện, tôi đã cứu vãn được danh tiếng của mình. Tuần sau khi xảy ra sự kiện này, báo trường đã viết về tôi như thế này:

Trong suốt cuộc đua lịch sử vừa rồi, Marcus Goldman hay “Siêu Nhân”, khi đang dẫn đầu và vượt xa các đối thủ của mình, hứa hẹn sẽ giành chiến thắng vang dội, thì bạn ấy trở thành nạn nhân của đường thi đấu xuống cấp với chất lượng tồi: bạn ấy đã bị ngã quá mạnh và bị gãy một chân.

Đó là đoạn kết của sự nghiệp vận động viên chạy đua và cũng là kết thúc sự nghiệp thể thao của tôi: vì nguyên nhân bị thương quá nặng, tôi được miễn học các môn thể thao đến tận hết cấp ba. Để đền đáp cho nhiệt huyết và sự hi sinh của tôi, tên tôi được khắc biển đặt trong tủ kính danh dự của trường, trong đó đã ngự sẵn chiếc áo may ô tôi mặc khi tham gia đội đánh bóng crosse. Còn Ban giám hiệu thì không ngừng nguyên rủa cơ sở hạ tầng của trường Felton kém chất lượng nên đã cho làm lại toàn bộ đường đua xung quanh sân vận động với mức chi phí khổng lồ. Họ rút hết ngân sách cho học sinh đi dã ngoại để chuyển sang làm lại đường đua, tước mất của toàn bộ học sinh trong trường tất cả các hoạt động ngoại khóa trong suốt năm học tiếp theo.

Khi kết thúc những năm học cấp ba, với bảng điểm giỏi, bằng tốt nghiệp loại xuất sắc và những bức thư giới thiệu tốt, tôi phải chọn cho số phận mình một trường đại học. Buổi chiều, nằm trên giường trong phòng riêng, trước mặt là ba bức thư mời học, một từ đại học Harvard, một từ đại học Yale và bức thứ ba

từ trường đại học Burrows, một trường đại học nhỏ chả ai biết đến ở bang Massachusetts, tôi đã không ngần ngại chọn ngay trường Burrows. Đi học ở một trường đại học lớn, tức là có nguy cơ bị mất nhãn hiệu “Siêu Nhân”. Harvard hay Yale, tức là tự đặt mức rào hơi cao: tôi hoàn toàn không mong muốn được đọ sức với những tài năng vô hạn đến từ khắp các vùng của đất nước, họ sẽ là những người chiếm chỗ tôi trên bảng danh dự. Bảng danh dự của trường Đại học Burrows đối với tôi có vẻ dễ dàng hơn nhiều. Siêu Nhân không muốn tự thiêu rụi đôi cánh của chính mình. Siêu Nhân muốn mãi mãi là Siêu Nhân. Burrows là lựa chọn hoàn hảo: một khu học xá khiêm tốn là nơi chắc chắn cho tôi tỏa sáng. Tôi không mất mấy công sức để thuyết phục bố mẹ rằng khoa Văn của trường Đại học Burrows danh giá gấp nhiều lần so với khoa Văn của Đại học Harvard hay Đại học Yale. Đây là lí do tại sao vào mùa thu năm 1998, tôi rời thị trấn Montclair, và chính trong cái thành phố công nghiệp nhỏ bé này của bang Massachusetts tôi được gặp thầy Harry Quebert.

* * *

Vào buổi tối, khi vẫn còn đang ngồi trên hiên nhà xem những cuốn album và ôn lại kỉ niệm, thì tôi nhận được cú điện thoại của Douglas, giọng anh ta nghe như thảm họa đang xảy ra.

– Marcus, mẹ kiếp! Không thể tin được là cậu đi New Hampshire mà không báo với tôi nửa lời! Cánh nhà báo liên tục gọi điện hỏi tôi tại sao cậu lại đến đó, thế mà thậm chí tôi còn không biết chuyện này. Tôi phải bật ti vi lên để nghe tin tức của

cậu. Quay về ngay New York đi. Về ngay khi còn kịp. Cậu sẽ ngập lụt trong chuyện này cho mà xem. Hãy rút lui khỏi cái làng đó ngay từ sáng sớm ngày mai và về ngay New York. Quebert có một luật sư xuất sắc. Hãy để cho hắn làm việc của hắn còn cậu tập trung vào cuốn sách của cậu đi. Mười lăm ngày nữa phải nộp bản thảo cho Barnaski rồi đấy.

– Harry đang cần có một người bạn ở bên, tôi trả lời.

Yên lặng một lúc, sau đó Douglas thì thầm, cứ như thể chỉ lúc đó mới phát hiện ra được điều mà từ nhiều tháng nay, anh ta không hiểu nổi:

– Cậu không có sách đúng không? Chúng ta chỉ còn cách thời hạn của Barnaski có hai tuần thế mà cậu còn chưa có cuốn sách chết tiệt đó! Nói vậy có phải không Marc? Sự thật là cậu đến để giúp một người bạn hay là cậu trốn New York?

– Câm mồm đi, Doug.

Yên lặng trôi qua còn lâu hơn lúc này.

– Marc, hãy nói là cậu đang có ý tưởng gì đó trong đầu. Hãy nói là cậu đã có một kế hoạch và có một lí do thực sự chính đáng để đến bang New Hampshire.

– Một lí do thực sự chính đáng à? Thế tình bạn không đủ sao?

– Mẹ kiếp, cậu nợ thằng cha Harry cái chó gì thế hả, để mà phải đi đến đây làm gì?

– Nợ mọi thứ, nợ tất cả.

– Thế là thế nào, mọi thứ là thế nào?

– Giải thích phức tạp lắm, Douglas ạ.

– Mẹ kiếp, Marcus, cậu đang làm nhằm cái gì thế, Marcus?

– Dough, có một giai đoạn trong đời mà mình chưa bao giờ

kể cho cậu nghe ... Đó là lúc tốt nghiệp trung học, chắc là đời mình đã hỏng. May mà mình gặp Harry... Về một mặt nào đó, ông ấy đã cứu vớt đời mình, Mình mắc nợ ông ấy...Không có Harry, mình không bao giờ trở thành nhà văn như bây giờ. Chuyện xảy ra ở Burrows, bang Massachusetts, vào năm 1998. Nhờ Harry mà mình mới có tất cả mọi thứ.

29

Liệu người ta có phải lòng một bé gái mười lăm tuổi?

“Marcus, tôi muốn dạy anh cách viết, không phải để anh biết cách viết, mà là để anh trở thành nhà văn. Bởi vì viết được một cuốn sách là vô cùng khó nhọc: ai cũng viết được cả, nhưng không phải ai cũng là nhà văn.

– Vậy làm sao để biết mình có phải là nhà văn hay không, thầy Harry?

– Không ai có thể tự biết mình có phải là nhà văn hay không. Đó là do những người khác nói cho mình điều đó”.

Ai còn nhớ đến Nola cũng đều nói rằng đó là một cô bé tuyệt vời, Nola thuộc tuýp những người có khả năng lưu dấu dễ dàng trong trí nhớ của người khác: nhẹ nhàng, biết cách quan tâm, tài năng, rạng rỡ, vui vẻ. Ở cô bé toát lên một niềm vui sống không giống ai, có thể thấp sáng những ngày mưa tối tệ nhất. Vào các ngày thứ Bảy, Nola phục vụ ở tiệm Clark's: cô xoay vòng giữa những dãy bàn ghế, nhẹ nhàng như làn gió, những lọn tóc vàng óng ả lượn sóng nhảy nhót trên bờ vai. Cô bé luôn có những lời nói thật dễ nghe cho mọi khách hàng. Trong mắt họ, chỉ có Nola. Nola là cả một thế giới!

Nola là con gái độc nhất của David và Louisa Kellergan, những con chiên ngoan đạo của miền Nam có nguyên quán ở Jackson, Alabama. Đây cũng chính là nơi Nola chào đời ngày 12 tháng Tư năm 1960. Gia đình Kellergan đến định cư ở Aurora vào mùa thu năm 1969, sau khi người cha được tuyển vào làm

giám mục cho tu viện Thánh St James, cộng đồng chính của Aurora, lúc đó đang có khả năng bị ảnh hưởng rất lớn. Tu viện Thánh St James nằm ở lối vào phía nam của thành phố, là một công trình bê thế bằng gỗ, nhưng kể từ khi Aurora và Montburry phải sáp nhập vào nhau vì lí do tiết kiệm ngân sách và vì thiếu con chiên, thì tòa thánh này chẳng còn gì nữa. Ở địa điểm đó, mọc lên một quán ăn nhanh Mc Donald's. Ngay khi đến đây, gia đình Kellergan ở tại ngôi nhà một tầng xinh xắn, thuộc sở hữu của tu viện, nằm ở số 245 Terrace Avenue: rất nhiều khả năng là sáu năm sau, vào thứ Bảy ngày 30 tháng Tám năm 1975, Nola đã biến mất từ cửa sổ phòng ngủ!

Trên đây là những mô tả đầu tiên mà những khách hàng thân thiết của tiệm Clark's nói lại với tôi, nơi tôi lui tới ngay hôm sau khi đến Aurora. Tôi thức dậy từ bình minh, dẫn vật bởi cảm giác khó chịu là không biết chắc sẽ phải làm gì ở đây. Sau khi chạy bộ trên bãi biển, tôi cho đám mòng biển ăn và phân vân tự hỏi, không biết có phải mình đi đến tận nơi xa xôi này của bang New Hampshire chỉ để cho bọn mòng biển ăn bánh mì. Tôi có hẹn lúc 11 giờ ở thủ phủ Concord với Benjamin Roth để đi gặp Harry; trong khi chờ đợi, tôi đến tiệm Clark's ăn bánh rán vì không muốn ở một mình. Lúc còn là sinh viên và đến nhà Harry, ông thường kéo tôi đến đây vào sáng sớm khi cửa hàng mới mở cửa: ông đánh thức tôi dậy trước cả bình minh, không ngần ngại lay tôi thật mạnh và bảo đã đến lúc phải mặc quần áo thể thao. Sau đó chúng tôi ra ngoài bờ biển chạy và đám bốc. Nếu thấy mệt thì ông dừng lại làm huấn luyện viên cho tôi: ông dừng lại vừa để nghỉ vừa để sửa các động tác và tư thế cho tôi, nhưng tôi biết ông làm vậy chỉ cốt để có vài phút mà thôi. Vừa tập đám bốc vừa chạy, chúng tôi vượt qua mấy dặm đường bờ biển, nối liền Goose Cove với Aurora. Sau đó,

chúng tôi quay trở lại theo con đường đá cuội của bãi biển Grand rồi đi xuyên qua cả thành phố còn đang chìm trong giấc ngủ. Trên con phố chính, bóng tối vẫn còn bao trùm, từ xa có thể nhận thấy ánh sáng trắng xóa vượt ra từ cửa kính của tiệm Clark's. Đây là tiệm ăn duy nhất mở cửa sớm như thế. Từ bên trong, sự yên tĩnh tuyệt đối ngự trị, những khách hàng hiếm hoi vào giờ đó là tài xế xe tải hay nhân viên bán hàng rong đang yên lặng nuốt bữa điểm tâm. Tiếng đài phát thanh, luôn luôn từ một kênh thông tin duy nhất, vang ra từ phía sau cửa hàng nhưng âm lượng quá bé nên không thể nghe rõ lời phát thanh viên. Vào các buổi sáng quá nóng, những chiếc quạt trần có cánh bằng kim loại đuổi gió nghiêng lên kèn kẹt, khiến bụi bay nháy nhót quanh bóng điện. Chúng tôi ngồi vào bàn số 17, cô Jenny đến ngay lập tức để phục vụ cà phê. Lúc nào cô Jenny cũng dành cho tôi một nụ cười dịu dàng gần như một người mẹ. Cô nói với tôi: “Tội nghiệp Marcus, bị bắt thức dậy từ bình minh đúng không? Từ khi mà tôi biết cậu ấy, lúc nào cũng dậy sớm như vậy”. Tất cả chúng tôi cùng cười.

Vào ngày 17 tháng Sáu năm 2008, mặc dù còn rất sớm, nhưng tiệm Clark's đã thật nhộn nháo, ai cũng chỉ nói đến vụ việc vừa xảy ra. Khi tôi bước vào, những khách hàng quen tùm tùm lại quanh tôi để hỏi liệu mọi chuyện có thật như thế không, liệu Harry có quan hệ với Nola rồi giết cả Nola và bà Deborah Cooper thật không. Tôi tránh trả lời các câu hỏi và ngồi vào bàn số 17 vẫn còn để trống. Lúc đó tôi phát hiện ra tám biển vinh danh Harry đã được tháo bỏ: ở chỗ đó chỉ còn hai chiếc đinh vít đóng chặt và dấu vết của miếng kim loại in trên chiếc bàn gỗ sơn vecni.

Cô Jenny đến phục vụ tôi cà phê và chào tôi rất nồng hậu. Cô có vẻ buồn rầu.

- Cậu ở chỗ nhà Harry à? Cô hỏi.
- Vâng ạ. Cô tháo cái biển tên ông ấy rồi à?
- Ừ.
- Tại sao?

- Harry viết cuốn truyện ấy là cho đứa con nít đó, Marcus ạ. Viết cho một đứa con nít mới mười lăm tuổi. Tôi không thể để cái biển đó ở đây được. Tình yêu ấy thật bản thủ.

- Cháu nghĩ là mọi việc phức tạp hơn nhiều, tôi trả lời.

- Còn tôi thì nghĩ cậu không nên dính dáng đến việc này, Marcus ạ. Cậu phải về New York và tránh xa mọi chuyện ở đây.

Tôi gọi bánh rán và xúc xích. Một tờ *Aurora Star* dính mỡ vứt lẫn lóc trên mặt bàn. Ở trang đầu tiên, bức ảnh Harry to đùng chụp vào thời hoàng kim, vẻ mặt đáng kính trọng, cái nhìn thật sâu và tự tin. Ngay phía dưới, là ảnh ông đang đi vào phòng xét xử của tòa án ở Concord, tay bị còng, mặt mày thất sắc, tóc tai bờm xờm, nét mặt nhăn nhúm dài thượt. Trong một ô tròn, là bức chân dung của Nola và Deborah Cooper. Tựa đề của bài báo là: HARRY QUEBERT ĐÃ LÀM GÌ?

Erne Pinkas đến sau tôi ít phút, bác đến ngồi vào bàn của tôi với cốc cà phê trên tay.

- Tôi qua tôi thấy anh trên truyền hình. Anh đến đây ở à?

- Vâng, có thể.

- Để làm gì?

- Cháu không biết. Vì Harry.

- Ông ấy vô tội phải không? Tôi không thể tin được ông ấy lại làm một việc như vậy... Thật là điên rồ.

- Cháu không biết, bác Erne ạ.

Do tôi hỏi hên Pinkas kể cho tôi nghe làm thế nào mà trước

đó vài ngày, cảnh sát đã đào được hài cốt của Nola tại Goose Cove dưới độ sâu một mét. Hôm thứ Năm, tất cả mọi người ở Aurora đều giật mình vì tiếng còi báo động của cảnh sát rú lên từ mọi ngả, hàng toán tuần tra đổ vào từ trục đường chính, rồi có cả những chiếc xe cảnh sát giả dạng xe thường dân, thậm chí có cả một chiếc xe tải của cảnh sát khoa học.

– Khi dân chúng nghe tin hoàn toàn có khả năng đây là bộ hài cốt của Nola Kellergan, Pinkas giải thích tiếp, ai cũng choáng váng. Không ai muốn tin điều này: ngay từ đầu, cô bé đã ở đó, trước mắt của chúng ta. Tôi đã đến nhà Harry không biết bao nhiêu lần, ngồi dưới mái hiên đó, uống một cốc whisky xứ Êcốt... Gần như ngay bên cạnh con bé Marcus, thử nói tôi xem, có phải ông ấy viết cuốn truyện đó cho Nola không? Tôi không thể tưởng tượng là họ lại có với nhau một chuyện như thế... Cậu có biết gì không, Marcus?

Để khỏi phải trả lời, tôi lấy thìa khuấy cà phê đến tận khi nó tạo thành một dòng xoáy trong cốc. Tôi chỉ nói:

– Chuyện rắc rối lắm, bác Erne ạ.

Ít phút sau, Travis Dawn, Cảnh sát trưởng ở Aurora, cũng là chồng của Jenny, đến ngồi vào bàn tôi. Travis Dawn là một trong những người tôi quen biết từ lâu ở Aurora: tính cách Travis nhẹ nhàng, tuổi tầm sáu mươi, tóc hoa râm, ông thuộc kiểu cảnh sát tốt bụng ở vùng quê mà từ lâu không còn làm cho ai sợ nữa.

– Tôi rất lấy làm tiếc, Marcus ạ, Travis vừa nói vừa chào tôi.

– Về việc gì ạ?

– Vì chuyện xảy ra giống như cú tát thẳng vào giữa mặt cậu. Tôi biết cậu rất thân và gần gũi với Harry. Chắc mọi chuyện không dễ dàng đối với cậu.

Travis là người đầu tiên lo lắng về cảm giác mà tôi cảm nhận. Tôi gật đầu và hỏi:

– Tại sao từ khi tôi hay đến đây, chưa bao giờ thấy ai nói gì về Nola Kellergan?

– Cho đến tận lúc hài cốt của Nola được đào lên ở Goose Cove, thì Chuyện Nola là chuyện cũ. Những kiểu chuyện như vậy không có ai muốn nhắc lại làm gì.

– Ông Travis, điều gì đã xảy ra vào ngày 30 tháng Tám năm 1975? Điều gì đã xảy ra với bà Deborah Cooper?

– Một vụ nguy hiểm, Marcus ạ. Rất nguy hiểm. Tôi là người chứng kiến trực tiếp chuyện này vì hôm đó, là ca trực của tôi. Hồi đó, tôi mới chỉ là nhân viên quèn. Chính tôi là người nhận điện thoại của ban chỉ huy trung tâm ... Deborah Cooper là bà già nhỏ nhắn, phúc hậu, sống một mình trong ngôi nhà cô lập ở bìa rừng Side Creek kể từ khi chồng chết. Cậu biết Side Creek ở đâu không? Là nơi bắt đầu của cánh rừng bạt ngàn kia, chỉ sau Goose Cove có vài dặm. Tôi nhớ rất rõ mẹ Cooper: lúc đó, tôi mới làm cảnh sát, nhưng mẹ thường xuyên gọi tôi, nhất là vào ban đêm, thông báo cho tôi tất cả những tiếng động nghi vấn. Mẹ sợ vãi cả tiểu ra quần vì sống một mình trong căn lều ở bìa rừng nên cần có người thỉnh thoảng đến nhà cho yên tâm. Mỗi lần như vậy, mẹ Cooper đến xin lỗi nhân viên cảnh sát vì đã gây chuyện phiền hà đồng thời bao giờ cũng mời mọi người lại nhà ăn bánh ga tô và uống cà phê. Ngày hôm sau, thế nào mẹ Cooper cũng rẽ qua văn phòng cảnh sát và mang quà cho chúng tôi. Đúng là người mẹ già nhỏ bé tốt bụng vô cùng, bà thuộc tuýp người lúc nào chúng tôi cũng sẵn sàng giúp đỡ. Tóm lại là vào ngày 30 tháng Tám năm 1975, mẹ Cooper đã quay số điện thoại nóng của cảnh sát và báo có người đàn ông rượt đuổi một cô gái trong rừng. Tôi là nhân viên cảnh sát duy nhất ở Aurora

làm nhiệm vụ tuần tiễu, ngay lập tức tôi đã có mặt. Đây là lần đầu tiên mẹ Cooper gọi điện cho cảnh sát giữa ban ngày. Bà bảo tôi: “Travis, có khi anh nghĩ tôi điên, nhưng thật sự là tôi rất nghi”. Khi kiểm tra chỗ bìa rừng nơi mẹ Cooper bảo đã nhìn thấy cô gái: tôi nhặt được một mảnh vải màu đỏ. Ngay lập tức tôi nhận định sự việc nghiêm trọng nên đã báo ngay cho sếp Pratt, Cảnh sát trưởng của Aurora thời kì đó. Dù đang nghỉ phép, nhưng sếp Pratt tới ngay lập tức. Cánh rừng rộng mênh mông, chúng tôi không đông người đến mức có thể kiểm tra được cả khu rừng. Chúng tôi đi sâu vào trong rừng: được khoảng một dặm thì đã thấy nhiều vết máu, những lọn tóc vàng, và thêm mấy mảnh vải màu đỏ khác.

Chúng tôi không còn thời gian suy nghĩ vì đúng lúc đó, một tiếng súng nổ vang lên trong nhà Deborah Cooper... Chúng tôi vội vàng quay lại thì đã thấy mẹ Cooper nằm sóng soài giữa vũng máu trong nhà bếp. Sau đó, chúng tôi được biết bà lại vừa gọi về trụ sở cảnh sát để báo cô gái lúc trước chạy trong rừng giờ đã chạy vào nhà bà.

– Vậy là cô ấy chạy vào nhà bà Deborah để lẩn trốn kẻ tấn công?

– Đúng vậy. Trong khi chúng tôi ở trong rừng, cô ấy đã xuất hiện trở lại mong được cứu giúp. Nhưng khi chúng tôi đến, ngoài xác chết của bà Cooper, không còn có ai trong nhà. Mọi chuyện thật sự điên rồ.

– Thế cô ấy chính là Nola à?

– Đúng vậy, chúng tôi đã nhanh chóng nhận ra điều đó, mới đầu là vì bố của Nola gọi điện báo cảnh sát là con gái mất tích. Thêm nữa, chính mẹ Deborah Cooper cũng nhận diện được cô ấy khi bà gọi điện báo cảnh sát lần hai.

– Chuyện gì xảy ra tiếp theo?

– Sau cú điện thoại thứ hai của bà Cooper, nhiều toán cảnh sát địa phương đã lên đường. Khi tới bìa rừng Side Creek, một viên cảnh sát phát hiện ra chiếc Chevrolet Monte Carlo màu đen đào tẩu theo hướng Bắc. Chúng tôi liền rượt theo, nhưng chiếc xe đã tẩu thoát sau khi vượt qua bờ đập. Mấy tuần tiếp theo, chúng tôi chỉ tập trung tìm Nola: chúng tôi xới tung cả vùng lên. Ai mà ngờ được cô ấy nằm ngay tại Goose Cove, chính trong dinh thự của Harry Quebert? Mọi dấu hiện đều cho thấy nạn nhân phải nằm đâu đó trong rừng nên chúng tôi lùng sục khắp trong đó, cậu biết không, cánh rừng ấy kéo dài đến tận Vermont cơ đấy! Chúng tôi không bao giờ tìm ra chiếc xe kia, cũng không bao giờ tìm ra Nola. Nếu có thể, chúng tôi sẵn sàng xới tung cả đất nước này lên để tìm. Nhưng chúng tôi vô cùng thất vọng vì sau đó ba tuần, theo quyết định của các viên chức cảnh sát bang, mọi tìm kiếm đều phải chấm dứt vì chi phí quá đắt, trong khi kết quả tìm kiếm lại hoàn toàn mông lung.

– Hồi đó cảnh sát có nghi vấn ai không?

Travis do dự một lúc rồi nói với tôi:

– Chính thức thì không nghi ngờ ai, nhưng... có Harry, chúng tôi có lí do riêng. Ý tôi là ba tháng sau khi ông ta đến Aurora, con gái nhà Kellergan bị mất tích. Một sự trùng hợp quá kì quái đúng không? Nhất là cứ xem ông ta đi xe hơi nào vào thời kì đó? Cũng là một chiếc Chevrolet Monte Carlo màu đen. Nhưng không đủ bằng chứng để buộc tội ông ấy. Rốt cuộc, bản thảo này chính là bằng chứng mà chúng tôi đã tìm kiếm cách đây ba mươi ba năm.

– Tôi không tin là như vậy, không tin là Harry gây ra chuyện đó. Hơn nữa, tại sao Harry lại để một bằng chứng quả hiển

nhiên chống lại ông ta ngay bên cạnh xác chết như vậy? Rồi tại sao Harry lại cho cả đội làm vườn đào bới đúng chỗ chôn xác chết? Không hợp lí tí nào cả.

Travis nhún vai:

– Cậu nên tin vào kinh nghiệm cảnh sát của tôi: ta không bao giờ lường được người loại này dám làm những gì đâu. Nhất là những người mà mình cứ tin rằng đã hiểu họ quá rõ.

Nói xong, ông ta đứng dậy và lễ độ chào: “Nếu cậu nghĩ tôi có thể làm bất kì việc gì cho cậu thì đừng ngại nhé, cứ gọi tôi”. Nói xong ông ta bỏ đi. Pinkas ngồi im, vẻ mặt ngây thộn, lắng nghe toàn bộ cuộc nói chuyện mà không xen vào lần nào, giờ mới buông lời: “Vậy đấy... Chưa bao giờ tôi biết cảnh sát lại nghi ngờ Harry...”. Tôi không trả lời, chỉ lẳng lặng xé trang đầu của tờ báo cầm theo và vì vẫn còn sớm nên tôi đến Concord.

* * *

Nhà tù dành cho tù nhân nam của bang New Hampshire nằm tại số 281 phố North State Street, về phía bắc thành phố Concord. Từ Aurora, chỉ cần ra khỏi đường chính 93 sau trung tâm thương mại Capitol, theo phố North Street qua nhà nghỉ Holiday Inn và đi thẳng tiếp thêm khoảng mười phút. Sau khi đi qua khu nghĩa trang Blosson Hill và một cái hồ nhỏ hình móng ngựa kế bên con sông, những hàng rào sắt và dây thép gai khiến không có ai có thể nhầm lẫn hay nghi ngờ gì về địa điểm này, tôi bèn đi thẳng tới, sau đó một chút, có biển đề chính thức nhà tù, phía sau là những tòa nhà cũ kĩ bằng gạch đỏ có tường dày bao xung quanh, tiếp đến là lối vào chính bằng cửa sắt. Ngay đối diện, phía bên kia đường, là cửa hàng buôn bán xe ô

tôi.

Roth đợi tôi ở bãi đỗ xe, hút một điếu xì gà rẻ tiền, trông có vẻ điềm tĩnh. Anh ta vẫy vai chào tôi cứ như là giữa những người bạn thân thiết.

– Lần đầu tiên vào nhà tù à? ta hỏi tôi.

– Vâng.

– Hãy cố gắng điềm tĩnh.

– Ai nói với anh rằng tôi không điềm tĩnh?

Anh ta nhìn tốp nhà báo đứng đợi lấy tin và nói:

– Họ có mặt khắp nơi. Nhớ là không bao giờ trả lời khi họ nài nỉ nhé. Họ là lũ ăn xác thối, Goldman ạ. Họ sẽ tấn công cho đến tận khi anh phải nhả ra một vài thông tin ngon lành mới thôi. Anh phải tỏ ra vững chắc và giữ im lặng. Chỉ cần anh đề cập chút thông tin rồi không được diễn dịch lại chính xác thì nó sẽ có tác dụng phản lại chúng ta và sẽ làm cho chiến lược bảo vệ của tôi gặp khó khăn.

– Chiến lược bảo vệ của anh là gì?

Roth nhìn tôi với vẻ rất nghiêm túc.

– Phủ nhận toàn bộ.

– Phủ nhận toàn bộ? Tôi lặp lại.

– Toàn bộ. Cả mối quan hệ giữa hai người, cả việc bắt cóc, cả hai vụ giết người. Chúng ta sẽ bào chữa cho ông ấy hoàn toàn vô tội, tôi sẽ rửa tội cho Harry và tôi tính sẽ đòi bồi thường hàng triệu đô la từ phía nhà nước New Hampshire.

– Anh làm thế nào với tập bản thảo mà cảnh sát đã tìm thấy chôn cạnh xác chết? Thế còn những lời thú tội của Harry liên quan đến Nola thì sao?

– Bản thảo không chứng tỏ điều gì hết. Viết truyện không

thể giết hại bất kì ai cả. Hơn nữa, Harry cũng đã nói và ông ấy có lí: trước khi biến mất, Nola đã mang theo bản thảo đi. Còn về tí chút quan hệ tình cảm của họ ư, ừ thì cứ cho là có say mê nhau đi. Nhưng điều đó không có gì độc ác cả. Chẳng có gì là phạm pháp. Rồi anh sẽ thấy, tòa sẽ không thể chứng minh được gì.

– Tôi đã nói chuyện với Travis Dawn, Cảnh sát trưởng ở Aurora, ông ta nói rằng hồi đó người ta đã từng nghi Harry là thủ phạm.

– Mẹ kiếp, nhảm nhí!

Roth dễ dàng trở nên thô tục khi không vừa ý.

– Rõ ràng lúc đó nghi phạm lái chiếc xe Chevrolet Monte Carlo màu đen. Travis bảo đó cũng chính là loại xe Harry sở hữu lúc ấy.

– Mẹ kiếp, quá vớ vẩn! Roth nói tiếp. Nhưng nắm được thông tin này rất có ích. Anh làm việc tốt đấy, Goldman ạ, đây chính là kiểu tin tôi cần biết. Hơn nữa, anh biết lũ người nhà quê sống ở Aurora, nhờ anh thỉnh thoảng hỏi han họ để nắm rõ khi được gọi ra làm nhân chứng trong quá trình xét xử thì họ sẽ dùng mớ lá cải nào nhé. Cố gắng tìm hiểu xem thằng nào nghiện rượu và hay đánh vợ: một nhân chứng nghiện rượu hoặc đánh vợ sẽ không được coi là nhân chứng đáng tin cậy.

– Ôi trời, mảnh khỏe này bản thủ quá

– Chiến tranh là chiến tranh, anh Goldman ạ. Bush từng nói dối cả quốc gia khi tấn công Irac, nhưng việc đó là cần thiết: hãy nhìn xem, chúng ta đã đả đít Sadda, giải phóng cho người Irac, rồi sau đó cả thế giới khỏe khoản hẳn lên.

– Phần lớn người Mỹ phản đối cuộc chiến tranh này. Đó là một thảm họa.

Ông ta có vẻ thất vọng:

– Ô, không, tôi chắc chắn đây... ông ta nói.

– Chắc chắn gì?

– Anh sẽ bỏ phiếu cho Đảng Dân chủ à Goldman?

– Tất nhiên là tôi bỏ phiếu cho Đảng Dân chủ rồi.

– Anh sẽ thấy, họ sẽ đánh một mức thuế cao chót vót cho những tay đại gia như anh ý. Lúc đó, có khóc lóc cũng quá muộn rồi. Để lãnh đạo được toàn bộ nước Mỹ, cần phải có bộ bùi. Mà bùi voi thì vừa to vừa dài hơn bùi lừa, thế thôi, nó là di truyền rồi.

– Ông thật là người có tinh thần cao độ đấy, Roth ạ. Dù sao đi chăng nữa thì Đảng Dân chủ đã thắng trong cuộc tranh cử tổng thống. Cuộc chiến tranh quá tuyệt hảo của ông cũng không thay đổi được thế cân bằng vì có quá nhiều người căm ghét nó.

Ông ta nở một nụ cười mỉa mai, gần như tỏ ý khó tin:

– Thôi, đừng có nói với tôi là anh tin như thế đấy nhé! Một phụ nữ và một tay Da Đen, hay hóm quá Goldman! Một phụ nữ và một tay Da Đen! Nào nào, anh là chàng trai thông minh, hãy nghiêm túc một chút: có ai lại hầu phụ nữ và người Da Đen đứng đầu nước bao giờ không? Hãy viết tiểu thuyết về chuyện đó. Một tiểu thuyết khoa học viễn tưởng quá đẹp. Cuốn sách tới sẽ viết về chuyện gì? Chuyện phụ nữ đồng tính của đảo Portorico hay là về thủ lĩnh da đỏ?

Theo yêu cầu của tôi, sau những nghi thức thông thường, Roth để cho tôi được gặp riêng Harry giây lát trong phòng đợi. Harry ngồi bên chiếc bàn nhựa, mặc trang phục tù nhân, vẻ mặt của kẻ thất trận. Lúc tôi bước vào phòng, khuôn mặt ông rạng rỡ hẳn lên. Ông đứng dậy, chúng tôi ôm nhau và tựa vào nhau hồi lâu, rồi mỗi người ngồi vào một ghế cạnh bàn, cầm

lặng. Rốt cuộc, ông nói với tôi:

– Tôi sợ, Marcus ạ.

– Chúng em sẽ kéo thầy ra khỏi vụ này, thầy Harry.

– Tôi có xem tivi, anh biết đấy. Tôi thấy hết mọi điều người ta đang bàn luận. Tôi thế là xong. Sự nghiệp cũng kết thúc. Cuộc đời của tôi vậy là chấm hết. Chuyện này đánh dấu điểm bắt đầu suy tàn trong đời tôi: tôi nghĩ mình đang rơi!

– Không bao giờ phải sợ, thầy Harry ạ.

Ông mỉm cười buồn bã.

– Cảm ơn anh đã đến đây.

– Đó là điều bạn bè với nhau phải làm. Em đến Goose Cove ở, nuôi bọn mòng biển.

– Anh biết đấy, nếu anh muốn về New York, thì tôi rất hiểu.

– Em chẳng đi đâu cả. Roth đúng là chú chim buồn cười nhưng có vẻ anh ta biết việc phải làm: Roth bảo thầy sẽ được minh oan. Em ở lại đây để giúp thầy. Em sẽ làm mọi việc để tìm ra sự thật và lấy lại danh dự cho thầy.

– Thế còn cuốn sách mới của anh thì sao? Nhà xuất bản của anh đợi nó cuối tháng này phải không?

Tôi cúi đầu:

– Không có cuốn sách nào cả. Em không còn ý tưởng gì nữa.

– Không còn ý tưởng nữa nghĩa là thế nào?

Tôi không trả lời và chuyển hướng câu chuyện, rút trang báo mà trước đó mấy tiếng, tôi đã xé mang đi từ tiệm Clark's.

– Thầy Harry, tôi nói, em cần phải biết thêm. Em cần phải biết sự thật. Lúc nào em cũng nghĩ đến cú điện thoại thầy gọi em hôm trước. Lúc đó thầy bảo, thầy không biết đã làm gì Nola.

– Lúc đó tôi đang quá xúc động, Marcus ạ. Tôi vừa bị cảnh

sát bắt và được quyền gọi một cuộc điện thoại trước khi vào phòng giam. Người duy nhất tôi muốn báo tin, đó là anh. Không phải là báo cho anh biết tôi bị bắt, mà báo cho anh biết Nola đã chết. Vì anh là người duy nhất biết chuyện Nola và tôi cần phải chia sẻ nỗi buồn của mình với ai đó. Trong suốt những năm qua, tôi vẫn cứ hi vọng cô ấy còn sống ở đâu đó. Nhưng cô ấy đã chết ngay từ đầu ... Cô ấy đã chết và vì rất nhiều lí do khác nhau, tôi cảm thấy mình có lỗi. Có lỗi, có thể là vì không biết cách bảo vệ cô ấy. Nhưng không đời nào tôi lại giết cô ấy, tôi thề rằng mình hoàn toàn vô tội trước những cáo buộc của thiên hạ hiện nay.

– Em tin thầy. Thầy đã nói gì với cảnh sát rồi?

– Nói sự thật. Sự thật là tôi vô tội. Tại sao tôi lại gọi người tới trồng hoa vào đúng chỗ đó, phải không nào? Đó là việc hoàn toàn phi lí! Tôi cũng nói với họ rằng tôi không biết tại sao tập bản thảo lại nằm ngay đấy, nhưng họ phải biết là tôi viết cuốn tiểu thuyết đó về Nola, cho Nola trước khi cô ấy mất tích. Nola và tôi yêu nhau. Chúng tôi sống cùng nhau một mùa hè ngay trước khi cô ấy mất tích và nhờ đó tôi mới viết được cuốn sách mà tôi có quyền sở hữu. Lúc đó tôi có hai bản thảo: một bản gốc viết tay và một bản đánh máy. Nola rất quan tâm tới những gì tôi viết, thậm chí cô ấy còn giúp tôi viết lại cho sạch sẽ rõ ràng. Thế rồi một hôm, tôi không thấy bản đánh máy nữa. Lúc đó là cuối tháng Tám, trước khi Nola mất tích ... Tôi cho rằng Nola đã cầm theo để đọc, đôi khi cô ấy vẫn làm vậy mà. Cô ấy đọc các trang bản thảo rồi thỉnh thoảng đưa ra lời khuyên. Cô ấy cầm đi mà không hỏi ý tôi... Nhưng lần này, tôi không thể hỏi được có phải cô ấy đã cầm một tập bản thảo hay không, vì sau đó, cô ấy mất tích. Tôi chỉ còn cầm bản viết tay. Đó chính là cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa*, cuốn tiểu thuyết thành công mà mấy tháng sau

anh đã biết.

– Vậy thực sự thầy viết cuốn đó cho Nola à?

– Đúng vậy, tôi nghe thấy trên vô tuyến người ta nói cuốn sách sắp bị cấm lưu hành.

– Nhưng chuyện gì đã xảy ra giữa thầy và Nola?

– Chuyện tình cảm, Marcus ạ. Tôi yêu cô ấy như điên. Tôi nghĩ tôi đã mất hết.

– Thế ngoài ra, cảnh sát có còn bằng chứng gì chống lại thầy nữa không?

– Tôi không biết.

– Thế còn cái hộp? Cái hộp đựng thư với ảnh? Em không thấy ở nhà thầy nữa.

Harry không có đủ thời gian để trả lời: cửa phòng mở ra, ông liền ra hiệu cho tôi im lặng. Roth bước vào, đi đến bên bàn, đứng cạnh chúng tôi. Khi anh ta ngồi xuống, Harry kín đáo lấy quyển sổ trước mặt tôi, viết vào đó những chữ gì mà tôi không đọc ngay được lúc đó.

Roth bắt đầu diễn giải dài dòng về quá trình diễn biến sự việc. Sau khoảng nửa tiếng đọc thoại, anh ta hỏi Harry:

– Có chi tiết nào ông quên chưa kể cho tôi nghe về Nola không? Tôi phải biết mọi chuyện, điều đó rất quan trọng.

Yên lặng một lúc, rồi Harry nhìn chăm chăm chúng tôi hồi lâu và nói:

– Đúng là có một điều anh cần phải biết. Đó là vào ngày 30 tháng Tám năm 1975. Tối hôm đó, cái tối định mệnh hôm Nola biến mất, nhẽ ra cô ấy phải đến gặp tôi.

— Gặp ông? Roth hỏi lại.

– Cảnh sát hỏi tôi đã làm gì vào tối ngày 30 tháng Tám năm

1975, tôi trả lời lúc đó tôi không có mặt trong thành phố. Nhưng tôi đã nói dối. Đó là điều duy nhất tôi nói dối. Đêm đó, tôi ở gần Aurora, trong phòng nhà nghỉ trên đường 1, theo hướng đi Vermont. Nhà nghỉ Sea Side. Hiện tại nhà nghỉ này vẫn còn ở đó. Tôi ở phòng số 8, ngồi trên giường chờ đợi, người thơm phức mùi nước hoa như một thiếu niên, trên tay là bó cẩm tú cầu xanh lơ, đó là loại hoa mà Nola rất thích. Chúng tôi hẹn gặp nhau lúc 19 giờ, nhưng tôi đợi mãi mà cô ấy không tới. Lúc 21 giờ, nghĩa là đã trễ hẹn hai tiếng, mà Nola là người không bao giờ trễ hẹn, không bao giờ, tôi đặt những bông cẩm tú cầu vào bồn rửa rồi bật đài nghe cho khuây khỏa. Đêm đó là một đêm nặng nề, trời nổi giông bão, vô cùng nóng nực, tôi thấy ngọt ngào trong bộ com lê. Tôi rút mảnh giấy trong túi ra, đọc đi đọc lại hàng chục lần, có lẽ đến cả trăm lần. Mảnh giấy Nola viết cho tôi mấy hôm trước đó, những con chữ xinh xắn ngập tràn yêu thương mà tôi sẽ không bao giờ có thể quên, bảo tôi rằng:

Xin anh đừng lo lắng Harry, đừng lo lắng vì em, em sẽ tự tìm cách để gặp anh ở đây. Hãy đợi em ở phòng số 8, em rất thích con số này, nó là số em thích nhất. Hãy đợi em trong phòng lúc 19 giờ. Sau đó chúng ta sẽ ra đi cùng nhau, sẽ bên nhau mãi mãi. Yêu anh thật nhiều, người yêu đầu của em.

Nola.

“Tôi nhớ lúc đó trên đài người ta thông báo bây giờ là 22 giờ. 22 giờ mà Nola vẫn chưa đến. Thế rồi tôi ngủ thiếp đi, mặc nguyên cả quần áo nằm trên giường. Khi tôi mở mắt ra thì trời đã sáng. Đài vẫn tiếp tục nói, đó là bản tin thời sự 7 giờ sáng:... tổng báo động trên toàn bộ thành phố Aurora sau vụ một thiếu nữ mười lăm tuổi, tên là Nola Kellergan, mất tích tối hôm qua, vào khoảng 19 giờ. Cảnh sát tìm tất cả những người có thể cung cấp

thông tin [...] Vào lúc biến mất, Nola Kellergan mặc váy đỏ [...]. Tôi hoảng sợ, đứng bật dậy. Tôi vội vàng vút bó hoa rồi quay trở lại thành phố Aurora, quần áo xộc xệch, tóc tai bù xù. Tôi đã thanh toán tiền phòng từ hôm trước.

“Chưa bao giờ tôi thấy ở Aurora có nhiều cảnh sát đến vậy. Xe cảnh sát đến từ mọi miền. Trên đường 1, có thanh chắn lớn chắn ngang để kiểm tra tất cả xe ô tô ra vào thành phố. Tôi gặp Cảnh sát trưởng Gareth Pratt, súng lăm lăm trong tay:

– Thưa đội trưởng, tôi vừa nghe trên đài, tôi nói.

– Thật là rác rưởi, bản thủ, ông ta đáp.

– Chuyện gì xảy ra vậy?

– Không ai biết gì cả: Nola Kellergan đã biến mất khỏi nhà. Người ta thấy cô bé ở đường Side Creek tối hôm qua rồi từ đó không còn dấu vết gì nữa. Toàn vùng đã bị chặn chốt, cả cánh rừng đã được bới tung lên để tìm kiếm, nhưng vẫn chưa thấy Nola.

“Trên đài, người ta miêu tả tóm tắt về cô ấy như thế này: thiếu nữ, da trắng, cao 1m69, nặng 50kg, tóc vàng dài, mắt xanh, mặc váy đỏ, đeo dây chuyền vàng khắc tên Nola. Váy đỏ, váy đỏ, váy đỏ. Đó là chiếc váy cô ấy thích nhất. Cô ấy mặc chiếc váy đó là vì tôi. Vậy đấy. Đêm 30 tháng Tám năm 1975, tôi đã làm những việc như vậy đấy!

Roth và tôi sửng sờ.

– Hai người phải chạy trốn với nhau à? Tôi hỏi. Đúng vào cái ngày cô ấy biến mất, thầy và cô ấy phải chạy trốn với nhau à?

– Đúng vậy.

– Chính vì vậy mà khi gọi điện thoại cho em hôm trước, thầy bảo là do lỗi của thầy phải không? Hai người hẹn nhau nhưng cô ấy không đến và bị mất tích trên đường đến chỗ hẹn ...

Ông gật đầu buồn bã:

– Tôi nghĩ rằng, nếu không có cuộc hẹn đó, có thể cô ấy còn sống...

Khi chúng tôi bước ra khỏi phòng, Roth bảo tôi âm mưu chạy trốn của Harry và Nola là thảm họa cần phải giấu nhẹm đi bằng mọi giá. Nếu thẩm phán mà biết được thì Harry hết đời. Chúng tôi chia tay nhau ở bãi đỗ xe. Đợi đến khi ngồi hẳn vào trong xe riêng, tôi mới mở cuốn sổ ra đọc những chữ thầy Harry vừa viết ban nãy:

Marcus-trên bàn thầy, có chiếc bình gốm. Dưới đáy bình, có một chìa khóa. Đó là chìa khóa ô tử đựng đồ tập của thầy, ô tử số 201 ở trung tâm thể dục Montburry. Tất cả trong đó. Hãy đốt hết đi. Thầy đang gặp nguy hiểm.

Montburry là thành phố láng giềng của Aurora, nằm sâu hơn chục dặm về phía đất liền. Buổi chiều cùng ngày, sau khi qua Goose Cove để ghé về nhà tìm chìa khóa lẫn giữa đồng ghim giấy trong chiếc bình gốm, tôi đi luôn Montburry. Tại đây chỉ có đúng duy nhất một phòng tập, nằm trong tòa nhà hiện đại hoàn toàn bằng kính trên trục đường chính.

Khu tủ để đồ không bóng người, tôi thấy ngăn tủ số 201, tra chìa khóa vào thì vừa khít. Bên trong, có một bộ quần áo kéo khóa, một hộp đường nhỏ, một đôi găng đấm bốc và chiếc hộp gỗ trữ danh mà tôi phát hiện trước đó mấy tháng trong phòng làm việc tại nhà Harry. Mọi thứ trong đó còn nguyên: những tấm ảnh, những bài báo và tin nhắn chính tay Nola viết. Tôi còn thấy một tập giấy ghim lại với nhau đã ngả vàng. Trang bìa hoàn toàn trắng, không có tựa đề. Tôi xem lướt qua những trang tiếp theo: những trang viết tay mà chỉ cần đọc những dòng đầu tiên, tôi cũng thừa hiểu đây là bản thảo của *Nguồn gốc*

cái xấu xa. Tập bản thảo nằm ngủ yên giữa tủ quần áo của trung tâm thể dục thẩm mỹ này chính là tập bản thảo tôi đã ra sức tìm kiếm trước đó mấy tháng. Tôi ngồi xuống ghế dài gỡ xem các trang giấy, run người vì thán phục: những hàng chữ viết hoàn hảo, không hề tẩy xóa. Tôi say sưa tới mức không nhận thấy một số người đang bước vào thay quần áo.

Tôi không tài nào rời mắt khỏi những trang viết. Tuyệt tác mà tôi hằng ao ước viết được là đây, Harry đã làm được điều đó. Ông ngồi trong một tiệm ăn mà viết nên tuyệt tác với các câu chữ tinh túy khiến toàn nước Mỹ phải cảm động và cất giấu bên trong đó một cách vô cùng cẩn trọng và tài tình câu chuyện tình của mình với Nola Kellergan.

Khi về tới Goose Cove, tôi làm theo lời Harry một cách thận trọng. Tôi đốt lửa trong lò ở phòng khách rồi ném toàn bộ mọi thứ đựng trong chiếc hộp gỗ vào đó: bức thư, những chiếc ảnh, những bài báo được cất ra từ tạp chí và cuối cùng là tập bản thảo viết tay. Thầy đang gặp nguy hiểm, Harry đã viết cho tôi như vậy. Nhưng không biết ông muốn nói đến nguy hiểm nào? Ngọn lửa bùng lên dữ dội: bức thư của Nola chỉ còn là đống tro tàn, các bức ảnh cũng trở thành tro rồi hoàn toàn biến mất dưới tác động của hơi nóng. Tập bản thảo chất đóng hóa thành ngọn lửa lớn màu cam, rồi những trang giấy tách rời nhau nhanh chóng thành tro tàn. Ngồi trước ống khói, tôi chứng kiến câu chuyện tình của Harry và Nola đang dần biến mất.

Thứ Ba ngày 3 tháng Sáu năm 1975

Hôm đó thời tiết rất xấu. Buổi chiều dần tàn trên bãi biển vắng tanh. Kể từ khi anh tới Aurora, chưa bao giờ bầu trời đen tối và hung dữ đến vậy. Đại dương gầm thét sùi bọt thịnh nộ: chắc trời sắp mưa to. Chính thời tiết xấu khiến anh có hứng ra khỏi nhà: anh bước đi trên con đường gỗ nối liền giữa sân nhà

với bãi biển rồi ngồi xuống bãi cát. Quyển sổ đặt trên đầu gối, chiếc bút lăn trên trang giấy: cơn bão sắp đến gợi cho anh cảm hứng, anh đang hình thành ý tưởng cho một cuốn tiểu thuyết lớn. Trong những tuần gần đây, anh có rất nhiều ý tưởng hay cho cuốn tiểu thuyết mới, nhưng chúng vẫn còn rất lộn xộn: bắt đầu không dở nhưng anh lại kết thúc thật dở.

Từ trên cao, những giọt mưa đầu tiên rơi xuống. Mới đầu là từng giọt một, rồi bỗng dừng ào ào như trút. Anh muốn chạy đi tìm nơi trú ẩn nhưng đúng lúc đó anh thấy nàng đi tới với đôi chân trần, tay cầm xăng đan, bên bờ đại dương, nàng vừa nhảy nhót dưới mưa vừa đùa nghịch với những con sóng. Anh đứng như trời trồng ngạc nhiên và say sưa chiêm ngưỡng: nàng chạy dọc theo nét vẽ của những con sóng để lại trên cát, vừa thận trọng không để cho ướt tà váy. Một giây xao nhãng, nước dâng lên đến tận mắt cá, nàng ngạc nhiên phá lên cười.

Nàng tiến sâu thêm về phía đại dương xám, quay tròn mấy vòng rồi tiếp tục chạy ra phía đại dương mênh mông. Cứ như thể cả thế giới thuộc về nàng. Chiếc bờm tóc màu vàng đính hoa cài giữa suối tóc vàng đang bị gió thổi tung ngăn không cho những lọn tóc đập vào khuôn mặt nàng. Bây giờ trời đã mưa như trút nước. Khi phát hiện anh đứng cách khoảng chục mét, nàng sửng người lại. Cảm thấy ngại ngùng vì có người nhìn, nàng kêu lên:

– Xin lỗi... em không biết có ông ở đây.

Anh thấy trái tim đập rộn ràng.

– Đừng, không cần phải xin lỗi, anh trả lời. Cứ tiếp tục đi, cứ tiếp tục đi. Đây là lần đầu tiên tôi thấy một người yêu mưa đến vậy.

Khuôn mặt nàng rạng rỡ.

– Ông cũng thích mưa à? Nàng hỏi vẻ say mê.

– Thích gì cơ?

– Mưa.

– Không... Tôi... thực ra tôi rất ghét.

Nàng nở nụ cười thiên thần.

– Làm sao lại có thể ghét mưa được nhỉ? Em chưa bao giờ thấy điều gì đẹp như thế! Hãy nhìn này! Nhìn này.

Anh ngẩng đầu lên: mưa đọng thành giọt trên mặt. Hàng triệu những đường mưa dài đang vạch ra trên không, anh quay một vòng. Nàng cũng làm như vậy. Họ cười, người ướt sũng. Cuối cùng họ đi trú mưa dưới lan can phía tiền sảnh của ngôi nhà. Anh rút một bao thuốc lá từ trong túi ra, cơn mưa chưa kịp làm ướt toàn bộ. Anh châm một điếu.

– Em có thể xin một điếu được không? Cô gái hỏi.

Anh chìa cho nàng bao thuốc lá, nàng rút một điếu. Anh đã hoàn toàn bị chinh phục.

– Có phải ông là nhà văn không? nàng hỏi.

– Vâng.

– Ông đến từ New York à?

– Vâng.

– Em muốn hỏi ông một câu: Tại sao ông lại bỏ New York để đến sống ở nơi xa xôi hẻo lánh này?

Anh cười:

– Tôi muốn thay đổi không khí.

– Em tha thiết mong muốn được đi thăm New York! Nàng nói. Em sẽ đi bộ hàng giờ liền, em sẽ xem tất cả các buổi diễn ở Broadway. Có thể em sẽ trở thành một ngôi sao. Một ngôi sao ở New York...

– Tôi xin lỗi, Harry ngắt lời, nhưng chúng ta có quen nhau không nhỉ?

Nàng lại cười, vẫn là nụ cười tuyệt diệu ấy.

– Không, nhưng ai mà chả biết ông cơ chứ. Ông là nhà văn. Chào mừng ông tới Aurora. Em tên là Nola. Nola Kellergan.

– Tôi tên là Harry Quebert.

– Em biết rồi. Ai cũng biết ông hết. Em đã nói với ông rồi mà. Anh giơ tay ra định bắt tay chào, nhưng nàng lại tựa lên cánh tay anh, nhón chân kiểng lên hôn vào má anh.

– Em phải đi đây. Ông không được nói là em hút thuốc nhé!

– Không, tôi hứa.

– Tạm biệt nhà văn. Hi vọng chúng ta sẽ gặp lại nhau.

Nói rồi cô gái biến mất sau làn mưa dày đặc.

Anh hoàn toàn bị khuấy động. Nàng là ai? Tim đập rộn ràng, xốn xang, anh cứ đứng bất động như vậ dưới mái hiên, đến tận khi bóng đêm tràn xuống. Anh không còn cảm thấy trời mưa, cũng không cảm thấy trời tối. Anh băn khoăn tự hỏi không biết nàng bao nhiêu tuổi. Nàng còn quá trẻ, anh biết điều đó. Nhưng anh đã hoàn toàn bị chinh phục mất rồi. Tâm hồn anh đã bị nàng thấp lửa.

* * *

Cú điện thoại của Douglas đã kéo tôi về với thực tế. Hai tiếng đồng hồ đã trôi qua, màn đêm bao trùm lên tất cả. Trong lò sưởi, chỉ còn lại những tro tàn.

– Ai cũng nói đến cậu, Douglas nói. Không ai hiểu cậu đến bang New Hampshire làm gì... Ai cũng bảo cậu đang làm điều

ngu dại nhất trong đời cậu.

– Ai cũng biết Harry và mình là bạn bè, mình không thể khoanh tay đứng nhìn!

– Nhưng chuyện này là chuyện khác, Marc ạ. Đây là vụ giết người. Tố nghi cậu không ý thức hết được tính nghiêm trọng của vụ xì căng đan này. Barnaski đang lồng lộn lên, hẳn đang nghĩ cậu sẽ chẳng có sách siếc gì mang về nộp cho hắn. Hẳn bảo cậu đang chết dẫm ở bang New Hampshire. Rõ là hắn chẳng sai... Hôm nay là ngày 17 tháng Sáu rồi, Marc ạ. Mười sáu ngày nữa là hết hạn nộp sách cho hắn. Mười sáu ngày nữa là cậu thôi đời.

– Mẹ kiếp, thế cậu nghĩ là mình không biết à? Cậu còn phải gọi mình vì chuyện đó à? Để báo cho mình biết tình trạng của chính bản thân mình là thế nào à?

– Không, tớ gọi cậu vì tớ nghĩ tớ có ý tưởng này hay.

– Ý tưởng à? Nói nghe xem nào!

– Hãy viết truyện về vụ Harry Quebert.

– Cái gì? Không, không bao giờ có chuyện ấy, mình không thể giẫm lên lưng Harry mà phật cờ!

– Tại sao lại là giẫm lên lưng? Cậu nói với tớ là cậu muốn đến bảo vệ ông ta. Hãy chứng minh là ông ta vô tội, hãy chứng minh bằng một cuốn sách. Cậu có tưởng tượng được thành công sẽ như thế nào không?

– Làm tất cả những việc như thế trong vòng mười ngày á?

– Tớ đã nói vậy với Barnaski để trấn tĩnh hắn...

– Cái gì? Cậu đã...

– Trước khi cậu nổi giận, hãy bình tĩnh nghe tớ nói đã, Marc. Barnaski cho rằng đây là thời cơ vàng! Ông ta bảo Marcus

Goldman kể chuyện Harry Quebert sẽ là thương vụ có doanh số bạc tỉ! Cuốn sách hoàn toàn có thể sẽ là cuốn sách của năm. Ông ta đã sẵn sàng thương lượng lại hợp đồng với cậu. Ông ta đề nghị sẽ làm lại từ đầu: cậu sẽ kí hợp đồng mới với ông ta, hủy hợp đồng cũ, hơn nữa, cậu sẽ có thêm khoản ứng trước là nửa triệu đô. Cậu có biết như vậy nghĩa là gì không?

– Có nghĩa là cuốn sách này sẽ chấp cánh lại cho sự nghiệp của tôi.

– Đảm bảo sẽ là cuốn sách bán chạy nhất, một thành công chắc chắn và một núi tiền trong tay.

– Tại sao Barnaski lại làm vậy vì mình?

– Ông ta không làm như vậy vì cậu, mà vì chính ông ấy. Marc ơi, cậu không tính hết được đâu, bây giờ, ai ai cũng nói đến chuyện này. Đây sẽ là thương vụ thế kỉ!

– Mình nghĩ mình không đủ khả năng. Mình không còn biết phải viết như thế nào nữa. Thậm chí mình còn nghĩ không biết có khi nào mình lại có thể viết được lần nữa hay không. Còn việc điều tra... thì đã có cảnh sát lo. Mình chả biết điều tra thế nào...

Douglas tiếp tục năn nỉ:

– Marc, đây là cơ hội cả đời có một đấy.

– Mình sẽ suy nghĩ thêm về chuyện này. - Khi cậu nói suy nghĩ nghĩa là cậu sẽ không bao giờ suy nghĩ đâu...

Câu nói này khiến cả hai chúng tôi phá lên cười: bạn tôi hiểu tôi quá rõ.

– Doug này, liệu người ta có thể phải lòng một bé gái mười lăm tuổi được không?

– Không.

- Sao cậu lại chắc chắn thế?
- Ôi tớ chả chắc chắn cái gì cả.
- Thế tình yêu là gì?
- Ôi, Marc, làm ơn thương hại tớ đi, đừng có giở triết lí ra lúc này...

- Nhưng, Douglas này, ông ấy đã yêu một bé gái mười lăm tuổi đấy. Hôm nay, trong nhà tù, ông ấy đã kể cho mình nghe: ông ấy ngồi trên bãi biển, nhìn thấy bé gái ấy ở phía trước và ngay lập tức đã phải lòng.

- Tại sao lại chính là cô ấy mà không phải là người khác?
- Tớ không biết, Marc ạ. Nhưng tớ rất tò mò muốn biết điều gì đã ràng buộc cậu với cái tay Quebert đến mức đó.

- Siêu Nhân, tôi trả lời.

- Ai?

- Siêu Nhân hay một thanh niên không có khả năng vươn lên trong cuộc sống. Cho đến tận khi hắn gặp Harry. Chính Harry là người đã dạy mình trở thành nhà văn. Cũng chính Harry dạy cho mình tầm quan trọng của việc biết cách ngã.

- Cậu đang huyền thuyên cái gì thế Marc? Cậu say rượu à? Tớ chả hiểu gì cả. Cậu là nhà văn vì cậu có năng khiếu.

- Không, hoàn toàn sai. Không ai sinh ra là nhà văn cả. Mà người ta phải có quá trình trở thành nhà văn.

- Thế điều đó đã xảy ra ở Burrows năm 1998 à?

- Đúng vậy. Harry đã truyền cho mình mọi hiểu biết... Mình nợ ông ấy tất cả.

- Cậu có thể kể cho tớ nghe không?

- Được chứ!

Tối hôm đó, tôi đã kể cho Douglas nghe câu chuyện gắn liền

tôi với Harry. Sau cuộc nói chuyện, tôi đi xuống bãi biển. Tôi cần được hít thở không khí. Xuyên qua bóng đêm, tôi lơ mơ nhìn thấy một tầng mây dày trôi nặng nề, một cơn giông sắp sửa kéo đến. Bất chợt gió nổi lên: cây cối điên cuồng chao đảo, cứ như thể cả vũ trụ đang tiên liệu về cái kết của nhà văn thiên tài Harry Quebert.

Mãi thật khuya tôi mới quay vào nhà. Ngay khi tới lối cửa chính, tôi thấy một dòng tin nhắn nặc danh để lại trong lúc tôi vắng mặt. Cái phong bì rất đơn giản, không có tín hiệu nào, ở bên trong đó có một tin nhắn được đánh máy:

Hãy trở về nhà, Goldman.

Tâm quan trọng của biết cách ngã (Đại học Burrows, Massachusetts, 1998- 2002)

“Harry, nếu chỉ được giữ lại một bài học, thầy sẽ giữ lại bài học gì?”

– Thầy muốn hỏi anh câu đó.

– Là em, em sẽ giữ lại bài học về tầm quan trọng của biết cách ngã.

– Thầy hoàn toàn đồng ý với anh. Đời là cú trượt dài, Marcus ạ. Điều quan trọng nhất là phải biết cách ngã.”

Năm 1998, ngoài sự kiện những đợt bão tuyết lớn làm tê liệt cả Bắc Mỹ và một phần Canada khiến hàng triệu người bất hạnh sống trong tăm tối suốt nhiều ngày, còn có cuộc gặp gỡ của tôi với Harry. Mùa thu năm đó, rời khỏi trường Felton, tôi bắt đầu hòa nhập vào cuộc sống trong khu ký túc xá của trường đại học Burrows, bao gồm những công trình và những tòa nhà được xây dựng trước và từ thời nữ hoàng Victoria, bao bọc xung quanh là những thảm cỏ được chăm sóc rất tỉ mỉ. Tôi được phân một phòng ở khu phía Đông của ký túc xá, chung phòng với cậu sinh viên Jared gây giở xương nhưng rất dễ thương đến từ Idaho. Jared là một thanh niên Da Đen tốt bụng đeo kính cận. Cậu ấy rõ ràng là được thoát ra khỏi một gia đình khá độc đoán, lúc nào cũng cảm thấy rất sợ sệt trước sự tự do mới của mình, luôn miệng hỏi không biết có được phép hay không. “Tớ có được phép ra ngoài mua một lon coca không

nhỉ? Tớ có được phép về ký túc xá muộn hơn 22 giờ không nhỉ? Tớ có được phép mang đồ ăn vào phòng ngủ không nhỉ? Tớ có được phép nghỉ học khi bị ốm không nhỉ?” Lúc nào tôi cũng trả lời cậu ta rằng kể từ sau khi sửa đổi luật lần thứ 13, tức luật hủy bỏ chế độ nô lệ, thì cậu ta có quyền làm bất kì điều gì mà cậu ta muốn. Mặt mày cậu ta rạng rỡ hẳn lên vì vui sướng.

Jared có hai điều ám ảnh: học bài và gọi điện thoại về thông báo cho mẹ rằng mọi việc đều tốt đẹp. Về phía tôi, tôi chỉ có mỗi một điều ám ảnh thôi: đó là trở thành nhà văn nổi tiếng. Tôi dành toàn bộ thời gian để viết bài cho tờ tạp chí của trường đại học, nhưng tờ tạp chí này chỉ thỉnh thoảng đăng bài của tôi, mà lại chỉ đăng ở các vị trí xấu nhất, Xen giữa những mục quảng cáo của các doanh nghiệp địa phương chẳng ai thèm quan tâm: Nhà in Lukas, Thông hút bể phốt Forster, Hiệu làm đầu Francois hay Hoa tươi Julie. Tôi thấy tình hình này thật tồi tệ và bất công. Thật ra mà nói, kể từ khi nhập học, tôi luôn phải đối đầu với sự cạnh tranh khốc liệt của một sinh viên Da Đen tên là Dominic Reinhartz, sinh viên năm ba, được trời phú cho một tài năng viết lách đặc biệt nên cạnh anh ta, tôi chỉ là chiếc bóng mờ nhạt. Anh ta giành được tất cả mọi vinh dự vẻ vang của tờ tạp chí. Cứ mỗi một số báo ra đời, tôi lại không tránh khỏi ngạc nhiên khi ở thư viện người ta dùng những lời lẽ vô cùng tán phục bàn luận về các chủ đề anh ta đưa ra. Người duy nhất ủng hộ tôi một cách trung thành nhất là Jared: cậu ấy say mê đọc các đoạn tin ngay từ khi tôi viết xong, và sau đó lại say mê đọc lại khi nó được xuất hiện trên tờ tạp chí. Lúc nào tôi cũng tặng cậu ta một cuốn, nhưng Jared cứ khẳng khẳng một mực đòi trực tiếp đến văn phòng tạp chí để trả hai đô la đúng theo giá bán, hai đô là số tiền chính cậu ta phải cực nhọc dọn vệ sinh trường suốt hai ngày cuối tuần mới kiếm được. Tôi nghĩ thực

sự Jared vô cùng thán phục tôi. Cậu ấy thường nói với tôi: “Marcus, cậu là một thiên tài, Marcus ạ ... Cậu ở nơi xó xỉnh Burrows, Massachusetts này làm đéch gì cơ chứ, hả?” Vào một tối mùa hè mát mẻ, chúng tôi nằm dài trên thảm cỏ trong khuôn viên trường vừa uống bia vừa ngắm bầu trời trong xanh, thì Jared hỏi, không biết chúng tôi có được phép giẫm lên cỏ vào ban đêm không. Sau đó cậu ta kêu lên khi thấy một ngôi sao đổi ngôi:

– Ước điều gì đi, Marcus! Ước đi!

– Tớ ước chúng mình đều sẽ thành công trong cuộc sống, tôi trả lời. Thế sau này cậu muốn làm gì hả Jared?

– Tớ chỉ muốn làm người tốt thôi, Marc ạ, thế còn cậu?

– Tớ muốn trở thành nhà văn lớn, có thể bán hàng triệu, hàng triệu cuốn sách.

Cậu ta trợn tròn mắt lên. Tôi thấy đôi đồng tử của cậu ta sáng lấp lánh trong đêm như hai vàng trắng.

– Tất nhiên là cậu sẽ làm được, Marc ạ. Cậu là thằng rất có tài!

Nhưng tôi tự nhủ rằng một ngôi sao đổi ngôi có thể được coi là đẹp đấy, nhưng ngôi sao đó sợ phải tỏa sáng nên luôn đào tẩu càng xa càng tốt. Hơi hơi giống như tôi vậy.

Jared và tôi không bao giờ vắng mặt ngày thứ Năm khi có các buổi học của một trong những nhân vật trung tâm của trường đại học: nhà văn Harry Quebert. Harry Quebert là người đàn ông cực kì ấn tượng với uy tín và nhân cách đặc biệt, một giảng viên khác hẳn các giảng viên khác, được sinh viên yêu quý và đồng nghiệp kính trọng. Ông là người có sức ảnh hưởng lớn ở Burrows, tất cả mọi người đều lắng nghe và tôn trọng các ý kiến của ông, không chỉ bởi vì ông là Harry Quebert, là NHÀ VĂN

Harry Quebert, cây bút xuất sắc của nước Mỹ, mà còn bởi vì ông có dáng người to cao vạm vỡ, vẻ thanh lịch tự nhiên và giọng nói vừa trầm ấm vừa truyền cảm. Trên các hành lang của trường đại học và trên các lối đi trong khu kí túc xá sinh viên, ai cũng đều quay lại chào Harry khi ông đi qua. Sự nổi tiếng của Harry rất lớn: sinh viên trong trường ai cũng biết ơn ông vì đã hi sinh thời gian cho cái trường đại học nhỏ đến thế, ai cũng ý thức được rằng chỉ cần một cú điện thoại thì thầy Harry cũng sẽ có vị trí ở những nơi uy tín nhất đất nước. Hơn nữa, thầy Harry là người duy nhất trong toàn bộ đội ngũ giáo viên của trường giảng bài ngay tại giảng đường chính mà bình thường chỉ dùng để tổ chức lễ trao bằng tốt nghiệp hoặc làm sân khấu cho các dịp biểu diễn.

Năm 1998 cũng là năm xảy ra sự kiện Lewinsky^[4]. Năm 1998, là năm luận bàn về con chim của tổng thống, trong năm đó cả nước Mỹ kinh hoàng phát hiện những hành vi tình dục đồi trụy xảy ra ngay cả ở cơ quan cấp Nhà nước cao nhất liên bang, theo đó Ngài Tổng thống đáng kính của chúng ta buộc phải đứng trước toàn thể quốc gia tỏ thái độ ân hận vì để cho cô thực tập sinh mẫn cán và trung thành liếm láp những bộ phận cơ thể đặc biệt của mình. Là một chủ đề buồn đưa lê thú vị nên sinh viên nào cũng nói đến: ở trong khu ký túc xá, tất cả mọi người chỉ nói đến chuyện này và ngây thơ đoán già đoán non xem điều gì sẽ xảy đến với vị Tổng thống của chúng tôi.

Một sáng thứ Năm cuối tháng Mười, Harry Quebert đã nhập đề bài giảng của mình theo cách như thế này: “Các anh các chị sinh viên thân mến, tất cả chúng ta đều đang rất kích động trước sự việc vừa diễn ra tại Washington, đúng không? Vụ Lewinsky... Các anh chị lưu ý cho tôi một điều rằng kể từ thời của George Washington, người ta đã thống kê được rằng trong

toàn bộ lịch sử nước Mỹ của chúng ta, có hai lí do khiến một nhiệm kì tổng thống kết thúc: hoặc là người vô dụng nổi tiếng như Richard Nixon hoặc là qua đời. Tính cho đến tận ngày hôm nay, có tất cả chín vị Tổng thống đã kết thúc nhiệm kì do một trong hai nguyên nhân này: Nixon thì từ chức còn tám vị khác thì đã qua đời, một nửa trong số người chết là do bị ám sát. Nhưng bây giờ, xuất hiện thêm nguyên nhân thứ ba được cho vào danh sách, đó là việc kích dục bằng miệng. Quan hệ bằng miệng, con c. , bú liếm, mút mát. Mỗi người chúng ta đều tự hỏi liệu vị Tổng thống hùng mạnh của chúng ta, khi quần tụt xuống đến đầu gối, có còn là vị Tổng thống hùng mạnh nữa hay không. Bởi vì tình dục và đạo đức là những điều say mê của toàn nước Mỹ. Nước Mỹ là thiên đường của dương vật. Các anh chị sẽ thấy, chỉ vài năm nữa thôi, sẽ không ai còn nhớ Ngài Clinton đã vực dậy nền kinh tế thảm thương của chúng ta, đã lãnh đạo một cách tài tình mặc dù Đảng Cộng hòa chiếm đa số trong Nghị viện, hay đã bắt tay với ông Rabin và ông Arafat. Thế nhưng, ai ai cũng sẽ nhớ vụ bê bối với Lewinsky, bởi vì, thưa quý anh quý chị, con c. sẽ được in đậm trong trí nhớ. Còn gì nữa! Vị Tổng thống của chúng ta cũng thích thỉnh thoảng được bơm căng cái mẩu nơ ấy lên. Thế thì đã sao? Ông không phải là người duy nhất thích làm vậy. Còn ai trong giảng đường này cũng thích điều đó nào?”

Nói đến đây, Harry dừng lại và nhìn chăm chú vào cử tọa. Im lặng thật lâu: phần lớn sinh viên cúi gằm mặt xuống ngắm giày. Jared ngồi cạnh tôi thậm chí còn nhắm mắt lại để tránh cái nhìn của thầy. Còn tôi, tôi giơ tay lên. Tôi ngồi ở hàng ghế đầu tiên. Thầy Harry, chỉ tôi và nói đồng dục :

– Mời bạn đứng dậy, anh bạn trẻ. Hãy đứng lên cho tất cả nhìn rõ và nói cho chúng ta biết một cách chân thực nhất

những gì anh nghĩ về chuyện này?

Tôi kiêu hãnh đứng hẳn lên ghế.

– Thưa thầy, em tên là Marcus Goldman, em rất thích cái tẩu và em rất thích được hút tẩu. Cũng giống như vị Tổng thống của chúng ta vậy.

Harry kéo cặp kính đọc sách trễ xuống, nhìn tôi với vẻ khoái trí. Sau này thầy thổ lộ với tôi: “Ngày hôm đó, khi nhìn thấy anh, Marcus, chàng trai đầy kiêu hãnh có cơ thể khỏe khoắn đứng trên ghế, tôi nghĩ thầm: Chúa ơi, thật là một người đàn ông tuyệt vời”. Nhưng vào lúc đó, thầy Harry chỉ đơn giản nói rằng:

– Hãy nói cho chúng ta biết, chàng trai: anh muốn được con trai hay con gái mút tẩu?

– Con gái, thưa thầy Quebert. Em là người yêu thích tình dục khác giới chân chính và là công dân Mỹ chân chính. Cầu Chúa ban phước cho Tổng thống của chúng ta, cho tình dục và cho nước Mỹ.

Cả cử tọa quá đỗi bất ngờ, phá lên cười và vỗ tay rầm rầm. Harry rất vui. Thầy giảng giải cho tất cả các bạn trong lớp:

– Các anh chị sẽ thấy, từ bây giờ không còn ai nhìn chàng trai tội nghiệp này như trước nữa. Tất cả đều sẽ nói rằng: hẳn là một tên bản thủ chỉ thích được mút mát. Tài năng của anh ta sẽ chẳng còn quan trọng gì nữa, phẩm chất của anh ta cũng chẳng còn quan trọng gì nữa, anh ta sẽ mãi mãi chỉ là “Cái Tẩu” mà thôi. (Rồi thầy lại quay về phía tôi). Thưa anh Tẩu, vậy anh có thể cho chúng tôi biết tại sao anh lại thổ lộ cho chúng tôi những điều kín đáo như vậy trong khi những người bạn học của anh giữ im lặng?

– Thưa thầy Quebert, tại vì ở thiên đường của dương vật thì

tình dục có thể làm thầy mất sạch nhưng cũng có thể làm thầy thăng thiên lên đỉnh cao chói vót. Giờ đây khi mà cả lớp đều hướng về phía mình, thì mình vui mừng thông báo với các bạn rằng hiện mình đang viết rất nhiều bài hay đăng trên tờ tạp chí của trường đại học, tạp chí được bán với giá chỉ có 5 đô la một cuốn ngay tại lối vào của giảng đường này.

Kết thúc buổi học, thầy Harry đến gặp tôi ở lối ra của giảng đường. Còn các bạn cùng lớp tôi ngày hôm đó đã mua sạch chỗ tạp chí tồn kho. Thầy Harry mua nốt của tôi cuốn cuối cùng.

– Anh bán được bao nhiêu quyển ngày hôm nay? Thầy hỏi tôi.

– Em bán hết tất cả số lượng em có , tức là 50 quyển. Thêm vào đó, các bạn ấy còn đặt mua tổng cộng đến cả trăm quyển, tất cả đều trả tiền trước. Em đã mua với giá 2 đô la một quyển và bán lại cho họ giá 5 đô la. Vậy là em vừa mới kiếm được 450 đô la. Ngoài ra, một thành viên của Ban giám hiệu vừa mới đề nghị em làm Tổng biên tập. Ông ấy nói là em vừa mới thực hiện được một cú quảng cáo ra trò cho cuốn tạp chí mà ông ta chưa bao giờ được chứng kiến. À, em suýt quên không kể, có hàng chục bạn gái đã để lại số điện thoại cho em. Thầy có lí, chúng ta đang ở thiên đường của dương vật. Sử dụng nó hợp lí là việc của mỗi người chúng ta.

Thầy mỉm cười và chìa tay ra cho tôi.

– Tôi là Harry Quebert, thầy tự giới thiệu.

– Thưa thầy, em biết thầy rồi ạ. Em là Marcus Goldman. Em ước mơ được trở thành nhà văn lớn như thầy. Em hi vọng thầy sẽ hài lòng về các bài viết của em đăng trên tạp chí.

Chúng tôi bắt tay nhau thật chặt rồi thầy nói với tôi:

– Marcus yêu quý, thầy tin chắc là anh sẽ tiến rất xa.

Thật ra thì ngày hôm đó, tôi chả tiến đi đâu xa hơn phòng làm việc của thầy Dustin Pergal, Trưởng khoa Văn học, người triệu tập tôi đến với thái độ rất tức giận.

– Này chàng trai, thầy nói với tôi bằng cái giọng mũi không hề điềm tĩnh đồng thời bấu tay chặt vào lưng ghế tựa.- Có phải hôm nay ngay chính giữa giảng đường, anh đã đề cập tới các vấn đề đòi truy?

– Đòi truy ạ? Hoàn toàn không ạ.

– Không phải là hôm nay trước mặt 300 bạn học, anh đã đề cao và ca ngợi lối quan hệ tình dục bằng miệng à?

– Thưa thầy, quả thực đúng là em đã có nói tới cái ống tẩu.

Ông giương mắt lên nhìn trời.

– Thưa anh Goldman, anh có thừa nhận đã sử dụng tất cả các từ Chúa, ban phước, tình dục, tình dục khác giới, tình dục đồng giới và nước Mỹ vào trong cùng một câu không?

– Em không nhớ chính xác câu em nói thế nào, nhưng đúng là có đầy đủ những cái đó.

Ông cố gắng trấn tĩnh, nói chậm rãi từng từ một

– Anh Goldman, anh có thể giải thích cho tôi biết thể loại câu tục tĩu nào có thể chứa đựng tất cả những từ ấy trong cùng một câu không?

–Ồ, thưa thầy, thầy cứ yên tâm, câu em nói hoàn toàn không hề tục tĩu. Em chỉ đơn giản cầu Chúa ban phước lành cho nước Mỹ, cho tình dục và tất cả những hoạt động thực tiễn mà nó có thể nảy sinh như quan hệ từ phía trước, từ phía sau, từ bên phải, từ bên trái, và từ tất cả các góc độ khác nữa, chắc thầy hiểu ý em muốn nói gì. Thầy biết đấy, người Mỹ chúng ta là một dân tộc thích cầu phước. Đó là văn hóa. Mỗi khi chúng ta hài lòng, chúng ta lại cầu phước.

Ông lại giương mắt lên nhìn trời.

– Có phải sau đó anh đã táo tợn mở ngay một điểm bán tạp chí của trường tại lối ra của giảng đường phải không?

– Thưa thầy, chính xác ạ. Nhưng đó là vì bất khả kháng mà em sẵn sàng giải thích ngay. Như thầy thấy đây, em đã rất nỗ lực viết bài cho tạp chí, nhưng ban biên tập chỉ giới hạn các bài viết của em ở những vị trí quá xấu. Vậy nên em phải quảng cáo một chút, nếu không thì sẽ chẳng có ai đọc bài của em. Viết để làm gì nếu như chẳng ai đọc bài mình viết, có đúng không ạ?

– Thế các bài viết của anh có liên quan đến tình dục đồi trụy không?

– Hoàn toàn không, thưa thầy.

– Tôi muốn xem qua.

– Dạ, hoàn toàn được ạ. Năm đô la một cuốn ạ.

Ông Pergal tức điên lên.

– Anh Goldman! Tôi tin chắc là anh chưa nắm hết được tính nghiêm trọng của tình hình. Những điều anh đề cập rất đáng báo động. Có sinh viên đã phản nản! Tình hình này không hay ho gì cho anh, cho tôi và tất cả mọi người. Hình như anh đã tuyên bố (ông đọc trong tờ giấy để trước mặt): “Em rất thích cái tẩu... Em là người yêu thích tình dục khác giới chân chính và là công dân Mỹ chân chính. Cầu Chúa ban phước cho Tổng thống của chúng ta, cho tình dục và cho nước Mỹ”. Nhân danh Chúa, đây là trò gì thế, anh Goldman?

– Đây hoàn toàn là sự thực, thưa thầy Trưởng khoa: em là người thích quan hệ khác giới chân chính và là một người Mỹ chân chính.

– Điều đó tôi không muốn biết! Không ai thèm quan tâm tới xu hướng tình dục của anh, anh Goldman ạ. Những hoạt động

kinh tởm được thực hiện ở chỗ giữa hai chân của anh không liên quan gì đến các bạn học cùng lớp với anh!

– Nhưng em chỉ trả lời câu hỏi của thầy Quebert mà thôi.

Khi nghe tôi nói vậy, ông Pergal tức nghẹn cả họng.

– Gì... Anh bảo gì? Trả lời các câu hỏi của thầy Quebert?

– Vâng, thầy Quebert có hỏi là ai thích được mút tẩu, và bởi vì em là người giơ tay vì em nghĩ thật là bất lịch sự nếu không trả lời khi có người hỏi mình, cho nên thầy Quebert hỏi em thích được con trai hay con gái mút. Thế thôi.

– Thầy Quebert hỏi anh là anh thích được..

– Đúng vậy ạ. Thầy biết đấy, thưa thầy Trưởng khoa, đó là do lỗi của Tổng thống Clinton. Điều mà Tổng thống làm, tất cả mọi người ai cũng muốn làm.

Ông Pergal đứng lên lấy chiếc bìa vải trong đồng hồ sơ treo trên giá. Rồi ông ngồi xuống ghế, nhìn thẳng vào mắt tôi.

– Anh là ai hả Goldman? Hãy giới thiệu cho tôi biết một chút về anh. Tôi tò mò muốn biết anh từ đâu tới.

Tôi trình bày rằng tôi sinh ra vào cuối những năm 1970 ở thị trấn Montclair, New Jersey, mẹ tôi là nhân viên của một cửa hàng lớn còn bố tôi là kỹ sư. Gia đình tôi thuộc tầng lớp trung lưu, là những công dân Mỹ lương thiện. Tôi là con trai độc nhất của gia đình. Thời thơ ấu và niên thiếu tôi rất hạnh phúc mặc dù có chỉ số thông minh cao hơn mức trung bình. Tôi học cấp ba ở trường Felton. Là Siêu Nhân. Là cổ động viên của đội Giants. Đeo chỉnh hàm lúc mười bốn tuổi. Ông bà sống ở Florida, được tắm nắng trời và ăn cam. Chẳng có gì ngoài những chuyện rất bình thường. Không bị dị ứng cũng như các bệnh tật lật vật gì cần sự quan tâm đặc biệt. Bị ngộ độc thức ăn vì thịt gà trong một lần cắm trại hồi tám tuổi với nhóm bạn.

Thích chó nhưng không thích mèo. Hoạt động thể thao bao gồm: chơi bóng crosse, chạy đua và đấm bốc. Tham vọng: trở thành nhà văn nổi tiếng. Không hút thuốc lá vì hút thuốc lá có nguy cơ bị ung thư phổi và sáng mai ngủ dậy có hơi thở hôi hám. Món ăn ưa thích là thịt bò rán và mì ống ăn với phô mát. Thỉnh thoảng ăn hải sản, đặc biệt thích ăn tại quán Joe Stone Crab, ở bang Florida, ngay cả khi mẹ tôi nói là điều đó mang lại bất hạnh do tín ngưỡng tôn giáo.

Ông Pergal không có phản ứng gì trong suốt thời gian nghe kể về tiểu sử của tôi. Khi tôi nói xong, ông chỉ nói đơn giản:

– Anh Goldman này, hãy dừng ngay các trò vớ vẩn đi! Tôi vừa đọc hồ sơ của anh. Tôi đã gọi điện thoại nói chuyện với Hiệu trưởng trường cấp ba Felton. Ông ta bảo tôi anh là học sinh đặc biệt không như những học sinh bình thường khác. Nhẽ ra anh có thể tới học ở các trường đại học lớn danh giá. Vậy hãy nói cho tôi biết, anh đến đây để làm gì?

– Dạ, thưa thầy, em xin lỗi nhưng ý thầy muốn hỏi gì ạ thưa thầy Trưởng khoa?

– Anh Goldman: ai lại đi chọn đại học Burrows thay vì Harvard hay đại học Yale?

* * *

Cú tỏa sáng ở giảng đường đại học Burrows đã thay đổi hoàn toàn đời tôi, mặc dù suýt nữa tôi bị đuổi học. Ông Pergal đã kết thúc cuộc gặp và nói chuyện với tôi bằng cách nói rằng sẽ phải suy nghĩ thêm về số phận của tôi. Rốt cuộc thì tôi không phải chịu kỉ luật gì vì câu chuyện trên. Nhiều năm sau tôi mới biết rằng ông Pergal cho rằng tôi là người đã gây sự một lần thì sẽ

còn gây sự nữa nên đã muốn tổng cổ tôi ra khỏi trường, nhưng chính thầy Harry đã năn nỉ để tôi được tiếp tục ở lại học tại đại học Burrows.

Ngày hôm sau sự việc đáng nhớ đó, tôi đã nhận được sự đồng thuận cao cho vị trí Tổng biên tập tờ tạp chí của trường để mang lại cho nó sự năng động mới. Với tư cách là Siêu Nhân, tôi quyết định tạo sự năng động mới đầu tiên bằng cách ngừng xuất bản tất cả các tác phẩm của Reinhartz và đưa các bài của tôi lên trên trang bìa tạp chí ở mỗi số xuất bản mới. Thứ Hai sau đó, tôi tình cờ gặp thầy Harry ở phòng tập đấm bốc của khu ký túc xá, nơi tôi rất chăm chỉ lui tới kể từ khi nhập học. Nơi này thường thì rất ít người tới, ở Burrows không ai chơi đấm bốc và ngoài tôi ra, thường xuyên còn có Jared, mà bởi vì cần có một đối thủ, mà thích nhất là một đối thủ yếu để có thể chắc chắn thắng cuộc, nên sau khi đấu với nhau một số lần vào các buổi thứ Hai khi cậu ta tới, rốt cuộc tôi đã thuyết phục được Jared tham gia đấm bốc. Tôi đấu với cậu ta bằng niềm thích thú: được là Siêu Nhân mãi mãi.

Ngày thứ Hai hôm thầy Harry đến phòng tập đấm bốc, tôi đang đứng trước tấm gương lớn, bận bịu với việc rèn thể tự vệ. Thầy mặc bộ thể thao trông cũng vô cùng thanh lịch giống như khi thầy mặc bộ com lê lúc giảng bài. Khi bước vào, thầy chào tôi từ xa và chỉ nói với tôi một câu giản dị: “Tôi không biết là anh cũng thích đấm bốc, anh Goldman”. Sau đó, thầy tập luyện với bao cát đấm bốc trong góc phòng. Các động tác của thầy rất tuyệt, nhanh lẹ và dứt khoát. Tôi cực kì háo hức muốn đi lại phía thầy để nói chuyện, muốn kể cho thầy nghe chuyện sau khi ra khỏi lớp hôm đó, tôi đã bị ông Pergal triệu tập như thế nào, rồi đã nói chuyện với ông Pergal về cái ông tẩu, về tự do ngôn luận như thế nào và nói cho thầy biết tôi đã là Tổng biên

tập mới của tờ tạp chí của trường và tôi rất thán phục thầy. Nhưng thầy đã gây ấn tượng cho tôi quá mạnh, nên tôi mãi chiêm ngưỡng thầy đến nỗi không dám tiếp cận.

Thầy lại đến phòng tập vào thứ Hai tuần sau và chứng kiến tôi đã chiến thắng Jared một cách oanh liệt lần thứ hai trong tháng. Ở bên ngoài võ đài, thầy quan sát tôi với vẻ rất quan tâm khi thấy tôi thẳng tay đánh mạnh một cách không thương tiếc người bạn học của mình. Sau trận đấu thầy bảo tôi là một tay bốc tốt, đồng thời thầy còn chia sẻ với tôi rằng chính bản thân thầy cũng muốn tập luyện nghiêm túc nhằm để giữ dáng, giữ phong độ và rất muốn nghe các lời khuyên của tôi. Thầy phải hơn năm mươi tuổi nhưng dưới chiếc áo sơ mi rộng, vẫn lộ rõ một cơ thể kiện tráng, vạm vỡ: thầy đầm bao cát cực khéo, có thể đứng tuyệt đẹp, di chuyển chân hơi chậm nhưng rất vững chãi, thể thủ và phản ứng vô cùng chính xác và nhanh nhạy. Tôi bèn khuyên thầy luyện đầm túi thêm một chút và thế là chúng tôi ở đó với nhau suốt cả buổi tối.

Ngày thứ Hai sau và sau nữa, thầy Harry đều tới phòng tập bốc. Tôi trở thành huấn luyện viên đặc biệt của thầy. Cứ như vậy, dần dần qua các buổi tập luyện, Harry và tôi gắn bó với nhau. Sau các buổi tập, Harry và tôi thường ngồi cạnh nhau trên ghế băng dài bằng gỗ trong phòng thay quần áo, vừa hong cho người khô mồ hôi vừa trò chuyện dông dài. Vài tuần sau đó, thời khắc kinh hoàng đã xảy ra, đó là lúc thầy Harry muốn nhảy lên võ đài đấu với tôi ba hiệp. Hiển nhiên là tôi không dám đấm thầy, nhưng thầy không chần chừ thẳng tay táng ngay cho tôi mấy cú tạt quai hàm ra trò, làm tôi nhiều lần hít đất. Harry cười nói rằng đã mấy năm nay không còn đấm ai như thế nữa nên quên băng nó hay tới mức nào. Sau khi đấm tôi cực kì dã man và chê tôi kém tầm, thầy mời tôi đi ăn tối. Tôi dẫn thầy

đến quán sinh viên trên trục đường nhộn nhịp của Burrows ăn bánh mì kẹp thịt đầy dầu mỡ đồng thời nói chuyện về sách và việc viết sách.

– Anh là một trò giỏi, thầy nói với tôi, anh rất hiểu biết và có kiến thức.

– Em cảm ơn thầy. Thầy đã đọc các bài em viết chưa?

– Chưa.

– Em rất muốn được nghe ý kiến của thầy.

– Được anh bạn ạ, nếu điều đó làm anh vui lòng, tôi hứa sẽ xem rồi nói cho anh biết ý kiến của tôi.

– Dạ vâng, nhưng thầy phải nhận xét thật nghiêm khắc.

– Được, tôi hứa.

Thầy đã gọi tôi là *anh bạn*, làm tôi thấy vô cùng cảm động. Ngay tối hôm đó, tôi gọi điện thoại luôn cho bố mẹ để báo tin chỉ sau có mỗi mấy tháng ở trường đại học mà tôi đã được ăn tối với nhà văn nổi tiếng Harry Quebert. Mẹ tôi điên lên vì hạnh phúc, gọi điện ngay cho cả nửa bang New Jersey mà thông báo rằng Marcus tài năng Marcus của mẹ, *Chàng Siêu Nhân*, có quan hệ với giới cao cấp nhất của lĩnh vực văn chương. Marcus sẽ trở thành nhà văn lớn, điểm này là chắc chắn.

Ăn tối sau các buổi tập bốc nhanh chóng trở thành thông lệ vào các buổi tối thứ Hai hàng tuần, những lúc đó không có gì có thể ngăn cản tôi cảm nhận rõ rệt hơn rằng tôi đúng là *Siêu Nhân*. Tôi giành được mối quan hệ ưu ái với Harry Quebert; từ đó, cứ vào thứ Năm hàng tuần, khi tôi phát biểu trong các giờ giảng của thầy, trong khi thầy gọi các bạn khác chỉ chung chung là anh hay chị, thì đối với tôi, lúc nào thầy cũng thân thiện gọi bằng tên riêng *Marcus*.

Vài tháng sau, khoảng tháng Một hay tháng Hai gì đó, ít lâu

sau Lễ Giáng sinh, vào một bữa ăn tối, tôi nài nỉ thầy Harry cho ý kiến về các truyện ngắn của tôi vì thầy vẫn còn chưa nói cho tôi biết. Do dự một lúc, thầy hỏi:

– Anh thật sự muốn biết à Marcus?

– Tất nhiên em rất muốn biết. Nhưng thầy phải nghiêm khắc phê bình. Mục đích của em là học hỏi.

– Anh viết rất khá. Anh có rất nhiều tài năng.

Tôi đỏ mặt lên vì vui sướng.

– Còn gì nữa ạ? Tôi mắt bình tĩnh kêu lên.

– Anh là người có năng khiếu, điều này không thể phủ nhận được.

Tôi sung sướng tột độ.

– Thế theo thầy, có chỗ nào là em phải cải thiện không ạ.

–Ồ, tất nhiên chứ. Anh biết đấy, anh có rất nhiều tiềm năng, nhưng rất cuộc, các tác phẩm tôi được đọc rất dở. Nói chính xác là tồi tệ. Không có giá trị gì. Đó là nhận xét chung của tôi về tất cả các bài anh viết và in trên tạp chí của trường. Chặt cây đốn rừng để mà in những thứ rác rưởi như vậy là tội phạm. Tỷ lệ cây ỉm so với số lượng những nhà văn tồi nhưng nhúc trên đất nước này thật không cân xứng. Anh cần cố gắng lên.

Máu tôi như ngừng chảy. Như thế tôi vừa mới bị một cú đập trời giáng. Vậy là hóa ra, Harry Quebert, ông vua văn chương là ông vua đều cẳng.

– Thầy lúc nào cũng như thế ạ? Tôi như điên dại.

Ông cười ngạc nhiên, nhìn xuống tôi với vẻ một vị quan cao cấp, cứ như đang rất khoái trá với giây phút này.

– Như thế nghĩa là như thế nào? - Ông hỏi.

– Không thể tiêu hóa nổi.

Harry phá lên cười.

– Anh biết đấy, Marcus, tôi biết chính xác anh thuộc loại người nào: một thằng kiêu ngạo số một, cho rằng Montclair là trung tâm Thế giới. Hơi giống như vào thời Trung cổ, người châu Âu cũng đã từng nghĩ như vậy cho đến khi lên thuyền rồi mới khám phá ra rằng phần lớn nền văn minh nhân loại là ở hải ngoại, phát triển hơn nhiều so với nền văn minh của mình, và họ đã cố gắng giấu giếm điều này bằng cách tàn sát và hủy diệt. Điều mà tôi muốn nói ở đây, Marcus ạ, đó là, anh là người nhạy cảm, nhưng anh sẽ chẳng bao giờ có tên tuổi nếu không chịu khó vận động lên một chút. Ngôn từ của anh thì hay. Nhưng phải rèn lại hết: phong cách, câu cú, khái niệm, ý tưởng. Anh cần phải suy nghĩ lại về tất cả những nội dung đó và phải làm việc nhiều hơn nữa. Vấn đề của anh là anh làm việc chưa đủ. Anh tự hài lòng quá sớm với những điều cởn cợn, anh sắp xếp các con chữ thành công mà không lựa chọn cẩn thận, điều đó thể hiện quá rõ ràng. Anh nghĩ anh bẩm sinh là thiên tài phải không? Anh nhầm rồi. Anh làm việc cầu thả cho nên kết quả công việc không có giá trị gì cả. Phải làm lại tất. Anh nắm được điều tôi nói không?

– Không.

Tôi thực sự bức mình: cho dù ông ấy có là Quebert đi chăng nữa thì làm sao ông ấy dám nói những điều như vậy? Làm sao ông ấy lại dám nói như vậy với người vẫn được gọi là Siêu Nhân? Harry còn nói tiếp:

– Tôi lấy cho anh một ví dụ rất đơn giản. Anh đám bốc giỏi. Đó là sự thực. Anh biết cách hạ gục đối thủ. Nhưng hãy xem, anh chỉ thắng cái cậu Jared đáng thương, gầy gò ốm yếu mà anh còn cật lực đám với cái kiểu tự mãn làm cho người ta phát lộn mửa. Anh chỉ đọ sức với cậu ấy vì anh chắc chắn nắm được

phần thắng. Điều này làm cho anh trở thành kẻ yếu, Marcus ạ. Một thằng hèn nhát. Một thằng chim mềm. Một kẻ rỗng tuếch, vô giá trị, một tên lừa bịp, hợm hĩnh. Anh chỉ là kẻ tung hỏa mù. Tội tệ nhất là anh lại tuyệt đối hài lòng với điều đó. Hãy thử sức với một đối thủ thực sự xem. Hãy can đảm làm điều đó đi! Đám bốc không thể dối lừa được, trèo lên trên võ đài là phương cách đáng tin cậy nhất để nhận biết giá trị bản thân: hoặc là đánh bại đối thủ, hoặc là bị đối thủ đánh bại, nhưng ta không thể lừa dối được, không thể tự lừa dối bản thân cũng không thể lừa dối được người khác. Nhưng còn anh thì lúc nào cũng sắp đặt để mà diễn. Anh là người mà thiên hạ thường gọi là tên bịp bợm. Anh có biết tại sao tờ tạp chí lại thường đăng bài của anh ở trang cuối không? Bởi vì nó dở. Đơn giản thế thôi. Tại sao các bài viết của Reinhartz lại nhận được mọi sự tán thưởng? Bởi vì nó quá hay. Điều này nhẽ ra phải làm cho anh khao khát vượt lên bằng cách làm việc như điên để viết được những bài còn tuyệt vời hơn nữa, nhưng làm một cú lật nhào mọi thứ như anh đã làm thì dễ hơn nhiều, xóa sổ ngay Reinhartz và tự xuất bản các bài viết của mình chứ không chịu suy nghĩ đặt vấn đề về bản thân. Hãy để cho tôi đoán về anh nhé, Marcus, anh rồi sẽ vận hành theo cách đó suốt cả đời. Tôi nói vậy có sai tí nào không?

Tức điên người, tôi kêu lên:

– Thầy không biết gì cả, thầy Harry ạ! Hồi ở trường phổ thông, em được đánh giá rất cao! Ai cũng gọi em là Siêu Nhân!

– Hãy nhìn thẳng vào bản thân mình đi Marcus, anh không biết cách ngã. Anh sợ bị rơi xuống dốc. Chính vì lí do này, nếu không chịu thay đổi thì anh sẽ trở thành con người rỗng tuếch và nhạt nhẽo. Sống thế nào được nếu không biết cách ngã? Hãy nhìn thẳng vào anh đi, trời đất ơi, rồi hãy tự hỏi xem anh đang

làm cái trò gì ở Burrows. Tôi đã đọc hồ sơ của anh! Tôi đã nói chuyện với ông Pergal! Suýt nữa ông ấy tổng cổ anh ra khỏi trường đày Siêu Nhân bé nhỏ ạ. Nhẽ ra anh phải học ở Harvard, Yale, hay ở bất kì một trường đại học danh tiếng nào nếu anh muốn, nhưng không, anh lại đến đây, tại vì Đức Chúa Jesus đáng kính ban tặng cho anh đôi bùi quá nhỏ đến mức anh không dám đọ sức với các đối thủ thực sự. Tôi cũng đã gọi điện về trường Felton, nói chuyện với ông Hiệu trưởng, người đàn ông tội nghiệp này đã hoàn toàn bị lừa, ông ta vừa nói với tôi về Siêu Nhân vừa cảm động rưng rưng nước mắt. Marcus ạ, khi tới đây, anh biết sẽ trở thành người hùng bất khả chiến bại mà chính anh tự tạo ra mọi bộ phận, người anh hùng này thực ra hoàn toàn không được trang bị vũ khí để đối chọi với cuộc sống. Ở đây, anh biết trước là sẽ không có rủi ro bị thất bại. Tôi nghĩ đây chính là vấn đề của anh: anh còn chưa biết tầm quan trọng của việc biết cách ngã. Chính điều này sẽ khiến anh thất bại nếu anh không cố gắng..

Nói đến đây, thầy Harry viết lên tờ giấy ăn một địa chỉ ở Lowell, bang Massachusetts, cách đó một tiếng đồng hồ đi bộ. Thầy bảo tôi đó là một câu lạc bộ đấm bốc và ở đó cứ thứ Năm hàng tuần một cuộc thi đấu được tổ chức dành cho tất cả mọi người. Thế rồi thầy bỏ đi, mặc cho tôi thanh toán tiền bữa tối.

Thứ Hai tuần sau đó, ở phòng tập bốc tôi không thấy thầy Quebert, cả thứ Hai tuần sau nữa cũng vậy. Trên giảng đường, thầy lại gọi tôi bằng anh như từ hồi vẫn chưa quen biết và tỏ vẻ khinh khỉnh. Rốt cuộc tôi quyết định đến gặp trực tiếp thầy khi tan học.

- Thầy không đến phòng tập bốc nữa ạ? - Tôi hỏi.
- Tôi rất mến anh, Marcus ạ, nhưng như tôi đã nói với anh tôi, tôi nghĩ anh là cậu bé đã hay khóc nhè lại còn kiêu ngạo,

nên tôi không thể lãng phí thời gian quý báu với anh được. Tại Burrows, anh đứng không đúng vị trí, và tôi chẳng có gì phải làm bên cạnh anh cả.

Tức điên người lên, cho nên thứ Năm tuần tiếp theo, tôi mượn xe ô tô của Jared, một mình phóng thẳng tới phòng đấu bốc mà thầy Harry đã chỉ. Đó là cái sân kho rộng nằm giữa một khu công nghiệp. Một chỗ đáng kinh sợ, bên trong rất đông người, không khí đầm mùi mồ hôi và mùi máu. Trên võ đài chính, một trận đấu với mức độ bạo lực hiếm thấy đang giữa lúc gay cấn nhất, khán giả đông nghẹt chen lấn nhau đứng sát tận sợi dây quanh võ đài gào rú y hệt tiếng thú vật. Tôi run sợ, muốn chuồn đi ngay và chấp nhận thất bại. Nhưng thậm chí tôi không kịp làm việc đó: một gã Da Đen hộ pháp mà tôi được biết là chủ sở hữu của võ đài này, xuất hiện trước mắt tôi. “Muốn đấu bốc hả *bạch tạng*”, hắn hỏi tôi. Tôi trả lời đúng. Hắn liền dẫn tôi thẳng vào phòng thay đồ. Mười lăm phút sau, tôi đã ở trên võ đài, đối diện với gã đó, sẵn sàng bắt đầu trận đấu hai hiệp.

Suốt đời tôi sẽ không bao giờ có thể quên trận đòn hấn nện tôi tối hôm đó, vì tôi tưởng mình sắp chết đến nơi. Tôi bị tàn sát theo đúng nghĩa của từ tàn sát, trong tiếng hoan hô điên dại của vòng khán giả cuồng điên vì hứng thú trước cảnh tượng một sinh viên hiền lành, bé nhỏ, trắng trẻo đến từ Montclair đang bị quai vỡ quai hàm. Mặc dù trong tình trạng vô cùng thậm tệ nhưng tôi vẫn ghi được điểm danh dự vì đã trụ được đến phút cuối cùng của trận đấu theo đúng qui định, đó là vì danh dự, đợi cho tới khi nghe xong tiếng cồng cuối cùng, tôi mới chịu đổ gục xuống đất vì cú đấm nốc ao. Khi mở mắt ra, tôi hoàn toàn kiệt sức, nhưng vẫn còn biết phải cảm ơn trời đất vì chưa chết thật. Lúc đó, tôi thấy thầy Harry đang cúi xuống bên

tôi với chiếc khăn và chai nước.

– Thầy Harry, thầy làm gì ở đây?

Thầy nhẹ nhàng thấm khăn lên mặt tôi. Thầy cười.

– Marcus của tôi, anh có một đôi hòn biu to hơn lí trí: gã kia phải nặng hơn anh đến 30 cân thật ... Anh đã đấu một trận tuyệt vời. Tôi rất tự hào về anh

Tôi gượng đứng dậy nhưng thầy Harry ngăn lại.

– Đừng cử động, tôi nghĩ mũi anh đã bị gãy. Anh là tay cừ đấy, Marcus ạ. Tôi đã nghi ngờ điều đó nhưng anh vừa mới chứng tỏ cho tôi thấy. Khi chơi trận này, anh mới chứng tỏ cho tôi thấy hi vọng tôi đặt vào anh từ ngày chúng ta gặp nhau không phải là vô ích. Anh vừa chứng tỏ rằng anh có khả năng tự đối đầu với chính bản thân mình và tự vượt qua được chính bản thân mình. Từ bây giờ, chúng ta có thể trở thành bạn của nhau. Tôi muốn nói rằng: anh là sinh viên sáng dạ nhất trong số các sinh viên tôi gặp trong suốt những năm vừa qua. Không nghi ngờ gì nữa, anh sẽ trở thành nhà văn lớn. Tôi sẽ giúp anh.

* * *

Vậy là sau cú đòn hoành tráng tại Lowell thì tình bạn giữa chúng tôi thực sự bắt đầu: Harry Quebert, thầy giáo dạy Văn cho chúng tôi trở thành bạn Harry, bạn luyện đấm bốc của tôi vào các tối thứ Hai hàng tuần, đồng thời vừa là thầy vừa là bạn vào một số buổi chiều khi ông dạy tôi cách viết văn, thường thường là vào thứ Bảy hàng tuần. Chúng tôi gặp nhau ở quán ăn gần trường và chọn chiếc bàn lớn nhất để có thể bày la liệt nào sách vở nào giấy bút, thầy Harry đọc các bài viết của tôi và đưa ra lời khuyên, liên tục khuyến khích tôi phải làm lại, viết lại,

không bao giờ được ngừng suy nghĩ về câu cú. “Một đoạn văn không bao giờ có thể gọi là hay, thầy bảo tôi, chỉ là có lúc nó đỡ tồi tệ hơn các lúc khác”. Những lúc không gặp thầy Harry, tôi thường tự nhốt mình hàng giờ liền trong phòng riêng để rèn rũa câu cú. Bản thân tôi là người lúc nào cũng tìm được cách sống ung dung dễ dàng, lúc nào cũng có thể đánh lừa được mọi người, thế mà nay tôi đã gặp được một người, là Harry Quebert bằng xương bằng thịt, là người đầu tiên và duy nhất buộc được tôi phải đương đầu với ngay chính bản thân tôi.

Thầy Harry không giới hạn chỉ dạy tôi viết văn: thầy còn dạy tôi cách mở rộng tầm hiểu biết. Thầy đưa tôi đến rạp hát, đi xem triển lãm, đến rạp chiếu phim. Thầy dẫn tôi đến cả Nhà hát Symphony Hall, ở Boston; thầy bảo rằng, một vở nhạc kịch thành công có khả năng làm thầy rơi nước mắt. Thầy cho rằng tôi và thầy có rất nhiều điểm chung, và thường xuyên kể tôi nghe về đoạn đời viết văn của thầy trước kia. Thầy nói rằng viết lách đã làm thay đổi cuộc đời thầy và điều đó đã xảy ra trong những năm 1970. Tôi còn nhớ một lần, chúng tôi tới Teenethridge để nghe vở nhạc kịch cho người về hưu, thầy đã thổ lộ với tôi những điều sâu sắc nhất. Thầy Harry sinh năm 1941 tại Benton, bang New Jersey, mẹ là thư kí, cha là thầy thuốc và Harry là con trai độc nhất trong gia đình. Tôi cho rằng khi nhỏ cậu bé Harry là đứa trẻ sung sướng, không có gì đặc biệt để kể. Theo tôi thấy, câu chuyện của thầy thực sự bắt đầu vào cuối những năm 1960 khi thầy học xong chương trình Cử nhân Văn chương tại trường đại học New York và làm giáo viên dạy Văn cho một trường trung học ở Queens. Nhưng thầy Harry nhanh chóng cảm nhận sự bó hẹp ở môi trường này; thầy chỉ còn có một giấc mơ duy nhất, mà giấc mơ đó vẫn còn mãi: đó là được sáng tác. Năm 1972, thầy xuất bản tiểu thuyết đầu

tay với rất nhiều hi vọng nhưng chỉ đạt được thành công rất hạn chế. Vậy nên thầy Harry quyết định vượt sang một giai đoạn mới. Thầy kể với tôi, “Một hôm, tôi rút hết tiền tiết kiệm trong ngân hàng và mạnh dạn dần thân: tôi tự nhủ đã đến lúc phải viết một cuốn đại tiểu thuyết. Tôi đi tìm một ngôi nhà bên bờ biển có thể sống vài tháng yên tĩnh để tập trung làm việc. Khi phát hiện ra ngôi nhà ở Aurora: ngay lập tức tôi biết đây đúng là ngôi nhà mình tìm. Tôi rời khỏi New York vào cuối tháng Năm năm 1975 và đến ổn định cuộc sống ở bang New Hampshire, để rồi không bao giờ đi khỏi đó nữa. Bởi vì cuốn sách mà tôi viết vào mùa hè năm đó đã mở cho tôi cánh cửa vinh quang: à, đúng rồi, Marcus ạ, chính vào năm đó, khi dọn đến sống tại Aurora, tôi đã viết *Nguồn gốc cái xấu xa*. Tôi dùng tiền bản quyền mua lại ngôi nhà và sống vĩnh viễn ở đó. Đó là một chốn tuyệt diệu, anh sẽ thấy, khi nào có dịp, nhất định anh phải đến nhà tôi chơi... ”.

Lần đầu tiên tôi đến Aurora vào đầu tháng Giêng năm 2000, trong kì nghỉ Giáng sinh ở trường đại học. Lúc đó, Harry và tôi chơi với nhau đã được chừng một năm rưỡi. Tôi còn nhớ lúc tới nhà thầy, tôi cầm theo chai rượu vang tặng thầy và bó hoa để tặng vợ thầy. Khi nhìn thấy bó hoa tổ chảng trên tay tôi, Harry thộn mặt ra nhìn tôi và nói:

– Hoa à? Hay quá nhỉ, Marcus. Anh có tâm sự gì cần thổ lộ với tôi à?

– Là để tặng cho vợ thầy ạ.

– Vợ tôi à? Nhưng tôi đã cưới vợ đâu?

Lúc đây tôi mới nhận ra là kể từ khi chơi với nhau, chúng tôi chưa bao giờ đá động đến những chuyện riêng tư thầm kín. Phu nhân Harry Quebert không tồn tại. Không có gia đình Harry Quebert. Chỉ có Quebert. Duy nhất Quebert. Quebert ở nhà

buồn chán đến mức phải kết bạn với học trò. Tôi hiểu rõ điều đó nhất khi nhìn vào tủ lạnh: lúc vừa tới nhà thầy, chúng tôi ngồi nói chuyện trong phòng khách, căn phòng tuyệt đẹp, trên tường treo thảm gỗ và phủ đầy các giá sách, Harry hỏi tôi có muốn uống thứ gì không.

– Nước chanh nhé? Thầy hỏi.

– Dạ vâng ạ.

– Có một chai ở trong tủ lạnh đấy, làm đặc biệt dành riêng cho anh đấy. Cứ tự đi lấy đi, rồi lấy giúp luôn cho tôi li thủy tinh lớn nữa nhé, cảm ơn trước.

Tôi làm theo lời thầy. Khi mở tủ lạnh ra, tôi thấy nó trông trơn. Chỉ có đúng một bình nước chanh tộ nghiệp được chuẩn bị chu đáo, với những viên đá hình ngôi sao, những miếng vỏ chanh xanh mát và thêm mấy lá bạc hà nữa. Đúng là tủ lạnh của người đàn ông độc thân.

– Tủ lạnh của thầy chả có gì cả, thầy Harry à, - tôi vừa quay trở lại phòng khách vừa nói.

– À, tẹo nữa tôi sẽ đi chợ. Thông cảm nhé, tôi không quen phải tiếp đãi khách.

– Thầy sống một mình ở đây sao?

– Thì tất nhiên rồi.

– Thế anh còn muốn tôi sống với ai nữa

– Ý em là, thầy không có gia đình à?

– Không. Không có vợ, cũng không có con? Không ai hết

– Thế bạn gái?

Thầy mỉm cười buồn rầu:

– Không có bạn gái. Không có ai cả.

Chuyến viếng thăm Aurora đầu tiên làm tôi nhận ra rằng

hình ảnh mà tôi có về thầy Harry thật quá ít ỏi: ngôi nhà bên bờ biển rộng thênh thang nhưng hoàn toàn trống vắng. Harry L. Quebert, ngôi sao của nền văn học Mỹ, giáo sư đại học được kính trọng, được sinh viên ngưỡng mộ thán phục, được yêu quý, tôn thờ, một con người lịch lãm, một tay bốc cừ khôi, bất khả chiến bại lại chỉ là một Harry đơn giản khi về tới ngôi nhà của mình ở thành phố nhỏ bé thuộc bang New Hampshire. Người đàn ông đơn độc, đôi khi hơi âu sầu, thích đi dạo thật lâu trên bờ biển, phía dưới ngôi nhà của mình, rất gắn bó với việc cho lũ chim mòng biển ăn bánh mì khô đựng trong chiếc hộp bằng thép trắng có rập hàng chữ KỈ NIỆM ROCKLAND, MAINE. Tôi tự hỏi không biết chuyện gì đã xảy ra trong cuộc đời mà rốt cuộc người đàn ông này lại kết thúc như vậy.

Nỗi đơn độc của Harry sẽ không giày vò tôi nhiều nếu tình bạn của chúng tôi không làm nảy sinh những lời đàm tiếu thực sự. Các sinh viên khác khi thấy tôi có mối quan hệ đặc biệt với Harry thì nghĩ rằng giữa Harry với tôi có tình yêu đồng giới. Một buổi chiều thứ Bảy, vì bị những lời đàm tiếu của bạn bè dẫn dắt, nên cuối cùng tôi nói trắng phớ ra với thầy Harry:

– Harry, tại sao lúc nào thầy cũng đơn độc như vậy?

Thầy lắc đầu; tôi thấy mắt thầy long lanh nước.

– Anh lại cố gắng nói chuyện tình cảm với tôi rồi, Marcus à, nhưng tình yêu là chuyện phức tạp. Tình yêu rất phức tạp. Nó vừa là điều tuyệt diệu nhất vừa là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra. Một ngày nào đó anh sẽ biết. Tình yêu có thể làm người ta vô cùng đau đớn. Nhưng đừng sợ đau, nhất là đừng vì vậy mà sợ tình yêu, bởi vì tình yêu cũng tuyệt đẹp, nhưng như mọi cái đẹp khác, nó sẽ làm cho anh lóa mắt và làm anh đau mắt. Chính vì vậy mà thường là sau đó, người ta sẽ phải khóc vì nó.

Bắt đầu từ ngày hôm đó, tôi tới thăm thầy Harry ở Aurora rất

thường xuyên. Thỉnh thoảng, tôi từ Burrows đến chỉ để ở lại đúng một ngày, đôi khi tôi ở lại cả đêm. Harry dạy tôi trở thành nhà văn, còn tôi, tôi giúp thầy với bất nổi cô đơn. Cứ vậy nhiều năm trôi qua, cho đến tận khi tôi học xong đại học, tôi thường xuyên đi lại gặp gỡ với thầy Harry Quebert nhà văn xuất sắc ở trường đại học Burrows, còn ở Aurora, tôi lại gặp một người đàn ông cô độc, một Harry giản dị.

Vào mùa hè năm 2002, sau bốn năm trôi qua ở Burrows, tôi được nhận bằng Cử nhân Văn chương. Hôm trao bằng tốt nghiệp, sau buổi lễ tổ chức trong hội trường lớn mà chính tôi là người đọc bài diễn văn cho toàn khóa học và cả gia đình cùng bạn bè tôi từ Montclair cũng đến xúc động chứng kiến tôi vẫn luôn là Siêu Nhân, tôi sánh vai bước cùng thầy Harry xuyên qua toàn khu ký túc xá. Chúng tôi đi dạo dưới những tán cây bạch dương, ngẫu nhiên bước chân dẫn chúng tôi đến tận phòng tập đấm bốc. Ánh nắng vàng rực rỡ, hôm đó quả là một ngày vô cùng đẹp trời. Chúng tôi dạo quanh vòng cuối cùng giữa những bao cát đấm bốc và các võ đài.

– Đây là nơi tất cả đã bắt đầu, thầy Harry nói. Từ bây giờ anh sẽ làm gì?

– Trở về New York. Viết một cuốn tiểu thuyết. Trở thành nhà văn. Như thầy đã dạy em. Viết một đại tiểu thuyết.

Thầy mỉm cười:

– Một đại tiểu thuyết à? Hãy kiên nhẫn, Marcus ạ, anh còn có cả cuộc đời để làm điều đó. Thỉnh thoảng anh sẽ trở về đây chứ, phải không nào?

– Tất nhiên rồi ạ.

– Ở Aurora, lúc nào cũng có chỗ dành cho anh.

– Em biết ạ, thầy Harry, em cảm ơn.

Thầy nhìn tôi và nắm lấy hai bờ vai tôi.

– Từ khi chúng ta gặp nhau, nhiều năm đã trôi qua rồi. Anh đã thay đổi rất nhiều, anh đã trở thành một người đàn ông. Tôi rất nôn nóng muốn đọc cuốn tiểu thuyết đầu tay của anh.

Chúng tôi nhìn nhau một lúc lâu, rồi thầy Harry nói:

– Suy cho cùng, tại sao anh lại muốn viết hủ Marcus?

– Em không biết.

– Đó không phải là câu trả lời. Tại sao anh lại viết?

– Tại vì, điều đó có trong máu rồi... Khi thức dậy vào buổi sáng, đó là điều đầu tiên xuất hiện trong đầu em. Em chỉ biết nói có vậy. Thế còn thầy, tại sao thầy lại trở thành nhà văn hủ thầy Harry?

– Bởi vì viết mang lại cho đời tôi một ý nghĩa. Không biết anh thì thế nào, chứ tôi thấy cuộc đời nói chung không có nghĩa. Trừ phi anh cố gắng mang lại cho nó một ý nghĩa và hàng ngày anh phải tự đấu tranh với bản thân để Thượng đế giúp anh đạt được điều đó. Anh có tài năng đó Marcus ạ: hãy mang lại cho cuộc đời anh một ý nghĩa, hãy làm cho tên tuổi của anh gắn liền với sự thành công.

– Thế nếu em không thành công được thì sao?

– Anh sẽ đạt được. Đây là việc khó, nhưng anh sẽ đạt được. Ngày nào mà viết mang lại cho đời anh một ý nghĩa, thì anh sẽ là một nhà văn thực sự. Từ giờ đến lúc đó, nhất thiết không được sợ ngã.

Chính cuốn tiểu thuyết mà tôi viết trong suốt hai năm sau đó đã đưa tôi lên đỉnh vinh quang. Rất nhiều nhà xuất bản đòi được mua bản thảo gốc, rốt cuộc giữa năm 2005, tôi kí hợp đồng có trị giá khá lớn với Schmid & Hanson, Nhà xuất bản uy tín của New York, giám đốc là Roy Barnaski, một con người uy lực,

một doanh nhân lợc lổi, khiến t0i phải k0i một hợp đ0ng chung cho năm cuốn ti0u thuy0t. Ngay khi phát hành vào năm 2006, cuốn sách đã đạt đợc thành công vang dội. Siêu Nhân của trường trung học Felton đã trở thành ti0u thuy0t gia lờng danh và đời t0i hoàn toàn xáo trộn: t0i hai mươi tám tuổi, từ nay đã trở nên giàu có, nổi tiếng và tài năng. T0i không hề ngờ rằng bài học của thầy Harry mới chỉ bắt đầu.

Nơi trồng cảm tú cầu

“Thầy Harry, em cứ nghi ngờ những gì em đang viết. Không biết nó có hay không. Không biết nó có giá trị gì không...”

– Mặc quần soóc vào đi Marcus. Đi chạy thôi.

– Bây giờ á? Nhưng trời đang mưa to mà.

– Đừng phàn nàn, đồ nhát gan. Mưa chưa giết chết ai bao giờ cả. Nếu anh không có đủ can đảm chạy dưới trời mưa, thì anh cũng chả có đủ can đảm để viết một cuốn sách.

– Lại là một lời khuyên uyên bác của thầy đấy à?

– Đúng đấy. Lời khuyên này áp dụng cho tất cả mọi thể loại nhân vật đang tồn tại trong con người anh: người đàn ông, võ sĩ đấm bốc và nhà văn. Nếu một ngày nào đó anh nghi ngờ điều anh đang làm, thì hãy đi chạy. Chạy đến khi mất hết mọi suy nghĩ: rồi anh sẽ thấy trong mình nảy sinh cảm giác quyết tâm điên cuồng phải chiến thắng. Anh biết không Marcus, tôi cũng vậy, trước kia tôi rất ghét trời mưa. ..

– Thế điều gì làm thầy đổi ý

– Một người...

– Là ai vậy?

– Thôi nào, bắt đầu đi. Chạy đi. Hãy chỉ quay trở lại khi nào anh cảm thấy mình kiệt sức

– Em học sao được khi thầy chả bao giờ kể gì cả?

– Anh hỏi nhiều quá đấy, Marcus. Thôi, chúc anh chạy tốt nhé!”

Người đàn ông đó vạm vỡ và có vẻ bên ngoài không mấy thân thiện; anh ta là người Phi lai Mỹ, đôi tay như tay hộ pháp. Lần đầu tiên gặp , anh ta đã chìa súng lục về phía tôi. Chính anh ta là người đầu tiên đe dọa tôi bằng vũ khí. Anh ta bước vào đời tôi vào thứ Tư, 18 tháng Sáu năm 2008, ngày tôi bắt đầu thực sự cuộc điều tra riêng của mình về kẻ sát hại Nola Kellergan và Deborah Cooper. Buổi sáng hôm đó, sau gần 48 tiếng đồng hồ có mặt ở Goose Cove, tôi quyết định đã đến lúc phải bắt đầu bằng việc nghiên cứu cái hố khổng lồ được đào cách ngôi nhà khoảng 20 mét mà cho đến tận lúc đó, tôi chỉ đứng quan sát từ xa. Luôn lách qua những dải băng cách ly của cảnh sát, tôi kiểm tra thật kĩ mảnh đất đối với tôi đã quá đối thân thuộc. Goose Cove được bãi biển bao quanh với rừng nước lợ, và cũng không hề có rào chắn hay biển cấm đi qua để xác định ranh giới phần đất thuộc về ngôi nhà. Bất kì ai cũng có thể ra vào ; hơn nữa, cũng khá thường xuyên có người đi qua để dạo theo bờ biển hay đi xuyên qua cánh rừng gần đó. Cái hố nằm ngay trên mảnh đất cỏ mọc cao hướng ra phía biển, khoảnh đất giữa sân nhà và rừng. Đứng trước cái hố, hàng nghìn câu hỏi bắt đầu thiêu đốt trí óc tôi, nhất là không biết bao nhiêu giờ đồng hồ tôi từng ngồi trên cái sân này, từng ngồi trong phòng làm việc của thầy Harry, trong khi đó, xác chết của cô gái vẫn nằm ngủ ngay dưới đất, ngay tại đây. Tôi chụp vài tấm ảnh, dùng điện thoại di động quay cả mấy đoạn phim, cố gắng hình dung cái cơ thể đang bị thối rữa ra kia nhìn như thế nào khi cảnh sát phát hiện và đào lên. Đầu óc hoàn toàn tập trung vào vụ án nên tôi không hề cảm thấy mối đe dọa từ phía sau lưng. Chỉ khi quay lại để quay phim khoảng cách từ sân tới cái hố chôn người, tôi mới thấy một người đàn ông đứng cách tôi có vài mét, đang chìa súng lục vào tôi. Tôi hét lên.

– Đừng bắn! Đừng bắn, mẹ kiếp! Tôi là Marcus Goldman, nhà văn.

Anh ta hạ ngay súng xuống.

– Anh chính là nhà văn Marcus Goldman à?

Anh ta cất khẩu súng lục vào bao đeo trên thắt lưng bên hông, tôi nhận thấy anh ta còn đeo phù hiệu.

– Anh là cảnh sát? Tôi hỏi.

– Trung sĩ Perry Gahalowood. Thuộc đội phòng chống tội phạm cảnh sát bang. Anh làm trò gì ở đây thế? Đây là hiện trường vụ án chứ không phải chỗ chơi.

– Anh thường làm thế à, thường lấy súng dọa người như thế à? Nếu tôi là cảnh sát liên bang thì sao? Anh còn đứng đây mà cười được đây nhỉ? Anh sẽ bị đuổi việc ngay lập tức!

Anh ta phá lên cười.

– Anh á? Anh mà là cảnh sát á? Tôi quan sát anh được mười phút rồi, đi thì rón rén để không làm bắn đôi giày da xịn bóng lộn thế kia. Với cả cảnh sát liên bang thì không hét toáng lên khi nhìn thấy súng. Họ cũng sẽ rút súng ra và xả đạn ngay lập tức vào tất cả mọi cử động.

– Tôi cứ tưởng anh là cướp.

– Vì da tôi đen hả?

– Không, vì anh có bộ mặt của kẻ cướp. Cà vạt của anh là cà vạt Ấn Độ à?

– Đúng rồi.

– Lỗi một quá rồi.

– Anh cần phải trả lời tôi, anh đang làm trò gì ở đây?

– Tôi sống ở đây.

– Thế nghĩa là thế nào? Sống ở đây nghĩa là sao?

– Tôi là bạn của Harry Quebert. Ông ấy nhờ tôi chăm sóc nhà cửa lúc ông ấy vắng mặt.

– Anh điên rồi! Harry Quebert bị kết án giết một lúc hai mạng người, nhà của ông ta bị tịch thu và niêm phong. Tôi phải bắt anh, anh bạn thân mến ạ.

– Ngôi nhà đâu có bị niêm phong!

Anh ta lúng túng mất một lúc rồi trả lời:

– Tôi không ngờ có một nhà văn, Chủ nhật đến đây chiếm nhà!

– Phải lường trước mọi việc anh cảnh sát ạ. Ngay cả khi việc đó, đối với cảnh sát đúng là có hơi khó thật.

– Dù sao tôi vẫn cứ bắt anh.

– Chả có tính pháp lí gì cả! Tôi kêu lên. Không có dấu niêm phong cũng không có lệnh cấm. Tôi cứ ở đây đây. Nếu anh mà cứ bắt tôi, tôi sẽ kiện ra Tòa án tối cao, tôi sẽ kiện anh đã dùng súng lục đe dọa tôi. Tôi sẽ bắt anh phải bồi thường tiền triệu. Tôi quay phim hết rồi.

– Chiêu này là của Roth phải không? Gahalowood thở dài.

– Đúng vậy.

– Xì. Quỷ tha ma bắt hấn đi. Hấn sẵn sàng cho cả mẹ hấn lên ghế điện nếu việc đó có thể cãi tội được cho khách hàng của hấn.

– Chả có tính pháp lí gì cả, thưa anh trung sĩ. Hoàn toàn vô lí và bất hợp pháp. Hi vọng anh sẽ không giữ thù oán gì với tôi.

– Có đấy... Tuy nhiên, ngôi nhà này, chúng tôi không quan tâm đến nữa. Thế nhưng, tôi cấm anh bén mảng tới phía sau tấm biển cảnh sát. Anh không biết đọc à? Trên đấy viết rõ rành rành HIỆN TRƯỜNG VỤ ÁN-CẤM XÂM PHẠM.

Khi lấy lại được vẻ tự tin, tôi xắn tay áo sơ mi lên và tiến thêm mấy bước về phía cái hồ.

– Anh biết không, thưa trung sĩ, chính tôi cũng đang điều tra đây, tôi nói về rất nghiêm túc. Tốt nhất là anh nên nói cho tôi anh biết được những tin tức gì về vụ việc rồi.

Anh ta lại cố nhịn cười.

– Ôi trời ơi, không, tôi có mơ không đây: anh đang điều tra á? Thế thì đó chính là tin tức về vụ việc đây. Mà anh còn nợ tôi 15 đô la đây.

– 15 đô la? Tại sao thế?

– Chính là số tiền tôi phải trả để mua cuốn sách của anh đây. Tôi đọc nó năm ngoái. Truyện viết quá dở. Chắc nó là cuốn dở nhất trong đời mà tôi đọc. Tôi đòi anh phải hoàn tiền lại cho tôi.

Tôi nhìn thẳng vào mắt tay trung sĩ, nói:

– Anh phải chứng minh được điều anh nói cái đã, trung sĩ.

– Vừa nói, tôi vừa đắc thẳng thẳng tiến đến phía cái hồ mà không thèm nhìn phía trước nên bị ngã thẳng xuống hồ. Tôi lại hét toáng lên lần nữa khi mình nằm ngay chính nơi Nola chết.

– Anh thật, không thể chấp nhận được! Gahalowood kêu lên từ phía trên mặt đất.

Anh ta chìa tay ra, kéo tôi lên. Chúng tôi lên phía sân nhà, ngồi xuống đó, tôi trả lại cho Gahalowood số tiền anh ta đòi tôi bồi thường. Tôi chỉ có một tờ 50 đô.

– Anh có tiền lẻ không? Tôi hỏi.

– Không.

– Thế thì cứ cầm cả đi.

– Ồ, cảm ơn nhà văn.

– Tôi không phải là nhà văn nữa rồi.

Tôi nhanh chóng nhận thấy trung sĩ Gahalowood là người đàn ông vừa thô lỗ vừa cứng đầu. Tuy nhiên, sau khi nài nỉ hồi lâu, anh ta cũng kể hôm phát hiện ra vụ việc đúng ca trực nên anh ta là một trong những người đầu tiên có mặt ở hiện trường chỗ cái hồ chôn xác chết.

– Trong hồ có bộ hài cốt và một cái túi da. Mặt phía trong của chiếc túi da có rập tên Nola Kellergan. Khi mở túi, tôi thấy có một bản thảo viết tay, tương đối còn nguyên trạng. Tôi nghĩ chất liệu da của chiếc túi đã giúp bảo toàn đồng giấy.

– Làm sao anh biết được bản thảo đó là của Harry Quebert?

– Lúc ấy thì tôi không biết. Nhưng sau đó, ở phòng hỏi cung, tôi đưa nó cho Harry Quebert xem và ông ta đã thừa nhận ngay lập tức. Tất nhiên sau đó tôi đã kiểm tra nội dung viết bên trong, chính xác từng chữ với cuốn tiểu thuyết *Nguồn gốc cái xấu xa* được xuất bản năm 1976, tức là chưa tới một năm sau khi xảy ra thảm kịch. Thật đúng là điều ngẫu nhiên hay ho, phải không?

– Việc Harry Quebert viết một cuốn tiểu thuyết về Nola không thể chứng tỏ ông ta là người giết Nola. Ông ấy nói rằng bị mất bản thảo, và sự thật là chính Nola lấy.

– Người ta tìm thấy hài cốt của bé gái này trong vườn nhà ông ấy bên cạnh lại có bản thảo viết tay của ông ta. Nhà văn chỉ cần đưa cho tôi một bằng chứng ngoại phạm của ông ta, rồi tôi sẽ thay đổi ý kiến.

– Tôi muốn tận mắt nhìn thấy bản thảo đó.

– Không được. Đây là vật bảo mật.

– Nhưng tôi đã nói với anh là tôi cũng đang điều tra cơ mà, tôi nài nỉ.

– Cuộc điều tra của anh chẳng liên quan gì tới tôi cả, nhà văn ạ. Anh sẽ được biết đến hồ sơ vụ án ngay khi Quebert ra tòa.

Tôi muốn thể hiện cho viên trung sĩ thấy rằng tôi không phải hạng điều tra nghiệp dư, tôi cũng nắm được một số điều nhất định về vụ việc.

– Tôi đã nói chuyện với Travis Dawn, hiện là Cảnh sát trưởng của Aurora. Có vẻ như lúc Nola biến mất, ông ta đang nghiên cứu theo hướng người lái xe ô tô Monte Carlo màu đen.

– Tôi biết chuyện đó, Gahalowood đáp lại ngay. - Thám tử Sherlock Holmes này, anh có biết không, chính Harry Quebert cũng có xe Chevrolet Monte Carlo đen đấy.

– Làm sao anh biết được?

– Tôi đọc báo cáo viết hồi đó.

Tôi suy nghĩ một giây rồi nói:

– Đợi chút, thưa trung sĩ, nếu anh là người tinh tường, thì hãy giải thích cho tôi xem tại sao Harry lại đi trồng hoa vào đúng chỗ mà người ta cho là chính ông ta chôn Nola?

– Ông ta nghĩ những người làm vườn không đào sâu đến thế.

– Điều này bất hợp lí lắm, anh hẳn biết vậy. Harry không giết Nola Kellergan.

– Làm sao anh lại có thể chắc chắn thế?

– Vì ông ta yêu Nola Kellergan.

– Bị can bao giờ cũng nói trong phiên tòa rằng: “Vì quá yêu nên tôi giết cô ấy”. Nhưng khi yêu thì không ai giết người cả.

Nói đến đây, Gahalowood đứng dậy báo hiệu rằng anh ta muốn chấm dứt cuộc nói chuyện với tôi tại đây.

– Anh phải đi à, trung sĩ? Nhưng việc điều tra của chúng ta chỉ vừa mới bắt đầu.

- Cửa chúng ta á? Ý anh nói là cửa tôi chứ hả?
- Khi nào chúng ta gặp lại nhau vậy?
- Không bao giờ, nhà văn ạ, không bao giờ.

Thế rồi anh ta bỏ đi, không hề có ý chào từ biệt.

Nếu như Gahalowood chẳng coi tôi là nghiêm túc thì trái lại Travis Dawn đối xử với tôi hoàn toàn ngược hẳn, sau đó ít lâu, tôi đã gặp ông ta tại đồn cảnh sát Aurora để cho ông xem tin nhắn nặc danh mà tôi nhận được vào tối hôm trước.

- Tôi đến tìm ông vì tôi thấy cái này ở Goose Cove, - vừa nói tôi vừa đặt mẫu giấy lên bàn làm việc của Travis Dawn.

Ông ta đọc mẫu giấy.

— *Hãy quay về nhà đi, Goldman?* Mẫu giấy này được viết khi nào?

- Tối hôm qua. Khi tôi ra ngoài đi dạo trên bờ biển, lúc trở về nhà, tôi thấy mẫu tin nhắn này gắn ở cửa ra vào.

- Tôi nghĩ chắc cậu không thấy gì thêm nữa...

- Không hề thấy gì nữa hết.

- Đây là lần đầu tiên à?

- Nhưng hôm nay mới là ngày thứ hai tôi ở đây...

- Tôi sẽ mở một đơn kiện giúp cậu để lập hồ sơ. Cần phải thận trọng đấy Marcus ạ.

- Ông nói cứ như mẹ tôi vậy.

- Thật đó, chuyện rất nghiêm túc đấy. Đừng có đánh giá thấp tác động cảm xúc của chuyện này. Tôi giữ cái mẫu tin nhắn này lại nhé?

- Tôi cho ông đấy.

- Cảm ơn. Tôi có thể làm gì thêm cho cậu nữa không? Tôi

nghe cậu không đến đây chỉ vì mỗi mảnh giấy này.

– Tôi muốn được ông đưa đến Side Creek, nếu ông có thời gian. Tôi muốn xem nơi diễn ra toàn bộ sự việc.

Travis không chỉ đồng ý dẫn tôi tới Side Creek, mà còn dẫn tôi ngược dòng thời gian trở về 33 năm trước. Trên chiếc xe ô tô tuần tra cảnh sát, ông đưa tôi đi đúng hành trình mà trước đây chính ông đã từng đi khi vừa nghe xong cú điện thoại của bà Deborah Cooper. Từ Aurora, cứ thẳng quốc lộ 1 theo hướng đi Vermont chạy dài dọc theo bờ biển, chúng tôi vượt qua trước ngôi nhà Goose Cove, sau đó vài dặm là bìa rừng Side Creek và điểm giao cắt với đường Side Creek, chính ở cuối con đường này là nhà của bà Deborah Cooper. Travis quặt tay lái và chúng tôi đã đứng trước ngôi nhà nhỏ xinh xắn bằng gỗ, hướng ra phía đại dương và được rừng bao bọc xung quanh. Một vị thế tuyệt đẹp nhưng hoàn toàn có độc.

– Không có gì thay đổi cả, Travis nói khi chúng tôi đi vòng quanh ngôi nhà. Tường đã được sơn lại, màu hơi sáng hơn trước một chút. Còn lại mọi thứ hoàn toàn y như trước.

– Hiện tại ai sống ở đây?

– Một cặp vợ chồng người Boston, chỉ sống ở đây vào mùa hè. Họ thường đến vào tháng Bảy và cuối tháng Tám thì đi. Suốt phần thời gian còn lại ngôi nhà bị bỏ trống.

Ông ta chỉ cho tôi cánh cửa lối sau, dẫn ra nhà bếp và nói tiếp:

– Lần cuối cùng tôi thấy bà Deborah Cooper còn sống là ngay trước cửa này. Lúc đó, Cảnh sát trưởng Pratt cũng vừa tới: ông ta bảo bà ấy ở yên trong nhà, đừng có sợ, rồi chúng tôi cùng nhau vào rừng rà soát. Ai mà có thể ngờ được 20 phút sau, bà ấy bị một viên đạn găm vào ngực giết chết.

Vừa nói, Travis vừa đi thẳng về phía cánh rừng. Tôi hiểu rằng, ông ta đang quay trở lại trên con đường nhỏ mà xưa kia, ông ta đã cùng đi với cảnh sát trưởng Pratt ba mươi ba năm trước.

– Cảnh sát trưởng Pratt bây giờ thế nào rồi? Tôi đi theo ông ta hỏi.

– Về hưu rồi. Ông ta vẫn ở Aurora, tại Mountain Drive. Chắc là cậu đã có lần gặp ông ấy rồi. Người ông ấy rất vạm vỡ, bất kể lúc nào cũng mặc bộ đồ đánh gôn.

Chúng tôi tiến sâu vào giữa những hàng cây. Xuyên qua tầng tầng lớp lớp cây cối rậm rạp, chúng tôi có thể nhìn thấy bãi biển ở phía dưới, hơi thấp hơn một chút từ đằng xa. Sau khi đi bộ chừng mười lăm phút, Travis dừng lại trước ba cây thông khá thẳng.

– Đây, ở đây này.

– Ở đây này gì cơ a?

– Ở đây là nơi có bao nhiêu là máu, rồi những món tóc vàng, một miếng vải màu đỏ. Thật là kinh hoàng. Tôi lúc nào cũng nhận ra chỗ này: trên các tầng đá rêu mọc nhiều hơn, cây cối có lớn lên thêm, nhưng đối với tôi thì không có gì thay đổi cả.

– Sau đó, các ông đã làm gì?

– Chúng tôi nhận định có điều rất nghiêm trọng đã xảy ra, nhưng chúng tôi không có thời gian nán lại đó lâu hơn để xem cho kỹ, vì ngay lúc đó có tiếng súng vang lên. Thật là điên rồ, chúng tôi hoàn toàn không thấy gì hết ... Nghĩa là, nhẽ ra tôi phải nhìn thấy bóng dáng cô gái đó hay tên sát nhân vào tích tắc nào đó chứ ... Nhưng tôi không thể hiểu tại sao lại bỏ lỡ cái cơ hội đó, không nhìn thấy bất kì điều gì... Chúng tôi nghĩ bọn chúng trốn trong các lùm cây, thẳng sát nhân đã bịt miệng cô

bé. Khu rừng thực sự rất rộng, nên hoàn toàn có khả năng có chuyện gì đó xảy ra mà mình không thấy. Tôi nghĩ cô bé đã lợi dụng giây phút sơ hở của kẻ tấn công vùng thoát được, rồi chạy thẳng vào nhà cầu cứu mẹ Cooper. Hắn đuổi theo cô bé đến tận ngôi nhà và đã trừ khử mẹ Cooper.

– Vậy là khi nghe thấy tiếng súng nổ, các ông liền lập tức quay trở lại ngôi nhà...

– Đúng vậy.

Chúng tôi quay trở lại ngôi nhà.

– Tất cả mọi chuyện đều xảy ra ở bếp, Travis nói với tôi. Từ trong rừng, Nola chạy vào kêu cứu; mẹ Cooper mở cửa cho cô bé xong thì vào phòng khách gọi điện báo cảnh sát rằng cô bé đã ở trong nhà bà. Tôi biết là điện thoại đặt ở phòng khách bởi vì chính tôi cũng đã dùng nó nửa tiếng trước để gọi Cảnh sát trưởng Pratt. Trong khi mẹ Cooper gọi điện thoại, thì kẻ tấn công đã lén vào bếp tóm được Nola, đúng lúc đó mẹ Cooper lại xuất hiện ở nhà bếp nên hắn đã đánh bà. Sau đó, hắn lôi Nola đi, kéo cô bé đến tận xe ô tô.

– Chiếc xe ô tô ấy ở đâu?

– Trên đường 1, con đường dẫn thẳng tới khu rừng này. Lại đây, tôi sẽ chỉ cho cậu.

Một lần nữa, Travis lại dẫn tôi đi từ nhà vào rừng nhưng lần này theo hướng hoàn toàn ngược lại. Ông hướng dẫn tôi từng bước chắc chắn xuyên qua khu rừng và chẳng bao lâu sau, rốt cuộc chúng tôi đã ở ngay trên đường 1.

– Chiếc xe Chevrolet đen đỗ ở đây. Hồi đó, các lối đi thẳng quốc lộ còn rậm rạp chứ không thoáng như bây giờ, chúng bị các bụi cây che kín.

– Làm thế nào mà ông lại biết được họ đi đúng đường này?

– Có nhiều vết máu từ ngôi nhà tới tận đây.

– Thế còn chiếc ô tô?

– Bay hơi hoàn toàn. Như tôi nói với cậu, Phó Cảnh sát trưởng khi đến đây tiếp viện chúng tôi đã đi theo con đường này, run rủi sao lại gặp chiếc xe ô tô đó. Một cuộc rượt đuổi đã diễn ra, rào chắn đường của cảnh sát được dựng lên khắp nơi nhưng không may chúng đã trốn thoát.

– Làm sao mà tên giết người lại có thể lọt lưới được nhỉ?

– Tôi cũng muốn biết điều đó lắm, phải nói là tôi có biết bao nhiêu câu hỏi luôn ám ảnh trong đầu từ ba mươi ba năm nay về vụ việc này. Cậu biết không, mỗi lần leo lên xe ô tô cảnh sát là mỗi lần tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi tóm được chiếc xe Chevrolet bản thủ đó. Có thể chúng tôi đã cứu được cô bé...

– Vậy ông cho rằng Nola Kellergan ở trên chiếc xe ô tô Chevrolet đen đó à?

– Bây giờ khi ta đã phát hiện ra hài cốt của cô bé chỉ nằm cách đây có hai dặm thì tôi dám chắc vào điều đó...

– Vậy thì ông cũng nghĩ rằng chính Harry là người lái chiếc xe ô tô Chevrolet đen đó phải không?

Ông ta nhún vai.

– Cứ nói đơn giản là khi chứng kiến những sự kiện xảy ra gần đây, tôi không thể tưởng tượng được lại có ai khác ngoài ông ấy làm việc đó.

Cảnh sát trưởng Gareth Pratt mà tôi cũng tìm gặp ngay chính ngày hôm đó có vẻ cũng cùng ý kiến với vị cấp phó của mình về tội lỗi của Harry. Ông ta tiếp tôi ngay trước cổng nhà, vẫn trong bộ quần áo đánh gôn. Amy, vợ của ông ta, sau khi mời chúng tôi uống nước, cứ giả vờ như đang chăm sóc các chậu cây cảnh ở sảnh để hóng chuyện. Bà cũng không giấu giếm điều đó, vì

thỉnh thoảng bà lại chêm vào vài câu bình luận ý kiến của ông chồng.

– Tôi đã gặp anh rồi phải không? Pratt hỏi tôi.

– Vâng, tôi thường xuyên đến Aurora mà.

– Chàng trai lịch lãm này chính là người viết cuốn tiểu thuyết đó, vợ ông ta chêm vào.

– Nom anh không giống cái tay đã viết cuốn truyện đó gì cả? Ông ta nghi ngờ.

– Có chứ, chính tôi đã viết cuốn truyện đó, ngoài ra tôi còn viết mấy cuốn khác nữa.

– Thấy chưa, Gareth, tôi đã bảo ông rồi mà, Amy ngắt lời.

– Bà này, đừng có ngắt lời bọn tôi như vậy chứ: đây là khách của tôi, tôi xin cảm ơn bà. Thế nào, anh Goldman, tại sao tôi lại có hân hạnh được đón tiếp anh thế này?

– Nói thật là tôi đang có gắng lí giải một số câu hỏi liên quan tới vụ ám sát Nola Kellergan. Tôi đã nói chuyện với Travis Dawn, ông ta bảo hỏi đó ông có nghi vấn về Harry.

– Đúng vậy.

– Căn cứ vào đâu ạ?

– Căn cứ vào dư luận thôi. Đặc biệt là con đường ngoằn ngoèo lúc tôi đuổi theo tên sát nhân: nó cho thấy tên giết người phải là một tay trong vùng. Phải rất quen thuộc với vùng này mới có thể thoát thân trong khi tất cả lực lượng cảnh sát của vùng đã được huy động như vậy. Thế rồi lại còn chiếc xe ô tô Monte Carlo màu đen nữa chứ. Tất nhiên là chúng tôi đã lập danh sách tất cả các chủ sở hữu loại xe này đang sống trong vùng lúc đó: người duy nhất trong số họ không có bằng chứng ngoại phạm chính là Quebert.

– Nhưng mà, rốt cuộc các ông lại không tiến hành điều tra theo hướng Harry Quebert.

– Không, bởi vì ngoài chuyện xe ô tô, chúng tôi không có bằng chứng nào khác để buộc tội ông ta. Hơn thế, chúng tôi đã rất nhanh chóng loại ông ta ra khỏi danh sách những kẻ tình nghi. Việc phát hiện ra bộ hài cốt của cô bé trong vườn nhà ông ta chứng tỏ chúng tôi đã phạm sai lầm. Thật là điên quá, vì tôi cũng luôn luôn đặc biệt có cảm tình với ông ta... Rốt cuộc, có thể cảm tình khiến tôi đánh giá sai ông ta: Ông ta lúc nào cũng cực kì đáng mến, thân thiện, dễ dàng thuyết phục được người khác... Tôi muốn nói rằng, anh Goldman à, nếu tôi hiểu đúng, thì chính anh là người biết rõ ông ấy: bây giờ khi anh biết cô bé kia được chôn trong vườn của ông ta, anh có cảm thấy như sự nhớ ra một chuyện gì đó mà ông ta đã làm hay đã nói khiến anh có chút nghi ngờ gì chẳng?

– Không, thưa ông. Tôi chả nhớ điều gì tương tự như vậy cả.

Khi trở về Goose Cove, tôi thấy ở phía bên kia dải băng của cảnh sát, những cây cắm tú cầu đang sắp chết khô trên miệng hồ, toàn bộ rễ đến phơi hết cả lên trời. Tôi bèn vào khu nhà phụ làm ga ra tìm một chiếc xẻng. Sau đó, tôi lén vào trong vùng cấm, đào một vuông đất mềm hướng ra phía đại dương và trồng những cây hoa vào đó.

* * *

Ngày 30 tháng Tám năm 2002.

– Thầy Harry?

Lúc đó là 6 giờ sáng. Ông đang ngồi ngoài sân nhà ở Goose Cove, tách cà phê trên tay, ông quay lại, ngạc nhiên:

– Marcus đây à? Người cậu nhẽ nhại mồ hôi thế... Không thể tin được, cậu đã dậy chạy rồi cơ đây?

– Từ lâu rồi ấy chứ, em đã kịp chạy tám dặm định mức của em rồi đây ạ.

– Cậu dậy từ lúc mấy giờ?

– Sớm lắm. Thầy có nhớ không, cách đây hai năm khi em mới đến đây, thầy bắt em phải dậy từ bình minh? Từ đó, em quen dậy vào giờ này rồi. Dậy sớm để cả thế giới thuộc về mình! Thế còn thầy, thầy làm gì ngoài này thế?

– Đang quan sát, Marcus ạ.

– Thầy quan sát gì thế ạ?

– Cậu có thấy cái khoanh cỏ bé tí kẹp giữa mấy cây thông nhìn ra phía bãi biển không? Từ lâu, tôi đã muốn làm cái gì ở đó. Đây là khoảnh đất bằng phẳng duy nhất của cơ ngơi này có thể sử dụng được để trồng trọt thứ gì đó và làm thành cái vườn. Tôi muốn tạo thành một miếng đất nhỏ nhắn xinh xắn, kê hai chiếc ghế bằng, một chiếc bàn sắt và xung quanh đó trồng cẩm tú cầu. Thật nhiều cẩm tú cầu.

– Tại sao phải là cẩm tú cầu ạ?

– Có người rất thích cẩm tú cầu. Thầy muốn trồng những bụi cẩm tú cầu thật to để luôn luôn nhớ đến cô ấy.

– Cô ấy là người yêu của thầy à?

– Ừ.

– Nhìn thầy có vẻ buồn, thầy Harry ạ.

– Đừng để ý đến làm gì.

– Thầy Harry này, sao chả bao giờ thầy kể cho em nghe chuyện tình yêu của thầy thế?

– Vì chẳng có gì mà kể Marcus ạ. Hãy nhìn, hãy nhìn thì hơn

Marcus! Hoặc có khi nên nhắm mắt lại. Đúng rồi đấy, nhắm mắt thật chặt làm sao để không một chút ánh sáng nào có thể lọt qua được bờ mi. Cậu thấy không? Con đường lát gạch bắt đầu từ sân nhà trải dài đến tận những bụi cẩm tú cầu. Rồi có hai cái ghế băng dài, ngồi đó, mình có thể vừa thấy những bụi cẩm tú cầu khổng lồ, vừa nhìn thấy đại dương. Thậm chí có cả một vịnh nước nhỏ với đài phun nước có tượng người đứng giữa. Nếu nó đủ lớn, thầy sẽ thả cá vàng Nhật Bản ngũ sắc.

– Cá vàng Nhật Bản ngũ sắc ạ? Chúng không thọ được một giờ đâu thầy, bọn mòng biển sẽ xơi tái ngay.

Thầy Harry mỉm cười.

– Ở đây, bọn mòng biển được quyền làm bất kì điều gì chúng thích, Marcus ạ. Nhưng cậu có lí, tôi sẽ không thả cá nữa. Thôi, hãy đi tắm nước nóng dưới vòi hoa sen đi, cậu có thích không nào? Trước khi cậu chết vì lạnh, thầy sẽ không thể bịa ra được câu chuyện nhắm nhí nào để có thể thanh minh, khiến bố mẹ cậu nghĩ là thầy không biết chăm sóc con trai cưng của họ. Thầy đi chuẩn bị bữa sáng đây. À Marcus này...

– Dạ?

– Nếu thầy có một đứa con trai...

– Vâng, em biết rồi ạ. Em biết.

* * *

Sáng thứ Năm ngày 19 tháng Sáu năm 2008, tôi đến nhà nghỉ Sea Side. Địa điểm này rất dễ tìm: từ đường Side Creek, cứ đi thẳng tiếp trên đường 1 thêm bốn dặm nữa về hướng bắc, sẽ không thể không nhìn thấy tấm biển báo bằng gỗ to tổ đùng:

SEA SIDE MOTEL & RESTAURANT - Từ 1960.

Nơi Harry đợi Nola vẫn luôn còn đó; có lẽ tôi đã đi qua đó đến hàng trăm lần nhưng không bao giờ để ý-mà việc gì tôi phải để ý đến nó cơ chứ, ngoại trừ bắt đầu từ ngày hôm nay? Đó là một tòa nhà bằng gỗ lợp mái đỏ, bao quanh là hàng rào hoa hồng gai, ngay phía sau là rừng. Tất cả các phòng ở tầng trệt đều nhìn ra bãi đỗ xe, để lên các tầng trên phải đi cầu thang phía ngoài.

Theo nhân viên lễ tân mà tôi dò hỏi, tòa nhà này không hề thay đổi bất cứ chi tiết nào kể từ khi xây xong ngoại trừ nội thất của các phòng được hiện đại hóa và thêm một khu nhà ăn được xây sát vào nhà nghỉ. Để chứng thực cho lời nói của mình, anh ta đưa cho tôi xem cuốn album ảnh lưu niệm từ bốn mươi năm nay của nhà nghỉ.

- Tại sao anh lại quan tâm tới nhà nghỉ này như vậy? - Cuối cùng anh ta hỏi tôi.

- Vì tôi đang tìm những thông tin cực kì quan trọng, tôi trả lời.

- Tôi muốn anh nói thêm...

- Tôi cần biết có ai đã ngủ ở đây, trong phòng số 8, vào đêm thứ Bảy ngày 30 tháng Tám đến sáng Chủ nhật ngày 31 tháng Tám năm 1975.

Anh ta phá lên cười.

- Năm 1975 ư? Anh có đùa không thế? Kể từ khi thông tin được lưu trữ bằng điện tử, ta có thể xem được dữ liệu cùng lắm là hai năm trở về trước. Nếu anh muốn, tôi có thể nói cho anh biết ai ngủ ở đây vào đêm 30 tháng Tám năm 2006. Nhưng tôi chỉ nói thế về mặt kĩ thuật thôi, chứ còn đó là những thông tin mà hiển nhiên là tôi không có quyền được tiết lộ.

- Thế không có cách nào để biết được à?

– Ngoài các lưu trữ điện tử thì dữ liệu duy nhất nữa mà chúng tôi giữ là địa chỉ email của những người muốn nhận bản tin của nhà nghỉ. Anh có muốn nhận bản tin của chúng tôi không?

– Không, xin cảm ơn. Nhưng nếu có thể, tôi muốn được vào xem phòng số 8 một chút.

– Không thể. Nhưng phòng đó đang trống. Anh có muốn thuê phòng đó đêm nay không? Giá một đêm 100 đô la.

– Trên biển, các anh để giá của tất cả các phòng đều chỉ là 75 đô la, Anh biết không, tôi sẽ đưa riêng cho anh 20 đô la, anh dẫn tôi vào xem phòng đó, thế là cả hai chúng ta đều hài lòng.

– Anh thật là rần rết. Nhưng thôi được, tôi đồng ý.

Phòng số 8 nằm ở tầng một. Căn phòng này cũng giống như tất cả mọi phòng khác, không có gì đặc biệt, có một giường, một bàn uống nước nhỏ, tivi, bàn viết và phòng tắm.

– Tại sao anh lại quan tâm tới căn phòng này thế? Gã nhân viên hỏi tôi.

– Chuyện rất phức tạp. Một người bạn nói với tôi rằng cách đây ba mươi năm anh ấy đã nghỉ qua đêm ở đây. Nếu như chuyện đó là thật thì anh ấy là người vô tội.

– Thế anh ấy bị buộc tội gì?

Tôi không trả lời câu hỏi, tiếp tục thẩm vấn:

– Tại sao người ta lại gọi nhà nghỉ này là Sea Side? Ở đây thậm chí nhìn ra biển cũng không được cơ mà?

– Không nhìn thấy biển được, nhưng có đường nhỏ xuyên qua rừng, dẫn ra tận bãi tắm. Thông tin này có trong tờ rơi quảng cáo. Nhưng khách hàng cũng hay chế giễu lắm, khách nghỉ đêm tại đây chẳng ai đi ra bãi biển bao giờ.

- Theo anh nói, thì tức là từ Aurora người ta có thể đi theo bãi biển, xuyên qua rừng để đến đây phải không?
- Đúng vậy.

* * *

Tôi dành toàn bộ phần thời gian còn lại của ngày hôm đó để tra cứu các lưu trữ ở thư viện thành phố và cố gắng tái tạo lại chuỗi sự việc đã diễn ra trong quá khứ một cách lô gích. Erne Pinkas đã hỗ trợ tôi rất nhiều: ông không hề tiếc thời gian giúp tôi tìm kiếm thông tin.

Theo báo chí thời kì đó, không ai nhận thấy có gì lạ thường xảy ra vào ngày Nola Kellergan mất tích: không hề thấy Nola bỏ đi, cũng không thấy có gã côn đồ lạ mặt nào lảng vảng. Dưới cái nhìn của tất cả mọi người, vụ Nola Kellergan biến mất hoàn toàn là một bí ẩn lớn, cái chết của bà Deborah Cooper còn bí ẩn hơn nữa. Tuy nhiên, một vài nhân chứng chủ yếu là hàng xóm thuật lại rằng họ đã nghe thấy nhiều tiếng âm và cả tiếng kêu la từ gia đình nhà Kellergan ngày hôm đó ; một số người khác lại kể thực ra những tiếng ồn đó là âm nhạc mà ông mục sư vẫn thường xuyên nghe với âm lượng cực lớn. Điều tra của *Aurora Star* cho thấy cha Kellergan thường xuyên vừa sửa xe vừa nghe nhạc trong gara. Ông vặn âm lượng to hết cỡ để át đi tất cả tiếng ồn của các dụng cụ vì cho rằng âm nhạc hay và đáng nghe hơn âm thanh của máy móc ngay cả khi quá to. Nhưng nếu như con gái ông mà có kêu cứu, thì cũng có thể ông không nghe thấy gì hết. Theo Pinkas thì cha Kellergan lúc nào cũng tự hận mình vì đã vặn nhạc quá to: ông không bao giờ rời bỏ ngôi nhà ở Terrace Avenue, ông tự giam mình, sống cách biệt ở đó, lúc nào

cũng vắn đi vắn lại đĩa nhạc với âm lượng chói tai, như để tự trừng phạt mình. Giờ thì gia đình nhà Kellergan chỉ còn có mỗi ông, người mẹ tên là Louisa qua đời đã lâu. Hình như buổi tối khi có thông tin chính xác rằng người ta đào được hài cốt của Nola, cánh nhà báo đã kéo đến rất đông tại nhà David Kellergan. Pinkas bảo tôi, “Một cảnh tượng thật buồn. Ông ấy chỉ nói có mấy câu, đại loại là: Vậy là con tôi đã chết... mà tôi cứ tiết kiệm từ bấy tới giờ để con tôi có điều kiện đi học đại học. Anh biết không, ngày hôm sau, có năm Nola giả đã xuất hiện trước cửa nhà ông ấy để định lấy tiền. Ông già đáng thương hoàn toàn mất phương hướng. Chúng ta đang sống ở một thời đại thực sự điên loạn: trái tim con người chứa đầy cứt đá, Marcus ạ. Đây là ý kiến chủ quan của tôi thôi”

– Thế cha của Nola, ông ấy thường làm thế à, bật nhạc to hết cỡ ấy? Tôi hỏi.

– Đúng vậy, thường xuyên. Anh biết đấy, còn về Harry... hôm qua, trong thành phố, tôi có gặp bà Quinn.

– Bà Quinn ư?

– Đúng, trước kia, bà ấy là chủ tiệm Clark's. Bà ấy kể cho tất cả mọi người rằng từ lâu bà ấy đã biết chuyện Harry để ý đến Nola... Bà ấy bảo có bằng chứng chắc chắn.

– Bằng chứng nào vậy? Tôi hỏi.

– Tôi hoàn toàn không biết.

– Thế anh có tin tức gì về Harry không?

– Ngày mai, cháu sẽ đi thăm ông ấy.

– Cậu chuyển giúp lời chào của tôi cho ông ấy nhé.

– Bác cứ đi thăm ông ấy nếu muốn... Ông ấy sẽ rất vui đấy.

– Tôi không chắc có thật sự muốn thăm hay không.

Tôi biết rằng ông Pinkas suốt đời là công nhân của một xưởng dệt may ở Concord, nghỉ hưu vào độ tuổi bảy mươi lăm, cả đời chẳng được học hành gì nên lúc nào cũng hối tiếc, không bao giờ có thể nguôi ngoai niềm say mê đối với sách vở nhưng cũng chỉ có thể làm thủ thư tình nguyện cho thư viện thành phố. Pinkas tỏ thái độ biết ơn vô hạn đối với Harry khi Harry cho ông ấy được miễn phí vào dự các buổi giảng về văn chương của thầy ở trường đại học Burrows. Vậy nên tôi luôn coi ông Pinkas là người ủng hộ Harry một cách trung thành nhất, vậy mà, bây giờ ngay cả ông ấy cũng giữ khoảng cách với Harry.

– Anh biết đấy, ông ấy nói với tôi, Nola là một bé gái đặc biệt dịu dàng, tốt bụng với tất cả mọi người. Ở đây ai ai cũng yêu quý cô bé, coi nó như con gái của chính mình vậy. Thế mà làm sao Harry lại có thể... Ý tôi là, ngay cả khi ông ta không phải là người giết Nola, nhưng lại viết một cuốn truyện như vậy cho Nola! Tóm lại là, mẹ kiếp! Nola mới có mười lăm tuổi! Vẫn còn là đứa trẻ nít! Yêu đến mức viết hẳn một cuốn sách như vậy ư? Một cuốn truyện tình! Tôi cưới vợ đã được năm mươi năm nay nhưng không bao giờ tôi phải viết cho vợ tôi cuốn sách như thế.

– Nhưng cuốn sách đó là một tuyệt tác.

– Cuốn sách đó là một thứ quý quái. Một cuốn sách đòi trụ. Tôi vứt hết đồng sách đó rồi. Ai cũng quá bức xúc.

Tôi thở dài, không trả lời. Không muốn tranh luận với ông ấy, tôi chỉ hỏi:

– Bác Erne này, liệu cháu có thể cho chuyển một bưu kiện tới đây được không? Tới thư viện này?

– Một bưu kiện à? Tất nhiên rồi. Tại sao?

– Cháu cần một thứ rất quan trọng đang để ở nhà nên phải nhờ bà giúp việc gửi chuyển phát nhanh tới đây. Nếu bác cho

phép được gửi tới chỗ bác thì tốt quá vì không mấy khi cháu ở nhà ở Goose Cove. Hơn nữa, cái thùng thư ở đó chật ních những bưu phẩm bản thủ... Ít nhất, khi gửi về đây thì sẽ đảm bảo hơn.

Thùng thư ở Goose Cove thể hiện rõ tình hình nổi tiếng của Harry: toàn bộ nước Mỹ, sau khi đã chiêm ngưỡng và tôn thờ ông, thì nay lại quay ra réo tên ông la ó và tới tấp tung vào đó những bức thư thóa mạ. Xì căng đan lớn nhất trong lịch sử ngành xuất bản đã xảy ra: *Nguồn gốc cái xấu xa* từ nay hoàn toàn biến mất khỏi các giá trưng bày trong hiệu sách và bị xóa tên khỏi chương trình giảng dạy ở trường học. Tạp chí Boston Globe cũng chấm dứt hợp tác với Harry, còn ban Quản trị trường đại học Burrows thì kí quyết định có hiệu lực tức thời đuổi Harry khỏi chức vụ công tác. Từ đó, báo chí không còn ngần ngại khi miêu tả Harry như một loại động vật nặng dục tính; ông là đối tượng của mọi cuộc trò chuyện và mọi lời đàm tiếu. Roy Barnaski, đánh hơi được một cơ hội kinh doanh không thể bỏ lỡ vì bất kì lí do nào, khăng khăng ý đồ xuất bản sách liên quan đến vụ việc này. Vì Douglas không thuyết phục được tôi, nên rốt cuộc Roy Barnaski đích thân gọi điện thoại nhằm dạy tôi một bài học nhỏ về kinh tế thị trường:

– Dân chúng muốn cuốn sách này, ông ta giảng giải. Hãy nghe tôi đi, ngay cả dưới tòa nhà của tôi cũng sẽ có cả đám đông hâm mộ căng biểu ngữ viết tên anh cho xem.

Ông ta chum tay làm loa phát thanh và ra hiệu cho đám trợ lí đồng loạt hô to trong điện thoại: *Gold-man! Gold-man! Gold-man!*

– Họ không phải là những người hâm mộ tôi Roy ạ, họ là những người trợ lí của ông thôi. Xin chào Marisa.

– Chào anh Marcus, Marisa trả lời.

Barnaski lại cầm lấy điện thoại.

– Tóm lại, hãy cố gắng suy nghĩ một chút, anh Goldman: chúng ta sẽ xuất bản cuốn sách này vào mùa thu. Chắc chắn là thành công! Một tháng rưỡi để viết cuốn sách đó, anh có thấy như vậy là rất hợp lí không?

– Một tháng rưỡi á? Tôi từng mất hai năm để viết cuốn đầu tiên. Hơn nữa, tôi còn chưa biết sẽ kể cái gì, chưa ai biết thực sự chuyện gì đã xảy ra.

– Anh biết gì không, tôi sẽ cung cấp các nhà văn ma^[5] cho nhanh. Với lại, cũng không cần phải viết cái gì cao cấp: dân chúng chỉ nóng lòng muốn biết Harry Quebert làm gì đứa bé gái đó. Cứ viết văn trần thuật thôi là quá tốt rồi, kết hợp với kĩ thuật bỏ lửng, thêm ít nhiều chi tiết giật gân là quá đủ, và tất nhiên là cũng nên kèm thêm một tí sex vào.

– Sex á?

– Thôi đi nào, Goldman, tôi chả cần phải dạy anh cách hành nghề của chính anh: ai người ta thèm mua sách nếu không có những cảnh đồi trụy giữa lão già cóc đế với đứa trẻ con bảy tuổi? Đây chính là thứ mà công chúng cần. Ngay cả khi cuốn sách không thú vị gì, mình vẫn có thể bán được cả tấn. Đây mới là điều quan trọng, phải không?

– Harry mới ba mươi tư tuổi còn Nola mười lăm!

– Thôi đi, đừng có cứng nhắc như vậy... Nếu anh viết cuốn sách này, tôi sẽ hủy hợp đồng trước của anh và thêm vào đó, tôi sẽ ứng trước cho anh cả nửa triệu đô la để cảm ơn anh về việc hợp tác.

Tôi từ chối thẳng thừng ngay lập tức làm cho Barnaski phát cáu:

– Thế được, tại anh thích chơi xấu đấy nhé anh Goldman, thì

tôi cũng sẽ đối xử với anh tương tự: tôi đợi anh nộp cho tôi bản thảo viết tay trong vòng chính xác là mười một ngày, nếu không anh sẽ phải ra tòa và phá sản là chắc chắn!

Ông ta hung dữ đập luôn điện thoại. Sau đó, khi đang mua sắm mấy thứ lặt vặt trong cửa hàng bách hóa trên phố chính, tôi nhận được cú điện thoại của Douglas, chắc chắn Douglas đã bị chính Barnaski cảnh báo nên gọi điện hòng cố gắng thuyết phục tôi:

- Marc à, cậu không thể làm khó dễ trong chuyện này được nhé, - Douglas nói. - Tờ báo cho cậu biết là Barnaski nắm chắc hai quả cà của cậu rồi đó! Bản hợp đồng trước vẫn có giá trị hiệu lực và biện pháp duy nhất để cậu hủy nó là chấp nhận lời đề nghị của ông ta. Rồi cuốn sách này sẽ làm cho sự nghiệp của cậu một lần nữa vang dội rực rỡ. Món ứng trước tận nửa triệu đô la, cậu còn phàn nàn gì nữa nào?

- Barnaski muốn mình viết truyện theo thể loại ba hoa bịa đặt! Không bao giờ có chuyện đó, Douglas ạ. Mình không muốn có cuốn sách như vậy, mình không viết một cuốn truyện để rồi bị vứt vào thùng rác sau vài tuần. Để có sách hay, phải có thời gian!

- Nhưng đây là phương pháp hiện đại để tăng doanh số! Các nhà văn chỉ giới mơ mộng viễn vông, chờ tuyệt rơi trong khi lang thang tìm cảm hứng, thời đó qua rồi! Sách của cậu còn chưa được viết lấy nửa dòng, nhưng vị trí của nó đã được khẳng định rồi vì tất cả mọi người đều muốn đọc từ đầu tới cuối nội dung câu chuyện. Đọc ngay lập tức. Lỗi ngỏ thị trường rất là hạn hẹp: mùa thu này sẽ có bầu cử tổng thống và chắc chắn các ứng cử viên sẽ xuất bản sách vận động, những cuốn sách đó sẽ hoàn toàn chiếm chỗ trên các phương tiện truyền thông.

Tôi không còn tin vào điều gì nữa. Tôi thanh toán những

món đồ đã chọn và quay trở ra xe ô tô đậu ngoài phố. Đúng lúc đó, tôi nhìn thấy mẫu giấy được gài vào sau cần gạt nước. Lại vẫn thông điệp đó:

Hãy trở về nhà, Goldman.

Tôi nhìn xung quanh: không có ai. Một vài người đang ngồi uống nước ở bàn trên vỉa hè gần đó, vài khách hàng bước ra từ cửa hàng bách hóa. Ai đã bám theo tôi? Ai là người theo dõi tôi điều tra về cái chết của Nola Kellergan?

* * *

Ngày hôm sau khi xảy ra sự việc trên, thứ sáu ngày 20 tháng Sáu, tôi trở lại thăm Harry trong nhà tù. Trước khi rời Aurora, tôi rẽ qua thư viện nơi tôi nhờ nhận bưu kiện.

– Cái gì thế? Pinkas tò mò hỏi khi nhìn thấy tôi mở gói bưu kiện.

– Một dụng cụ mà cháu cần.

– Dụng cụ gì thế?

– Dụng cụ làm việc. Cảm ơn bác đã nhận giúp cháu, bác Erne.

– Đợi đã, thế cậu không muốn uống một li cà phê à? Tôi vừa mới pha đây. Cậu có cần kéo để mở không?

– Cảm ơn bác Erne. Để lần khác cháu sẽ đến uống cà phê nhé. Cháu phải đi rồi.

Khi đến Concord, tôi quyết định rẽ qua trụ sở cảnh sát bang để đi tìm ông trung sĩ Gahalowood trình báo vài giả thuyết mà tôi phác thảo ra từ sau cuộc gặp gỡ ngắn ngủi của chúng tôi.

Trụ sở cảnh sát của bang New Hampshire, nơi đóng trụ sở

của đội cảnh sát chống tội phạm là một tòa nhà lớn xây bằng gạch đỏ nằm ở số 33 Hazen Drive, trung tâm thị trấn Concord. Lúc đó là gần 13 giờ; tôi được thông báo rằng Gahalowood ra ngoài ăn trưa và được mời ngồi đợi trong hành lang, trên ghế dài, cạnh chiếc bàn có đặt máy bán cà phê và một số tạp chí. Một tiếng sau, khi anh ta quay về, khuôn mặt hằn vể khó chịu.

– Là anh à? Anh ta gần như hét lên khi nhìn thấy tôi. Tôi bị người ta gọi về nói rằng: *Perry, mau lên, có một tay đang đợi anh cả tiếng đồng hồ rồi*, thế là tôi phải bỏ dở bữa cơm vội vàng chạy về đây xem có chuyện gì quan trọng xảy ra, nhưng rốt cuộc thì tôi phải tiếp một tay nhà văn!

– Đừng có giận tôi... Tôi nghĩ rằng chúng ta đã xuất phát trên những cơ sở giả định sai lầm và có thể...

– Tôi rất ghét anh, nhà văn ạ, nhớ đấy, tôi chỉ nói một lần thôi. Vợ tôi đã đọc cuốn sách của anh: cô ấy khen anh đẹp trai, thông minh. Cái mặt anh, in ở đằng sau cuốn sách ấy, nằm chễm trệ trên bàn trong phòng ngủ riêng của vợ chồng tôi hàng mấy tuần liền. Anh được chung sống trong phòng ngủ của vợ chồng tôi! Anh ngủ chung với chúng tôi! Anh ăn tối với chúng tôi! Anh đi nghỉ mát cùng chúng tôi! Anh tắm chung bồn tắm với vợ tôi! Toàn bộ đám bạn gái của vợ tôi ai cũng ngưỡng mộ anh! Anh phá hoại cuộc sống của tôi!

– Anh cũng đã cưới vợ cơ à trung sĩ? Điên thật đấy, con người anh khó chịu đến mức tôi đã thề là chắc chắn chẳng có ai thềm kết hôn với anh.

Anh ta tức giận thụt sâu cái đầu vào trong cái cằm béo bở đôi:

– Chúa ơi, vậy thì anh muốn gì? Tay trung sĩ gầm gừ như chó sủa.

– Muốn hiểu.

- Quá tham vọng với loại người như anh.
- Tôi biết.
- Làm ơn để cho cảnh sát làm việc.
- Tôi cần có thông tin thừa trung sĩ. Tôi muốn biết hết mọi chuyện. Thật là bệnh hoạn, nhưng tôi là người cả lo nên tôi cần phải chi phối được mọi điều xảy ra.

—Thế thì được, chi phối đi, cứ chi phối cái bản thân anh cái đã!

- Ta có thể vào phòng làm việc của anh được không?
- Không.
- Hãy nói cho tôi biết, chỉ một điều thôi, có phải Nola đã chết vào độ tuổi mười lăm không?
- Đúng vậy. Các phân tích về bộ hài cốt đã khẳng định điều này.
- Vậy thì cô ta đã bị bắt và bị giết vào cùng một thời điểm?
- Đúng vậy.
- Nhưng còn chiếc túi... Tại sao cô ta lại bị chôn cùng với chiếc túi?
- Tôi chịu.
- Vậy nếu như cô ta có túi, có thể chúng ta buộc phải nghĩ rằng cô ta muốn bỏ nhà? Nếu anh định chuẩn bị một cái túi để bỏ nhà đi, thì anh phải nhét đầy quần áo vào cái túi đấy đúng không nào?
- Chính xác.
- Thế mà trong cái túi đấy chỉ có mỗi cuốn sách.
- Anh đã ghi được một điểm, tôi nói. Trí thông minh sắc sảo của anh làm tôi lóa mắt. Nhưng chiếc túi này...

Anh ta ngắt lời tôi:

– Nhẽ ra hôm trước tôi không nên nói với anh về chuyện cái túi này. Tôi không hiểu lúc đấy tôi bị làm sao...

– Tôi cũng không biết.

– Tôi nghĩ tại lòng thương hại. Đúng, chính thế đấy: anh đã khiến tôi thương hại anh bằng vẻ mặt ngơ ngác và đôi giày lấm đầy bùn.

– Cảm ơn anh. Cho phép tôi được hỏi tiếp: anh có thể cung cấp cho tôi biết thêm vài thông tin về việc phân tích xác chết được không? Với lại, không biết người ta có gọi là phân tích xác chết khi phân tích một bộ xương không nhỉ?

– Tôi chả biết gì hết.

– Không biết liệu thuật ngữ *khám nghiệm pháp y* có chính xác hơn không nhỉ?

– Mặc kệ các thuật ngữ chính xác, tôi không quan tâm. Điều tôi có thể nói cho anh biết, đó là người ta đã đập vỡ hộp sọ cô ta! Bộp! Bộp! Bộp!

Vì vừa nói anh ta vừa bắt chước âm thanh những cú đập vào đầu, nên tôi hỏi:

– Nghĩa là họ đập vào đầu bằng một miếng bập à?

– Tôi không biết, anh là đồ làm phiền ngu ngốc!

– Đàn bà hay đàn ông?

– Cái gì?

– Liệu phụ nữ có thể đập được những cú như vậy không? Tại sao nhất thiết phải là đàn ông cơ chứ?

– Tại vì vào thời kì đó, nhân chứng là bà Deborah Cooper đã chính thức nhận dạng rằng kẻ sát nhân là đàn ông. Thôi đủ rồi đấy, cuộc đối thoại này đến đây chấm dứt, nhà văn ạ. Anh làm

tôi bực mình quá.

– Thế còn anh, bản thân anh nghĩ gì về toàn bộ chuyện này?

Anh ta rút trong ví ra tấm ảnh gia đình.

– Tôi có hai con gái, nhà văn ạ. Một đứa mười bốn và một đứa mười bảy tuổi. Tôi không thể tưởng tượng được mình có thể sống sót qua sự kiện mà cha Kellergan đã phải trải qua. Tôi muốn biết sự thật. Tôi muốn có công lý. Công lý không phải là tổng hợp tất cả những sự kiện đơn giản: đó là một công việc phức tạp hơn nhiều. Vậy nên tôi phải tiếp tục cuộc điều tra. Nếu như tôi phát hiện ra Quebert vô tội, hãy tin tôi rằng ông ta sẽ được thả tự do. Nhưng nếu ông ta là tội phạm, thì hãy tin chắc rằng tôi sẽ không đời nào để cho Roth lừa bịp quan tòa một lần nữa dù cho Roth biết bí quyết thả tội phạm. Điều đó sẽ không xảy ra thêm một lần nữa, vì đó không phải là công lý.

Với vẻ của con bò đại đang lên cơn, Gahalowood lại có triết lý làm tôi rất vui lòng.

– Suy cho cùng về bản chất thì anh là người tốt bụng, trung sĩ ạ. Tôi sẽ trả tiền bánh rán, chúng ta vừa ăn vừa nói chuyện tiếp chứ?

– Tôi không muốn ăn bánh rán, tôi muốn anh biến ngay khỏi đây. Tôi còn phải làm việc.

– Nhưng anh phải báo cho tôi biết điều tra thì phải làm gì. Tôi không biết điều tra. Thế tôi phải làm thế nào?

– Tạm biệt nhà văn. Tôi gặp anh hôm nay thế là đủ cho cả tuần rồi đấy nhé. Mà có khi đủ cho cả đời tôi nữa rồi cũng nên.

Thất vọng vì không được đánh giá nghiêm túc, tôi cũng không muốn nài nỉ nữa. Tôi chìa tay ra để chào anh ta, bằng những ngón tay to béo, anh ta bóp tay tôi một cách tàn bạo, thế rồi tôi quay lưng bước đi. Nhưng khi ra đến bãi đậu xe phía

ngoài, tôi nghe thấy anh ta hét với theo: “Nhà văn!” Tôi quay lại và thấy trung sĩ đang lê tấm thân to lớn về phía tôi.

– Nhà văn, khi đã đuổi kịp tôi, anh ta vừa nói vừa thở hổn hển. Cảnh sát giỏi là người không quan tâm tới kẻ sát nhân... mà quan tâm tới nạn nhân. Anh phải điều tra về hướng nạn nhân. Cần phải bắt đầu từ lúc trước khi xảy ra vụ giết người. Chứ không phải bắt đầu từ cuối câu chuyện. Anh đã đi lạc đường khi cứ tập trung vào vụ án. Anh phải tự đặt câu hỏi ai là người bị giết... Anh phải tự hỏi ai là Nola Kellergan...

– Và Deborah Cooper?

– Nếu anh muốn biết quan điểm của tôi, thì theo tôi, tất cả đều liên quan tới Nola. Deborah Cooper chỉ là một nạn nhân bất đắc dĩ kéo theo sau đó. Hãy tìm cho ra Nola Kellergan là ai thì anh sẽ tìm thấy thủ phạm giết cô bé và bà mẹ Cooper cùng một lúc.

* * *

Nola Kellergan là ai? Đó là câu hỏi mà tôi cũng định hỏi Harry khi tôi quay trở lại thăm ông ở nhà tù. Sắc mặt Harry không được tốt cho lắm. Ông có vẻ rất lo lắng vì những thứ trong ngăn để đồ của mình ở phòng tập thể hình.

– Anh tìm thấy hết chứ? Còn chưa kịp chào nhau thì ông đã hỏi ngay.

– Vâng, thấy hết.

– Rồi anh đã đốt hết chứ?

– Vâng, đã đốt hết.

– Cả bản thảo chứ?

– Cả bản thảo.

– Tại sao anh lại không báo cho tôi biết? Tôi lo đến chết mất! Thế hai ngày vừa rồi, anh ở đâu?

– Em bận điều tra. Thầy Harry, tại sao cái hộp đó lại được cất trong tủ đựng đồ ở phòng tập?

– Tôi biết là anh thấy điều này hơi bất thường... Sau chuyến thăm của anh tới Aurora vào tháng Ba, tôi sợ có ai đó nữa thấy chiếc hộp. Tôi nghĩ bất kì ai cũng có thể thấy nó, chẳng hạn như một vị khách tò mò hay người giúp việc. Tôi cho rằng cất giấu các kỉ niệm của tôi ở chỗ khác sẽ là cẩn trọng hơn.

– Thầy giấu chúng đi à? Nhưng điều đó biến thầy thành tội phạm. Còn tập bản thảo... đó chính là bản thảo của cuốn Nguồn gốc cái xấu xa phải không ạ?

– Đúng vậy. Đó là bản đầu tiên.

– Em cũng nhận ra nội dung. Bên ngoài không có tựa đề.

– Tôi lấy tựa đề sau khi chuyện đó xảy ra.

– Ý thầy là sau khi Nola mất tích?

– Đúng vậy. Thôi đừng nói về bản thảo đó nữa, Marcus. Nó thật đáng nguyên rủa, nó chỉ mang đến cho tôi những nỗi bất hạnh, bằng chứng đó: Nola đã chết còn tôi thì ở tù.

Chúng tôi nhìn nhau giây lát. Tôi để lên bàn chiếc túi nhựa bên trong có gói bưu kiện tôi vừa nhận được.

– Cái gì vậy? Harry hỏi.

Tôi không trả lời, mở túi lấy ra chiếc máy chạy đĩa nhỏ có cắm micro cho phép ghi âm. Tôi đặt trước mặt Harry.

– Marcus, mẹ kiếp, anh làm cái trò gì thế? Đừng có nói là anh giữ cái máy quỷ quái này đây nhé...

– Tất nhiên chứ thầy Harry, em luôn gìn giữ nó rất cẩn thận.

- Làm ơn cất đi cho tôi nhờ.
- Đừng tỏ thái độ khó chịu như vậy thầy Harry...
- Nhưng anh muốn làm cái mẹ gì với cái máy quỷ quái này?
- Em muốn thầy nói với em về Nola, về Aurora, về tất cả. Về mùa hè năm 1975, về cuốn sách của thầy. Em cần biết. Sự thật phải được giấu ở đâu đó.

Thầy Harry cười buồn bã. Tôi bật máy ghi âm và để cho ông nói. Cảnh tượng thật đẹp: giữa nhà giam, ở chính nơi thăm tù nhân, cạnh những bộ bàn ghế bằng nhựa, những người chồng gặp vợ, những người cha gặp con cái, tôi gặp người thầy của mình để nghe ông kể toàn bộ chuyện riêng.

Tối hôm đó, trên đường trở về Aurora, tôi ăn cơm sớm. Sau đó, vì không muốn về luôn Goove Cove để chịu cảnh một thân một mình trong căn nhà rộng trống trải, tôi lái xe chạy dọc theo bờ biển. Ngày tàn dần, mặt đại dương sáng lấp lánh: khung cảnh thật diệu kì. Tôi đi qua nhà nghỉ Sea Side, qua khu rừng Side Creek, đường Side Creek, Goove Cove, tôi đi qua Aurora rồi đến bãi biển Grand. Tôi xuống xe đi bộ tới tận mép nước, rồi ngồi xuống những viên đá cuội tận hưởng cảnh màn đêm thanh bình đang dần buông. Ánh sáng ở Aurora nhảy nhót từ xa trong ngàn tia lấp lánh của những đợt sóng; chim mòng biển hét lên những tiếng chói tai, những chú họa mi hát ngọt ngào trong những bụi cây xung quanh, tôi còn nghe thấy những tiếng còi của ngọn hải đăng. Tôi bật máy ghi âm, giọng Harry vang lên trong bóng tối:

Anh biết bãi tắm Grand chứ Marcus? Đây là bãi biển đầu tiên của thành phố Aurora khi tôi đến từ Massachusetts. Tỉnh thoảng tôi đến đó khi hoàng hôn buông xuống để ngắm nhìn ánh sáng thành phố. Tôi nghĩ đến tất cả những điều xảy ra từ ba mươi năm nay. Bãi

biển này chính là nơi tôi dừng chân vào ngày tôi đến Aurora. Đó là ngày 20 tháng Năm năm 1975. Lúc ấy tôi ba mươi tư tuổi. Tôi từ New York tới, và vừa mới quyết định tự tay nắm lấy số phận mình: tôi đã trút bỏ tất cả, bỏ dạy Văn, gom toàn bộ số tiền tiết kiệm được quyết thử vận may để trở thành nhà văn: tự cách li mình ở New England để viết cuốn tiểu thuyết mà tôi hằng mơ ước.

Mới đầu tôi định thuê nhà ở Maine, nhưng một nhân viên bất động sản ở Boston đã thuyết phục tôi thử lựa chọn Aurora. Anh ta kể cho tôi nghe về một ngôi nhà như trong mộng hoàn toàn phù hợp với cái tôi đang tìm kiếm: đó chính là Goose Cove. Vào đúng giây phút tôi đặt chân tới trước ngôi nhà này, tôi đã phải lòng nó ngay lập tức. Đây chính là nơi mà tôi cần: một nơi ở tách biệt yên tĩnh, hoang dại, nhưng cũng không phải là hoàn toàn biệt lập, vì chỉ cách Aurora có mấy dặm thôi. Vả lại tôi cũng vô cùng thích thành phố Aurora. Cuộc sống ở đây có vẻ rất nhẹ nhàng, trẻ con chơi đùa trên đường phố hoàn toàn vô lo, tỉ lệ tội phạm hoàn toàn không tồn tại; đó là một nơi đẹp như trong tranh. Ngôi nhà ở Goose Cove vượt xa khả năng chi trả của tôi nhưng công ty tư vấn bất động sản chấp nhận cho tôi trả làm hai đợt. Tôi tính rằng nếu không tiêu hoang phí quá, tôi vẫn sẽ có thể sống được. Hơn nữa, tôi có linh cảm rất lành, có cảm giác mình chọn đúng. Tôi đã không nhầm, bởi vì quyết định này đã làm thay đổi cả cuộc đời tôi: cuốn sách tôi viết mùa hè năm đó giúp tôi trở thành người giàu có và nổi tiếng.

Tôi cho rằng, điều khiến tôi thích thú đến thế ở Aurora chính là cái vị thế mà tôi đã nhanh chóng được hưởng: ở New York, tôi chỉ là một thầy giáo cấp ba, một nhà văn vô danh, nhưng ở Aurora, tôi là Harry Quebert, nhà văn từ New York về để viết tiểu thuyết. Anh biết đấy, Marcus, lại là câu chuyện về “Siêu Nhân”, giống như anh lúc ở trường cấp ba vậy và chính anh cũng đã rất hài lòng khi có thể làm biến đổi mối quan hệ tương quan giữa bản thân mình với những

người khác để tỏa sáng: chính điều này cũng xảy ra với tôi khi ở Aurora. Tôi là người tự tin, lịch thiệp, trẻ khỏe, vạm vỡ, đẹp trai và có học thức, hơn nữa lại còn sống trong dinh thự đẹp như mộng ở Goose Cove. Dân tình ở Aurora, dù không biết tên tôi, nhưng căn cứ vào cơ ngơi tôi ở, phong cách sống và thái độ của tôi, thì nghĩ rằng tôi là người thành công trong cuộc sống. Không phải cần thêm gì nữa để dân chúng ở đây nghĩ tôi là siêu sao New York: rồi ngày một ngày hai tôi nhanh chóng trở thành người có tên tuổi. Chính ở Aurora mà tôi trở thành nhà văn được kính trọng ở New York! Tôi cung cấp cho thư viện thành phố vài cuốn truyện đầu tiên của tôi vẫn còn giữ, và anh biết không, cái mớ giấy đáng thương từng bị cả New York coi thường thì ở Aurora đã thổi bùng lên những say mê. Đó là năm 1975, một thành phố bé tí tẹo của bang New Hampshire, đang nỗ lực tìm ra một điều gì đó đáng tự hào để khẳng định sự tồn tại của mình, thì vào thời kì đó, trước khi có internet và công nghệ thông tin hiện đại, đã tìm ra ở tôi một ngôi sao mà nó hằng mong ước.

* * *

Tôi trở về Goose Cove vào khoảng 23 giờ. Khi rẽ vào con đường nhỏ rải đá dẫn vào nhà, tôi bỗng thấy luồng sáng đèn pha ô tô quét vào một bóng người vội vàng lẩn trốn vào rừng. Tôi phanh gấp, nhảy bổ ra khỏi ô tô hét lớn, chạy thục mạng đuổi theo bóng kẻ đột nhập. Chính lúc đó, tôi phát hiện ánh sáng hừng hực đập vào mắt tôi một đám cháy ở gần nhà. Tôi chạy lại xem điều gì xảy ra: chiếc xe Corvette của Harry đang bốc cháy. Ngọn lửa bốc lên cao lắm rồi, một cột khói nâu cuộn ngút lên tận trời. Tôi hô hoán nhưng không ai trả lời. Chỉ có rừng rậm vây bọc xung quanh. Cửa kính chiếc Corvette bùng

nổ trước sức nóng của ngọn lửa, lớp kim loại bắt đầu chảy ra, lửa bùng cháy dữ dội gấp đôi so với trước, liếm lên cả tường nhà xe. Tôi không còn làm được gì hơn nữa. Tất cả sẽ bị thiêu rụi.

26

N-O-L-A

(Aurora, New Hampshire, thứ Bảy ngày 14 tháng Sáu năm 1975)

“Nếu như cánh nhà văn là những cá nhân yếu đuối, thì Marcus ạ, là vì họ có thể cảm nhận được hai nỗi đau đớn, tức gấp đôi so với người bình thường: nỗi đau tình và nỗi đau sách. Viết một cuốn sách, cũng giống như yêu một người nào đó: điều này có thể đau đớn vô cùng.”

THÔNG BÁO TỚI TOÀN THỂ ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Các anh/chị hẳn đã lưu ý tới việc từ một tuần nay ông Harry Quebert ngày nào cũng lui tới dùng bữa trưa tại nhà hàng chúng ta. Ông Quebert là nhà văn lớn đến từ New York, do vậy yêu cầu toàn đội ngũ nhân viên phải dành cho ông sự chăm sóc đặc biệt. Cần phải phục vụ và đáp ứng mọi nhu cầu của ông Quebert một cách chu đáo và tể nhị nhất. Nghiêm cấm không bao giờ được quấy rầy ông Quebert. Bàn số 17 chỉ để dành riêng cho ông Quebert cho tới khi có thông báo mới. Không bao giờ để cho khách hàng khác ngồi vào bàn số 17 đã được dành riêng cho ông Quebert.

Tamara Quinn.

Trọng lượng của chai xi rô lá đỏ làm cho chiếc mâm bị mất cân bằng. Ngay khi nàng đặt chai xi rô lên đó, nó bắt đầu chao đảo; rồi vì muốn tóm lại cái chai mà đến lượt nàng cũng mất

thăng bằng luôn, một mớ âm thanh hỗn độn âm ỉ nổ ra, chiếc mâm rơi xuống đất kéo theo cả nàng cũng ngã sóng soài.

Harry ngó vào phía bên trong quầy.

– Nola, mọi chuyện ổn chứ?

Nàng đứng lên, vẻ hơi hoảng hốt.

– Vâng, vâng, em...

Họ quan sát trong chốc lát đồng đồ nát vừa xảy ra, rồi cười phá lên,

– Đừng có cười như thế chứ, Harry, Nola dịu dàng mắng đùa Harry. Nếu bà Quinn mà biết được em lại làm đổ mâm lần nữa thì em sẽ bị trừng phạt thích đáng.

Harry đi ra đằng sau quầy, lom khom cúi xuống nhặt giúp nàng những mảnh thủy tinh vỡ lẫn lộn trong đồng mù tạt, sốt mayonnaise, sốt cà chua, xi rô lá đỏ, bơ, đường và muối.

– Trời ơi, Harry kêu lên, không hiểu tại sao từ một tuần nay, tất cả mọi người ở đây cứ mang cho tôi đầy đủ mọi loại gia vị mỗi khi tôi gọi bất kì cái gì nghĩa là thế nào?

– Là do có thông báo đó ạ, Nola trả lời.

– Thông báo gì?

Nàng nhường mắt về phía tờ ghi chú nhỏ dán phía sau quầy. Harry đứng dậy, chạy đến đọc to.

– Ở kia, Harry, anh làm gì vậy? Anh điên à! Nếu bà Quinn mà biết được thì...

– Đừng lo, chẳng có ai ở đây cả.

Lúc đó là 7 giờ rưỡi sáng; tiệm Clark's còn chưa có khách.

– Thông báo này nghĩa là thế nào?

– Đó là lệnh của bà Quinn đấy.

– Ra lệnh cho ai vậy?

– Cho toàn thể nhân viên.

Có một vài vị khách bước vào nên họ phải dừng cuộc trò chuyện; ngay lập tức Harry quay ra ngồi vào bàn số 17, còn Nola vội vàng trở lại với công việc.

– Tôi sẽ mang đến ngay bánh mì nướng, thưa ông Quebert, nàng trịnh trọng tuyên bố rồi biến mất vào bếp.

Ở sau hai cánh cửa khép lại, nàng còn đứng lặng hồi lâu mơ mộng và mỉm cười một mình: nàng yêu anh. Kể từ khi gặp anh trên bãi biển hai tuần trước, kể từ ngày trời mưa tuyết diệu khi nàng đi dạo và vô tình gặp anh gần Goose Cove, nàng đã yêu anh. Nàng biết điều này. Đó là một cảm giác không thể nhầm lẫn được, không có cảm giác nào giống thế: nàng cảm thấy khác hẳn, nàng cảm thấy hạnh phúc hơn, mỗi ngày với nàng dường như đẹp hơn. Và nhất là, khi anh ở đó, nàng thấy tim mình đập quá mạnh.

Sau buổi gặp gỡ trên bãi biển, họ có vô tình chạm mặt nhau hai lần; một lần trước cửa hàng bách hóa ở phố chính và một lần ở ngay tiệm Clark's, nơi nàng phục vụ vào thứ Bảy hàng tuần. Mỗi lần gặp gỡ, lại có điều gì đó đặc biệt xảy ra giữa họ. Kể từ đó, anh dần hình thành thói quen đến tiệm Clark's hàng ngày, khiến cho bà chủ quán Tamara Quinn đã phải triệu tập cuộc họp khẩn với các “cô gái” của bà - mà bà vẫn thường gọi là nhân viên phục vụ - vào buổi chiều ba ngày trước đó để đưa ra bản Thông báo trừ danh kia. “Các người đẹp của tôi, bà Tamara Quinn trịnh trọng tuyên bố với đám nhân viên phục vụ đang đứng thành hàng nghiêm trang như các anh lính trong quân đội, tuần vừa rồi, hẳn các cô phải lưu ý thấy rằng nhà văn nổi tiếng Quebert đã tìm thấy ở nhà hàng chúng ta những phẩm chất, tiêu chí thanh lịch nhất và chất lượng tốt nhất trong số các quán ăn trên bờ biển miền Đông. Clark's là nhà hàng cao

cấp: chúng ta phải xứng đáng với sự mong mỏi, chờ đợi của các khách hàng khó tính nhất. Do một số các cô có bộ não không lớn hơn hạt đỗ nhỏ là mấy, nên tôi soạn sẵn ra bản Thông báo này để nhắc nhở các cô biết cách cư xử phù hợp với ông Quebert. Các cô phải đọc đi đọc lại nhiều lần, phải học thuộc lòng! Tôi sẽ bắt ngờ kiểm tra các cô. Tôi sẽ dán tờ Thông báo đó phía sau quầy, ở trong nhà bếp”. Sau đó, bà Tamarin Quinn lấy búa đóng ngay tờ Thông báo lên và nói: nhớ đừng bao giờ làm phiền ông Quebert đấy nhé, ông ấy cần yên tĩnh và tập trung. Hãy làm việc hết sức để ông ấy cảm thấy như đang ở nhà mình. Theo thống kê từ những lần trước ghé vào nhà hàng, thì nhân vật lừng lẫy này chỉ dùng cà phê đen, cho nên hãy phục vụ ông ấy một cốc cà phê ngay lập tức khi ông ấy bước chân vào nhà hàng và tuyệt đối không được chào mời thêm bất kì cái gì khác. Còn nếu như ông ấy muốn một món nào khác, hay nếu có đói, thì chính ông Quebert sẽ tự gọi. Tuyệt đối không được quấy rầy ông Quebert hay thúc ép ông ấy gọi món giống như phải làm với các khách hàng khác. Một khi ông Quebert gọi đồ ăn, thì phải ngay lập tức mang cho ông ấy tất cả các loại gia vị và đồ ăn kèm, để ông không phải mất công yêu cầu: mù tạt, sốt cà chua, mayonne, tiêu, muối, bơ, đường và xi rô lá đỏ. Không được để cho các nhà văn lớn phải lên tiếng yêu cầu bất cứ điều gì: họ cần phải có đầu óc thanh thoi để có thể yên tĩnh sáng tạo. Có thể cuốn sách mà ông ấy đang viết, câu chữ mà ông Quebert đang phác thảo ra trong khi ngồi ở đây hàng giờ liền cũng là ý tưởng đầu tiên cho một kiệt tác. Rồi sau đó, người ta sẽ nhanh chóng nói về nhà hàng Clark's trên toàn bộ đất nước này. Bà Tamara Quinn bắt đầu mơ mộng về một cuốn sách sẽ mang đến cho tiệm ăn của bà sự nổi tiếng và khi có nhiều tiền, bà sẽ mở thêm nhà hàng ở Concord, rồi ở Boston, ở New York, và ở tất cả

những thành phố lớn ven biển cho tới tận bang Florida.

Một cô phục vụ tên là Mindy yêu cầu được giải thích thêm:

– Nhưng thưa bà Quinn, làm thế nào mà chúng ta có thể chắc chắn được ông Quebert chỉ thích có cà phê đen?

– Tôi biết điều đó. Chỉ có thể thôi, chấm hết. Trong những nhà hàng lớn, khách hàng quan trọng không cần phải gọi món: nhân viên phải hiểu rõ và nắm chắc thói quen của họ. Chúng ta có phải là một nhà hàng lớn không nào?

“Vâng, thưa bà Quinn”, các nhân viên phục vụ đồng thanh trả lời. “Vâng, thưa mẹ”, Jenny cũng hét toáng lên như bò rống, vì cô là con gái của bà.

– Đừng có gọi ta là “mẹ” ở đây nhé, Tamara quát. Đây không phải là quán cóc ở nhà quê.

– Thế con phải gọi mẹ là gì ạ? Jenny hỏi.

– Không cần phải gọi làm gì cả, cô nghe mệnh lệnh của ta rồi khiêm nhường thể hiện sự vâng lời bằng cách cúi đầu xuống. Không cần phải nói. Hiểu chưa?

– Dạ vâng, con hiểu rồi ạ. Con vâng lệnh ạ, đây...

– À, thế tốt rồi, con yêu. Đây, con học rất nhanh. Nào nào, các người đẹp, tôi muốn thấy thái độ nhún nhường phục vụ, cách cúi đầu nhận lệnh ở tất cả các cô... Đó... đúng rồi... Thế, rồi bây giờ chúng ta cùng cúi đầu nhận lệnh của khách hàng. Đó... đúng thế... Cúi từ cao xuống thấp... Tốt lắm, cứ như thể chúng ta đang ở trong lâu đài Marmont vậy.

Bà Tamara Quinn không phải là người duy nhất cảm thấy rất phấn khích trước sự hiện diện của Harry Quebert ở Aurora: mà cả thành phố nhỏ bé cũng đang náo động hẳn lên. Một số người khẳng định Harry Quebert là siêu sao ở New York, rồi tất cả những người khác cũng nói theo như vậy để không tỏ ra là kém

hiểu biết và thiếu văn hóa. Nhưng Erne Pinkas, thủ thư của thư viện thành phố hiện đang có sẵn rất nhiều cuốn truyện đầu tay của Harry Quebert, thì lại nói rằng ông ta chưa bao giờ từng nghe nói về nhà văn Quebert. Dẫu vậy, không ai thêm để ý đến tiếng nói của một người công nhân chẳng biết tí gì về tầng lớp xã hội thượng lưu ở New York. Đặc biệt là tất cả mọi người đều thống nhất ý kiến cho rằng không phải bất kì ai cũng đủ khả năng dọn đến ở trong dinh thự tráng lệ ở Goose Cove, ngôi nhà mà nhiều năm nay không có người nào đủ giàu có để sở hữu.

Còn một chủ đề khác cũng không kém phần sôi động liên quan đến đám con gái ở độ tuổi cưới chồng và kéo theo cả các bậc phụ huynh, đó là việc Harry Quebert vẫn còn độc thân. Đúng là có một trái tim sẵn đó mà nhạt về. Với sự nổi tiếng lại có cả tài sản, phẩm chất trí thức cũng như một ngoại hình cực kì thanh lịch, anh tạo nên hình ảnh một người chồng tương lai tuyệt vời. Ở tiệm Clark's, tất cả các nhân viên đều nhanh chóng nhận thấy Jenny Quinn, hai mươi bốn tuổi sở hữu một vẻ đẹp gợi cảm với mái tóc vàng óng, còn là đội trưởng đội múa nữ của trường trung học Aurora, đang mê mọt Harry. Jenny, người đảm đương công việc tại tiệm ăn tất cả các ngày trong tuần là người duy nhất công khai không tuân theo mệnh lệnh của tờ Thông báo: cô chế giễu đùa cợt với Harry, liên tục bắt chuyện với anh, làm gián đoạn công việc của anh và không bao giờ mang tới cho anh đầy đủ tất cả mọi gia vị và đồ ăn kèm cùng một lúc. Jenny không bao giờ làm việc vào các ngày cuối tuần; thứ Bảy, công việc phục vụ do Nola phụ trách.

Đầu bếp bấm chuông gọi bút Nola ra khỏi dòng suy nghĩ: món bánh mì nướng của Harry đã được làm xong. Nàng đặt cái đĩa lên mâm; trước khi quay trở lại phòng ăn, nàng còn chỉnh sửa lại chiếc bờm tóc mạ vàng, sau đó nàng đẩy cửa, dáng vẻ

đầy kiêu hãnh. Kể từ hai tuần này, nàng đang phải lòng.

Nàng mang đến cho Harry đồ ăn mà anh đã đặt. Tiệm Clark's dần dần đông khách thêm.

– Chúc ngon miệng, ngài Quebert, nàng nói.

– Cứ gọi tôi là anh Harry...

– Ở đây thì không được, nàng thăm thì, bà Quinn không muốn vậy đâu.

– Bà ấy không có ở đây. Chẳng có ai biết cả

Nàng đưa ánh mắt ám chỉ những khách hàng khác trong quán rồi đi ra phía bàn của họ.

Anh cầm một miếng bánh mì nướng rồi viết đôi dòng lên trang giấy trắng. Anh viết ngày tháng: *Thứ Bảy ngày 14 tháng Sáu năm 1975*. Câu chữ bắt đầu được viết trên trang giấy trắng nhưng anh vẫn không thực sự hiểu mình đang viết gì: đã ba tuần nay anh ở đây nhưng anh vẫn chưa thể bắt đầu được cuốn sách. Những ý tưởng thoáng hiện ra trong đầu nhưng chẳng ra đâu vào đâu. Mà càng cố gắng, thì anh càng chẳng đạt được điều gì. Anh có cảm giác đang dần dần rơi vào tình trạng u mê, anh cảm thấy có thảm họa khủng khiếp đang đổ ập xuống đầu mình giống như những người làm vào hoàn cảnh như anh: anh đã mắc căn bệnh của các nhà văn. Mọi lo sợ về những trang trắng xâm chiếm anh mỗi ngày một nhiều hơn, đến mức anh đã bắt đầu cảm thấy nghi ngờ dự án của mình không biết có thể trụ nổi: anh vừa mới hi sinh toàn bộ số tiền tiết kiệm được để thuê căn nhà bên bờ biển thật ấn tượng này cho đến tận tháng Chín, một ngôi nhà để sáng tác như anh từng mơ ước bấy lâu, nhưng chơi trò này để làm gì nếu như anh không biết phải viết gì? Vậy mà vào thời điểm kí kết hợp đồng thuê nhà, anh còn cảm thấy kế hoạch của mình vẫn vững như bàn thạch: sáng tác thiên tiểu

thuyết thực sự tuyệt vời nhất, đến tháng Chín là thừa thời gian cho anh viết và đưa những chương đầu tiên cho các nhà xuất bản lớn của New York dứt khoát họ sẽ mê ngay và sẽ giành nhau để có bản quyền bản thảo. Họ sẽ ứng trước cho anh một khoản tiền kénh xù để anh viết nốt cuốn tiểu thuyết; một tương lai tài chính được đảm bảo, anh sẽ trở thành siêu sao mà bấy lâu nay anh hằng mơ ước. Nhưng bây giờ, giấc mơ ấy đã nhuốm màu tro tàn: anh còn chưa viết được lấy nửa dòng. Với tốc độ này, anh sẽ phải quay lại New York vào mùa thu, không tiền, không sách; phải van xin ông hiệu trưởng trường cấp ba nơi anh từng là giáo viên nhận anh trở lại; phải quên đi vinh quang mãi mãi. Có khi anh còn phải tìm việc làm thêm như bảo vệ đêm để tiết kiệm tiền.

Anh nhìn Nola đang nói chuyện với khách hàng. Nàng thật rạng rỡ. Anh nghe thấy tiếng nàng cười, và anh viết:

Nola. Nola. Nola. Nola.

N-O-L-A.N-O-L-A.

N-O-L-A. Bốn chữ cái đang làm đảo lộn thế giới anh. Nola, một cô gái bé bỏng làm cho đầu óc anh quay cuồng kể từ khi anh nhìn thấy nàng. N-O-L-A. Hai ngày sau lần gặp trên bãi biển, anh vô tình gặp nàng một lần ở cửa hàng tổng hợp; họ cùng nhau xuống phố chính đến tận cảng tàu.

– Ai cũng bảo ông đến Aurora để viết sách, nàng nói.

– Đúng vậy.

Nàng tỏ ra thực sự say mê;

– Ô ông Harry, thật là tuyệt diệu! Ông là nhà văn đầu tiên mà em gặp! Có bao nhiêu câu hỏi mà em muốn hỏi ông...

– Ví dụ?

– Nhà văn viết sách như thế nào ạ?

– Điều đó đến rất tự nhiên. Những ý tưởng quay cuồng trong đầu cho đến khi nó biến thành câu và tuôn ra các trang giấy.

– Là nhà văn chắc phải tuyệt diệu lắm!

Anh nhìn nàng, đơn giản là anh yêu nàng say đắm.

N-O-L-A. Nàng nói với anh nàng làm việc ở tiệm Clark's tất cả các ngày thứ Bảy. Ngay thứ Bảy sau đó, khi tiệm vừa mở cửa, anh đã tới. Anh ngồi đó cả ngày để ngắm nàng, chiêm ngưỡng từng cử chỉ của nàng. Bất chợt anh sực tỉnh vì nhớ ra nàng mới có mười lăm và cảm thấy xấu hổ: nếu như có ai đó trong thành phố này lỡ mờ đoán được những điều anh đang cảm nhận đối với cô gái phục vụ bé nhỏ này, chắc chắn anh sẽ gặp phiền toái. Có khi anh còn có nguy cơ ngồi tù. Vì vậy, để tránh mọi nghi ngờ, ngày nào anh cũng đến ăn trưa ở tiệm Clark's. Cả tuần nay, anh miễn cưỡng phải trở thành khách hàng thân thiết của tiệm ăn, hàng ngày đến đó để làm việc, tỏ ra thờ ơ và không quan tâm tới bất kì điều gì khác: không ai biết rằng cứ thứ Bảy, nhịp đập của trái tim anh tăng tốc gấp bội. Và hàng ngày, tại bàn làm việc của mình, trên sân ở Goose Cove hay ở tiệm Clark's, anh chỉ có thể viết được mỗi tên nàng. N-O-L-A. Hàng đồng các trang giấy đặc kín chữ, chỉ là tên nàng. Anh ngắm nàng, rồi miêu tả nàng. Những trang giấy đầy chữ anh đã phải đốt ngay sau đó trong thùng rác bằng sắt ở nhà. Nếu như có ai đọc được những dòng này thì đời anh coi như chấm hết.

Đến trưa, sau tiếng chuông điểm 12 giờ, Mindy đến làm thay ca Nola. Đây là điều bất thường. Nola đến trước Harry lịch sự xin phép cáo lui, cạnh nàng là người đàn ông mà Harry được biết chính là cha của nàng, giám mục David Kellergan. Ông đã đến quán ăn lúc cuối giờ sáng và ngồi ở quầy uống sữa trộn nước lựu.

– Tạm biệt ngài Quebert, Nola nói. Hôm nay, em đã làm xong việc. Em chỉ muốn giới thiệu với ông cha của em, giám mục Kellergan.

Harry đứng dậy, hai người đàn ông bắt tay nhau thân thiện.

– Vậy nhà văn nổi tiếng chính là anh đấy à, ông giám mục mỉm cười.

– Còn ông chính là vị giám mục Kellergan đáng kính mà ở đây người ta thường xuyên nhắc tới, Harry trả lời.

David Kellergan tỏ ra vui tính:

– Đừng để ý đến những điều thiên hạ nói. Lúc nào họ cũng cường điệu quá lên.

Nola rút từ trong túi một tờ rơi và chìa ra cho Harry.

– Hôm nay ở trường em có buổi biểu diễn liên hoan văn nghệ cuối năm, ngài Quebert à. Chính vì thế mà em phải nghỉ làm sớm. Chương trình bắt đầu vào lúc 17 giờ. Ông có tới xem không?

– Nola, bố nàng mắng khẽ, hãy để cho ông Quebert đáng thương được yên. Con muốn ông Quebert đến buổi liên hoan văn nghệ của trường con để làm gì?

– Buổi biểu diễn sẽ rất tuyệt vời! Nàng chồng chế, có vẻ rất say mê với việc biểu diễn tôi nay.

Harry cảm ơn vì lời mời và chào tạm biệt. Từ sau tấm cửa kính, anh nhìn thấy nàng khuất dần nơi góc phố, rồi anh trở về Goose Cove, còn tiếp tục đắm mình trong những cơn xoáy lốc mà nàng tạo ra cho anh.

Mười bốn giờ. N-O-L-A. Anh ngồi ở bàn từ 2 giờ đồng hồ nay rồi mà không viết được chữ gì: mắt anh như bị hút về phía chiếc đồng hồ đeo tay. Anh không nên đến trường học: anh

không được phép. Nhưng không một bức tường nào, không một nhà tù nào có thể ngăn cản được mong muốn ở bên nàng của anh: cơ thể anh bị nhốt ở Goose Cove nhưng đầu óc và tinh thần anh thì đang khiêu vũ trên bãi biển cùng Nola. 15 giờ. Rồi 16 giờ. Anh cầm cây bút lên tay hòng mong bầu vú vào nó cưỡng lại ý muốn rời bỏ bàn làm việc. Nàng mới có mười lăm tuổi. Tình yêu này là trái cấm. N-O-L-A.

16 giờ 15 phút, Harry mặc bộ trang phục lịch lãm tối màu, bước vào hội trường của trường học. Nơi đây đông nghẹt người; cả thành phố đang ở đây. Khi tiến vào giữa các hàng ghế, anh có cảm giác tất cả mọi người đều thì thào mỗi khi anh bước qua, còn những phụ huynh mà anh vô tình bắt gặp ánh mắt của họ thì như đang nói với anh: tôi biết tại sao anh tới đây. Anh cảm thấy hoàn toàn mất tự nhiên và vô cùng bối rối, vội chọn đại một hàng ghế bất kì rồi ấn sâu mình vào trong ghế tựa để cho người ta đỡ nhìn thấy.

Buổi biểu diễn bắt đầu; anh chỉ nghe thấy dàn đồng ca chói tai khủng khiếp, rồi sau đó là bản nhạc kèn không có nhịp điệu gì. Hai nữ vũ công dờ tẹt, một bản song tấu vô hồn và những ca sĩ không có giọng. Sau đó, ánh sáng tắt hoàn toàn, từ trong bóng tối, chỉ còn vầng sáng hắt ra từ chiếc máy chiếu vẽ thành vòng tròn trên sân khấu. Và nàng xuất hiện trong chiếc váy xanh đính đá lấp lánh khiến nàng nhấp nháy trong nghìn triệu ánh sao. N-O-L-A. Yên tĩnh bao trùm một cách bất thường toàn bộ hội trường; nàng ngồi trên ghế cao giống như ghế người ta hay để ở quầy bar, chỉnh lại kẹp tóc và xếp lại cây giá đỡ micro mà người ta vừa đặt trước mặt. Rồi nàng dành tặng một nụ cười rạng rỡ về phía khán giả, với lấy cây đàn ghi ta và bất ngờ cất giọng hát *Can't help Falling in Love with You*, lời do chính nàng tự sáng tác.

Toàn thể công chúng miệng há hốc; vào giây phút đó, Harry hiểu rằng số phận xui khiến anh đến Aurora và đã đặt anh trên con đường của Nola Kellergan, một con người hoàn toàn đặc biệt mà anh chưa từng gặp bao giờ và sẽ mãi mãi không bao giờ gặp ai tương tự. Có thể số phận của anh không phải là nhà văn nhưng được người phụ nữ hoàn toàn đặc biệt này yêu thương; làm sao còn có thể có số phận đẹp hơn thế? Anh bồi hồi xúc động đến mức vào cuối buổi biểu diễn, anh đứng dậy khỏi ghế, lùì nhanh ra ngoài giữa tiếng vỗ tay rộn rã náo nhiệt của khán giả. Anh vội vàng về Goose Cove trước, ngồi trên biên nhà và vừa nốc rượu mạnh vừa bắt đầu viết một cách điên rồ: N-O-L-A. N-O-L-A. N-O-L-A. Anh không còn biết phải làm gì nữa. Rời bỏ Aurora chẳng? Nhưng để đi đâu? Quay lại cái chốn hỗn độn thối hoắc của New York ư? Anh đã thương lượng thuê ngôi nhà này bốn tháng và đã trả một nửa tiền. Anh tới đây là để viết sách, phải theo đuổi ý định này đến cùng. Anh cần phải thức tỉnh và hành xử như một nhà văn.

Khi viết đến đau cả tay và rượu bắt đầu làm trí óc chao đảo, anh đi xuống phía bãi biển, đau khổ và bất hạnh, đổ gục người xuống một hòn đá to chiêm ngưỡng chân trời.

- Harry? Harry, anh bị làm sao vậy? Chính là Nola, vẫn trong chiếc váy xanh tuyệt diệu. Nàng tiến lại gần phía anh, quỳ xuống trên cát. - Harry, lạy chúa! Hình như anh đang bị đau đúng không?

- Em... Em làm gì ở đây vậy?

Anh hỏi thay cho trả lời.

- Em đợi anh sau buổi diễn. Em thấy anh bỏ ra ngoài trong khi mọi người đang vỗ tay rồi em không thấy anh nữa. Em bắt đầu thấy lo. Tại sao anh lại bỏ đi nhanh thế?

– Em không được ở lại đây, Nola.

– Tại sao?

– Tại vì anh đã uống rượu. Anh muốn nói anh hơi bị say rồi. Bây giờ anh mới thấy tiếc quá, nếu biết là em đến thì anh sẽ không uống.

– Tại sao anh lại uống rượu hả Harry? Anh có vẻ buồn rầu quá...

– Anh cảm thấy cô đơn. Anh cảm thấy cô đơn cùng cực.

Nàng nép người vào lòng anh, chăm chú nhìn vào mắt anh bằng đôi mắt long lanh của mình.

– Harry, có biết bao nhiêu người xung quanh anh!

– Cô đơn đang giết anh, Nola.

– Thế thì em sẽ bầu bạn với anh.

– Không được.

– Em muốn vậy. Trừ khi em làm phiền anh.

– Em không bao giờ làm phiền anh.

– Harry, tại sao nhà văn lại là những người cô đơn thế? Hemingway, Melville. Họ là những người cô đơn nhất thế giới!

– Anh không biết có phải nhà văn là những người cô đơn hay nổi cô đơn thúc đẩy họ viết.

– Thế tại sao tất cả các nhà văn lại cứ hay tự tử?

– Không phải là tất cả các nhà văn đều tự tử. Chỉ là những nhà văn mà không ai đọc sách của họ.

– Em đã đọc sách của anh. Em mượn ở thư viện thành phố và chỉ đọc một đêm là xong! Em vô cùng thích! Anh là nhà văn lớn, Harry, Harry... chiều nay, em hát vì anh! Bài hát này, em hát cho anh!

Anh mỉm cười, nhìn nàng; nàng luồn tay vào tóc anh với vẻ dịu dàng vô bờ rồi nhắc lại:

– Anh là nhà văn tâm cỡ, Harry ạ. Anh không được cảm thấy cô đơn. Đã có em ở đây mà.

25

Về Nola

“Harry, rốt cuộc phải làm thế nào để trở thành nhà văn?”

– Phải không bao giờ được từ bỏ. Anh biết đấy, Marcus ạ, bản thân tự do, khao khát tự do là cả một cuộc chiến. Chúng ta đang sống trong một xã hội mà thành viên là những nhân viên văn phòng bị mất hi vọng. Để thoát ra khỏi tình trạng tẻ tẻ này, phải vừa đấu tranh chống lại bản thân, vừa đấu tranh chống lại cả thế giới. Tự do là một cuộc chiến trong từng giây từng phút mà chúng ta ít ý thức về điều đó. Tôi sẽ không bao giờ bị mất hi vọng”.

Một điều bất tiện ở các thành phố nhỏ của những vùng xa xôi hẻo lánh trong nước Mỹ là đội lính cứu hỏa chỉ là đội lính tình nguyện, khi phải tập hợp thì chậm chạp hơn nhiều so với lính cứu hỏa chuyên nghiệp. Tối ngày 20 tháng Sáu năm 2008, khi nhìn thấy ngọn lửa đang bùng lên từ chiếc xe Corvette rồi lan ra khu công trình phụ dùng làm nhà xe, đã không ít thời gian trôi qua kể từ lúc tôi gọi cứu hỏa cho tới khi họ có mặt tại Goose Cove. Nhưng cứ như có phép màu, ngôi nhà chính lại không bị bén lửa! Dưới con mắt của đội trưởng đội cứu hỏa Aurora, phép màu kì diệu nhất là ở chỗ, may mắn thay nhà để xe lại là một ngôi nhà nhỏ tách rời khỏi ngôi nhà chính, nhờ đó mà đội cứu hỏa đã ngăn chặn nhanh chóng sự lan tỏa của ngọn lửa. Trong khi cảnh sát và lính cứu hỏa đang hoạt động náo nhiệt ở Goose Cove, thì Travis Dawn nhận được thông báo và cũng tới.

– Cậu không sao chứ, Marcus?

Travis Dawn vừa chạy về phía tôi vừa hỏi.

– Không, tôi thì không sao cả, chỉ có ngôi nhà suýt nữa bị cháy...

– Chuyện gì xảy ra vậy?

– Tôi vừa từ bãi biển Grand trở về, khi vào đến con đường nhỏ kia thì thấy có bóng người bỏ chạy vào rừng. Sau đó, lửa bùng lên...

– Cậu có kịp nhận ra kẻ bỏ chạy không?

– Không. Tất cả xảy ra quá nhanh.

Viên cảnh sát đến hiện trường cùng lúc với đội lính cứu hỏa đang lục lọi xung quanh nhà, bất chợt gọi chúng tôi. Anh ta vừa tìm thấy một mảnh giấy còn vướng vào cửa, trên đó có ghi:

Hãy trở về nhà, Goldman.

– Mẹ kiếp! Hôm qua tôi cũng nhận được một tờ như thế, - tôi nói.

– Một tờ như thế? Ở đâu? Travis hỏi.

– Trên ô tô của tôi. Tôi dừng lại có chừng mười phút trước cửa hàng bách hóa, đến khi quay trở ra, cũng mẩu giấy với dòng tin nhắn như thế này được cài vào chỗ cần gạt nước ở xe của tôi.

– Cậu có nghi ngờ ai theo dõi mình không?

– Tôi không biết gì hết. Đến tận bây giờ tôi vẫn không để ý đến chuyện đó.

– Nhưng vậy thì có nghĩa là gì nhỉ?

– Vụ hỏa hoạn này cực kì giống một lời cảnh báo, Marcus à.

– Cảnh báo à? Tại sao chúng nó lại muốn cảnh báo tôi chứ?

– Hình như có ai đó không thích cậu có mặt ở Aurora. Ai cũng biết là cậu hỏi đủ thứ...

– Thế thì sao? Có ai đó sợ tôi phát hiện ra được điều gì liên

quan đến Nola à?

– Có thể. Dù sao đi nữa, tôi cũng không thích việc này. Chuyện này có nguy cơ gây hậu quả về sau. Tôi sẽ cử một đội tuần tra gác đêm ở đây, như vậy an toàn hơn.

– Không cần đội tuần tra. Nếu có kẻ nào muốn kiếm tôi thì cứ việc đến đây, sẽ thấy tôi ở đây ngay thôi.

– Bình tĩnh nào, Marcus. Sẽ có một đội gác ở đây đêm nay, dù cậu có muốn hay không. Nếu đúng như tôi nghĩ, tức đây là một lời cảnh báo, thì có nghĩa là có những hành động khác sẽ xảy ra tiếp theo. Tốt nhất cứ cẩn trọng là hơn.

Ngay sáng sớm hôm sau, tôi đến nhà tù của Bang để thông báo cho Harry biết về vụ hỏa hoạn.

“Hãy trở về nhà, Goldman”? Ông nhắc lại khi được tôi thông báo cho biết nội dung mẫu tin nhắn.

– Vâng, chính xác như vậy đấy. Nó được đánh máy.

– Thế cảnh sát làm gì?

– Travis Dawn đã đến. Ông ta lấy mẫu tin nhắn đó, bảo là sẽ cho phân tích. Theo ông ấy, đó là một lời cảnh báo. Có thể là ai đó không muốn em đào sâu hơn nữa vào vụ này. Ai đó cho rằng thầy là tội phạm và không muốn em nhúng mũi vào việc này.

– Có thể chính là kẻ đã giết Nola và Deborah Cooper?

– Có thể là như vậy.

Nét mặt Harry có vẻ rất nghiêm trọng.

– Roth nói tôi sẽ phải ra trước bồi thẩm đoàn vào thứ Ba tới. Một số công dân chính trực sẽ tham gia phân tích trường hợp của tôi rồi đưa ra kết luận liệu các lời buộc tội tôi có xác đáng hay không. Hiển nhiên là bồi thẩm đoàn bao giờ cũng nghe theo phán quyết của công tố viên... Thật là cơn ác mộng, Marcus à,

mỗi ngày trôi qua, tôi có cảm tưởng càng lún sâu hơn xuống vực thẳm. Không còn chỗ dựa nào vững chắc cả. Mới đầu, người ta bắt tôi, lúc đó tôi nghĩ chỉ là sự nhầm lẫn, việc chỉ xảy ra trong vài tiếng đồng hồ là cùng, và rồi, tôi bị giam ở đây cho đến tận ngày mở phiên tòa, mà chỉ có Chúa mới biết nó được tổ chức ngày nào, và tôi có nguy cơ bị kết án tử hình. Bản án cao nhất, Marcus à! Lúc nào tôi cũng nghĩ đến điều đó. Tôi sợ.

Tôi thấy rõ Harry đang vô cùng suy sụp. Mới trong tù chưa đến một tuần, nhưng rõ ràng là ông sẽ không thể chịu đựng được nổi một tháng như vậy.

– Thầy sẽ được ra khỏi đây, thầy Harry ạ. Người ta sẽ tìm ra sự thật. Roth là luật sư giỏi. Cần phải có niềm tin. Thầy đồng ý kể tiếp chuyện cho em nghe chứ? Hãy kể cho em nghe về Nola, hãy tiếp tục câu chuyện đi thầy. Sau đó, điều gì đã xảy ra?

– Sau cái gì?

– Sau sự kiện xảy ra trên bãi biển. Khi Nola đến tìm gặp thầy vào chiều thứ Bảy, sau buổi liên hoan văn nghệ ở trường, nàng nói với thầy rằng thầy không nên cảm thấy cô đơn. Vừa nói, tôi vừa đặt máy ghi âm lên bàn và ấn nút. Harry mỉm cười.

– Anh là thanh niên cừ đấy, Marcus ạ. Đúng, Nola đến bãi biển và nói với tôi rằng tôi không được cảm thấy cô đơn, đã có nàng ở cạnh tôi... Đó chính là điều quan trọng nhất. Suy cho cùng, lúc nào tôi cũng là một người đàn ông đơn độc... và thế là bỗng nhiên mọi chuyện khác hẳn. Với Nola, tôi cảm thấy mình có vai trò trong mọi thứ, được thuộc về một khối thống nhất mà chúng tôi cùng nhau thiết lập nên. Khi không có nàng bên cạnh, trong tôi trở nên trống rỗng, một cảm giác thiếu hụt mà cho đến tận lúc đó, chưa bao giờ tôi cảm thấy: dường như bắt đầu từ khi nàng bước vào đời tôi, thì thế giới của tôi không còn có thể quay cho đúng nếu như không có nàng. Tôi biết hạnh

phúc của tôi phụ thuộc vào nàng, nhưng đồng thời, tôi cũng ý thức được rằng, nàng và tôi sẽ là câu chuyện cực kì phức tạp. Phản ứng đầu tiên của tôi là kìm nén tình cảm của mình: đó là câu chuyện tình không được phép. Thứ Bảy đó, chúng tôi ở trên bãi biển hồi lâu, rồi sau đó tôi bảo đã muộn, nàng phải về nhà trước khi cha mẹ bắt đầu lo lắng và nàng vâng lời. Nàng đi, dọc theo bãi biển, còn tôi nhìn theo bóng nàng xa dần, hi vọng nàng sẽ quay đầu nhìn lại, chỉ một lần thôi, để vẫy tôi. N-O-L-A. Thế nhưng, mặt khác, tôi lại cương quyết đuổi nàng ra khỏi đầu óc mình... Vậy là suốt cả một tuần sau đó, tôi tự ép mình phải tiến tới gần gũi với Jenny để quên Nola. Jenny lúc đó trở thành người chủ thực sự của tiệm Clark's.

– Từ từ... Thầy muốn nói là Jenny mà thầy đang nói ở đây, là nhân viên phục vụ ở tiệm Clark's, Jenny của năm 1975, chính là Jenny Dawn, vợ của Travis, hiện đang quản lý tiệm Clark's bây giờ phải không ạ?

– Đúng vậy. Chính là Jenny cộng thêm ba mươi tuổi nữa. Vào thời kì đó, Jenny còn là cô gái đẹp lộng lẫy. Vả lại, bây giờ, Jenny cũng vẫn còn rất đẹp. Anh biết đấy, nhẽ ra Jenny có thể đến Hollywood làm diễn viên và thử vận may. Cô ấy vẫn thường hay nói vậy. Rời bỏ Aurora, đến sống ở một thành phố lớn ở bang California. Nhưng cô ấy lại chẳng làm gì đại loại như thế: Jenny đã ở lại đây, tiếp quản nhà hàng của mẹ để lại, và rút cuộc suốt đời bán bánh mì kẹp. Lỗi của cô ấy cũng chỉ là: ở đời, ai cũng sẽ có cuộc sống như mình chọn, Marcus ạ. Tôi biết tôi đang nói về điều gì...

– Ý thầy muốn nói gì?

– Không quan trọng... Tôi hơi bị sa đà và bị lạc trong câu chuyện kể của mình rồi. Tôi muốn nói với anh về Jenny. Jenny lúc hai mươi bốn tuổi thực sự là cô gái xinh đẹp tuyệt vời:

Jenny là nữ hoàng sắc đẹp ở trường cấp ba, một cô gái tóc vàng gợi cảm khiến bất kì người đàn ông nào cũng phải chao đảo. Hơn nữa, vào thời đó, ai cũng ao ước chinh phục được Jenny. Ngày nào tôi cũng tới tiệm Clark's bầu bạn với Jenny. Tôi được ghi sổ ở tiệm Clark's, mọi thứ tôi mua được ghi hết vào sổ. Tôi hoàn toàn không để ý tới số tiền đã tiêu, trong khi đó tôi đã vét cạn số tiền tiết kiệm để thuê ngôi nhà nên ngân sách của tôi rất hạn hẹp.

* * *

Thứ Tư, ngày 18 tháng Sáu năm 1975

Kể từ khi Harry tới Aurora, Jenny phải dành thêm một tiếng đồng hồ nữa để sửa soạn vào mỗi buổi sáng. Cô yêu anh ngay từ ngày đầu tiên nhìn thấy anh. Trước đó chưa bao giờ cô cảm thấy trong mình một tình cảm tương tự: anh là người đàn ông của cuộc đời cô, và cô biết chắc điều đó. Anh chính là người cô chờ đợi bấy lâu. Mỗi khi nhìn thấy anh, cô đều hình dung ra cuộc sống chung của hai người: đám cưới tưng bừng và cuộc sống ở New York. Goose Cove sẽ trở thành nơi nghỉ hè, nơi anh quay về để được yên tĩnh đọc lại bản thảo; còn cô quay về để thăm cha mẹ. Anh sẽ là người đưa cô đi khỏi Aurora; cô sẽ không còn bao giờ phải lau chùi những chiếc bàn dính đầy mỡ cũng không phải cọ rửa nhà vệ sinh của cái tiệm ăn quê mùa này. Cô sẽ xây dựng sự nghiệp ở Broadway, sẽ đi quay phim ở California. Báo chí sẽ đưa tin về cặp đôi Jenny và Harry. Jenny không tự sáng tác ra điều gì, trí tưởng tượng không lừa gạt cô: rành rành là có điều gì đó đang xảy ra giữa Harry và cô. Anh cũng vậy, cũng yêu cô, không có gì phải nghi ngờ nữa. Nếu

không thì tại sao ngày nào anh cũng tới tiệm Clark's? Ngày nào cũng vậy! Lại còn những cuộc trò chuyện của họ ở ngay tại quầy nữa chứ! Cô thích phát điên lên mỗi khi anh đến ngồi đối diện với cô để nói chuyện huyên thuyên đôi chút. So với những người đàn ông khác mà cô đã từng gặp cho tới tận thời điểm này, thì anh là người hoàn toàn khác, tiến bộ và tri thức hơn rất nhiều. Mẹ của Jenny, bà Tamara, đã ra lệnh cho toàn bộ đội ngũ nhân viên phục vụ ở tiệm Clark's tuyệt đối không được trò chuyện với Harry Quebert hay làm anh xao nhãng. Đã có lần hai mẹ con cô cãi nhau ở nhà vì bà Tamara cho rằng cách cư xử của Jenny đối với Harry là không phù hợp. Nhưng mẹ cô không hiểu gì hết, mẹ cô không biết rằng Harry yêu cô đến mức có thể anh sẽ viết một cuốn sách về cô.

Nhiều ngày nay, Jenny đã ngờ về chuyện đó: nhưng cho đến sáng hôm đó thì cô hoàn toàn chắc chắn. Harry đến tiệm Clark's ngay từ bình minh, khoảng 6 giờ rưỡi, chỉ sau khi tiệm Clark's mở cửa có mấy phút. Hiếm khi anh đến sớm như vậy; thường chỉ có cánh tài xế và người bán hàng rong mới đến giờ đó. Vừa ngồi vào chiếc bàn quen thuộc, anh đã bắt đầu viết, viết say sưa một cách điên rồ, gần như bò toài người trên trang giấy, cứ như thể sợ người khác đọc được điều anh đang viết. Đôi khi anh dừng lại nhìn Jenny hồi lâu; cô vờ như không để ý nhưng biết rất rõ rằng anh đang muốn nuốt chửng cô bằng ánh mắt. Mới đầu, Jenny còn chưa hiểu được ý nghĩa của cái nhìn đầy vẻ cầu xin đó. Chỉ tới gần trưa, cô mới hiểu ra rằng anh đang viết một cuốn sách về cô. Vâng, chính là cô, Jenny Quinn, là nhân vật chính trong kiệt tác mới của Harry Quebert. Đó là lí do tại sao anh không muốn người khác đọc được chữ anh viết trên giấy. Ngay khi biết được điều đó Jenny cảm thấy dâng trào một niềm háo hức vô bờ bến. Tranh thủ lúc ăn trưa, Jenny mang

đến cho anh tờ thực đơn và nói chuyện với anh đôi câu.

Suốt cả buổi sáng, anh ngồi đó chỉ để viết có bốn chữ cái trong tên gọi của nàng: N-O-L-A. Hình ảnh nàng ngự trị tâm trí anh, khuôn mặt nàng độc chiếm mọi ý nghĩ của anh. Đôi khi anh nhắm nghiền mắt để hình bóng của nàng hiện ra được rõ hơn, sau đó, để chuộc lại tội lỗi, anh tự bắt mình phải nhìn Jenny với hi vọng sẽ có thể hoàn toàn quên nàng Jenny đẹp như thế, mà tại sao anh lại không thể yêu Jenny?

Trước 12 giờ trưa ít phút, khi Jenny mang đến cho anh tờ thực đơn và cà phê, anh lấy tờ giấy trắng che trang giấy đã viết như anh vẫn thường làm khi có người đến bên cạnh.

- Đã đến giờ ăn trưa rồi, Harry, - cô cất giọng vẻ nghiêm khắc đầy tình mẫu tử như thể mẹ chăm sóc con. - chẳng ăn gì suốt cả ngày ngoại trừ một lít rượu cà phê. Anh sẽ đau dạ dày nếu như anh chẳng chịu ăn tí gì cả.

Anh cố gắng mỉm cười lịch sự và vội nói mấy câu đưa chuyện. Anh bỗng cảm thấy mồ hôi túa ra đầm trán, vội vàng đưa mu bàn tay lên quệt.

- Anh bị sốt rồi Harry. Anh làm việc nhiều quá!
- Cũng có thể.
- Anh có rất nhiều cảm hứng phải không?
- Vâng, có thể nói dạo này mọi việc không quá tồi.
- Suốt buổi sáng, anh không ngừng lại giây nào.
- Đúng thật.

Jenny nở nụ cười đồng lõa, cô muốn làm cho anh hiểu rằng cô biết hết và có thể chia sẻ với anh về cuốn sách.

- Harry, em biết là em quá táo bạo, nhưng... em có thể đọc một chút được không? Chỉ vài trang thôi? Em tò mò muốn biết

anh đang viết gì. Chắc chắn đó phải là những trang viết tuyệt vời.

- Còn chưa đâu vào đâu cả
- Nhưng chắc chắn là đã tuyệt vời lắm rồi.
- Em sẽ xem sau nhé.

Jenny vẫn còn tiếp tục cười.

- Thế em sẽ mang cho anh cốc nước chanh đường để giải nhiệt nhé? Hay anh có muốn ăn thứ gì không?

- Cho anh xin trứng tráng với thịt nguội.

Jenny đi ngay vào bếp, hét lên với đầu bếp: Trứng tráng và thịt nguội cho nhà văn nổi tiếng! Mẹ của Jenny đã thấy cô nói chuyện huyền thuyên ở phòng ăn nên nhắc nhở cô về tờ Thông báo.

- Jenny, mẹ muốn con chấm dứt ngay việc quấy rầy ông Quebert!

- Quấy rầy á?Ồ, mẹ ơi, mẹ chẳng biết gì hết: con là người tạo cảm hứng cho anh Harry.

Tamarin Quinn nhìn con gái với vẻ không mấy tin tưởng. Jenny của bà là đứa con gái tốt bụng nhưng còn quá ngây thơ.

- Ai nhồi nhét vào đầu con những ý tưởng ngu ngốc như vậy?

- Con biết là anh Harry thích con, mẹ ạ. Con nghĩ con là nhân vật chính trong cuốn sách của anh ấy. Vâng, mẹ ạ, con gái mẹ không phải phục vụ thịt nguội với cà phê suốt đời đâu. Con gái mẹ sẽ trở thành người nổi tiếng.

- Ai đã gieo cái ý nghĩ dở hơi đó vào đầu con vậy?

Jenny phóng đại lên một chút để cho mẹ mình hiểu rõ hơn.

- Harry và con, sắp chính thức rồi đó mẹ.

Cô đắc thắng, nhếch mép cười vẻ nguy hiểm, quay lưng lui vào bếp với những bước đi khệnh khạng của một bậc đế nhất phu nhân. Tamara Quinn không cưỡng được nụ cười mãn nguyện: nếu con gái bà câu được Quebert, thì người ta sẽ nói tới nhà hàng Clark's trên khắp đất nước. Ai mà biết đây, đám cưới có thể được tổ chức ngay ở đây, bà sẽ có cách thuyết phục Harry. Khu phố sẽ được quây lại, bạt trắng được căng khắp phố, khách mời phải chọn lọc kỹ càng, chỉ một nửa trong số những người tinh hoa của New York, hàng chục nhà báo đến để tường thuật sự kiện, tiếng lách tách của máy ảnh không ngừng. Harry là người đàn ông cứu nhân độ thế của gia đình bà.

Hôm đó, Harry rời khỏi tiệm Clark's lúc 16 giờ, như vậy là sớm hơn thường lệ. Anh đứng bật dậy cứ như thể bị tiếng chuông điểm giờ làm giật mình, lao vội ra ô tô đang đỗ trước tiệm Clark's, nhanh chóng khởi động máy. Anh không muốn đến chậm, anh không muốn lỡ cơ hội gặp nàng. Ít phút sau khi anh đi khỏi, một chiếc xe cảnh sát của thành phố Aurora đến đó ngay tại chỗ mà chiếc ô tô của anh vừa rời đi. Nhân viên cảnh sát Travis Dawn bồn chồn bấu chặt vô lăng, kín đáo nhìn soi mói vào toàn bộ phía trong tiệm Clark's. Cho rằng trong cửa hàng còn quá đông khách, nên Travis Dawn không dám vào. Anh tận dụng thời gian lập đi lập lại câu nói đã chuẩn bị sẵn. Chỉ một câu thôi, anh sẽ nói được; anh không nên rụt rè đến vậy. Một câu ngắn gọn, chỉ chưa đến mười từ. Travis Dawn soi mình trong tấm gương chiếu hậu và nói với chính mình: chào Benny, mình nghĩ là chúng ta có thể đi xem phim tối thứ Bảy... Sai rồi! Một câu nói quá đơn giản mà anh không thể nhớ nổi. Anh mở tờ giấy ra và đọc lại câu anh đã viết sẵn trong đó:

Chào Jenny. Mình không biết cậu có rỗi vào ngày thứ Bảy không nhỉ, chúng ta có thể đi xem phim với nhau tối thứ Bảy này.

Đúng là việc này chẳng có gì là khó cả: anh đi vào tiệm Clark's, mỉm cười, ngồi phía trước quầy và gọi cà phê. Trong khi Jenny pha cà phê thì anh sẽ nói câu đó. Anh chỉnh lại mái tóc, giả vờ làm như đang nói vào chiếc micro ở trên xe để tỏ ra vẻ đang làm việc bận rộn nếu như chẳng may có ai đó bất chợt thấy anh. Anh ngồi đợi trên xe mười phút: cùng một lúc có bốn khách hàng ra khỏi tiệm Clark's. Lối vào hoàn toàn chẳng có ai. Tim anh đập thành thịch: anh nghe rõ tiếng đập của nó trong lồng ngực, cả tiếng đập trong tay, trong đầu, ngay cả ở các đầu ngón tay nữa có vẻ như cũng đập lên mạnh mẽ cùng với nhịp đập của trái tim. Anh bước ra khỏi ô tô, nắm chặt tờ giấy có dòng chữ viết sẵn trong tay. Anh yêu Jenny. Anh yêu Jenny ngay từ hồi học cấp ba. Jenny là người con gái đẹp nhất mà anh từng biết. Chính vì Jenny mà anh ở lại Aurora và từ chối một vị trí cao cấp hơn trên FBI: Vì tại có một cô gái đang phục vụ ở tiệm Clark's tại Aurora, cô gái mà anh thầm yêu trộm nhớ từ lâu và lúc nào anh cũng hi vọng một ngày nào đó, cô ấy sẽ để mắt tới anh: đó chính là Jenny Quinn. Vì vậy, anh chỉ yêu cầu được bổ nhiệm vào một vị trí trong đội ngũ cảnh sát ở Aurora. Không có Jenny, đời anh hoàn toàn vô nghĩa. Khi đến trước cửa tiệm Clark's, anh hít một hơi thật dài rồi bước vào.

Tay lau đồng cốc đã khô một cách máy móc, Jenny hoàn toàn đắm chìm trong ý nghĩ về Harry. Thời gian gần đây, lúc nào Harry cũng rời khỏi tiệm Clark's lúc 16 giờ, Jenny băn khoăn tự hỏi không biết Harry đi đâu mà thường xuyên và đều đặn đến vậy? Liệu anh có hẹn hò gì không? Mà hẹn với ai? Một khách hàng ngồi xuống trước quầy, bứt cô khỏi những mơ mộng viễn vông.

– Chào Jenny.

Đó là Travis, người bạn tốt bụng của Jenny từ hồi cấp ba,

hiện là cảnh sát.

– Chào Travis, mình pha cho cậu tách cà phê nhé?

– Ừ, tuyệt quá! Travis khép mắt lại giây lát để tập trung: anh sẽ phải nói với Jenny câu đó.

Jenny đặt ly thủy tinh trước mặt anh rồi rót đầy cà phê. Đây chính là lúc phải bắt đầu.

– Jenny... Mình muốn nói với cậu là...

– Gì cơ?

Jenny chiếu thẳng đôi mắt sáng long lanh của mình vào sâu trong mắt Travis khiến anh hoàn toàn mất phương hướng. Phần tiếp theo của câu nói đó là gì nhỉ? À, rạp chiếu phim.

– Rạp chiếu phim, Travis nói.

– Rạp chiếu phim làm sao cơ?

– Mình... à, có một vụ cướp ở rạp chiếu phim Manchester.

– Sao cơ? Một vụ trộm vặt trong rạp chiếu phim á? Chuyện nghe có vẻ buồn cười quá nhỉ.

– À, thực ra mình muốn nói là ở đồn cảnh sát Manchester.

Dở hơi thật, tại sao anh lại nói về vụ cướp nhỉ? Rạp chiếu phim! Phải nói với Jenny về việc đi xem phim mới đúng chứ!

– Ở đồn cảnh sát hay ở rạp chiếu phim? - Jenny hỏi.

Rạp chiếu phim. Rạp chiếu phim. Rạp chiếu phim. Rạp chiếu phim, Phải nói về rạp chiếu phim. Tim Travis dường như muốn vỡ tung. Anh tiếp tục:

– Jenny...Mình muốn. Mình nghĩ rằng có thể ...Tuy nhiên, nếu như cậu muốn ...

Đúng lúc đó, từ trong nhà bếp, bà Tamara gọi con gái làm Jenny phải cắt ngang;

– Xin lỗi Travis , mình phải đi rồi. Đạo này, mẹ mình rất hay

nổi câu.

Jenny biến mất sau cánh cửa để lại viên cảnh sát trẻ không kịp nói hết lời. Anh thở dài và lẩm bẩm: Mình không biết cậu có rỗi vào ngày thứ Bảy không nhỉ, chúng ta có thể đi xem phim với nhau ở Montburry tối thứ Bảy này. Sau đó, anh để lại năm đô la để trả cho cốc cà phê giá có 50 xen mà thậm chí anh còn chưa kịp uống nửa ngụm. Anh rời tiệm Clark's, thất vọng và buồn bã.

– Vậy thì thầy đi đâu mà ngày nào cũng rời tiệm lúc 16 giờ hả Harry? Tôi hỏi.

Ông không trả lời tôi ngay. Ông nhìn qua khung cửa sổ gần đó. Tôi có cảm giác ông đang nở nụ cười hạnh phúc. Một lúc sau, ông mới nói:

- Thực sự tôi có nhu cầu tha thiết được gặp nàng.
- Nola phải không?
- Đúng vậy. Anh biết đấy, Jenny là cô gái tuyệt vời, nhưng Jenny không phải là Nola. Bên cạnh Nola là được sống thực sự. Tôi không biết phải nói cách gì cho anh hiểu được. Mỗi giây bên cạnh nàng là một giây của cuộc đời được sống trọn vẹn. Tôi nghĩ, đó chính là ý nghĩa của tình yêu thực sự. Tiếng cười ấy, Marcus ạ, là tiếng cười mà tôi nghe thường xuyên trong đầu mình từ ba mươi ba năm nay. Cái nhìn kì lạ đó, đôi mắt tràn đầy sự sống đó, lúc nào cũng hiển hiện trước mắt tôi, cả những cử chỉ của nàng, cả cái cách nàng cài lại mái tóc, cách nàng cắn vào đôi môi. Giọng nói của nàng lúc nào cũng vang lên trong tôi, đôi khi dường như nàng đang ở ngay đó. Khi tôi đi vào thành phố, ra ngoài cảng thuyền, đến cửa hàng bách hóa, tôi thấy nàng đang trò chuyện với tôi về cuộc sống và về những cuốn sách. Tháng Sáu năm 1975, nàng bước vào cuộc đời tôi

chưa đầy một tháng, nhưng tôi có cảm tưởng như nàng là một phần thuộc vào cuộc sống của tôi từ lâu. Khi nàng vắng mặt, tôi có cảm giác tất cả đều vô nghĩa: một ngày không gặp Nola, là một ngày lãng phí trong cuộc đời. Tôi tha thiết mong gặp nàng đến mức tôi không thể chờ được thứ Bảy tiếp theo. Cho nên tôi bắt đầu đợi nàng ở cổng trường cấp ba. Đó chính là điều tôi làm khi rời khỏi tiệm Clark's vào lúc 16 giờ hàng ngày. Tôi lái xe đến trường cấp ba Aurora. Tôi đỗ xe vào bãi đỗ của giáo viên, ngay trước lối vào chính, trốn trong xe và đợi nàng bước ra. Ngay khi nàng xuất hiện, tôi cảm thấy mình thực sự đang sống, nhìn theo nàng cho tới tận khi nàng bước lên xe buýt đưa đón học sinh của trường. Thế nhưng tôi vẫn đứng đó, đợi cho tới tận khi chiếc xe buýt hoàn toàn khuất bóng. Tôi có bị điên không hả Marcus?

– Không, em không nghĩ vậy, Harry.

– Tất cả những điều mà tôi nhận biết được, đó là Nola đang sống trong tôi. Thực sự như vậy. Rồi lại đến ngày thứ Bảy tiếp theo, đúng là một ngày hạnh phúc tuyệt diệu. Hôm đó đẹp trời nên mọi người đều ra ngoài bãi biển để tận hưởng cuộc sống: tiệm Clark's hoàn toàn vắng khách. Nola và tôi có dịp trò chuyện nhiều với nhau. Nàng nói rằng nàng nghĩ về tôi rất nhiều, nghĩ về cuốn sách của tôi, và cho rằng điều tôi đang viết chắc chắn phải là tuyệt tác. Vào cuối ngày khi làm xong việc, lúc đó khoảng 18 giờ, tôi ngỏ ý muốn đưa nàng về nhà bằng xe ô tô riêng. Tôi cho nàng xuống xe cách nhà nàng một tòa nhà, trên lối đi vắng người để tránh mọi ánh mắt nhìn ngó. Nàng ngỏ lời muốn được đi cùng tôi thêm vài bước, nhưng tôi giải thích cho nàng hiểu rằng mọi chuyện sẽ rất phức tạp, rồi cả thành phố sẽ ngoa ngoắt đàm tiếu về chúng tôi nếu họ thấy chúng tôi đi bộ cùng nhau. Tôi còn nhớ nàng nói với tôi rằng: “Đi bộ cùng nhau

không phải là phạm tội, Harry...” “Anh biết, Nola. Nhưng anh nghĩ mọi người sẽ nghi vấn”. Nàng cũng nhún đi một chút. “Em rất thích được đi dạo cùng anh, Harry ạ, anh thật tuyệt vời và đặc biệt. Thật tuyệt vời biết mấy khi chúng ta có thể đi dạo cùng nhau mà không phải lo lắng tránh mọi người”.

Thứ Bảy ngày 28 tháng Sáu năm 1975

13 giờ. Jenny Quinn đang lục lợi đằng sau quầy trong tiệm Clark's. Mỗi khi cửa mở, có khách hàng bước vào, cô đều giật nẩy mình và hi vọng rằng đó chính là anh. Nhưng mãi vẫn không thấy Harry xuất hiện. Jenny vô cùng bồn chồn và bực bội. Cánh cửa lại sập lại một lần nữa nhưng vẫn chưa phải là Harry. Đó là mẹ của Jenny, bà Tamara tỏ ra rất ngạc nhiên khi nhìn thấy trang phục của con gái: Jenny mặc bộ váy thật duyên dáng màu kem nhã nhặn mà thông thường cô chỉ dành mặc vào những dịp đại lễ.

– Con gái yêu, sao con ăn mặc như vậy? Bà Tamara hỏi. Tạt dề phục vụ đâu rồi?

– Con không muốn mặc cái tạt dề kinh khủng của mẹ nữa, nó làm con nhìn quá xấu xí. Thỉnh thoảng, con cũng có quyền được mặc đẹp một chút chứ! Mẹ nghĩ con sung sướng lắm khi suốt ngày phải phục vụ bánh mì kẹp à? Jenny rưng rưng nước mắt.

– Thực ra có chuyện gì vậy hả Jenny? mẹ Jenny tra hỏi.

– Có , chuyện là hôm nay thứ Bảy, là ngày con không phải làm việc! Con không bao giờ làm việc cuối tuần!

– Nhưng chính còn nài nỉ mẹ để được làm thay Nola khi cô bé xin mẹ nghỉ ngày hôm nay còn gì.

– Vâng, có thể là vậy. Con chả biết nữa. Ôi, mẹ ơi, con khổ quá! Jenny vằn vò chai sốt cà chua, bối rối vụng về thế nào làm

nó rơi xuống đất: chai sốt cà chua vỡ tan, đôi giày tennis trắng hoàn hảo phủ lấm tẩm những vết cà chua đỏ. Cô òa lên khóc nức nở.

– Con yêu của mẹ, có chuyện gì xảy ra với con thế? Mẹ cô lo lắng hỏi.

– Con đang đợi Harry mẹ ạ! Thường thứ Bảy nào anh ấy cũng tới... Thế mà tại sao hôm nay anh ấy lại không tới? Ôi mẹ ơi, con chỉ là đứa con gái ngu dốt! Làm sao con lại nghĩ anh ấy yêu con cơ chứ? Một người đàn ông như Harry sẽ chẳng bao giờ thêm một đứa con gái tầm thường bán bánh mì kẹp như con! Con chỉ là đứa ngu!

– Thôi nào, đừng nói vậy con, bà Tamara ôm con vào lòng an ủi. Đi chơi đi con, hãy tận hưởng ngày thứ Bảy. Để đây mẹ làm thay cho. Mẹ không muốn con khóc. Con là đứa con gái tuyệt vời nhất đời. Mẹ chắc đúng là Harry phải lòng con đấy.

– Thế thì tại sao anh ấy lại không tới?

Bà Quinn suy nghĩ hồi lâu:

– Cậu ấy có biết là con làm việc hôm nay không? Con chẳng bao giờ làm việc thứ Bảy, tại sao cậu ấy lại tới trong khi con không ở đây? Con biết mẹ đang nghĩ gì đấy, con gái của mẹ: chắc thứ Bảy Harry phải đau khổ lắm vì đó là ngày cậu ấy không được gặp con.

Gương mặt Jenny bừng sáng.

– Ô, mẹ à, tại sao con lại không nghĩ tới điều đó nhỉ.

– Con phải đến tận nhà tìm gặp Harry. Mẹ chắc cậu ấy sẽ rất sung sướng khi được gặp con.

Gương mặt Jenny lại càng rạng rỡ hơn: mẹ cô vừa có ý tưởng tuyệt vời! Đến gặp Harry ở Goose Cove, mang cho anh bữa ăn thật ngon: anh chàng đáng thương chắc đang làm việc căng

thăng lăm, quên cả ăn trưa. Jenny vội vàng vào bếp tìm thức ăn.

Cùng lúc, cách đó 120 dặm, tại thành phố nhỏ Rockland bang Maine, Harry và Nola đang có một cuộc pic nic trên lối đi dạo ở bờ biển. Nola tung những mẩu bánh mì to cho từng đàn chim mòng biển đang kêu lên những tiếng khàn khàn.

– Em rất thích mòng biển! Nola thốt lên. Đó là loài chim em yêu quý nhất. Có thể là bởi vì em rất thích biển, hễ ở đâu có mòng biển là ở đó có biển. Thật đấy: ngay cả khi cây cối che khuất đường chân trời; theo đường bay của các chú chim mòng biển ta biết đại dương nằm đi đúng ngay sau đó. Anh có viết về những chú chim mòng biển trong cuốn sách của anh không, Harry?

– Nếu em muốn thì anh sẽ viết. Anh sẽ cho tất cả những gì em muốn vào sách.

– Cuốn sách viết gì vậy?

– Anh cũng muốn nói với em lăm nhưng anh không thể.

– Chuyện tình à anh?

– Khía cạnh nào đó thì đúng vậy.

Anh nhìn nàng, vui vẻ. Anh cầm sổ tay, dùng bút chì cố gắng vẽ lại toàn bộ khung cảnh xung quanh.

– Anh làm gì vậy? Nàng hỏi.

– Phác một bức họa.

– Anh còn biết vẽ nữa ư? Anh thật đa tài. Hãy cho em xem nào, em muốn xem! Nàng tiến lại gần, vô cùng thán phục khi nhìn thấy bức vẽ.

– Đẹp tuyệt, Harry à! Anh tài quá!

Nàng kiễng chân lên, vô cùng dịu dàng định ôm Harry,

nhưng ngay lập tức Harry đẩy ra gần như một phản xạ tự nhiên và nhìn xung quanh như thể để kiểm tra cho chắc chắn là không ai nhìn thấy họ.

– Tại sao anh làm thế? Nola tức giận. Anh xấu hổ vì em ư?

– Nola, em mới có mười lăm tuổi... Mà anh thì đã ba mươi tư tuổi rồi. Sẽ không có ai đồng tình.

– Mọi người thật ngu dốt!

Anh mỉm cười, phác thảo đôi nét trên giấy diễn tả sự tức giận. Nàng lại tiến sát vào, ôm lấy anh, lần này thì anh để yên. Họ cùng nhau nhìn đàn chim mòng biển đang cãi cọ nhau vì mẩu bánh mì. Họ vừa quyết định đi chơi với nhau có vài ngày trước đó. Anh đợi nàng gần nhà nàng sau giờ tan trường. Gần điểm dừng của xe buýt đưa đón học sinh. Lúc nhìn thấy anh, nàng vừa mừng rỡ vừa ngạc nhiên.

– Harry, anh làm gì ở đây thế? Nàng hỏi.

– Thật ra, anh cũng không biết nữa. Anh chỉ muốn được gặp em. Anh... Em biết đấy, Nola, anh đã suy nghĩ lại về lời đề nghị của em...

– Chỉ có hai chúng mình thôi không cần gì khác?

– Đúng vậy. Anh nghĩ chúng mình có thể đi vào cuối tuần này. Không đi xa. Chỉ đến Rockland thôi chẳng hạn. Nơi ấy không ai biết chúng ta. Chúng ta có thể được tự do đôi chút. Tất nhiên là nếu em cũng muốn vậy.

– Ô, Harry, thật là tuyệt vời! Nhưng phải đi vào thứ Bảy thôi, tại vì Chủ nhật em không nghỉ làm được.

– Vậy thì thứ Bảy. Em có thể thu xếp xin nghỉ không?

– Tất nhiên rồi! Em sẽ xin bà Quinn. Em cũng biết cách nói với phụ huynh rồi, anh không phải lo.

Nàng sẽ biết cách nói với bố mẹ nàng. Khi nàng vừa thốt ra những lời đó, anh chợt giật mình tự hỏi không biết điều gì khiến anh đi tán tỉnh trẻ vị thành niên. Trên bãi biển ở Rockland, anh không thể tránh suy nghĩ về họ - những vị phụ huynh.

- Anh đang nghĩ gì vậy, Harry? Nola hỏi, vẫn nép vào lòng Harry.

- Về việc chúng mình đang làm.

- Có gì xấu trong việc chúng ta đang làm nào?

- Em biết rõ còn gì. Hay cũng có thể là không. Em nói thế nào với bố mẹ?

- Phụ huynh em nghĩ em đang ở với cô bạn Nancy Hattaway, bọn em đi với nhau từ sáng sớm ngày hôm nay, suốt ngày bọn em sẽ ở trên thuyền của bố bạn Teddy Bapst, là bạn trai của Nancy.

- Thế Nancy đâu?

- Thì bạn ấy đang ở trên thuyền với Teddy, chỉ có hai đứa với nhau thôi. Bạn ấy nói là em đi cùng với bạn ấy để bố mẹ của Teddy đồng ý cho Teddy lấy thuyền đi với Nancy.

- Vậy mẹ Nancy nghĩ rằng bạn ấy đang ở cùng với em còn mẹ em thì lại nghĩ em đi chơi với Nancy. Nên nếu họ gọi điện tho ai cho nhau thì mọi chuyện sẽ khớp.

- Tất nhiên rồi. Không ai có thể nghi ngờ gì được kế hoạch của bọn em. Em phải về nhà lúc 20 giờ, mình có đủ thời gian để nhảy với nhau chứ? Em rất muốn chúng mình khiêu vũ với nhau.

Đúng 15 giờ, Jenny có mặt ở Goose Cove. Khi đỗ xe trước nhà, cô nhận thấy chiếc xe Chevrolet đen không đậu ở đó. Hiển nhiên Harry đi vắng. Mặc dù vậy, Jenny vẫn bấm chuông gọi

cửa: mọi thứ đều như cô dự đoán, không hề có tiếng trả lời. Cô đi vòng quanh nhà để kiểm tra xem anh có ở ngoài hiên, ngoài sân không, nhưng cả hiên và ngoài sân đều không bóng người. Rồi cuối cùng, cô quyết định vào trong nhà. Chắc Harry đi đâu đó để thay đổi không khí một chút. Gần đây, anh làm việc quá nhiều, nên cũng phải có nhu cầu được nghỉ ngơi chứ. Chắc hẳn Harry sẽ rất sung sướng khi quay về nhà, thấy bữa lót dạ tuyệt vời như vậy: bánh mì kẹp thịt, trứng, pho mát, món gỏi chấm nước sốt có những gia vị mà chỉ Jenny mới biết bí quyết, bánh hoa quả và vài trái tươi chín mọng.

Jenny chưa bao giờ từng nhìn vào trong ngôi nhà ở Goose Cove. Cô thấy mọi thứ đều hoàn hảo. Cơ ngơi thật rộng rãi và thoáng đãng, trang trí có tính thẩm mỹ cao, những cột nhà trong suốt đến tận trần, trên các giá sách dựng sát tường có rất nhiều những chiếc hộp gỗ nạm khảm. Những ô cửa kính lớn cho phép một tầm nhìn hoàn hảo bao quát toàn bộ cảnh biển. Cô không thể kiềm chế mình cứ tưởng tượng ra cuộc sống chung với Harry tại đây: những bữa ăn sáng trên sân nhà dưới mái hiên, mùa đông thực sự ấm áp khi họ cùng ngồi uống cà phê gần lò sưởi để anh đọc cho cô nghe các đoạn trích tiểu thuyết anh vừa viết xong. Tại sao cứ phải thích New York? Ngay cả ở đây, sống cùng với nhau, họ cũng sẽ vô cùng hạnh phúc. Họ sẽ chẳng cần gì khác ngoài trừ được ở bên nhau. Cô xếp tất cả thức ăn ra bàn ăn, dọn sẵn sàng bát đĩa tìm thấy trong chạn. Sau đó, khi đã xong xuôi mọi việc, cô ngồi trong ghế bành chờ đợi. Cô muốn tạo cho anh sự bất ngờ thú vị. Jenny đợi một tiếng đồng hồ. Không biết anh có thể đi đâu và làm gì nhỉ? Vì bắt đầu thấy chán, Jenny quyết định xem nốt phần còn lại của ngôi nhà. Căn phòng đầu tiên Jenny bước vào là phòng làm việc ở tầng trệt. Phòng này hơi hẹp nhưng bày

biện rất ngăn nắp, một chiếc tủ, một chiếc bàn làm việc bằng gỗ ê-ben, một giá sách kẻ sát vào tường và một cái bàn gỗ có ngăn kéo chồng chất hàng đống giấy tờ với bút bi. Đây chính là nơi Harry ngồi làm việc. Cô tiến lại gần ngăn kéo bàn, đứng im ngó xuống phía dưới. Jenny không muốn xâm phạm vào tác phẩm của Harry, không muốn phá vỡ lòng tin của anh, cô chỉ đơn giản muốn nhìn xem anh viết gì về cô suốt cả ngày. Ai biết đâu được đây... Tự tin rằng mình có đủ quyền hạn chính đáng, Jenny cầm trang trên cùng của đống giấy lên và đọc, tim đập rộn ràng. Những dòng đầu tiên bị xóa bằng bút dạ màu đen đậm đến mức Jenny không đọc được gì. Nhưng sau đó, cô đọc những dòng viết rất rõ ràng:

Tôi đến tiệm Clark's chỉ để gặp nàng. Tôi đến đó chỉ để được gần nàng. Nàng là tất cả mơ ước của tôi. Nàng ngự trị hoàn toàn trong tôi. Tôi bị nàng ám ảnh. Tôi không có quyền. Tôi không nên làm thế. Tôi không nên đến đó, cũng không nên ở lại thành phố bất hạnh này nữa: tôi phải đi, phải chạy trốn không bao giờ trở lại. Tôi không có quyền yêu nàng, nàng là trái cấm. Tôi có điên không?

Rạng rỡ vì hạnh phúc, Jenny hôn lên trang giấy và ghì nó vào lòng. Cô nhón chân nhún nhảy một vũ điệu và kêu to: “Harry, tình yêu của em, anh không điên! Em cũng vậy, em yêu anh, anh có toàn quyền đối với em. Đừng trốn chạy, tình yêu của em. Em yêu anh tha thiết!” Vô cùng bồi hồi và kích động trước điều vừa khám phá, Jenny vội vàng đặt tờ giấy trở lại trên bàn, sợ bị bắt quả tang, nên vội quay trở lại phòng khách. Cô nằm dài trên tràng kê, kéo váy lên đến độ người ta có thể trông thấy cả đùi và mở hàng cúc áo để cho bộ ngực căng tràn lộ ra bên ngoài. Chưa có ai từng viết về cô đẹp đến vậy. Ngay khi

anh quay trở về, cô sẽ dâng tặng cho anh. Cô sẽ tặng cho anh sự trinh trắng của mình.

Cùng lúc đó, David Kellergan bước vào tiệm Clark's, ngồi xuống bên quầy, rồi gọi một cốc sữa to trộn nước lựu ấm như mọi khi.

– Con gái ông không có đây hôm nay, thưa mục sư, bà Tamarin Quinn vừa phục vụ nước vừa nói. Con bé xin nghỉ phép hôm nay.

– Tôi biết rồi, bà Quinn. Nó đi biển với đám bạn. Nó đi từ sáng sớm hôm nay. Tôi cũng muốn chở nó ra đó nhưng nó không cần, nó bảo tôi phải nằm trên giường nghỉ ngơi. Nó thật là đứa con tốt bụng.

– Ông nói đúng, mục sư ạ. Tôi cũng rất hài lòng về con bé.

David Kellergan mỉm cười. Bà Tamara nhìn ông già vui tính giây lát, khuôn mặt ông dịu dàng với cặp kính mắt tròn. Ông dễ đến năm mươi tuổi, cơ thể mảnh dẻ, có vẻ hơi gầy nhưng toát ra vẻ tráng kiện. Giọng nói bình tĩnh và chắc chắn, ông không bao giờ to giọng hơn những người khác lấy nửa lời. Giống như tất cả những người dân khác trong thành phố, bà Tamara cũng rất quý ông. Bà rất thích các buổi lễ do ông đọc kinh, mặc dù ông có kiểu giọng nhát gừng của người miền Nam. Nola rất giống ông: dịu dàng, dễ thương, hay giúp đỡ người khác, rất lịch sự và tốt bụng. David và Nola Kellergan đều là người tốt, những công dân Mỹ chân chính và những con chiên ngoan đạo. Họ được người dân Aurora vô cùng yêu quý.

– Ông sống ở Aurora được bao nhiêu lâu rồi, ông mục sư? Bà Tamara Quinn hỏi. Tôi có cảm giác ông ở đây từ bao đời nay rồi.

– Sắp được sáu năm bà Quinn ạ, sáu năm tươi đẹp.

Ông mục sư đưa mắt nhìn các vị khách ở cửa hàng. Vì cũng là khách hàng thân thiết nên ông nhận ra bàn 17 hôm nay không có người.

– Ở kia, hôm nay anh nhà văn không tới à? Thật là hiếm, phải không?

– Hôm nay không tới. Anh ta thật là người đàn ông hào hoa, ông thấy thế không?

– Vâng, anh ta đôi xử với tôi cũng rất tử tế. Tôi gặp anh ta ở đây. Anh ta rất tốt bụng, đến xem cả buổi biểu diễn bé giảng ở trường cấp ba năm vừa rồi. Tôi rất muốn anh ta trở thành thành viên nhà thờ. Chúng ta cần những người nổi tiếng để làm cho thành phố này phát triển thêm đôi chút.

Lúc đó, Tamara nghĩ đến con gái mình và mỉm cười. Bà không thể kiềm chế được, buột miệng chia sẻ tin quan trọng:

– Ông đừng nói với ai mục sư nhé, nhưng có chuyện gì đó đang xảy ra giữa con gái tôi và Harry Quebert.

David Kellergan mỉm cười, uống một ngụm to sữa pha lẫn nước lựu âm.

16 giờ tại Rockland. Trên sân đầy ắp ánh nắng mặt trời, Harry và Nola đang uống sinh tố. Nola muốn Harry kể chuyện về cuộc sống của anh ở New York. Nàng muốn biết tất cả. “Hãy kể cho em nghe tất cả đi, nàng đề nghị, hãy kể cho em nghe làm ngôi sao ở đó là thế nào” Anh biết trong trí tưởng tượng của nàng, cuộc sống đó đầy những buổi tiệc tùng và liên hoan, vậy anh có thể kể gì cho nàng? Rằng anh chẳng là gì so với tất cả những điều ở Aurora mà người ta tưởng tượng ra? Rằng ở New York chẳng ai biết anh? Rằng cuốn sách của anh chẳng ai thèm đọc và anh chỉ là thầy giáo cấp ba vô vị? Rằng anh gần như không xu dính túi vì toàn bộ tiền tiết kiệm đã dùng để thuê ngôi

nhà ở Goose Cove? Rằng anh vẫn chưa viết được gì? Anh chỉ là tên giả dối lừa bịp? Harry Quebert tuyệt vời, nhà văn nổi tiếng sống trong ngôi nhà xa xỉ bên bờ biển, hằng ngày ngồi tiệm cà phê để viết tiểu thuyết sẽ chỉ tồn tại trong một mùa hè? Anh không thể nói cho nàng biết đúng sự thật: điều đó có nguy cơ làm anh mất nàng. Anh quyết định hư cấu mọi chuyện, diễn vai trong cuộc sống của mình cho đến cùng: anh nhập vai một nghệ sĩ có tài, nổi danh, được kính trọng, chán ngán với thảm đở vinh dự và cuộc sống bề bộn ở New York, đến Aurora, một thành phố bé nhỏ ở bang New Hampshire để tìm chút tĩnh lặng cần thiết cho tài năng của mình.

– Anh thật là may mắn, Harry ạ, nàng tỏ vẻ ngưỡng mộ khi nghe chuyện anh kể. Cuộc sống của anh thật thú vị! Đôi khi, em muốn được bay, chạy xa nơi này, xa Aurora. Anh biết không, em cảm thấy ở đây quá ngột thở. Bố mẹ em rất khó tính. Bố em là người dững cảm, nhưng là người của nhà thờ: ông có ý tưởng tốt cho riêng ông. Mẹ em là người phụ nữ quá hà khắc với em! Cứ như thể mẹ em chưa bao giờ có tuổi trẻ vậy. Rồi sáng Chủ nhật nào cũng phải đến nhà thờ làm em phát ngán! Em không biết có nên tin vào Chúa nữa không! Thế còn anh Harry, anh có tin vào Chúa không? Nếu anh tin vào Chúa thì em cũng tin!

– Anh không biết Nola ạ, anh cũng không biết nữa.

– Mẹ em bảo chúng ta bắt buộc phải tin vào Chúa, nếu không chúng ta sẽ bị người trừng phạt rất nghiêm khắc. Đôi khi em nghĩ, nếu như mình do dự, thôi thì cứ nhắm mắt đi theo mọi người cho xong.

– Tóm lại là, Harry đáp, người duy nhất biết Chúa có tồn tại hay không tồn tại, chính là Chúa thôi.

Nàng phá lên cười. Tiếng cười ngây thơ vô tội. Nàng dịu dàng nắm tay anh và hỏi:

– Không biết con cái có quyền được không yêu mẹ của mình không?

– Anh nghĩ là được. Tình yêu không phải là thứ bắt buộc.

– Nhưng trong mười điều răn của Chúa. Phải yêu cha mẹ mình. Điều thứ tư hay điều thứ năm gì đó. Em không nhớ nữa. Tức là, điều răn dạy thứ nhất là phải tin ở Chúa. Nếu em không tin ở Chúa, thì em cũng không bắt buộc phải yêu mẹ mình, đúng không? Mẹ em rất hà khắc. Đôi khi bà nhốt em trong phòng, nói em là đứa hư đốn, là con đĩ. Em không phải là con đĩ, em chỉ muốn được tự do. Em muốn có quyền được mơ mộng đôi chút. Lạy Chúa, đã 18 giờ rồi! Em muốn thời gian dừng lại. Phải về thôi, thậm chí chúng ta không đủ thời gian để nhảy với nhau.

– Chúng ta sẽ nhảy, Nola ạ. Chúng ta sẽ nhảy. Chúng ta còn cả cuộc sống phía trước để nhảy với nhau.

20 giờ, Jenny giật mình thức dậy. Vì đợi lâu trên tràng kỉ, cơn buồn ngủ ập đến vây lấy cô. Bây giờ mặt trời đã lặn. Bóng tối bao trùm. Cô nằm dài trên tràng kỉ, một chút nước miếng chảy ra ở khóe miệng, hơi thở nặng nề. Cô kéo quần lót lên, nhét lại bộ ngực vào áo, vội vàng cất dọn toàn bộ thức ăn, xấu hổ chạy trốn khỏi Goose Cove.

Vài phút sau, họ về tới Aurora. Harry dừng lại ở con phố nhỏ gần cảng, để Nola gặp Nancy rồi đi về cùng nhau. Họ ngồi lại trong ô tô giấy lát. Con phố không bóng người, trời đã tối. Nola rút từ trong túi ra một gói nhỏ.

– Cái gì vậy? Harry hỏi.

– Anh mở ra đi. Món quà dành tặng anh đấy. Em tìm thấy nó trong cửa hàng nhỏ ở trung tâm thành phố, nơi chúng ta ngồi uống sinh tố. Đây là kỉ niệm để anh không bao giờ quên ngày

tuyệt đẹp hôm nay.

Anh vội vàng mở gói quà: một chiếc hộp bằng sắt màu xanh lơ bên trên có khắc chữ: KỈ NIỆM ROCKLAND, MAINE.

– Hộp này để đựng bánh mì khô, Nola nói. Để anh nuôi lũ chim mòng biển ở nhà anh. Phải nuôi lũ mòng biển, đây là việc quan trọng.

– Cảm ơn em. Anh hứa sẽ luôn nuôi mòng biển.

– Bây giờ hãy nói với em những lời dịu dàng đi, Harry yêu quý. Hãy nói rằng em là Nola yêu quý của anh.

– Nola yêu quý!

Nàng mỉm cười, kê sát gương mặt mình vào mặt Harry, nàng hôn Harry. Anh bất chợt lùi lại.

– Nola, anh đột ngột nói, không thể được.

– Gì cơ? Tại sao?

– Em và anh, chuyện này quá phức tạp.

– Chuyện gì quá phức tạp?

– Tất cả, Nola ạ, tất cả đều phức tạp. Em phải đi đi, phải gặp bạn gái của em ngay, muộn rồi ... Anh... anh nghĩ rằng chúng ta cần phải dừng lại thôi, không nên gặp nhau nữa.

Anh vội vàng bước xuống khỏi ô tô trước, mở cửa xe cho nàng. Nàng phải đi thật nhanh; thật khó khăn để kiềm chế câu nói anh yêu nàng biết bao.

* * *

– Vậy cái hộp đựng bánh mì khô của thầy ở trong bếp là kỉ niệm ngày thầy đi Rockland à? Tôi hỏi.

– Đúng vậy đó, Marcus. Tôi nuôi mòng biển vì Nola muốn tôi làm việc đó.

– Rồi chuyện gì xảy ra sau ngày ở Rockland?

– Ngày hôm đó tuyệt vời đến độ tôi đâm sợ. Tuyệt vời nhưng quá phức tạp. Cho nên tôi quyết định phải lánh xa Nola và để ý đến một cô gái khác. Một cô gái mà tôi có quyền được yêu. Anh đoán được người đó là ai chứ?

– Jenny.

Chính xác.

– Rồi sao nữa ạ?

– Tôi sẽ kể cho anh nghe vào dịp khác, Marcus ạ. Chúng ta nói quá nhiều rồi, tôi thấy mệt.

– Vâng, em hiểu ạ.

Tôi tắt máy ghi âm.

24

Kỉ niệm ngày Quốc khánh

“Vào tư thế sẵn sàng đi, Marcus. - Tư thế sẵn sàng ạ?”

– Đúng vậy. Nào, hãy giơ tay lên, giữ yên hai đùi, chuẩn bị tư thế sẵn sàng cho trận đấu. Anh thấy thế nào?

– Em... Em thấy hoàn toàn sẵn sàng.

– Tốt! Anh biết đấy, đấm bốc hay viết văn, gần giống như nhau. Ta vào vị trí sẵn sàng, quyết định xông vào trận đấu, giơ tay lên và bắt đầu lao vào đối thủ. Một cuốn sách, cũng na ná như vậy. Một cuốn sách là một trận đấu.”

– Cậu phải dừng ngay việc điều tra lại, Marcus ạ.

Đó là lời đầu tiên Jenny nói với tôi khi tôi đến tìm gặp cô ở tiệm Clark's, đề nghị cô kể cho tôi nghe về mối quan hệ của cô với Harry vào năm 1975. Truyền hình địa phương đã tường thuật lại vụ hỏa hoạn và tin tức này vẫn tiếp tục được lan truyền.

– Vì lí do gì mà cháu phải dừng lại? Tôi hỏi.

– Vì tôi rất lo lắng cho cậu. Tôi không thích những chuyện như thế... (giọng của cô dịu dàng như giọng của một người mẹ). Sự việc bắt đầu bằng vụ hỏa hoạn và không ai biết nó sẽ kết thúc thế nào.

– Cháu không đời nào rời khỏi thành phố này khi còn chưa biết chuyện gì xảy ra cách đây ba mươi ba năm.

– Cậu thật là khó bảo, Marcus ạ! Cậu đúng là cứng đầu, hệt như Harry vậy.

– Cháu coi đây là lời khen ngợi.

Cô mỉm cười.

– Thôi được rồi, vậy tôi có thể làm gì cho cậu?

– Cháu muốn được nói chuyện một chút. Nếu cô muốn, chúng ta có thể ra ngoài đi dạo.

Cô giao quán hàng cho nhân viên phục vụ rồi chúng tôi cùng đi xuống tận bến tàu. Chúng tôi ngồi trên chiếc ghế dài, quay mặt ra phía đại dương. Tôi ngắm nhìn người phụ nữ có lẽ chừng năm mươi bảy tuổi theo nhầm tính của tôi. Cuộc sống khiến cô nom mệt mỏi, cơ thể gầy gò, khuôn mặt đầy nếp nhăn và đôi mắt thâm quầng. Tôi cố gắng tưởng tượng theo lời Harry miêu tả, người con gái xinh xắn tóc vàng, mơn mớn, nữ hoàng sắc đẹp trong suốt những năm học cấp ba. Bất chợt, cô hỏi tôi:

– Marcus, cái đó thì làm được gì?

– Cái gì cơ ạ?

– Vinh quang.

– Vinh quang làm nên đau khổ. Đau là dễ chịu nhưng thường xuyên nó làm nên sự đau khổ.

– Tôi còn nhớ lúc cậu còn là sinh viên thường đến tiệm Clark's với Harry để ông chữa câu văn cho cậu. Ông ấy bắt cậu làm việc như trâu ngựa. Cậu ngồi hàng giờ ở bàn của ông ấy, đọc đi đọc lại, viết đi viết lại nhiều lần, rồi lại viết lại từ đầu. Tôi còn nhớ khi cậu ở lại đây, người ta gặp cậu và Harry chạy bộ cùng nhau từ sáng sớm tinh mơ với kỉ luật thép. Cậu biết đấy, khi cậu đến, ông ấy vui mừng rạng rỡ ra mặt. Ông ấy khác hoàn toàn. Không ai không biết mỗi khi cậu đến đây vì ông ấy thông báo cho tất cả mọi người biết trước hàng nhiều ngày. Ông ấy cứ nhắc đi nhắc lại rằng: “Tôi đã nói với ông/bà rằng Marcus sẽ đến thăm tôi tuần tới chưa nhỉ? Cậu ấy là một thanh niên rất đặc biệt. Tôi biết là cậu ấy sẽ tiến xa”. Những cuộc viếng thăm

của cậu làm cuộc đời ông ấy thay đổi. Sự hiện diện của cậu làm cuộc đời ông ấy thay đổi. Vì tất cả mọi người đều biết rằng: ông ấy hoàn toàn cô độc trong ngôi nhà rộng lớn. Ngày cậu bước vào cuộc đời ông ấy, tất cả đã thay đổi. Đó là sự hồi sinh. Như thể ông già cô độc rốt cuộc đã giành được tình yêu mến của một người. Ngày tháng cậu ở đây mang lại cho ông ấy rất nhiều điều tốt đẹp. Sau khi cậu đi, ông ấy cứ suốt ngày lải nhải với chúng tôi: Marcus từng ở đây, Marcus từng ở kia. Ông ấy rất tự hào về cậu. Tự hào như người cha tự hào về chính đứa con đẻ của mình. Cậu là đứa con trai mà ông ấy không bao giờ có được. Ông ấy nói về cậu suốt cả ngày: cậu như chưa bao giờ từng rời bỏ Aurora mà đi, Marcus ạ. Rồi một hôm, chúng tôi thấy cậu trên báo. Hiện tượng Marcus Goldman. Một nhà văn lớn ra đời. Harry mua sách báo ở cửa hàng bách hóa, ông ấy mời tất cả mọi người uống rượu champagne tại tiệm Clark's. Uống vì Marcus, ha ha ha, hoan hô! Rồi chúng tôi thấy cậu trên truyền hình, chúng tôi cũng nghe nói đến cậu trên đài, cả cái xứ sở đáng nguyên rủa này chỉ còn nói đến mình cậu và cuốn sách của cậu. Ông ấy mua hàng chục cuốn để mang tặng khắp lượt. Chúng tôi quan tâm thì hỏi cậu sống ra sao, khi nào có thể gặp lại cậu. Ông ấy trả lời rằng chắc chắn mọi chuyện đều rất tốt đẹp nhưng ông ấy không có nhiều thông tin. Rằng chắc hẳn cậu đang bận bịu lắm. Thế rồi ngày một ngày hai, cậu không còn gọi điện thoại nữa. Marc ạ. Cậu bận rộn với việc tỏ ra quan trọng, xuất hiện trên báo chí, trên truyền hình và cậu đã bỏ rơi ông ấy. Cậu chẳng bao giờ quay lại đây nữa. Ông ấy đã quá tự hào về cậu, trông chờ từ phía cậu một tín hiệu nào đó nhưng cậu chẳng bao giờ quay trở lại. Cậu đã thành công, đã có vinh quang, nên cậu không còn cần tới ông ấy nữa.

– Không đúng! Tôi kêu lên. Đúng là thành công đã cuốn cháu

đi, nhưng cháu luôn nghĩ tới ông ấy. Ngày nào cũng nghĩ tới. Cháu chẳng còn lấy đến một giây cho bản thân.

– Ngay cả một giây để gọi điện cho ông ấy?

– Dĩ nhiên là cháu có gọi chứ!

– Cậu gọi khi cậu ngập cứt đến tận cổ, đúng là lúc đó cậu có gọi. Bởi vì sau khi đã bán được cả hàng triệu cuốn sách, ông nhà văn lớn bắt đầu thấy sợ, không biết phải viết gì tiếp. Chúng tôi biết điều này bởi Harry đứng tại quầy rượu trong tiệm Clark's, bồn chồn lo lắng vì mới nhận được một cú điện thoại của cậu, cậu đang trầm uất vì không còn ý tưởng gì mới để viết sách, người xuất bản sách của cậu sẽ tịch thu hết của cải quý giá của cậu. Rồi bất chợt cậu lại xuất hiện ở Aurora với đôi mắt của con chó rầu rĩ và Harry lại làm tất cả để lấy lại tinh thần cho cậu. Nhà văn bé nhỏ bất hạnh đáng thương này, liệu cậu có thể viết được cái gì hay ho? Đến tận bây giờ, xì căng đan xảy ra đã hai tuần, và ai đã xuất hiện ở đây? Marcus tốt bụng tử tế. Cậu đến Aurora này để làm gì hả Marcus? Để tìm cảm hứng cho cuốn sách tiếp theo à?

– Điều gì khiến cô nghĩ như vậy?

– Linh cảm.

Mới đầu tôi không nói được gì, hơi ngỡ ngàng. Sau đó tôi nói:

– Người xuất bản của cháu cũng đề nghị cháu viết một cuốn.

Nhưng cháu sẽ không làm.

–Ồ không: cậu không thể không làm, Marc ạ! Vì cuốn sách đúng là cách duy nhất để chứng tỏ cho cả nước Mỹ thấy rằng Harry không phải là quý. Tôi tin chắc ông ấy không làm gì cả. Tự sâu thẳm trong lòng tôi biết thế. Cậu không thể bỏ mặc ông ấy được, ông ấy không còn ai khác ngoài cậu. Cậu là người nổi tiếng, mọi người sẽ nghe cậu. Cậu phải viết một cuốn sách về

Harry, về những năm tháng sống chung với ông ấy. Hãy kể cho người ta biết ông ấy là con người xuất chúng như thế nào.

Tôi thì thầm:

– Cô yêu ông ấy phải không?

Cô cụp đôi mắt xuống:

– Tôi nghĩ tôi không được biết chữ yêu có ý nghĩa thế nào.

– Cháu lại nghĩ rằng ngược lại, cô biết rõ điều đó. Dù có cố gắng hết sức để căm thù ông ấy, nhưng chỉ cần nghe cô nói thế nào về ông ấy là quá rõ.

Cô nở nụ cười buồn bã, xen trong giọng nói cô đầm nước mắt:

– Đã hơn ba mươi năm nay, tôi nghĩ đến ông ấy hàng ngày. Tôi thấy ông ấy cô đơn, trong khi tôi luôn chỉ muốn làm cho ông ấy được hạnh phúc. Còn cái thân tôi, hãy nhìn tôi đi, Marcus... Tôi muốn trở thành siêu sao điện ảnh, nhưng tôi chỉ là siêu sao của dầu rán khoai tây. Đời tôi không như tôi mong muốn.

Cảm thấy cô có vẻ sẵn sàng tâm sự, tôi bèn nài nỉ:

– Jenny, cô hãy nói cho cháu biết về Nola đi...

Cô mỉm cười buồn rầu.

– Nola là cô gái vô cùng tốt bụng. Mẹ tôi rất quý mến và suốt ngày ca ngợi cô bé làm tôi phát bực mình. Vì ngay cả khi so sánh với Nola, tôi vẫn là nàng công chúa xinh xắn dễ thương nhất thành phố này. Là người được cả thành phố chiêm ngưỡng. Khi đến đây, Nola mới có chín tuổi. Hiển nhiên là vào lúc đó, mọi người còn rất thờ ơ đối với Nola. Rồi một mùa hè, như điều vẫn thường xảy với đám con gái dậy thì, tất cả mọi người ở thành phố đều bất ngờ nhận thấy bé Nola đã thực sự trở thành thiếu nữ, đôi bắp đùi mơn mớn, bộ ngực nở nang và

gương mặt thiên thần. Nola trong bộ quần áo bơi thì vô cùng gợi cảm.

– Cô có ghen tị với Nola không?

Jenny suy nghĩ một lúc trước khi trả lời.

– À, bây giờ thì tôi có thể nói thẳng với cậu, cũng chả có gì quan trọng nữa: đúng, tôi có ghen tị đôi chút cái vẻ cánh đàn ông nhìn Nola... là một phụ nữ, tôi biết. Nhưng lúc đó Nola mới có mười lăm... Hãy tin tôi, Nola hoàn toàn không có vẻ gì là trẻ con. Cô bé trông rõ ràng rất phụ nữ. Mà là một phụ nữ đẹp.

– Thế cô có nghi ngờ Harry với Nola không?

– Hoàn toàn không! Không ai ở đây dám tưởng tượng ra điều gì đại loại như thế, không ai cho rằng Nola có quan hệ gì đó với Harry hay với bất kì ai. Đúng thật là Nola là một phụ nữ vô cùng xinh đẹp. Nhưng nó mới có mười lăm tuổi, mà ai cũng biết điều đó. Hơn nữa, Nola lại là con gái của mục sư Kellergan.

– Vậy giữa hai người không có chút thù địch gì nhau vì Harry à?

– Lạy Chúa tôi, hoàn toàn không có chuyện ấy!

– Thế có chuyện gì xảy ra giữa cô và Harry không?

– Hầu như là không. Chúng tôi có gặp nhau vài lần. Ông ấy rất thành công với đám phụ nữ ở thành phố này. Ý tôi muốn nói là một ngôi sao lớn ở New York mà lại sa xuống nơi hẻo lánh này...

– Jenny, cháu có một câu hỏi mà có thể sẽ làm cô ngạc nhiên.... Cô có biết là khi đến đây, Harry còn chưa hề nổi tiếng hay không? Ông ấy chỉ là giáo viên vô danh ở trường cấp ba, phải dồn hết cả tiền tiết kiệm mới thuê được ngôi nhà ở Goose Cove?

– Sao cơ? Thế mà lúc ấy Harry đã là nhà văn cơ mà...

– Đúng là ông ấy có xuất bản một cuốn sách, nhưng tự bỏ tiền in và không hề gặt hái được chút thành công nào. Cháu tin có sự hiểu nhầm về danh tiếng của ông ấy. Harry đã phải sắp đặt rất nhiều thứ, đến Aurora để trở thành nổi tiếng, điều mà ông ấy khát khao lúc ở New York. Rồi bởi vì sau đó, ông ấy xuất bản được cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa* làm cho ông ấy nổi tiếng, nên điều ảo tưởng đã trở thành hiện thực.

Cô cười, tựa như cảm thấy rất vui.

– Ôi vậy à! Tôi hoàn toàn không hề biết chuyện đó! Harry quá hay...Tôi còn nhớ lần hẹn hò đầu tiên với ông ấy. Ngày hôm đó, tôi vô cùng phấn khích. Tôi còn nhớ rõ ngày tháng vì hôm đó vào đúng Ngày Quốc khánh. Ngày 4 tháng Bảy năm 1975.

Tôi mau chóng nhầm tính trong đầu: ngày 4 tháng Bảy, chỉ ít ngày sau khi Harry đi chơi ở Rockland. Đó chính là lúc Harry quyết định xua đuổi hình bóng của Nola ra khỏi đầu. Tôi khuyến khích Jenny tiếp tục câu chuyện:

– Hãy kể cho cháu nghe về ngày 4 tháng Bảy ấy.

Cô khép chặt đôi mắt, cứ như thể cô thực sự quay trở lại ngày hôm đó.

– Bữa đó là một ngày đẹp trời. Harry tới tiệm Clark's, mời tôi cùng đi xem bắn pháo hoa ở Concord. Ông ấy bảo sẽ đến đón tôi tận nhà lúc 18 giờ. 18 giờ 30 tôi mới xong việc ở tiệm Clark's nhưng tôi cứ đồng ý, nói rằng giờ đó rất hợp lí với tôi. Mẹ tôi còn cho tôi về sớm hơn để chuẩn bị.

Thứ Sáu ngày 4 tháng Bảy năm 1975 ...

Tại tư gia của nhà họ Quinn, trên đại lộ Norfolk Avenue, không khí rất căng thẳng, tất bật. Đã 17 giờ 45 phút nhưng Jenny vẫn chưa chuẩn bị xong. Cô cuống cuống, giận dữ bước lên, bước xuống cầu thang trong bộ quần áo lót; cứ mỗi lần lên

xuống như vậy lại là một bộ váy khác trong tay.

– Thế còn bộ này hả mẹ, bộ này mẹ thấy thế nào?

Đã là lần thứ bảy cô cầm bộ quần áo bước vào phòng khách, nơi mẹ cô đang ngồi.

– Không, đừng mặc bộ này, Tamara nghiêm khắc nhận xét, nó làm cho mông con nhìn quá to. Chắc con không muốn Harry Quebert nghĩ con là đứa phàm ăn tục uống chứ? Thử bộ khác đi!

Jenny lại vội vàng trèo lên phòng, nức nở rằng mình là đứa con gái xấu xí khủng khiếp, váy áo chẳng có bộ nào để mặc cho ra hôn, sẽ suốt đời xấu xí và cô độc.

Bà Tamara thì rất căng thẳng: con gái của bà cần phải cố gắng nhiều. Harry Quebert thuộc kiểu người hoàn toàn khác so với cánh trẻ ở Aurora, con gái bà không được phép phạm sai lầm. Ngay khi Jenny báo cho bà biết cuộc hẹn buổi tối, bà liền bí mật ra lệnh cho con rời ngay khỏi tiệm Clark's: lúc đó đúng vào giờ cao điểm buổi trưa, trong tiệm ăn đang chật kín khách khứa nhưng bà không muốn con gái Jenny của mình nán lại thêm dù chỉ một giây vì sợ bị mùi thức ăn xào nấu thấm sâu vào da và tóc. Con gái bà phải hoàn hảo cho Harry. Bà cho Jenny tới tiệm làm tóc, và làm móng để họ sơn sửa móng tay cho cô. Bà dọn nhà sạch sẽ tới chân tơ kẽ tóc đồng thời còn chuẩn bị sẵn ít thức ăn vặt mà bà cho là rất tinh tế để phòng trường hợp Harry Quebert muốn nhấm nháp thứ gì đó khi ghé qua. Vậy là con gái Jenny của bà không hề nhầm lẫn: Harry đang tán tỉnh nó. Bà cảm thấy đầy phẫn khích, bà không thể không nghĩ tới đám cưới: rốt cuộc con gái của bà cuối cùng sẽ đầu vào đấy. Bà nghe thấy tiếng cửa đập mạnh: chồng bà, ông Robert Quinn, công nhân kỹ thuật làm việc cho công ty sản xuất gang tay ở Concord, vừa về tới nơi. Bà Tamara trợn mắt lên kinh hãi. Ngay lập tức,

ông Robert nhận ra tầng trệt được lau chùi cực kì tinh tươm. Lại có cả bình hoa thủy tiên rực rỡ ngay lối vào với những tấm thảm chùi chân ông chưa thấy bao giờ.

– Có chuyện gì đang xảy ra ở đây vậy hả Bibichette?

Ông vừa bước vào phòng khách vừa hỏi, rồi ngồi xuống bên chiếc bàn nhỏ, trên đó vừa mới bày ra những món ăn lót dạ tinh tế vừa ngọt vừa mặn, một chai sâm panh và những chiếc bánh táo.

– Ồ, ông Bobby, ông Bobbo của tôi ơi, bà Tamara trả lời vẻ khó chịu nhưng cố gắng kiềm chế để tỏ vẻ dịu dàng, ông về chẳng đúng lúc gì cả, tôi không cần ông ở đây cho thêm vương chân vương cẳng. Tôi đã để lại tin nhắn cho ông ở xưởng gang cơ mà.

– Tôi không nhận được, thế bà nhắn cái gì?

– Nhắn là hôm nay, đừng có mà về nhà trước 17 giờ.

– À thế à, tại sao lại thế?

– Tại vì, ông biết không, Harry Quebert mời Jenny đi xem bắn pháo hoa tối nay ở Concord.

– Harry Quebert là ai?

– Ôi giờ ơi, ông Bobbo, ông phải cập nhật thông tin đời sống trần tục một tí chứ! Harry Quebert là nhà văn lớn đến thành phố này vào cuối tháng Năm năm nay.

– À, thế thì sao tôi lại không được về nhà?

– “À”, cái ông này ông ý lại bảo “à”. Một nhà văn lớn tán tỉnh nhà mình mà ông lại bảo “à”. Đấy, chính là vì thế mà tôi không muốn ông về, vì ông không biết cách trò chuyện theo kiểu sang trọng là như thế nào! Ông phải biết Harry Quebert không phải là người tầm thường: hiện anh ta đang sống trong ngôi nhà ở Goose Cove đấy.

– Ngôi nhà ở Goose Cove cơ à? Kinh nhĩ.

– Đối với ông đó có thể là khoản chi lớn, nhưng thuê một ngôi nhà như ở Goose Cove đối với một người như Harry Quebert, thì giống như nhổ bãi nước bọt vào biển vậy. Anh ta là ngôi sao của New York.

– Nhổ nước bọt vào biển á? Tôi không biết câu ngạn ngữ này đây.

– Ôi, Bobbo, đúng là ông chả biết cái gì sất.

Robert hơi nhăn mặt, tiến lại gần cái tủ buýp phê nhỏ đựng đồ ăn mà vợ ông chuẩn bị sẵn.

– Này, này, không được đụng vào bất cứ cái gì ở đây, Bobbo!

– Cái đồ gì thế này?

– Đó không phải là cái đồ nhé! Đó là những món lót dạ tinh tế nhất. Những thứ sang trọng nhất.

– Nhưng bà bảo tôi là tối nay hàng xóm mời chúng ta sang ăn bánh mì kẹp cơ mà! Ngày 4 tháng Bảy năm nào chúng ta chả sang hàng xóm ăn bánh mì kẹp!

– Rồi, rồi, chúng ta sẽ đi. Nhưng đi muộn hơn! Mà đừng có kể với Harry Quebert là ta đi ăn bánh mì kẹp như những người bình thường!

– Nhưng chúng ta là những người dân bình thường chứ còn gì nữa. Tôi thích bánh mì kẹp. Mà chính bà nữa, bà cũng có hẳn một cửa hàng bán bánh mì kẹp còn gì nữa!

– Ông đúng là chả biết gì, Bobbo! Hai cái này chả liên quan gì đến nhau cả. Riêng tôi, bản thân tôi có những dự án lớn.

– Tôi biết đâu đấy, bà có nói với tôi đâu.

– Không phải cái gì tôi cũng nói với ông.

– Tại sao bà không nói hết mọi chuyện với tôi? Còn tôi thì

cái gì cũng nói hết với bà. Hôm nay, tôi còn đau bụng suốt buổi chiều nữa đây. Tôi đánh rắm liên hồi. Thậm chí tôi còn phải đóng cửa phòng làm việc, bò lồm ngồm trên sàn để đánh rắm cho thoải mái vì quá đau bụng. Đây, bà thấy chưa, chuyện gì tôi cũng kể với bà hết.

– Thôi đủ rồi đây Bobbo! Ông làm tôi mất tập trung!

Jenny lại xuất hiện, tay cầm bộ váy khác.

– Kín đáo quá, Tamara tru tréo. Con phải mặc sao cho thật sang trọng nhưng đồng thời cũng phải tỏ ra thoải mái một tí.

Robert Quinn lợi dụng lúc vợ quay lưng không chú ý, nhảy lên ngồi trên chiếc ghế bành yêu thích của ông và tự rót cho mình một cốc rượu mạnh.

– Cấm ngồi! Bà Tamara hét toáng lên. Ông làm bẩn hết bây giờ. Ông có biết tôi đã phải mất mấy tiếng đồng hồ để lau chùi sạch sẽ như vậy không? Vào thay quần áo tắm giặt mau.

– Thay quần áo á?

– Mặc com lê vào. Ông không thể đón tiếp Harry Quebert trong bộ quần áo nhàu nhĩ như thế.

– Bà lấy chai rượu vang mà chúng ta vẫn để dành đợi dịp trọng đại ra đây à?

– Thì đây là dịp trọng đại còn gì nữa! Ông không muốn con gái chúng ta có đám cưới tốt à? Đi thay quần áo mau lên, đừng có đứng đó mà lãi nhãi nữa. Anh ta sắp đến rồi.

Bà Tamara kéo ông chồng đến tận chân cầu thang, ép ông ta phải tuân lệnh. Đúng lúc đó, Jenny bước xuống, nước mắt tràn trề, mặc đúng chiếc quần lót, ngực để trần, vừa nức nở vừa nói cô sẽ hủy hết vì mọi chuyện quá sức đối với mình. Robert lợi dụng tình hình cũng than vãn theo, rằng ông muốn đọc báo chứ không hề muốn trò chuyện theo kiểu hệ trọng với cái nhà văn

lớn Harry Quebert; hơn nữa ông cũng chẳng bao giờ đọc truyện hay tiểu thuyết gì bởi chúng làm ông phát buồn ngủ. Tóm lại là ông chẳng biết nói chuyện gì với anh nhà văn nổi tiếng đó. 17 giờ 50 phút, tức là mười phút trước giờ hẹn, cả ba còn đứng trên sảnh ở lối vào cãi vã nhau, thì bất ngờ chuông cửa reo vang. Bà Tamara đã tưởng có cơn đau tim bất ngờ. Anh ta đã đến. Nhà văn nổi tiếng tới trước giờ hẹn.

Có người vừa bấm chuông.

Harry tiến về phía cửa. Anh mặc trang phục bằng vải lanh, đầu đội một chiếc mũ mỏng: anh chuẩn bị đi đón Jenny. Anh mở cửa; đó là Nola.

– Nola? Em làm gì ở đây?

– Người ta phải nói chào *em*. Những người lịch sự thường chào nhau khi gặp mặt chứ không nói *em làm gì ở đây?*

Anh mỉm cười:

– Chào em, Nola. Anh xin lỗi. Chỉ vì anh không nghĩ em đến.

– Có chuyện gì xảy ra vậy, Harry? Em không nhận được tin tức gì của anh từ khi đi Rockland về. Không tin tức gì trong suốt cả một tuần liền! Em làm gì quá đáng với anh à? Hay em làm anh khó chịu? Ôi, Harry, em quá yêu cái ngày chúng ta bên nhau ở Rockland. Thật tuyệt vời!

– Anh không hề khó chịu hay bực mình gì cả, Nola ạ. Anh cũng thế; anh cũng rất yêu cái ngày chúng ta bên nhau ở Rockland.

– Thế sao anh chẳng liên lạc gì với em?

– Tại cuốn sách. Anh phải làm việc quá nhiều.

– Em muốn được ở bên anh hằng ngày, anh Harry. Suốt đời.

– Em đúng là thiên thần, Nola.

Từ bây giờ, ngày nào chúng ta cũng có thể ở bên nhau rồi. Em không đi học nữa.

– Nghĩa là sao Nola, em không đi học nữa ư?

– Năm học kết thúc rồi, anh Harry ạ. Bây giờ nghỉ hè mà. Anh không biết à?

– Không.

Nét mặt nàng lộ rõ vẻ tươi vui:

– Thật tuyệt vời phải không Harry? Em đã suy nghĩ kỹ, em có thể tới đây chăm sóc anh. Điều kiện làm việc ở đây tốt hơn trong tiệm Clark's ồn ào náo nhiệt. Anh có thể ngồi làm việc ngoài sân. Em thấy đại dương thật tuyệt vời, chắc chắn nó sẽ mang cảm hứng cho anh! Còn em sẽ chăm sóc sao cho anh cảm thấy thật thoải mái. Em hứa sẽ chăm sóc anh cẩn thận, thật tận tâm, sẽ làm cho anh hạnh phúc. Xin anh, hãy để cho em khiến anh thành người đàn ông sung sướng, anh Harry.

Anh nhận thấy nàng mang theo cả một giỏ đầy.

– Đây là đồ pic nic cho chúng ta tối nay, -nàng nói. Em còn có hẳn một chai rượu vang nữa kia. Em nghĩ chúng ta có thể ăn pic nic bên bờ biển, thật là lãng mạn.

Anh không muốn bữa pic nic lãng mạn, không muốn ở gần nàng, không muốn nàng: anh phải quên nàng đi. Anh cảm thấy hối tiếc vì họ ở với nhau suốt ngày thứ Bảy ở Rockland: anh đi chơi ở bang khác cùng người con gái mới mười lăm tuổi mà cha mẹ cô ta không hề biết. Nếu cảnh sát kiểm tra, có thể họ đã nghi anh bắt cóc trẻ con. Người con gái này không thể bên anh được, anh phải tránh xa nàng suốt đời.

– Anh không thể, Nola, anh nói ngắn gọn.

Nét mặt nàng đầy vẻ thất vọng.

– Tại sao?

Phải nói với nàng rằng anh có hẹn với người phụ nữ khác. Thật là khó nghe, nhưng nàng phải hiểu chuyện của họ là không thể. Tuy nhiên, anh không thể nói ra được điều đó nên rốt cuộc anh lại nói dối lần nữa:

– Anh phải đi Concord gặp người xuất bản sách. Ông ta đang ở đó vì Ngày Quốc khánh mừng 4 tháng Bảy. Thật tẻ nhạt. Anh thích làm cái gì đó với em hơn.

– Em có thể đi với anh được không?

– Không. Anh nghĩ rằng em sẽ phát chán lên mất.

– Em thấy anh mặc chiếc áo sơ mi này rất đẹp, Harry.

– Cảm ơn em.

– Harry... Em yêu anh. Kể từ khi trời mưa trên biển ngày em gặp anh, em đã yêu anh phát điên. Em muốn sống bên anh trọn đời.

– Thôi đi, Nola, đừng nói thế.

– Tại sao? Đó là sự thật! Em không thể chịu nổi một ngày không có anh bên cạnh! Mỗi khi gặp anh, em có cảm giác cuộc đời đẹp hơn! Thế còn anh, anh ghét em phải không?

–Ồ không. Tất nhiên là không!

– Em biết rõ anh thấy em xấu xí. Còn ở Rockland, chắc chắn anh thấy em chán òm. Chính vì thế mà anh không liên lạc gì với em từ lúc đó. Anh nghĩ em là con bé xấu xí ngu ngốc chán ngắt.

– Đừng nói những lời ngu ngốc như thế. Nào, đi, anh đưa em về nhà.

– Phải gọi em là Nola yêu quý... Anh nói vậy nữa đi.

– Anh không thể, Nola...

– Em xin anh.

– Anh không thể. Những từ ngữ ấy bị cấm!

– Nhưng tại sao? Tại sao? Nhân danh Chúa! Tại sao mình không thể yêu nhau trong khi mình yêu nhau?

Anh không trả lời, kéo nàng về phía chiếc Chevrolet màu đen. Nàng khóc.

Không phải Harry Quebert bấm chuông mà là Amy Pratt, vợ của Cảnh sát trưởng Aurora. Với tư cách là người tổ chức buổi dạ hội mùa hè, bà chịu trách nhiệm thông báo đến từng gia đình một trong những sự kiện quan trọng nhất của thành phố năm nay được tổ chức vào thứ Bảy ngày 19 tháng Bảy. Đúng lúc chuông cửa reo, bà Tamara vội vàng tông cả chồng và con gái trần truồng quá nửa lên tầng trên, rồi thả phào nhẹ nhõm chứng kiến đứng phía sau cánh cửa là bà Amy Pratt chứ không phải vị khách mời nổi tiếng! Bà Amy Pratt đến rao bán xổ số sẽ được quay thưởng vào buổi dạ hội. Năm nay giải nhất sẽ là một tuần đi nghỉ tại khách sạn tuyệt vời trên đảo Martha's theyard, ở bang Massachusetts, nơi rất nhiều siêu sao cũng tới nghỉ mát. Khi được thông báo trị giá của giải nhất, đôi mắt bà Tamara sáng lên, bà mua hết hai quyển vé số. Sau đó, một mặt vì phép lịch sự, một mặt vì bà Amy cũng là người phụ nữ mà bà Tamara rất quý trọng, nên bà cũng muốn mời cốc nước cam, nhưng thay vì mời nước cam thì bà lại mời luôn ra cửa không chút lẩn tránh ái ngại bởi vì lúc đó đã là 17 giờ 55 phút. Jenny đã bình tĩnh trở lại, bước xuống cầu thang trong chiếc váy hè màu xanh lá cây rất hợp khiến cô trở nên vô cùng tươi tắn, đi sau là cha cô trong bộ trang phục lễ hội hoàn hảo.

– Không phải là Harry mà là bà Amy Pratt, bà Tamara tuyên bố bằng một giọng chán nản. Tôi đã biết chắc không phải là anh ta. Thế mà cả hai sợ hãi chạy trốn như là lũ thỏ đế ấy, thật là lố bịch quá đi! Tôi thì tôi biết rõ không phải anh ta, bởi vì anh ta là

người sang trọng mà những người sang trọng thì không bao giờ đến sớm. Đến sớm còn bất lịch sự hơn cả đến muộn. Hãy nhớ lấy điều đó, Bobbo, ông là người lúc nào cũng sợ đến trễ hẹn.

Chuông đồng hồ treo tường điểm sáu tiếng, cả gia đình nhà Quinn đứng thành hàng trước cửa ra vào.

– Nhớ là phải tỏ ra thật tự nhiên Jenny nói giọng khẩn khoản.

– Chúng ta rất tự nhiên, mẹ cô trả lời. Đúng không Bobbo, chúng ta rất tự nhiên đúng không?

– Đúng rồi, Bibichette. Nhưng chắc chắn là tôi lại muốn đánh rắm đây: tôi có cảm giác giống cái nồi áp suất sắp đến lúc nổ tung.

Vài phút sau, Harry bấm chuông cửa nhà gia đình Quinn, Anh vừa cho Nola xuống xe trên phố gần nhà nàng để không ai thấy họ đi cùng nhau. Anh bỏ đi trong khi nàng nức nở, nước mắt giàn giụa.

* * *

Jenny kể rằng tối ngày 4 tháng Bảy là buổi tối ngọt ngào nhất trong đời cô. Cô vô cùng cảm động khi tả lại cho tôi nghe ngày lễ hội; bữa tối, màn bắn pháo hoa tại thành phố Concord. Theo cách Jenny nói về Harry, tôi hiểu rằng suốt cuộc đời cô không lúc nào ngừng yêu Harry. Sự căm thù của cô đối với Harry ngày hôm nay là biểu hiện của nỗi đau đã bị Harry bỏ rơi vì Nola, cô bé phục vụ ngày thứ Bảy, là người gợi cảm hứng cho ông viết nên tuyệt tác. Trước khi chia tay cô, tôi còn hỏi:

– Jenny à, theo cô , ai là người có thể cung cấp cho cháu nhiều thông tin nhất về Nola?

– Về Nola ư? Tất nhiên là cha của cô ấy.
Tất nhiên là cha của cô ấy.

23

Những người biết rõ Nola

“Thế còn các nhân vật? Thầy lấy cảm hứng từ ai để xây dựng nên các nhân vật của mình?”

– Từ tất cả mọi người. Từ một người bạn, người giúp việc, nhân viên ngân hàng. Nhưng lưu ý rằng: không phải chính những người này tạo cảm hứng cho anh, mà là các hành động của họ. Cách phản ứng của họ làm anh nghĩ đến những hành động mà các nhân vật trong tiểu thuyết của anh có thể làm. Nhà văn nào nói rằng không lấy cảm hứng từ ai cả là nói dối, nhưng họ có lí khi làm thế: như vậy họ tránh được khỏi điều phiền toái.

– Nghĩa là thế nào?

– Ưu thế của các nhà văn, Marcus ạ, đó là anh có thể giải quyết vấn đề với những người khác thông qua phương tiện trung gian là cuốn tiểu thuyết của anh. Nguyên tắc duy nhất là không được nêu đích danh. Không bao giờ nêu tên riêng: điều đó sẽ dẫn đến kiện tụng và những việc đau đầu. Theo danh sách, chúng ta đến số thứ tự bao nhiêu rồi?

– 23.

—Vậy thì chương thứ 23, Marcus: hãy chỉ viết những điều tưởng tượng. Những điều khác chỉ mang lại cho anh phiền toái.”

Chủ nhật ngày 22 tháng Sáu năm 2008, lần đầu tiên tôi gặp ông giám mục David Kellergan. Hôm đó là một ngày hè xám xịt, đúng theo kiểu thời tiết chỉ có thể xảy ra dưới bầu trời New

England. Vào mùa này ở đây, sương mù bốc lên từ đại dương dày đến nỗi còn bám chắc trên những ngọn cây và các mái nhà. Ngôi nhà của gia đình Kellergan nằm ở số 245 Terrace Avenue, ở giữa một khu dân cư đẹp đẽ. Hình như ngôi nhà này không thay đổi gì kể từ khi họ tới sống ở Aurora. Vẫn những bức tường cũ màu, vẫn những bụi cây xung quanh nhà. Những khóm hồng vừa trồng đã trở thành những bụi cây lớn, còn cây sồi trước nhà đã thay thế cho một loại cây cùng họ bị chết từ mười năm trước.

Lúc đến nơi, tôi nghe thấy tiếng nhạc âm ì chói tai dội ra từ ngôi nhà. Tôi bấm chuông nhiều lần nhưng không hề có tiếng trả lời. Mãi lâu sau mới có người đi qua đường kêu lên: “Nếu như anh tìm cha Kellergan thì bấm chuông là vô ích. Ông ấy đang ở trong nhà xe”. Tôi quay sang đập cửa nhà xe, đúng là âm nhạc âm ì thoát ra từ đó. Sau khi ngoan cổ đập cửa hồi lâu, rốt cuộc cửa cũng mở, trước mặt tôi là một ông già nhỏ thó, dáng vẻ yếu ớt, tóc và da xám ngoét, mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo kính bảo vệ mắt. Đó chính là David Kellergan, tám mươi lăm tuổi.

– Có việc gì thế? Với vẻ dễ mến, ông ta hét lên vì nhạc được mở với âm lượng không thể chịu nổi.

Tôi buộc phải khom tay lên thành vòm loa để nói sao cho ông có thể nghe được.

– Tôi tên là Marcus Goldman. Ông không biết tôi nhưng tôi đang điều tra về cái chết của Nola.

– Anh là cảnh sát à?

– Không, tôi là nhà văn. Ông có thể tắt nhạc hay vặn bé âm lượng xuống một chút được không?

– Không được. Tôi không tắt nhạc được. Nhưng chúng ta có

thể ra ngoài phòng khách nếu anh muốn.

Ông mời tôi đi qua nhà xe vào phòng khách: căn phòng đã hoàn toàn bị biến thành xưởng sửa chữa, giữa phòng chễm trệ một chiếc Harley-Davidson. Trong góc phòng, bộ chơi nhạc đĩa cũ kĩ nối liền với dàn máy làm toàn bộ âm thanh của bản nhạc jazz nổi lên mạnh mẽ.

Tôi chuẩn bị tinh thần cho một cuộc gặp không được đón tiếp tử tế. Tôi nghĩ, sau khi bị cánh nhà báo quấy rầy, hẳn cha Kellergan rất cần được yên tĩnh; nhưng trái lại, ông tỏ ra rất dễ mến. Dù đã từng đến Aurora nhiều lần, nhưng tôi chưa bao giờ gặp ông lần nào. Rõ ràng ông hoàn toàn không biết mối quan hệ giữa tôi với Harry và tôi cũng lưu ý không nói ra chuyện này. Ông pha hai cốc trà lạnh, rồi chúng tôi cùng ngồi vào bàn trong phòng khách. Ông vẫn đeo nguyên đôi kính bảo vệ mắt, cứ như thể phải sẵn sàng quay trở lại với chiếc mô tô ngay. Trong khi đó, thứ âm nhạc chói tai vọng đến không ngừng. Tôi cố gắng tưởng tượng người đàn ông này ba mươi ba năm về trước, khi còn là mục sư năng động của nhà thờ St James.

– Điều gì khiến anh đến đây hả anh Goldman? Ông chăm chú nhìn xoáy vào tôi hỏi vẻ tò mò. Vì một cuốn sách à?

– Tôi cũng không rõ nữa, cha ạ, chủ đích chính của tôi là tìm hiểu xem điều gì xảy ra với Nola.

– Đừng gọi tôi là cha, tôi không còn là mục sư nữa rồi.

– Tôi rất lấy làm tiếc vì chuyện xảy ra với con gái ông.

Ông mỉm cười, nụ cười nồng ấm đáng ngạc nhiên.

– Cảm ơn anh. Anh là người đầu tiên nói lời chia buồn với tôi, anh Goldman ạ. Từ hai tuần nay, cả thành phố này nói về con gái tôi: tất cả mọi người đều nóng lòng đợi báo mới ra để biết các thông tin mới nhất, nhưng không có ai tới tận đây xem

tôi sống chết thế nào. Ngoại trừ cánh nhà báo, thì những người duy nhất bấm chuông cửa nhà tôi là mấy người hàng xóm đến phàn nàn về tiếng ồn. Người cha đang có tang con mình, cũng có quyền được nghe chút nhạc chứ, đúng không nào?

– Hoàn toàn đúng ạ.

– Thế anh đang viết một cuốn truyện à?

– Tôi cũng không biết có khả năng viết hay không nữa. Viết được sách hay thật là khó. Người xuất bản sách muốn tôi viết một cuốn về vụ này. Ông ta nói rằng việc này sẽ giúp tôi thăng tiến sự nghiệp. Ông có phản đối ý tưởng viết sách về Nola không?

Ông nhún vai.

– Không, nếu điều đó có thể giúp các bậc cha mẹ cẩn trọng hơn. Anh biết đấy, vào ngày con gái tôi mất tích, nó đang ở trong phòng riêng. Còn tôi thì đang trong nhà xe, cũng mở nhạc như thế này. Tôi không nghe thấy gì hết. Khi tôi vào thăm xem nó thế nào, thì nó không còn trong phòng nữa. Cửa phòng nó mở toang. Cứ như thể nó bốc hơi mất vậy. Tôi không biết cách trông giữ con gái mình. Hãy viết một cuốn sách cho các bậc cha mẹ, anh Goldman ạ. Cha mẹ phải vô cùng cẩn trọng trong việc chăm sóc con cái.

– Hôm đó, ông làm gì trong nhà xe?

– Tôi cũng sửa chính chiếc xe máy này. Chiếc Harley mà anh thấy đó.

– Một cỗ máy đẹp thật đấy.

– Cảm ơn anh. Hồi đó tôi nhặt nó về từ xưởng sửa chữa ô tô ở Montburry. Ông chủ ở đó bảo không còn có thể nhặt nhanh được gì từ cái đồng máy hỏng ấy nên nhượng lại cho tôi với giá bèo bọt là 5 đô tượng trưng. Khi con gái tôi mất tích thì tôi đang

chăm sóc cái xe khốn kiếp này, đó chính là việc mà tôi làm lúc đó.

– Ông sống ở đây một mình à?

– Đúng vậy. Vợ tôi mất lâu rồi...

Ông đứng dậy, rồi mang tới cho tôi xem một cuốn album. Ông chỉ cho tôi Nola hồi còn bé, và vợ của ông, bà Louisa. Họ có vẻ rất hạnh phúc. Tôi ngạc nhiên vì ông già dễ dàng chia sẻ tâm sự, mặc dù xét cho cùng, ông không quen biết gì tôi. Tôi nghĩ chắc thực ra ông chỉ muốn làm sống dậy chút ít hình ảnh đứa con gái bất hạnh của mình. Ông kể cho tôi nghe khi họ đến Aurora vào mùa thu năm 1969 từ Jackson, Alabama, nơi đó mặc dù đội ngũ các con chiến đang phát triển vô cùng mạnh mẽ, nhưng ông vẫn quyết tâm từ bỏ để tới Aurora vì tiếng gọi nơi xa xôi còn mạnh mẽ hơn: cộng đồng ở Aurora đang cần mục sư mới, và ông đã được chọn. Lí do chính của việc ông chuyển nhà đến bang New Hampshire là mong muốn có được nơi chốn yên tĩnh để nuôi dạy Nola. Vào thời kì đó, nội bộ đất nước đang sôi sục, nào là bất đồng chính trị, nạn phân biệt chủng tộc và cuộc chiến ở Việt Nam. Các sự kiện xảy ra năm 1967 những cuộc bạo động phân biệt chủng tộc ở Saint-Quentin và sự bùng nổ các khu người da đen ở Newark và Détroit khiến họ phải tìm nơi nào đó bình ổn hơn, tránh xa tất cả các biến động này. Vậy là, khi chiếc ô tô nhỏ bị quá tải bởi trọng lượng của cả núi đồ đạc chậm chạp tiến tới gần bờ ao phủ đầy hoa súng của Montburry, trước khi lao xuống dốc hướng Aurora, từ xa vị mục sư Kellergan đã thấy đây là thành phố nhỏ xinh xắn yên tĩnh và tuyệt đẹp, ông thầm tự khen mình đã lựa chọn sáng suốt. Làm thế nào có thể tưởng tượng, đây chính là nơi mà sáu năm sau, đứa con gái duy nhất của ông mất tích?

– Tôi đã qua nhà thờ cũ nơi ông làm mục sư trước kia, tôi

nói. Bây giờ nó thành cửa hàng McDonald's.

– Toàn bộ thế giới này đang dần dần biến thành một cửa hàng McDonald's, anh Goldman ạ.

– Thế còn nhà thờ thì sao, điều gì đã xảy ra vậy?

– Trong nhiều năm, nhà thờ phát triển rất thịnh vượng. Sau đó xảy ra việc con gái tôi là Nola biến mất và tất cả đã thay đổi. Nói cho chính xác thì có một thứ thay đổi, đó là, tôi không còn tin ở Chúa nữa. Nếu Chúa thực sự tồn tại, thì trẻ con không thể bị mất tích như vậy. Tôi bắt đầu làm nhiều chuyện linh tinh, nhưng không ai dám đuổi tôi. Dần dần, cả cộng đồng bắt đầu phân tán. Cách đây mười lăm năm, nhà thờ Aurora sáp nhập với nhà thờ Montburry vì lí do tài chính. Họ đã bán cả khu đất lẫn nhà thờ Aurora. Bây giờ, con chiên đi lễ Chủ nhật tại Montburry. Sau khi Nola mất tích, tôi không còn đủ sức đảm đương hết công việc, 6 năm sau thì tôi chính thức từ chức. Nhà thờ vẫn trả cho tôi một khoản trợ cấp. Thế rồi họ bán lại căn nhà này cho tôi với giá chỉ bằng giá một cái bánh mì.

Sau đó, David Kellergan còn miêu tả cho tôi những năm tháng sung sướng vô lo của cuộc đời ông ở Aurora. Theo ông, đó là những ngày tháng đẹp nhất trong đời. Ông còn nhớ vào những buổi tối mùa hè, khi ông cho phép Nola thức đọc sách dưới hiên nhà; ông từng ao ước mùa hè sẽ không bao giờ kết thúc. Ông còn kể cho tôi nghe, con gái ông đã có ý thức dành dụm tiền kiếm được từ việc làm thêm tại tiệm Clark's vào thứ Bảy hàng tuần; có nói rằng với số tiền dành dụm đó, cô sẽ đi California để trở thành diễn viên. Chính ông cũng rất hạnh diện khi mỗi lần tới tiệm Clark's đều được nghe khách hàng và bà chủ quán Quinn hết lời ngợi khen con gái. Trong suốt một thời gian dài sau khi con gái ông mất tích, ông còn phân vân không biết có phải là con bé đã đi California rồi không.

- Tại sao lại đi? Tôi hỏi. Ý ông muốn nói là cô ấy đã bỏ nhà...
- Bỏ nhà á? Tại sao con tôi lại muốn bỏ nhà mà đi? - Ông tỏ ra phật lòng
- Thế còn Harry Quebert, ông có biết ông ấy không?
- Không nhiều. Hơi biết chút thôi. Tôi cũng có gặp ông ta vài lần.
- Hơi biết một chút? tôi ngạc nhiên. Thế mà ông với ông ấy sống cùng thành phố từ 30 năm nay.
- Tôi không biết tất cả mọi người, anh Goldman ạ. Hơn nữa, anh biết đấy, tôi sống rất khép kín. Liệu tất cả chuyện này có phải là sự thật không? Harry Quebert và Nola? Có phải ông ta viết sách về con bé? Cuốn sách ấy có nghĩa là thế nào hả anh Goldman?
- Thú thật với ông rằng Nola yêu Harry và đó là tình cảm có đi có lại. Cuốn sách ấy kể về mối tình không thể giữa hai con người không có lối thoát thuộc cùng một tầng lớp xã hội.
- Tôi biết! Ông kêu lên. Tôi biết! Nhưng chuyện là thế nào, Quebert đã thay thế chữ đòi truy bằng tầng lớp xã hội để tự tạo ra phẩm giá cho mình, rồi ông ta bán được hàng triệu bản? Cuốn sách kể những chuyện tục tũ với con gái tôi, với Nola bé bỏng của tôi, rồi cả nước Mỹ đọc và trầm trồ ca ngợi trong suốt 30 năm qua!
- Mục sư Kellergan không còn giữ được bình tĩnh nữa, lời cuối ông thốt lên với giọng đầy bạo lực mà tôi không ngờ một người đàn ông có vẻ ngoài yếu đuối nhường vậy có thể nói được. Ông im bật giây lát, quay tròn trong căn phòng tựa như thể đang muốn thoát ra khỏi cơn tức giận. Nhạc vẫn gầm lên chói lói liên tục từ phía sau. Tôi nói với ông:
 - Harry Quebert không giết Nola.

– Làm sao anh chắc như thế được?

– Không ai dám chắc điều gì, thưa ông. Chính vì vậy đôi khi sự tồn tại của chúng ta quá phức tạp.

Ông bĩu môi.

– Anh muốn biết điều gì, anh Goldman? Nếu đến đây tức là anh có điều muốn hỏi tôi phải không?

– Tôi đang cố gắng tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra. Buổi tối mà con gái ông biến mất, ông không nghe thấy tiếng động gì sao?

– Không gì cả.

– Vài người hàng xóm khẳng định rằng vào thời điểm đó họ đã nghe thấy nhiều tiếng kêu.

– Nhiều tiếng kêu? Không có tiếng kêu nào cả. Không bao giờ có tiếng kêu trong ngôi nhà này. Mà hơn nữa, tại sao lại có những tiếng kêu cơ chứ? Ngày hôm đó, tôi đang bận việc trong nhà xe. Suốt cả buổi chiều. Đến đúng lúc 19 giờ, tôi bắt đầu chuẩn bị bữa tối. Tôi vào phòng riêng của con bé để nhờ nó giúp tôi một chút, nhưng nó không còn ở đây nữa. Mới đầu, tôi nghĩ rằng chắc nó ra ngoài đi dạo vài vòng, mặc dù nó không có thói quen đấy. Tôi đợi một lúc, rồi khi bắt đầu thấy lo lắng tôi đi ra ngoài tìm nó quanh khu. Đi chưa được một trăm mét trên vỉa hè thì tôi gặp ngay cả toán người: mấy người hàng xóm kháo nhau, có người nom thấy một phụ nữ trẻ người dính đầy máu ở Side Creek. Từ khắp mọi nẻo đường, từng đoàn xe cảnh sát đổ về, chặn hết mọi lối ra vào thành phố. Tôi vội chạy vào nhà gần đó nhất gọi điện thoại tới đồn cảnh sát để báo có thể đó là Nola... Phòng riêng của nó nằm dưới tầng trệt, anh Goldman ạ. Suốt 30 năm nay, tôi chỉ băn khoăn một điều, không biết tình hình con gái tôi như thế nào. Có thời kì dài tôi cứ nghĩ, nếu như

còn có những đứa con khác, thì tôi sẽ cho chúng ngủ trong nhà kho. Nhưng tôi không có đứa nào khác.

– Thế ông có nhận thấy con gái mình có những hành động kì lạ nào vào mùa hè xảy ra vụ mất tích không?

– Không. Mà tôi cũng không biết nữa. Tôi không nghĩ vậy... câu hỏi mà tôi cũng thường đặt ra nhưng không thể trả lời.

Tuy nhiên, ông vẫn còn nhớ mùa hè năm đó, khi kì nghỉ hè vừa mới bắt đầu thì Nola, con gái ông thỉnh thoảng có vẻ rất thiếu ngủ. Ông cứ nghĩ ở cái tuổi thiếu nữ dở trẻ con dở người lớn thì như vậy là bình thường. Sau đó tôi ngỏ lời xin được vào thăm phòng riêng của Nola; ông dẫn tôi vào xem như thể người hướng dẫn tham quan bảo tàng: “Xin đừng chạm tay vào bất cứ vật gì”. Kể từ khi con gái ông mất tích, ông vẫn giữ căn phòng không hề thay đổi. Tất cả mọi thứ vẫn ở đó: chiếc giường, chiếc giá chất đầy búp bê, giá sách nhỏ, ngăn bàn lộn lộn hàng trăm thứ nào bút bi, bút chì, thước kẻ sắt và những trang giấy đã ngả vàng. Đó là giấy viết thư, cùng một loại giấy dùng để viết tin nhắn cho Harry.

– Con bé tìm thấy loại giấy nhắn tin này trong quầy bán giấy ở Montburry, người cha giải thích khi thấy tôi có vẻ quan tâm đặc biệt đến lốc giấy nhắn tin. Nó rất thích loại giấy này. Lúc nào nó cũng mang theo người, nó dùng để ghi chép và nhắn tin. Giấy này cũng chính là nó. Lúc nào nó cũng có mấy tập để dành.

Ở một góc phòng, vẫn còn thấy cả chiếc máy tính nhỏ Remington

– Chiếc máy tính này của con gái ông à? Tôi hỏi.

– Của tôi đây. Nhưng nó cũng dùng. Mùa hè đó nó sử dụng liên tục nó nói có nhiều tài liệu cần đánh máy. Thậm chí nhiều lúc nó còn mang ra khỏi nhà. Tôi thường muốn chở nó đi,

nhưng nó không bao giờ thích như vậy. Nó đi bộ, đeo máy vào vai.

– Vậy là căn phòng này vẫn y nguyên như lúc con gái ông mất tích?

– Mọi thứ tuyệt đối y nguyên như cũ. Đây chính là hiện trạng căn phòng trống rỗng mà tôi thấy lúc tôi vào tìm nó. Cửa sổ mở toang, một cơn gió nhẹ lay động những chiếc riđô.

– Ông có nghĩ ai đó đã vào phòng này tối hôm đó, dùng vũ lực cưỡng bức cô ấy và đưa đi?

– Tôi không biết nói với anh thế nào. Tôi chẳng nghe thấy gì hết. Nhưng như anh có thể thấy đó, không hề có dấu vết của vũ lực hay chống cự.

– Cảnh sát tìm thấy cô ấy có một chiếc túi. Bên trong túi có in khắc chữ Nola.

– Vâng. Họ còn yêu cầu tôi nhận diện nó. Đó chính là món quà tôi tặng nó vào dịp sinh nhật nó mười lăm tuổi. Một hôm khi hai bố con tôi đi cùng nhau, nó đã thấy chiếc túi này ở Montburry. Tôi vẫn còn nhớ cửa hàng đó ở trên phố chính. Ngày hôm sau, tôi đã quay trở lại để mua cho nó. Tôi còn đến hiệu làm yên ngựa nhờ khắc tên nó ở phía trong.

Tôi cố gắng đưa ra giả thuyết:

– Vậy, nếu đúng là túi của cô ấy, nghĩa là cô ấy mang nó theo. Mà nếu cô ấy mang nó theo, thì có nghĩa là cô ấy định đi đâu đó, đúng không ạ? Ông Kellergan, tôi nghĩ thật khó tin, nhưng ông có nghĩ có thể Nola muốn bỏ nhà đi không?

– Tôi không biết nữa, anh Goldman ạ. Cảnh sát cũng hỏi tôi như vậy cách đây 30 năm, rồi mới hỏi lại lần nữa cách đây mấy ngày. Nhưng ở đây chẳng thiếu cái gì. Quần áo, tiền bạc, chẳng thiếu thứ gì. Nhìn này, túi tiền tiết kiệm của nó còn ở đó, trên

giá sách, vẫn còn đây. (Ông cầm hộp bánh quy trên ngăn cao nhất lên). Nhìn này, có tận 120 đô la! 120 đô la. Tại sao con bé để lại đây nếu nó định bỏ nhà? Cảnh sát nói trong túi của nó có quyển sách đáng nguyên rủa đó.

– Có thật không vậy?

– Đúng vậy.

Những câu hỏi tiếp tục nhảy múa trong đầu tôi: tại sao Nola lại bỏ nhà đi mà không mang theo quần áo, cũng không mang theo tiền bạc? Tại sao cô ấy lại chỉ mang có mỗi bản thảo cuốn sách?

Trong nhà xe, chiếc đĩa hát quay đến bài cuối cùng. Người cha vội vã quay trở lại đặt nó về từ đâu. Tôi không muốn làm phiền ông quá lâu; tôi chào ông đi về, khi đi ra tôi còn chụp ảnh chiếc Harley-Davidson.

Về tới Goose Cove, tôi đi ra bãi biển đẫm bốc. Tôi vô cùng kinh ngạc khi thấy trung sĩ Gahalowood từ trong ngôi nhà tiến ra phía tôi. Vì đang đeo tai nghe cho nên tôi chỉ nhận ra khi anh ta đập tay lên vai tôi.

– Anh khỏe thật đấy, trung sĩ vừa nói vừa ngắm cơ thể tôi trần trùng trục, rồi anh ta chùi bàn tay đã dính mồ hôi của tôi lên quần mình.

– Tôi chỉ cố gắng duy trì bản thân mình thôi.

Tôi rút tai nghe khỏi túi, tắt máy.

– Đầu đọc mini à? Anh ta nói giọng khó chịu. Anh có biết Apple đã làm một cuộc cách mạng cho cả thế giới, từ bây giờ có thể lưu trữ âm nhạc gần như vô giới hạn trên một ổ đĩa cứng di động mà người ta gọi là iPod không?

– Tôi không nghe nhạc, thưa trung sĩ.

– Thế anh nghe cái gì khi tập thể thao vậy?

– Không có gì quan trọng. Mà thôi, anh nói cho tôi biết lí do tại sao tôi lại có vinh hạnh được anh tới thăm còn hơn. Lại còn vào ngày Chủ nhật nữa chứ!

– Tôi nhận được một cú điện thoại của Cảnh sát trưởng Dawn: ông ta kể cho tôi nghe vụ hỏa hoạn xảy ra tối thứ Sáu vừa rồi. Ông ấy tỏ ra lo lắng, mà tôi cũng phải thừa nhận điều đó là đúng: tôi không muốn vụ việc lại xoay chiều như thế.

– Có phải ý anh muốn nói ông ấy đang lo lắng cho an toàn của tôi không?

– Không hề. Chỉ đơn giản tôi muốn ngăn cản mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn. Chúng ta đều biết các vụ tội phạm liên quan đến trẻ con lúc nào cũng tạo ra vô khối bất ổn trong lòng dân. Tôi đảm bảo với anh rằng mỗi khi trên vô tuyến nhắc đến vụ bé gái bị chết, thì chắc chắn hàng loạt người cha của các gia đình trí thức sẽ nói rằng họ sẵn sàng cắt ngay hai hòn đá của Quebert.

– Nhưng ở đây, chính tôi là người bị tấn công cơ mà.

– Chính vì thế mà tôi đến đây. Tại sao anh không nói với tôi là anh đã nhận được tin nhắn nặc danh?

– Bởi vì chính anh đã tống cổ tôi ra khỏi phòng làm việc của anh.

– Điều này không sai.

– Tôi mời anh uống cốc bia nhé, trung sĩ?

Gahalowood hơi do dự rồi chấp thuận. Chúng tôi đi ngược về nhà. Tôi lấy ra hai chai bia, rồi ngồi trên thềm nhà cùng uống. Tôi kể lại tối hôm qua khi trở về từ bãi biển Grand, tôi gặp hỏa hoạn như thế nào.

– Không thể nào tả được, tôi nói. Hấn đeo mặt nạ. Chỉ là cái bóng đen. Rồi lại lần nữa vẫn tin nhắn đó: *Hãy trở về nhà, Goldman*. Đó là lần thứ ba.

– Cảnh sát trưởng Dawn cũng kể cho tôi rồi. Có ai biết anh cũng tiến hành điều tra?

– Ai cũng biết. Ý tôi muốn nói là suốt ngày tôi cứ đi tra hỏi tất cả những người tôi gặp. Hẳn có thể là bất kì ai. Anh nghĩ thế nào? Có ai đó không muốn tôi đào sâu hơn vào chuyện này à?

– Có ai đó không muốn anh khám phá ra sự thật về Nola. Thế cuộc điều tra của anh tiến triển đến đâu rồi?

– Cuộc điều tra của tôi á? Từ bây giờ anh cũng quan tâm tới điều tra của tôi à?

– Có thể. Cứ nói là, kể từ khi người ta dùng biện pháp đe dọa muốn làm cho anh im miệng, thì dân chúng càng ngày càng tin anh hơn.

– Tôi đã nói chuyện với cha Kellergan. Một người đàn ông dũng cảm. Ông ta đã cho tôi xem phòng của Nola.

– Tôi nghĩ chắc anh cũng đã xem rồi ...

– Đúng vậy.

– Vậy nếu đó là vụ bỏ nhà đi, thì anh có thể giải thích thế nào về việc cô ta không mang theo thứ gì? Không quần áo, không tiền bạc, chẳng mang theo gì hết.

– Tại vì đây không phải là vụ bỏ nhà, Gahalowood trả lời.

– Thế thì, nếu đó là một vụ bắt cóc, tại sao lại không có dấu vết của sự kháng cự? Tại sao cô ấy lại mang theo cái túi đựng bản thảo?

– Chỉ cần cô gái quen biết tên giết người là có thể lí giải việc không có kháng cự. Có thể họ có quan hệ với nhau. Hẳn ta xuất hiện dưới cửa sổ, như thỉnh thoảng hẳn vẫn làm vậy. Có thể hẳn vẫn hay làm thế, hẳn thuyết phục cô bé đi theo hẳn. Có thể chỉ ra ngoài đi dạo mấy bước..

– Có phải ông đang ám chỉ Harry không? ,...

– Đúng.

– Thế nghĩa là sao? Cô gái cầm theo bản thảo rồi nhảy qua cửa sổ ra ngoài à?

– Ai bảo anh là cô ấy cầm bản thảo theo? Ai nói với anh là cô ấy đã từng có trong tay tập bản thảo ấy? Đó là cách giải thích của Quebert, đó là cách nói của ông ta để giải thích tại sao có tập bản thảo cạnh xác chết của Nola.

Tôi do dự trong vòng một giây định kể ra điều tôi biết liên quan đến Harry và Nola, rằng họ hẹn gặp nhau ở nhà nghỉ Sea Side rồi bỏ trốn. Nhưng vào lúc này, tôi vẫn chưa muốn nói ra để không làm hại Harry. Tôi chỉ hỏi Gahalowood:

– Vậy thì giả thuyết của ông là gì?

– Quebert giết chết Nola và chôn xác cùng với tập bản thảo. Có thể là vì hồi hận. Đó là cuốn sách viết về chuyện tình của họ, và mối tình ấy đã giết chết Nola.

– Điều gì khiến anh nói như vậy?

– Có một dòng chữ viết tay trên bản thảo.

– Dòng chữ viết tay? Dòng chữ viết tay thế nào?

– Tôi không thể nói cho anh biết được. Đây là tin mật.

– Trời đất, thôi đi, đừng bày trò nữa trung sĩ! Hoặc là anh đã nói quá nhiều với tôi hoặc là anh nói vẫn không đủ: anh không thể lợi dụng núp đằng sau cái bí mật của cuộc điều tra để tránh phiền toái.

Trung sĩ thở dài, nhân nhượng.

– Viết rằng: Vĩnh biệt, Nola yêu quý.

Tôi lặng im không thốt ra được nửa lời. Nola yêu quý. Không phải đó chính là những chữ mà Nola đòi Harry phải nói khi họ

ở Rockland đó sao? Tôi cố gắng lấy lại bình tĩnh.

– Thế các anh định làm gì với dòng chữ này? Tôi hỏi.

– Chúng tôi sẽ cho chuyên gia phân tích nét chữ. Hi vọng có thể rút ra được gì thêm.

Tôi hoàn toàn mất phương hướng trước phát giác này. Nola yêu quý. Đó chính xác là những chữ mà chính Harry đã nói, những chữ mà tôi đã ghi âm.

Suốt cả buổi tôi tôi đắm chìm trong suy nghĩ, chẳng biết còn có thể làm gì. Đúng lúc chuông điểm 21 giờ, tôi nhận được cuộc điện thoại của mẹ tôi. Hiển nhiên là tivi đã đưa tin về vụ hỏa hoạn. Mẹ tôi nói:

– Nhân danh Chúa, Markie, con định chết vì tên tội phạm quỷ quyệt này sao?

– Bình tĩnh đi mẹ, bình tĩnh nào.

– Ở đây người ta chỉ nói đến con thôi, mà không phải bằng những thuật ngữ hay ho gì cho cam. Không biết con có hiểu ý mẹ không. Ở khu nhà mình, người ta bắt đầu xì xào... Họ thắc mắc tại sao con lại ngoan cố ở bên Harry.

– Không có Harry, con không bao giờ trở thành nhà văn lớn Goldman, mẹ ạ.

– Con có lí: không có gã này, con đã trở thành nhà văn rất rất lớn. Kể từ khi bắt đầu kết giao với ông ta ở trường đại học, con đã thay đổi. Con là Siêu Nhân, Markie ạ.

– Mẹ... Chả bao giờ có Siêu Nhân cả.

– Không bao giờ có Siêu Nhân ư? Không bao giờ có Siêu Nhân á? (Bà gọi bố tôi). Nelson, anh đến đây! Markie bảo con nó chưa bao giờ là Siêu Nhân này. (Tôi nghe thấy bố tôi lẩm bẫm gì đó nghe không rõ ở phía sau). Đây, con nghe thấy chưa, bố con cũng bảo, lúc ở trường trung học, con đã từng là Siêu Nhân.

Hôm qua, mẹ gặp thầy hiệu trưởng cũ của con hỏi cấp ba. Ông ấy nói với mẹ, ông ấy vẫn giữ kỉ niệm tuyệt vời về con... Mẹ thấy ông ấy suýt bật khóc, vì ông ấy vô cùng cảm động. Thế còn con thì sao? Tại sao con lại chạy theo ông thầy giáo già thay vì chạy đi tìm vợ? 30 tuổi rồi mà con vẫn chưa cưới vợ! Con muốn cho bố mẹ chết mà không được nhìn thấy con cưới vợ hả?

– Mẹ mới có 52 tuổi thôi, mẹ ơi. Chúng ta vẫn còn nhiều thời gian mà.

– Đừng có triết lí linh tinh nữa! Lại là những thứ học được từ ông thầy Quebert kinh khủng đấy hả. Tại sao không lo tìm về đây cho bố mẹ một phụ nữ trẻ đẹp hả?

– Gần đây con chả gặp được ai cả, mẹ à... Rồi lại còn cả cuốn sách, các buổi thuyết trình, rồi lại lo cuốn sách tới.

– Lại lí do lí trầu rồi! Thế cuốn sách tới của con thế nào? Con sẽ viết về cái gì đây? Về truyện tình dục đồi trụy hả? Mẹ không còn nhận ra con nữa đấy... Markie yêu của mẹ, mẹ phải hỏi con cái này: con phải lòng Harry à? Con có quan hệ đồng tính với ông ta à?

– Không, tuyệt đối không!

Tôi nghe mẹ tôi nói với bố tôi: “Nó nói là không. Thế có nghĩa là có”. Rồi mẹ tôi đổi giọng thì thầm hỏi tôi:

– Con có bị bệnh không con? Mẹ của con vẫn yêu con ngay cả khi con mắc bệnh.

– Cái gì cơ ạ? Bệnh gì cơ ạ?

– Bệnh đàn ông dị ứng phụ nữ.

– Mẹ hỏi là con có bị đồng tính không đấy à? Không. Mà ngay cả khi điều này là sự thật, thì cũng không có gì xấu cả. Nhưng mà con yêu giới nữ, mẹ ạ.

– Giới nữ? Thế nghĩa là sao? Giới nữ? Con phải biết hài lòng

với việc chỉ yêu một người phụ nữ duy nhất thôi rồi kết hôn với người đó. Có phải con luôn bị tình dục ám ảnh không hả Markie? Con có muốn hẹn gặp bác sĩ tâm lí để chữa bệnh không?

Rốt cuộc tôi đập máy, vô cùng thất vọng. Tôi cảm thấy cực kỳ cô độc. Tôi vào phòng làm việc của Harry và ngồi đó, bật máy ghi âm lên nghe lại giọng của thầy. Tôi cần có một yếu tố mới, một bằng chứng cụ thể để đổi hướng cuộc điều tra, một cái gì đó có thể soi sáng đôi chút bằng xếp hình đang làm tôi mù mịt cả đầu óc. Bảng xếp hình mà tôi đang gắng giải quyết cho đến tận bây giờ, chỉ nhờ mỗi vào Harry, tập bản thảo viết tay và bộ hài cốt của một đứa bé gái. Càng nghĩ, tôi càng rơi vào trạng thái kì lạ đã từ lâu rồi tôi không biết đến: tôi muốn viết. Viết những điều tôi đang sống, đang trải qua và cảm nhận. Các ý tưởng mau chóng đến trong đầu tôi. Hơn cả một mong muốn, tôi cảm nhận rõ một nhu cầu được viết. Tình trạng này không xảy đến với tôi đã năm rưỡi nay. Như mòm núi lửa bỗng bất ngờ thức dậy và sẵn sàng nổ tung. Tôi vội vàng lấy máy tính xách tay; sau giây lát do dự không biết phải bắt đầu câu chuyện thế nào, tôi bắt đầu gõ những dòng đầu tiên và sau này nó dần dần trở thành cuốn sách tiếp theo của tôi:

Mùa xuân năm 2008, tức là gần một năm sau khi tôi trở thành ngôi sao mới nổi của nền văn học nước Mỹ, đã xảy ra một sự kiện mà tôi quyết chôn chặt trong trí nhớ: tôi phát hiện ra thầy giáo đại học của tôi, Harry Quebert, 67 tuổi, một trong những nhà văn được tôn trọng nhất đất nước, trước đây khi ở độ tuổi 34, từng có quan hệ với một bé gái 15 tuổi. Câu chuyện này kéo dài suốt mùa hè năm 1975.

* * *

Thứ Ba ngày 24 tháng Sáu năm 2008, bồi thẩm đoàn nhân dân đã khẳng định cơ sở đúng đắn của những lời buộc tội do văn phòng công tố đưa ra và chính thức kết tội Harry bắt cóc đồng thời một lúc giết chết hai mạng người. Khi Roth cho tôi biết quyết định của bồi thẩm đoàn, tôi nổi cơn thịnh nộ trên điện thoại: “Có vẻ như rõ ràng anh học luật, vậy thử giải thích cho tôi xem dựa trên cơ sở nào mà họ kết luận ngu như lừa thế?” Câu trả lời thật đơn giản: dựa vào hồ sơ của cảnh sát. Vì chúng tôi ở phía bị cáo, nên khi có lời cáo buộc Harry thì chúng tôi được phép tra cứu hồ sơ. Cả buổi sáng tôi cùng với Roth nghiên cứu các tài liệu bày la liệt trên bàn, càng xem thì anh ta càng nhân nhó kêu ca không ngớt: “Ôi giờ ơi, không hay rồi, không hay tí nào”. Tôi vặc lại: “Không hay chẳng có nghĩa gì cả: chính anh là người phải chứng minh là có hay, phải vậy không?”. Anh ta trả lời tôi bằng những cái nhăn mặt bối rối làm cho niềm tin vào tài năng luật sư của anh ta trong tôi giảm dần.

Tập hồ sơ bao gồm những bức ảnh, những bằng chứng, các báo cáo, thẩm tra, tóm tắt các buổi hỏi cung. Một phần của đồng tài liệu này được gom từ năm 1975: các bức ảnh chụp ngôi nhà của Deborah Cooper, thi thể của bà nằm dài trên nền phòng bếp, ngập trong vũng máu, cuối cùng là nơi có nhiều vết máu được tìm thấy trong rừng, những lọn tóc, những mảnh vải. Sau đó, chúng tôi làm một cuộc hành trình vượt thời gian 33 năm sau đó để đến Goose Cove, nơi có thể thấy nằm sâu dưới cái hố do cảnh sát đào là một bộ hài cốt trong tư thế nằm của thai nhi. Đôi chỗ, thịt còn bám lại trên xương, vài sợi tóc còn bám ở phần phía trên cao của hộp sọ; bộ hài cốt mặc chiếc váy đã bị phân hủy một nửa, bên cạnh là chiếc túi da trứ danh. Tôi thấy buồn nôn.

– Đây là Nola à? Tôi hỏi.

– Đúng cô ấy đấy. Chính trong túi này có tập bản thảo của Quebert. Chỉ có mỗi tập bản thảo thôi, không còn gì khác. Khám sát viên nói nếu một bé gái bỏ nhà đi thì không có chuyện không mang theo gì như vậy.

Báo cáo khám nghiệm tử thi cho thấy có miếng vỡ lớn trên đỉnh đầu. Nola đã bị đánh một cú chí mạng làm vỡ cả hộp sọ. Bác sĩ tư pháp cho rằng kẻ giết người sử dụng gậy nặng hoặc một vật gì đó tương tự như gậy đánh bóng chày hay dùi cui.

Sau đó, chúng tôi đọc tất cả lời khai của các nhân chứng xoay quanh vụ án, lời khai của người làm vườn, của Harry, đặc biệt nhất là bản khai có chữ kí tay của bà Tamara Quinn, khẳng định trước trung sĩ Gahalowood đã phát hiện và có bằng chứng vào thời kì Harry phải lòng Nola nhưng sau đó bằng chứng đó biến mất, do vậy không ai còn tin bà nữa.

– Bằng chứng của bà ta có đáng tin cậy không? Tôi lo lắng hỏi.

– Dưới con mắt của những người xử án thì có, Roth nói. Tôi chẳng có gì để có thể bào chữa cho lời buộc tội đó, ngay chính Harry cũng thừa nhận có quan hệ với Nola trong lúc bị hỏi cung.

– Vậy trong tập tài liệu này có chi tiết nào là không buộc tội ông ấy?

Về chuyện này, Roth cũng có ý tưởng riêng: anh ta tìm trong đồng tài liệu và giơ ra cho tôi xem một xấp giấy dày dính với nhau bằng băng dính.

– Đây là bản sao của bộ bản thảo trừ danh đó, anh ta nói với tôi.

Trang bọc bên ngoài trắng tinh, không có tựa đề: rõ ràng chỉ sau này Harry mới có ý tưởng về tựa đề. Nhưng ở giữa trang có

ba từ rõ ràng viết tay bằng mực màu xanh lơ:

Vĩnh biệt, Nola yêu quý.

Roth bắt đầu thuyết minh một tràng dài. Anh ta dự định sử dụng bản thảo này làm bằng chứng chính để chứng minh việc buộc tội Harry là sai lầm thô thiển của văn phòng công tố: người ta sẽ giám định nét chữ, ngay lập tức chuyện sẽ được làm rõ ràng-anh ta tin chắc Harry sẽ được minh oan toàn bộ bản kết tội sẽ sụp đổ như lâu đài xây bằng các quân bài.

– Đây là quân át chủ bài của tôi trong lập luận bảo vệ Harry, anh ta nói vẻ đắc thắng. Thêm chút may mắn, có thể chúng ta sẽ không cần phải ra tòa.

– Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu như mấy chữ kia được giám định chính là của Harry, - tôi hỏi.

Roth nhìn tôi với vẻ mặt quá nực cười:

– Trò khỉ gì thế?

– Tôi phải thông báo cho anh vài thông tin nghiêm trọng: Harry kể với tôi rằng ông ấy đã đi chơi cả ngày ở Rockland với Nola, cô ấy đã yêu cầu Harry gọi mình là Nola yêu quý.

Roth tái mặt, nói với tôi: “anh phải hiểu là, bằng cách này hay cách khác mà ông ta chính là tác giả của những lời nói đó”, thậm chí còn chưa nói hết câu, anh ta đã gói ghém hết tất cả tài liệu, kéo ngay tôi đến nhà tù bang. Roth không còn có thể tự kiểm chế.

Ngay khi vừa mới vào phòng dành cho người nhà thăm tù nhân, Roth liền giơ tập bản thảo ra ngay trước mặt Harry, hét lên:

– Nola yêu cầu ông phải gọi cô ta là Nola yêu quý à?

– Đúng vậy, Harry cúi đầu trả lời.

– Thế ông có nhìn thấy cái gì viết ở đây không? Ngay trang đầu tiên của tập bản thảo chết tiệt này! Ông định khi nào thì mới nói cho tôi biết chuyện, rõ thật là cả đống cứt thôi.

– Tôi cam đoan với anh đó không phải của tôi. Tôi không giết cô ấy! Tôi không giết Nola! Nhân danh Chúa, anh biết rõ điều đó phải không nào? Anh biết rõ tôi không phải là kẻ giết trẻ con!

Roth bình tĩnh trở lại và ngồi xuống.

– Chúng tôi biết rõ điều đó, Harry a, anh ta nói. Nhưng tất cả sự trùng hợp này thật là khó giải thích. Bỏ nhà ra đi cái từ này... Còn tôi thì phải bảo vệ cái dít của ông trước hội đồng toàn các công dân gương mẫu chỉ muốn xử trảm ông ngay lập tức, trước cả khi mở phiên tòa.

Vẻ mặt Harry nom thật kinh khủng. Ông đứng lên, quay tròn trong căn phòng nhỏ xíu bằng bê tông.

– Cả đất nước này đứng lên chống lại tôi. Rồi sắp tới, cả đất nước này đòi giết tôi, nếu bây giờ còn chưa giết ngay được mọi người sử dụng các ngôn từ mà bản thân họ thậm chí còn không hiểu hết nghĩa khi nói về tôi: trụy lạc, đồi trụy, lạm dụng tình dục trẻ con, vô đạo đức. Họ làm dơ bản tên tôi, đốt sách của tôi. Nhưng anh phải biết và tôi cũng nhắc lại với anh lần cuối cùng: tôi không phải loài quỷ dữ. Nola là người phụ nữ duy nhất tôi yêu. Bất hạnh cho tôi khi nàng mới có mười lăm tuổi. Tình yêu, mẹ kiếp, không thể ra lệnh được!

– Nhưng người ta đang nói về cô gái mười lăm tuổi! Roth tức tối.

Harry ngơ ngác, ông quay lại phía tôi.

– Anh cũng nghĩ thế à Marcus?

– Harry, điều khiến em bối rối là thầy không bao giờ nói cho

em biết toàn bộ chuyện này... Chúng ta là bạn của nhau từ 10 năm nay, thầy không bao giờ nhắc đến cái tên Nola. Thế mà em cứ đinh ninh chúng ta là người thân...

– Nhưng nhân danh Chúa, tôi phải nói cho anh nghe cái gì mới được chứ? “À, Marcus yêu quý, thật ra, tôi chưa nói cho anh biết rằng vào tháng Năm năm 1975, khi đến Aurora, tôi đã yêu một đứa trẻ mười lăm tuổi, một đứa trẻ làm thay đổi cả cuộc đời tôi nhưng sau ba tháng, cô ấy mất tích vào một buổi tối cuối mùa hè. Tôi vẫn còn rất đau về chuyện này...”?

Ông giơ chân đá vào chiếc ghế nhựa, rồi cầm nó và lẳng mạnh vào tường.

– Ông Harry, Roth nói. Nếu ông không phải là người viết mấy chữ đó, ông nói thế thì tôi cũng tin thế. Vậy ông có nghĩ ai là người viết mấy chữ đó không?

– Không.

– Ai là người biết chuyện giữa ông và Nola? Tamara Quinn khẳng định bà ấy đã nghi ngờ chuyện này từ lâu.

– Tôi không biết! Có thể Nola đã kể chuyện chúng tôi với bạn gái của cô ấy...

– Nhưng ông có nghi ngờ ai là người có khả năng nhất biết được chuyện này không? - Roth nói tiếp.

Một phút yên lặng. Nhìn Harry buồn bã và đau khổ làm tim tôi đau đớn.

– Nào, Roth nài nỉ để Harry phải nói thêm, tôi cảm thấy ông chưa nói cho tôi hết mọi chuyện. Làm sao ông muốn tôi có thể bảo vệ được ông nếu ông che giấu một số thông tin.

– Có... có những bức thư nặc danh.

– Những bức thư nặc danh nào?

– Ngay sau khi Nola mất tích, tôi bắt đầu nhận được thư nặc danh. Tôi thường thấy chúng được kẹp ở cửa ra vào mỗi khi đi vắng về. Hồi đó, chúng làm tôi kinh hoàng vô cùng. Điều đó có nghĩa là ai đó đang rình mò tôi, theo dõi tôi mỗi khi tôi đi vắng. Có lúc, tôi hoảng sợ vô cùng, đến nỗi mỗi khi tôi nhận được thư nặc danh là ngay lập tức tôi gọi cảnh sát. Tôi báo với họ rằng hình như có kẻ rình trộm, rồi đội 2 cảnh sát đến khiến tôi yên tâm trở lại. Tất nhiên là tôi không thể nói ra lí do thực sự vì sao tôi sợ.

– Nhưng ai có thể là người gửi cho ông những bức thư nặc danh đó? Roth hỏi. Ai biết chuyện giữa ông và Nola?

– Tôi hoàn toàn không biết phải nghi ngờ ai. Dù sao thì chuyện đó chỉ kéo dài 6 tháng rồi chấm dứt.

– Ông có còn giữ những bức thư đó không?

– Có. Ở nhà tôi. Kẹp giữa các trang của quyển bách khoa toàn thư trong phòng làm việc. Tôi nghĩ cảnh sát còn chưa tìm thấy chúng vì không thấy ai nói về chuyện này.

Khi về Goose Cove, tôi lập tức lấy ngay cuốn bách khoa toàn thư mà Harry nhắc tới. Giữa các trang sách, tôi thấy có phong bì bằng giấy cứng, bên trong chứa khoảng chục mẫu giấy nhỏ. Đó là những mẫu tin nhắn trên giấy đã ngả vàng. Các tin nhắn đều như nhau và được đánh máy:

Tôi biết chuyện anh làm với đứa con gái 15 tuổi. Cả thành phố sẽ sớm biết chuyện này.

Nghĩa là có người nào đó biết chuyện giữa Harry và Nola. Có ai đó đã giữ im lặng trong suốt 33 năm nay.

* * *

Trong suốt hai ngày tiếp theo, tôi cố gắng đi hỏi tất cả những người có quen biết trực tiếp và gián tiếp với Nola. Erne Pinkas, một lần nữa, đã cho tôi sự giúp đỡ quý giá trong việc này: khi tìm thấy trong kho thông tin lưu trữ của thư viện cuốn kỷ yếu của trường trung học Aurora năm 1975, với cuốn sổ danh bạ và internet, tôi dựng lên được danh sách các thông tin liên lạc hiện tại của phần lớn những người bạn học cùng lớp với Nola hiện đang còn sinh sống trong vùng. Không may là hướng nghiên cứu này không mang lại kết quả khả quan: hiện nay, tất cả những người này đã ở vào tầm tuổi năm mươi, nhưng chỉ có thể kể lại cho tôi nghe toàn những kỷ niệm trẻ con, không có ích gì giúp cho cuộc điều tra có thể tiến triển thêm. Đến tận khi tôi phát hiện ra trong danh sách một cái tên mà không phải là tôi không biết: Nancy Hattaway. Chính là tên của người bạn mà Harry đã nói với tôi rằng Nola dùng làm bằng chứng ngoại phạm cho vụ đi chơi bí mật của họ ở Rockland.

Theo thông tin ông Pinkas cung cấp, Nancy Hattaway hiện làm chủ một cửa hàng may vá và ghép vải tạo hình, nằm trong khu tổ hợp công nghiệp phía ngoại ô, trên đường 1 theo hướng đi Massachusetts. Lần đầu tiên tôi đến đó là thứ Năm ngày 26 tháng Sáu năm 2008. Cửa hàng rất đẹp, phía trước sơn màu sặc sỡ, nằm giữa cửa hàng bán đồ ăn vặt và hàng tạp hóa. Người duy nhất tôi thấy trong cửa hàng là một phụ nữ khoảng năm mươi, tóc ngắn muối tiêu. Bà đeo kính lão, ngồi bên bàn làm việc, chào hỏi tôi rất lịch sự. Sau đó, tôi mới hỏi:

- Có phải cô là Nancy Hattaway?
- Chính là tôi đây, cô ấy vừa trả lời vừa đứng dậy. - Chúng ta có quen biết nhau không nhỉ? Tôi trông anh quen quen.
- Tôi tên là Marcus Goldman. Tôi là...

– Nhà văn, cô Nancy cắt lời tôi. Bây giờ thì tôi nhớ rồi. Có tin đồn anh hỏi rất nhiều về Nola. Cô ấy tỏ ý cảnh giác, nói thêm ngay vẻ rào trước đón sau. Tôi nghĩ anh đến đây không phải để ghép vãi.

– Chính xác. Tin đồn tôi hỏi nhiều về cái chết của Nola Kellergan cũng đúng luôn!

– Thế có liên quan gì tới tôi?

– Nếu cô đúng là người tôi nghĩ, thì cô quen biết rất rõ với Nola. Khi các cô mười lăm tuổi.

– Ai nói với anh như vậy?

– Harry Quebert.

Cô Nancy đứng dậy khỏi ghế, đi xăm xăm ra cửa. Tôi nghĩ cô ấy chuẩn bị đuổi tôi ra ngoài, thế nhưng cô lại treo biển “Đóng cửa” lên rồi đẩy then chốt cửa lại. Sau đó, cô ấy quay về phía tôi và hỏi:

– Anh Goldman, anh muốn uống cà phê thế nào?

Chúng tôi ngồi nói chuyện hơn một tiếng đồng hồ phía sau cửa hàng. Đó đúng là Nancy mà Harry đã kể cho tôi nghe, là bạn gái thân của Nola vào thời kì đó. Cô chưa lập gia đình lần nào nên vẫn giữ nguyên tên họ thời con gái.

– Cô chưa bao giờ đi xa khỏi Aurora à? Tôi hỏi.

– Chưa bao giờ. Tôi quá gắn bó với thành phố này. Làm thế nào mà anh tìm ra tôi?

– Chủ yếu nhờ vào internet. Internet tạo ra nhiều điều kì diệu.

Cô tỏ ý đồng tình.

– Thế nào, cô hỏi, cụ thể anh muốn biết điều gì, hả anh Goldman?

– Cứ gọi tôi là Marcus. Tôi cần tìm người kể cho tôi nghe về Nola.

Cô mỉm cười.

– Nola và tôi học chung một lớp hồi cấp ba. Ngay từ khi cô ấy tới Aurora, chúng tôi đã chơi thân với nhau. Chúng tôi còn ở gần nhà nhau, trên Terrace Avenue, cô ấy rất hay tới nhà tôi chơi. Nola bảo cô ấy thích đến nhà tôi vì tôi có một gia đình bình thường.

– Bình thường? Nghĩa là thế nào?

– Tôi nghĩ anh đã gặp cha Kellergan...

– Vâng.

– Cha Kellergan là người đàn ông hà khắc. Khó mà tưởng tượng ông ta lại có đứa con gái như Nola: thông minh, dịu dàng, tốt bụng, luôn cười tươi tắn.

– Điều cô nói với tôi liên quan tới mục sư Kellergan thật là kì lạ, cô Hattaway ạ. Cách đây vài tuần, tôi có gặp ông ấy, tôi có cảm giác ông ấy là người khá dịu dàng.

– Ông ấy có thể tạo ra ấn tượng ấy, ít nhất là trước mặt công chúng. Ông ấy từng được mời tới để cứu vãn cho tòa thánh St James đang dần trở nên hoang phế. Trước đó, có lẽ ông ấy cũng từng làm nên những điều kì diệu ở Alabama. Quả thực, sau khi ông ấy tiếp quản công việc, tòa thánh St James nhanh chóng chật ních con chiên vào mỗi sáng Chủ nhật. Nhưng ngoài chuyện đó ra, thì rất khó mà biết có những chuyện gì thực sự xảy ra trong nhà gia đình Kellergan...

– Cô nói vậy nghĩa là sao?

– Nola bị đánh đập tàn nhẫn.

– Cái gì?

Theo tính toán của tôi, thời kì liên quan đến câu chuyện Nancy Hattaway kể lại diễn ra từ thứ Hai ngày 7 tháng Bảy năm 1975, có nghĩa là đúng vào thời kì mà Harry cố gắng xa lánh Nola.

* * *

Thứ Hai ngày 7 tháng Bảy năm 1975.

Đó đang là kì nghỉ hè. Thời tiết tuyệt đẹp. Nancy tới nhà rử Nola ra biển. Khi họ đang đi bộ trên Terrace Avenue, bất chợt Nola hỏi:

– Nancy, thử nói thật đi, cậu có nghĩ mình là đứa con gái độc ác không?

– Đứa con gái độc ác á? Không, khiếp quá! Tại sao cậu lại hỏi thế?

– Tại vì ở nhà, bố mẹ bảo mình là đứa con gái độc ác.

– Gì cơ? Sao bố mẹ cậu lại bảo thế?

– Thôi, không có gì quan trọng đâu. Chúng mình đi bơi ở đâu bây giờ?

– Ở bãi biển Grand nhé. Cậu trả lời tớ đi, Nola: Tại sao bố mẹ cậu lại nói như vậy?

– Vì có thể đó là sự thực, Nola trả lời. Có thể là vì chuyện xảy ra khi nhà mình còn ở Alabama.

– Ở Alabama á? Chuyện gì đã xảy ra ở đó?

—Thôi, không quan trọng đâu.

– Trông cậu có vẻ buồn, Nola ạ.

– Mình buồn mà.

– Buồn á? Đang nghỉ hè mà! Sao cậu lại buồn được khi bây giờ đang được nghỉ hè chứ?

– Chuyện phức tạp lắm, Nancy ạ.

– Cậu có chuyện gì phải lo lắng à? Nếu có chuyện gì lo lắng, thì kể ra với tớ đi!

– Mình yêu một người mà người đó lại không yêu mình.

– Ai thế?

– Mình không muốn nói.

– Có phải là Cody, thằng lớp 11 cứ đùa đùa cợt cợt với cậu không? Chắc cậu thích nó à! Yêu một thằng lớp 11 thì được cái gì? Mà thằng đấy là thằng đều, đúng không? Cực đều là đẳng khác! Cậu biết đấy, chẳng qua nó lọt được vào đội bóng rổ nên có vẻ là thắng tử tế! Thế có phải thứ Bảy vừa rồi cậu đi chơi với nó à?

– Không.

– Thế thì là ai? Thôi nào, nói cho tớ đi. Bọn cậu ngủ với nhau rồi à? Cậu ngủ với đàn ông bao giờ chưa?

– Không! Cậu làm sao thế! Mình giữ cho người đàn ông của cả đời mình chứ!

– Thế cậu đi với ai hôm thứ Bảy vừa rồi?

– Với một người lớn tuổi hơn nhiều. Nhưng thôi, chuyện không quan trọng đâu. Dù sao chẳng nữa, anh ấy sẽ chẳng bao giờ yêu mình. Sẽ chẳng bao giờ có ai yêu mình cả.

Cả hai đi tới bãi biển Grand. Bãi biển tuy không phải rất đẹp nhưng được cái vắng người. Từng đợt thủy triều lớn trào lên, bầy đến tám mét mỗi lần; sau khi rút đi còn để lại những bể bơi tự nhiên giữa những mỏm núi đá nhọn đang bị mặt trời hun nóng. Cả hai cô gái đều thích bơi trong những bể nước đó ,

nhệt độ của nước ở đây ấm áp dễ chịu hơn nhiều so với nước biển phía ngoài. Vì bãi biển vắng bóng người, nên cả hai chẳng phải trốn vào đâu để thay quần áo bơi, do đó Nancy nhìn thấy trên ngực Nola có những vết bầm tím.

– Nola! Kinh quá! Cậu bị sao thế này?

Nola lấy tay che ngực.

– Cậu đừng nhìn.

– Nhưng tớ thấy rồi mà! Cậu có nhiều vết...

– Không sao đâu.

– Không thể không sao được! Cái gì thế?

– Hôm thứ Bảy, mẹ mình đánh mình.

– Cái gì? Cậu đừng có ăn nói linh tinh

– Thật mà! Chính mẹ mình bảo mình là đứa con gái độc ác.

– Ôi trời ơi, cậu huyền thuyên gì thế ?

– Đó là sự thật! Tại sao chẳng ai chịu tin mình!

Nancy không dám hỏi tiếp nữa, bèn đổi chủ đề. Sau khi bơi xong, cả hai về nhà Hattaway. Nancy lấy kem của mẹ cắt ở tủ thuốc trong phòng tắm bôi lên bộ ngực tím xanh của người bạn gái.

– Nola này, Nancy nói, chuyện về mẹ của cậu tớ nghĩ cậu phải nói với ai đó. Ở trường mình, có thể là bà Sanders, y tá.

– Cậu hãy quên chuyện đó đi Nancy nhé. Mình xin cậu đấy.

* * *

Nancy nước mắt lưng tròng khi nghĩ tới mùa hè cuối cùng bên Nola.

- Thế chuyện gì đã xảy ra ở Alabama vậy? Tôi hỏi.
- Tôi không biết gì hết. Tôi không bao giờ biết điều đó. Nola không bao giờ nói cho tôi biết.
- Chuyện có liên quan đến việc họ chuyển nhà không?
- Tôi không biết. Tôi cũng muốn giúp cậu lắm, nhưng tôi thực sự không biết.
- Thế còn nỗi buồn vì yêu mà không được đáp lại, cô có biết là ai không?
- Không, Nancy trả lời.

Tôi ngờ là chuyện liên quan tới Harry, tuy nhiên tôi vẫn cần biết chính Nancy có nghĩ vậy hay không.

- Nhưng nếu như tôi không nhầm thì vào thời kì các cô bàn bạc dùng nhau làm chứng cứ ngoại phạm để đi gặp gỡ bạn trai riêng thì cô cũng biết việc Nola có hẹn hò với người nào đó, - tôi nói.

Nancy mỉm cười.

- Tôi thấy cậu cũng nắm được nhiều thông tin rồi đó... Lần đầu tiên chúng tôi dùng cách đó là để đi chơi một ngày ở Concord. Đối với chúng tôi, Concord là cả chuyến du ngoạn lớn, ở đó, lúc nào cũng có biết bao nhiêu điều để làm. Chúng tôi có cảm giác được trở thành những người phụ nữ đích thực. Về sau, chúng tôi có tiếp diễn trò đó. Vào thời kì ấy, tôi làm thế để được một mình đi thuyền với bạn trai; còn đối với Nola Cậu biết đấy, hồi đó, tôi nghi Nola có gặp gỡ với một người đàn ông lớn tuổi hơn. Về chuyện đó, cô ấy chỉ nói rất ỡm ờ.

- Vậy là cô có biết, Nola và Harry Quebert...

Ngay lập tức Nancy đáp lại:

- Lạy Chúa tôi! Không hề!

– Không hề nghĩa là thế nào? Cô vừa nói Nola đi lại với một người đàn ông lớn tuổi hơn.

Cô im lặng ngượng ngùng. Vậy là tôi hiểu rằng Nancy biết một thông tin mà cô hoàn toàn không muốn chia sẻ.

– Người đàn ông ấy là ai? Tôi hỏi. Không phải là Harry Quebert à? Thưa cô Hattaway, tôi biết là cô không quen biết gì tôi, vậy mà tôi tới đây đường đột như vậy, rồi ép cô phải lục lại trí nhớ. Nếu có nhiều thời gian hơn một chút, thì tôi sẽ làm mọi chuyện tốt hơn. Nhưng thời gian rất gấp rút: Harry Quebert đang mòn mỏi trong tù, còn tôi tin chắc rằng ông ấy không giết Nola. Vậy thì nếu như cô nắm được thông tin gì có thể giúp đỡ tôi thì xin cô hãy nói cho tôi biết.

– Tôi hoàn toàn không biết gì về Harry, cô bộc bạch. Nola không bao giờ nói cho tôi biết. Tôi mới biết tin này qua truyền hình cách đây 10 ngày, như tất cả mọi người khác... Nhưng Nola có nói cho tôi biết về một người đàn ông. Vâng, tôi biết Nola có quan hệ với một người đàn ông lớn hơn cô ấy rất nhiều tuổi. Nhưng người đàn ông ấy không phải là Harry Quebert.

Tôi kinh hoàng đến mức không dám tin vào tai mình.

– Trời, vậy chuyện xảy ra vào khi nào?

– Tôi không còn nhớ toàn bộ chi tiết câu chuyện vì nó xảy ra cách đây đã quá lâu, nhưng tôi khẳng định với cậu rằng vào mùa hè năm 1975, mùa hè mà Harry Quebert tới đây, Nola có quan hệ với một người đàn ông khoảng chừng bốn mươi tuổi.

– Bốn mươi tuổi? Thế cô có còn nhớ tên của người đó không?

– Ôi, điều đó thì làm sao tôi có thể quên được. Người đàn ông đó là Elijah Stern, hẳn là người giàu có nhất bang New Hampshire.

– Elijah Stern?

– Chính vậy. Cô ấy kể là cô ấy phải cởi hết quần áo, phải vâng lời ông ta, và để cho ông ta hành động. Cô ấy phải tới nhà ông ấy ở Concord. Stern cho tay sai đi đón cô ấy, một tay khá là kì cục, tên là Luther Caleb. Người này đến đón cô ấy ở Aurora rồi dẫn tới nhà của Stern. Tôi biết chuyện này vì chính mắt tôi trông thấy.

Điều tra của cảnh sát

“Thầy Harry, làm thế nào biết chắc chắn có đủ sức viết sách hay không?”

– Một số người có đủ sức, một số người khác thì không. Anh thì có đủ sức đấy, Marcus ạ. Tôi biết là anh có đủ sức.

– Làm thế nào mà thầy lại chắc chắn được đến thế?

– Bởi vì nó tồn tại trong anh. Hơi giống như một căn bệnh. Bởi vì căn bệnh của các nhà văn, Marcus ạ, không phải là không thể viết được nữa: mà là không còn muốn viết nữa nhưng không có khả năng dừng lại.”

TRÍCH ĐOẠN VỤ ÁN HARRY QUEBERT

Thứ Sáu ngày 27 tháng Sáu năm 2008. 7 giờ 30. Tôi đang đợi trung sĩ Perry Gahalowood. Sự việc mới chỉ bắt đầu được khoảng chục ngày mà tôi tưởng chừng như đã diễn ra cả tháng nay. Tôi thấy thành phố Aurora nhỏ bé đang che giấu những bí ẩn đến nực cười; mọi người nói ra ít hơn nhiều so với những điều mà họ thực sự biết. Vấn đề là cần phải hiểu tại sao tất cả mọi người lại im lặng... Tối hôm qua, tôi lại nhận được mẩu tin nhắn lần nữa: *Hãy trở về nhà, Goldman*. Có ai đó đang đùa giỡn với hệ dây thần kinh của tôi.

Tôi tự hỏi không biết Gahalowood sẽ nói gì về phát hiện của tôi liên quan tới Elijah Stern. Tôi tìm thêm thông tin trên mạng về nhân vật này: ông ta là người thừa kế cuối cùng của cả một gia sản và đã quản lí rất xuất sắc. Ông ta sinh năm 1933 tại Concord và vẫn luôn sống ở đây. Hiện tại, ông ta 75 tuổi.

Tôi viết những dòng trên trong khi đợi Gahalowood trước cửa phòng làm việc của anh ta trong hành lang trụ sở cảnh sát bang Concord. Bất chợt giọng nói trầm sâu của trung sĩ lôi tôi ra khỏi dòng suy nghĩ.

– Anh nhà văn à? Anh đang làm gì ở đây thế?

– Tôi vừa phát hiện ra bất ngờ lớn, thừa trung sĩ. Tôi phải nói chuyện với anh.

Anh ta mở cửa phòng, đặt cốc nhựa uống cà phê trên bàn phụ, ném áo khoác lên ghế và kéo cửa chớp lên. Sau đó anh ta vừa làm tiếp việc riêng vừa nói với tôi:

– Anh biết đấy, anh có thể gọi điện thoại cho tôi. Đó là điều con người văn minh thường làm. Chúng ta sẽ thỏa thuận hẹn gặp, rồi anh sẽ đến đây vào thời điểm phù hợp cho cả hai chúng ta. Làm việc cho nó đúng mực.

Tôi nói luôn một mạch:

– Nola có người tình, một người tên là Elijah Stern. Harry nhận được thư nặc danh vào thời kì có quan hệ với Nola, vậy tức là có ai đó biết chuyện.

Anh ta nhìn tôi soi mới, vô cùng kinh ngạc:

– Anh làm thế quái nào mà biết được những việc như vậy?

– Tôi tự tiến hành điều tra riêng, tôi đã nói với anh rồi mà.

Anh ta lại nhăn mặt vẻ hậm hực:

– Anh chọc thối tôi rồi đó, nhà văn. Anh chỉ được cái quảng cứt vào cuộc điều tra của tôi.

– Anh có vẻ khó chịu nhỉ, trung sĩ.

– Đúng, tại vì mới có 7 giờ sáng mà anh đã quấy rối trong phòng làm việc của tôi.

Tôi hỏi anh ta có thể đưa cho tôi cái gì đó để viết không. Anh

ta có vẻ hơi nhân nhượng, dẫn tôi vào phòng nhỏ kế bên. Những bức ảnh chụp Side Creek và Aurora được ghim trên tấm bảng gỗ sồi. Anh ta chỉ cho tôi chiếc bảng trắng ngay bên cạnh và đưa cho tôi cây bút dạ.

– Nào, bắt đầu đi, tôi nghe anh.

Tôi viết lên bảng tên Nola, rồi vẽ những mũi tên nối liền tên các nhân vật liên quan trong vụ việc. Tên đầu tiên là Elijah Stern, rồi đến Nancy Hattaway.

– Thế giả dụ Nola Kellergan không phải là bé gái lí tưởng mà tất cả mọi người đã miêu tả thì sao? Tôi nói. Chúng ta đều biết cô gái có quan hệ Với Harry. Và bây giờ tôi còn biết thêm, cô ấy còn có mối quan hệ khác, trong cùng thời kì, với một người tên là Elijah Stern.

– Elijah Stern, doanh nhân nổi tiếng đó à?

– Chính ông ta.

– Ai kể cho anh chuyện phi lí đến thế ?

– Người bạn thân nhất của Nola hồi đó. Nancy Hattaway.

– Làm thế nào anh tìm ra cô ta?

– Dựa vào cuốn Biên niên của trường trung học Aurora năm 1975.

– Được lắm, vậy ý anh định nói gì với tôi, hả nhà văn?

– Rằng Nola là bé gái bất hạnh. Đầu mùa hè năm 1975, câu chuyện của cô ấy với Harry vô cùng phức tạp: cô ấy bị Harry hắt hủi nên rất trầm uất. Còn về người mẹ, bà ấy đánh Nola như bịch bông. Trung sĩ à, càng nghĩ, tôi càng tin chắc việc cô ấy mất tích là kết quả của các sự kiện li kì xảy ra vào mùa hè năm đó, trái ngược với những điều mà mọi người vẫn tin.

– Tiếp tục đi.

– Vâng. Tôi tin là tất cả mọi người đều biết chuyện giữa Harry và Nola. Có thể kể cả cô Nancy Hattaway nhưng tôi cũng không chắc: cô ấy bảo không biết gì hết, và có vẻ rất chân thành. Dù sao thì có ai đó đã viết thư nặc danh gửi cho Harry...

– Liên quan tới Nola à?

– Đúng vậy, nhìn này. Cái này được tìm thấy tại nhà Harry, vừa nói tôi vừa chìa cho anh ta xem bức thư nặc danh mà tôi cầm theo.

– Anh tìm thấy tại nhà của ông ấy ư? Thế mà chúng tôi đã lục soát rất kĩ càng.

– Không thành vấn đề. Nhưng điều đó chứng tỏ có ai đó từ bấy lâu biết rõ chuyện này.

Anh ta đọc to dòng chữ viết trên tờ giấy:

– Tôi biết ông đã làm gì với bé gái mười lăm tuổi. Rồi cả thành phố sẽ sớm biết chuyện này. Harry Quebert nhận được những bức thư này lúc nào?

Ngay sau khi Nola mất tích.

– Ông ta có nghi ai là tác giả của các bức thư đó không?

– Tiếc là không.

Tôi quay sang tấm bảng gỗ sồi có ghim ảnh và các mẫu giấy ghi chú.

– Đây là điều tra của anh à, thưa trung sĩ?

– Đúng rồi. Nếu anh muốn, cứ bắt đầu lại từ đầu. Nola Kellergan biến mất vào tối ngày 30 tháng Tám năm 1975. Báo cáo của cảnh sát Aurora vào thời kì đó chỉ ra rằng không thể xác minh được cô gái bị bắt cóc hay bỏ nhà đi rồi gặp nạn: không có dấu vết gì của sự kháng cự, cũng không có nhân chứng. Tuy nhiên, ngày hôm nay chúng ta đang ngả nghiêng về hướng bắt

cóc. Đặc biệt vì lí do cô gái không mang theo tiền bạc hay là hành lí gì cả.

– Tôi cho là Nola bỏ nhà đi, tôi nói.

– Được rồi, được rồi. Vậy chúng ta hãy xuất phát từ giả thuyết này, Gahalowood gợi ý. Cô ấy nhảy ra khỏi cửa sổ và chạy trốn. Vậy cô ấy đi đâu?

Đã đến lúc phải tiết lộ điều tôi biết.

– Đi gặp Harry, tôi trả lời.

– Anh nghĩ vậy à?

– Không phải nghĩ mà tôi biết. Harry nói với tôi. Đến tận bây giờ tôi mới nói vì tôi sợ chi tiết này sẽ ảnh hưởng không tốt đến số phận ông ấy, nhưng tôi nghĩ giờ đã đến lúc chúng ta chơi bài ngửa: vào tối hôm biến mất, Nola hẹn gặp Harry ở nhà nghỉ trên đường 1. Họ sẽ bỏ trốn cùng nhau.

– Bỏ trốn? Nhưng tại sao? Như thế nào? Đi đâu?

– Điều đó thì tôi không biết. Nhưng dứt khoát tôi sẽ phải biết bằng được. Dù sao đi nữa thì vào buổi tối đặc biệt đó, Harry đợi Nola ở một phòng tại nhà nghỉ. Cô ấy gửi tin nhắn cho Harry nói rằng cô ấy sẽ đến gặp Harry ở đó. Ông đã đợi cô ấy cả đêm. Nhưng cô ấy không tới.

– Nhà nghỉ nào? Thế cái tin nhắn đó đâu?

– Nhà nghỉ Sea Side. Cách Side Creek vài dặm về phía bắc. Tôi ghé qua đó rồi, hiện nó vẫn còn ở đấy. Còn tin nhắn tôi đốt nó rồi. Để bảo vệ Harry...

– Anh đốt rồi á? Anh đúng là điên rồi, nhà văn ạ. Anh làm sao thế. Anh muốn bị kết tội phi tang vật chứng à?

– Nhẽ ra tôi không nên làm thế, tôi rất lấy làm tiếc, trung sĩ ạ.

Gahalowood, vừa lau bầu tức giận, vừa vói tay lấy một tấm bản đồ Aurora trải ra trên bàn. Anh ta chỉ cho tôi trung tâm thành phố, rồi chỉ đường 1 chạy dài song song với bờ biển, tiếp đến là Goose Cove, rồi cánh rừng Side Creek. Anh ta suy nghĩ thành tiếng:

– Nếu tôi là bé gái muốn bỏ nhà đi mà không bị bắt quả tang, tôi sẽ đi dọc theo bờ biển đến đường 1. Vậy có nghĩa là, hoặc theo hướng Goose Cove, hoặc theo hướng...

– Side Creek, tôi nói. Có con đường nhỏ xuyên qua rừng, nối liền bờ biển với nhà nghỉ này.

– Chính xác! Gahalowood thốt lên. Vậy thì chúng ta có thể hình dung không quá khiên cưỡng rằng đứa bé gái đã chuồn khỏi nhà mình. Terrace Avenue ở đây... bãi biển gần nhất là bãi biển Grand! Vậy là cô ấy đi qua bãi tắm, rồi tiếp tục đi bộ dọc theo bờ biển đến tận cánh rừng. Điều gì có thể xảy ra trong khu rừng đáng nguyên rủa này?

– Chúng ta có thể nghĩ rằng trong khi đi xuyên qua rừng, không may cô ấy gặp nạn. Một kẻ bệnh hoạn nào đó có ý định cưỡng bức cô ấy, sau đó vớ được một cành cây cứng đập chết cô ấy.

– Có thể lắm, nhà văn ạ, nhưng anh đã bỏ qua chi tiết gây hại não, đó là tập bản thảo. Và mấy chữ viết tay kia nữa. Vĩnh biệt, Nola yêu quý. Điều này có nghĩa là kẻ giết và chôn xác Nola là người biết cô ấy, và hẳn bộc lộ tình cảm với Nola. Giả sử rằng kẻ đó không phải là Harry, anh cần phải giải thích cho tôi biết làm thế nào mà cô ấy lại có được tập bản thảo đó?

– Nola có sẵn trong tay. Đó là điều chắc chắn. Mặc dù Nola bỏ nhà nhưng không muốn mang theo hành lí: điều này sẽ gây sự chú ý, nhất là bố mẹ cô ấy có thể bắt gặp đúng lúc cô ấy bỏ

trốn. Hơn nữa cô ấy nghĩ sẽ không cần gì hết: cô ấy tưởng Harry giàu có, sẽ mua tất cả mọi thứ họ cần cho cuộc sống mới. Vậy vật duy nhất mà cô ấy mang theo là gì? Là cái không thể thay thế được: tập bản thảo cuốn sách Harry vừa viết mà cô ấy đã lấy đọc, như cô ấy vẫn thường làm. Nola biết tập bản thảo có ý nghĩa quan trọng đối với Harry. Cô ấy bỏ vào túi rồi trốn khỏi nhà.

Gahalowood ngẫm nghĩ một lúc giả thuyết của tôi rồi nói:

– Vậy là theo anh, hung thủ đã chôn chiếc túi và tập bản thảo cùng với xác chết để xóa hết chứng cứ.

– Chính xác.

– Nhưng như vậy vẫn không giải thích được tại sao lại có những lời lẽ yêu đương như thế viết trên tập bản thảo.

– Câu hỏi hay đấy, tôi thừa nhận. Có thể đó là bằng chứng cho thấy kẻ giết Nola yêu cô ấy. Có khi chúng ta phải chuyển hướng điều tra sang một vụ giết người vi tình? Cơn điên dại sau khi trôi qua đã khiến kẻ sát nhân viết những chữ đó để ngòi mộ không thành vô danh? Ai đó yêu Nola, không chịu đựng được mối quan hệ giữa Nola và Harry? Ai đó biết chuyện cô gái bỏ trốn mà không ngăn cản được? Vậy nên hẳn thà giết chết còn hơn để mất cô ấy? Giả thuyết này nghe cũng xuôi đấy chứ, phải không?

– Cũng lô gích đấy, nhà văn ạ. Nhưng như anh nói đó, đây chỉ là giả thuyết, bây giờ chúng ta phải kiểm chứng lại giả thuyết này. Cũng như tất cả các giả thuyết khác. Chúc mừng anh bước chân được vào thế giới khó khăn, đầy tỉ mỉ của công việc cảnh sát.

– Anh bảo tôi phải làm gì bây giờ, trung sĩ?

– Tôi đã cho tiến hành giám định nét chữ của Quebert,

nhưng cần chờ kết quả. Còn một điểm nữa cũng phải làm sáng tỏ: tại sao Nola lại được chôn ở Goose Cove? Việc xảy ra ở gần Side Creek: tại sao hung thủ lại mất công chở cái xác chết đi chôn ở một chỗ cách đó hai dặm?

– Không có xác chết thì không có kẻ giết người, tôi suy luận.

– Tôi cũng nghĩ vậy. Có thể hẳn cũng cảm thấy bị cảnh sát bao vây. Cho nên buộc phải phi tang xác chết ở một nơi không được cách xa cho lắm...

Chúng tôi nhìn tấm bảng trên đó tôi đã viết xong danh sách các tên.

– Tất cả những người này nhiều khả năng đều có quan hệ với Nola hay dính dáng tới vụ việc, tôi nói. Đây có thể là danh sách những kẻ giết người tiềm năng.

– Đúng hơn là danh sách khiến chúng ta mù mịt cả đầu óc, Gahalowood phán.

Tôi tặng lời châm biếm của Gahalowood, cố gắng chi tiết hóa danh sách của mình:

– Vào năm 1975, Nancy mới có mười lăm tuổi nên tôi nghĩ không có động cơ nào để kết liễu Nola. Tamara Quinn, lúc nào cũng nhắc đi nhắc lại với tất cả mọi người rằng bà biết hết chuyện giữa Harry và Nola... có thể bà ta là tác giả của những bức thư nặc danh gửi cho Harry.

– Tôi chẳng hiểu gì phụ nữ hết, Gahalowood ngắt lời tôi. Cần phải có sức khỏe rất kinh khủng mới có thể đập vỡ được hộp sọ kiểu thế. Tôi nghiêng về hướng cho thủ phạm là đàn ông nhiều hơn. Nhất là bà Deborah Cooper nhận diện rõ ràng với cảnh sát là kẻ bám theo Nola lúc đó là đàn ông.

– Thế còn vợ chồng nhà Kellergan? Người mẹ đánh đập con gái mình...

- Đánh đập con gái mình đúng là không hay, nhưng rất xa so với sự hành hung tàn bạo mà Nola hứng chịu. Tôi đọc trên mạng viết rằng khi trẻ con bị mất tích, thủ phạm thường là thành viên trong gia đình.

Gahalowood ngược mắt nhìn lên trời:

- Tôi cũng đọc ở trên mạng rằng anh là nhà văn lớn. Thấy chưa, thông tin trên mạng chỉ toàn là tin nhảm.

- Đừng có quên Elijah Stern. Tôi nghĩ rằng chúng ta cần phải nhanh chóng thẩm tra ông ta. Nancy Hattaway nói ông ta cử tài xế là Luther Caleb đến đón Nola để đưa cô ấy tới dinh thự của mình ở Concord.

- Bình tĩnh nào, nhà văn: Elijah Stern là người có quyền thế xuất thân từ gia đình đầy quyền lực. Ông ta rất mạnh. Loại người mà công tố viên sẽ không bao giờ mò tới nếu không có những bằng chứng xác thực. Anh có bằng chứng gì chống lại ông ta nào, ngoài nhân chứng là đứa bé gái lúc xảy ra sự việc? Bây giờ, bằng chứng đó chẳng có giá trị gì nữa. Cần phải có chứng cứ xác thực, bằng chứng rõ ràng. Tôi đã nghiên cứu kỹ báo cáo của cảnh sát Aurora: trong đó không hề nhắc đến Harry, cũng không có Stern, hay Luther Caleb.

- Nhưng đối với tôi, Nancy Hattaway có vẻ là người đáng tin cậy...

- Tôi không phản đối anh, tôi chỉ đơn giản nghi ngờ những kỉ niệm trôi dạt sau ba mươi năm, nhà văn ạ. Tôi sẽ cố gắng tìm thêm thông tin về vụ này, nhưng tôi cần có thêm bằng chứng để tiến hành điều tra theo hướng Stern một cách nghiêm túc. Tôi sẽ không mạo hiểm tính mạng đi thẩm vấn một tay hay đi chơi gôn với thống đốc bang mà không hề có tí tẹo bằng chứng nào nặng cân.

- Bên cạnh đó, còn việc gia đình Kellergan từ Alabama chuyển đến Aurora vì một lí do rất rõ ràng nhưng tất cả mọi người đều không biết. Người cha thì nói họ muốn tìm một nơi có môi trường sống tốt; còn Nancy Hattaway lại bảo Nola có nhắc đến một sự kiện xảy ra khi cả gia đình nhà Kellergan còn đang sống ở Jackson.

- Hừm, chúng ta cần phải nghiên cứu sâu hơn về chuyện này, nhà văn ạ.

Tôi quyết định không nói gì với Harry về Elijah Stern cho tới khi nào thu thập được thêm các chứng cứ cụ thể hơn. Trái lại, tôi thông báo cho Roth biết vì nghi chi tiết này có thể rất quan trọng trong việc bào chữa cho Harry.

- Nola Kellergan có quan hệ với Elijah Stern ư? - Giọng anh ta nghẹn lại trong điện thoại.

- Như tôi nói với anh đấy, tôi lấy thông tin này từ nguồn đáng tin cậy.

- Anh làm việc tốt đấy, Marcus ạ. Chúng ta phải cho Stern ra tòa, buộc tội ông ta và lật ngược tình hình. Hãy tưởng tượng cái mặt của các vị công tố viên khi Stern xuất hiện, tuyên thệ trên quyển kinh thánh linh thiêng, rồi kể ra những thông tin nóng bỏng về việc ăn nằm của hắn với cô bé họ Kellergan.

- Xin anh đừng nói gì cho Harry biết. Đợi tôi tìm thêm bằng chứng mới về Stern đã.

Buổi chiều cùng ngày hôm đó, tôi đến nhà tù, nghe Harry khẳng định những điều Nancy Hattaway đã kể.

- Ô, Marcus, những trận đòn đó quả là chuyện kinh khủng...

- Nancy cũng kể vào đầu mùa hè năm đó, Nola trông vô cùng buồn rầu, thiếu não.

Harry gật đầu buồn bã:

– Khi tôi cố gắng xua đuổi Nola, cô ấy vô cùng đau khổ dẫn tới những thảm kịch đáng sợ. Vào cuối tuần Ngày Quốc khánh, sau khi đi chơi với Jenny ở Concord về, tôi như phát điên vì tình cảm mạnh mẽ dành cho Nola. Tôi buộc mình phải lánh xa Nola ngay lập tức. Vậy là vào thứ Bảy ngày 5 tháng Bảy, tôi quyết định dừng lại, không đến tiệm Clark's nữa.

Trong khi tôi ghi âm những lời Harry kể về tấn thảm kịch đáng sợ vào cuối tuần từ ngày 5 đến ngày 6 tháng Bảy năm 1975, thì tôi hiểu rằng tiểu thuyết *Nguồn gốc cái xấu xa* miêu tả với sự chuẩn xác tuyệt đối câu chuyện của Harry và Nola; các đoạn văn trần thuật được xen kẽ với các trích đoạn từ những thư từ thực tế trao đổi giữa hai người. Vậy là Harry chưa bao giờ giấu giếm về chuyện riêng của mình: ngay từ đầu, ông đã thú nhận câu chuyện tình không thể của mình với toàn nước Mỹ. Rất cuộc, tôi ngắt lời ông:

– Nhưng thầy Harry, tất cả mọi chuyện đều đã được viết trong sách rồi!

– Tất cả mọi chuyện, Marcus ạ, tất cả. Nhưng chưa bao giờ có ai tìm cách hiểu tôi. Ai cũng lao vào nghiên cứu rất hoành tráng về nghệ thuật tu từ, ngôn ngữ, cách nói tượng trưng, hoán dụ về biểu tượng, các nét đặc trưng về văn phong mà tôi thậm chí còn không nắm được hết ý nghĩa. Trong khi đó, tất cả những điều mà tôi làm, chỉ đơn giản là viết một cuốn sách về tôi và Nola.

* * *

Thứ Bảy ngày 5 tháng Bảy năm 1975

4 giờ rưỡi sáng. Đường phố không một bóng người, chỉ có

tiếng những bước chân anh vang lên. Anh chỉ có thể nghĩ đến nàng. Kể từ khi anh quyết không gặp lại nàng nữa, anh đều mất ngủ. Anh thường tỉnh giấc lúc bình minh và không thể nào ngủ được trở lại. Do vậy, anh vội mặc quần áo thể thao và đi chạy. Anh chạy trên bờ cát, đuổi theo những chú mòng biển và bắt chước cách bay của chúng. Anh vẫn còn tiếp tục chạy, chạy đến tận Aurora. Có lẽ Aurora phải cách Goose Cove đến hơn năm dặm đường; anh chạy nhanh như mũi tên bắn xuyên qua chặng đường đó. Thông thường, sau khi chạy xuyên từ đầu này sang đầu kia thành phố, anh chạy như một kẻ đào tẩu trên con đường đi Massachusetts, trước khi dừng chân tại bãi biển Grand để ngắm mặt trời mọc. Sáng hôm đó, khi chạy đến khu chung cư bên Terrace Avenue, anh dùng lại thở hổn hển, rồi đi bộ chậm chậm giữa các dãy nhà dân, người ướt đẫm mồ hôi còn thái dương thì đập thành thịch.

Anh đi qua ngôi nhà của gia đình họ Quinn. Buổi tối hôm trước khi đi chơi cùng Jenny chắc chắn là buổi tối buồn chán nhất mà anh phải trải qua. Jenny là cô gái tuyệt vời, nhưng không biết cách làm cho anh cười, cũng không thể khiến anh mơ mộng. Người duy nhất làm cho anh mơ mộng, đó là Nola. Anh tiếp tục đi bộ, bước xuống phố, cho đến tận trước ngôi nhà bị cấm: đó là ngôi nhà của gia đình Kellergan, đây là nơi mà tối trước, anh để Nola xuống trong nước mắt. Anh cố gắng tỏ ra lạnh lùng để nàng hiểu ra, nhưng nàng không hiểu gì hết. Nàng nói: “Tại sao anh lại đối xử với em như vậy Harry? Tại sao anh độc ác thế?”. Anh nghĩ đến nàng suốt cả buổi tối. Ở Concord trong lúc ăn tối, thậm chí anh đã bỏ ra ngoài một lúc để gọi điện thoại từ buồng điện thoại công cộng. Anh yêu cầu tổng đài nối máy tới gia đình Kellergan ở Aurora bang New Hampshire, nhưng ngay khi chuông điện thoại đổ thì anh gác máy. Khi anh

quay trở lại bàn ăn, Jenny bảo trông anh có vẻ không ổn.

Đứng bất động trên vỉa hè, anh nhìn chòng chọc vào khung cửa sổ. Anh cố gắng hình dung nàng ngủ trong phòng nào. N-O-L-A. Nola yêu quý. Anh cứ đứng vậy một lúc lâu. Bỗng anh nghe có tiếng động; anh muốn chạy đi nhưng lại vấp phải mấy thùng rác bằng tôn làm cả đồng đồ nhào tạo nên một âm thanh hỗn độn chói tai. Ánh sáng bật lên trong nhà và Harry co giò chạy thẳng: anh quay trở về Goose Cove, ngồi vào bàn làm việc và cố gắng viết. Đã là đầu tháng Bảy mà anh vẫn còn chưa bắt đầu viết được cuốn tiểu thuyết lớn của mình. Anh sẽ trở thành cái gì? Điều gì xảy ra nếu như anh không thể viết được? Anh sẽ quay trở về với cuộc sống bất hạnh của mình. Anh sẽ không bao giờ trở thành nhà văn. Anh sẽ không bao giờ trở thành cái gì hết. Lần đầu tiên trong đời, anh nghĩ đến tự sát. Lúc 7 giờ sáng, anh thiếp ngủ trên bàn làm việc, đầu tựa lên hàng đồng giấy nháp xé nát chằng chịt vết tẩy xóa.

12 giờ rưỡi trưa, trong nhà vệ sinh của tiệm Clark's, Nola té nước lên mặt với hi vọng có thể làm biến mất vết đỏ trong mắt. Cô khóc suốt cả sáng nay. Hôm nay là thứ Bảy mà Harry không đến. Anh không muốn gặp cô nữa. Những ngày thứ Bảy tại tiệm Clark's là những buổi hẹn hò: đây là lần đầu tiên anh không đến. Thế mà lúc ngủ dậy, cô còn tràn đầy hi vọng: cô nghĩ anh sẽ đến, sẽ xin cô tha lỗi vì đã quá đáng với cô và hiển nhiên là cô sẽ tha thứ. Hi vọng được gặp anh làm cho cô tràn đầy niềm vui, vào lúc chuẩn bị đi, thậm chí có còn bôi ít phấn hồng lên má, để làm anh thích. Nhưng lúc ăn sáng, mẹ cô đã nặng lời mắng mỏ:

– Nola, mẹ muốn nghe mày khai ra những điều mày đang che giấu.

– Con không giấu mẹ điều gì, mẹ ạ.

– Đừng có nói dối mẹ! Mày nghĩ mẹ mày không biết à? Mày

nghĩ mẹ mày ngu à?

– Ôi, không, thưa mẹ! Con không bao giờ nghĩ như vậy.

– Mày nghĩ tao không nhận ra lúc nào mày cũng ở ngoài đường, mặt mũi vui vẻ, lại còn trang điểm đánh phấn à?

– Con không làm điều gì xấu mẹ ạ, con hứa.

– Mày tưởng là tao không biết mày đi Concord với đứa bạn gái dĩ thỏa Nancy Hattaway của mày à? Mày là đứa con gái độc ác, Nola! Mày làm tao xấu hổ!

Mục sư Kellergan rời khỏi nhà bếp và tự giam mình trong nhà kho. Lúc nào ông cũng làm như vậy khi xảy ra cãi lộn, ông không muốn biết gì hết. Ông bật to hết cỡ âm lượng để không phải nghe tiếng đánh đòn.

– Mẹ ơi mẹ, con hứa với mẹ là con không bao giờ làm điều gì xấu, - Nola nhắc đi nhắc lại.

Louise Kellergan nhìn xoáy vào con gái với vẻ pha trộn giữa kinh tởm và khinh miệt. Sau đó bà chế giễu:

– Không bao giờ làm điều gì xấu à? Mày biết tại sao chúng ta phải bỏ Alabama mà đi chứ ... Mày biết tại sao chứ, hả? Mày có muốn tao giúp mày nhớ lại không? Đến đây mau.

Bà ta quật vào cánh tay, kéo lê con gái đến tận phòng riêng. Bà bắt Nola cởi hết quần áo ra, rồi nhìn Nola run rẩy trong bộ quần áo lót

– Tại sao mày lại mặc xu chiêng? Louisa Kellergan hỏi.

– Tại vì con có ngực, mẹ ơi.

– Mày không được phép có ngực! Mày còn quá trẻ con! Cởi xu chiêng ra rồi đến đây.

Nola cởi hết cả áo lót ra và tiến sát lại phía người mẹ đang nắm chặt trong tay chiếc thước sắt lấy trên bàn học của con gái.

Mới đầu, bà ta nhìn con gái từ đầu tới chân, rồi giơ chiếc thước kẻ lên cao, đập cật lực vào núm vú của con gái bà. Bà ta đập tới tấp, liên tục, và khi đứa con gái oằn người vì đau đớn, bà lại ra lệnh phải gượng lên và đứng ngay ngắn nếu không sẽ còn chịu đòn tiếp. Trong khi đánh đập con gái mình, Louisa cứ nhắc đi nhắc lại: “Không được nói dối mẹ, nghe chưa! Không được làm đứa con gái độc ác, hiểu chứ? Đừng nghĩ tao ngu không biết!” Từ nhà xe, tiếng nhạc jazz vang lên hết cỡ.

Nola có đủ sức mạnh tới tiệm Clark’s làm việc là vì biết rằng sẽ gặp được Harry. Anh là người duy nhất tiếp sức mạnh sống cho nàng, và chính vì anh mà nàng còn lí do để tiếp tục sống. Nhưng anh lại không đến. Nàng vô cùng thất vọng, suốt cả buổi sáng chỉ trốn trong nhà vệ sinh mà khóc. Nàng soi mình trong gương, kéo áo sơ mi lên và ngắm nhìn đôi vú tím tái của mình: đầy những vết thâm bầm. Nàng tự nhủ mẹ mình có lí: nàng độc ác, xấu xí, đó cũng chính là lí do tại sao Harry không còn muốn gặp nàng nữa.

Bỗng nhiên có tiếng đập cửa. Đó là Jenny:

– Nola, em làm gì ở đó hả! Tiệm ăn đang đông nghẹt người! Đi phục vụ đi chứ!

Nola sợ sệt mở cửa: phải chăng những nhân viên phục vụ khác đã gọi Jenny để phàn nàn suốt cả buổi sáng Nola trốn trong nhà vệ sinh? Nhưng thực ra Jenny chỉ tình cờ tới tiệm Clark’s, hay chính xác hơn là vì muốn gặp Harry. Khi đến nơi, cô nhận thấy phòng ăn không được phục vụ tốt.

– Em khóc đấy à? Jenny hỏi khi thấy vẻ mặt bất hạnh của Nola.

– Em... Em cảm thấy không được khỏe.

– Đi rửa mặt rồi vào phòng trong gặp chị. Chị sẽ giúp em một

tay giữa lúc đông khách này.

Trong bếp đang có quá nhiều việc. Khi kết thúc giờ phục vụ bữa trưa, trong tiệm ăn đã yên ắng trở lại, Jenny mời Nola uống một cốc nước chanh đường để an ủi cô bé.

– Uống đi em, Jenny nói vẻ tốt bụng, em sẽ cảm thấy dễ chịu hơn.

– Cảm ơn chị. Chắc chị sẽ nói lại với mẹ chị là hôm nay em không hoàn thành nhiệm vụ?

– Đừng lo, chị sẽ không nói gì hết. Ai cũng có lúc bị trầm uất. Em có chuyện gì thế ?

– Em buồn vì chuyện tình cảm.

Jenny mỉm cười:

– Thôi nào, em còn quá trẻ! Một ngày nào đó, em sẽ gặp được người tốt.

– Em không còn biết gì nữa...

– Thôi nào, thôi nào. Mỉm cười lên đi! Em sẽ thấy mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp. Cách đây không lâu, chị cũng rơi vào hoàn cảnh hoàn toàn tương tự như em. Chị cảm thấy cô đơn và bất hạnh. Thế rồi, Harry đến thành phố này...

– Harry? Harry Quebert?

– Đúng vậy! Anh ấy là thiên thần! Nghe nhé việc còn chưa chính thức, chị không nên nói vội với em, nhưng thực ra, chị với em cũng là bạn phải không nào. Với lại, chị cũng thấy rất hạnh phúc nếu có thể tâm sự được với ai đó: Harry yêu chị! Anh ấy yêu chị! Anh ấy viết về chị bằng những dòng chữ đầy yêu thương! Tối hôm qua, chị với anh ấy đi Concord xem Quốc khánh. Thật tuyệt vời, lãng mạn.

– Tối hôm qua? Không phải anh ấy đi gặp người xuất bản

sách cho anh ấy à?

– Chị đã bảo là anh ấy đi chơi với chị mà lại! Bọn chị đi xem bắn pháo hoa trên sóng, vô cùng tuyệt diệu!

– Vậy là Harry và chị ... anh chị đã ở cùng nhau thôi qua à?

– Đúng thế ! Ô, Nola, em không chúc mừng hạnh phúc cho chị à? Nhớ đừng nói gì với ai nhé. Chị không muốn mọi người biết chuyện. Em biết mọi người thế nào rồi đấy, rất hay ghen ăn tức ở.

Nola cảm thấy tim mình thắt lại, bỗng nhiên nàng thấy đau đến độ muốn chết: Vậy là Harry đã yêu người khác. Yêu chị Jenny Quinn. Mọi chuyện vậy là kết thúc, anh không còn yêu nàng nữa. Thậm chí anh còn kiếm được người thay thế rồi. Trong đầu nàng, mọi thứ điên đảo.

18 giờ, khi kết thúc công việc, nàng nhanh chóng về nhà rồi hối hả đến Goose Cove. Ô tô của Harry không có ở đó. Anh có thể ở đâu được? Ở bên Jenny chăng? Chỉ riêng ý nghĩ cũng khiến nàng thêm đau đớn; nàng cố gắng cầm nước mắt, bước lên bậc cầu thang dẫn tới tận sảnh, rút từ túi ra phong thư nàng muốn gửi cho anh và đút qua khe cửa. Trong đó có hai tấm ảnh ở Rockland. Một tấm chụp lũ mòng biển đang bay thành đàn. Bức thứ hai chụp cả hai đang ăn pic nic. Nàng còn gửi kèm cả bức thư ngắn, viết vài dòng trên loại giấy nhắn tin mà nàng ưa thích:

Harry yêu quý!

Em biết rằng anh không yêu em. Nhưng em sẽ yêu anh mãi mãi. Em gửi anh tấm ảnh chụp đàn mòng biển mà anh vẽ chúng tuyệt đẹp, và tấm ảnh chụp cả hai chúng ta để anh không bao giờ quên em. Em biết rằng anh không còn muốn gặp em nữa. Nhưng ít ra là hãy viết cho em. Dù chỉ một lần. Dù chỉ một chữ

để em còn có kỉ niệm về anh. Em sẽ không bao giờ quên anh. Anh là người tuyệt vời nhất mà em được gặp trên đời.

Em mãi mãi yêu anh.

Thế rồi nàng bỏ chạy. Nàng chạy xuống biển, tháo xăng đan và đi chân trần trong nước, giống như nàng đã chạy vào ngày đầu gặp anh.

Việc trao đổi thư từ bắt đầu kể từ khi nàng để lại tin nhắn trong khe cửa. Bức thư tình ngắn để cho anh biết tất cả những điều nàng cảm nhận về anh.

Em biết rằng anh không yêu em. Nhưng em sẽ yêu anh mãi mãi. Em gửi anh tám ảnh chụp đàn mòng biển mà anh vẽ chúng tuyệt đẹp, và tám ảnh chụp cả hai chúng ta để anh không bao giờ quên em.

Em biết rằng anh không còn muốn gặp em nữa. Nhưng ít ra là hãy viết cho em. Dù chỉ một lần. Dù chỉ một chữ để em còn có kỉ niệm về anh.

Em sẽ không bao giờ quên anh. Anh là người tuyệt vời nhất mà em được gặp trên đời.

Em mãi mãi yêu anh.

Anh trả lời thư nàng sau vài ngày, khi anh có đủ can đảm để viết. Viết không có ý nghĩa gì cả. Nhưng viết cho nàng, đó là cả một câu chuyện dài đầy ý nghĩa.

Em yêu quý của anh, sao em lại có thể nói anh không yêu em? Đây là những lời yêu dành cho em, những lời lẽ vĩnh hằng xuất phát từ sâu thẳm trái tim anh. Anh muốn nói với em rằng anh nghĩ đến em mỗi sáng thức dậy, mỗi tối đi ngủ. Gương mặt em in

đậm trong anh, ngay khi anh nhắm mắt, em đã ở đây rồi.

Cả ngày hôm nay nữa, anh đã chạy đến tận nhà em. Phải thú nhận với em rằng, anh thường xuyên làm như vậy. Anh rình ở cửa sổ nhà em, tất cả đều tối đèn. Anh tưởng tượng ra em còn ngủ yên như thiên thần. Sau đó, anh thấy em, chiêm ngưỡng em trong bộ váy tuyệt đẹp. Một chiếc váy in hoa hợp với em biết mấy. Em có vẻ hơi buồn. Tại sao em lại buồn? Nói cho anh biết, anh cũng sẽ buồn cùng em. PS: Gửi thư cho anh qua đường bưu điện, như vậy chắc chắn hơn.

Anh yêu em tha thiết. Mãi mãi.

Anh yêu quý của em!

Em viết trả lời anh ngay khi vừa đọc xong thư anh. Nói thật là em đọc hàng chục lượt rồi, có khi đến cả trăm lần cũng nên! Anh viết hay quá. Mỗi lời của anh là một điều kì diệu. Anh của em thật tài năng. Tại sao anh lại không muốn gặp em? Tại sao anh hài lòng với việc trốn tránh? Tại sao anh không muốn nói chuyện với em nữa? Anh đến tận cửa sổ phòng em làm gì nếu như không để gặp em? Em xin anh hãy xuất hiện. Em quá buồn kể từ khi anh không nói chuyện với em nữa. Hãy viết cho em nhanh nhé. Em thật quá sốt ruột khi đợi thư anh.

Họ chỉ biết viết cho nhau, kể từ đó, họ dùng cách này để thể hiện tình yêu với nhau vì họ không có quyền được gặp nhau. Họ hôn những tờ giấy như thể đang hôn nhau cháy bỏng, họ chờ người đưa thư như thể đang chờ đợi một chuyến tàu. Đôi khi, anh kín đáo nấp ngay ở góc phố nhà nàng và đợi người đưa thư đi qua. Anh nhìn thấy nàng vội vàng ra khỏi nhà, bỏ thư vào thùng để nhặt ngay bức thư quý giá. Nàng chỉ sống vì những lời lẽ yêu đương này. Đó là một màn kịch vừa tuyệt vời

nhưng cũng thật bi thương: tình yêu đối với họ còn giá trị hơn cả kho báu, nhưng họ lại bị tước mất điều đó.

Người yêu dịu dàng của anh!

Anh không thể xuất hiện cùng với em được bởi vì điều đó sẽ làm cho chúng ta đau khổ. Chúng ta không thuộc về cùng một thế giới và mọi người sẽ không thể hiểu được. Anh thật sự đau khổ bởi vì sinh ra không đúng lúc! Tại sao chúng ta phải sống theo phong tục của những người khác? Tại sao chúng ta lại không thể đơn giản yêu nhau mặc cho sự chênh lệch tuổi tác? Đây là thế giới của ngày hôm nay: một thế giới mà hai người yêu nhau không thể nắm tay nhau. Đây là thế giới của ngày hôm nay: đầy những quy định và nguyên tắc, nhưng đó là những nguyên tắc đen tối giam hãm và làm héo úa trái tim của con người. Chúng ta, con tim chúng ta trong trắng, nhưng nó bị buộc phải đóng chặt lại.

Anh yêu em, một tình yêu vô hạn và vĩnh hằng. Kể từ ngày đầu tiên.

Tình yêu của em...

Cảm ơn anh vì bức thư vừa rồi. Đừng bao giờ ngừng viết anh nhé, những lá thư đẹp biết nhường nào. Mẹ em hỏi người nào mà viết cho em nhiều đến thế. Mẹ em muốn biết tại sao lúc nào em cũng đi lục tìm trong thùng thư. Để mẹ không nghi ngờ, em đã trả lời rằng đó là thư của một người bạn mà em gặp vào dịp đi nghỉ hè cùng lớp năm ngoái. Em không thích nói dối, nhưng như vậy thì thuận lợi hơn. Chúng ta không thể nói gì được, em biết là anh có lí: mọi người làm chúng ta đau đớn. Ngay cả việc thật khó khăn khi phải gửi thư cho anh qua đường bưu điện trong khi chúng ta lại ở gần nhau đến thế.

21

Tình yêu trặc trở

“Marcus, anh có biết cách duy nhất để đo mức độ tình yêu của anh dành cho một người là thể nào không?”

- Không ạ.
- Đó là để mất người mình yêu.”

Trên đường đi Montburry, có một cái hồ nhỏ mà tất cả mọi người trong vùng đều biết, vào những ngày đẹp trời, từng tốp gia đình và bọn trẻ nô nức đổ về đây nghỉ hè. Ngay từ sáng sớm, cả khu vực này đã đông nghịt người: khăn tắm trải la liệt ở trên bờ; dưới những tán ô lớn, các ông bố bà mẹ nằm dài thư giãn còn bọn trẻ con thì khua khoảng âm ì trong làn nước xanh lam ấm áp; bọt nước nổi đầy nơi rác thải và đồ thừa từ những bữa pic nic bị dòng nước cuốn đi chồng chất lên nhau. Cách đây khoảng hai năm, kể từ vụ một đứa trẻ dẫm phải kim tiêm đã qua sử dụng ở trên bờ thì hội đồng thành phố Montburry đã phải nỗ lực không ngừng để dọn dẹp quy hoạch lại khu vực này. Những chiếc bàn để ăn pic nic cùng với những lò nướng được dựng sẵn để tránh hiện tượng hàng loạt các bếp lửa do khách nghỉ mang đến bùng lên một cách hỗn loạn khiến cho cảnh tượng trên bãi cỏ hết như trên mặt trăng; số lượng các thùng rác đã tăng lên đáng kể, nhiều nhà vệ sinh được xây dựng và đưa vào sử dụng; bãi để xe, nằm ngay cạnh bờ hồ, vừa được mở rộng và đổ bê tông và từ tháng Sáu tới tháng Tám, một đội nhân viên bảo trì hàng ngày đến dọn sạch bờ hồ khỏi nào là rác thải, bao cao su đã qua sử dụng và cứt chó. Vào cái ngày mà tôi đến đây tìm cảm hứng cho cuốn sách, bọn trẻ vừa mới bắt được

một con ếch nhiều khả năng đó là sinh vật cuối cùng còn sống sót trong hồ và chúng đang cố gắng vật trụi tất cả các chi của con vật tội nghiệp bằng cách kéo cả hai chân sau của nó ra. Erne Pinkas nói rằng hồ nước này là một minh họa điển hình cho sự suy thoái của nhân loại đang đánh vào toàn nước Mỹ cũng như là phần còn lại của thế giới. Cách đây ba mươi ba năm, rất ít người lui tới hồ nước này bởi đường đi không hề dễ dàng: phải đỗ xe ô tô dọc theo đường, đi xuyên qua một đoạn rừng, sau đó đi bộ tiếp khoảng nửa dặm vượt qua những cây cỏ cao và những bụi hoa hồng dại. Nhưng công sức bỏ ra cũng được đền đáp xứng đáng: hồ nước tuyệt đẹp, mặt hồ ngập hoa súng màu hồng và hai bên bờ là những rặng liễu um tùm. Nước hồ trong vắt khiến người ta có thể nhìn thấy đường đi của những chú cá perchette ánh vàng mà con chim bói cá màu tro xám vừa mới bắt được khi đứng trên những bụi lau sậy. Thậm chí, ở hai đầu bờ hồ, còn có cả một bãi tắm cát nhỏ màu xám. Harry đã đến chính bờ hồ này để trốn Nola. Đây đúng là nơi Harry đã ở vào thứ Bảy ngày 5 tháng Bảy khi nàng đến nhà anh và kẹp bức thư đầu tiên ở cửa ra vào của ngôi nhà.

* * *

Thứ Bảy ngày 5 tháng Bảy năm 1975

Lúc anh tới hồ nước là vào cuối buổi sáng. Erne Pinkas đã ở đó và đang nghỉ ngơi ở trên bờ.

– Rốt cuộc anh cũng tới đây rồi, Pinkas tỏ ra vui vẻ khi nhìn thấy anh. Thật là đáng kinh ngạc khi gặp anh ở một chỗ bên ngoài tiệm Clark's.

Harry mỉm cười.

– Anh nói với tôi về cái hồ này nhiều đến nỗi tôi không thể không đến.

– Đẹp quá đúng không?

– Tuyệt vời.

– Đó mới là New England, Harry à. Đây là một thiên đường được bảo vệ và cũng chính là điều làm tôi hài lòng. Khắp nơi trên đất nước này, người ta xây dựng và đổ bê tông bất kì chỗ nào có thể. Nhưng ở đây thì hoàn toàn khác: tôi có thể đảm bảo với anh rằng 30 năm nữa, nơi này vẫn mãi mãi không bị phá hủy.

Sau khi tắm mát trong làn nước, họ cùng sưởi ấm dưới ánh nắng mặt trời và trò chuyện về văn chương.

– Về cuốn sách của anh, Pinkas hỏi, tiến triển đến đâu rồi?

– Đào ôi, Harry chỉ trả lời có vậy.

– Đừng có tỏ vẻ mặt như vậy, tôi tin chắc là nó hay mà.

– Không, tôi nghĩ là nó vô cùng tồi tệ.

– Để tôi đọc thử xem nhé, tôi sẽ cho anh ý kiến khách quan của tôi, hứa đấy. Anh không thích cái gì?

– Tất cả. Tôi không có cảm hứng. Tôi cũng không biết phải bắt đầu thế nào. Tôi nghĩ rằng thậm chí tôi còn không biết mình đang viết về cái gì nữa.

– Thế chuyện của anh là chuyện gì?

– Một câu chuyện tình.

– À, tình yêu... Pinkas thở dài. Anh đang yêu à?

– Vâng.

– Bắt đầu như vậy hay đấy chứ. Harry này, hãy nói cho tôi biết, anh có cảm thấy nhớ cuộc sống sôi động bên ngoài kia không?

– Không. Tôi cảm thấy thoải mái khi ở đây. Tôi cần được yên tĩnh.

– Thế khi ở New York, chính xác anh làm gì?

– Tôi... tôi là nhà văn.

Pinkas do dự trước khi nói lại.

– Harry... Đừng có nghĩ xấu nhé, nhưng tôi đã nói chuyện với một trong số những người bạn của tôi ở New York...

– Và sao?

– Anh ta bảo chưa bao giờ nghe nói về anh.

– Chẳng có ai biết tôi cả... Anh có biết có bao nhiêu người đang sống ở New York không?

Pinkas mỉm cười để tỏ ra là mình không có ý đồ gì xấu.

– Tôi nghĩ rằng chẳng có ai biết anh cả, Harry ạ. Tôi đã liên lạc với nhà xuất bản đã xuất bản cuốn sách của anh... Tôi muốn đặt mua thêm một ít sách... Tôi không biết nhà xuất bản đó, tôi nghĩ rằng tôi là người thiếu hiểu biết đến tận khi tôi phát hiện ra đó là một xưởng in ở Brooklyn... Tôi đã gọi điện đến đó, Harry à. Anh đã phải trả tiền cho nhà in này để họ in sách cho anh

Harry cúi đầu vô cùng xấu hổ.

– Vậy thì anh biết hết rồi đó, anh thăm thì.

– Tôi biết hết cái gì?

– Rằng tôi là một kẻ lừa đảo.

Pinkas thân mật đặt tay lên vai Harry.

– Lừa đảo à? Thôi đi nào! Đừng nói những lời ngu xuẩn như thế chứ! Tôi đã đọc sách của anh và tôi vô cùng thích. Chính vì lẽ đó mà tôi muốn đặt mua thêm. Đó là một cuốn sách tuyệt vời, Harry ạ. Tại sao lại muốn trở thành một nhà văn nổi tiếng

hơn là một nhà văn giỏi? Anh có rất nhiều tài năng và tôi chắc chắn rằng anh sẽ nhanh chóng trở nên nổi tiếng. Ai mà biết được rằng có thể cuốn sách mà anh đang viết sẽ trở thành một tuyệt tác.

- Thế nếu tôi không thể làm được điều đó?
- Anh sẽ làm được. Tôi biết như vậy.
- Cảm ơn, Ernie.
- Đừng cảm ơn tôi, đó chỉ là sự thực. Và anh đừng lo lắng, tôi sẽ không nói cho ai biết đâu. Tất cả mọi chuyện ở đây sẽ chỉ là chuyện giữa hai chúng ta.

* * *

Chủ nhật, ngày 6 tháng Bảy năm 1975

Đúng 15 giờ, Tamara Quinn sắp xếp cho ông chồng của mình trong bộ trang phục rất trịnh trọng dưới mái hiên trước nhà, trên tay là một chai rượu sâm panh và miệng ngậm một điếu xì gà.

- Nhất là đừng có động đậy, bà thì thầm ra lệnh cho ông.
- Nhưng chiếc áo sơ mi này làm tôi ngứa ngáy quá, Bibichette ạ.

- Im ngay, Bobbo! Mấy chiếc áo này rất đắt tiền đó, những thứ đắt tiền không làm ngứa bao giờ cả.

Bà Bibichette mua mấy chiếc áo mới này trong một cửa hàng thời trang nổi tiếng nhất ở Concord.

- Tại sao tôi lại không được mặc mấy chiếc áo khác của mình chứ,? Bobbo hỏi.
- Tôi đã nói cho ông hay rồi: tôi không muốn ông mặc mấy

chiếc áo cũ kĩ nhăn nhúm kính tẩm đó khi có một nhà văn lớn tới nhà chúng ta!

– Mà tôi không thích cái vị của xì gà...

– Ngược rồi kìa, ngu như bò! Ông hút ngược điều xì gà kìa. Ông không nhìn thấy trên điều xì gà có viết rõ đầu châm lửa đó à?

– Tôi lại tưởng đây là cái cần.

– Ông đúng là chẳng biết gì về sự sang trọng cả?

– Sự sang trọng?

– Ừ, là tất cả những thứ sang trọng.

– Tôi không biết là người ta gọi đây là sự sang trọng.

– Tại vì ông là người chả biết gì cả, Bobbo đáng thương của tôi ạ. Harry chắc sẽ tới trong vòng 15 phút nữa: cố gắng tỏ ra sao cho xứng đấy nhé. Và cố gắng gây ấn tượng với anh ta đấy.

– Thế tôi phải làm gì?

– Hút xì gà với dáng vẻ đăm chiêu. Như là một doanh nhân lớn. Và khi anh ta nói với ông, ông hãy tỏ ra vẻ mặt của người bề trên.

– Làm thế nào để có một vẻ mặt bề trên?

– Hỏi hay lắm: Ông đúng là ngu xuẩn và chẳng biết một cái gì cả, ông phải tỏ ra là người hiểu rộng biết nhiều. Cần phải trả lời câu hỏi bằng câu hỏi. Nếu như anh ta hỏi ông: “Ông đồng tình hay phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam?”, thì ông trả lời: “Nếu hỏi tôi câu đó, thì chính anh phải có một ý kiến rất rõ ràng về vấn đề này”. Và đến đây thì, páp! Ông mở Champagne! Người ta gọi như vậy là “chuyển hướng” cuộc trò chuyện.

– Vâng, Bibichette.

– Đừng làm tôi thất vọng.

– Vâng, Bibichette.

Tamara quay vào trong nhà còn Robert thì ngồi trong một chiếc ghế bành vẻ lạc lõng. Ông cảm thấy ghét cái tay Harry Quebert này, được gọi là vua của các nhà văn, nhưng rõ ràng hẳn chỉ là vua cứt đá. Và ông thấy căm ghét khi nhìn thấy bà vợ của mình khiêu vũ trong buổi dạ hội vì hẳn ta. Ông nghe lời bởi vì vợ ông đã hứa ông sẽ là Robert Cochonou của bà tối nay và thậm chí ông còn có thể đến ngủ với bà trong phòng của bà tối nay-vợ chồng nhà Quinn ngủ riêng phòng. Nhìn chung, cứ ba hay bốn tháng một lần, bà chấp nhận làm tình một lần, phần lớn thời gian là sau khi ông phải nài nỉ lạy lục rất lâu, nhưng đã từ lâu ông không có quyền được ngủ lại với bà.

Trong nhà, ở trên tầng, Jenny đã sẵn sàng: cô mặc một chiếc váy dạ hội rất rộng, to, với đôi vai phồng, có điểm bèo ở cổ, tô son quá đậm và đeo trên tay rất nhiều nhẫn. Tamara xếp sắp gọn gàng váy áo của con gái mình và mỉm cười.

– Con thật là lộng lẫy, con gái của mẹ. Tay Quebert sẽ bổ chửng ngay lập tức khi nhìn thấy con!

– Con cảm ơn mẹ. Nhưng có quá không mẹ?

– Quá ư? Không hề, như thế này là hoàn hảo.

– Nhưng chúng ta chỉ đi xem chiếu bóng thôi mà!

– Thế còn sau đó? Biết đâu sau khi xem chiếu bóng xong, bọn con lại đi ăn một bữa tối sang trọng? Con có nghĩ đến điều đó không?

– Chẳng có quán ăn nào sang trọng ở Aurora cả.

– Cũng có thể Harry đã đặt một bàn trong một quán cực kì sang trọng ở Concord cho vợ chưa cưới của mình.

– Mẹ, bọn con còn chưa đính hôn mà.

– Ô, con yêu, sắp thôi, mẹ chắc chắn. Bọn con đã hôn nhau chưa?

– Chưa.

– Nhưng nếu mà anh ta sờ soạng con thì vì Chúa, cứ để cho anh ta làm nhé!

– Vâng, mẹ ạ.

– Thật là một ý tưởng dễ thương khi rủ con đi xem chiếu bóng!

– Thực ra, đó là ý tưởng của con mẹ ạ. Con đã phải lấy hết can đảm, con đã gọi điện cho anh ấy và nói : “Harry của em, anh làm việc nhiều quá! Chúng ta hãy đi xem chiếu bóng chiều nay nhé”.

– Và anh ta bảo đồng ý...

– Ngay lập tức mẹ ạ! Không do dự nửa giây!

– Con thấy đấy, cứ như thể đó là ý kiến của anh ấy vậy.

– Lúc nào con cũng cảm thấy ân hận khi con làm phiền anh ấy trong khi anh ấy đang viết... Tại vì anh ấy viết về con. Con biết thế, bởi con đã thấy một trang. Anh ấy viết là anh ấy đến quán Clark's là chỉ để nhìn thấy con.

– Ô, con yêu, thật là phần khích quá.

Tamara với một hộp phấn hồng và quệt lấy quệt để lên mặt con gái, vừa mơ mộng viễn vông. Anh ta viết một cuốn sách cho con gái bà: sắp tới, ở New York, ai cũng sẽ nói đến quán Clark's và Jenny. Nhiều khả năng là sẽ có cả một bộ phim nữa. Thật là một viễn cảnh tuyệt diệu! Tay Quebert này sẽ hiện thực hóa tất cả những lời cầu nguyện của bà: vì gia đình bà là gia đình của những con chiên ngoan đạo, nên bây giờ sẽ được đền đáp xứng đáng. Bà suy tính một mạch: dứt khoát phải tổ chức một bữa

tiệc ngoài vườn vào Chủ nhật tới để chính thức mọi chuyện. Kì hạn thật ngắn nhưng mà thời gian thì gấp rút: thứ Bảy sau đó, đã là buổi lễ hội mùa hè và cả thành phố sẽ bị mê hoặc và ghen tị khi thấy con gái Jenny của bà trong vòng tay của đại văn hào. Vậy thì cần phải làm cho bạn bè của bà được thấy con gái của bà và Harry sánh vai cùng nhau trước buổi lễ hội, để tiếng đồn sẽ kịp bay đi khắp Aurora và rằng buổi tối hôm dạ hội, họ sẽ trở thành trung tâm của buổi lễ. Ôi, thật là hạnh phúc! Bà đã từng lo lắng biết bao cho con gái của mình: nó có rất nhiều khả năng rơi vào tay của một gã tài xế xe tải đường dài nghỉ qua đây. Tội tộ hơn là một tay theo Đảng Xã hội. Tệ hơn nữa là một người da đen! Bà run rẩy trước ý nghĩ này: Jenny và một người da đen khủng khiếp. Bất chợt, một nỗi lo lắng xâm chiếm lấy bà: có rất nhiều nhà văn là người Do Thái. Không biết Quebert có phải là người Do Thái không? Kinh khủng quá! Có khi lại là một người Do Thái theo Đảng Xã hội nữa cơ chứ! Bà cảm thấy rất tiếc vì người Do Thái lại có màu da trắng, như thế khó phát hiện ra họ được. Chí ít, những người da đen vẫn trung thực hơn vì họ xuất hiện với nước da màu đen, để người ta có thể nhận ra họ một cách dễ dàng. Nhưng người Do Thái rất thâm nho. Bà cảm thấy bụng mình quặn lại: dạ dày của bà xoắn lại. Kể từ khi xảy ra vụ Rosenberg, bà vô cùng lo sợ người Do Thái. Họ thậm chí đã giao bom nguyên tử cho bọn Xô Viết. Làm thế nào để biết liệu Quebert có phải là người Do Thái không? Bất chợt bà nảy ra một ý. Bà nhìn đồng hồ: bà có vừa đủ thời gian để tới cửa hàng tổng hợp trước khi anh ta đến. Và bà vội vàng ra ngoài.

Vào lúc 13 giờ 20, chiếc xe Chevrolet Monte Carlo đen đau trước cửa nhà gia đình họ Quinn. Robert Quinn giật nảy mình khi nhìn thấy Harry Quebert bước ra: đó là một mẫu xe hơi mà ông đặc biệt ưa thích. Ông cũng nhận thấy ngay lập tức rằng

nhà văn lớn ăn mặc rất là thoải mái. Nhưng mặc dù vậy, ông vẫn chào anh ta với một vẻ trịnh trọng đặc biệt và ngay lập tức mời anh ta uống một cái gì đó thật sang trọng, chính vợ ông đã dặn dò ông làm vậy.

– Champagne? Ông hét lên.

– Ồ, nói thật là, cháu không phải là người thích rượu champagne cho lắm, Harry trả lời. Có khi chỉ một cốc bia thôi nếu bác có.

– Ồ, tất nhiên rồi!

Robert bắt chợt vui sướng một cách thân mật.

Bia thì ông biết rõ lắm. Thậm chí ông còn có hẳn một cuốn sách viết về các loại bia được sản xuất trên toàn bộ nước Mỹ. Ông vội vàng đi tìm hai chiếc cốc mát trong tủ lạnh và lúc đi qua căn phòng trên gác, còn thông báo với các quý bà trên đó rằng Harry Quebert cũng không to đến cỡ thế đã tới. Ngồi xuống trước hiên nhà, tay áo sơ mi xắn cao, hai người đàn ông cùng chạm cốc và lắc chai rồi nói chuyện về ô tô.

– Tại sao lại là Monte Carlo? Robert hỏi. Tôi muốn nói là, nhìn tình hình hoàn cảnh của anh, anh có thể chọn bất kì kiểu mẫu nào, thế mà anh lại chọn Monte Carlo...

– Mẫu xe này vừa thể thao vừa tiện dụng. Hơn nữa, cháu cũng thích kiểu dáng của nó.

– Tôi cũng vậy! Tôi cũng suýt mua kiểu này năm ngoái!

– Nhẽ ra bác nên mua.

– Vợ tôi không thích.

– Phải mua ô tô trước rồi hỏi ý kiến bác ấy sau.

Robert phá lên cười; thực ra cái tay Harry này là người rất giản dị, lịch sự dễ tính và đặc biệt là dễ mến. Đúng lúc đó thì bà

Tamara lao vào, trong tay bà là một mâm đầy những thịt lợn nguội đủ loại mà bà vừa phải vội vàng đi mua trong cửa hàng tổng hợp. Bà hét lên: “Xin chào, anh Quebert. Mừng anh đã tới chỗ chúng tôi! Anh có muốn ăn thịt lợn không?”. Harry chào bà và lấy một miếng giăm bông. Tamara cảm thấy nhẹ nhõm khi nhìn thấy vị khách của mình ăn thịt lợn. Đây đúng là người đàn ông hoàn hảo: không phải da đen, cũng không phải người Do Thái.

Đầu óc nhẹ nhõm hẳn đi, lúc đó bà mới nhận ra là Robert đã tháo cà vạt và hai người đàn ông đang uống bia bằng chai.

– Nhưng các vị đang làm gì thế? Các vị không uống sâm panh à? Thế còn ông, Robert, tại sao anh lại tháo hết cà vạt ra thế hả?

– Tôi nóng, Bobby phàn nàn.

– Cháu thì thích uống bia hơn, Harry giải thích.

Lúc đó Jenny bước đến, ăn mặc quá cầu kì nhưng thật lộng lẫy trong bộ váy dạ hội.

Cùng lúc đó, tại số nhà 245 Terrace Avenue, vị mục sư Kellergan thấy con gái mình đang khóc lóc trong phòng.

– Có chuyện gì xảy ra vậy, con yêu?

– Ôi, bố ơi, con buồn quá...

– Tại sao?

– Tại vì mẹ...

– Đừng có nói vậy...

Nola ngồi bệt dưới đất, mắt ầng ậc nước. Vị mục sư cảm thấy quá đau khổ cho con gái.

– Thế nếu chúng ta đi xem chiếu bóng? Ông đề nghị để an ủi con gái. Con và bố, chúng ta sẽ mua một bịch bỏng ngô to đùng!

Buổi chiếu phim vào lúc 16 giờ và chúng ta vẫn còn thời gian.

– Con gái Jenny của tôi thật là đặc biệt, Tamara giải thích trong khi Robert, lợi dụng lúc vợ mình không để ý, vội vàng chén thật nhiều thịt nguội. Các anh tưởng tượng xem lúc mới chỉ lên mười tuổi, nó đã là nữ hoàng trong tất cả các cuộc thi sắc đẹp ở vùng. Con có còn nhớ không, Jenny yêu quý?

– Vâng, mẹ ạ. Jenny thờ dài và cảm thấy lúng túng.

– Hay là chúng ta cùng xem những cuốn album ảnh cũ nhé? Robert gợi ý, miệng đầy thức ăn, nhắc lại lời vở kịch mà vợ ông đã dạy ông trước đó.

–Ồ đúng rồi, Tamara tỏ ra hào hứng, những cuốn album ảnh!

Bà vội vàng lôi ra một chồng album lưu giữ cả 24 năm đầu đời của Jenny. Và vừa giở các trang, bà vừa kêu lên : “Ôi, cô bé tuyệt diệu này là ai vậy?” Rồi bà và ông chồng Robert đồng thanh trả lời : “Đó là Jenny”.

Sau khi xem ảnh xong, Tamara ra lệnh cho chồng mình rót đầy Champagne vào các cốc, sau đó bà quyết định nói về bữa tiệc ngoài vườn dự định tổ chức vào Chủ nhật tới.

– Nếu như anh rỗi, hãy đến ăn trưa vào Chủ nhật tới nhé, anh Quebert.

– Rất sẵn sàng, anh trả lời.

– Đừng có lo lắng gì cả, sẽ hoàn toàn không có gì là phức tạp đâu. Ý tôi là, tôi biết anh đến đây để tránh xa sự huyên náo ồn ào của chốn ăn chơi ở New York. Sẽ chỉ là một bữa ăn trưa dân dã giữa những người tử tế thôi.

16 giờ kém 10 phút, hai bố con Nola bước vào rạp chiếu phim, trong khi đó chiếc xe Chevrolet Monte Carlo đen đậm ở trước cửa.

– Vào tìm chỗ trước đi con, David Kellergan gợi ý, còn bố sẽ chịu trách nhiệm mua bóng ngô. Nola bước vào phòng chiếu đúng lúc Harry và Jenny bước vào rạp chiếu bóng.

– Cứ vào tìm chỗ trước đi Harry, Jenny nói với Harry, em muốn tranh thủ đi nhà vệ sinh một chút.

Harry bước vào phòng chiếu, và trong âm thanh hỗn độn của những người đi xem, anh bắt gặp trước mặt mình là Nola.

Khi nhìn thấy nàng, anh cảm thấy tim mình như nổ tung. Anh đã nhớ nàng biết mấy.

Khi nàng nhìn thấy anh, nàng cảm thấy tim mình như nổ tung. Nàng phải nói chuyện với anh: chuyện anh và Jenny có thật không, anh phải nói rõ với nàng. Nàng cần nghe điều đó.

– Harry, nàng nói, em...

– Nola...

Đúng lúc đó, Jenny xuất hiện giữa đám đông. Khi Nola nhìn thấy Jenny, nàng hiểu rằng cô ấy đến cùng Harry và liền lập tức chạy trốn khỏi phòng chiếu.

– Mọi chuyện ổn chứ Harry? Jenny hỏi, cô chưa kịp nhìn thấy Nola. Vẻ mặt anh kỳ quá.

– Vâng... Anh... anh sẽ quay lại. Em tìm chỗ đi. Anh đi mua bóng ngô.

– Vâng! Bóng ngô! Anh bảo họ cho nhiều bơ nhé.

Harry ra khỏi cửa phòng chiếu: anh nhìn thấy Nola đang băng qua khu sân chính và leo lên phòng trưng bày ở tầng một, đóng cửa không cho công chúng vào. Anh vội vàng trèo bốn bậc thang một để đuổi theo nàng.

Cả tầng không có một bóng người; anh bắt kịp được nàng, nắm chặt tay nàng và giữ nàng lại sát vào bức tường.

– Thả em ra, nàng nói, thả em ra không em sẽ kêu lên!
– Nola, Nola, đừng có giận anh.
– Tại sao anh lại lẩn tránh em. Tại sao anh không tới quán Clark's nữa?

– Anh xin lỗi.
– Anh thấy em không phải là cô gái đẹp, đúng không? Tại sao anh không nói cho em biết là anh đã đính hôn với Jenny Quinn?

– Gì? Anh không đính hôn. Ai nói với em như thế ?
Nàng thở phào, nở nụ cười nhẹ nhõm.
– Jenny và anh, bọn anh không phải là đang yêu nhau đấy chứ?

– Không! Anh bảo em là không.
– Thế thì anh không thấy em xấu xí chứ?
– Xấu ư? Nola, em thật sự rất đẹp.
– Thật không? Em đã rất buồn... Em nghĩ là anh không cần em nữa. Thậm chí có lúc em đã muốn nhảy qua cửa sổ.
– Em không được nói những lời như thế.
– Vậy thì hãy nói rằng em là cô gái xinh đẹp nữa đi nào
– Anh thấy em rất xinh đẹp. Anh tiếc là đã gây cho em biết bao nỗi buồn.

Nàng lại mỉm cười. Tất cả những chuyện này chỉ là hiểu nhầm! Anh yêu nàng! Họ yêu nhau! Nàng nói:

– Thôi đừng nói nữa. Hãy ôm em thật chặt vào lòng anh... Em thấy anh thật là rục rỡ, thật đẹp, thật lịch lãm.

– Anh không thể, Nola ...
– Tại sao? Nếu anh thật sự thấy em đẹp, thì anh sẽ không vứt

bỏ em!

- Anh thấy em thật đẹp. Nhưng em chỉ là một đứa trẻ con.
- Em không phải là một đứa trẻ con!
- Nola em và anh, là không thể.
- Tại sao anh lại có thể độc ác với em như thế? Em muốn không bao giờ nói chuyện với anh nữa!
- Nola, anh...
- Hãy để mặc em bây giờ. Hãy mặc em, và đừng nói với em nữa. Đừng có nói với em nữa nếu không em sẽ nói với tất cả mọi người rằng anh là một gã đồi trụy. Hãy đi gặp lại người tình yêu quý của anh đi! Chính cô ta nói với em là anh với cô ta yêu nhau. Em biết hết rồi! Em biết hết và em căm ghét anh, Harry! Đi đi! Đi ngay đi!

Nàng đẩy anh ra, vội vàng chạy xuống cầu thang và chạy trốn khỏi rạp chiếu bóng. Harry, vô cùng thất vọng, quay trở lại phòng chiếu, Khi đẩy cửa vào, anh chạm trán ngay phải cha Kellergan.

- Chào anh Harry.
- Chào cha!
- Tôi đang tìm con gái tôi, anh có thấy nó không? Tôi đã bảo nó vào trước tìm chỗ nhưng hình như nó đã biến mất.
- Tôi... tôi nghĩ cô ấy vừa ra khỏi đây.
- Ra khỏi đây? Nhưng phim chuẩn bị chiếu rồi mà.

Xem phim xong, họ cùng đi ăn pizza ở Montburry. Suốt trên đường trở về Aurora, Jenny sung sướng rạng rỡ: thật là một buổi tối tuyệt vời. Cô muốn được ở với người đàn ông này suốt các buổi tối và suốt cuộc đời mình.

- Harry, đừng đưa em về nhà ngay, cô nài nỉ. Mọi thứ thật là

tuyệt vời... Em muốn kéo dài hơn nữa buổi tối ngày hôm nay. Chúng ta có thể đi ra ngoài bãi biển được không?

– Bãi biển? Tại sao lại ra bãi biển? Anh hỏi.

– Bởi vì ở đó thật lãng mạn! Anh đậu xe ở gần bãi biển Grand, ở đây không bao giờ có người. Chúng ta có thể tán tỉnh nhau như tại học trò, nằm trên mui xe. Nhìn ngắm những ngôi sao và tận hưởng buổi đêm. Đi nào Harry...

Anh muốn từ chối nhưng cô nằn nì mãi. Anh đề nghị đi vào rừng vì biển, đó là nơi chỉ dành cho Nola. Anh đậu xe ở gần đường Side Creek, và ngay khi anh vừa tắt máy, Jenny liền nhảy bổ lên người anh, ôm và hôn tới tấp lên môi anh. Cô ghi chặt đầu của anh và làm anh ngạt thở. Bàn tay cô sờ soạng khắp cơ thể anh, và cô rên rỉ những âm thanh thật đáng ghét. Trong không gian chật hẹp trên xe ô tô, cô đè lên người anh: anh cảm thấy hai đầu vú săn chắc chạm vào ngực mình. Cô quả thật là một người phụ nữ tuyệt vời, cô có thể trở thành một người vợ lí tưởng, và cô chỉ cần điều đó. Anh có thể cầu hôn có ngay vào ngày mai không cần do dự: một người phụ nữ như Jenny là mơ ước của rất nhiều người đàn ông. Nhưng trái tim anh đã có bốn chữ chiếm hết chỗ: N-O-L-A.

– Harry, Jenny nói. Anh là người đàn ông mà em đã đợi từ lâu.

– Cảm ơn.

– Anh có cảm thấy hạnh phúc với em?

Anh không trả lời và chỉ đẩy nhẹ nàng ra.

– Chúng ta phải về nhà thôi, Jenny. Anh không để ý là đã muộn đến thế.

Chiếc xe hơi nổ máy và chạy thẳng theo hướng Aurora.

Khi anh để cô xuống trước nhà cô, anh không để ý rằng cô

đang khóc. Tại sao anh ấy lại không trả lời? Có phải anh ấy không yêu cô? Tại sao cô lại cảm thấy cô đơn đến vậy? Mặc dù cô cũng không yêu cầu gì nhiều: tất cả những gì mà cô ước mơ, đó là một người đàn ông tử tế, một người yêu cô và bảo vệ cô, thỉnh thoảng tặng cô những bông hoa và đưa cô đi ăn tối. Nếu như anh không có nhiều tiền, thì chỉ cần đi ăn xúc xích cũng được rồi. Chỉ là vui thích khi được đi chơi cùng nhau. Xét cho cùng, Hollywood cũng chẳng quan trọng gì nếu cô tìm thấy được một người cô yêu và cũng yêu cô. Từ hiên nhà, cô nhìn thấy chiếc Chevrolet đen xa dần trong đêm tối và bật khóc nức nở. Cô úp mặt vào trong hai lòng bàn tay để cho bố mẹ cô không nghe thấy: nhất là mẹ của cô, cô không muốn mẹ cô phải bận tâm về cô. Cô đợi cho ánh điện ở trên tầng tắt hẳn rồi mới đi vào nhà. Bỗng nhiên cô nghe thấy tiếng động cơ xe ô tô và ngẩng đầu lên, tràn đầy hi vọng rằng đó chính là Harry quay trở lại để ôm cô và an ủi cô. Nhưng một chiếc xe cảnh sát vừa dừng lại trước nhà cô. Cô nhận ra Travis Dawn, anh ngẫu nhiên đi tuần ngang qua nhà gia đình họ Quinn.

– Jenny? Mọi chuyện ổn chứ? Anh hỏi qua ô cửa mở trên xe ô tô.

Cô nhún vai.

Anh tắt máy và mở cửa. Trước khi bước ra khỏi xe, anh mở một mẫu giấy đã được cất cẩn thận trong túi áo và nhanh chóng đọc:

TÔI: Chào Jenny, bạn khỏe không?

CÔ ẤY: Chào Travis! Có gì mới không?

TÔI: Tôi tình cờ đi ngang qua đây. Bạn thật tuyệt vời! Bạn thật rạng rỡ. Trông bạn có vẻ khỏe. Tôi tự hỏi không biết bạn đã có bạn nhảy cho buổi dạ hội mùa hè chưa. Tôi nghĩ chúng ta có thể cùng đi

với nhau.

—TỰ CHẾ TIẾP..... Gợi ý cô ấy đi dạo hoặc /và đi uống sinh tố.

Anh tiến đến bên cạnh có dưới hiên nhà và ngồi cạnh đó.

– Có chuyện gì xảy ra thế? Anh lo lắng hỏi.

– Không có gì, Jenny nói và lau khô nước mắt.

– Không phải như thế. Tôi thấy rõ là bạn khóc.

– Có người làm mình buồn.

– Cái gì? Ai? Hãy nói cho tôi biết đó là ai! Bạn có thể nói với tôi mọi chuyện... Tôi sẽ cho kẻ đó biết tay! Bạn sẽ thấy!

Cô mỉm cười buồn bã và tựa đầu lên vai của Travis.

– Không quan trọng đâu. Nhưng, cảm ơn Travis, cậu thật là một tay tuyệt vời. Mình rất vui vì cậu ở đây.

Anh bạo dạn quàng một cánh tay qua vai cô để an ủi.

– Cậu biết không, Jenny nói tiếp, mình vừa nhận được một bức thư của Emily Cunningham, đứa bạn gái học cùng mình hồi cấp ba. Cô ấy đã tìm được một việc làm tốt, cô ấy đang mang bầu đứa đầu tiên. Đôi khi mình nhận ra là tất cả đều bỏ nơi này mà đi. Tất cả mọi người, trừ mình ra. Và cậu nữa. Xét cho cùng, tại sao chúng ta lại ở lại Aurora hả Travis?

– Tôi không biết, điều này còn tùy...

– Nhưng cậu, ví dụ cậu chẳng hạn, tại sao cậu lại ở lại đây?

– Tôi muốn ở lại để gần một người mà tôi cảm thấy rất yêu quý.

– Ai thế, mình có biết không?

– À, chính thế. Bạn biết không, Jenny, tôi muốn... Tôi muốn hỏi bạn... Tức là... Nếu... Nhân tiện...

Anh nắm chặt tờ giấy trong túi và cố gắng bình tĩnh trở lại:

hỏi cô có muốn là bạn nhảy của mình vào ngày hội mùa hè. Điều này không khó. Nhưng đúng lúc đó, cánh cửa mở ra với một tiếng động rất lớn. Đó là bà Tamara trong bộ váy ngủ và tóc quần lô.

– Jenny yêu quý? Con làm gì ngoài này thế? Đúng là mẹ có nghe thấy giọng nói.. .Ồ, có cả cậu bạn Travis tốt bụng nữa này. Cháu có khỏe không, con trai?

– Chào bác Quinn.

– Jenny, thật là đúng lúc. Con vào giúp mẹ một tay được không? Mẹ phải gỡ cái đồng lô này ra khỏi đầu nhưng bố con thì hoàn toàn không thể làm nổi. Cứ như là Thượng đế đã dính chân vào cái chỗ nhẽ ra phải là tay của ông ấy.

Jenny đứng lên và vẫy tay chào Travis; rồi cô biến vào trong nhà, để lại mình anh ngồi đó thêm một lúc dưới mái hiên.

Vào đúng đêm hôm đó, Nola nhảy qua cửa sổ phòng mình và trốn khỏi nhà để đến tìm Harry. Nàng phải biết tại sao anh không còn cần nàng nữa. Tại sao thậm chí anh cũng không trả lời thư của nàng nữa? Tại sao anh không viết cho nàng? Nàng phải đi bộ cả nửa tiếng đồng hồ mới tới được Goose Cove. Nàng nhìn thấy sân trước nhà có ánh đèn: Harry đang ngồi trước một cái bàn lớn bằng gỗ, nhìn ra đại dương. Anh giật mình khi nàng gọi tên anh.

– Ôi trời, Nola! Em làm anh hoảng quá!

– Đây là cảm giác mà em mang lại cho anh đấy ư? Nỗi sợ hãi?

– Em biết rằng không phải vậy mà... Em làm gì ở đây?

Nàng bắt đầu òa khóc.

– Em không biết gì nữa... Em yêu anh biết chừng nào. Em chưa bao giờ cảm thấy như vậy.

– Em bỏ nhà đi đấy à?

– Vâng. Em yêu anh, Harry. Anh có nghe thấy không? Em yêu anh và chưa bao giờ em yêu như thế, em sẽ không bao giờ yêu như vậy nữa.

– Đừng có nói vậy, Nola.

– Tại sao?

Lòng anh đau nhói. Trước mặt anh, tờ giấy anh đang che giấu là chương đầu tiên của cuốn tiểu thuyết anh đang viết. Rốt cuộc, anh cũng đã có thể bắt đầu được. Đó là một cuốn sách về nàng. Anh yêu nàng đến mức anh đang viết cho nàng một cuốn sách. Tuy nhiên, anh không dám nói cho nàng biết điều này. Anh quá sợ hãi về những điều có thể xảy ra nếu như anh yêu nàng.

– Anh không thể yêu em được, anh nói bằng một giọng giả vờ không quan tâm.

Nước mắt lại dâng đầy hai hàng mi của nàng:

– Anh nói dối! Anh là một tên đểu cáng và anh nói dối! Thế tại sao anh đi Rockland? Tại sao anh làm tất cả những điều đó?

Anh cố gắng tỏ ra độc ác.

– Đó là một sai lầm.

– Không! Không! Em biết là giữa anh và em, đó là điều đặc biệt! Có phải là vì Jenny? Có phải anh yêu cô ta? Cô ta có gì mà em không có nào?

Và Harry, không thể nói thêm được bất kì điều gì, nhìn Nola vừa nức nở khóc vừa lao vào màn đêm đen tối.

* * *

“Đó là một đêm kinh hoàng, Harry kể cho tôi nghe trong

phòng thăm tù nhân của nhà tù bang. Nola và tôi, đó là thứ rất mạnh. Rất mạnh, anh hiểu chứ? Hoàn toàn điên rồ! Tình yêu cứ như là người ta chỉ có thể có một lần trong đời! Tôi còn nhìn thấy nàng chạy đi, vào đêm hôm đó, trên bãi biển. Còn tôi, tôi tự hỏi mình phải làm gì: tôi có nên đuổi theo nàng? Hay tôi phải chôn chặt chân mình trong căn nhà của tôi? Tôi có đủ can đảm để rời thành phố này chẳng? Suốt những ngày sau đó, tôi ở lì bên hồ Montburry chỉ để khỏi phải ở Goose Cove, để nàng không thể đến tìm tôi. Còn về cuốn sách của tôi, nguyên nhân khiến tôi đến Aurora, khiến tôi hi sinh toàn bộ số tiền tiết kiệm được, lại không hề tiến triển. Chính xác là không hề tiến triển thêm nữa. Tôi đã viết được những trang sách đầu tiên, nhưng lại một lần nữa tôi tắc tị. Đó là một cuốn sách về Nola, nhưng làm thế nào mà viết được khi không có nàng? Làm thế nào để viết được một cuốn sách về tình yêu mà ta biết rằng nó đã thất bại? Tôi ngồi hàng giờ trước những trang giấy trắng, hàng giờ chỉ để viết vài từ, đôi ba dòng. Ba dòng chữ vô nghĩa, những lời lẽ tầm thường nhạt nhẽo. Đó là một thời kì tồi tệ, tôi cảm thấy căm thù tất cả những thứ gì được gọi là sách và được viết ra bởi vì tất cả dường như đều hay hơn anh, đến độ mà ngay cả một bản thực đơn của một nhà hàng cũng làm cho anh cảm thấy thán phục vì đã được viết ra bằng một tài năng quá lớn, T-bone steak: 8 đô la, thật là tài tình, cần phải nghĩ đến điều đó! Đó là nỗi kinh hoàng tuyệt đối, Marcus à: tôi hoàn toàn bất hạnh và vì tôi mà Nola cũng bất hạnh theo. Trong suốt gần một tuần, tôi đã tránh nàng hết sức có thể. Dù vậy nàng vẫn quay trở lại Goose Cove nhiều lần vào buổi tối. Nàng đến mang theo những bông hoa dại mà nàng đã hái cho tôi. Nàng đập cửa, van nài: “Harry, Harry yêu quý, em cần anh. Hãy cho em vào, em xin anh. Ít ra hãy để cho em được nói chuyện với anh”. Còn tôi thì

làm như đã chết rồi. Tôi nghe thấy tiếng nàng đổ sụp ngoài cửa và tiếp tục đập cửa, nức nở. Còn tôi, tôi chôn chân bên kia cửa, không động cựa. Tôi đợi. Đôi khi, nàng cứ ở đó đến cả tiếng đồng hồ. Sau đó, tôi nghe thấy tiếng nàng đặt bó hoa ngoài cửa và bỏ đi: tôi vội vàng ra cửa sổ trong bếp và nhìn theo nàng bước đi trên con đường rải sỏi. Tôi buồn đến độ tan nát con tim bởi tôi yêu nàng biết bao. Nhưng nàng mới có mười lăm tuổi. Người mà làm tôi điên lên vì tình mới chỉ có mười lăm tuổi!

Thế rồi tôi ra ngoài nhặt những bông hoa, và cũng như tất cả những bó hoa khác mà nàng mang đến cho tôi, tôi đều cắm vào một bình nước trong phòng khách. Và tôi ngắm nhìn những bông hoa đó hàng giờ. Tôi cô đơn hết sức, buồn bã cực độ. Và ngày Chủ nhật tiếp theo, ngày 13 tháng Bảy năm 1975, đã xảy ra sự kiện kinh hoàng đó”.

* * *

Chủ nhật, ngày 13 tháng Bảy năm 1975

Một đám đông chen chúc trước ngôi nhà 245 Terrace Avenue. Tin tức đã nhanh chóng lan ra toàn thành phố. Nguồn tin bắt đầu được truyền đi từ Cảnh sát trưởng Pratt, hay chính xác hơn là từ vợ ông ta, Amy, ngay sau khi mà chồng bà nhận được cuộc gọi khẩn cấp tới gia đình nhà Kellergan. Ngay lập tức, Amy Pratt đã báo ngay cho hàng xóm nhà mình và bà hàng xóm này liền gọi điện thoại cho một người bạn, chính người bạn này lại gọi cho chị gái của bà ta người có những đứa con đạp xe đến bấm chuông cửa của gia đình bạn bè của chúng: có chuyện gì đó rất nghiêm trọng đã xảy ra. Trước ngôi nhà của gia đình Kellergan, hai xe cảnh sát và một xe cứu thương; viên cảnh sát

Travis Dawn đang ngăn chặn đám đông tò mò trên hè phố. Từ nhà xe, người ta vẫn còn nghe thấy tiếng nhạc gầm rú.

Erne Pinkas là người đã báo tin cho Harry lúc 10 giờ sáng. Anh ta đập liên hồi cánh cửa nhà Harry và chợt hiểu ra rằng đã đánh thức Harry dậy khi thấy Harry trong bộ quần áo ngủ, tóc tai rối bời.

– Tôi tới đây vì tôi nghĩ rằng không có ai bảo cho anh biết, Erne nói.

– Báo cho tôi biết về việc gì?

– Về Nola.

– Nola làm sao? Cô ấy đã tung hê hết. Cô ấy đã toan tự tử.

20

Ngày tổ chức bữa tiệc ngoài vườn

“Harry, có một trật tự nhất định nào trong tất cả những điều mà thầy kể không?”

– Có chứ, tất nhiên rồi. ..

– Trật tự thế nào?

– Ờ nhỉ, bây giờ anh mới hỏi tôi điều đó... Có thể là không có thật.

– Harry, việc này rất quan trọng! Em không thể làm được nếu thầy không giúp em!

– Vậy thì cái trật tự của tôi không có gì quan trọng cả. Cái trật tự của anh rất cuộc mới là quan trọng. Chúng ta đang chương mấy rồi nhỉ? 19 à?

– Thứ 20.

– Thế thì 20: chiến thắng nằm chính trong tay anh, Marcus ạ. Chỉ cần anh mong muốn cho nó xuất hiện”.

Roy Barnaski gọi điện cho tôi vào sáng thứ Bảy ngày 28 tháng Sáu.

– Anh Goldman thân mến, ông ta nói với tôi, anh có biết thứ Hai sẽ là ngày nào không?

– 30 tháng Sáu.

– 30 tháng Sáu rồi cơ đấy! Thời gian phi nhanh như điên ấy nhỉ. *IL tempo è passato*^[6], anh Goldman. Thế điều gì sẽ xảy ra vào ngày 30 tháng Sáu vậy?

– Là ngày lễ nước sô đa uống với kem lạnh trên toàn quốc,

tôi trả lời. Tôi vừa mới đọc một bài báo về chủ đề này.

– 30 tháng Sáu, là ngày hết kỳ hạn của anh, Goldman! Đó chính là điều xảy ra vào ngày ấy. Tôi vừa mới nói chuyện với Douglas Claren, người đại diện của anh. Anh ta đang cuống cả đít lên. Anh ta nói sẽ không gọi cho anh nữa bởi vì anh đã trở thành một kẻ cứng đầu khó bảo. “Goldman là một con ngựa điên”, anh ta nói với tôi như vậy. Chúng tôi cố gắng chìa tay ra cứu anh, cố gắng thu xếp, nhưng anh thì chỉ thích phi nước đại không chủ đích, đâm thẳng đầu vào tường.

– Chìa tay ra cứu? Ông muốn tôi bịa ra cả một thể loại truyện gợi dục về Nola Kellergan.

– Lại nói quá đáng rồi, Marcus. Tôi muốn làm cho công chúng giải trí. Mang lại cho họ mong muốn mua sách. Càng ngày người ta càng ít mua sách, chỉ trừ khi mà chúng ta tìm ra cho họ những chuyện kinh hoàng liên quan tới những ước muốn ấu thơ không thể khống chế của chính họ.

– Tôi sẽ không bao giờ viết một cuốn sách rác rưởi chỉ để cứu vãn sự nghiệp của mình.

– Nếu anh muốn thế thì tùy. Vậy thì vào ngày 30 tháng Sáu: Marisa, cô thư kí của tôi - người anh vẫn rất quen biết, sẽ đến văn phòng của tôi vào lúc 10 giờ 30 để họp. Cứ thứ Hai hàng tuần, vào lúc 10 giờ 30, chúng tôi sẽ xem xét lại tất cả những sự việc chính xảy ra trong tuần. Cô ta sẽ nói với tôi: “Đến hôm nay là hạn cuối cùng để Marcus Goldman nộp bản thảo nhưng chúng ta vẫn chưa nhận được gì”. Tôi sẽ gật đầu vẻ nghiêm trọng, chắc hẳn là tôi cứ để cho ngày hôm đó trôi qua cái đã, kiểm chế nghĩa vụ kinh khủng của mình lại, sau đó vào 17 giờ 30, đau thắt cả lòng, tôi sẽ phải gọi điện thoại cho Richardson, trưởng phòng tư pháp của công ty, để thông báo cho anh ta biết việc này. Tôi sẽ nói với anh ta là chúng tôi sẽ tiến hành ngay lập

tức các thủ tục để kiện anh vì tội không tuân theo các điều khoản của hợp đồng và chúng tôi sẽ yêu cầu anh phải đền bù thiệt hại và lãi suất, ước tính tương đương khoảng mười triệu đô la.

– Mười triệu đô la? Ông thật là nực cười, Barnaski.

– Ừ, anh có lí đấy. Mười lăm triệu.

– Ông là thằng đểu, Barnaski.

– Chính thế đấy, đó chính là sai lầm của anh đấy, Goldman: anh mới là thằng đểu! Anh muốn vào chơi trong sân của người lớn, nhưng anh lại không muốn tôn trọng luật chơi. Anh muốn chơi ở NHL^[7], nhưng anh lại không chấp nhận tham gia vào những trận playoff và mọi việc không thể như vậy được. Nên anh biết gì không? Bằng số tiền thu được từ vụ kiện anh, tôi sẽ trả công hậu hỉ cho một nhà văn trẻ triển vọng kể lại chuyện Marcus Goldman, hay là một tay nào đó đầy hứa hẹn nhưng vì tình riêng đã phá hủy sự nghiệp và tương lai của mình. Anh ta sẽ tới phỏng vấn anh trong một túp lều rách ở bang Florida nơi anh phải lui về đó để lẩn tránh và say mèm ngay từ lúc 10h sáng để ngăn mình không hoài niệm về quá khứ. Hẹn sớm gặp lại anh, Goldman, trong phiên tòa.

Ông ta dập máy.

Ít lâu sau cú điện thoại kinh hoàng này, tôi đến tiệm Clark's để ăn trưa. Tại đây, tôi mừng rỡ gặp ra các thành viên gia đình nhà Quinn, vào năm 2008. Tamara đang đứng sau quầy thu ngân, mắng xối xả con gái bởi vì cô không làm đủ như này hay không làm đủ như kia. Gòn ông Robert thì đang trốn trong một góc, ngồi trên một chiếc ghế dài nhỏ ăn món trứng chưng và đọc chuyên mục thể thao của tờ *Concord Herald*. Tôi ngồi cạnh bà Tamara, mở một tờ báo tình cờ vợ được và giả vờ chúí mũi

vào đó để nghe cho rõ hơn tiếng phàn nàn ngằn ngại rằng nhà bếp có vẻ bẩn, phục vụ còn chậm, cà phê nguội tanh nguội ngắt, những chai đựng si rô lá đỏ thì dính dấp, những lọ đường thì trống rỗng, bàn ghế dính đầy dầu mỡ, rằng ở phía trong thì nóng quá, rằng bánh không ngon và bà sẽ chẳng bỏ ra một xen để trả cho món ăn như thế, rằng hai đô la cho một cốc cà phê thì đúng là ăn cướp và bà sẽ không bao giờ có thể chuyển nhượng được cái quán này nếu như bà đã biết nó chỉ đáng là một quán ăn bình dân hạng hai, bà chính là người đã ôm mộng về cái nhà hàng này và hơn nữa vào thời kì của bà, tất cả mọi người trong bang đều đến cả đây để ăn bánh mì kẹp và ai cũng kháo nhau rằng đó là loại bánh mì ngon nhất vùng. Bởi nhận ra tôi đang lắng nghe, nên bà nhìn tôi vẻ khinh khỉnh và lên giọng mắng mỏ:

– Đây, cậu kia, tại sao cậu nghe tôi hả?

Tôi giả bộ không biết gì, quay về phía bà:

– Tôi ư, đâu có, tôi có nghe bà nói gì đâu, thưa bà.

– Tất nhiên là cậu đang giởng tai lên nghe, tại vì cậu trả lời tôi đấy thôi! Cậu từ đâu tới?

– New York, thưa bà.

– Bà ta tỏ ra nhã nhặn ngay lập tức, như thể hai tiếng “New York” tạo ra hiệu ứng tức thì khiến thái độ bà mềm mỏng hẳn, bà hỏi tôi giọng ngọt như mía lùi:

– Một thanh niên điển trai như vậy từ New York tới Aurora này để làm gì vậy?

– Tôi viết một cuốn sách.

– Bà ta lập tức sa sầm nét mặt và rống lên như bò:

– Một cuốn sách ư? Cậu là nhà văn hả? Tôi căm ghét bọn nhà văn! Đó là một loài độc hại, vô tích sự và dối trá. Cậu sống bằng

gì? Bằng trợ cấp của Nhà nước hả? Con gái tôi là chủ cái nhà hàng này, và tôi báo cho cậu biết trước, con tôi không bao giờ bán chịu đâu nhé! Thế nên nếu cậu không thể trả được thì hãy biến khỏi đây ngay. Hãy biến ngay khỏi đây trước khi tôi gọi điện cho cảnh sát. Cảnh sát trưởng chính là con rể tôi đấy.

Jenny, đứng đằng sau quầy thu ngân, tỏ vẻ ngán ngẩm.

– Mẹ à, đó là Marcus Goldman, một nhà văn nổi tiếng.

Bà Quinn sặc cà phê:

– Mẹ kiếp, ra cậu là thằng dĩ đực bám váy gã Quebert đó hả?

– Chính là tôi, thưa bà.

– Cậu lớn nhanh quá nhỉ... Thậm chí trông cũng không đến nỗi tồi. Cậu có muốn biết tôi nghĩ thế nào về Quebert không?

– Không, cảm ơn, thưa bà.

– Nhưng dù sao tôi cũng muốn nói với cậu: tôi nghĩ hẳn là con hoang của một mục đàn bà dĩ thỏa và hẳn đáng phải ngồi ghế điện!

– Kìa mẹ! Jenny phản đối.

– Đó là sự thật!

– Mẹ, thôi đi nào.

– Im đi, con gái! Mẹ đang nói chuyện. Hãy nhớ lấy, đó là gã nhà văn đều cáng. Nếu như anh còn có một chút gì đó gọi là trung thực, thì hãy viết sự thật về Harry Quebert: hẳn là tên đều nhất trên thế giới, một gã trụy lạc, một thằng éo lá và là một tên sát nhân. Hẳn đã giết cô bé Nola, mẹ Cooper và theo một cách nào đó, thì hẳn cũng là kẻ giết con gái Jenny của tôi.

Jenny chạy trốn vào bếp. Tôi nghĩ rằng cô đang khóc. Ngồi trên chiếc ghế cao ở quầy bar, dáng người thẳng đứng như chữ “i”, mắt ánh lên vẻ giận dữ điên dại, ngón tay chìa thẳng lên

trời, Tamara Quinn kể cho tôi nghe lí do cơn thịnh nộ của bà và Harry Quebert đã làm nhớ bản tên tuổi của ông như thế nào. Sự kiện mà bà đã chứng kiến xảy ra vào ngày Chủ nhật 13 tháng Bảy năm 1975, đáng lẽ đó phải là ngày đáng nhớ đối với gia đình Quinn khi họ đã tổ chức một bữa tiệc ngoài vườn, ngay từ lúc giữa trưa, trên thảm cỏ vừa được cắt tỉa đẹp đẽ (như đã ghi rõ trên tấm thiệp được gửi tới cho khoảng một tá khách mời).

* * *

Ngày 13 tháng Bảy năm 1975

Đó là một sự kiện lớn và Tamara Quinn đã dự trù đâu ra đấy: bạt đã được căng trong vườn, dụng cụ bằng bạc và khăn ăn trắng đã được bày hiện trên bàn, bữa trưa gồm các món buffet được đặt từ một đầu bếp tên tuổi ở Concord, với những món khai vị như cá, thịt nguội, hải sản và xà lát Nga. Một nhân viên phục vụ thành thục đã được báo trước để đảm trách phục vụ đồ uống mát và rượu vang Ý. Tất cả mọi thứ đều hoàn hảo. Bữa trưa này sẽ là một buổi hội ngộ của những người có vai vế bậc nhất: Jenny chuẩn bị chính thức giới thiệu người yêu mới của mình với một số nhân vật tầm cỡ trong giới thượng lưu ở Aurora.

Chỉ còn mười phút nữa là đúng giữa trưa. Tamara tự hào ngắm nghía sự bày trí trong khu vườn của mình: tất cả đã sẵn sàng. Bà đang đợi tới phút cuối để mang các món ăn ra, tại vì trời quá nóng. A! Tất cả mọi người sẽ thưởng thức món ốc đỏ, sò đốm và tôm hùm trong lúc lắng nghe những câu chuyện xuất sắc của Harry Quebert, và bên cạnh anh ta, sẽ là con gái Jenny tuyệt vời của bà. Đúng là hoành tráng, và Tamara run lên vì

hứng chí khi tượng tưởng ra khung cảnh đó. Bà tiếp tục ngắm nghía công trình chuẩn bị của mình, sau đó kiểm tra lại một lần cuối cùng kế hoạch bày trí các bàn tiệc và chỗ ngồi mà bà đã ghi lại ra giấy rồi cố gắng học thuộc. Tất cả đều hoàn hảo. Chỉ còn thiếu duy nhất các vị khách mời.

Tamara đã mời bốn người bạn gái của mình cùng với chồng của họ. Bà đã suy nghĩ rất lâu về số lượng khách mời. Đó là một sự lựa chọn khó khăn: quá ít khách mời có thể sẽ gây ra cảm giác về một bữa tiệc ngoài vườn thất bại, nhưng quá nhiều người tham dự để khiến cho buổi trưa tinh tế của bà mang dáng vẻ của một bữa trưa dân dã khoa trương. Rốt cuộc, bà đã quyết định chọn ra trong số bạn bè của mình bốn người mà bà cho rằng họ sẽ có khả năng truyền tin mạnh nhất trong thành phố, nhờ họ mà người ta sẽ nhanh chóng nói rằng Tamara Quinn đã tổ chức một sự kiện sang trọng có tính chất sàng lọc bởi vì con rể tương lai của bà là ngôi sao của giới trí thức Mỹ. Vì vậy bà đã mời Amy Pratt người tổ chức buổi vũ hội mùa hè, Bell Carlton người được cho là có gu ăn chơi tinh tế nhất bởi vì chồng của bà ta thay xe hơi hàng năm, Cindy Tirsten người đứng đầu nhiều câu lạc bộ phụ nữ và Donna Mitchell người mắc bệnh dịch nói nhiều và suốt ngày chỉ biết khoe khoang về thành công của con cái. Tamara đã sẵn sàng làm cho các bà này sáng mắt ra. Ngay từ khi nhận được thiệp mời, họ liền lập tức gọi điện thoại để hỏi lí do của buổi liên hoan này là gì. Nhưng Tamara cố tình giữ thái độ lập lờ bằng vẻ thờ ơ rất là bác học: “Tôi phải thông báo cho các bà biết một tin đặc biệt”. Bà sốt ruột muốn nhìn thấy bộ mặt của các bà bạn khi họ chứng kiến con gái Jenny của bà sánh vai cùng chàng trai nổi tiếng Quebert trong suốt cuộc đời. Rồi gia đình nhà Quinn sẽ nhanh chóng trở thành tâm điểm của mọi cuộc thảo luận và những màn đổ kị.

Tamara, vì quá bận bịu với bữa trưa, là một trong những người hiếm hoi trong thành phố này không bồn chồn đứng trước cửa nhà gia đình Kellergan. Ngay từ đầu giờ sáng, bà đã biết tin, cũng như tất cả mọi người, bà cảm thấy lo lắng cho bữa tiệc ngoài vườn của mình: Nola đã cố gắng tự tử. Nhưng ơn Chúa, cô bé đáng thương tự tử không thành và bà cảm thấy may mắn của mình nhân lên gấp đôi: ban đầu nếu Nola chết thì bữa tiệc sẽ bị hủy bỏ vì thật không nên không phải nếu vẫn tổ chức liên hoan trong một hoàn cảnh như vậy. Thêm nữa, thật may làm sao vì đó là Chủ nhật chứ không phải là thứ Bảy, bởi nếu Nola cố gắng tự tử vào một ngày thứ Bảy, thì bà sẽ phải kiếm người thay thế công việc của cô bé ở tiệm Clark's và điều này rất phức tạp. Rõ ràng Nola rất tử tế vì đã hành động vào sáng Chủ nhật, hơn nữa lại không thành công.

Hài lòng với mọi điều ở bên ngoài, Tamara đi xem xét những thứ đang diễn ra ở bên trong căn nhà. Bà thấy Jenny đã ở đúng vị trí, trước lối vào, sẵn sàng đón tiếp khách mời. Tuy vậy, bà vẫn phải rửa xả cái ông Bobbo đáng thương một trận dù ông đã mặc sơ mi và thắt cà vạt nhưng vẫn chưa xỏ quần dài, bởi lẽ vào ngày Chủ nhật, Ông được quyền mặc quần đùi ngồi đọc báo trước hiên nhà và ông rất thích cảm giác mát mẻ khi gió lùa vào bên trong, thật là dễ chịu.

– Thôi ngay cái trò “chuổng cời” này đi! Bà vợ ông la lối. Ông định thế nào hả? Khi Harry Quebert nổi tiếng đã là con rể của chúng ta rồi, thì ông vẫn cứ đi đi lại lại với cái quần đùi của ông hả?

– Bà biết đấy, Bobbo trả lời, tôi cho rằng anh ta không giống như những gì chúng ta nghĩ về anh chàng đâu. Suy cho cùng, đó là một thanh niên cực kì bình dị. Anh ta thích các động cơ ô tô, uống bia lạnh, tôi nghĩ rằng anh ta sẽ không cảm thấy bị xúc

phạm khi nhìn thấy tôi trong bộ đồ ngày Chủ nhật. Hơn nữa, tôi sẽ hỏi anh ta...

– Ông sẽ không hỏi anh ta bất kì điều gì hết! Ông không được phát ngôn bất kì một điều ngu ngốc nào trong cả bữa ăn! Hơn nữa, rất đơn giản: tôi không muốn nghe thấy tiếng của ông. À này, ông Bobbo, nếu pháp luật cho phép, thì tôi sẽ khâu miệng ông lại để ông không thể nói được nữa: mỗi khi ông mở mồm, chỉ toàn nói những lời ngu ngốc. Cứ ngày Chủ nhật, bắt đầu từ bây giờ, sẽ luôn là quần dài, áo sơ mi. Chấm hết. Sẽ không còn chuyện ông đi đi lại lại trong nhà với cái quần lót ấy nữa. Từ bây giờ chúng ta sẽ là những người cực kỳ quan trọng.

Trong lúc nói, bà phát hiện ông chồng của mình đang nguệch ngoạc mấy dòng trên một tấm bưu ảnh đặt trước mặt, trên chiếc bàn thấp trong phòng khách.

- Cái gì thế? bà tru lên.
- Cái này.
- Đưa tôi xem.
- Không, Bobbo che những dòng chữ và toàn bộ bức ảnh.
- Bobbo, tôi muốn xem.
- Đây là thư tín cá nhân.
- Ôi, quý ông bây giờ lại viết thư tín cá nhân cơ đấy. Đưa cho tôi xem, tôi đã bảo ông rồi! Chính tôi là người quyết định trong căn nhà này, hiểu chưa?

Bà ta giật lấy từ tay ông chồng tấm ảnh mà ông đang cố gắng giấu dưới tờ báo của mình. Bức ảnh chụp một con chó nhỏ. Bà đọc to bằng một giọng giễu cợt:

Nola yêu quý!

Chúng tôi chúc cháu mau chóng bình phục và chúng tôi hi

vọng cháu sẽ sớm quay trở lại tiệm Clark's. Đây là những viên kẹo để giúp cuộc đời của cháu thêm dịu ngọt. Chúc cháu mọi điều tốt đẹp nhất.

Gia đình bác Quinn.

– Cái trò vô bổ này có nghĩa là gì thế, Tamara kêu lên.

– Một bưu ảnh tặng Nola. Tôi sẽ đi mua thêm kẹo và sẽ gửi cùng nó. Điều này sẽ làm cho cô bé vui vẻ, bà không nghĩ vậy sao?

– Ông thật nực cười, Bobbo! Cái bưu ảnh với con chó nhỏ này thật là nực cười, câu chữ của ông viết ở đây cũng thật là nực cười! Chúng tôi hi vọng cháu sẽ sớm quay trở lại tiệm Clark's. Con bé vừa mới cố gắng vứt bỏ tất cả: ông thật sự nghĩ là nó sẽ muốn quay trở lại phục vụ cà phê à? Thế còn kẹo? Ông muốn nó làm gì với mấy cái kẹo ấy bà?

– Cô bé sẽ ăn kẹo, tôi nghĩ rằng nó sẽ thích. Bà thấy không, bà phá hoại hết cả. Chính vì thế mà tôi không muốn cho bà xem.

– Ôi, thôi, đừng có mà nỉ non nữa, Bobbo, Tamara bực bội xé phẳng tấm bưu ảnh thành bốn mảnh. Tôi sẽ gửi hoa cho cô bé, những bông hoa sang trọng từ một cửa hàng có tiếng ở Montburry, chứ không phải mấy cái kẹo mua trong siêu thị. Và chính tôi sẽ tự viết cho cô bé, trên một tấm giấy bì trắng tinh. Tôi sẽ viết, bằng một nét chữ cực đẹp: *Chúc sớm bình phục*. Từ gia đình Quinn và Harry Quebert. Còn giờ thì ông hãy mau mặc quần dài vào, các khách mời của tôi sắp đến rồi.

Donna Mitchell cùng chồng bấm chuông cửa đúng vào 12 giờ, tiếp ngay theo là Amy và Cảnh sát trưởng Pratt. Tamara ra lệnh cho phục vụ mang ngay cocktail đến để chào mừng khách, và họ cùng nhau uống trong vườn. Cảnh sát trưởng Pratt kể lại

việc mình bị cú điện thoại lôi khỏi giường ngủ như thế nào: Cô bé Kellergan đã cố gắng uống cả một đồng thuốc. Tôi nghĩ là cô bé đã nuốt hết mọi thể loại, kể cả thuốc ngủ. Nhưng không có gì nghiêm trọng cả. Cô bé đã được đưa đến bệnh viện Montburry để rửa ruột. Chính ông mục sư đã tìm thấy cô bé trong phòng tắm. Ông ta khẳng định rằng cô bé bị sốt và uống nhầm thuốc. Tôi thì tôi nói rằng... Nhưng thôi, quan trọng là cô bé không bị sao.

– May mà chuyện xảy ra vào buổi sáng chứ không phải là vào buổi trưa, Tamara nói. Thật đáng tiếc nếu các ông các bà không đến đây được.

– À phải rồi, bà có điều gì quan trọng muốn báo cho chúng tôi vậy? Donna sốt ruột hỏi.

Tamara cười rạng rỡ và trả lời sẽ tuyên bố khi tất cả khách mời đã đến đông đủ. Ngay sau đó, gia đình Tristen đến và vợ chồng Carlton cũng có mặt vào lúc 12 giờ 20 với lý do họ gặp vấn đề trong việc định hướng của chiếc ô tô mới của mình. Tất cả mọi người đã tới. Tất cả mọi người, chỉ trừ Harry Quebert. Tamara đề nghị uống tiếp một chầu cocktail nữa để chào mừng sự có mặt của mọi người.

– Chúng ta còn đợi gì nữa? Donna hỏi.

– Các ông bà sẽ thấy; Tamara trả lời.

Jenny mỉm cười; đó sẽ là một ngày tuyệt vời.

12 giờ 40, Harry vẫn chưa tới. Đã mời khách đến ly thứ ba. Rồi ly thứ tư vào lúc 12 giờ 58.

– Lại uống tiếp một ly chào mừng nữa á? Amy Pratt phàn nàn.

– Bởi vì thật mừng làm sao khi các ông bà đến đây. Tamara tuyên bố và bắt đầu lo lắng thực sự về sự chậm trễ của vị khách

mời đặc biệt.

Mặt trời như thiêu đốt. Mọi người bắt đầu chuánh choáng hơi men. Tôi đói rồi, rốt cuộc Bobby nói và lập tức nhận ngay một cú đập gáy ra trò. Đã 13 giờ 15, Harry vẫn chưa tới. Tamara cảm thấy bụng mình quặn lại.

* * *

– Chúng tôi đợi chờ mòn mỏi, Tamara thổ lộ với tôi tại bàn bar của tiệm Clark's. Nhân danh Chúa, chúng tôi đã đợi mòn đợi mỏi! Trời nóng như thiêu đốt. Ai nấy đều đổ mồ hôi ròng ròng...

– CƠn khát của đời tôi, Robert hét lên và cố gắng chen vào cuộc trò chuyện của chúng tôi.

– Im đi! Tôi mới là người được hỏi vì những điều mà tôi biết. Những nhà văn lớn như anh Goldman đây không quan tâm tới những đồ thân lừa như ông đâu.

Bà ta ném một chiếc đĩa về phía ông chồng rồi quay sang nói với tôi:

– Tóm lại, chúng tôi đã đợi tới tận một rưỡi chiều.

* * *

Tamara đã hi vọng ô tô bị hỏng hay thậm chí là một vụ tai nạn. Bất kì điều gì, miễn không phải là bà đang bị lừa. Giả vờ có việc phải làm ở trong bếp, bà đi gọi điện thoại nhiều lần đến ngôi nhà ở Goose Cove, nhưng không ai trả lời. Vậy là bà mở đài để nghe tin tức, không hề có một vụ tai nạn nào được thông

báo, và cũng không có một nhà văn nổi tiếng nào bị chết ở bang New Hampshire vào ngày hôm đó. Hai lần, bà thấy tiếng xe ô tô trước nhà, lần nào tim bà cũng đập dữ dội: là anh ta! Nhưng không: đó là những người hàng xóm ngu dốt.

Những vị khách mời không thể chịu đựng hơn được nữa: chết ngạt vì nóng bức, rút cuộc họ chạy hết ra ngoài dưới tấm bạt để cho mát hơn chút ít. Họ ngồi đó, cảm thấy buồn chán trong một sự yên lặng chết chóc. “Tôi hi vọng rằng đó sẽ là một tin cực kì quan trọng”, rút cuộc Donna nói. “Nếu như tôi uống thêm một ly nữa, tôi sẽ nôn ra mất”, Amy phát biểu. Cuối cùng, Tamara yêu cầu phục vụ bày thức ăn lên bàn và mời mọi người vào bữa.

14 giờ, bữa trưa đã bắt đầu được một lúc nhưng vẫn chưa có tin tức gì của Harry. Jenny đau lòng không thể nuốt được bất cứ cái gì. Cô cố gắng không bật khóc nước mắt trước tất cả mọi người. Tamara, điên lên vì giận dữ: trễ hẹn những hai giờ đồng hồ, anh ta sẽ không đến nữa. Làm thế quái nào mà anh ta lại có thể chơi bà một vở như vậy được chứ? Loại đàn ông lịch lãm nào lại cư xử như vậy? Như thế chưa đủ khiến Tamara điên tiết, Donna vẫn một mực nài nỉ bà thông báo tin tức quan trọng đấy là gì. Tamara không nói gì. Bobby bất hạnh muốn cứu vãn tình thế và danh dự cho vợ mình, bèn đứng dậy, trình trọng nâng cốc của mình lên và tuyên bố đầy vẻ tự hào, mắt hướng về các vị khách mời: “Các bạn thân mến của tôi, chúng tôi muốn thông báo các bạn biết rằng chúng tôi vừa có một chiếc ti vi mới”.

Tất cả mọi người im lặng một lúc lâu vì khó hiểu. Tamara cũng không thể chịu đựng được vì bị làm trò cười, cũng đứng lên và tuyên bố: “Robert bị ung thư. Ông ấy sắp chết”. Các vị khách mới ngay lập tức đều mủi lòng, cả Bobbo cũng vậy, ông

thậm chí còn không biết là mình sắp chết và tự hỏi bác sĩ đã gọi điện thoại đến nhà lúc nào và tại sao vợ ông không nói gì với ông. Bỗng Robert bật khóc nức nở vì ông thấy nhớ cuộc sống quá. Gia đình ông, con gái ông, thành phố bé nhỏ của ông: ông sẽ nhớ tất cả mọi thứ. Mọi người liền ôm lấy ông và hứa sẽ đến bệnh viện thăm ông cho tới tận khi ông trút hơi thở cuối cùng và họ sẽ không bao giờ quên ông.

Sở dĩ Harry không tới dự bữa tiệc do Tamara Quinn tổ chức là bởi anh đang ngồi ở đầu giường bệnh của Nola. Ngay khi nhận được tin báo của Pinkas, anh lập tức đến ngay bệnh viện Montburry nơi Nola điều trị. Anh đã ở trong bãi đỗ xe nhiều giờ liền, bên cạnh tay lái, không biết phải làm gì. Anh cảm thấy có lỗi: nếu như nàng muốn chết, là tại anh. Ý nghĩ này khiến anh cũng muốn tự tử. Anh cứ để mặc cho cảm xúc tuôn trào: anh đang cảm nhận mức độ tình cảm anh dành cho nàng. Và anh nguyện rửa tình yêu; khi nàng ở đó, ngay bên cạnh anh, anh có thể thuyết phục mình rằng giữa họ không có gì sâu nặng, anh cần phải tránh xa nàng trong đời, nhưng ngay bây giờ khi anh có nguy cơ mất nàng, anh không thể tưởng tượng mình có thể sống mà thiếu nàng. Nola, Nola yêu quý. N-O-L-A. Anh yêu nàng biết nhường nào.

17 giờ, rốt cuộc anh cũng có đủ can đảm để bước vào bệnh viện. Anh hi vọng không bị ai bắt gặp, nhưng trong sảnh chính, anh đã chạm mặt David Kellergan, đôi mắt ông đỏ mọng vì khóc.

- Thừa mục sư... Tôi biết tin về Nola, tôi rất lấy làm tiếc.
- Cảm ơn đã đến để chứng tỏ tình thân của anh, Harry. Chắc hẳn anh đã nghe thấy người ta nói rằng Nola cố ý tự tử: đó chỉ là một lời nói dối bất hạnh. Con tôi bị đau đầu và đã uống nhầm thuốc. Con bé rất hay lơ đãng, giống như tất cả những đứa trẻ

khác.

– Tất nhiên rồi, Harry trả lời. Thuộc với chả thang, thật tệ hại. Nola đang ở trong buồng nào ạ? Tôi muốn đến chào cô ấy một tiếng.

– Anh thật tốt bụng, nhưng anh biết đấy, tốt nhất là nó nên tránh gặp mọi người vào lúc này. Con bé cần được nghỉ ngơi. Mong anh thông cảm.

Tuy nhiên, mục sư Kellergan có mang theo một cuốn sổ nhỏ mà tất cả các khách đến thăm có thể viết vào đó. Sau khi ghi *Chúc mau chóng bình phục. H.L.Quebert*, Harry làm ra vẻ ra vẻ và ngồi chết dí trong chiếc Chevrolet của mình. Anh còn đợi thêm một tiếng đồng hồ nữa, và khi nhìn thấy ông mục sư đi ra phía xe của mình, anh kín đáo quay lại bệnh viện và hỏi thăm phòng của Nola. Phòng số 26 trên tầng 2. Anh gõ cửa, tim đập thình thịch. Không có tiếng trả lời. Anh nhẹ nhàng mở cửa: Nola chỉ có một mình, đang ngồi ở mép giường. Nàng quay lại nhìn thấy anh; mới đầu mắt nàng sáng lên nhưng sau đó nàng có vẻ buồn.

– Hãy để mặc em, Harry... Hãy để mặc em nếu không em sẽ gọi y tá.

– Nola, anh không thể để mặc em được

– Anh đã rất độc ác, Harry. Em không thể gặp anh được. Gặp anh làm em đau khổ. Vì anh mà em muốn chết.

– Hãy tha lỗi cho anh, Nola.

– Em chỉ có thể tha lỗi cho anh nếu như anh muốn em. Nếu không, hãy để cho em yên.

Nàng nhìn anh chằm chập; anh mang vẻ mặt đau buồn và hồi lỗi đến độ nàng không thể ngăn nổi mình dành cho anh một nụ cười.

—Ồ, Harry yêu quý, đừng có làm bộ mặt của một con cún bắt

hạnh như thế chứ. Anh có hứa là sẽ không bao giờ độc ác nữa không?

– Anh hứa.

– Hãy xin em tha thứ cho anh vì tất cả những ngày anh bỏ mặc em một mình trước cửa nhà anh khi không mở cửa cho em.

– Anh xin em tha lỗi, Nola.

– Hãy xin lỗi một cách tử tế hơn. Hãy quỳ xuống. Hãy quỳ gối và hãy xin em tha thứ.

Anh quỳ gối, không suy nghĩ gì nữa, anh cúi đầu lên đầu gối để trán của nàng. Nàng cúi xuống và ve vuốt gương mặt anh. - Hãy đứng dậy đi Harry. Và hãy đến bên em đi Harry yêu quý. Em yêu anh. Em yêu anh ngay từ khi nhìn thấy anh. Em muốn là vợ của anh mãi mãi.

Trong khi Harry và Nola ở cùng nhau trong bệnh viện, thì ở Aurora nơi bữa tiệc ngoài vườn đã kết thúc nhiều tiếng đồng hồ trước đó, Jenny giam mình trong phòng riêng, khóc lóc vì xấu hổ và buồn bã. Robert cố gắng an ủi con gái mình, nhưng cô từ chối mở cửa. Tamara bị chi phối hoàn toàn bởi cơn tam bành, rời khỏi nhà để đến gặp Harry đòi lời giải thích. Bà để lỡ mất một vị khách tới nhà bấm chuông khi bà vừa đi khỏi chưa được mười phút. Robert ra mở cửa, thấy Travis Dawn đang nhắm chặt mắt trong bộ quân phục diễu hành, chìa ra cho ông một bó hồng và nói một tràng không dừng:

—Jenny-có-muôn-đi-cùng-mình-đến-buổi-vũ-hội-mùa-hè-không, cảm-ơn-nhiều.

Robert phá lên cười.

– Travis, hình như cháu muốn nói chuyện với Jenny?

Travis mở to mắt và suýt hét toáng lên.

– Bác Quinn? Cháu, cháu xin lỗi. Cháu thật là vô dụng quá. Chỉ là vì cháu muốn... Tức là, bác có cho phép cháu dẫn con gái của bác đến dự buổi vũ hội mùa hè được không ạ? Tất nhiên là nếu cô ấy đồng ý. Tức là, cũng có thể cô ấy đã có ai đó rồi. Có phải là cô ấy đã hẹn hò với ai rồi phải không ạ? Cháu tin chắc thế mà! Cháu thật là ngu ngốc quá.

Robert thân mật vỗ vai Travis.

—Thôi nào, con trai của ta, cháu không thể may mắn hơn được đâu. Hãy vào đi.

Ông dẫn viên cảnh sát trẻ vào bếp và lấy trong tủ lạnh ra một chai bia.

– Cảm ơn bác, Travis nói và đặt những bông hoa lên mặt bàn.

– Không, đây là dành cho tôi. Còn cháu, cháu cần cái gì đó mạnh hơn nhiều.

Robert cầm lên một chai Whisky và rót vào một cốc đã có sẵn đá bên trong.

– Hãy uống cạn một hơi nhé, cháu muốn không?

Travis vâng lời. Robert nói tiếp:

– Con trai của ta, con có vẻ rất căng thẳng. Cần phải thư giãn đi. Con gái không thích đàn ông căng thẳng. Hãy tin ta, ta cũng biết một vài bí quyết.

– Tuy nhiên cháu không phải là đứa nhút nhát, nhưng khi nhìn thấy Jenny, cháu như bị tắc tị. Cháu không còn biết gì nữa...

– Đó là tình yêu, con trai ạ.

– Bác nghĩ vậy ạ?

– Chắc chắn.

– Đúng là con gái bác, cô ấy thật tuyệt vời, bác Quinn ạ: quá dịu dàng, quá thông minh và đẹp đến thế! Cháu cũng không biết mình có nên nói với bác không, nhưng đôi khi cháu đi qua tiệm Clark's chỉ là để nhìn thấy cô ấy qua cửa kính. Cháu ngắm cô ấy... Cháu ngắm nhìn cô ấy và cảm thấy tim mình như muốn nổ tung trong lồng ngực, cứ như thể cháu sắp chết ngạt trong bộ quân phục. Thế có phải là tình yêu không ạ?

– Chắc chắn rồi.

– Và bác biết không, vào lúc đó, cháu muốn ra khỏi xe, đi vào tiệm Clark's và hỏi Jenny xem cô ấy có khỏe không, hay là cô ấy có muốn đi xem phim sau khi kết thúc công việc không. Nhưng cháu chưa bao giờ dám bước vào. Thế cũng là tình yêu à bác?

– Cũng cái khỉ gì, đó là trò khỉ ngu ngốc. Cứ thế thì sẽ để lỡ mất các cô gái mà mình yêu. Không nên nhút nhát, con trai của ta. Cháu còn trẻ, đẹp trai, cháu có tất cả các phẩm chất cần có.

– Thế cháu phải làm gì bây giờ bác Quinn?

Robert lại rót thêm cho Travis một cốc đầy whisky nữa.

– Ta cũng rất muốn gọi Jenny xuống đây nhưng nó vừa mới trải qua một buổi chiều khó khăn. Nếu cháu muốn một lời khuyên thì hãy uống nốt và nên quay về nhà: cởi bộ quân phục này ra và chỉ mặc một chiếc áo sơ mi đơn giản. Sau đó, cháu gọi điện thoại đến đây để rủ Jenny ra ngoài ăn tối. Hãy nói cháu muốn đi ăn một chiếc bánh mì kẹp thịt ở Montburry. Ở đấy, có một quán con gái bác rất mê, ta sẽ cho cháu địa chỉ. Cháu sẽ thấy, mình sẽ không thể may mắn hơn đâu. Và buổi tối, khi cảm thấy không khí không còn căng thẳng nữa, hãy rủ nó đi dạo một vòng. Rồi hai đứa đi tìm một cái ghế dài, cùng ngồi ngắm những vì sao. Sau đó, cháu hãy chỉ cho nó các chòm sao trên trời...

– Các chòm sao nào? Travis thất vọng hỏi. Nhưng cháu chẳng biết chòm sao nào cả!

– Thế thì chỉ cần chỉ cho nó chòm sao Bắc Đẩu là được.

– Chòm sao Bắc Đẩu ả? Cháu cũng không biết nó như thế nào!

– Ôi trời, chết cháu tôi!

– Giời, thôi cứ chỉ cho nó bất kì một chòm sao nào đó sáng trên trời và đặt đại cho tên gì cũng được. Phụ nữ lúc nào cũng thấy lãng mạn khi một thằng đàn ông biết thiên văn. Cố gắng đừng có nhầm lẫn giữa một vì sao đối ngôi với một chiếc máy bay. Sau đó, hãy hỏi con bé có muốn làm bạn nhảy với cháu vào buổi vũ hội mùa hè không.

– Bác có nghĩ là cô ấy đồng ý không ạ?

– Chắc chắn.

– Cảm ơn bác Quinn! Cảm ơn bác nhiều!

Sau khi Travis quay về, Robert cố gắng thuyết phục Jenny ra khỏi phòng riêng. Hai bố con cùng ăn kem trong bếp.

– Con sẽ đi dự vũ hội mùa hè với ai đây, bố ơi? Jenny hỏi đầy vẻ bất hạnh. Con sẽ chỉ có một mình và tất cả mọi người sẽ trêu chọc con.

– Đừng có nói những điều kinh khủng như vậy con. Bố chắc là có hàng đồng thanh niên đang mơ ước được đi cùng với con.

Jenny nuốt hẳn một miếng kem thật to.

– Con rất muốn biết đó là ai! Cô rên rỉ trong khi miệng đầy kem. Tại vì con chẳng biết ai cả.

Vào lúc đó, chuông điện thoại kêu. Robert để cho con gái trả lời điện thoại và ông nghe thấy Jenny nói: “A, chào Travis”, “Ừ”, “Ừ, mình sẽ rất vui”, “Ba mươi phút nữa à, tuyệt vời. Hẹn

gặp lại ngay nhé”. Cô dập điện thoại và vội vàng đến kể cho bố mình nghe rằng đó là người bạn của cô, Travis vừa mới gọi điện thoại để rủ cô đi ăn tối ở Montburry. Robert cố gắng tỏ ra ngạc nhiên:

– Con thấy chưa, ông nói với con gái, bố đã nói với con là con sẽ không phải đi dự vũ hội mùa hè một mình mà.

Và đúng lúc đó, tại Goose Cove, Tamara đang lục lọi trong ngôi nhà không có người. Bà đã gõ cửa rất lâu, nhưng không có tiếng trả lời; nếu như Harry lẩn trốn thì bà sẽ đến tìm anh ta. Nhưng trong nhà không có ai và bà quyết định tiến hành một cuộc điều tra nho nhỏ. Bà bắt đầu từ phòng khách, sau đó là các phòng khác và cuối cùng là phòng làm việc của Harry. Bà lục lọi đồng giấy tờ vương vãi trên bàn làm việc, đến tận khi thấy trang giấy mà anh vừa mới viết:

Nola của anh, Nola yêu quý, tình yêu Nola. Em đã làm gì? Tại sao em lại muốn chết? Phải chăng là vì anh? Anh yêu em, anh yêu em hơn tất cả. Đừng bỏ anh đi. Nếu em chết thì anh cũng chết. Điều quan trọng nhất trong cuộc sống của anh, Nola à, đó là em. Bốn chữ: N-O-L-A.

Và bà Tamara vô cùng kinh ngạc, nhét tờ giấy vào túi, quyết định chắc chắn như đinh đóng cột là sẽ hủy hoại Harry Quebert.

Vụ án Harry Quebert

“Các nhà văn viết thuê đêm phát bệnh vì cà phê và hút thuốc lá cuộn là chuyện huyền thoại, Marcus ạ. Anh phải là người có kỉ luật, Marcus, chính xác như tập dượt bốc vậy. Cần phải tuân thủ nghiêm ngặt giờ giấc, phải luyện tập chuyên cần: phải giữ được nhịp độ, phải kiên quyết và tuân theo một trật tự tuyệt đối trong công việc. Đó chính là ba Nguyên tắc bảo vệ anh khỏi kẻ thù tồi tệ của các nhà văn.

– Kẻ thù là ai?

– Là kì hạn. Anh có hiểu thế nào là một kì hạn không?

– Không.

– Có nghĩa là não của anh, về bản chất rất đỏng đảnh, buộc phải sản xuất trong một khoảng thời gian có giới hạn do người khác đặt ra. Giống y như anh là một người giao hàng và ông chủ của anh bắt anh phải đến chỗ này vào đúng giờ này: anh phải tự xoay sở, không cần biết tình hình giao thông như thế nào hay xe anh có bị nổ lốp hay không. Anh không được phép đến muộn, nếu không thì đời anh đi tong. Y chang như thời hạn mà người xuất bản áp đặt anh. Người xuất bản của anh vừa là vợ anh, vừa là ông chủ của anh: không có anh ta, anh chẳng là gì cả, nhưng anh không thể không căm thù ông ấy. Quan trọng nhất là phải thực hiện đúng kì hạn, Marcus ạ. Nhưng nếu có khả năng, thì hãy chơi đùa với nó. Sẽ thú vị hơn gấp vạn lần”.

Chính bà Tamara Quinn kể cho tôi nghe việc bà ăn cắp tờ giấy ở nhà Harry. Bà thổ lộ với tôi vào ngày hôm sau khi tôi đến

trò chuyện với bà ở tiệm Clark's. Câu chuyện của bà đã kích động ghê gớm trí tò mò của tôi, và tôi chủ động đến gặp bà. Bà tiếp tôi trong phòng khách, rất phấn khích vì sự quan tâm của tôi. Trích lại lời khai của bà tại sở cảnh sát cách đây hai tuần trước, tôi hỏi bà làm thế nào lại biết được chuyện giữa Harry và Nola. Chính lúc đó, bà đã tiết lộ cho tôi về cuộc thăm viếng của bà ở Goose Cove vào tối Chủ nhật sau bữa tiệc ngoài vườn.

– Những lời lẽ tôi đọc thấy trên bàn làm việc của Harry thật là phát nôn, bà nói với tôi. Toàn những điều khủng khiếp về Nola!

Căn cứ vào thái độ của bà, tôi hiểu rằng bà sẽ không bao giờ đặt ra giả thuyết về một tình yêu thực sự giữa Harry và Nola.

– Không khi nào bà tưởng tượng rằng họ thực sự yêu nhau ư? Tôi hỏi.

– Yêu nhau á? Thôi đi, đừng có nói những điều ngu ngốc như thế. Quebert là một tên đòi truy độc hại, chỉ thế thôi. Tôi không thể nào tưởng tượng được dù trong một giây Nola đã có thể đáp lại sự tấn công của gã. Chỉ Chúa mới biết được rằng gã đã làm cô bé phải chịu đựng cái gì... Khổ thân cô bé quá.

– Thế sau đó, bà làm gì với tờ giấy đó?

– Tôi đã lấy nó đi.

– Để làm gì?

– Làm hại Quebert. Tôi muốn gã phải vào tù.

– Thế bà có nói về tờ giấy đó với ai không?

– Đương nhiên rồi.

– Với ai vậy?

– Cảnh sát trưởng Pratt. Một vài ngày sau khi tôi tìm thấy tờ giấy.

– Bà chỉ nói với mỗi mình ông ta thôi ư?

– Tôi đã nói cho nhiều người hơn vào lúc Nola biến mất. Quebert là một hướng điều tra mà cảnh sát không thể bỏ qua.

– Vậy thì, theo như tôi hiểu, bà đã phát hiện Harry phải lòng Nola, và bà đã không nói với ai, cho đến tận khi cô bé biến mất, khoảng hai tháng sau đó.

– Chính thế.

– Thừa bà Quinn. Tôi chỉ mới biết bà, nên tôi không thể hiểu nổi tại sao vào lúc bà phát hiện ra tờ giấy, bà lại không dùng nó để chứng tỏ hành động sai trái của Harry, mà theo đánh giá của bà, đó là người đã cư xử không đúng đắn khi không tới dự bữa tiệc trong vườn nhà bà. Tôi muốn nói rằng, ngoài sự coi trọng của bà, bà là người rất dễ găm tờ giấy này lên các bức tường trong thành phố hoặc là phát tán nó vào tất cả các hộp thư của những người hàng xóm.

Bà ta cụp mắt xuống:

– Thế anh vẫn không hiểu à? Tôi đã vô cùng xấu hổ. Cực kì xấu hổ. Harry Quebert, một nhà văn lớn từ New York đến, đã từ chối con gái của tôi vì một đứa trẻ mười lăm tuổi. Con gái tôi! Thế anh nghĩ là tôi phải cảm thấy thế nào? Tôi vô cùng nhục nhã. Nhục nhã ê chề. Tôi đã tung tin đồn rằng chuyện giữa Harry và Jenny là thật, vậy hãy tưởng tượng vẻ mặt của mọi người sẽ như thế nào... Còn Jenny thì quá yêu gã đó. Nó sẽ chết nếu phát hiện ra sự thật. Vì vậy, tôi đã quyết định giữ riêng cho mình bí mật này. Anh phải nhìn thấy con gái Jenny của tôi, trong buổi vũ hội mùa hè vào tuần tiếp theo. Nó có vẻ rất buồn bã dù ở trong vòng tay của Travis.

– Thế còn Cảnh sát trưởng Pratt? Ông ta nói gì khi biết chuyện?

– Rằng ông ấy sẽ điều tra. Tôi lại nói lần nữa khi con bé biến mất: ông ấy đã nói có thể đó là một hướng điều tra. Vấn đề là đúng lúc đó thì tờ giấy lại biến mất.

– Sao lại biến mất?

– Tôi cất nó trong két sắt của tiệm Clark's. Tôi là người duy nhất có chìa khóa. Và vào ngày đầu tiên của tháng Tám năm 1975, tờ giấy đó đã biến mất một cách bí ẩn. Không còn tờ giấy thì không có bằng chứng chống lại Harry.

– Ai có thể lấy tờ giấy đó?

– Tôi không biết. Đó vẫn là một bí ẩn lớn. Một két rất to, bằng kim loại, mà chỉ có tôi là người duy nhất có chìa khóa. Trong đó là toàn bộ giấy tờ sổ sách của tiệm, tiền để trả lương và một ít tiền mặt để mua hàng. Một buổi sáng, tôi phát hiện ra tờ giấy không còn đó nữa. Không hề có một dấu hiệu cạy khóa nào. Tất cả mọi thứ vẫn còn nguyên, ngoại trừ tờ giấy đáng nguyên rủa kia.

Tôi ghi chép mọi điều bà kể: mọi thứ càng trở nên hấp dẫn. Tôi hỏi thêm:

– Chỉ tôi và bà biết, thưa bà Quinn, bà cảm thấy thế nào khi phát hiện ra tình cảm Harry dành cho Nola?

– Tức giận, kinh tởm

– Sao bà không trả thù ông ta bằng cách gửi thư nặc danh?

– Thư nặc danh? Nhìn tôi có bộ mặt của kẻ làm trò đều cẳng đó không hả?

Tôi không nài nỉ và hỏi tiếp:

– Bà có nghĩ rằng Nola có thể cũng quan hệ với những người đàn ông khác ngoài Aurora không?

Bà suýt bị sặc vì trà đá.

– Cậu quả đúng chả biết cái gì cả! Hoàn toàn không biết gì! Cô bé ấy rất hiền lành, vô cùng xinh xắn, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ người khác, chăm chỉ làm lụng, thông minh. Cái gì khiến cậu tưởng tượng ra những câu chuyện ngu nghệ dở dẩn như vậy hả?

– Chỉ là một câu hỏi đơn giản thôi mà, mỗi thế thôi. Bà có biết người nào tên là Elijah Stern không?

– Tất nhiên rồi, bà trả lời như thể đó là một điều hiển nhiên, trước khi nói thêm: đó là chủ sở hữu trước Harry.

– Chủ sở hữu cái gì? Tôi hỏi.

– Cửa ngôi nhà ở Goose Cove, mẹ kiếp. Nó từng thuộc về Elijah Stern và trước kia, ông ta thường xuyên đến đó. Tôi nghĩ rằng đó là một ngôi nhà của dòng họ. Có một thời kì mọi người thường xuyên gặp ông ta ở Aurora. Khi ông ta tiếp quản công việc của cha mình ở Concord, thì ông ta không còn thời gian để đến đây nữa, vậy nên ông ta đã cho thuê ngôi nhà ở Goose Cove, trước khi bán đứt cho Harry.

Tôi không còn tin nổi vào tai mình:

– Goose Cove trước đây thuộc về Elijah Stern à?

– Tất nhiên rồi. Có chuyện gì xảy ra với cậu vậy, hả chàng trai người New York? Cậu có vẻ tái đại đi đấy...

* * *

Tại New York, thứ Hai ngày 30 tháng Sáu năm 2008, vào lúc 10 giờ 30, tại tầng 51 tòa nhà Schmid & Hanson trên phố Lexington Avenue, Roy Barnaski bắt đầu buổi họp hàng tuần với Marisa, thư kí của mình.

– Marcus Goldman chỉ còn ngày hôm nay là hết hạn nộp bản thảo cho ông, Marisa nhắc.

– Tôi nghĩ rằng anh ta còn chưa gửi cho cô được gì

– Không có gì, ông Barnaski.

– Tôi cũng ngờ như vậy, tôi đã nói với anh ta hôm thứ Bảy. Đúng là một tên cứng đầu.

– Tôi phải làm gì?

– Hãy thông báo tình hình với Richardson. Hãy nói với anh ta rằng chúng ta sẽ khởi kiện.

Đúng lúc đó, trợ lí của Marisa tự ý ngắt quãng cuộc họp bằng cách gõ cửa văn phòng. Cô cầm một tờ giấy trên tay.

– Tôi biết là hai người đang họp, thưa ông Barnaski, cô ta tỏ ý xin lỗi, nhưng ông vừa nhận được một email và tôi nghĩ rằng rất quan trọng.

– Ai gửi vậy? Barnaski với vẻ tức tối.

– Marcus Goldman. Goldman?

– Mang lại đây ngay cho tôi!

Từ: m.goldman@nobook.com

Ngày: thứ Hai 30/06/2008 - 10:24

Gửi ông Roy,

Không thể xem một cuốn sách đáng nhét vào sọt rác có tác dụng khuấy động đông đảo mọi người là cuốn sách thu hút độc giả. Không phải là một cuốn sách bởi vì ông yêu cầu điều đó. Không phải là một cuốn sách để cứu lấy bản thân tôi. Đó là một cuốn sách bởi vì tôi là một nhà văn. Đó là một cuốn sách kể về câu chuyện nào đó. Đó là một cuốn sách về câu chuyện của một trong những người mà tôi phải mang

ơn về tất cả. Ông hãy xem những trang đầu tiên tôi gửi kèm. Nếu ông thích; hãy gọi điện cho tôi. Nếu ông không thích, thì cứ việc gọi điện thoại cho Richardson và hẹn ông ở tòa án. Chúc ông có cuộc họp tốt đẹp với Marisa, nhờ ông chuyển tới cô ấy lời chào thân tình của tôi.

Marcus Goldman

- Cô có in tài liệu đính kèm ra chưa?
- Chưa, ông Barnaski.
- Thế thì đi in ngay lập tức cho tôi.
- Vâng thưa ông Barnaski.

VỤ ÁN HARRY QUEBERT

(Tựa đề tạm đặt)

Tác giả: Marcus Goldman

Vào mùa xuân năm 2008, gần một năm sau khi tôi trở thành ngôi sao mới nổi của nền văn học nước Mỹ, đã xảy ra một sự kiện mà tôi quyết định chôn chặt trong tâm trí của mình: tôi phát hiện ra thầy giáo dạy tôi hồi đại học, Harry Quebert, sáu mươi bảy tuổi, một trong những nhà văn được cả nước tôn vinh, đã từng có quan hệ với một bé gái mười lăm tuổi khi thầy ở độ tuổi ba mươi tư. Câu chuyện đó đã xảy ra trong suốt mùa hè năm 1975.

Tôi phát hiện chuyện này vào một ngày tháng Ba khi tôi đến sống trong nhà thầy ở Aurora, bang New Hampshire. Trong lúc lục tìm trên giá sách của thầy, tôi vô tình nhìn thấy một bức thư và vài tấm ảnh. Tôi hoàn toàn không ý thức rằng đó là lúc tôi trải qua điểm khởi đầu của một trong những vụ xì căng đan lớn nhất trong năm 2008.

[...]

Hướng điều tra về Elijah Stern đã được một người bạn cũ học cùng lớp với Nola gợi mở cho tôi, cô ấy tên là Nancy Hattaway, người vẫn luôn sống ở Aurora. Vào thời kì đó, Nola đã tâm sự với bạn mình về mối quan hệ của cô với một thương nhân ở Concord tên là Elijah Stern. Người đàn ông này cử tài xế của mình, là Luther Caleb, đến Aurora để tìm cô và lái xe đưa cô về nhà ông ta.

Tôi không hề có bất kì thông tin nào về Luther Caleb. Còn về Stern, trung sĩ Gahalowood lại từ chối thẩm tra ông ta vào lúc này. Ông trung sĩ cho rằng vào thời điểm này không có lí do chính đáng nào để lôi ông ta vào vụ án. Vậy thì mình tôi sẽ làm một chuyến viếng thăm ông ta. Tôi tìm được thông tin trên mạng rằng ông ta từng học tại Harvard và vẫn luôn là thành viên trong tổ chức cựu sinh viên của trường. Có vẻ ông ta đam mê nghệ thuật và là một Mạnh Thường Quân nổi tiếng. Rõ ràng là một người đàn ông hoàng dưới mọi góc độ. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên đặc biệt đáng lo ngại: ngôi nhà ở Goose Cove, nơi Harry sống, ban đầu chính là nhà riêng của ông ta.

Đây là những đoạn văn đầu tiên mà tôi viết về Elijah Stern. Khi tôi chấm bút các trang viết này của mình cũng là lúc tôi gửi những đoạn còn lại cho Roy Barnaski vào sáng ngày 30 tháng Sáu năm 2008. Sau đó, tôi đã đi thẳng đến Concord, quyết định phải gặp bằng được Stern và tìm hiểu điều gì đã gắn liền ông ta và Nola. Xe vừa lăn bánh được khoảng ba mươi phút, thì điện thoại của tôi bỗng đổ chuông.

- A lô.
- Marcus hả? Roy Barnaski đây.
- A, Roy à! Ông đã nhận được email của tôi chưa?
- Cuốn sách của anh, anh Goldman, thật tuyệt vời! Chúng ta

sẽ làm!

– Thật chứ?

– Rất tuyệt! Tôi rất thích! Tôi rất thích, nhân danh cái tầu! Người ta chắc hẳn nóng lòng được biết đoạn cuối.

– Chính tôi cũng đặc biệt quan tâm tới đoạn cuối của câu chuyện này.

– Hãy nghe đây, anh Goldman, anh viết cuốn sách này và chúng ta sẽ hủy bản hợp đồng đã ký trước đây của anh.

– Tôi sẽ viết cuốn sách này, nhưng theo cách của tôi. Tôi không muốn nghe các gợi ý vô lí của ông. Tôi không muốn nghe ý kiến của ông và không muốn bị kiểm duyệt.

– Hãy làm theo kiểu nào anh cho là hay, Goldman. Tôi chỉ có một điều kiện duy nhất: cuốn sách này phải được xuất bản vào mùa thu. Kể từ khi Obama trở thành ứng cử viên của Đảng Cộng hòa, mẹ kiếp, bản tiểu sử của ông ta được bán như bánh mì buổi sáng ấy. Vậy thì cuốn sách về chuyện này phải được xuất bản nhanh, trước khi bị nhấn chìm trong cơn điên dại của cuộc bầu cử tổng thống. Tôi cần bản thảo của anh vào cuối tháng Tám này.

– Cuối tháng Tám? Vậy tôi chưa có nổi hai tháng.

– Chính xác.

– Thế thì quá ngắn.

– Hãy tự xoay xở đi. Tôi muốn khiến anh trở thành tâm điểm tiêu khiển cho mùa thu. Quebert có biết chuyện không?

– Không, chưa biết.

– Thế thì hãy báo cho ông ta đi, lời khuyên thân tình đó. Và hãy thông báo cho tôi những tiến triển từ phía anh.

Tôi đang định dập điện thoại thì ông ta hỏi:

– Goldman, từ từ đã!

– Chuyện gì?

– Điều gì làm anh thay đổi ý kiến vậy?

– Tôi bị đe dọa. Tôi bị đe dọa nhiều lần. Có vẻ ai đó rất hoang mang về những gì tôi có thể phát hiện ra. Thế nên tôi tự nhủ là sự thật sẽ đáng để viết thành sách. Cho Harry, cho Nola. Đó là một phần của nghiệp nhà văn, đúng không nào?

Barnaski không nghe tôi nữa. Ông ta vẫn còn đang dừng lại ở đoạn bị đe dọa.

– Bị đe dọa à? Ôi thế thì thật là tuyệt vời! Sẽ là một cú quảng cáo ra trò đây. Thậm chí cứ tưởng tượng rằng anh là nạn nhân của một vụ mưu sát nào đó, anh có thể thẳng tay viết thêm một chữ số 0 nữa vào phần doanh số bán ra. Mà có khi viết thêm hẳn hai chữ số 0 nếu anh muốn!

– Với điều kiện là tôi chết trước khi viết xong cuốn sách.

– Dĩ nhiên. Anh đang ở đâu thế? Nghe không được rõ lắm.

– Tôi đang trên đường. Tôi đang đi đến nhà Elijah Stern.

– Vậy anh thật sự nghĩ rằng ông ta có dính líu đến chuyện này à?

– Đó chính là điều tôi nghĩ mình sẽ phát hiện ra.

– Anh đúng là điên thật, Goldman, đó chính là điều tôi thích ở anh.

Elijah Stern sống trong một trang viên ở phía trên Concord. Cánh cửa dẫn vào để ngỏ nên tôi có thể lái xe vào bên trong cơ ngơi. Một con đường nhỏ trải dài tới tận ngôi nhà xây bằng đá của chủ nhân, xung quanh là những bụi hoa nở đẹp tuyệt và ở khoảng không phía trước, có một đài phun nước tạc hình sư tử bằng đồng, một tài xế đang rửa ghế ngồi phía sau của một chiếc

ô tô xa xỉ.

Tôi đỗ xe ở giữa sân, chào người tài xế từ xa như thể rất thân quen với anh ta và tôi ung dung bước vào trong bấm chuông cửa chính. Một người phục vụ trong nhà ra mở cửa cho tôi. Tôi nói tên mình và yêu cầu được gặp ông Stern.

– Ông có hẹn trước không?

– Không.

– Thế thì không được rồi. Ông Stern không bao giờ tiếp khách không hẹn trước. Ai để cho ông vào đến tận trong này?

– Cồng đẽ ngổ. Vậy làm thế nào để hẹn được với ông chủ của chị?

– Chính ông Stern sẽ hẹn gặp.

– Hãy để cho tôi gặp ông ấy mấy phút thôi. Sẽ không lâu đâu.

– Không thể được.

– Hãy nói với ông ta rằng tôi đến về việc của Nola Kellergan. Tôi nghĩ rằng cái tên này sẽ nói cho ông ta điều gì đó.

– Nhân viên phục vụ để tôi đợi ở ngoài trước khi nhanh chóng quay lại. “Ông Stern sẽ tiếp ông, cô ấy nói với tôi. Chắc ông phải là một người nào đó rất quan trọng”. Cô ta dẫn tôi đi xuyên qua tầng trệt đến tận một văn phòng được trải thảm, lát gỗ và ở đó, một người đàn ông lịch lãm ngồi trong chiếc ghế bành nghiêm khắc nhìn tôi với dáng vẻ bề trên. Đó là Elijah Stern.

– Tôi tên là Marcus Goldman, tôi nói với ông ta. Cảm ơn ông đã tiếp tôi.

– Nhà văn Goldman?

– Đúng vậy.

– Cuộc gặp bất ngờ và không đúng lúc này liên quan gì tới

tôi?

- Tôi điều tra về vụ Kellergan.
 - Tôi không biết có một vụ là Kellergan.
 - Chúng ta cứ gọi vụ đó là một ẩn số chưa được làm rõ.
 - Đó không phải là việc của cảnh sát sao?
 - Tôi là một người bạn của Harry Quebert.
 - Thế thì liên quan gì tới tôi?
 - Tôi nghe nói ông đã từng sống Ở Aurora. Rằng ngôi nhà ở Goose Cove nơi bây giờ Harry Quebert sinh sống là nhà của ông trước kia. Tôi muốn ông khẳng định thông tin này là chính xác.
- Ông ta ra hiệu cho tôi ngồi xuống.
- Các thông tin của anh đều chính xác, ông ta nói với tôi. Tôi đã bán ngôi nhà đó cho Quebert vào năm 1976, ngay sau khi ông ấy trở nên nổi tiếng.
 - Thế thì ông biết Harry Quebert?
 - Rất ít. Hồi đó tôi có gặp ông ta một vài lần khi ông ta vừa tới Aurora. Chúng tôi không bao giờ giữ liên lạc với nhau.
 - Tôi có thể biết ông có quan hệ như thế nào với Aurora được không?
- Ông ta nhìn tôi với một vẻ khó chịu.
- Đây là một cuộc hỏi cung hả anh Goldman?
 - Không hề. Tôi chỉ đơn giản tò mò muốn biết tại sao một người như ông lại sở hữu một ngôi nhà trong một thành phố nhỏ bé như Aurora.
 - Một người như tôi? Ý anh muốn nói là rất giàu có?
 - Vâng, so với những thành phố ven biển khác, Aurora không có điểm gì đặc biệt đến thế.

– Bố tôi chính là người đã xây ngôi nhà đó. Ông muốn có một ngôi nhà bên bờ biển nhưng lại gần Concord. Thêm vào đó Aurora là một thành phố xinh xắn. Giữa Concord và Boston, thành phố này gần phía đông hơn. Khi còn nhỏ, tôi đã có rất nhiều mùa hè đẹp ở đó.

– Thế tại sao ông lại bán nó?

– Khi bố tôi qua đời, tôi đã được thừa hưởng một gia tài lớn. Tôi không còn thời gian để hưởng thụ ở đó nữa và tôi không còn sử dụng ngôi nhà ở Goose Cove. Thế là tôi quyết định cho thuê ngôi nhà đó trong vòng gần mười năm. Nhưng người thuê thì rất hiếm. Ngôi nhà này thường xuyên vắng bóng người. Thế nên khi Harry đề nghị muốn mua lại, tôi đã đồng ý ngay lập tức. Hơn nữa, tôi còn bán rẻ cho ông ta, tôi không bán nó để lấy tiền: tôi vui sướng vì thấy ngôi nhà ấy tiếp tục sống. Nhìn chung, lúc nào tôi cũng yêu thích Aurora. Trong thời kì mà tôi còn rất nhiều thương vụ ở Boston, tôi thường xuyên ghé qua đó. Tôi còn thường xuyên tài trợ cho buổi vũ hội mùa hè ở đó. Và tiệm Clark's là nơi bán bánh mì kẹp thịt ngon nhất trong vùng. Ít ra thời kì đó là như vậy.

– Thế còn Nola Kellergan, ông cũng có biết cô ấy chứ?

– Hơi hơi. Chúng ta phải thừa nhận rằng tất cả mọi người đều nghe nói về cô ấy khắp cả bang vào lúc cô ấy biến mất. Một câu chuyện kinh hoàng, và bây giờ người ta lại còn tìm thấy xác cô bé ở Goose Cove. Lại còn cuốn sách của Quebert viết cho cô bé . . . Thật là những chuyện bản thủ. Và hỏi tôi có cảm thấy nuối tiếc vì đã bán ngôi nhà ở Goose Cove cho ông ta không? Hiển nhiên là có rồi. Nhưng làm sao mà tôi lại biết được cơ chứ?

– Nhưng thực tế vào lúc Nola biến mất, ông vẫn còn là chủ

sở hữu của Goose Cove.

– Anh định nói bóng gió điều gì vậy? Rằng tôi có liên quan tới cái chết của cô bé à? Anh biết không? Từ mười ngày nay tôi đang phân vân không biết có phải Harry Quebert đã mua ngôi nhà ấy của tôi chỉ để chắc chắn rằng không ai có thể phát hiện ra xác chết được chôn trong vườn.

Stern nói là biết rất ít về Nola; liệu tôi có nên tiết lộ cho ông ta biết bằng chứng khẳng định ông ta và Nola có quan hệ với nhau? Tôi quyết định giữ con bài này trong tay đã, tuy nhiên nhằm nấn gân ông ta một chút, tôi bèn nhắc đến tên Caleb.

– Thế còn Luther Caleb?

– Luther Caleb cái gì?

– Ông có biết ai tên là Luther Caleb không?

– Nếu như anh đã hỏi tôi như vậy thì chính anh cũng biết rằng đó là lái xe của tôi trong nhiều năm trời. Anh đang chơi trò gì vậy, anh Goldman?

– Một nhân chứng đã thấy Nola bước lên xe ô tô của anh ta nhiều lần vào mùa hè trước khi cô ta biến mất.

Ông ta giơ tay lên chỉ vào mặt tôi lên tiếng dọa dẫm.

– Đừng có đánh thức người chết dậy, anh Goldman. Luther là một người đáng kính, dũng cảm và trung thực. Tôi không cho phép bất kì ai đến đây làm nhơ bẩn tên anh ta trong khi mà anh ta không còn ở đây để tự bảo vệ nữa.

– Anh ta chết rồi ư?

– Đúng vậy, đã từ lâu. Chắc chắn người ta đã nói với anh rằng anh ta thường xuyên tới Aurora và đó là sự thật: anh ta có nhiệm vụ chăm nom ngôi nhà của tôi khi mà tôi còn cho thuê. Anh ta coi sóc để ngôi nhà ở tình trạng tốt nhất. Đó là một người đàn ông hào phóng và tôi không cho phép anh đến đây để

nói xấu người quá cố. Một vài người vô học ở Aurora chắc hẳn cũng khẳng định với anh rằng anh ta là người lập dị: đúng là anh ta khác so với một lũ người tầm thường đáng chết. Trên mọi phương diện. Anh ta có một hình thức kinh dị: gương mặt biến dạng ghê gớm, cấu tạo xương hàm không đúng vị trí nên khi nói rất khó nghe. Nhưng anh ta có một trái tim nhân hậu, anh ta được trời phú cho một khả năng nhạy cảm đặc biệt.

– Thế ông không nghĩ rằng anh ta có thể liên quan tới việc Nola mất tích sao?

– Không. Tôi khẳng định. Tôi cho rằng Harry Quebert chính là thủ phạm. Hình như ông ta hiện đang bị giam trong tù thì phải...

– Tôi không tin rằng ông ta có tội. Chính vì vậy mà tôi đến đây.

– Thôi nào, người ta đã tìm thấy xác của bé gái đó trong vườn nhà ông ta và bản thảo của một trong những cuốn sách của ông ấy bên cạnh xác chết. Một cuốn sách mà ông ta đã viết cho cô bé... Anh còn muốn gì nữa?

– Viết không phải là giết, thưa ông.

– Cuộc điều tra của anh chắc hẳn phải tắc tị, chẳng thu được gì nên anh mới đến đây để nói với tôi về quá khứ của tôi và Luther tốt bụng. Cuộc nói chuyện này chấm dứt ở đây, thưa anh Goldman.

Ông ta gọi người phục vụ đến để đưa tôi ra ngoài.

Tôi rời phòng làm việc của Stern với một cảm giác khó chịu vì cuộc gặp gỡ này chẳng được tích sự gì. Tôi tiếc là đã không thể đối chất với ông ta bằng lời buộc tội của Nancy Hattaway, nhưng tôi không có đủ bằng chứng để có thể kết tội ông ta. Gahalowood đã báo trước cho tôi: chỉ mỗi bằng chứng này

không đủ, lời nói của cô ta đối kháng với lời nói của Stern. Tôi cần phải có một bằng chứng cụ thể. Và tôi nghĩ có khi phải tham quan ngôi nhà này một chút.

Khi đến sảnh vào rộng thênh thang, tôi liền hỏi người giúp việc tôi có thể rẽ qua nhà vệ sinh trước khi ra ngoài không. Cô ta dẫn tôi tới tận khu nhà vệ sinh dành cho khách, ở dưới tầng trệt và chỉ cho tôi, do phép tắc bắt buộc, cô ta sẽ đợi tôi ở cửa vào. Ngay khi cô ta biến mất, tôi vội vàng đi vào trong hành lang để khám phá một phần của khu nhà nơi tôi đang đứng. Tôi không biết mình đang tìm kiếm cái gì, nhưng tôi phải làm thật nhanh. Đây là cơ hội duy nhất để tìm ra một điều gì đó nối liền Stern và Nola. Trông ngược đập thành thịch, tôi mở đại một vài cánh cửa, cầu chúa phù hộ phía sau những cánh cửa không có ai. Và tất cả đều vắng bóng người: chỉ là những phòng khách nối tiếp những phòng khách, tất cả đều được trang trí vô cùng cầu kì. Qua những ô cửa kính to, tôi có thể nhìn thấy một công viên tuyệt đẹp ở đằng sau. Giống tai nghe ngóng những tiếng động nhỏ nhất, tôi tiếp tục cuộc tìm kiếm của mình. Một cánh cửa khác mở ra một phòng làm việc nhỏ. Tôi lập tức đột nhập vào bên trong và mở các ngăn kéo tủ: hàng chông các file lưu tài liệu. Nhưng tất cả đều chẳng giúp ích gì được cho tôi. Tôi tìm một thứ gì đó: nhưng là cái gì? Cái gì trong căn nhà này, ba mươi năm sau, sẽ có thể bất ngờ xuất hiện trước mắt tôi và giúp đỡ tôi? Thời gian quá gấp rút, người phục vụ chắc chắn sắp đến tìm tôi ở nhà vệ sinh nếu tôi không nhanh chóng quay trở lại. Rốt cuộc tôi tới được một hành lang thứ hai và cứ thế bước tiếp. Nó dẫn tới một cánh cửa duy nhất và tôi liều mạng mở ra: phía sau là một sân rộng được bao quanh bởi một rừng cây leo để bảo vệ nó trước những con mắt tò mò. Ở đó có những giá vẽ, một vài bức tranh còn dang dở; những chiếc bút lông trên một chiếc

bàn. Đây là một xưởng vẽ. Trên tường có treo rất nhiều bức tranh, tất cả đều tuyệt vời. Một trong số đó liền thu hút ánh mắt của tôi: tôi lập tức nhận ra chiếc cầu treo ngay trước khi tới Aurora, trên bờ biển. Khi đó tôi mới phát hiện thấy tất cả các bức tranh đều là những biểu tượng của Aurora. Có cả bãi biển Grand, con phố chính, thậm chí cả tiệm Clark's. Những bức tranh giống thật một cách kinh ngạc. Tất cả đều được kí tên L. C. và ngày tháng thì không muộn hơn năm 1975. Và chính lúc đó, tôi mới chú ý đến một bức tranh to hơn hẳn các bức khác, treo ở một góc: bên dưới có kê một chiếc ghế bành và đó là bức duy nhất có đèn chiếu sáng. Bức chân dung của một cô gái trẻ. Người ta chỉ nhìn thấy phía trên ngực của cô gái, nhưng đều hiểu rằng nàng không mặc gì. Tôi tiến lại gần: tôi có cảm giác gương mặt này không hề xa lạ với mình. Tôi ngắm thêm một lúc và bất chợt hiểu ra khiến tôi đứng như trời trồng vì kinh ngạc: đó là một bức chân dung của Nola. Chính là cô ấy, không còn nghi ngờ gì nữa. Tôi dùng di động chụp lại một vài kiểu rồi lập tức thoát khỏi đó. Người giúp việc đang sốt ruột dậm chân ở lối vào. Tôi lịch sự chào bà ta và vội vàng đi thẳng, run rẩy toát mồ hôi hột.

* * *

Nửa tiếng sau phát hiện của mình, tôi khẩn cấp đến phòng làm việc của Gahalowood, trong khu văn phòng chung của cảnh sát Bang. Hiển nhiên là anh ta giận điên tiết vì tôi đã tới nhà Stern mà không hỏi ý kiến anh ta trước.

- Anh thật là cứng đầu, nhà văn ạ! Thật là cứng đầu!
- Tôi chỉ đi thăm ông ta thôi mà, tôi giải thích. Tôi bấm

chuông, tôi yêu cầu được gặp ông ta và ông ta đã mời tôi vào! Tôi chẳng thấy cái gì xấu cả.

– Tôi đã nói với anh là đợi đã cơ mà!

– Nhưng đợi cái gì, trung sĩ? Đợi sự ban phước lành của thần thành ư? Đợi bằng chứng sẽ rơi từ trên trời xuống à? Anh rên rỉ rằng mình không muốn đối mặt với ông ta, thế thì chính tôi đã ra tay. Anh thì rên rỉ, còn tôi thì hành động! Và hãy xem tôi đã tìm thấy cái gì ở nhà ông ta này!

Tôi chỉ cho anh ta xem những bức ảnh tôi chụp bằng di động.

– Một bức tranh à, Gahalowood nói vẻ khinh bỉ.

– Nhìn cho kỹ vào.

– Chúa ơi... Hình như là...

– Nola! Có một bức tranh của Nola Kellergan ở nhà của Elijah Stern.

– Tôi gửi email các bức ảnh cho Gahalowood để anh ta in chúng ra khổ lớn.

– Đúng là cô ấy rồi, đúng là Nola, anh ta thừa nhận khi đem so sánh với những bức ảnh vào thời kì đó trong tập hồ sơ.

– Tuy chất lượng ảnh không thật sự tốt nhưng rõ ràng không còn nghi ngờ gì nữa.

– Vậy rõ ràng có mối liên hệ giữa Stern và Nola, tôi nói. Nancy Hattaway khẳng định là Nola có quan hệ với Stern và tôi đã tìm thấy bức chân dung Nola trong xưởng vẽ của ông ấy. Mà tôi cho anh biết thêm điều này: ngôi nhà của Harry trước kia thuộc về Elijah Stern đến tận năm 1976. Vì thế, trên giấy tờ, vào thời điểm Nola mất tích, chính Stern mới là người sở hữu ngôi nhà ở Goose Cove. Một sự trùng hợp tuyệt vời, phải không? Tóm lại, hãy kí lệnh và cho gọi một đội quân: chúng ta sẽ khám nhà Stern kỹ càng và kết thúc mọi chuyện.

– Một lệnh khám nhà? Nhưng anh bạn đáng thương của tôi ơi, anh điên thật rồi! Dựa trên cơ sở nào? Từ những bức ảnh của anh à? Chúng là bất hợp pháp! Những bằng chứng này không hề có giá trị gì hết: anh đã lục lọi trong nhà người ta mà không được phép. Tôi không có giải pháp. Chúng ta cần một bằng chứng khác để tấn công Stern, và từ giờ đến lúc ấy, chắc chắn ông ta sẽ có đủ thời gian để tiêu hủy bức tranh.

– Trừ trường hợp ông ta không biết tôi đã nhìn thấy nó. Tôi đã nói với ông ta về Luther Caleb, và ông ta đã rất căng thẳng. Còn về Nola, ông ta giả vờ chỉ biết Nola sơ sơ thế mà ông ta lại có hẳn một bức tranh cô ta gần như là trần truồng. Tôi không biết ai là người đã vẽ bức tranh này, nhưng những bức khác trong xưởng vẽ đều kí tên LC. Phải chăng là Luther Caleb?

– Câu chuyện này làm cho sự việc đổi theo hướng mà tôi không lấy gì làm thích thú, nhà văn ạ. Nếu tôi nhắm đến Stern và cứ thế dần vào điều tra, tôi sẽ gặp rất nhiều trở ngại.

– Tôi biết, thưa trung sĩ.

– Vậy hãy kể cho Harry về Stern. Cố gắng biết thêm điều gì đó. Còn tôi sẽ đào sâu về cuộc đời của tên Luther Caleb này. Chúng ta cần có những bằng chứng cụ thể.

Trong ô tô, trên đường từ khu văn phòng chung của cảnh sát tới nhà tù, tôi nghe đài được biết rằng toàn bộ các cuốn sách của Harry từ bây giờ sẽ bị rút khỏi chương trình học phổ thông của hầu hết các bang trong cả nước. Đúng là tận cùng của đáy vực: chỉ trong vòng chưa đầy hai tuần, Harry đã trắng tay. Từ bây giờ, ông là một nhà văn bị cấm, một thầy giáo bị sa thải, một cá nhân bị cả đất nước căm ghét. Dù cho cuộc điều tra và vụ án có kết cục như thế nào thì tên tuổi của ông sẽ bị vấy bẩn mãi mãi từ bây giờ, khi người ta nhắc tới tác phẩm của ông sẽ không thể không đề cập tới cuộc tranh cãi không có điểm dừng về mùa hè

đã qua với Nola, và để tránh tai tiếng, trong tất cả các sự kiện văn hóa, chẳng ai dám liếc nhìn để Harry Quebert có tên trong chương trình của mình. Tệ nhất là Harry hoàn toàn nhận thức đầy đủ về tình hình; khi vào tới phòng thẩm tù nhân, câu đầu tiên ông nói với tôi là:

– Họ sẽ giết tôi chứ?

– Không ai giết thầy cả, Harry.

– Nhưng thực ra tôi đã chết rồi đúng không nào?

– Không, thầy chưa chết! Thầy là Harry Quebert nổi tiếng! Tầm quan trọng của biết cách ngã, thầy còn nhớ chứ? Điều quan trọng, đó là phải để cho nó không trở thành một cú trượt dài, bởi vì cú trượt dài là không thể tránh khỏi, điều quan trọng là phải biết đứng lên. Và chúng ta sẽ đứng dậy.

– Anh là một tay cừ đày, Marcus. Nhưng con mắt của tình bạn đã ngăn anh không nhìn ra được sự thật. Xét cho cùng, vấn đề không phải là biết rằng tôi có giết Nola, Deborah Cooper hay thậm chí là cả Tổng thống Kennedy. Vấn đề là tôi đã có mối quan hệ với đứa bé gái này và đó là một hành vi không thể tha thứ. Và còn cuốn sách nữa chứ? Thật không hiểu tôi bị làm sao mà lại viết ra nó!

Tôi nhắc lại:

– Chúng ta sẽ đứng dậy, rồi thầy sẽ thấy. Thầy hẳn còn nhớ trận đòn mà em đã hứng ở Lowell, trong cái nhà kho được chuyển đổi thành phòng tập đấm bốc lén lút. Em chưa bao giờ đứng dậy tốt hơn lúc đó.

Ông cố gắng mỉm cười, rồi hỏi:

– Thế còn anh? Anh có nhận thêm được lời đe dọa nào nữa không?

– Tức là cứ mỗi lần em trở về Goose Cove, em lại tự hỏi

không biết có ai đang đợi mình ở đó.

– Hãy tìm ra kẻ đã làm điều đó, Marcus. Hãy tìm ra hắn và táng cho hắn một cú đâm thật mạnh vào giữa thái dương. Tôi không thể chỉ được có kẻ nào đó đe dọa anh.

– Thầy đừng để ý đến điều đó.

– Thế còn cuộc điều tra của anh?

– Có tiến triển Harry, em đã bắt đầu viết một cuốn sách.

– Tuyệt vời!

– Cuốn sách về thầy. Em sẽ nói về chúng tôi, về Burrows. Và em sẽ nói về câu chuyện của thầy với Nola. Đó là một chuyện tình. Em tin vào tình yêu của thầy.

– Thật cảm phục quá.

– Thế thì thầy sẽ cầu nguyện cho em chứ?

– Tất nhiên rồi, Marcus. Anh biết đấy, anh chắc chắn đã là một trong những người bạn thân nhất của tôi. Anh là một nhà văn tuyệt vời. Tôi cảm thấy sung sướng được là chủ đề trong cuốn truyện sắp tới của anh.

– Tại sao thầy lại dùng từ thời quá khứ? Tại sao thầy lại bảo em đã là một trong những người bạn thân của thầy. Chúng ta vẫn đang là những người bạn thân mà đúng không ạ?

Ông nhìn tôi buồn bã:

– Tôi đã nói là như vậy.

Tôi nắm lấy vai thầy:

– Chúng ta sẽ luôn luôn là bạn, Harry! Em không bao giờ để cho thầy ngã. Cuốn sách này, sẽ là bằng chứng của tình bạn không thể phá hủy giữa chúng ta.

– Cảm ơn, Marcus. Tôi cảm động quá. Nhưng tình bạn không phải là nguyên nhân của cuốn sách này.

– Thế nghĩa là sao?

– Anh có còn nhớ cuộc trò chuyện của chúng ta vào ngày anh nhận bằng tốt nghiệp ở Burrows không?

– Vâng, chúng ta đã cùng nhau đi bộ rất lâu xuyên qua ký túc xá. Chúng ta đã đi bộ đến tận phòng đám bốc. Thầy đã hỏi em định bắt đầu làm gì từ lúc đó, và em đã trả lời mình sẽ viết một cuốn sách. Rồi thầy hỏi tại sao em lại viết. Em trả lời vì em thích viết và thầy đã nói...

– Ừ, thầy trả lời thế nào?

– Rằng cuộc sống chỉ có rất ít ý nghĩa. Và viết sẽ mang lại ý nghĩa cho cuộc sống.

– Chính vậy đó, Marcus. Và anh thật sai lầm khi chấp nhận đòi hỏi của Barnaski cách đây vài tháng về một bản thảo mới. Anh đã bắt đầu viết một cuốn sách bởi vì anh phải viết một cuốn và không phải để mang lại cho cuộc sống một ý nghĩa. Làm để mà làm sẽ không bao giờ có ý nghĩa: vậy nên không có gì đáng ngạc nhiên khi anh đã không viết nổi lấy một dòng. Anh có một khả năng thiên phú không phải bởi vì anh có thể viết đúng, mà bởi vì anh có thể mang lại ý nghĩa cho cuộc sống của mình, như vậy mới gọi là khả năng thiên phú. Hằng ngày, có những người được sinh ra, có những người khác phải chết đi. Ngày nào cũng có hàng đội quân lao động vô danh đến và đi trong tòa nhà cao tầng màu xám kia. Và rồi có cả những nhà văn. Các nhà văn sống một cuộc sống có ý nghĩa hơn nhiều so với những người khác, tôi nghĩ vậy. Đừng có viết nhân danh tình bạn của chúng ta, Marcus. Hãy viết bởi vì đó là cách thức duy nhất đối với anh để làm cho cái điều nhỏ nhoi vô nghĩa mà người ta gọi là cuộc sống này có một trải nghiệm giá trị và thỏa đáng.

Tôi nhìn thầy chăm chú hồi lâu. Tôi có cảm giác đang nghe bài giảng cuối cùng của người Thầy. Đó là một cảm giác không thể chịu đựng nổi. Rồi cuộc ông nói:

– Nàng rất yêu nhạc kịch, Marcus ạ. Hãy cho thêm điều đó vào cuốn sách của anh. Vở nhạc kịch yêu thích nhất của nàng là Madame Buttefly. Nàng nói rằng những vở nhạc kịch hay nhất đều là “ chuyện tình buồn.”

– Ai? Nola ư?

– Đúng. Người con gái mười lăm tuổi này yêu nhạc kịch đến chết đi được. Sau khi cố gắng tự tử, nàng đã đến Charlotte Hill, một trại an dưỡng, nghỉ ngơi khoảng chục ngày. Giờ người ta gọi đó là trại tâm thần. Tôi thường bí mật tới thăm nàng. Tôi mang đến cho nàng những đĩa nhạc kịch và mở bằng chiếc máy hát nhỏ cầm tay. Nàng đã cảm động đến phát khóc, nàng nói rằng nếu như nàng không trở thành diễn viên ở Hollywood, thì nàng sẽ trở thành ca sĩ ở Broadway. Và tôi bảo nàng rằng nàng sẽ trở thành một ca sĩ lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ. Anh biết không, Marcus, tôi thực sự nghĩ rằng Nola Kellergan đã có thể ghi dấu cho đất nước này bằng dấu ấn của nàng...

– Thầy có nghĩ rằng bố mẹ Nola có thể đã đổ trách nhiệm lên đầu cô ấy không?

– Không, tôi nghĩ rất ít có khả năng đó. Và rồi tập bản thảo, rồi từ đó... Dù sao thì, tôi không thể tưởng tượng được là David Kellergan lại giết chết con gái mình.

– Dù sao thì cô ấy đã phải chịu những trận đòn.

– Những trận đánh đấy... Chuyện thật khó tin...

– Thế còn Alabama? Nola có bao giờ nói với thầy về Alabama?

– Alabama ư? Gia đình nhà Kellergan chuyển đến từ

Alabama thì có, nàng nói với tôi như vậy.

– Không, còn chuyện khác nữa kia, Harry. Em nghĩ rằng, có sự kiện nào đó đã xảy ra ở Alabama và rõ ràng có liên quan tới việc họ rời khỏi đó. Nhưng em không biết là sự kiện gì. Em không biết ai có thể nói cho em biết về điều này.

– Marcus tội nghiệp, thầy có cảm giác là anh càng đào sâu vào chuyện này, thì anh càng giải mã được nhiều ẩn số...

– Đó không chỉ là cảm giác đâu thầy Harry. Hơn nữa, em đã phát hiện ra chính Tamara Quinn là người biết chuyện giữa thầy và Nola. Bà ấy đã nói với em như vậy. Vào ngày mà Nola cố tình tự sát, bà ấy đã đến nhà thầy, vì tức tối bởi thầy không giữ lời đến dự bữa tiệc ngoài vườn do bà ấy tổ chức. Nhưng thầy không ở nhà, và bà ấy đã lục lọi trong phòng làm việc của thầy. Bà ấy đã thấy tờ giấy mà thầy viết về Nola.

– Giờ nghe anh nói tôi mới nhớ ra đúng là tôi bị mất một tờ giấy. Tôi đã tìm rất lâu, nhưng vô ích. Tôi nghĩ rằng nó đã bị mất, và điều này khiến tôi rất kinh ngạc vì hồi đó, tôi là người rất ngăn nắp. Bà ấy đã làm gì với nó?

– Bà ấy nói là đã để lạc đâu mất

– Vậy những bức thư nặc danh kia là của bà ấy?

– Em không chắc. Bà ấy thậm chí chưa bao giờ tưởng tượng có bất kỳ chuyện gì xảy ra giữa Nola và thầy. Bà ấy nghĩ đơn giản rằng thầy chỉ mơ mộng hoang tưởng về cô ấy thôi. Nói tới chuyện này, đã bao giờ thầy bị cảnh sát trưởng Pratt thẩm vấn khi ông ta điều tra về việc Nola mất tích không?

– Cảnh sát trưởng Pratt? Không, chưa bao giờ.

Thật là lạ: tại sao cảnh sát trưởng Pratt lại chưa từng thẩm vấn Harry trong khuôn khổ cuộc điều tra của mình khi mà Tamara khẳng định đã thông báo cho ông phát hiện của bà ta

chứ? Không nhắc đến Nola, cũng không nói tới bức tranh, tôi bèn liêu lĩnh gợi tới cái tên Stern.

– Stern? Harry nói. Có, tôi biết ông ta. Đó chính là chủ nhân của ngôi nhà ở Goose Cove. Tôi đã mua lại của ông ta sau khi cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa* xuất bản thành công.

– Thầy có biết rõ về ông ta không?

– Rõ thì không. Tôi đã gặp ông ta một, hai lần gì đó vào mùa hè năm 1975. Lần đầu tiên là tại buổi vũ hội mùa hè. Chúng tôi ngồi cùng một bàn. Đó là một người đàn ông dễ mến. Sau đó tôi có gặp lại ông ta vài lần. Ông ta hào phóng, và rất tin tưởng tôi. Ông ta đã có nhiều đóng góp cho văn hóa, đó là một người đàn ông rất tốt.

– Thầy gặp ông ta lần cuối là khi nào?

– Lần cuối à? Chắc hẳn là khi kí kết hợp đồng bán nhà. Khoảng cuối năm 1976. Ma xui quỷ khiến thế quái nào tự nhiên anh lại nói về ông ta với tôi thế?

– Chỉ có vậy thôi. Hãy nói cho em biết, Harry, buổi vũ hội mùa hè mà thầy nói đây có phải chính là buổi lễ hội mà Tamara Quinn hi vọng thầy sẽ đến rủ con gái của bà ta tham dự không?

– Chính nó. Rốt cuộc tôi đến đây một mình. Đúng là một buổi tối...Anh biết không, chính tôi đã trúng giải nhất khi quay xổ số: một tuần đi nghỉ ở Martha's Vineyard.

– Thầy đã đi chứ?

– Hiển nhiên rồi.

Buổi tối hôm đó khi trở về đến Goose Cove, tôi nhận được email của Roy Barnaski gửi cho tôi một lời chào mời mà không một nhà văn nào có thể từ chối.

Từ: r.barnaski@schmidandhanson.com

Ngày: thứ Hai 30/06/2008 19:54

Marcus thân!

Tôi rất thích cuốn sách của anh. Để khẳng định tiếp cho cuộc trò chuyện điện thoại của chúng ta sáng nay, anh sẽ thấy trong tài liệu đính kèm là bản dự thảo hợp đồng mà tôi nghĩ rằng anh sẽ không từ chối đâu.

Hãy gửi cho tôi những trang viết mới nhanh nhất có thể. Như là tôi đã nói với anh đó, tôi nhắm thời điểm mùa thu để xuất bản cuốn sách. Tôi nghĩ rằng nó sẽ là một thành công vang dội. Thực ra là tôi chắc chắn điều đó. Hãng phim Warner Bros nói rằng rất quan tâm tới việc chuyển thể nó thành phim. Tất nhiên là sẽ có thảo luận với anh về khoản tiền bản quyền điện ảnh.

Ở tài liệu đính kèm là một bản dự thảo hợp đồng mà theo đó, ông ta hứa ứng trước cho tôi một triệu đô la.

Đêm hôm đó, tôi thức rất khuya, suy nghĩ đủ thứ. Đúng 22 giờ 30, tôi nhận được điện thoại của mẹ tôi. Có âm thanh nào đó ở đằng sau còn mẹ tôi cứ thì thào.

– Mẹ à?

– Markie! Markie, con không thể đoán nổi mẹ đang ở với ai đâu.

– Với bố à?

– Đúng rồi. À mà không phải. Con biết không, bố con và mẹ quyết định đi New York chơi một buổi tối và bố mẹ đã ăn tối ở quán Ý gần Columbus Circle. Và bố mẹ đã gặp ai trước lối vào nào? Là Denise! Thư kí của con!

– Ôi thế à mẹ!

– Đừng có giả vờ ngây ngô nữa! Con tưởng là mẹ không biết

những điều mà con đã làm à? Cô ấy đã nói hết với mẹ! Nói hết!

– Nói gì ạ?

– Rằng con đã đuổi việc cô ấy!

– Con không đuổi việc cô ấy. Con đã tìm cho cô ấy một công việc béo bở ở Schmid & Hanson. Con chẳng có gì hơn nữa mà cho cô ấy, không còn sách, không còn dự án gì cả, chẳng còn gì hết! Thì con cũng cần phải đảm bảo cho tương lai của cô ấy một chút chứ, đúng không ạ? Con đã tìm cho cô ấy một việc làm hái ra tiền ở phòng marketing.

–Ồ, Markie, mẹ và cô ấy đã ngã vào vòng tay của nhau. Cô ấy nói là rất nhớ con.

– Tội quá, mẹ ạ.

Mẹ tôi lại thì ào. Tôi nghe không rõ lắm.

– Mẹ có ý này, Markie.

– Gì ạ?

– Con có biết ông Soljenitsyne không?

– Nhà văn á?

– Có. Thế thì sao ạ?

– Tôi hôm qua, mẹ đã xem một phim tài liệu về ông ta. Thật là run rủi khiến mẹ xem chương trình này con ạ! Con có biết không, ông ấy đã cưới cô thư kí của mình! Thư kí của ông ấy! Và hôm nay thì mẹ gặp ai hả con? Thư kí của con! Đó là điếm báo, Markie ạ! Cô ấy không xấu tẹo nào và nhất là cô ấy vô cùng nữ tính! Mẹ biết điều đó, phụ nữ cảm nhận được điều đó. Cô ấy rất là mắn đẻ, ngoan ngoãn, cứ chín tháng một cô ấy sẽ đẻ cho con một đứa trẻ! Mẹ sẽ dạy cô ấy biết cách nuôi nấng trẻ con, và như thế thì tất cả chúng nó sẽ giống như ý mẹ muốn! Điều đó tuyệt vời làm sao?

– Không bao giờ có chuyện đó. Con không thích cô ấy, cô ấy quá già đối với con và hơn nữa, cô ấy cũng có bạn trai rồi. Thêm vào đó, người ta không cưới thư kí của mình.

– Nhưng nếu nhà văn lớn như Soljenitsyne đã làm vậy, thì có nghĩa rằng được phép! Cô ấy đúng là có đi cùng với một thanh niên, nhưng đó là một đồ giẻ rách! Anh ta có mùi của nước hoa Cologne rẻ tiền mua ngoài chợ. Con ấy à, con là một nhà văn lớn, Markie. Con là Siêu Nhân!

– Siêu Nhân đã bị Marcus Goldman đánh bại rồi mẹ. Và vào thời điểm đó thì con mới có thể bắt đầu sống.

– Ý con là thế nào?

– Không có gì mẹ ạ, nhưng hãy để mặc Denise được yên thân ăn tối ngon lành, con xin mẹ.

Một tiếng sau, một đội cảnh sát tuần tra xuất hiện để đảm bảo mọi việc đều yên ổn. Hai nhân viên ở độ tuổi tôi, họ rất dễ mến. Tôi mời họ uống cà phê và họ nói rằng sẽ ở lại một lúc đằng trước ngôi nhà. Màn đêm thật dịu dàng, và qua khung cửa sổ để ngỏ, tôi nghe thấy tiếng đùa cợt chuyện phiếm của họ lúc này đang ngồi trên mui ô tô, hút thuốc lá. Tôi bất chợt cảm thấy cô đơn và quá xa rời với thế giới. Tôi vừa mới được đề nghị một khoản ketch xù để xuất bản một cuốn sách sẽ đưa tôi lên vị trí số 1 trên màn kịch sân khấu, và tôi sẽ tận hưởng một cuộc sống khiến cho hàng triệu người Mỹ phải mơ ước, nhưng tôi vẫn thấy thiếu thốn một cái gì đó: một cuộc sống thực sự. Trên tài khoản facebook, tôi xem lại danh sách hàng nghìn người bạn ảo, không có một người nào mà tôi có thể gọi để rủ đi uống một cốc bia. Tôi muốn có một nhóm bạn tốt để cùng họ theo dõi giải vô địch bóng chày, hay cùng nhau cắm trại vào cuối tuần; tôi muốn có một người bạn gái, dịu hiền và tốt bụng, làm cho tôi

cười và mơ mộng một chút. Tôi không muốn cô đơn nữa. Trong phòng làm việc của Harry, tôi ngắm nhìn rất lâu những tấm hình tôi chụp lại từ bức tranh và Gahalowood đã tặng tôi một bức phóng to. Ai là họa sĩ? Caleb? Stern? Trong mọi trường hợp, đây là một bức vẽ tuyệt đẹp. Tôi mở máy thu âm và nghe lại đoạn hội thoại với Harry.

- Cảm ơn, Marcus. Tôi cảm động quá. Nhưng tình bạn không phải là nguyên nhân của cuốn sách này. Thế nghĩa là sao?

- Anh có còn nhớ cuộc trò chuyện của chúng ta vào ngày anh nhận bằng tốt nghiệp ở Burrows không?

- Vâng chúng ta đã cùng nhau đi bộ rất lâu xuyên qua khu ký túc xá. Chúng ta đã đi bộ đến tận phòng đấm bốc. Thầy đã hỏi em định bắt đầu làm gì từ lúc đó, và em đã trả lời mình sẽ viết một cuốn sách. Và thế là thầy hỏi tại sao em lại viết. Em trả lời thầy, em viết bởi vì em thích viết và thầy đã trả lời em rằng...

- Ừ, thầy trả lời thế nào?

- Rằng cuộc sống chỉ có rất ít ý nghĩa. Và viết sẽ mang lại ý nghĩa cho cuộc sống.

Theo lời khuyên của Harry, tôi bắt đầu ngồi trước máy tính để tiếp tục viết.

Goose Cove, nửa đêm. Từ khung cửa sổ mở rộng ở phòng làm việc, gió nhẹ ngoài đại dương tràn vào phòng. Một thứ mùi thật dễ chịu của những kì nghỉ. Trăng sáng vàng vạc soi tỏ mọi thứ bên ngoài.

Cuộc điều tra tiến triển tốt. Hay ít ra là trung sĩ Gahalowood và cả tôi nữa đang dần khám phá ra quy mô của vụ án. Tôi tin rằng vụ án này không đơn giản chỉ là câu chuyện tình bị cấm hay là một vụ việc ngớ ngẩn vào một tối mùa hè, một bé gái bỏ nhà và trở thành nạn nhân của một thằng vô lại, mà còn xa hơn

thế nhiều. Có quá nhiều câu hỏi còn bỏ ngỏ:

– Vào năm 1969, gia đình nhà Kellergan đã rời bỏ Jackson, Alabama, trong khi mà David, người cha, đang cai quản một nhà thờ phát triển rực rỡ. Tại sao như vậy?

– Mùa hè năm 1975, Nola đang trải qua một chuyện tình với Harry Quebert, và Harry Quebert lấy cảm hứng từ đó để viết *Nguồn gốc cái xấu xa*. Nhưng Nola cũng còn có một mối quan hệ với Elijah Stern, người đã vẽ chân dung không mảnh vải che thân. Cô bé này thực sự là ai? Phải chăng là một loại nữ thần?

– Vai trò của Luther Caleb là gì, chính Nancy Hattaway đã tiết lộ với tôi rằng anh ta tới đón Nola ở Aurora để đưa tới Concord?

– Ngoài Tamara Quinn thì còn ai nữa biết được chuyện về Nola và Harry? Ai là người có thể gửi cho Harry những bức thư nặc danh?

– Tại sao Cảnh sát trưởng Pratt, người đang phụ trách cuộc điều tra về vụ Nola mất tích, lại không thẩm vấn Harry sau khi Tamara Quinn đã tiết lộ phát hiện của mình? Ông ta có thẩm tra Stern không?

– Ai là tên sát nhân đã giết chết Deborah và Nola Kellergan?

– Và ai là cái bóng không thể nắm giữ được muốn ngăn chặn tôi kể ra câu chuyện này?

TRÍCH ĐOẠN TỪ: *NGUỒN GỐC CÁI XẤU XA*,

TÁC GIẢ: HARRY QUEBERT

Thảm kịch đã xảy ra vào ngày Chủ nhật. Nàng thật đau khổ và đã cố gắng tìm đến cái chết.

Con tim nàng không còn đủ sức đập từng nhịp nếu như nó không đập vì anh. Nàng cần có anh để sống. Và kể từ khi anh hiểu ra điều đó, anh đã tới bệnh viện hàng ngày để bí mật nhìn

nàng. Làm thế nào mà một người con gái đẹp nhường ấy, lại có thể muốn tự kết liễu đời mình? Anh hận bản thân. Cứ như thể chính anh là người đã gây ra đau khổ cho nàng.

Ngày nào cũng vậy, anh bí mật đến ngồi trên một chiếc ghế dài trong công viên công cộng bao quanh khu bệnh viện và chờ đợi thời điểm nàng bước ra ngoài để tận hưởng ánh nắng mặt trời. Anh nhìn nàng sống. Sống thật là quan trọng. Sau đó, anh lợi dụng lúc nàng ra khỏi phòng để đặt vào dưới gối nàng một bức thư.

Người yêu dịu dàng của anh!

Em không bao giờ được chết. Em là một thiên thần. Thiên thần không chết bao giờ.

Xem kìa, anh không bao giờ rời xa em. Hãy lau khô những giọt nước mắt, anh xin em. Anh không thể chịu đựng được khi thấy em buồn.

Anh ôm em để nỗi đau của em vơi bớt.

Tình yêu của em,

Thật là bất ngờ khi thấy bức thư của anh lúc em đi ngủ! Em bí mật viết thư hồi âm anh: buổi tối, chúng em không được phép thức sau giờ giới nghiêm và các nữ y tá thì quả là quá quắt. Nhưng em không thể cưỡng lại được: em phải trả lời ngay sau khi đọc thư của anh. Chỉ để nói rằng em yêu anh. Em mơ được khiêu vũ với anh. Em chắc chắn rằng anh sẽ khiêu vũ giỏi hơn hẳn những người khác. Em rất muốn anh đưa em tới buổi vũ hội mùa hè, nhưng em biết rằng anh không thích. Anh sẽ nói rằng nếu mọi người thấy chúng ta bên nhau, chúng ta sẽ thất bại. Dù sao thì em cũng chưa thể ra khỏi đây. Nhưng sống để làm gì khi mà chúng ta không thể yêu nhau? Đó là câu hỏi em

đặt ra khi em làm điều mà mình đã làm.

Em mãi mãi thuộc về anh.

Thiên thần kiêu diễm của anh,

Một ngày nào đó, chúng ta sẽ khiêu vũ cùng nhau. Anh hứa với em. Sẽ có ngày tình yêu của chúng ta giành chiến thắng và chúng ta có thể công khai yêu nhau. Và chúng ta sẽ khiêu vũ, chúng ta sẽ nhảy trên bờ biển. Trên bờ biển, như ngày đầu tiên. Em đẹp tuyệt khi em ở trên bãi biển.

Hãy nhanh chóng bình phục nhé! Một ngày nào đó, chúng ta sẽ khiêu vũ trên bãi biển.

Tình yêu của em,

Khiêu vũ trên bãi biển. Em chỉ ước mơ có vậy.

Hãy nói với em rằng một ngày nào đó anh sẽ dìu bước em khiêu vũ trên biển, chỉ mình anh và em...

Martha's Vineyard

(Massachusetts, cuối tháng Bảy năm 1975)

“Marcus ạ, trong xã hội của chúng ta, những người được chúng ta thần phục nhất đó là thợ xây cầu, xây nhà chọc trời và xây cung điện. Nhưng trên thực tế, những người đáng hãnh diện và mến mộ nhất là những người có thể xây đắp được tình yêu. Bởi tình yêu là công trình lớn lao nhất và khó khăn nhất.”

Nàng khiêu vũ trên bãi cát. Nàng nô đùa với những đợt sóng và chạy trên bãi biển, tóc tung bay theo làn gió; nàng cười, cuộc sống thật hạnh phúc. Từ trên sân khách sạn, Harry ngắm nhìn nàng hồi lâu, rồi anh lại chìm đắm vào những trang giấy phủ đầy trên mặt bàn anh ngồi. Anh viết thật nhanh và tràn đầy cảm xúc. Kể từ khi họ tới đây, anh đã viết được mấy chục trang, công việc tiến triển với một nhịp độ điên cuồng. Đó là nhờ nàng. Nola, Nola yêu dấu, cuộc sống của anh, cảm hứng của anh. N-O-L-A. Rốt cuộc anh cũng viết được cuốn tiểu thuyết lớn của mình. Một tiểu thuyết tình yêu.

“Harry, nàng hét to, nghỉ một chút thôi! Hãy ra đây tắm biển đi anh!”. Anh tự cho phép được gián đoạn công việc, xếp những trang viết vào hộp và đi lên phòng mặc quần bơi. Anh chạy tới bên nàng trên bờ biển, cả hai cùng đi dọc bãi cát, cứ thế xa dần khách sạn, xa dần khoảng sân khách sạn, nơi có khách du lịch và những người đang bơi khác. Họ vượt qua một hàng rào đá cuội và tới một vịnh nhỏ biệt lập. Ở đây, họ có thể yêu nhau.

– Hãy ôm em vào lòng đi, Harry yêu quý, nàng nói khi không

còn ánh mắt nào có thể nhìn thấy họ nữa.

Anh ghì lấy nàng và nàng bám thật chặt vào cổ anh. Sau đó họ vùng vẫy trong đại dương, vui vẻ đập nước, trước khi nằm dài trên những chiếc khăn tắm trắng của khách sạn để sưởi mình dưới ánh nắng mặt trời. Nàng tựa đầu mình lên ngực anh.

– Em yêu anh, Harry... Em yêu anh như chưa từng bao giờ yêu đến thế. Họ mỉm cười.

– Đây là kì nghỉ đẹp nhất trong cuộc đời anh, Harry nói.

Gương mặt Nola bừng sáng:

– Chúng mình chụp ảnh nhé! Chúng mình chụp ảnh nhé, như vậy chúng ta sẽ không bao giờ quên được nhau! Anh có mang máy ảnh không?

Anh lấy trong túi ra chiếc máy ảnh và đưa cho nàng. Nàng dính chặt vào người anh, giơ máy ảnh lên cao, chĩa ống kính vào cả hai và chụp một kiểu. Trước khi ấn nút, nàng quay đầu và hôn thật lâu lên má anh. Cả hai cùng cười.

– Em nghĩ rằng bức ảnh này sẽ tuyệt đẹp, nàng nói. Hãy nhớ lưu giữ nó suốt cả đời anh nhé.

– Anh sẽ giữ nó suốt đời. Tấm ảnh này sẽ không bao giờ rời khỏi anh.

Họ ở đây đã bốn ngày rồi.

* * *

Hai tuần trước đó.

Thứ Bảy ngày 19 tháng Bảy, ngày vũ hội truyền thống. Đây là lần thứ ba liên tiếp, vũ hội không được tổ chức ở Aurora mà tại

câu lạc bộ của bang ở Montburry, vì theo bà Amy Pratt, đây là nơi duy nhất xứng đáng được tổ chức sự kiện lớn như vậy. Kể từ khi bà Amy Pratt trở thành người chủ trì buổi lễ này, thì bà nỗ lực hết sức để tổ chức ngày hội này trở thành buổi dạ hội sang trọng. Bà không cho sử dụng phòng tập thể dục của trường trung học Aurora, không đồng ý tổ chức tiệc đứng mà phải tự ngồi ăn tại bàn với các vị trí đã được định sẵn. Bà bắt đầu ông phải đeo cà vạt, tổ chức quay xổ số ngay khi vừa kết thúc bữa tối và bắt đầu chuyển sang khiêu vũ để tăng thêm phần kích cho buổi lễ hội. Suốt một tháng trước buổi lễ, bà Amy Pratt đi khắp mọi góc ngách trong thành phố để bán vé số với giá đắt như vàng mà không có ai dám từ chối vì sợ bị xếp chỗ ngồi tệ hại trong buổi lễ. Theo một số người, món hời béo bở từ việc bán vé số sẽ chui thẳng vào túi bà, nhưng không ai dám nói ra điều đó: quan trọng là phải giữ quan hệ tốt với bà. Người ta nói rằng, có năm, bà Amy Pratt cố tình quên không xếp chỗ ngồi ở bàn ăn cho một phụ nữ vì cô này dám cãi nhau với bà. Vào lúc ăn tối, người phụ nữ bất hạnh kia vì không có chỗ nên phải đứng trợ trợ giữa phòng tiệc.

Mới đầu, Harry định không đi dự vũ hội. Cho dù anh đã mua sẵn chỗ ngồi trước đó mấy tuần, nhưng anh không còn tâm trạng để đi; Nola vẫn nằm viện và anh cảm thấy bất hạnh. Anh muốn được một mình. Nhưng chính hôm đó, bà Amy Pratt tới tận nhà gõ cửa tìm anh; nhiều ngày nay, bà không trông thấy anh trong thành phố, không ai gặp anh ở tiệm Clark's. Bà Pratt muốn chắc chắn anh sẽ không cho bà leo cây, anh buộc phải tới lễ hội vì bà đã tuyên bố với tất cả mọi người rằng anh sẽ có mặt. Đây là lần đầu tiên, một ngôi sao lớn của New York tham dự dạ hội, biết đâu trong năm sau, Harry sẽ tới New Hampshire cùng tất cả những tầng lớp cao cấp nhất của giới kinh doanh giải trí.

Rồi vài năm nữa, toàn bộ giới Hollywood và Broadway sẽ đến tận New Hampshire để tham dự buổi lễ, rồi nó có thể sẽ trở thành một sự kiện ăn chơi lớn nhất của bờ Đông. “Tối nay anh sẽ đến chứ, Harry? Hả? Anh đến chứ?” Bà rên rỉ, vịn vẹo trước cửa. Bà khẩn nài cho đến khi anh hứa sẽ tới dự, căn bản vì anh không biết phải từ chối thế nào. Hơn nữa, bà Amy thậm chí còn ép được anh mua hẳn 50 đô la vé số.

Sau đó, anh tới bệnh viện thăm Nola. Trên đường đi, anh ghé vào cửa hàng ở Montburry mua cho nàng mấy đĩa nhạc kịch, anh biết rằng âm nhạc làm cho nàng hạnh phúc biết chừng nào. Anh đã tiêu xài quá nhiều, anh không thể cho phép mình tiếp diễn điều đó nữa. Anh không dám nghĩ đến tình hình tài khoản của mình ở ngân hàng; thậm chí anh còn không dám xem số dư tài khoản. Tất cả tiền tiết kiệm của anh đã bốc hơi như khói, và với nhịp độ này, anh sẽ không còn đủ để trả tiền thuê nhà cho tới cuối mùa hè.

Họ cùng nhau đi dạo trong khuôn viên bệnh viện. Khi những bụi hoa che khuất tầm nhìn, Nola ôm chặt lấy anh.

- Harry, em muốn đi...
- Các bác sĩ bảo, vài ngày nữa, em có thể được xuất viện...
- Anh chẳng hiểu gì cả: em muốn đi khỏi Aurora. Với anh. Ở đây, chúng mình sẽ không bao giờ hạnh phúc.

Anh trả lời:

- Một ngày nào đó.
- Một ngày nào đó, nghĩa là sao?
- Một ngày nào đó, chúng mình sẽ đi. Gương mặt nàng trở nên rạng rỡ.
- Thật không, Harry, thật chứ? Anh sẽ đưa em đi thật xa chứ?

– Thật xa. Và chúng ta sẽ hạnh phúc.

– Vâng, thật hạnh phúc.

Nàng ôm chặt anh vào lòng. Mỗi lần nàng ghi sát vào anh, anh lại cảm thấy một cơn run rẩy dịu dàng xuyên thấu tâm can.

– Tối nay sẽ có vũ hội, nàng nói.

– Đúng rồi.

– Anh sẽ tới chứ?

– Anh không biết. Anh đã hứa với bà Amy Pratt sẽ đến nhưng anh không có tâm trạng nào cả.

– Ô, anh phải đi chứ, em xin anh. Em mơ ước được đến đó. Từ lâu em vẫn mơ ước có một ngày, ai đó sẽ mời em tới dự buổi vũ hội này. Nhưng em sẽ chẳng bao giờ đi đâu. Mẹ em không muốn.

– Thế anh đến đó một mình để làm gì?

– Anh sẽ không phải một mình, Harry. Em sẽ ở đó với anh, trong tâm trí anh. Chúng ta sẽ khiêu vũ với nhau! Bất kì điều gì xảy ra, lúc nào em cũng ở trong tâm trí anh!

Nghe vậy, anh phát cáu:

– Thế nghĩa là thế nào, bất kì điều gì xảy ra nghĩa là sao, hả?

– Không có gì đâu, Harry yêu quý, anh đừng bực mình. Đơn giản là em chỉ muốn nói rằng em sẽ yêu anh mãi mãi.

Vì tình yêu của Nola, rốt cuộc anh cũng tới buổi vũ hội, anh đến một mình trong bộ dạng nhăn nhó. Ngay khi tới nơi, anh đã thấy tiếc về quyết định của mình: anh cảm thấy bối rối, lúng túng trước đám đông. Để tỏ vẻ thoải mái, anh tới ngồi bên quầy bar, gọi vài ly martini và ngắm các vị khách đang lần lượt kéo đến. Căn phòng nhanh chóng đầy ắp người, tiếng nói chuyện ngày càng âm ỉ. Anh nghĩ mọi ánh mắt đang đổ dồn nhìn mình

và cứ như thế tất cả đều biết rằng anh đang yêu một đứa con nít mới mười lăm tuổi. Cảm thấy chóng mặt, anh vào khu vệ sinh, vẩy nước lạnh lên mặt để trấn tĩnh lại. Anh thở sâu: phải tỏ ra bình tĩnh. Chẳng ai có thể biết được chuyện giữa anh và Nola. Họ lúc nào cũng thận trọng và kín đáo đến thế cơ mà. Không có lí do gì phải lo lắng. Cần phải tỏ ra tự nhiên. Rốt cuộc anh cũng bình tĩnh trở lại và cảm thấy bụng đỡ đau. Anh mở cửa buồng vệ sinh và ngay lúc đó phát hiện dòng chữ màu đỏ viết bằng son môi trên gương: ĐỒ LÀM TÌNH VỚI TRẺ CON.

Anh vô cùng hoảng sợ. Ai vừa ở đây? Anh gọi, anh nhìn khắp xung quanh, đẩy cửa ngó vào tất cả các buồng vệ sinh: không có ai. Toàn bộ khu vệ sinh không một bóng người. Anh vội nhặt lấy một mảnh khăn và nhúng dầm nước, xóa vội dòng chữ trên gương khiến nó trở thành một vệt đỏ dính dính. Sau đó, anh vội vàng chạy ra khỏi đó vì sợ bị bắt gặp. Anh cảm thấy buồn nôn và yếu đuối, trán ướt dầm mồ hôi, mạch hai bên thái dương đập thình thịch. Anh quay trở lại buổi vũ hội, làm như không có chuyện gì xảy ra. Ai biết chuyện của anh và Nola?

Trong phòng, bữa tiệc tối bắt đầu, các vị khách đang lần lượt ngồi vào bàn. Anh có cảm giác sắp sửa hóa điên. Một bàn tay nắm lấy vai anh. Anh giật mình. Là bà Amy Pratt. Mồ hôi anh túa ra như tắm.

- Mọi việc ổn chứ, Harry? Bà hỏi.
- Vâng, vâng, chỉ hơi nóng một chút.
- Chỗ của anh là ở bàn danh dự. Tối đây nào, ở ngay đây thôi.

Bà dẫn anh tới ngồi vào chiếc bàn lớn trang trí đầy hoa. Tại đây một người đàn ông chừng bốn mươi tuổi đã ngồi và tỏ rõ vẻ buồn chán.

– Anh Harry Quebert, bà Amy Pratt tuyên bố với giọng trịnh trọng đầy vẻ nghi lễ, cho phép tôi giới thiệu anh với ngài Elijah Stern, nhà tài trợ hào phóng cho buổi lễ này. Chính nhờ ông ấy mà vé số của chúng ta mới rẻ được như vậy. Ông cũng còn là chủ sở hữu của ngôi nhà anh đang ở tại Goose Cove.

Elijah Stern chìa tay ra và mỉm cười. Harry cũng phá lên cười.

– Vậy ông chính là chủ sở hữu của tôi đây à, thưa ông Stern?

– Hãy cứ gọi tôi là Elijah. Rất vui vì được làm quen với anh.

Ăn xong món chính, hai người đàn ông cùng ra ngoài hút thuốc lá và đi dạo vài bước trên thảm cỏ.

– Anh hài lòng về ngôi nhà chứ? Stern hỏi.

– Rất tuyệt. Ngôi nhà thật tuyệt vời.

Vừa rít thuốc lá., Elijah Stern vừa kể giọng bồi hồi nói nhớ về ngôi nhà ở Goose Cove chính là nơi nghỉ hè của gia đình ông trong nhiều năm: bố ông xây ngôi nhà đó vì mẹ ông có tiền sử đau đầu kinh niên. Theo bác sĩ thì không khí biển sẽ có ích cho người bệnh.

– Khi bố tôi nhìn thấy miếng đất này sát bờ biển, ngay lập tức ông mê nó liền. Không chần chừ nửa giây, ông mua nó rồi dựng nhà. Chính ông là người vẽ bản thiết kế. Tôi từng mê mẩn với nơi này. Chúng tôi có biết bao nhiêu mùa hè tuyệt vời ở đó. Rồi thời gian trôi qua, bố tôi mất, mẹ tôi dọn hẳn đến California ở, không còn ai chăm sóc Goose Cove nữa. Tôi rất thích ngôi nhà này. Cách đây mấy năm tôi còn cho trùng tu lại. Nhưng tôi không cưới vợ, chẳng có con, cũng chẳng có cơ hội nào để tận hưởng ngôi nhà. Hơn nữa, nó quá rộng đối với tôi. Thế nên, tôi giao nó cho công ty bất động sản để cho thuê. Cứ nghĩ ngôi nhà bị bỏ hoang không ai ở là tôi không chịu được. Tôi thấy rất

hạnh phúc khi một người như anh sống ở đó.

Stern kể, thời thơ ấu ông ấy ở Aurora, tại đây lưu giữ kỉ niệm lần đi dạ hội đầu tiên và mối tình đầu của ông. Sở dĩ từ lâu, ông cứ quay về đây mỗi năm một lần, chính là để dự ngày lễ hội và tưởng nhớ lại những năm tháng đó.

Ông ta châm điếu thuốc thứ hai, ngồi thêm một lúc trên ghế đá.

– Thế hiện tại, cụ thể anh đang làm gì hả Harry?

– Tôi đang viết truyện tình... Nghĩa là, tôi đang cố gắng viết. Anh biết đấy, ở đây ai cũng tưởng tôi là nhà văn lớn, nhưng thực ra chỉ là nhầm lẫn.

Harry biết rằng Stern không phải loại người dễ bị lừa. Ông ta chỉ trả lời:

– Mọi người ở đây đa cảm quá mà. Chỉ cần nhìn cái buổi lễ hội bị biến đổi một cách đau lòng thế này cũng đủ biết. Vậy là anh đang viết truyện tình à?

– Vâng.

– Đến đâu rồi?

– Chỉ mới bắt đầu thôi. Nói thật là tôi thấy không thể viết nổi.

– Với một nhà văn, tình trạng như vậy thì tôi thật. Anh đang lo lắng à?

– Có thể nói như vậy.

– Anh đang yêu à?

– Sao anh lại hỏi thế?

– Chỉ vì tò mò thôi. Tôi tự hỏi không biết có nhất thiết phải yêu mới có thể viết được truyện tình. Dù sao thì tôi cũng rất ấn tượng với các nhà văn. Có thể vì tôi cũng thích trở thành nhà

văn. Hay trở thành nghệ sĩ. Tôi yêu hội họa vô điều kiện. Nhưng bất hạnh là tôi hoàn toàn không có năng khiếu về nghệ thuật. Tiêu đề cuốn truyện anh viết là gì?

- Tôi còn chưa biết.
- Thế viết về kiểu truyện tình nào?
- Chuyện tình bị cấm đoán.
- Nghe rất hấp dẫn, Stern phấn khích. Chúng ta phải thỉnh thoảng gặp nhau mới được.

Lúc 21 giờ, sau khi ăn tráng miệng xong, bà Amy Pratt tuyên bố chương trình rút thăm trúng thưởng, và cũng như mọi năm, chồng bà sẽ chủ trì việc này. Cảnh sát trưởng Pratt, dí sát sạt loa vào miệng, đọc to kết quả xổ số. Phần lớn giải thưởng do các doanh nhân trong vùng tài trợ, hầu hết đều là các giải thưởng rẻ tiền, ngoại trừ giải nhất khiến việc rút thăm gây ra nhiều huyên náo: một tuần đi nghỉ trọn gói dành cho hai người tại khách sạn hạng sang ở Martha's Vineyard. "Xin quý vị chú ý", ông Pratt hét hét cỡ. "Người trúng giải nhất là... Chú ý, chú ý... là người có vé số 1385!" Một phút im lặng, rồi bỗng nhiên, Harry nhận ra đó chính là một trong những tấm vé số của mình, liền đứng dậy. Ai cũng ngạc nhiên. Ngay lập tức một tràng pháo tay như sấm dậy, rất nhiều người vây quanh anh chúc mừng. Đến tận cuối buổi tiệc, toàn bộ những người tham gia chỉ còn biết nhìn ngắm anh: anh trở thành trung tâm của thế giới. Nhưng anh lại chẳng chú ý đến bất kì ai, cả thế giới của anh đang ngủ trên chiếc giường nhỏ trong bệnh viện cách đó mười lăm dặm.

Khi Harry rời khỏi buổi dạ hội, vào khoảng hai giờ sáng, anh còn gặp lại Elijah Stern trong phòng thay đồ, ông ta cũng chuẩn bị ra về.

– Trúng giải nhất, Stern mỉm cười nói. Có thể nói rằng anh vốn là người luôn gặp may mắn.

– Vâng... Thế mà tôi suýt không mua vé số.

– Anh có cần tôi đưa về không? Stern hỏi.

– Cảm ơn Elijah, nhưng tôi cũng có xe.

Họ đi cùng nhau tới tận bãi đỗ xe. Một chiếc Berline đen xa xỉ đang đợi Stern, phía mui xe, một người đàn ông đứng hút thuốc lá. Stern chỉ anh ta và nói:

– Harry, tôi muốn giới thiệu với anh người trợ tá thân cận nhất của tôi. Anh ta thực sự là con người tuyệt vời. Hơn nữa, nếu anh không thấy phiền, tôi có thể cho anh ta tới Goose Cove giúp anh chăm sóc mấy khóm hồng. Sắp đến lúc phải tĩa cành rồi. Anh ta là thợ làm vườn chuyên nghiệp, ngược hẳn với lũ nhân viên bắt tài mà mấy công ty cây cảnh trong vùng cử đến mùa hè năm ngoái, họ làm chết hết cây cảnh của tôi.

– Hiển nhiên rồi. Elijah, đó là nhà của anh mà.

Khi tiến lại gần người đàn ông kia thì Harry nhận ra rằng vẻ ngoài của anh ta thật đáng kinh sợ: cơ thể đồ sộ, cơ bắp cuộn cuộn, khuôn mặt méo mó dị dạng. Họ bắt tay chào nhau.

– Tôi là Harry Quebert, Harry nói.

– Phin phào phồng Quebert, người đàn ông đó lập bập trả lời, giọng nói nghe rất đau đớn. Phôi phên là Luther Caleb.

Ngay hôm sau buổi dạ hội, toàn bộ Aurora bị khuấy động mạnh mẽ: Harry Quebert sẽ đi Martha's Vineyard với ai? Không một ai biết liệu anh có người yêu ở Aurora hay ở New York? Có thể là minh tinh màn bạc. Hay anh sẽ mời một cô gái của Aurora đi cùng? Liệu anh có đang tán tỉnh ai ở đây không? Anh là người thật kín đáo. Không biết mấy tờ báo chuyên viết chuyện các ngôi sao có nói về anh không?

Người duy nhất không hề bận tâm tới chuyến du lịch lại chính là Harry. Sáng thứ Hai ngày 21 tháng Bảy, anh vẫn ở nhà, lo lắng đến phát ốm: ai là người biết chuyện của anh với Nola? Ai có thể theo chân anh tới tận nhà vệ sinh? Ai là kẻ cả gan dám làm bẩn tấm gương bằng những dòng chữ phỉ báng đó. Chữ viết bằng son môi: chắc kẻ đó là phụ nữ. Nhưng là ai? Để có việc mà làm, anh ngồi vào bàn, quyết sắp xếp lại đồng giấy tờ: chính lúc đó anh nhận thấy mất một trang. Trang giấy viết về Nola vào ngày nàng định tự vẫn. Anh vẫn còn nhớ rõ lắm, anh để nó ở đây mà. Cũng phải đến cả tuần nay anh cứ chắt chùng đồng giấy nháp lên bàn, nhưng anh vẫn đánh số thứ tự như mọi khi, theo trật tự thời gian chính xác để sau đó tiện sắp xếp lại. Bây giờ anh kiểm tra và thấy thiếu một trang. Trang này rất quan trọng anh nhớ rõ lắm. Anh xếp lại lần nữa, rồi lần nữa, đổ hết mọi thứ trong cặp ra: nhưng tờ giấy không có trong đó. Không thể như thế được. Anh luôn cẩn thận kiểm tra bàn làm việc mỗi khi rời tiệm Clark's để chắc chắn không bỏ sót thứ gì. Còn ở Goose Cove, anh chỉ làm việc tại bàn, nếu như vô tình có ngồi làm việc ngoài hiên, thì ngay lập tức anh sẽ cất những trang viết lên trên bàn làm việc. Anh không thể đánh mất tờ giấy đó, vậy nó ở đâu? Sau khi lục tung cả nhà lên tìm, anh bắt đầu nghĩ có thể ai đó đến đây tìm kiếm bằng chứng buộc tội anh. Có thể chính là người đã viết dòng chữ trên gương nhà vệ sinh ở buổi dạ hội. Mỗi khi nghĩ đến đây, anh lại thấy bụng quặn đau tới độ buồn nôn.

Chính ngày hôm đó, Nola được xuất viện. Ngay khi về tới Aurora; mối bận tâm đầu tiên của nàng là tìm gặp Harry. Nàng tới Goose Cove cuối buổi chiều: anh đang ở trên bãi biển, tay cầm chiếc hộp bằng thép trắng. Ngay khi nhìn thấy anh, nàng lao vào lòng anh: anh nhắc bổng nàng lên và quay tròn khiến

nàng chóng cả mặt.

– Ôi, Harry, Harry yêu quý! Em nhớ da diết những giây phút ở đây bên anh!

Anh ghì chặt nàng hết sức.

– Nola, Nola yêu quý!

– Anh thế nào, có khỏe không anh yêu? Nancy nói anh trúng giải nhất trong cuộc rút thăm trúng thưởng?

– Ừ, em có ngờ được không?

– Kì nghỉ cho hai người ở Martha's Vineyard ! Thế là khi nào vậy?

– Ngày đi hoàn toàn để mở. Khi muốn, anh chỉ cần gọi điện đến khách sạn để đặt phòng.

– Anh có cho em đi cùng không? Ôi, Harry, hãy mang em đi tới bất kì chỗ nào chúng ta có thể hạnh phúc mà không phải giấu giếm!

Anh không trả lời, bước vài bước trên bãi sỏi. Họ nhìn những đợt sóng trào lên rồi kết thúc hành trình của nó trên cát.

– Những cơn sóng tới từ đâu vậy? Nola hỏi.

– Từ rất xa, Harry trả lời. Chúng đến từ rất xa, thấy được chỗ ngoặt của nước Mỹ rồi chết.

Anh nhìn trần trời vào Nola, bất chợt ghì chặt lấy gương mặt nàng trong một cơn thịnh nộ điên cuồng.

– Trời ơi, Nola! Tại sao em lại muốn chết?

– Không phải người ta muốn chết, Nola trả lời. Mà là người ta không thể sống được nữa.

– Nhưng em có nhớ ngày hôm đó, trên bãi biển này, sau buổi biểu diễn ở trường về, em nói với anh là anh đừng buồn vì đã có em. Làm sao em chăm sóc được anh khi em một mình tìm tới

cái chết?

– Em biết rồi, Harry. Xin lỗi, em xin lỗi anh.

Trên bãi biển này, nơi họ gặp nhau và yêu nhau say đắm ngay từ ánh nhìn đầu tiên, nàng quỳ xuống để xin anh tha lỗi. Nàng còn tiếp tục cầu xin: “Hãy mang em đi, Harry. Hãy mang em đi tới Martha’s Vineyard. Hãy mang em đi và chúng ta hãy yêu nhau mãi mãi”. Anh hứa, trong cơn điên cuồng phút giây. Nhưng chỉ sau đó vài phút, khi nàng đã trở về nhà còn anh đứng lại nhìn nàng xa dần trên con đường từ Goose Cove, thì anh nghĩ mình không thể mang nàng đi được. Đó là điều không thể. Có ai đó biết chuyện của họ, nếu họ mà đi cùng nhau thì cả thành phố sẽ biết chuyện. Chắc chắn anh sẽ phải ngồi tù. Anh không thể mang nàng theo được, và nếu như nàng còn tiếp tục cầu xin, anh sẽ phải trì hoãn chuyến du lịch bị người đời cảm đoán này. Anh sẽ trì hoãn vĩnh viễn.

Ngày hôm sau, anh trở lại tiệm Clark’s mà đã từ lâu anh không tới. Như thường lệ, Jenny đang phục vụ. Khi thấy Harry tới, mắt cô sáng long lanh: anh quay trở lại! Phải chăng vì buổi dạ hội? Anh cảm thấy ghen tuông khi cô đi cùng Travis? Anh muốn mang cô tới Martha’s Vineyard? Nếu anh đi mà không mang theo cô, có nghĩa là anh không yêu cô. Câu hỏi làm cô bức bối đến độ cô hỏi trước cả khi nhận đơn đặt món của anh.

– Anh mang ai đi Martha’s Vineyard cùng hả Harry?

– Tôi không biết, anh trả lời. Có thể là không ai. Có thể tôi sẽ tranh thủ để viết cho xong cuốn sách.

Cô nhăn mặt:

– Chuyến du lịch đẹp như vậy mà đi một mình ư? Thật là lãng phí.

Cô âm thầm hi vọng anh trả lời: “Em có lí đấy, Jenny, tình

yêu của anh, chúng ta sẽ đi cùng nhau, hoàng hôn buông xuống, chúng ta sẽ hôn nhau”. Nhưng anh chỉ nói: “Cho anh một tách cà phê”. Cô phục vụ Jenny lập tức tuân lệnh. Đúng lúc ấy, bà Tamara Quinn từ phòng phía sau bước ra, bà vừa mới tổng kết xong sổ sách kế toán. Khi thấy Harry ngồi ở bàn như thường lệ, bà vội vàng chạy tới, không chào hỏi gì, cất giọng điên dại đầy cay đắng:

– Tôi đang xem lại sổ sách. Từ bây giờ chúng tôi không cho ghi sổ nữa, anh Quebert ạ.

– Tôi hiểu, Harry nói, không muốn cãi lộn. Tôi rất tiếc vì bỏ lỡ lời mời của bác hôm Chủ nhật vừa rồi. Tôi có...

– Tôi không quan tâm tới lời xin lỗi của anh. Tôi có nhận được bó hoa của anh, nó ở ngoài thùng rác rồi. Từ giờ tới cuối tuần, xin anh thanh toán nợ cho tôi.

– Được ạ. Bác đưa tôi hóa đơn, tôi sẽ trả ngay.

Bà mang ra tờ giấy chi tiết. Anh suýt ngạt thở lúc nhìn thấy hóa đơn ghi nợ đến trên 500 đô la. Anh đã tiêu xài không tính toán: 500 đô la tiền thức ăn và đồ uống, 500 đô la vứt qua cửa sổ, chỉ để được gần Nola. Cùng với hóa đơn này, sáng hôm sau, anh còn nhận thêm thư của công ty cho thuê nhà. Anh mới thanh toán được một nửa thời gian, tức là đến cuối tháng Bảy. Bức thư thông báo anh còn phải trả thêm 1000 đô nữa để có thể thuê ngôi nhà cho tới tháng Chín. Nhưng anh cũng chẳng còn tới 1000 đô trong tài khoản. Anh gần như không còn tiền nữa. Số nợ ở tiệm Clark's đã làm anh rớt xuống hạng người nghèo. Anh không còn gì để trả tiền thuê một ngôi nhà như vậy nữa. Anh không thể ở lại Goose Coove được nữa. Anh phải làm gì đây. Gọi điện cho Elijah Stern và kể cho ông ta tình hình? Nhưng để làm gì? Anh không viết được cuốn tiểu thuyết lớn như mong muốn, anh chỉ là kẻ lừa dối.

Sau khi suy nghĩ kỹ, anh gọi điện đến khách sạn Martha's Vineyard. Anh quyết định: không thuê tiếp ngôi nhà này nữa. Chấm dứt mọi lừa dối lại ở đây. Anh sẽ đi du lịch một tuần cùng Nola để sống cuộc tình của họ lần cuối, sau đó anh sẽ biến mất mãi mãi. Lễ tân của khách sạn cho anh biết còn phòng trống cho tuần lễ từ ngày 28 tháng Bảy tới 3 tháng Tám. Điều anh phải làm là: yêu Nola lần cuối cùng rồi rời bỏ thành phố này mãi mãi.

Anh đặt phòng xong, gọi điện tới công ty cho thuê nhà. Anh thông báo đã nhận được thư của họ nhưng vì không may mắn, anh không còn đủ tiền tiếp tục thuê Goose Cove. Anh đề nghị hủy hợp đồng thuê bắt đầu từ ngày 1 tháng Tám và viện một số lý do, anh cũng thuyết phục được nhân viên đồng ý cho anh giữ ngôi nhà tới tận thứ Hai ngày 4 tháng Tám. Khi đó, anh sẽ trực tiếp mang chìa khóa đến trả cho chi nhánh công ty ở Boston, trên đường đi New York. Giọng nói trong điện thoại của Harry rớm vị nước mắt: như vậy cuộc phiêu lưu của người được gọi là đại văn hào Harry Quebert đã kết thúc, không có khả năng viết nổi ba dòng cho cuốn tiểu thuyết vĩ đại mà anh ta đang tham vọng. Gần như hoàn toàn suy sụp, Harry dập điện thoại với những lời cuối cùng: “Được rồi, anh ạ. Chính tôi sẽ mang chìa khóa của Goose Cove tới công ty anh vào thứ Hai ngày 4 tháng Tám, khi tôi về New York”. Vừa đặt điện thoại xuống, anh giật thót khi nghe thấy giọng nói nghẹn ngào phía sau: “Anh đi sao Harry?” Đó là Nola. Nàng vào nhà mà không báo trước. Nàng đã nghe toàn bộ cuộc đối thoại. Nước mắt đầm đìa, nàng nhắc lại:

– Anh đi sao Harry? Chuyện gì xảy ra vậy? - Nola... anh có một số vấn đề.

– Một số vấn đề? Nhưng vấn đề gì? Anh không thể đi được!

Harry, anh không thể đi được! Nếu anh đi, em sẽ chết!

– Không! Đừng nói vậy!

Nàng quy ngã.

– Đừng đi, Harry! Vì Chúa! Em không còn là gì khi không có anh.

Anh cũng ngã xuống đất bên cạnh nàng.

– Nola, anh phải nói với em một điều... ngay từ đầu, anh đã nói dối. Anh không phải là nhà văn nổi tiếng...Anh đã nói dối! Anh nói dối từ đầu đến cuối! Nói dối về thân thể, về sự nghiệp của anh! Anh không còn tiền! Không còn gì hết! Anh không còn đủ điều kiện tài chính để ở lại trong ngôi nhà này. Anh không thể ở lại Aurora.

– Chúng mình sẽ tìm ra giải pháp! Em chắc chắn anh sẽ trở thành nhà văn rất nổi tiếng. Anh sẽ kiếm được rất nhiều tiền! Cuốn sách đầu tay của anh thật tuyệt vời. Cả cuốn sách hiện tại anh đang viết với bao nhiêu nhiệt huyết này nữa, sẽ rất thành công, em chắc chắn điều đó! Em không bao giờ nhầm lẫn!

– Nola cuốn sách này chỉ rặt những điều kinh khủng. Rặt những lời lẽ kinh hoàng.

– Những lời lẽ kinh hoàng nào?

– Những lời lẽ viết về em mà anh không được phép viết. Nhưng đó là những điều anh cảm nhận.

– Thế anh cảm nhận điều gì, Harry?

– Tình yêu. Biết bao nhiêu tình yêu!

– Vậy anh hãy làm cho nó thành những ngôn từ đẹp đẽ! Anh làm việc đi! Hãy viết những lời đẹp đẽ!

Nàng cầm tay anh kéo dậy, dìu anh ra ngoài hiên. Nàng mang tới cho anh những tờ giấy, cả cuốn sổ và những chiếc bút. Nàng

pha cà phê, bật nhạc kịch và mở toang cửa sổ phòng khách để anh nghe cho rõ. Nàng biết âm nhạc giúp anh tập trung viết. Anh ngoan ngoãn tập trung trí óc và lại bắt đầu viết từ đầu; anh bắt đầu viết câu chuyện tình, như thể Nola và anh là chuyện có thể. Anh viết suốt hai giờ liên tục, ngôn từ tự dưng kéo đến, câu chữ tự vẽ ra một cách hoàn hảo, tự nhiên ùa ra trên ngòi bút đang nhảy nhót trên giấy. Đây là lần đầu tiên kể từ khi tới đây, anh có cảm giác cuốn tiểu thuyết của anh đang thực sự hình thành.

Khi ngược mắt lên, anh nhận ra Nola ngồi trên chiếc ghế sắt, hơi lùi lại phía sau để khỏi làm phiền anh, đang thiếp ngủ. Mặt trời chói lóa, nóng bức. Bất chợt, với cuốn tiểu thuyết, với Nola, với ngôi nhà ở bên bờ đại dương, anh cảm thấy cuộc đời thật tuyệt vời. Thậm chí anh còn thấy rời bỏ Aurora cũng không phải là điều tệ hại: anh sẽ hoàn thiện cuốn tiểu thuyết ở New York, sẽ trở thành nhà văn lớn và đợi Nola. Xét cho cùng, ra đi không có nghĩa là mất nàng. Có thể ngược lại. Ngay khi nàng tốt nghiệp phổ thông, nàng có thể đi học đại học ở New York. Họ sẽ sống với nhau. Từ nay cho đến lúc đó, họ sẽ viết thư, sẽ gặp nhau vào những dịp nghỉ lễ. Năm tháng sẽ nhanh chóng trôi qua, tình yêu của họ sẽ không còn là tình yêu bị ngăn cấm. Anh nhẹ nhàng đánh thức Nola dậy. Nàng mỉm cười vươn vai.

– Anh có viết được chứ?

– Rất tuyệt.

– Thật tuyệt vời! Em có thể đọc được không?

– Sắp rồi! Anh hứa!

Một chú chim mòng biển lướt trên mặt nước.

– Hãy cho cả những chú mòng biển vào nhé Harry! Hãy cho cả những chú mòng biển vào tiểu thuyết của anh nhé!

– Sẽ có mòng biển ở từng trang, Nola ạ. Chúng ta sẽ đi nghỉ mấy ngày ở Martha's Vineyard chứ? Tuần tới có phòng trống.

Nét mặt nàng rạng rỡ:

– Tuyệt vời! Chúng ta sẽ đi! Chúng ta sẽ đi cùng nhau.

– Nhưng em sẽ nói với bố mẹ thế nào?

– Anh không phải lo, Harry yêu quý. Em thu xếp chuyện với bố mẹ em. Còn anh lo viết tiểu thuyết của anh và yêu em. Thế anh sẽ ở lại chứ?

– Không, Nola. Cuối tháng anh phải đi vì anh không còn đủ tiền thuê ngôi nhà này.

– Cuối tháng? Nhưng bây giờ là cuối tháng rồi còn gì.

– Anh biết.

Mắt nàng mọng nước:

– Đừng đi, anh Harry.

– New York không xa. Em sẽ đến thăm anh. Chúng ta sẽ viết thư cho nhau. Chúng ta sẽ gọi điện thoại. Tại sao sau này em lại không đi học đại học ở đó nhỉ? Em bảo anh em mơ ước được thấy New York

– Đại học ư? Nhưng phải ba năm nữa cơ mà! Ba năm không có anh, em không thể, Harry! Em không thể chịu đựng nổi!

– Đừng lo lắng, thời gian trôi nhanh. Khi chúng ta yêu nhau, thời gian như gió thổi.

– Đừng bỏ em, Harry. Em không muốn Martha's Vineyard sẽ là chuyến đi vĩnh biệt.

– Nola, anh không còn tiền. Anh không thể ở lại đây nữa.

– Chúng ta sẽ tìm giải pháp. Anh có yêu em không nào?

– Có.

– Vậy nếu chúng ta yêu nhau, chúng ta sẽ tìm ra giải pháp. Những người yêu nhau lúc nào cũng tìm ra giải pháp để yêu nhau nhiều hơn. Ít nhất là hãy hứa với em, là anh sẽ suy nghĩ về chuyện đó.

– Anh hứa.

Một tuần sau, đúng bình minh ngày 28 tháng Bảy năm 1975 , họ đã đi với nhau. Anh không thể nào không nhắc tới việc rời bỏ Aurora. Anh tự trách mình đã để cho tham vọng và những giấc mộng lớn chi phối: làm sao anh có thể ngây thơ cho rằng sẽ viết nên đại tiểu thuyết chỉ trong một mùa hè?

Họ gặp nhau lúc 4 giờ sáng tại bãi xe của cảng tàu. Aurora còn đang say ngủ. Trời hửng còn tối. Họ chạy thẳng một mạch đến tận Boston. Tại đây họ ăn sáng. Sau đó họ lại chạy một mạch đến tận Falmouth và đi tàu thủy. Họ tới được đảo Martha's Vineyard vào lúc cuối ngày. Từ đó, họ sống như trong mơ ở khách sạn tuyệt đẹp bên bờ đại dương. Họ tắm biển, đi dạo, ăn tối chỉ hai người với nhau trong phòng ăn lớn của khách sạn, không ai nhìn ngó và cũng không đặt câu hỏi gì. Tại Martha's Vineyard họ đã được sống.

* * *

Vậy là họ đã ở Martha's Vineyard được bốn ngày. Nằm dài trên bãi cát nóng, trong vịnh nhỏ của riêng họ, tránh cái nhìn của mọi người. Họ chỉ còn nghĩ tới bản thân và niềm hạnh phúc được ở bên nhau. Nàng chơi nghịch với máy ảnh, còn anh đang nghĩ về cuốn sách.

Nàng bảo với Harry rằng bố mẹ tưởng nàng đến chơi nhà bạn, nhưng thật ra nàng nói dối. Nàng bỏ nhà, không báo bất kì

ai: tìm lí do chính đáng để vắng nhà một tuần liền là quá phức tạp. Vậy nên nàng đi mà không nói gì hết. Nàng ra khỏi nhà qua cửa sổ phòng riêng từ lúc bình minh. Trong khi nàng và Harry nằm dài phơi nắng trên bãi cát, thì ở Aurora, viên mục sư Kellergan lo lắng đến phát điên. Sáng thứ Hai, ông thấy phòng con gái trống không. Ông không báo cảnh sát. Mới đầu là cố gắng tự tử, sau rồi lại là bỏ nhà đi; nếu ông báo cảnh sát, tất cả mọi người sẽ biết. Ông tự đặt thời hạn là bảy ngày để tìm con gái. Bảy ngày giống như chính đấng tối cao đã tạo ra thời gian cho một tuần. Suốt ngày ông lái ô tô rong ruổi khắp nơi, lùng sục khắp vùng tìm con. Ông sợ điều tồi tệ nhất xảy ra. Sau bảy ngày, ông sẽ báo cảnh sát.

Harry không nghi ngờ điều gì. Anh mù quáng vì tình. Vì vậy mà buổi sáng lúc họ xuất phát đi Martha's Vineyard, khi Nola tới gặp anh từ lúc bình minh ở bãi đỗ xe của bến tàu, anh không nhận thấy có người nấp trong bóng tối theo dõi họ.

Họ quay trở về Aurora vào chiều Chủ nhật ngày 3 tháng Tám năm 1975. Khi đi qua biên giới giữa bang Massachusetts và New Hampshire, Nola òa khóc. Nàng nói nàng không thể sống thiếu anh, anh không được quyền bỏ đi, tình yêu như của họ chỉ có một lần duy nhất trong đời hoặc cũng có thể không bao giờ có. Nàng còn van xin: “Đừng bỏ em, Harry. Đừng bỏ em một mình ở đây”. Nàng nói Harry đã viết được rất nhiều trong những ngày vừa rồi, anh không nên đi vì có thể sẽ mất cảm hứng. Nàng cầu khẩn: “Em sẽ chăm sóc anh, anh chỉ cần tập trung vào việc viết lách. Anh đang viết cuốn tiểu thuyết tuyệt vời, anh không được phép phá hỏng mọi chuyện”. Đúng là nàng có lí: Nola chính là nàng thơ, là nguồn cảm hứng của anh, nhờ nàng mà bỗng nhiên anh viết được những trang sách tuyệt vời đến vậy, nhanh đến vậy. Nhưng quá muộn rồi; anh không còn đủ

tiền để thuê nhà. Anh buộc phải ra đi.

Anh đỗ xe cho Nola xuống cách nhà nàng vài dãy. Họ hôn nhau lần cuối. Gương mặt nàng đầm nước mắt, nàng ôm chặt lấy anh hòng giữ anh lại.

– Hãy nói rằng anh vẫn còn ở đây sáng mai.

– Nola, anh...

– Em sẽ mang cho anh bánh xốp nóng, em sẽ pha cà phê. Em sẽ làm tất cả. Em là người phụ nữ của anh và anh sẽ là nhà văn lớn. Hãy nói với em, anh sẽ ở lại...

– Anh sẽ ở lại.

Nàng rặng rỡ hẳn lên.

– Thật chứ?

– Anh sẽ ở lại. Anh hứa.

– Hứa thôi chưa đủ, Harry. Anh thề đi, thề nhân danh tình yêu của chúng ta, anh sẽ không bỏ em ra đi.

– Anh thề, Nola.

Anh đã nói dối vì điều đó quá khó. Ngay khi nàng vừa khuất bóng nơi góc phố, anh vội và quay trở về Goose Cove. Phải gấp gáp: anh không muốn có nguy cơ Nola quay lại, bắt quả tang anh bỏ trốn. Tối nay anh phải có mặt tại Boston. Về đến nhà, anh nhanh chóng thu dọn đồ đạc, quẳng các vali vào cốp xe ô tô và tất cả những thứ khác phải mang đi lên ghế sau. Rồi anh kéo cửa chớp, cắt đường gaz, nước và điện. Anh chạy trốn, anh chạy trốn tình yêu.

Anh muốn để lại tin nhắn cho nàng. Anh ngoáy vội mấy dòng: *Nola yêu quý, anh phải đi. Anh sẽ viết cho em. Anh yêu em mãi mãi.* Anh định nhét mẫu giấy vào khe cửa nhưng rồi anh lại rút ra, vì sợ có người nhặt được. Không tin nhắn, như vậy chắc

chấn hơn. Anh khóa cửa, nhảy lên ô tô và vội vàng nổ máy. Anh chạy trốn không ngoái đầu nhìn lại. Vĩnh biệt Goose Cove, vĩnh biệt New Hampshire, vĩnh biệt Nola.

Mọi chuyện thế là kết thúc mãi mãi.

17

Âm mưu bỏ trốn

“Anh phải chuẩn bị câu chữ giống như người ta chuẩn bị một trận đấm bốc vậy, Marcus ạ: những ngày trước khi xảy ra trận đấu, phải huy động tới đa bảy mươi phần trăm khả năng luyện tập để làm nóng và trào lên trong mình cơn điên dại, và ta chỉ cho nó nổ tung ra khi thực sự xung trận.

– Nghĩa là sao ạ?

– Nghĩa là khi anh có một ý tưởng, thay vì bắt tay vào viết ngay một truyện ngắn dở ẹc rồi cho xuất bản liền trên trang đầu tạp chí, thì anh phải giữ nó thật kín cho đến lúc chín muồi. Anh phải ngăn không cho nó bộc phát ra, phải để cho nó lớn lên trong anh cho đến tận khi anh cảm thấy đã đến lúc. Nó sẽ là số một... Tới chương nào rồi?

– 18.

– Không phải, chương 17 chứ.

– Thầy biết rồi sao còn hỏi?

– Để xem anh có chăm chú theo dõi không, Marcus ạ.

– Vậy là tới chương 17, thầy Harry... Biến các ý tưởng

– ...thành thiên Khải”.

Thứ Ba ngày 1 tháng Bảy năm 2008, trong phòng thăm tù nhân tại Nhà tù bang New Hampshire, tôi đang say sưa nghe Harry kể chuyện vào buổi tối ngày 3 tháng Tám năm 1975, khi vừa nhả hết ga trên con đường 1 chuẩn bị rời Aurora, thì thầy gặp một ô tô đi ngược chiều, chiếc xe lập tức đuổi theo xe của Harry.

Tôi Chủ nhật ngày 3 tháng Tám năm 1975

Mới đầu, anh cứ tưởng là xe cảnh sát, nhưng chiếc xe đó không có đèn nhấp nháy cũng không có còi hú. Nó bám còi đuổi theo anh nhưng anh không hiểu tại sao. Bỗng nhiên anh lo sợ bị bọn cướp tấn công. Anh tăng tốc hết cỡ, nhưng kẻ bám theo anh vẫn vượt lên được. Hấn chặn đầu, bắt anh phải dừng lại bên vệ đường. Harry nhảy ra khỏi buồng lái, sẵn sàng hạ gục kẻ chặn đường, chợt nhận ra Luther Caleb, tài xế của Stern, cũng đang nhảy khỏi xe.

– Anh điên à! Harry gào lên.

– Phin phòng làm ơn phứ lỗi, phong Quebert. Phôi phong muốn Phàm phong sợ. Nhưng phong Stern, phong ấy dứt khoát muốn gặp Phong bằng được. Phôi tìm phong mấy ngày nay rồi.

– Ông Stern muốn gặp tôi để làm gì?

Harry run rẩy, chất adrealine sản sinh quá nhiều làm tim anh muốn nổ tung.

– Phôi phong biết gì hết, phứa phong, Luther nói. Nưng phong ấy bảo rằng phoan trọng lắm. Phong ấy đợi phong ở nhà.

Luther nằn nì khiến Harry đành miễn cưỡng chấp nhận đi theo anh ta tới Concord. Màn đêm buông xuống. Họ tới cơ ngơi rộng lớn của Stern. Caleb không hé răng nửa lời, âm thầm dẫn Harry đi sâu vào bên trong ngôi nhà, đến tận cái sân rộng. Elijah Stern trong bộ quần áo mặc nhà, đang ngồi bên bàn uống nước chanh. Ngay khi thấy Harry tới, ông ta liền đứng lên đón tiếp. Rõ ràng có vẻ như trút được gánh nặng khi thấy Harry.

– Trời ơi, anh Harry quý mến, tôi cứ tưởng sẽ không bao giờ

tìm được anh! Xin cảm ơn anh đã đến tận đây vào thời điểm như thế này. Tôi gọi điện về nhà anh, tôi còn viết cả thư cho anh. Nhưng anh trốn ở chỗ chết tiệt nào mà kìa thế?

– Tôi không có mặt trong thành phố! Có chuyện gì quan trọng thế?

– Tôi biết hết! Biết hết! Anh muốn giấu tôi sự thật đúng không?

Harry thấy người mình nhũn ra, vậy là Stern biết chuyện anh với Nola!

– Anh đang nói chuyện gì vậy? Harry lúng búng nhằm kéo dài thời gian.

– Thì về chuyện ngôi nhà ở Goose Cove chứ còn chuyện gì nữa, trời đất ơi. Sao không nói với tôi là anh sắp phải trả nhà cho tôi vì lí do tiền bạc? Công ty ở Boston vừa thông báo cho tôi biết. Họ bảo anh gọi điện cho họ thỏa thuận mang trả chìa khóa vào ngày mai. Tình hình khẩn cấp thế nên dứt khoát tôi phải nói chuyện với anh ngay! Tôi thấy anh đi thì đáng tiếc quá. Tôi quả thực không cần đến số tiền cho thuê nhà, tôi lại còn có ý muốn hỗ trợ dự án viết sách của anh. Tôi muốn anh ở lại Goose Cove cho đến khi anh hoàn thành cuốn sách, anh thấy thế nào? Anh có nói với tôi nơi đó mang lại cho anh cảm hứng, thế thì sao lại phải đi? Tôi thu xếp xong xuôi với công ty môi giới rồi. Tôi rất yêu nghệ thuật và văn hóa: nếu như anh cảm thấy thoải mái, thì cứ ở lại đó thêm vài tháng nữa! Tôi sẽ rất tự hào khi có thể đóng góp gì đó cho sự hình thành một cuốn tiểu thuyết lớn. Đừng từ chối tôi, tôi không quen biết nhiều nhà văn. Tôi hoàn toàn thành tâm muốn giúp.

Harry đổ sụp xuống chiếc ghế tựa, thở hắt ra nhẹ nhõm. Anh chấp thuận ngay lời đề nghị của Elijah Stern. Đây là cơ hội hiếm

có ngoài sự mong đợi: có thể ở lại Goove Cove thêm vài tháng nữa, có thể hoàn thành cuốn đại tiểu thuyết nhờ vào nguồn cảm hứng từ Nola. Nếu anh chỉ sống giản dị, lại không còn phải lo trả tiền thuê nhà, thì anh có thể chi trả được sinh hoạt phí. Anh còn ngồi lại trên sân thêm lúc nữa với Stern để trò chuyện về văn chương, nhất là để tỏ ra lịch sự với người giúp đỡ mình còn thực ra, ước muốn duy nhất của anh lúc này là về Aurora ngay lập tức để gặp Nola, và thông báo cho nàng biết anh đã tìm được giải pháp. Rồi anh lại nghĩ, có thể nàng đã tới Goose Cove. Không biết nàng có thấy cửa khóa? Liệu nàng có phát hiện ra anh bỏ trốn và sẵn sàng bỏ rơi nàng? Anh thấy bụng mình quặn đau. Ngay khi tìm ra một cái cơ hợp lý, anh vội cáo từ, phóng xe hết tốc lực về Goose Cove. Anh vội vàng mở lại tất cả cửa nhà, cửa sổ, cửa chớp, đường nước, đường điện, đường gaz; sắp xếp đồ đạc vào vị trí cũ và xóa hết các dấu vết của cuộc bỏ trốn vừa rồi. Nola phải không bao giờ được biết. Nola, tiên nữ của anh. Nàng thơ của anh. Không có nàng, anh sẽ không thể làm được bất kì điều gì.

* * *

– Vậy đấy, Harry nói, tôi được ở lại Goose Cove tiếp tục viết cuốn sách như vậy đấy. Các tuần tiếp theo, tôi không làm gì ngoài một việc, đó là viết. Tôi viết như kẻ điên, viết cuồng nhiệt, viết đến quên cả khái niệm sáng và tối, đói và khát. Viết không ngừng nghỉ, viết đến nổi đau mắt, đau tay, đau đầu và đau ê ẩm khắp người. Viết đến nổi muốn ói. Suốt ba tuần liền, tôi viết cả ngày cả đêm. Trong khi đó, Nola bên cạnh chăm sóc tôi. Nàng đến trông chừng tôi, cho tôi ăn, cho tôi ngủ, đưa tôi đi dạo chơi mỗi khi nàng thấy tôi sắp kiệt sức. Bí ẩn, kín đáo mà

luôn luôn hiện diện: nhờ nàng, tất cả đều trở thành có thể. Đặc biệt, nàng đánh máy lại các tờ giấy của tôi bằng chiếc Remington cầm tay. Nàng thường mang bản nháp theo để đọc, không hề hỏi ý kiến tôi. Ngày hôm sau, nàng chia sẻ ý kiến với tôi. Nàng hay khen ngợi, bảo rằng những điều tôi viết thật tuyệt vời, văn tôi viết là những lời lẽ đẹp nhất mà nàng được đọc. Bằng đôi mắt chứa chan tình yêu, nàng khiến trong tôi ngập tràn một niềm tin đặc biệt.

– Vậy thầy nói với Nola thế nào về ngôi nhà? Tôi hỏi.

– Tôi bảo rằng tôi yêu nàng hơn hết thầy, tôi muốn ở lại bên nàng nên đã thỏa thuận được với ngân hàng giúp tôi tiếp tục thuê ngôi nhà. Chính nhờ nàng mà tôi viết được cuốn sách này, Marcus ạ. Tôi không còn tới tiệm Clark's nữa, gần như không ai thấy mặt tôi trong thành phố. Nàng chăm sóc tôi, lo toan mọi thứ. Thậm chí nàng còn bảo tôi không tự đi chợ được vì tôi không biết mình cần mua cái gì. Vậy nên, chúng tôi hay cùng nhau đi siêu thị cách xa nhà, ở đó chúng tôi được bình yên. Khi nàng phát hiện ra tôi bỏ bữa hoặc chỉ ăn tối bằng vài thanh sô cô la, thì nàng tức giận. Những cơn cáu giận thật đáng yêu... Tôi muốn những cơn cáu giận dịu dàng đó sẽ theo tôi suốt mọi sáng tác và suốt cuộc đời tôi.

– Vậy thực sự là thầy viết cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa* chỉ trong có vài tuần thôi ư?

– Đúng vậy. Trong tôi tràn trề một năng lực sáng tạo ngượng ngùng, có thể gọi là điên cuồng mà tôi chưa bao giờ biết tới. Có phải do tình yêu? Không còn nghi ngờ gì nữa. Tôi nghĩ khi Nola biến mất, thì một phần tài năng của tôi cũng biến mất theo. Bây giờ anh có thể hiểu được tại sao tôi khuyên anh đừng lo lắng khi thấy anh khó tìm cảm hứng.

Lính gác đến báo cho chúng tôi thời gian thăm tù nhân đã

hết và mời tôi kết thúc câu chuyện.

– Thế thầy bảo Nola cầm theo bản thảo viết tay ư? Tôi vội hỏi lại để khỏi bị lạc mất mạch chuyện.

– Nola mang đi những trang đã đánh máy xong. Nàng cầm về đọc rồi góp ý kiến. Marcus à, tháng Tám năm 1975 thực sự là những ngày trên thiên đường. Tôi hạnh phúc biết bao. Chúng tôi thực sự hạnh phúc biết bao. Nhưng dù vậy, lúc nào tôi cũng bị ám ảnh vì có ai đó biết chuyện giữa chúng tôi. Kẻ đó sẵn sàng làm việc bẩn thỉu, chiếc gương và những lời lẽ kinh hoàng. Có thể chính người này đang rình rập chúng tôi từ trong rừng và thấy hết. Ý nghĩ này làm tôi phát ốm.

– Đây có phải là lí do khiến thầy muốn bỏ trốn không? Tại sao hai người lại dự tính bỏ trốn vào ngày 30 tháng Tám?

– Đó là vì có chuyện khủng khiếp xảy ra, Marcus ạ. Anh đang ghi âm à?

– Vâng.

– Tôi sẽ kể cho anh nghe một chuyện cực kì kinh hoàng. Để anh có thể hiểu. Nhưng tôi không muốn chuyện này phát tán ra.

– Cứ tin tưởng ở em.

– Anh biết đấy, một tuần chúng tôi sống với nhau ở Martha's Vineyard, Nola nói dối là đến nhà bạn chơi, nhưng thực ra cô ấy đã bỏ nhà đi mà không nói năng gì. Nàng đi mà không nói với ai nữa lời. Vào ngày hôm sau khi chúng tôi trở về, tôi gặp lại Nola, nàng buồn vô hạn. Nàng bảo tôi là bị mẹ đánh. Toàn thân nàng đầy những vết thâm tím. Nàng khóc. Ngày hôm đó, nàng bảo tôi nàng đã bị mẹ trừng phạt mà không có lí do. Bà ấy đánh bằng cái thước kẻ sắt, rồi bà ấy cũng làm cái trò quái đản như đã từng làm ở Guantánamo, đó là dìm đầu con gái mình xuống

nước: bà ấy đổ đầy thùng nước, túm tóc con gái cúi đầu xuống. Bà ấy bảo làm vậy là để giải thoát cho nàng.

– Giải thoát cho cô ấy ư?

– Giải thoát khỏi tội ác. Tôi nghĩ đó là một kiểu rửa tội. Giống như Jesus ở Jourdain hay kiểu tương tự như thế. Mới đầu, tôi không tin được, nhưng bằng chứng vẫn còn rành rành ra đó. Tôi hỏi: “Ai làm em thế này? -Mẹ.-Thế sao bố em không can? -Bố đóng cửa ở trong gara nghe nhạc rất to. Bố làm như vậy mỗi khi mẹ trừng phạt em. Bố không muốn phải nghe thấy”. Nola không thể chịu đựng hơn nữa Marcus ạ. Nàng không thể chịu đựng được nữa. Tôi muốn đến thẳng gặp nhà Kellergan giải quyết việc này. Chuyện này phải chấm dứt. Nhưng Nola van vãn tôi không được làm gì hết, nàng sẽ gặp rắc rối, bố mẹ chắc chắn sẽ đưa nàng đi xa và chúng tôi sẽ không bao giờ được gặp nhau nữa. Tuy nhiên, tình trạng này không thể kéo dài thêm. Vì thế vào khoảng ngày 20 tháng Tám, chúng tôi quyết định phải nhanh chóng bỏ đi. Tất nhiên là bí mật, không cho ai biết. Chúng tôi quyết định sẽ bỏ trốn ngày 30 tháng Tám. Chúng tôi muốn đi tận Canada, qua biên giới Vermont. Có thể là tới tận Colombie Britannique, tìm một căn lều gỗ để sống. Cuộc sống tươi đẹp bên hồ nước. Sẽ không ai có thể biết chuyện.

– Vậy lí do cả hai quyết định bỏ trốn cùng nhau là vậy?

– Đúng thế.

– Vì sao thầy lại không kể cho em chuyện đó?

– Vì đó mới chỉ là phần mở đầu của câu chuyện, Marcus ạ. Vì sau đó, tôi đã phát hiện ra một sự thực kinh hoàng về mẹ của Nola.

Đúng lúc đó, chúng tôi phải dừng lại vì lính gác tới. Thời

gian thăm tù nhân đã hết.

– Chúng ta sẽ nói tiếp chuyện này vào lần tới, Marcus ạ, Harry vừa đứng dậy vừa nói với tôi. Trong khi chờ đợi, dứt khoát cậu phải giữ kín chuyện này đây.

– Em xin hứa, thầy Harry ạ. Nói cho em biết điều này: cuốn sách của thầy sẽ thế nào nếu cả hai bỏ đi?

– Tôi sẽ thành nhà văn lưu đày, hoặc cũng có thể hoàn toàn không còn là nhà văn nữa. Vào lúc đó, điều này không có ý nghĩa gì cả. Chỉ có Nola là quan trọng, cô ấy là thế giới của tôi. Những thứ còn lại không quan trọng.

Tôi đứng ngây người. Kế hoạch điên rồ mà thầy Harry dựng ba mươi năm trước là vậy: Chạy trốn tới tận Canada cùng người con gái mà ông yêu như điên dại. Bỏ đi cùng Nola, sống một cuộc đời kín đáo bên bờ hồ. Không nghi ngờ gì nữa, đêm trước khi bỏ trốn, Nola biến mất và bị giết chết. Và một điều chắc chắn, cuốn sách ông viết trong khoảng thời gian ngắn kỉ lục cũng là cuốn sách ông sẵn sàng vứt bỏ, lại trở thành tác phẩm thành công nhất trong suốt nửa thế kỉ qua.

Trong lần gặp gỡ thứ hai, Nancy Hattaway thổ lộ với tôi cách nhìn nhận của cô ấy về tuần lễ ở Martha's Vineyard. Cô ấy kể, sau khi Nola xuất viện về nhà, trong suốt một tuần tiếp theo, ngày nào họ cũng đi tắm biển với nhau ở bãi biển Grand và nhiều lần Nola ở lại nhà cô ăn tối. Nhưng vào thứ Hai sau đó, cũng như các ngày trước, khi Nancy đến bấm chuông nhà số 245 Terrace Avenue để rủ Nola ra biển, thì bố Nola nói rằng Nola bị ốm nặng, phải nằm nghỉ trên giường.

Suốt tuần đó, Nancy nói, luôn là điệp khúc: “Nola ốm lắm, nó cũng không thể tiếp khách được”. Ngay cả mẹ tôi cũng thấy lạ và đến hỏi thăm, nhưng cũng không được phép bước qua cửa

vào nhà. Điều này làm tôi phát điên, tôi tin chắc đang có chuyện thêu dệt gì xảy ra ở đây. Đúng lúc đó, tôi cũng hiểu ra: Nola đã biến mất.

– Điều gì khiến cô nghĩ như vậy? Cũng có thể cô ấy bị ốm liệt giường chứ

– Vào thời kì đó, chính mẹ tôi đã chứng nhận: hoàn toàn không có tiếng nhạc. Trong suốt tuần, không hề có tiếng nhạc đình tai nhức óc ấy.

Tôi giả vờ vụn vẹo:

– Nếu cô ấy ốm, rất có thể người nhà không bật nhạc to để tránh làm phiền.

– Đó là lần đầu tiên kể từ lâu lắm rồi không có tiếng nhạc chói tai. Điều này hoàn toàn bất bình thường. Bởi vậy, tôi muốn biết rõ ràng. Không biết là lần thứ bao nhiêu sau khi được nghe trả lời Nola ốm nặng phải nằm trên giường, tôi bí mật lẻn ra sau nhà, nhìn qua cửa sổ phòng Nola. Căn phòng không có người, giường chiếu ngăn nắp gọn gàng. Nola không có nhà, đó là điều chắc chắn. Thế rồi đến tối Chủ nhật, lại có tiếng nhạc. Âm thanh đáng nguyên rủa ấy lại vang lên từ gara, và thế là, ngày hôm sau thì Nola xuất hiện. Anh định bảo đó chỉ là sự trùng hợp ư? Cuối buổi chiều hôm đó, cô ấy tới nhà tôi. Chúng tôi cùng đi dạo ở khu quảng trường trên phố chính. Ở đó, tôi bắt cô ấy phải thú nhận. Nhất là vì những vết đánh trên lưng cô ấy: tôi bắt cô ấy ra phía sau bụi cây, vén váy lên, tôi thấy rõ các vết tím vô cùng tàn bạo. Tôi nài nỉ để biết chuyện gì xảy ra. Rốt cuộc cô ấy thú nhận mình bị phạt vì đã bỏ nhà đi suốt cả một tuần liền. Cô ấy bỏ đi với một người đàn ông, một người lớn tuổi. Chắc đó chính là Stern. Cô ấy bảo tuần lễ đó vô cùng tuyệt diệu nên khi trở về nhà có bị đánh dã man như vậy cũng đáng.

Tôi không vội nói cho Nancy biết là cả tuần đó Nola đi Martha's Vineyard với Harry chứ không phải Elijah Stern. Nhưng có vẻ cô ấy cũng không biết gì nhiều về mối quan hệ giữa Nola với Elijah Stern.

– Tôi nghĩ chuyện với Stern là vợ vẫn, Nancy Hattaway nói tiếp. Nhất là bây giờ nghĩ lại. Luther Caleb tới Aurora bằng chiếc Mustang màu xanh lơ. Tôi biết anh ta chở cô ấy tới nhà Stern. Tất nhiên là mọi việc đều vụng trộm, nhưng có lần chính tôi đã chứng kiến. Lúc đó, Nola bảo: “Cấm không được nói với ai đấy nhé! Cậu thề đi, nhân danh tình bạn, cậu phải thề đi. Nếu không cả hai chúng ta sẽ gặp rắc rối đấy”. Tôi trả lời: “Nhưng Nola, tại sao cậu lại tới nhà lão già ấy?” Cô ấy trả lời: “Vì tình yêu”.

– Nhưng chuyện ấy bắt đầu từ khi nào? Tôi hỏi.

– Tôi không biết phải trả lời anh thế nào. Tôi biết chuyện đó vào mùa hè, nhưng tôi không nhớ là khi nào. Mùa hè năm đó, có bao nhiêu chuyện đã xảy ra. Có thể câu chuyện đã kéo dài từ lâu, thậm chí từ mấy năm trước, ai mà biết được.

– Nhưng rốt cuộc chắc cô đã kể lại chuyện này với ai đúng không. Nhất là lúc Nola mất tích ấy?

– Tất nhiên rồi! Tôi có nói chuyện này với cảnh sát trưởng Pratt. Tôi nói toàn bộ sự việc mà tôi biết, tất cả những điều mà tôi vừa nói với anh thì tôi cũng nói với ông ấy. Ông ấy bảo tôi đừng nên lo lắng, ông ấy sẽ làm sáng tỏ sự việc.

– Thế cô có sẵn lòng nhắc lại toàn bộ câu chuyện này một lần nữa trước tòa không?

– Tất nhiên rồi, nếu cần thiết.

Tôi rất muốn được nói chuyện một lần nữa với mục sư Kellergan trước mặt Gahalowood. Tôi gọi điện cho Gahalowood

để xin ý kiến.

– Tôi nghĩ rằng anh đang có ý đồ thăm vấn cha Kellergan cùng với tôi, phải vậy không?

– Vừa đúng vừa sai. Tôi muốn đề cập với ông ấy những yếu tố mới của cuộc điều tra: mối quan hệ của ông ấy với con gái và những cú đòn trên người cô ấy.

– Thế anh muốn gì? Anh muốn tôi hỏi một người cha rằng chẳng may con gái của ông ta có phải là một con điếm không à?

– Thôi đi trung sĩ, anh biết rõ là chúng ta đang mang ra ngoài ánh sáng những yếu tố quan trọng. Trong vòng một tuần, tất cả những điều tôi tin chắc đã bị phủ định sạch trơn. Ngày hôm nay, liệu anh có thể nói cho tôi rõ Nola Kellergan thực sự là ai chưa?

– Tôi đồng ý, nhà văn ạ, anh thuyết phục được tôi rồi đó. Ngày mai ta sẽ đến Aurora. Anh có biết tiệm Clark's không?

– Tất nhiên rồi, sao không!

– Hẹn nhau 10 giờ ở đó nhé. Tôi sẽ giải thích cho anh hiểu sau.

Sáng hôm sau, tôi tới tiệm Clark's trước giờ hẹn để tranh thủ nói chuyện chút ít với cô Jenny. Tôi đề cập đến buổi vũ hội mùa hè năm 1975 và cô ấy kể rằng đó là kỉ niệm tệ nhất của mình về buổi lễ, vì cô đã tưởng sẽ tới đó tay trong tay với Harry. Điều tồi tệ nhất xảy ra vào lúc Harry trúng giải nhất. Cô thậm chí ao ước sẽ được Harry chọn, một buổi sáng, Harry sẽ tới rồi mang cô đi nghỉ một tuần ngập tràn tình yêu dưới ánh nắng mặt trời.

– Tôi đã hi vọng biết bao, cô ấy nói, rằng anh ấy sẽ chọn tôi. Ngày nào tôi cũng đợi anh ấy. Sau đó, vào cuối tháng Bảy, anh đã biến mất suốt một tuần. Lúc đó tôi hiểu rằng anh ấy hẳn đã đi Martha's Vineyard mà không có tôi. Tôi không biết anh ấy có

đi với ai không...

Tôi nói dối để làm cô bớt đau lòng:

– Một mình, tôi nói. Ông ấy đi một mình.

Jenny mỉm cười như trút được gánh nặng. Rồi cô ấy nói tiếp:

– Kể từ khi tôi biết được chuyện giữa Harry và Nola, biết rằng anh ấy viết cuốn sách đó cho Nola, tôi cảm giác mình không còn là phụ nữ nữa. Tại sao anh ấy lại chọn Nola kia chứ?

– Những chuyện như thế không ai chủ động quyết định được. Thế cô không bao giờ nghi ngờ về Harry và Nola à?

– Harry và Nola ư? Ôi trời ơi, ai có thể ngờ một chuyện như thế có thể xảy ra?

– Nhưng mẹ cô biết chuyện đúng không? Ngay từ đầu, lúc nào bà ấy cũng khẳng định là biết tất cả. Thế trước đây, bà ấy có bao giờ nói chuyện này với cô không?

– Mẹ tôi không bao giờ nói về quan hệ giữa Harry và Nola. Nhưng đúng là sau khi Nola mất tích, mẹ tôi nói là có nghi ngờ Harry. Hơn nữa, tôi nhớ ngày Chủ nhật, trong khi Travis tán tỉnh tôi, thì mẹ tôi cứ nhắc đi nhắc lại: “Tôi chắc chắn Harry có liên quan đến việc con bé mất tích!”. Còn Travis thì trả lời: “Phải có bằng chứng, bác Quinn ạ, nếu không thì chẳng có cơ sở gì cả”. Thế mà mẹ tôi vẫn còn tiếp tục nhắc lại: “Tôi có bằng chứng. Bằng chứng không thể chối cãi được. Nhưng tôi đánh mất nó rồi”. Riêng tôi thì không bao giờ tin. Mẹ tôi chỉ muốn Harry phải chết kể từ sau bữa tiệc ngoài vườn.

Đúng 10 giờ, Gahalowood tới tiệm Clark’s gặp tôi.

– Anh gái đứng chỗ ngựa rồi đây, nhà văn ạ, anh ta vừa nói vừa ngồi xuống cạnh tôi.

– Tại sao anh nói vậy?

– Tôi đã điều tra về Luther Caleb. Không dễ dàng gì, nhưng tôi phát hiện ra rằng: Luther Caleb sinh năm 1940 tại Portland, Maine. Không hiểu tại sao anh ta lại tới vùng này, nhưng giữa những năm 1970-1975, anh ta gặp vấn đề với cảnh sát Concord, Montburry và Aurora vì có những hành vi không đúng mực với phụ nữ. Anh ta lê la ngoài đường tiếp cận họ. Thậm chí anh ta đã bị Jenny Quinn, sau này là bà Dawn đâm đơn kiện. Bà Dawn chính là người chủ nhà hàng này. Đơn kiện vì tội quấy rối được gửi cho cảnh sát vào tháng Tám năm 1975. Đó là lí do tại sao tôi muốn hẹn gặp anh tại đây.

– Cô Jenny đã gửi đơn kiện Luther Caleb sao? Anh biết bà ấy à?

Tất nhiên rồi.

– Mời bà ấy ra đây đi.

Tôi nhờ người phục vụ vào bếp gọi Jenny. Gahalowood tự giới thiệu và yêu cầu Jenny nói về Luther. Cô ấy nhún vai:

– Anh biết rồi đấy, không có gì nhiều để nói. Caleb là người tốt bụng. Rất dịu dàng mặc dù vẻ ngoài hết sức dữ dằn. Thỉnh thoảng anh ta có tới tiệm Clark's. Tôi lại mời anh ấy bánh mì kẹp hay cốc cà phê. Tôi không bao giờ bắt anh ta trả tiền, anh ta nghèo khiến tôi thương cảm.

– Thế mà cô lại kiện anh ta, Gahalowood nói.

Cô Jenny tỏ vẻ ngạc nhiên:

– Tôi thấy anh nắm thông tin rất rõ đấy, trung sĩ ạ. Điều này xảy ra trước đó rất lâu. Chính Travis thúc giục tôi đâm đơn kiện. Thời kỳ đó, Travis bảo rằng Luther là người nguy hiểm, phải giữ khoảng cách với anh ta.

– Tại sao lại nguy hiểm?

– Mùa hè năm đó, anh ta rất hay lượn lờ ở Aurora. Đôi khi

anh ta tỏ ra hung hăng với tôi.

– Vì lí do gì mà anh ta lại hành động thô bạo?

– Thô bạo thì hơi quá. Có thể nói là có vẻ rất hung hăng. Anh ta cứ nằn nì để... Ôi trời, có thể các anh sẽ thấy điều này nực cười...

– Làm ơn nói hết cho chúng tôi, có thể đó là chi tiết quan trọng.

Tôi gật đầu để khuyến khích Jenny.

– Anh ta nài nỉ vẽ tôi, cô trả lời.

– Vẽ cô à?

– Đúng vậy. Anh ta bảo tôi đẹp, anh ta thấy tôi tuyệt vời và chỉ muốn vẽ tôi mà thôi chứ không có ý định gì khác.

– Rồi sao nữa? Tôi hỏi.

– Thế rồi không thấy anh ta quay lại đây nữa, Jenny trả lời tôi. Theo như người ta nói thì anh ta bị chết trong ô tô. Phải hỏi Travis, chắc anh ấy biết.

Gahalowood xác nhận đúng là Luther Caleb chết vì tai nạn giao thông. Ngày 26 tháng Chín năm 1975, tức là bốn tuần sau khi Nola mất tích, người ta tìm thấy ô tô của anh ta dưới một vách đá dựng đứng, gần Sagamore, thuộc bang Massachusetts, cách Aurora chừng hai trăm dặm. Ngoài ra, Luther từng theo học hội họa ở Portland. Theo Gahalowood, có thể tin chắc rằng chính anh ta là người vẽ bức tranh Nola.

– Luther có vẻ là một tay được đẩy, anh ta nói với tôi. Không biết anh ta có tìm cách gây chuyện với Nola không? Có phải chính anh ta mang Nola vào rừng Side Creek không? Khi cơn hung bốc lên, biết đâu anh ta giết chết Nola. Sau khi vứt xác Nola, anh ta trốn sang bang Massachusetts. Lương tâm cắn rứt, cộng với việc biết mình bị truy lùng, anh ta đã lao xe xuống vực

thăm. Anh ta có em gái ở Portland, Maine. Tôi đã có gọi điện thoại cho cô ấy mấy lần mà chưa được. Tôi sẽ liên lạc lại với cô ấy.

– Tại sao hồi đó cảnh sát lại không thiết lập mối liên hệ với anh ta?

– Để thiết lập mối liên hệ, phải coi Caleb là kẻ tình nghi. Thế nhưng, hồi đó, trong hồ sơ không hề có bất kì yếu tố nào liên quan tới anh ta.

– Chúng ta có thể quay lại hỏi cung Stern được không? Một cách chính thức. Thậm chí là có thể khám nhà ông ta. Tôi liền hỏi.

Gahalowood, vẽ nhụt chí:

– Ông ta rất có thể lực. Tại thời điểm này thì xương quá. Chừng nào chúng ta chưa có được bằng chứng chắc chắn, thì chưởng lý không bao giờ chấp nhận. Chúng ta cần phải có được bằng chứng cụ thể, nhà văn ạ, chúng ta cần có bằng chứng.

– Có bức tranh còn gì.

– Bức tranh là bằng chứng bất hợp pháp, tôi còn phải nhắc đi nhắc lại với anh bao lần nữa đây? Bây giờ, nói cho tôi biết anh định làm gì tại nhà cha Kellergan thì hơn.

– Tôi cần phải làm sáng tỏ vài điểm. Càng nghiên cứu về ông ta và vợ ông ta, tôi càng có thêm nhiều câu hỏi.

– Tôi nhắc đến vụ Harry và Nola ngấm ngấm trốn đi Martha's Vineyard với nhau, rồi những trận đòn không ngớt của người mẹ còn ông bố thì trốn biệt trong gara. Theo tôi, bí ẩn dày đặc bao quanh Nola: một cô gái vừa tỏa sáng, vừa tối tăm. Theo như ý kiến của tất cả những người khác, Nola là cô gái chói lóa rạng rỡ, dù vậy cô vẫn muốn tìm đến cái chết. Ăn sáng xong, chúng tôi lên đường tới gặp David Kellergan.

Cửa ngôi nhà ở Terrace Avenue mở rộng, nhưng không ai ở nhà; không hề có tiếng nhạc phát ra từ gara. Chúng tôi đợi ông dưới cổng. Nửa tiếng sau, ông trở về với chiếc mô tô nổ như đại bác: chính là chiếc Harley Davidson mà ông sửa suốt ba mươi ba năm qua. Ông lái xe không mũ bảo hiểm, đeo tai nghe nối liền với máy phát nhạc bỏ túi. Ông ta hét lên chào chúng tôi vì nhạc quá to, rồi rút cuộc ông cũng tắt máy phát nhạc vì bắt đầu bật nhạc từ cái pick-up trong gara, âm thanh rền vang cả ngôi nhà.

– Cảnh sát đã phải tới đây can thiệp nhiều lần, ông giải thích với chúng tôi, vì âm lượng quá to. Hàng xóm luôn phàn nàn. Chính cảnh sát trưởng Travis Dawn cũng phải thân chính tới tận đây để thuyết phục tôi từ bỏ âm nhạc. Tôi trả lời rằng: “Anh muốn gì: âm nhạc chính là để trừng phạt tôi”. Thế nên anh ta mua cho tôi tai nghe với chiếc máy nghe nhạc bỏ túi và chiếc CD màu đen này, tôi nghe suốt. Anh ta bảo, như thế màng nhĩ tôi có thể nổ tung chứ nếu không thì cái đồn cảnh sát sẽ bị nổ tung vì những cú gọi điện phàn nàn của hàng xóm.

– Thế còn chiếc mô tô? Tôi hỏi.

– Rút cuộc thì tôi cũng sửa xong rồi. Đẹp đấy chứ hả?

Bây giờ khi đã biết kết cục về con gái mình, thì ông có thể kết thúc việc sửa chữa chiếc mô tô mà ông ta bắt đầu sửa từ buổi tối cô con gái mất tích.

David Kellergan mời chúng tôi ngồi trong bếp, tiếp chúng tôi món trà đá.

– Khi nào anh trả lại tôi bộ hài cốt của con gái tôi hả trung sĩ? Ông hỏi Gahalowood. Giờ phải chôn nó chứ.

– Sắp rồi, thưa ông. Tôi biết là rất khó khăn.

Người cha xoay xoay cốc nước.

– Nó thích uống trà đá lắm, ông nói với chúng tôi. Các tối mùa hè, chúng tôi thường pha cả chai to rồi mang ra ngoài bãi biển vừa uống vừa ngắm mặt trời xuống thấp dần dưới đại dương, những chú mòng biển bay lượn trên bầu trời. Nó rất thích mòng biển, nó yêu chúng vô cùng. Các anh biết không?

Tôi thừa nhận và nói:

– Thừa ông Kellergan, trong hồ sơ có nhiều điểm chưa sáng tỏ. Đó là lí do vì sao trung sĩ Gahalowood và tôi có mặt tại đây.

– Những điểm chưa rõ à? Dễ tưởng tượng lắm... Con gái tôi bị giết, bị chôn trong vườn. Thế các anh có tin gì mới không?

– Thừa ông Kellergan, ông có biết Elijah Stern không? Trung sĩ hỏi.

– Hơi hơi. Tôi có gặp ông ấy vài lần ở Aurora. Nhưng cách đây lâu lắm rồi. Một tay đại gia.

– Thế còn người giúp việc cho ông ta? Người đàn ông tên là Luther Caleb?

– Luther Caleb... Tôi không nhớ có quen ai tên như thế không. Các anh biết đấy, có thể tôi quên. Thời gian trôi qua và quét sạch tất cả. Tại sao các anh lại hỏi tôi như vậy?

– Có nhiều lý do cho thấy Nola có liên quan tới hai nhân vật này.

– Liên qua á? David Kellergan nhắc lại, vẻ nghi ngại. Liên quan theo cách nói của cảnh sát nghĩa là gì?

– Chúng tôi cho rằng, Nola có quan hệ với ông Stern. Tôi rất tiếc vì phải thông báo cho ông đột ngột như vậy.

Khuôn mặt người cha bỗng tím ngắt.

– Nola ư? Các anh đang cố gắng lái câu chuyện như thế nào đây? Cho rằng con tôi là loại gái điểm chăng? Con bé là nạn

nhân của Harry Quebert, một kẻ ấu dâm độc hại đáng chết sớm! Anh phải đi lo chuyện với hắn ta chứ đừng đến đây làm vậy bản những người đã khuất, thừa trung sĩ! Cuộc đối thoại này chấm hết tại đây. Chào các anh.

Gahalowood ngoan ngoãn đứng lên nhưng tôi vẫn muốn làm sáng tỏ một số điểm bèn hỏi luôn:

- Vợ ông đã đánh Nola phải không?
- Xin lỗi anh, cái gì cơ? Kellergan ghen hòng.
- Vợ của ông, bà ấy đánh Nola như tử, đúng không?
- Anh đúng là bị điên rồi!

Tôi không để cho ông ta nói, tiếp lời luôn:

- Nola bỏ nhà đi cuối tháng Bảy năm 1975. Cô ấy bỏ nhà đi, thế mà ông không hề nói cho ai biết, tôi có nhầm không đây? Tại sao vậy? Ông cảm thấy xấu hổ phải không? Tại sao ông không gọi cảnh sát khi cô ấy bỏ nhà vào thời gian đó?

Ông lúng búng giải thích:

- Nó lại quay về rồi mà... Bằng chứng là một tuần sau đó, nó đã có mặt ở nhà rồi.

- Một tuần! Mọi người nghe rõ đây chứ, một tuần! Thế mà buổi tối hôm cô ấy mất tích, chỉ sau đó có một giờ đồng hồ, ông đã gọi ngay cảnh sát. Tại sao thế ?

Ông Kellergan bắt đầu hét lên:

- Bởi vì tối đó, khi đi tìm nó quanh đây, tôi nghe mọi người nói có cô gái máu me đầy mình ở đường Side Creek, ngay lập tức tôi liền tưởng đến con gái tôi. Rốt cuộc, anh muốn gì hả Goldman? Tôi không còn gia đình, tôi chẳng còn gì! Tại sao anh còn đến đây chọc vào vết thương của tôi lần nữa? Cút khỏi đây ngay, ngay bây giờ! Cút hết!

Tôi quyết không để cho mình bị lung lay:

– Ông Kellergan, điều gì đã xảy ra ở Alabama? Tại sao ông lại tới Aurora? Điều gì đã xảy ra ở Aurora năm 1975? Trả lời tôi đi, nhân danh Chúa, trả lời đi! Đây chính là món nợ của ông với con gái ông đó!

Ông Kellergan đứng lên, nhảy bổ vào tôi như hóa dại. Ông ta đâm sầm vào cổ tôi với sức mạnh mà tôi không ngờ được. “Cút ra khỏi nhà tao ngay!”. Ông ta vừa hét lên vừa đẩy tôi ra ngoài. Tôi suýt ngã xuống đất nếu Gahalowood không kịp đỡ.

– Anh điên à, nhà văn? Gahalowood mắng tôi lúc quay ra xe ô tô. Hay anh chỉ là thằng không bình thường ngu xuẩn? Anh muốn biến tất cả các nhân chứng thành kẻ thù của chúng ta ư?

– Đúng là chẳng có gì rõ ràng cả...

– Cái gì chẳng rõ ràng? Ta đến bảo con gái ông ta là loại đàng điếm, thì ông ta tức giận cũng là điều dễ hiểu thôi? Ông ta suýt nữa cho anh cú đòn hiểm đấy. Lão già thật quá khỏe. Tôi không hề ngờ được điều đó.

– Trung sĩ à, tôi xin lỗi, tôi không biết điều gì xui khiến tôi cư xử như vậy.

– Thế chuyện Alabama là thế nào? Gahalowood hỏi tôi.

– Tôi đã nói với anh rồi mà: gia đình nhà Kellergan đã bỏ Alabama tới đây. Tôi nghĩ phải có lý do nào đấy.

– Tôi sẽ tìm thông tin về chuyện này. Nếu anh hứa với tôi từ giờ sẽ cư xử đúng đắn.

– Chúng ta sẽ làm được, phải không trung sĩ? Ý tôi muốn nói là Harry sắp được minh oan phải không?

Gahalowood nhìn tôi chăm chăm:

– Nhà văn à, phiền phức của tôi chính là anh đấy. Tôi làm

việc của tôi. Tôi điều tra về mấy cái chết. Còn anh, dường như anh chỉ bị ám ảnh làm sao chứng tỏ Quebert vô tội, cứ như thể anh muốn nói với cả nước rằng: ông ta là người vô tội, có thể chê trách gì nhà văn dũng cảm này? Nhưng, anh Goldman ạ, điều người ta chê trách ông ta, đó là đã quyến rũ đứa trẻ con mười lăm tuổi.

– Tôi hiểu. Anh yên tâm là lúc nào tôi cũng nghĩ tới điều đó.

– Thế tại sao anh chẳng bao giờ nhắc tới chuyện đó?

– Tôi đã tới đây ngay sau khi xảy ra vụ xì căng đan. Không chút đắn đo. Tôi chỉ nghĩ tới bạn, người đàn anh của mình là Harry. Đúng ra, tôi chỉ ở lại vài ngày để lương tâm mình thấy thanh thản, rồi sẽ quay về New York ngay lập tức.

– Thế sao đến tận giờ này anh vẫn còn ở đây nhúng mũi vào việc của tôi?

– Bởi vì Harry Quebert là người bạn duy nhất của tôi. Tôi đã 30 tuổi rồi, và tôi chỉ có ông ấy. Ông ấy là người dạy cho tôi tất cả. Trong cả nhân loại này, ông ấy là người anh duy nhất của tôi trong suốt mười năm gần đây. Ngoài ông ấy ra, tôi chẳng còn ai hết.

Tôi nghĩ vào lúc đó Gahalowood thấy thương hại tôi nên rủ tôi về nhà anh ta ăn cơm. “Tối nay đến nhà tôi nhé, nhà văn. Chúng ta sẽ tổng kết lại kết quả điều tra, sẽ cùng ăn cái gì đó. Anh sẽ gặp vợ tôi”. Rồi như thể tử tế quá đối với tôi sẽ giết chết anh ta, nên ngay lập tức, anh ta lại nói thêm bằng cái giọng đáng ghét: “Rốt cuộc, chỉ có mỗi vợ tôi là sẽ hài lòng lắm đây. Từ lâu cô ấy cứ quấy rầy tôi đòi tôi phải mời anh tới nhà. Cô ấy mơ ước được gặp anh. Thật là mơ ước nực cười”.

* * *

Gia đình Gahalowood sống trong một ngôi nhà ở khu dân cư phía đông Concord. Helen, vợ của trung sĩ Gahalowood, là người phụ nữ lịch thiệp và vô cùng dễ mến, tức hoàn toàn trái ngược với ông chồng. Cô ấy đón tiếp tôi vô cùng nồng hậu. “Tôi rất thích cuốn sách của anh, cô ấy nói với tôi. Vậy ra anh cũng tham gia điều tra với Perry à?”. Gahalowood làu bàu rằng tôi không điều tra gì cả, rằng ông mới là người chỉ huy còn tôi chỉ là kẻ từ trên trời rơi xuống khiến cuộc sống của ông ta thêm tồi tệ. Sau đó, hai cô con gái, hai thiếu niên cực kì ngoan ngoãn, lịch sự tới chào tôi rồi kín đáo rút lui vào phòng riêng. Tôi nói với Gahalowood:

– Suy cho cùng, anh là người duy nhất trong ngôi nhà này không quý mến gì tôi.

Anh ta mỉm cười.

– Thôi im đi, nhà văn. Im đi rồi ra ngoài này uống với tôi chai bia lạnh tuyệt hảo.

Thời tiết thật là dễ chịu. Chúng tôi ngồi rất lâu ngoài sân, rất thoải mái trong chiếc ghế tựa bằng mây và uống hết cả một thùng bia. Gahalowood mặc quân phục, nhưng lại xỏ đôi dép cũ kĩ đi trong nhà. Buổi chiều tối nực nội, Chúng tôi nghe thấy tiếng trẻ con chơi đùa trên phố. Không khí đượm vị thơm của mùa hè.

– Anh có một gia đình thật tuyệt vời, tôi nói.

– Cảm ơn anh. Thế còn anh? Có vợ con không?

Không, không có cả vợ lẫn con.

– Có nuôi chó không?

– Không.

– Chó cũng không có à? Thế anh phải cô đơn như con chó, nhà văn ạ... Để tôi đoán nhé: anh ở một căn hộ rộng thênh

thang trong khu nhà hiện đại của New York. Căn hộ rộng lúc nào cũng trống rỗng.

– Tôi cũng không buồn tìm cách phủ nhận.

– Trước đây, người đại diện của tôi thường đến nhà tôi xem bóng chày. Chúng tôi thường làm món khoai tây ăn với phô mát. Thật là tuyệt. Nhưng sau chuyện này, không biết anh ta có còn muốn quay lại nhà tôi nữa không. Hai tuần rồi tôi không có tin tức gì của anh ấy.

– Anh đang sợ lắm, phải không nhà văn?

– Đúng vậy. Tệ hại hơn, tôi không biết là mình sợ cái gì nữa. Tôi đang viết cuốn sách mới về vụ án này. Nó sẽ mang lại cho tôi một triệu đô la. Chắc chắn tôi sẽ bán được rất nhiều sách. Nhưng trong sâu thẳm, tôi thấy mình thật bất hạnh. Theo anh thì tôi phải làm gì?

Anh ta nhìn tôi kinh ngạc:

– Anh muốn hỏi ý kiến của một gã chỉ kiếm được có 50.000 đôla một năm.

– Vâng.

– Tôi không biết phải nói với anh thế nào, nhà văn ạ.

– Nếu tôi là con trai của anh, anh sẽ khuyên tôi thế nào?

– Anh, mà là con trai của tôi? Ôi, để tôi nôn cái đã! Đi khám bác sĩ tâm lý đi, nhà văn ạ. Anh biết không, tôi có một đứa con trai. Nó trẻ hơn anh, chỉ mới hai mươi tuổi...

– Tôi không biết điều đó...

Anh ta lục tìm trong túi rồi chìa cho tôi tấm ảnh nhỏ được dán vào bìa các tông cứng để khỏi bị nhàu nát. Bức ảnh một thanh niên trong đồng phục hải quân.

– Con trai anh là lính à?

– Quân đoàn II bộ binh. Nó phải đi phục vụ ở Irac. Tôi còn nhớ rõ ngày nó nhập ngũ. Văn phòng tuyển quân của Quân đội Mỹ nằm trên bãi đỗ xe ở trung tâm thương mại. Đối với nó, xung trận là điều quá hiển nhiên. Nó về nhà nói với tôi rằng nó lựa chọn rồi: nó bỏ trường đại học, nó muốn tham gia chiến tranh. Bởi vì hình ảnh ngày 11 tháng Chín lúc nào cũng ám ảnh trong đầu nó. Tôi lấy tấm bản đồ thế giới ra hỏi nó: “Irac ở đâu?”. Nó trả lời tôi: “Irac ở chỗ con phải đến”. Anh nghĩ thế nào, Marcus (đó là lần đầu tiên anh ta gọi tôi bằng tên)? Nó có lí hay nó sai?

– Tôi hoàn toàn không biết.

– Tôi cũng vậy. Tôi chỉ biết rằng cuộc sống là sự nối tiếp của các lựa chọn mà chúng ta chọn và chúng ta phải chịu trách nhiệm về các lựa chọn đó.

Buổi tối hôm đó thật đẹp. Đã lâu lắm, tôi mới được cảm thấy có nhiều người quây quần bên mình như vậy. Sau bữa ăn, tôi còn ngồi một mình một lúc trên hè, trong khi Gahalowood giúp vợ dọn dẹp bát đĩa. Màn đêm buông xuống, trời đen như mực. Tôi chăm chú tìm các đường nét của chòm sao Bắc Đẩu đang nhấp nháy trên bầu trời. Tất cả đều tĩnh lặng. Trẻ con đã về nhà hết, chỉ còn nghe tiếng hát vang của lũ dế. Khi Gahalowood quay trở lại chỗ tôi ngồi, chúng tôi cùng nhau tổng kết lại cuộc điều tra. Tôi kể lại cho anh ta nghe Stern đã nhượng lại quyền sở hữu ngôi nhà ở Goose Cove một cách hào phóng như thế nào.

– Chính hẳn là Stern, kẻ có quan hệ với Nola phải không? Tất cả những chuyện này thật kì lạ.

– Anh không cần phải nói như vậy, trung sĩ ạ. Tôi khẳng định rằng hồi đó đã có người biết chuyện giữa Harry và Nola.

Harry kể lại với tôi rằng vào đêm vũ hội của Aurora hè năm đó, ông ta thấy trên gương trong nhà vệ sinh viết dòng chữ thóa mạ ông ta là kẻ làm tình với trẻ con. À, mà anh đã có kết quả giám định chữ viết trên bản thảo chưa? Khi nào thì chúng ta có kết quả?

– Về nguyên tắc thì khoảng một tuần nữa.

– Thế thì sắp rồi.

– Tôi đã xem kỹ báo cáo của cảnh sát về vụ Nola mất tích, Gahalowood nói tiếp. Bản báo cáo do cảnh sát trưởng Pratt làm. Tôi khẳng định với anh rằng cả Stern, lẫn Harry đều hoàn toàn không được nhắc đến.

– Lạ thật, bởi vì cả cô Nancy Hattaway và bà Tamara Quinn đều khẳng định với tôi là cả hai đã thông báo cho ông Pratt mối nghi ngờ của họ về Harry và Stern vào thời điểm Nola mất tích.

– Thế mà bản báo cáo do chính Pratt kí. Ông ấy biết mà không đả động gì đến à?

– Thế có nghĩa là thế nào nhỉ? Tôi hỏi.

– Ánh mắt Gahalowood tôi sầm lại:

– Thế có nghĩa là có thể chính ông ta cũng có quan hệ với Nola Kellergan.

– Cả ông ấy nữa ư? Anh nghĩ rằng... Nhân danh chúa... Cảnh sát trưởng Pratt và Nola ư?

– Nhà văn ạ, ngày mai, việc đầu tiên chúng ta làm là đi gặp ông ta để hỏi cho rõ.

* * *

Sáng thứ Năm ngày 3 tháng Bảy năm 2008, Gahalowood đến

tìm tôi ở Goose Cove để cùng đi gặp cảnh sát trưởng Pratt tại nhà của ông ta ở Mountain Drive. Đích thân Pratt ra mở cửa. Mới đầu ông ta chỉ nhìn thấy tôi, đón chào rất nồng hậu.

– Anh Goldman, cơn gió lành nào đưa anh tới đây? Ở thành phố, người ta nói rằng, anh cũng đang tiến hành cuộc điều tra riêng.

Tôi nghe thấy Amy hỏi ai đấy và Pratt trả lời là “nhà văn Goldman”. Rồi sau đó ông ta nhận ra Gahalowood đứng phía sau tôi vài bước, ông nói tiếp:

– Vậy đây là một cuộc viếng thăm chính thức...

Gahalowood gật đầu:

– Chỉ vài câu hỏi thôi, thưa Cảnh sát trưởng Pratt, Gahalowood giải thích. Cuộc điều tra đang dậm chân tại chỗ và chúng tôi bị thiếu thông tin. Tôi tin là ông hiểu.

Chúng tôi vào ngôi trong phòng khách. Bà Amy Pratt tới chào chúng tôi. Ông Pratt đuổi bà ra ngoài vườn. Bà Pratt vội đội mũ rồi cúp đuôi đi thẳng ra ngoài sân chăm sóc đám nhài tây mà không thèm ngoảnh lại. Đáng lẽ việc đó trông thật ngộ nhưng không hiểu sao, không khí trong phòng khách của gia đình Pratt bỗng trở nên vô cùng căng thẳng.

Tôi để cho Gahalowood thăm vấn. Viên trung sĩ đứng là một cảnh sát tốt và là người nắm rất rõ tâm lý người khác mặc dù bản tính anh ta luôn tiềm ẩn vẻ tấn công. Mới đầu, chỉ là vài câu hỏi thông thường, trung sĩ yêu cầu cảnh sát trưởng Pratt nhắc lại vắn tắt diễn biến của các sự việc liên quan đến vụ mất tích của Nola Kellergan. Nhưng ông Pratt nhanh chóng mất bình tĩnh: ông ta nói đã làm xong bản báo cáo vào năm 1975, chúng tôi chỉ việc đi tìm đọc. Đúng lúc đó Gahalowood đáp lời rằng:

– Vâng, nói thật là tôi đã đọc bản báo cáo, nhưng tôi không tin vào điều viết trong đó. Ví dụ như tôi biết bà Quinn đã kể cho ông nghe việc bà ta biết chuyện giữa Harry và Nola, thế nhưng bản báo cáo không hề đề cập đến chi tiết đó.

Pratt không để bị sập bẫy:

– Chính xác, đúng là bà Quinn có tới gặp tôi. Bà ấy bảo rằng mình biết tất cả, rằng Harry có những hoang tưởng về Nola. Nhưng bà ấy chẳng hề có bằng chứng, và cả tôi cũng vậy.

– Ông nói dối, tôi chen vào. Bà ấy có cho ông xem tờ giấy do chính tay Harry viết. Rõ ràng tờ giấy ấy là bằng chứng buộc tội Harry.

– Bà ấy có cho tôi xem một lần. Thế rồi, tờ giấy ấy biến mất! Bà ấy chẳng có gì cả! Thì anh muốn tôi làm gì nào?

– Thế còn Elijah Stern, Gahalowood làm ra vẻ điệu giọng hỏi. Ông biết gì về Stern?

– Stern? Pratt nhắc lại. Elijah Stern? Ông ấy có liên quan gì chuyện này?

Gahalowood xuống giọng, vô cùng bình tĩnh, chẳng có lấy một chút do dự:

– Hãy dừng vở diễn của ông lại, Pratt ạ, tôi đã biết tất cả. Tôi biết ông không điều tra đúng như cần phải làm. Tôi biết vào lúc đưa bé gái biến mất, bà Tamara Quinn có chia sẻ với ông về mối nghi ngờ của bà ấy liên quan tới Quebert; còn Nancy Hattaway đã kể với ông rằng Nola có quan hệ tình dục với Elijah Stern. Nhẽ ra ông phải ra lệnh bắt và thẩm vấn Quebert và Stern. Chí ít ông phải hỏi cung hai người này, khám nhà họ để làm rõ chuyện và phải nhắc đến tên hai người này trong bản báo cáo. Đó chính là qui trình bình thường. Thế mà ông không làm bất kì điều gì như thế. Tại sao, tại sao hả? Rốt cuộc, trong tay ông

có một người phụ nữ bị giết hại và một đứa bé gái mất tích!

Tôi cảm thấy Pratt đang hoảng loạn. Ông ta cao giọng để tự trấn tĩnh:

– Tôi đã xới cả vùng lên mấy tuần liên tục, ông ta rống lên, thậm chí tự phá hết cả kì nghỉ của bản thân! Tôi đổ biết bao công sức để tìm ra đứa bé này! Vậy nên đừng có tới đây, ngay chính tại nhà tôi, để sỉ nhục tôi và nghi ngờ công việc tôi đã làm! Cảnh sát không làm trò như vậy với cảnh sát.

Gahalowood vắn lại:

– Ông đã xới nát mặt đất và lục tung đáy biển, nhưng ông biết có những người cần phải được hỏi cung mà ông lại không làm gì cả! Tại sao vậy, nhân danh Chúa, hãy trả lời câu hỏi đó. Ông sai sót ở điểm nào?

Im lặng một lúc lâu. Tôi nhìn Gahalowood, và thật ấn tượng. Anh ta nhìn thẳng vào Pratt với thái độ bình tĩnh giống sự tĩnh lặng trước cơn giông bão.

– Ông sai sót ở điểm nào? Gahalowood nhắc lại. Nói đi. Nói đi, nhân danh Chúa. Chuyện gì xảy ra với đứa bé gái này?

Pratt lảng nhìn ra chỗ khác. Ông ta đứng lên, đến trước cửa sổ để tránh cái nhìn của chúng tôi. Ông ta nhìn vợ một lúc, ở bên ngoài, bà Pratt đang dọn sạch những chiếc lá úa trên khóm nhài tây.

– Chuyện xảy ra ngay từ đầu tháng Tám, ông ta cất giọng rất khó nghe. Đầu tháng Tám năm 1975 chết tiệt. Một buổi chiều, các ông tin hay không thì tùy, cô bé tới tìm gặp tôi trong phòng làm việc ở trụ sở cảnh sát. Tôi nghe thấy tiếng gõ cửa và Nola Kellergan bước vào, không chờ tôi trả lời. Tôi đang ngồi trong phòng đọc tài liệu. Tôi rất ngạc nhiên. Tôi chào cô ấy và hỏi có chuyện gì xảy ra. Cô bé có vẻ rất kì lạ. Cô ấy không nói với tôi

nửa lời, tự đóng cửa lại rồi xoay chìa khóa trái của tủ bên trong, sau đó cô ấy nhìn tôi chăm chăm và tiến lại phía tôi. Tiến lại phía bàn làm việc, ở đó...

Pratt dừng lời. Rõ ràng ông ấy bị xúc động. Ông ấy không còn tìm ra từ để diễn đạt. Gahalowood không hề tỏ ra thương xót, hỏi giọng khô khan:

– Ở đó thế nào, Cảnh sát trưởng Pratt?

– Tùy ông có tin hay không, trung sĩ ạ. Cô ấy tiến lại bàn làm việc của tôi, chui xuống gầm bàn...Cô ấy...Cô ấy kéo khóa quần của tôi xuống, cầm lấy dương vật của tôi và cho nó vào trong miệng.

Tôi giật nảy mình:

– Chuyện này nghĩa là sao?

– Là sự thật. Cô ấy mút tôi và tôi cứ để cho cô ấy làm. Cô ấy bảo với tôi; “Hãy thư giãn đi, thưa sếp”. Và khi mọi việc xong xuôi, cô ấy vừa lau miệng vừa nói: “Bây giờ ông cũng là tội phạm”.

Chúng tôi choáng váng: đây là lí do tại sao cảnh sát trưởng Pratt không hỏi cung cả Stern lẫn Harry. Bởi vì ông ấy cũng vậy, cũng cùng tội danh như hai người kia, liên quan một cách trực tiếp vào vụ việc này.

Bấy giờ, như cảm thấy trút được gánh nặng vì đã thổ lộ hết những việc mình che giấu, ông ta khai rằng, sự việc đó còn tiếp diễn một lần nữa. Lần này là do ông ta ép buộc Nola. Một buổi đi tuần, ông ta gặp Nola đi bộ từ bãi biển về nhà. Lúc đó là ở gần Goose Cove. Cô ấy đeo bên người chiếc máy tính. Ông ta đề nghị được đưa cô bé về, nhưng nhẽ ra phải đi theo hướng Aurora, thì ông ta lại đi ngược trở lại vào rừng theo đường Side Creek. Ông ấy nói với chúng tôi:

– Vài tuần trước khi Nola mất tích, tôi đã ở Side Creek với cô ta. Tôi đỗ xe ở bìa rừng, ở đó, không bao giờ có người qua lại. Tôi nắm lấy tay cô ấy, bắt cô ấy chạm vào dương vật của tôi đang cương lên, và tôi đòi cô ấy làm cho tôi như cô ấy đã từng làm trong văn phòng. Tôi mở khóa quần, túm lấy gáy cô ta và bắt cô ấy phải mút... Tôi không biết mình đã bị cái gì sai khiến. Đã ba mươi năm nay điều đó ám ảnh tôi! Tôi không thể chịu đựng được nữa. Bắt tôi đi, trung sĩ. Tôi muốn bị thẩm vấn, muốn bị mang ra xét xử, tôi muốn được tha lỗi. Xin lỗi, Nola. Xin lỗi.

Khi bà Amy nhìn thấy chồng mình bước ra khỏi nhà với còng số tám trên tay, bà hét lên khiến những nhà hàng xóm bên cạnh bị kích động. Họ tò mò chạy ra sân xem điều gì xảy ra. Tôi nghe thấy một phụ nữ gọi chồng mình: “Cảnh sát bắt Gareth Pratt!”

Gahalowood áp giải Pratt lên ô tô và khởi động máy chạy thẳng về trụ sở cảnh sát bang Concord, còi hú rú inh ỏi. Tôi ngồi lại trên sân cỏ nhà Pratt: bà Amy khóc nức nở, quỳ thụp xuống bên cạnh những khóm nhài tây, và rất nhanh, cả nữa thành phố Aurora đến tụ tập trước ngôi nhà ở Mountain Drive.

Bất ngờ trước sự thật vừa hay biết, mãi lâu sau, tôi mới bình tĩnh ngồi xuống một thùng cứu hỏa, gọi điện cho Roth để thông báo tình hình. Tôi không đủ dùng cảm để đối mặt với Harry: tôi không muốn là người báo cho Harry biết tin này. Trong vài giờ nữa, truyền hình sẽ làm việc đó. Các kênh thông tin tường thuật lại toàn bộ sự việc và cuộc chiến của các phương tiện truyền thông bắt đầu: Gareth Pratt, cựu cảnh sát trưởng Aurora vừa thú nhận đã có những hành vi tình dục với Nola Kellergan và trở thành đối tượng nghi vấn quan trọng trong vụ án này. Đầu giờ chiều, Harry gọi điện cho tôi từ trong nhà tù, ông khóc.

Ông yêu cầu tôi đến. Ông không thể tin nổi tất cả những chuyện này là sự thật.

Trong phòng thẩm tù nhân, tôi kể lại cho ông nghe chuyện mới xảy ra với Cảnh sát trưởng Pratt. Ông bị kích động mạnh mẽ, nước mắt không ngừng tuôn rơi. Rồi cuộc tôi nói với Harry:

– Đó chưa phải là tất cả... Em nghĩ đã đến lúc thầy phải biết rằng...

– Biết cái gì? Anh làm tôi sợ, Marcus ạ.

– Hôm trước em đã nói với thầy về Stern chưa nhỉ? Bởi vì em đã tới nhà ông ta.

– Thế thì sao?

– Em tìm thấy một bức tranh của Nola ở đó.

– Một bức tranh? Thế nghĩa là như thế nào, một bức tranh?

– Stern có một bức tranh vẽ Nola khỏa thân ở nhà ông ta.

Tôi chìa ra cho Harry xem bức ảnh chụp tôi mang theo.

– Đúng là cô ấy! Harry gào lên. Chính là Nola! Chính là Nola. Như vậy nghĩa là thế nào? Chuyện vợ vãn này nghĩa là gì thế?

Lính gác nhắc ông giữ trật tự.

– Harry, tôi nói, cố gắng bình tĩnh nào.

– Nhưng tại sao Stern lại xuất hiện trong vụ việc này và đóng vai trò gì ở đây?

– Em không biết... Vậy Nola chưa bao giờ nói với thầy về ông ta ư?

– Chưa bao giờ! Chưa bao giờ!

– Harry, từ những gì mà em biết, thì Nola có quan hệ với Elijah Stern. Trong cùng mùa hè năm 1975.

– Cái gì? Cái gì vậy? Điều này có nghĩa là gì hả Marcus?

– Em nghĩ rằng...Tức là, theo như em hiểu thì... Harry, thầy phải chuẩn bị tinh thần rằng thầy có thể không phải là người đàn ông duy nhất trong đời Nola.

Ông như hóa điên. Ông đứng bật dậy, ném mạnh chiếc ghế vào tường và hét lên:

– Không thể như thế được! Không thể như thế được! Tôi mới là người cô ấy yêu! Anh nghe chứ? Chính tôi mới là người yêu của cô ấy!

Lính gác vội vàng tiến về Harry, túm chặt lấy ông và giải đi. Tôi còn nghe thấy ông hét lên: “Tại sao anh lại làm như thế Marcus? Tại sao anh phá hỏng mọi chuyện? Các anh là đồ đáng nguyên rủa, anh, Pratt và Stern!”

Chính sau vụ việc này tôi bắt đầu viết về Nola Kellergan, mười lăm tuổi, đã làm điên đảo cả thành phố nhỏ ở miền quê nước Mỹ.

16

Nguồn gốc cái xấu xa

**(Thành phố Aurora, bang New Hampshire,
ngày 11 đến 20 tháng Tám năm 1975)**

“Thầy Harry, phải mất bao lâu mới viết xong được một cuốn sách?

- Cũng còn tùy.
- Tùy cái gì ạ?
- Tùy mọi thứ.”

Ngày 11 tháng Tám năm 1975

- Harry! Harry yêu quý!

Nàng chạy ừa vào nhà, tay cầm tập bản thảo. Mới sáng sớm, thậm chí còn chưa tới 9 giờ. Harry đang trong phòng làm việc tìm tập bản thảo. Nàng xuất hiện ở cửa ra vào, giơ chiếc túi bên trong đựng tập tài liệu quý giá.

– Nó ở đâu ra thế? Harry bực bội hỏi. Tập bản thảo quý quái này biến đi đâu thế?

– Em xin lỗi, anh Harry. Anh Harry yêu quý... Đừng giận em nhé. Tối hôm qua em cầm về nhà, lúc đấy anh ngủ rồi, em cầm nó về đọc... Nhẽ ra em không nên làm thế... Nhưng mà tuyệt quá đi! Thật là kì diệu! Quá tuyệt vời!

Nàng giơ tập bản thảo lên, mỉm cười.

- Thế em có thích không? !
- Em có thích không à? Nàng kêu lên. Anh hỏi là em có thích không á? Em quá ngưỡng mộ ấy chứ! Đây là cuốn sách tuyệt

nhất mà em được đọc. Anh là nhà văn đặc biệt! Anh sẽ nổi tiếng, Harry ạ. Anh có nghe không? Sẽ nổi tiếng!

Vừa nói, nàng vừa nhảy, nàng nhảy trong hành lang, nàng nhảy đến tận phòng khách, nàng nhảy cả ở ngoài sân. Nàng nhảy vì hạnh phúc, vì quá sung sướng. Nàng dọn chiếc bàn ngoài sân. Nàng lau những giọt sương còn đọng lại, trải khăn lên, chuẩn bị chỗ cho anh làm việc. Nàng đặt lên bàn mấy chiếc bút, mấy cuốn sổ, tập giấy nháp và những hòn đá được lựa chọn cẩn thận trên bãi cát dùng làm chặn giấy. Sau đó, nàng để sẵn bên cạnh cà phê, một ít bánh sáp ong, bánh quy và hoa quả. Nàng để cả một chiếc gối tựa lên ghế ngồi để anh cảm thấy thoải mái. Nàng tỉ mỉ lo đầy đủ mọi thứ phải hoàn hảo để anh có thể làm việc trong những điều kiện tốt nhất. Khi anh ngồi vào bàn bắt đầu viết thì nàng lúi húi bên trong dọn dẹp nhà cửa, chuẩn bị cơm nước: nàng lo mọi chuyện để anh chỉ phải tập trung vào viết lách. Chỉ viết thôi và không làm bất kì cái gì khác. Anh viết tới đâu, nàng đọc lại tới đó, chỉnh sửa vài chỗ, sau đó đánh máy lại bằng chiếc Remington. Nàng say mê và tận tụy làm việc như người thư kí trung thành nhất. Chỉ khi hoàn thành xong tất cả mọi nghĩa vụ, nàng mới tự cho phép ngồi xuống cạnh Harry nhưng không quá gần để làm phiền anh nàng nhìn anh viết, cảm thấy hạnh phúc. Nàng là vợ của một nhà văn.

Ngày hôm đó, nàng rời nhà Harry chỉ ít lâu sau giờ trưa. Cũng như mọi khi, nàng đã quen chỉ định mỗi khi ra về:

– Em đã chuẩn bị sẵn bánh mì cho anh để ở trong bếp. Trà đã pha sẵn để trong tủ lạnh nhé. Anh phải lưu ý ăn uống cho tốt vào. Cần nghỉ ngơi một chút. Nếu không anh sẽ bị đau đầu đấy. Harry yêu quý, anh biết rõ điều gì xảy ra khi anh làm việc quá sức rồi đấy, anh sẽ bị đau đầu kinh khủng và điều này làm cho

anh trở nên rất đáng ghét.

Nàng ôm lấy anh.

– Lát nữa em quay lại chứ? Harry hỏi.

– Không, Harry. Em bận.

– Bận gì? Tại sao em về sớm thế?

– Bận thôi, chấm hết. Phụ nữ phải biết tạo sự bí ẩn. Em đọc được điều này trong tạp chí đấy.

Anh mỉm cười.

– Nola...

– Dạ.

– Cảm ơn em.

– Tại sao hả Harry?

– Vì tất cả. Anh... Anh đang viết một cuốn sách. Chính nhờ em mà rốt cuộc anh có thể viết được.

– Harry yêu quý, đó chính là điều em muốn làm trong đời: chăm sóc anh, ở đây vì anh, tham gia viết sách cùng anh, tạo dựng gia đình với anh! Hãy tưởng tượng xem chúng ta sẽ hạnh phúc như thế nào khi ở bên nhau! Harry, anh muốn có bao nhiêu con?

– Ít nhất là ba đứa!

– Vâng, mà có khi bốn ấy chứ! Hai trai, hai gái, để chúng nó không cãi nhau quá nhiều. Em muốn trở thành phu nhân Nola Quebert. Người vợ tự hào nhất trên đời về chồng mình!

Nàng quay gót bước đi! Dọc theo con đường từ Goose Cove, rồi đến đường 1. Một lần nữa, nàng không để ý thấy có bóng người đang rình rập giữa những bụi rậm.

Nàng phải đi bộ mất ba mươi phút mới tới được Aurora. Mỗi ngày hai lần nàng đi trên con đường này. Khi tới thành phố,

nàng rẽ vào đường chính và đi tiếp tới quảng trường, nơi Nancy Hattaway đang đợi nàng như đã hẹn.

– Tại sao lại hẹn ở quảng trường mà không phải ngoài biển? Nancy phàn nàn khi trông thấy Nola. Ở đây nóng quá!

– Mình có hẹn chiều nay...

– Gì? Không phải chứ, đừng có bảo cậu vẫn còn tiếp tục gặp Stern!

– Đừng nói tên ông ta ra!

– Cậu lại dùng tớ để che giấu mọi chuyện à?

– Nào, thôi mà, tớ xin cậu, hãy bảo vệ tớ...

– Lúc nào tớ chẳng bảo vệ cậu!

– Chỉ một lần nữa thôi. Đúng một lần nữa, tớ xin cậu.

– Đừng đến đó! Nancy nài nỉ. Đừng tới nhà gã đó, cậu phải chấm dứt ngay chuyện này! Tớ sợ cho cậu. Cậu làm gì với cái gã đó hả? Làm tình à, phải không? Làm chuyện đó chứ gì?

Nola dịu giọng đầu hòa:

– Đừng lo, Nancy. Cậu không phải lo gì hết. Cậu bảo vệ tớ đấy nhé? Cậu hứa bảo vệ tớ đi: cậu biết điều gì sẽ xảy ra nếu như tớ bị phát hiện là nói dối rồi đấy. Cậu biết ở nhà tớ bị thế nào rồi đấy...

Nancy thở dài nhân nhượng:

– Được rồi. Tớ sẽ ở đây cho tới tận khi cậu quay lại. Nhưng không được muộn hơn 18 giờ rưỡi nhé, nếu không mẹ sẽ mắng tớ.

– Rồi rồi. Thế nếu có người hỏi cậu, thì cậu xử lí thế nào?

– Thì bảo tớ với cậu chơi ở đây suốt cả buổi chiều, Nancy nhắc lại như một con rối. Nhưng tớ chán cứ phải nói dối mãi cho cậu rồi! Tại sao cậu lại làm chuyện này, hả?

– Tại vì tớ yêu ông ấy! Tớ yêu ông ấy vô cùng! Tớ làm bất kì điều gì vì ông ấy!

– Kinh, tớ thấy điều đó thật kinh tởm! Tớ còn kinh không muốn nghĩ tới.

Chiếc ô tô Mustang xanh lơ tiến đến từ một con phố dẫn ra quảng trường, dừng lại ở bên đường. Nola nói:

– Đây rồi. Tớ chuồn đây. Hẹn lát nữa gặp lại nhé, Nancy. Cảm ơn cậu, cậu là người bạn thật sự của tớ.

Nola nhanh chóng chạy lại chiếc xe hơi và biến mất trong đó. “Xin chào, Luther”, Nola nói với người lái xe và ngồi vào ghế sau. Chiếc xe lập tức lao đi và biến mất, không ai ngoại trừ Nancy chứng kiến chuyện kì lạ vừa xảy ra.

Một giờ sau, chiếc Mustang tới đỗ trong sân trước dinh thự của Elijah Stern ở Concord. Luther dẫn cô gái trẻ vào trong. Bây giờ Nola đã biết con đường nhỏ dẫn tới căn phòng.

– Phởi phườn áo đi, Luther nhẹ nhàng nói. Phôi phi pháo ông Stern là cô đã tới.

* * *

Ngày 12 tháng Tám năm 1975

Sáng nào cũng vậy, kể từ khi họ đi nghỉ cùng nhau ở Martha’s Vineyard về, Harry lại tìm được cảm hứng viết, anh dậy từ bình minh chạy bộ trước khi bắt tay vào công việc.

Sáng nào cũng vậy, anh chạy tới tận Aurora. Anh đều dừng lại tại bến thuyền để chống đẩy. Vẫn chưa tới 6 giờ. Cả thành phố còn chìm trong giấc ngủ. Anh tránh không qua tiệm Clark’s: lúc đó là giờ mở cửa và anh không muốn có nguy cơ đối

mặt với Jenny. Jenny là người con gái tuyệt vời, không đáng phải nhận cách đối xử tồi tệ của anh. Anh đứng lặng trầm tư đôi phút, nhìn ra phía biển lúc này đang nhuộm đậm các sắc màu siêu thực của ngày mới đang nhú dậy. Anh giật mình khi có người gọi tên mình:

– Harry, ôi, là thật ư? Đúng là anh dậy sớm như vậy để chạy ư?

Anh quay đầu lại: Jenny trong bộ đồng phục của tiệm Clark's. Cô tiến lại gần, vụng về cố ôm lấy anh.

– Tôi chỉ muốn ngắm mặt trời mọc, anh trả lời.

Cô mỉm cười. Cô tự nhủ nếu anh chạy tới tận đây, có nghĩa là rất cuộc anh cũng hơi yêu cô.

– Anh có muốn vào tiệm Clark's uống cốc cà phê không? Jenny đề nghị.

– Cảm ơn, nhưng tôi không muốn phá vỡ nhịp độ...

Jenny cố giấu sự thất vọng.

– Vậy ít ra chúng ta hãy ngồi bên nhau một phút.

– Tôi không muốn dừng lại lâu quá.

Nàng hơi nhăn mặt, buồn rầu:

– Mấy ngày gần đây, em không nhận được tin tức gì của anh! Anh không tới tiệm Clark's nữa...

– Rất tiếc. Tôi quá bận với cuốn sách.

– Nhưng trong đời không chỉ có mỗi mình sách! Thỉnh thoảng hãy đến thăm em, em sẽ rất vui. Em hứa là mẹ sẽ không gây sự gì với anh nữa. Nhẽ ra mẹ không nên bắt anh phải trả toàn bộ tiền nợ luôn một lúc.

– Không sao mà.

– Em phải đi vào lo công việc đây, cửa hàng mở cửa lúc 6 giờ.

Anh chắc chắn không muốn uống cà phê à?

– Chắc chắn, cảm ơn Jenny.

– Lát nữa có thể anh sẽ quay lại đây chứ?

– Không, tôi không định làm thế.

– Nếu sáng nào anh cũng tới đây, em sẽ đợi anh ở bến tàu...

Tất nhiên nếu anh muốn. Chỉ là để chào anh thôi.

– Đừng bận lòng vì tôi như vậy.

– Thôi được. Dù sao, hôm nay em sẽ làm việc đến 15 giờ. Nếu anh muốn tới để viết... Em sẽ không làm phiền anh. Em hứa. Em hi vọng anh không giận khi em tới buổi vũ hội cùng Travis... Em không yêu cậu ấy, anh biết đấy. Cậu ấy chỉ là bạn. Em... Em muốn nói với anh, Harry, em yêu anh. Em yêu anh, chưa bao giờ em yêu ai như thế.

– Đừng nói thế, Jenny.

Tháp tòa thị chính trong thành phố điểm 6 giờ sáng: cô đã chậm giờ làm. Cô hôn lên má anh và chạy đi. Nhẽ ra cô không nên nói yêu anh, cô cảm thấy giận chính bản thân mình. Cô thấy mình thật ngu xuẩn. Khi leo ngược con phố để quay về tiệm Clark's, cô còn quay lại định vẫy tay chào anh, nhưng anh không còn ở đấy nữa. Cô tự nhủ rằng, nếu như anh chạy qua tiệm Clark's, tức là anh cũng có yêu cô một chút, mọi việc không phải hoàn toàn mất hi vọng. Cô bước vội vã, nhưng ngay trước khi vượt hết đoạn dốc, một bóng người to lớn, quái đản xuất hiện sau hàng rào, cản đường cô. Jenny giật mình, hét toáng lên. Sau đó, cô nhận ra Luther.

– Luther! Anh làm tôi sợ quá!

Ánh sáng đèn đường rọi vào khuôn mặt méo mó và cơ thể lực lưỡng

– Phì? Hấn muốn phì?

– Không có gì cả, Luther ạ...

Hắn nắm tay cô bóp chặt:

– Phừng... phừng... phừng giễu phôi! Hắn muốn phì?

– Anh ấy là bạn tôi! Bây giờ thả tôi ra, Luther! Anh làm tôi đau quá đấy, trời ạ! Thả tôi ra nếu không tôi kêu lên bây giờ!

Hắn thả lỏng tay ra và hỏi:

– Cô đã phuy nghi phê lời đề nghị phứa phôi chưa?

– Không được, Luther! Tôi không muốn vế! Giờ thì để cho tôi đi! Nếu không tôi sẽ bảo anh lượn lờ ở đây với ý đồ xấu, rồi anh sẽ gặp rắc rối cho mà xem.

Luther vội vã bỏ chạy, biến mất trong buổi sớm mai, giống một con vật bị dại. Jenny sợ quá òa khóc. Cô vội vàng chạy về tiệm Clark's, trước khi bước vào cửa chính, cô lau vội nước mắt để mẹ khỏi chú ý.

Harry tiếp tục chạy xuyên thành phố từ đầu này sang đầu khác, tới đường 1 và trở về Goose Cove. Anh nghĩ tới Jenny, anh không nên gây ảo tưởng cho cô. Cô gái này làm anh vô cùng e ngại. Khi tới ngã tư giao với đường 1, đôi chân anh như chùng xuống; toàn bộ các cơ của anh đã bị nguội lạnh kể từ lúc dừng lại ở bến tàu, chân bắt đầu bị chuột rút và anh cảm thấy vô cùng cô đơn trên con đường hoàn toàn vắng bóng người. Anh hồi tiếc vì đã chạy tới tận Aurora và nghĩ khó có thể chạy về được đến Goose Cove. Đúng lúc đó, anh không để ý thấy một chiếc Mustang xanh lơ bất ngờ dừng lại ngay bên cạnh. Người lái xe hạ thấp kính xuống, Harry nhận ra Luther Caleb.

– Phần giúp phòng?

– Tôi chạy xa quá. Tôi hơi bị quá sức.

– Phên phe đi. Phôi phứa phông phê.

– May quá gặp được anh, Harry vừa nói vừa ngồi vào ghế sau. Anh làm gì ở Aurora này mà sớm thế?

Caleb không trả lời: hắn đưa người quá giang về Goose Cove mà không hề hé răng nửa lời. Ngay khi Harry xuống xe ở trước cửa nhà mình, chiếc Mustang lại lao đi, nhưng thay vì chạy theo hướng Concord thì nó lại rẽ sang trái theo hướng đi Aurora, tiếp tục đi theo đường cụt trong rừng. Caleb đỗ xe khuất dưới bụi thông, sau đó, hắn khéo léo vượt qua những hàng cây rồi lẩn dưới những bụi rậm gần Goose Cove. Lúc đó là 6 giờ 15 phút. Hắn nép sát vào một thân cây và chờ đợi.

Vào khoảng 9 giờ, Nola tới Goose Cove để chăm sóc người yêu.

* * *

Ngày 13 tháng Tám năm 1975

– Ông biết không, bác sĩ Ashcroft, lúc nào tôi cũng làm thế, sau đó lại cảm thấy hối hận.

– Nó xảy ra như thế nào?

– Tôi không biết. Cứ như thể nó tự phóng ra từ tôi trong khi tôi hoàn toàn không muốn. Một loại xung năng mà tôi không kiểm chế được. Tuy nhiên, nó làm tôi đau đớn. Nó làm tôi vô cùng đau đớn! Tôi không thể kiểm chế được.

Bác sĩ Ashcroft nhìn chăm chăm bà Tamara Quinn một lúc, sau đó ông hỏi: Bà có kể với mọi người điều mà bà cảm nhận về họ không?

– Tôi... Không. Tôi không bao giờ nói.

– Tại sao?

- Vì họ biết tôi cảm nhận thế nào về họ.
- Bà có chắc không?
- Chắc!
- Nếu bà không nói thì làm sao họ biết được?

Bà nhún vai:

- Tôi không biết, bác sĩ ạ
- Thế gia đình bà có biết bà đến gặp tôi không?
- Không. Không! Tôi...Việc này không liên quan tới họ.

Bác sĩ gật đầu.

- Bà biết đây, bà phải viết ra những điều mà bà cảm nhận. Viết, đôi khi sẽ làm giảm nhẹ tình hình.

- Tôi biết vậy, tôi viết hết mọi điều. Kể từ khi tôi đến gặp ông và chúng ta nói chuyện với nhau, thì tôi bắt đầu viết hết ra một cuốn sổ và giữ gìn nó rất cẩn thận.

- Điều đó có giúp gì cho bà không?
- Tôi không biết. Có thể một chút. Tôi nghĩ vậy.
- Tuần tới, chúng ta nói chuyện tiếp. Hết giờ rồi.

Bà Tamara Quinn đứng lên, bắt tay chào bác sĩ. Bà rời phòng khám.

* * *

Ngày 14 tháng Tám năm 1975

Lúc đó khoảng 11 giờ trưa. Ngay từ đầu giờ sáng, Nola ngồi trên sân nhà ở Goose Cove chăm chú đánh máy tập bản thảo bằng chiếc Remington, trong khi đó, Harry ngồi đối diện với nàng, tiếp tục viết truyện. “Hay quá!” Nola say mê từng câu

chữ. “Thật sự, rất hay!”. Harry chỉ mỉm cười thay cho câu trả lời, lòng tràn ngập một cảm hứng bất tận.

Trời nóng nực. Nola nhận thấy Harry không còn gì để uống, nàng rời sân giầy lát đi pha trà đá trong bếp. Ngay khi nàng vừa bước vào trong nhà, thì một người khách bỗng xuất hiện trên sân, đó là Elijah Stern.

– Harry Quebert, anh làm việc chăm chỉ quá! Stern rống lên như bò làm Harry giật mình bởi anh không nghe thấy tiếng bước chân. Ngay lập tức anh lo sợ đến lạnh sống lưng: không ai được thấy Nola ở đây.

– Elijah Stern! Harry cũng gào tướng lên cố ý cho Nola nghe thấy để nàng trốn trong nhà.

– Harry Quebert! Stern còn hét to hơn. Ông ta không hiểu tại sao Harry lại gào tướng lên như vậy. Tôi bấm chuông cửa mãi mà không ai trả lời. Thấy xe ô tô của anh đỗ trong nhà xe, tôi nghĩ chắc anh đang ở ngoài sân, cho nên tôi đi thẳng vào đây.

– Anh làm vậy là đúng đấy! Harry lấy hết hơi gào tiếp.

Stern nhìn tập bản thảo, rồi lại nhìn chiếc máy Remington bên cạnh bàn.

– Anh vừa viết vừa đánh máy một lúc à? Ông ta hỏi vẻ tò mò.

– Vâng. Tôi... Tôi viết mấy trang một lúc.

Stern vội ngói thụp xuống ghế, mồ hôi nhễ nhại.

– Mấy trang cùng một lúc? Anh là nhà văn thiên tài, Harry ạ. Anh biết không, tôi đang ở xá nhà thì bỗng nhiên nghĩ phải đến Aurora. Thật là thành phố tuyệt vời. Tôi đậu xe trên phố chính rồi đi dạo lang thang. Thế là tôi đi bộ tới tận đây. Chắc hẳn là do thói quen.

– Ngôi nhà này, thật không thể tin nổi, anh Elijah à... Đây là chốn thần tiên.

- Tôi rất mừng là anh đã ở lại.
- Rất cảm ơn tính hào phóng của anh. Tôi mắc nợ anh nhiều.
- Thôi đừng cảm ơn tôi, anh chẳng nợ gì tôi hết.
- Khi nào có tiền, tôi sẽ mua lại ngôi nhà này.
- Tốt lắm, anh Harry ạ. Rất tốt. Tôi chúc anh may mắn, thành công. Tôi rất mừng vì ngôi nhà này được sống lại cùng với anh. Xin anh thứ lỗi, người tôi nhẽ nhại mồ hôi, tôi sắp chết khát rồi

Harry bồn chồn nhìn về phía nhà bếp, hi vọng Nola nghe thay tiếng họ và sẽ không xuất hiện. Dứt khoát phải có cách nào đó đuổi Stern ra khỏi nhà.

- Trừ nước ra thì tôi rất tiếc, tôi chẳng có gì ở đây mới anh...

Stern phá lên cười:

- Thôi nào, anh bạn, đừng khách sáo thế... Tôi cũng cho rằng ở nhà anh thì đồ ăn không có mà đồ uống cũng không nốt. Đó chính là điều tôi lo lắng: viết là tốt, nhưng phải chú ý, đừng có tự để mình chết dần chết mòn chứ! Đến lúc anh phải cưới vợ rồi, cần ai đó chăm sóc cho anh. Harry này, anh đưa tôi trở về thành phố, rồi tôi sẽ mời anh ăn trưa, như vậy chúng ta sẽ có cơ hội tán gẫu với nhau một chút, tất nhiên nếu như anh thực sự muốn.

- Sẵn sàng thôi! Harry thở phào nhẹ nhõm. Thật là tuyệt! Tôi cũng rất muốn vậy. Để tôi lấy chìa khóa xe đã nhé.

Harry vào trong. Khi qua bếp, anh nhìn thấy Nola trốn dưới gầm bàn. Nàng nở nụ cười tuyệt vời về đồng lõa, đặt ngón tay lên môi Harry cũng mỉm cười đáp lại rồi ra ngoài với Stern.

Họ cùng đến tiệm Clark's trên chiếc Chevrolet. Họ ngồi ngoài sân, gọi món trứng, bánh mì và bánh pancakes. Khi nhìn thấy Harry, mắt Jenny long lanh. Lâu lắm nay anh lại mới tới.

– Thật là điên quá, Stern nói. Thực tình, tôi chỉ đi dạo có vài bước, thế mà đột nhiên tôi lại đến tận Goose Cove. Cứ như thể tôi bị khung cảnh ở đây quyến rũ vậy.

– Bờ biển giữa Aurora và Goose Cove tuyệt đẹp, Harry trả lời. Tôi không bao giờ thấy chán.

– Anh có hay đi qua đoạn đó không?

– Gần như sáng nào cũng đi. Tôi chạy thể dục. Chạy là cách tuyệt vời để bắt đầu ngày mới. Tôi dậy từ bình minh, rồi chạy cùng với mặt trời nhú dần. Cảm giác lúc đó độc nhất vô nhị.

– Anh bạn quý mến, anh đúng là vận động viên thể thao thật sự đấy. Tôi ao ước có được tính kỉ luật như anh.

– Vận động viên thể thao thật sự hay không thì tôi không biết. Ví dụ như ngày hôm kia, lúc trở về từ Aurora, tôi bị chuột rút khủng khiếp, Không làm cách nào mà nhích được chân. May là tôi đã đụng lái xe của anh. Anh ta rất tốt bụng, đưa tôi về đến tận nhà.

Stern nở nụ cười căng thẳng.

– Luther tới đây sáng hôm kia à? Ông ta hỏi.

Jenny ngắt quãng để phục vụ cà phê rồi rút lui ngay lập tức.

– Đúng vậy, Harry trả lời tiếp. Chính tôi cũng ngạc nhiên khi thấy anh ta có mặt ở Aurora lúc sáng sớm như thế. Anh ta có sống trong vùng này không?

Stern cố gắng trả lời.

– Không, anh ta sống trong dinh thự của tôi vì tôi không thể thiếu được nhân viên. Nhưng anh ta rất thích chốn này. Phải nói, Aurora vào lúc ánh sáng bắt đầu lan tỏa thì khung cảnh thật huyền diệu.

– Chính anh bảo anh ta chăm sóc mấy khóm hồng ở Goose

Cove phải không? Tôi chưa bao giờ thấy anh ta đến...

– Nhưng những khóm hồng thì vẫn luôn đẹp đúng không? Có nghĩa là anh ta rất kín đáo.

– Nhưng tôi thường xuyên ở nhà mà... Gần như là mọi lúc.

– Luther là người rất kín đáo.

– Không biết chuyện gì xảy ra với anh ta? Cách anh ta nói lạ quá...

– Anh ta bị tai nạn. Chuyện xảy ra lâu lắm rồi. Anh biết không, Luther có rất nhiều phẩm chất tốt... Đôi khi vẻ ngoài anh ta đáng sợ, nhưng tấm lòng lại rất tốt.

– Tôi không nghi ngờ gì điều đó.

Jenny quay trở lại để rót thêm cà phê vào cốc, đảm bảo các cốc luôn luôn đầy. Cô sửa lại đĩa để khăn ăn, đổ đầy lọ muối, thay chai nước sốt cà chua. Cô mỉm cười với Stern, ra hiệu bằng tay với Harry trước khi đi vào phía trong.

– Cuốn sách của anh tiến triển tốt chứ? Stern hỏi.

– Rất tốt. Cảm ơn anh vì đã để cho tôi sử dụng ngôi nhà. Tôi rất có cảm hứng.

– Rất có cảm hứng vì cô gái này thì đúng hơn, Stern mỉm cười.

– Xin lỗi, anh vừa bảo gì? Harry ghen hòng.

– Tôi rất giỏi trong việc đoán những chuyện kiểu này. Anh ngủ với cô ta rồi phải không?

– Tôi... xin lỗi, tôi không hiểu?

– Thôi nào, đừng làm bộ mặt như vậy. Chuyện này không có gì xấu cả, anh bạn ạ. Jenny, cô phục vụ vừa rồi đó, anh ngủ với cô ta rồi phải không? Chỉ cần nhìn cách cư xử của cô ta kể từ khi chúng ta vào đây, chắc chắn là cô ta thích ngủ với một trong

hai chúng ta. Tôi biết, tôi thì không có chuyện gì với cô ấy rồi. Vậy nên chỉ có thể là anh! Ha, ha! Anh khôn đấy, một cô gái đẹp tuyệt. Anh nên nhớ, tôi là người thông minh sắc sảo.

Quebert găng cười, cảm thấy nhẹ người.

– Jenny với tôi không có quan hệ gì cả. Công nhận chúng tôi cũng có tán tỉnh nhau đôi chút. Cô Jenny này cũng dễ thương nhưng tôi phải tâm sự với anh rằng, tôi thấy hơi chán... Tôi thích tìm một người nào đó mà tôi yêu thực sự, ai đó thật đặc biệt... Thật khác...

– Chà, tôi chả lo lắng cho anh về điều đó. Rồi anh sẽ tìm được hạt ngọc hiếm thôi, người sẽ làm cho anh hạnh phúc.

Trong khi Harry và Stern cùng ăn trưa, trên đường 1 trời nắng như đổ lửa, Nola đi về nhà, mang theo chiếc máy chữ. Một xe cảnh sát đi phía sau rồi dừng lại bên cạnh. Cảnh sát trưởng Pratt ngồi trong buồng lái.

– Em đi đâu với chiếc máy chữ này vậy? Ông ta hỏi giọng vui vẻ.

– Tôi đi về nhà, thưa sếp.

– Đi bộ à? Em từ nơi quỷ quái nào về thế? Nhưng thôi, không quan trọng, lên xe đi, tôi đưa em về.

– Cảm ơn Cảnh sát trưởng Pratt, nhưng tôi thích đi bộ hơn.

– Đừng buồn cười thế. Trời nóng há mồm.

– Không, cảm ơn ngài cảnh sát trưởng. Ông ta bất ngờ đổi giọng dọa nạt.

– Sao cô không muốn tôi đưa về nhà? Lên đi, tôi bảo, lên xe.

Rốt cuộc Nola phải chấp thuận. Pratt bắt cô ngồi trên ghế ngay cạnh ông ta. Nhưng thay vì đi tiếp về hướng thành phố, ông ta quay đầu xe theo hướng ngược lại.

– Ông đi đâu vậy, Cảnh sát trưởng? Aurora ở hướng đằng kia cơ mà.

– Đừng lo, cô bé. Tôi chỉ muốn cho em xem cái này rất đẹp. Em không sợ chứ, đúng không? Tôi muốn chỉ cho em xem khu rừng, một nơi rất đẹp. Em muốn xem một nơi đẹp, đúng không? Tất cả mọi người đều thích những nơi đẹp.

Nola không nói gì nữa. Chiếc xe chạy tới tận Side Creek, mất hút trên con đường rừng nhỏ rồi đổ lại dưới những tán cây rậm rạp. Lúc đó, Cảnh sát trưởng cởi thắt lưng, mở khóa quần và túm chặt lấy gáy Nola, bắt cô làm cái điều mà cô đã từng làm một cách điệu nghệ trong văn phòng của ông ta.

* * *

Ngày 15 tháng Tám năm 1975

8 giờ sáng, Louisa Kellergan vào phòng tìm con gái. Nola chỉ mặc quần áo lót, nằm đợi bà trên giường. Đúng ngày này. Cô biết. Louisa mỉm cười dịu dàng với con gái.

– Con biết tại sao mẹ làm như vậy, Nola...

– Vâng, thưa mẹ.

– Chỉ để tốt cho con thôi. Để con lên được Thiên đường. Con muốn trở thành thiên thần đúng không?

– Con không biết mình có muốn trở thành thiên thần hay không, mẹ ạ.

– Thôi nào, đừng có nói đại dột. Lại đây, con gái yêu.

Nola đứng dậy, đi theo mẹ tới tận nhà tắm. Một chậu nước đầy đã được chuẩn bị sẵn đặt trên nền nhà. Nola nhìn mẹ: một người đàn bà đẹp với những lọn tóc vàng gợn sóng tuyệt vời. Ai

cũng bảo hai mẹ con rất giống nhau.

- Con yêu mẹ, mẹ à, Nola nói.
- Mẹ cũng vậy, mẹ yêu con, con của mẹ.
- Con rất tiếc vì mình là đứa con gái độc ác.
- Con không phải là đứa con gái độc ác.

Nola quỳ gối trước chậu nước, mẹ cô túm chặt lấy đầu cô và nhấn vào chậu nước lạnh buốt. Bà ta đếm đến hai mươi, chậm chạp và nghiêm khắc, rồi nhấc đầu Nola ra khỏi chậu nước lạnh, một tiếng kêu kinh hoàng buốt khỏi miệng Nola. “Thôi nào, con gái, chỉ để chuộc lỗi cho con, Louisa nói, Tiếp tục, tiếp tục”. Bà ta lại nhấn ngay đầu con gái mình vào chậu nước lạnh buốt.

Viên mục sư tự nhốt mình trong nhà xe và bật nhạc to hết cỡ.

Anh hoảng hốt bởi điều vừa nghe thấy.

– Mẹ em chìm em dưới nước à? Harry hỏi lại, hoàn toàn mất bình tĩnh.

Lúc đó là 12 giờ trưa. Nola vừa tới Goose Cove. Cô khóc ròng suốt buổi sáng. Mặc dù Nola cố gắng lau mắt thật khô khi bước vào nhà, nhưng ngay lập tức Harry nhận ra có điều không ổn.

– Mẹ em chìm đầu em trong chậu nước lớn, Nola giải thích. Nước lạnh công! Mẹ em dúi đầu em vào đó và ấn xuống. Mỗi lần như vậy, em có cảm giác mình sắp chết... Em không thể chịu đựng được nữa, Harry. Hãy giúp em

Nàng cuộn mình gọn trong lòng Harry. Harry rủ nàng ra bãi biển; biển luôn làm nàng vui. Anh cầm theo chiếc hộp sắt có khắc chữ KỈ NIỆM ROCKLAND, MAINE. Họ đi dọc theo những tảng đá để tung bánh mì cho lũ mòng biển, rồi ngồi bệt trên cát ngắm nhìn chân trời.

– Em muốn đi khỏi đây, anh Harry! Nola kêu lên. Em muốn anh đưa em đi xa khỏi nơi này.

– Đi khỏi nơi này ư?

– Anh và em, đi xa khỏi đây. Anh đã bảo rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ đi. Em muốn tránh xa mọi người. Chẳng nhẽ anh không muốn tránh xa mọi người cùng em sao? Chúng ta đi đi, em xin anh. Chúng ta hãy đi ngay vào cuối cái tháng khủng khiếp này. Ngày 30 chẳng hạn, như vậy chúng ta có đúng mười lăm ngày để chuẩn bị.

– Ngày 30 à? Em muốn ngày 30 tháng Tám, em và anh, chúng ta sẽ rời khỏi thành phố này à? Như vậy thì thật điên rồ.

– Điên rồ ư? Harry ơi, điều điên rồ duy nhất, đó chính là phải sống giữa thế giới khốn khổ này! Điều điên rồ duy nhất, đó là chúng ta yêu nhau như thế mà không có quyền yêu! Điều điên rồ, đó là lúc nào chúng ta cũng phải che giấu, cứ như thể chúng ta là loài động vật lạ! Em không thể chịu được nữa, Harry! Em sẽ đi. Đêm 30 tháng Tám, em sẽ đi khỏi thành phố này. Em không thể ở lại đây được nữa. Đi cùng với em đi, em xin anh. Đừng để em một mình.

– Thế nhỡ chúng ta bị bắt thì sao?

– Ai bắt chúng ta? Trong vòng hai tiếng đồng hồ, chúng ta sẽ ở Canada. Hơn nữa, người ta bắt chúng ta vì lí do gì nào? Bỏ đi không phải là một tội. Đi, có nghĩa là tự do, ai dám ngăn cản chúng ta được tự do nào. Tự do, đó là nền tảng cơ bản của nước Mỹ! Điều đó được ghi rõ trong Hiến pháp. Em sẽ đi, Harry, em quyết định rồi: mười lăm ngày nữa, em sẽ đi. Đêm 30 tháng Tám, em sẽ rời bỏ thành phố bất hạnh này. Anh có đi cùng em không?

Anh trả lời mà không suy nghĩ:

– Có! Tất nhiên rồi! Anh không thể tưởng tượng được cuộc sống không có em. Ngày 30 tháng Tám, chúng ta sẽ đi cùng nhau.

– Ô, Harry yêu quý, em thật hạnh phúc! Thế còn cuốn sách?

– Cuốn sách gần như xong rồi.

– Gần như xong rồi à? Thật là tuyệt vời. Anh viết nhanh quá!

– Bây giờ, cuốn sách chẳng còn quan trọng gì nữa. Nếu anh đi cùng em, anh nghĩ sẽ không còn có thể là nhà văn được nữa. Cũng không Sao! Em là tất cả! Chỉ có anh và em là quan trọng! Chỉ có hạnh phúc là quan trọng.

– Nhưng anh vẫn là nhà văn chứ! Chúng ta sẽ gửi bản thảo tới New York theo đường bưu điện! Em rất say mê cuốn truyện mới của anh! Rõ ràng đây là cuốn tiểu thuyết đẹp nhất mà em được đọc. Anh sẽ trở thành nhà văn lớn. Em tin tưởng ở anh! Thế thì ngày 30 nhé? Mười lăm ngày nữa. Mười lăm ngày nữa anh và em sẽ bỏ đi! Chỉ sau hai giờ, chúng ta sẽ sang tới Canada. Chúng ta sẽ vô cùng hạnh phúc, anh sẽ thấy. Tình yêu, Harry, tình yêu là điều duy nhất có thể làm cho cuộc đời thật sự đẹp. Mọi thứ còn lại chỉ là phù phiếm.

* * *

Ngày 18 tháng Tám năm 1975.

Ngồi sau tay lái của xe tuần tra, anh nhìn cô qua tấm kính của tiệm Clark's. Kể từ sau buổi vũ hội, họ gần như không nói chuyện với nhau; cô cố tình giữ khoảng cách với anh khiến anh cảm thấy quá buồn. Gần đây, cô có vẻ vô cùng đau khổ. Anh bản khoản không biết điều này có liên quan đến thái độ của anh

hay không. Anh nhớ một lần anh từng bắt gặp cô khóc dưới mái hiên và bảo anh có một người đàn ông khiến cô buồn khổ. Không hiểu ý cô muốn nói gì qua từ *buồn khổ*? Không biết cô có lo lắng không? Hay tôi tệ hơn nữa: có bị đánh đập không? Ai gây ra điều đó? Điều gì đang xảy ra? Anh quyết lấy hết can đảm hỏi thẳng cô. Anh vẫn làm như mọi khi, đợi cho quán vắng bớt khách trước khi liêu lĩnh bước vào. Rốt cuộc khi anh bước được vào thì Jenny đang bận dọn bàn.

– Chào Jenny, anh nói, tim đập thình thịch.

– Chào Travis.

– Khỏe không?

– Khỏe.

– Kể từ sau vũ hội, bọn mình chẳng có mấy dịp gặp nhau, anh nói.

– Ở đây, mình bận lắm.

– Mình muốn nói mình rất hạnh phúc khi được là bạn nhảy của cậu...

– Cảm ơn Travis.

Cô có vẻ rất bận rộn.

– Jenny, thời gian gần đây, bạn có vẻ lạnh lùng với mình.

– Không. Travis... Mình... Không có gì liên quan tới bạn cả.

Cô nghĩ tới Harry; cô nghĩ đến anh cả ngày lẫn đêm. Tại sao anh xưa đuổi cô? Cách đây vài ngày, anh tới đây cùng với Elijah Stern, hầu như anh không hề nói nửa lời với cô. Chính cô thấy rõ thậm chí anh còn cười khẩy khi nói điều gì đó liên quan tới cô.

– Jenny, cậu có vẻ lo lắng. Cậu biết là có thể nói với mình mọi chuyện.

– Mình biết. Cậu quá tốt với mình, Travis ạ. Bây giờ mình phải dọn xong cái bàn này.

Cô quay đầu đi về phía nhà bếp.

– Jenny, đợi đã, Travis nói.

Anh nắm lấy khuỷu tay cô. Hành động của anh nhẹ nhàng nhưng Jenny kêu văng lên, thả rơi chồng đĩa đang cầm trong tay xuống đất vỡ tan tành. Anh vừa chạm vào chỗ đau đã chuyển thành một mảng lớn màu tái xanh bên cánh tay phải của cô kể từ khi bị Luther siết chặt. Mặc dù trời nóng, cô vẫn mặc áo dài tay để giấu đi vết bầm.

– Thật sự, mình vô cùng xin lỗi, Travis vội vàng cúi xuống nhặt các mảnh vỡ dưới đất.

– Không phải tại cậu.

Anh vào bếp lấy cây chổi quét phòng. Khi anh quay trở lại, cô đang xắn tay áo lên để rửa tay, vậy nên anh nhìn thấy vết bầm xanh phía trên cổ tay của cô.

– Cái gì thế này? Anh hỏi

– Không có gì, hôm trước, mình đập phải cánh cửa.

– Đập vào cánh cửa á? Đừng bịa chuyện như thế với mình chứ! Travis phát cáu. Chắc chắn ai đấy đánh cậu! Ai đánh cậu?

– Không quan trọng.

– Tất nhiên là quan trọng! Mình yêu cầu nói cho mình biết, ai đánh cậu đau như thế. Nói cho mình biết, mình không đi khỏi đây khi chưa biết tên đó.

– Đó là... Luther Caleb, lái xe của Stern. Anh ta...Sáng hôm đó, anh ta tức giận. Anh ta túm lấy cổ tay mình làm mình đau. Nhưng anh ta không cố tình. Anh ta không ý thức hết được sức mạnh của mình.

– Chuyện này rất nghiêm trọng, Jenny ạ! Rất nghiêm trọng!
Nếu hắn quay trở lại đây, cậu phải báo cho mình ngay lập tức!

* * *

Ngày 20 tháng Tám năm 1975

Trên con đường đến Goose Cove, nàng vừa đi vừa hát. Nàng cảm thấy tâm trạng nhẹ nhàng, vui vẻ: Mười ngày nữa, họ sẽ cùng nhau bỏ đi. Mười ngày nữa, nàng sẽ bắt đầu được sống thực sự. Nàng đếm từng đêm rồi đếm từng ngày: thời điểm tới rất gần rồi. Khi thoáng nhìn thấy ngôi nhà nằm ngay cạnh con đường rải sỏi, nàng rảo bước vì quá nóng lòng muốn nhìn thấy Harry. Nàng không nhận thấy có bóng người lẩn giữa lùm cây quan sát nàng. Nàng vào nhà qua lối cửa chính, không bấm chuông, giống như dạo này ngày nào nàng cũng làm như vậy.

– Harry yêu quý! Nàng cất tiếng gọi để anh biết nàng tới.

Không có tiếng trả lời. Có vẻ không có người trong nhà. Nàng lại gọi tiếp. Vẫn hoàn toàn im lặng. Nàng đi qua phòng ăn và phòng khách để tìm anh. Anh cũng không có trong phòng làm việc. Cũng không có ngoài hiên. Nên nàng đi theo cầu thang xuống tận bờ biển và gọi tên anh. Có thể anh đi bơi chăng? Khi làm việc quá nhiều, anh thường đi bơi. Nhưng trên bãi biển cũng không có anh. Nàng cảm thấy một nỗi sợ hãi xâm chiếm: anh có thể đi đâu được nhỉ? Nàng quay vào nhà, tiếp tục gọi. Không có ai. Nàng đi qua khắp một lượt tất cả các phòng ở tầng trệt rồi trèo lên gác. Khi mở cửa phòng ngủ, nàng thấy anh ngồi trên ghế, đang đọc một tập các trang giấy dính lại với nhau.

– Harry, anh ở đây à? Em tìm anh khắp nơi từ hơn mười phút rồi...

Anh giật mình khi nghe tiếng nàng.

– Xin lỗi, Nola, anh mãi đọc, anh không nghe thấy gì.

Anh đứng dậy, nhét cả tập giấy đang cầm trên tay vào trong ngăn kéo tủ. Nàng mỉm cười:

– Anh đọc gì mà say sưa đến nỗi không nghe cả tiếng em gọi vang nhà?

– Không có gì quan trọng đâu.

– Là đoạn tiếp theo của cuốn tiểu thuyết phải không? Cho em xem nào !

– Không có gì quan trọng đâu, khi nào có dịp, anh sẽ cho em xem.

Nàng nhìn anh vẻ tinh nghịch:

Anh có chắc là mọi thứ đều ổn không, Harry?

– Mọi thứ đều ổn, Nola.

Họ cùng nhau ra bãi biển. Nàng muốn xem những chú chim mòng biển. Nàng xòe rộng đôi tay, cứ như thể có cánh, vừa chạy vừa vẽ những vòng tròn rộng.

– Em ước có thể bay được, Harry! Chỉ còn đúng mười ngày nữa. mười ngày nữa chúng ta sẽ cất cánh! Chúng ta rời xa vĩnh viễn thành phố bất hạnh này!

Họ những tưởng chỉ có mình họ trên bãi biển. Cả Nola và Harry đều không hề ngờ Luther Caleb đang quan sát họ từ trong rừng, phía trên mấy tầng đá to. Hắn đợi cho cả hai quay trở vào nhà rồi mới ra khỏi chỗ nấp, chạy trên con đường nhỏ từ Goose Cove, tiến tới chiếc Xe Mustang đang đỗ trên con đường rừng chạy song song. Hắn lái xe tới Aurora và đó trước tiệm Clark's. Hắn vội vàng đi vào trong, hắn phải nói chuyện với Jenny bằng được. Phải có ai đó biết chuyện. Hắn có linh

cảm chẳng lành. Nhưng Jenny lại không hề muốn gặp Luther.

– Luther, anh không được đến đây. Cô nói khi nhìn thấy hắn xuất hiện ở quầy bar.

– Venny... phôi phát tiéc vì phuyện sáng phôm nọ. Nhẽ ra phôi không nên túm cánh tay cô.

– Sau đó tay tôi bị thâm đen

– Phôi phát tiéc.

– Bây giờ anh phải đi khỏi đây ngay.

– Không, đợi đã...

– Tôi sẽ kiện anh đây, Luther. Travis nói nếu anh còn quay trở lại thành phố, tôi phải gọi anh ấy và anh sẽ gặp chuyện đây. Tốt nhất anh nên đi khỏi đây trước khi anh ấy thấy.

Gã khổng lồ Luther vẻ mặt thất thần.

– Phế cô đã phien phôi à?

– Đúng thế. Sáng hôm vừa rồi, anh làm tôi hãi hùng...

– Nhưng phôi phải nói với cô một phuyện rất quan trọng.

– Không có gì quan trọng cả, Luther. Đi ngay khỏi đây.

– Phuyện về Harry Quebert...

– Harry?

– Đúng vậy, phây nói cho phôi biết, cô nghĩ phế phào về Harry Quebert?

– Tại sao anh lại nói với tôi về anh ấy?

– Cô có phin phưởng anh ta phông?

– Tin tưởng? Có, tất nhiên rồi. Tại sao anh lại hỏi như vậy?

– Phôi cần phải phói với có điều này...

– Là điều gì thế?

Đúng lúc Luther định trả lời, một chiếc xe cảnh sát xuất hiện

đổi diện tiệm Clark's.

– Travis đây! Jenny kêu lên. Chạy mau đi Luther! Tôi không muốn anh gặp rắc rối.

Ngay lập tức Caleb bỏ chạy. Jenny thấy Luther lên xe ô tô và khởi động rất nhanh. Vài giây sau, Travis Dawn vội vàng bước vào.

– Có phải Luther Caleb vừa ở đây không? Anh ta hỏi.

– Đúng vậy, Jenny trả lời. Nhưng anh ta không làm gì cả. Anh ta là người tử tế mà, mình tiếc đã kiện anh ta.

– Mình đã nói là phải báo cho mình biết cơ mà! Không ai được phép giơ tay lên đánh cậu! Không ai hết.

Travis vội vàng chạy trở ra. Jenny chạy theo, chặn anh ta trên vỉa hè.

– Mình xin cậu, Travis, đừng gây chuyện với anh ta! Mình xin cậu. Mình nghĩ bây giờ anh ta đã hiểu ra rồi.

Travis nhìn cô và như bất ngờ hiểu ra điều gì. Thôi đúng rồi, đây chính là lí do tại sao thời gian gần đây, Jenny lại thờ ơ với anh.

–Ồ, không, Jenny... đừng có bảo là

– Là gì?

– Cậu thích thằng điên này à?

– Cái gì? Cậu nói linh tinh gì thế?

– Trời ơi! Sao mình ngu đến thế cơ chứ!

– Không, Travis, cậu lắm nhảm gì thế.

Anh bỏ ngoài tai, nhảy lên ô tô, khởi động máy như một thằng điên, bật đèn hụ và hú còi âm ỉ.

Trên đường 1, ngay trước đường Side Creek một chút, Luther nhìn vào gương chiếu hậu phát hiện xe cảnh sát đang đuổi theo.

Hắn dừng lại bên đường. Hắn run sợ. Travis, như điên dại, nhảy ra khỏi xe. Hàng nghìn suy nghĩ quay cuồng trong đầu anh ta: làm sao con quỷ này lại có thể hấp dẫn Jenny? Làm sao cô ta lại thích hắn hơn anh? Anh làm mọi thứ vì cô, ở lại Aurora để được ở gần cô, thế mà lại bị con quỷ này qua mặt. Anh ra lệnh cho Luther xuống xe và nhìn xoáy hắn từ đầu tới chân.

– Đồ vô lại, mày gây họa cho Jenny phải không?

– Không, Travis. Phôi thề với anh, phôi không phải như anh nghĩ.

– Tao đã thấy vết thâm trên tay cô ấy.

– Phôi không làm chủ được. Phôi phục sự hồi hận. Phôi không muốn phuyện xác xối.

– Không muốn chuyện rắc rối? Chính mày gây ra rắc rối! Mày đã ngủ với cô ấy phải không?

– Gì?

– Jenny và mày đã ngủ với nhau phải không?

– Không! Không!

– Tao...Tao làm tất cả để cô ấy được hạnh phúc, còn mày lại là kẻ nhảy lên cô ta hả? Mẹ kiếp, mọi thứ sao lại đảo lộn hết như thế?

– Travis... Phòan phòan không phải như anh nghĩ.

– Câm miệng! Travis kêu lên đồng thời túm cổ Luther, vật hắn xuống đất.

Viên cảnh sát không ý thức mình đang làm gì, anh ta chỉ nghĩ tới việc bị Jenny xua đuổi và cảm thấy nhục nhã, đáng thương. Anh ta cũng cảm thấy vô cùng giận dữ. Đến lúc cảm thấy buồn chán khi dậm mãi chân trên người Luther, Travis mới nghĩ đã đến lúc phải cư xử như một con người. Nghĩ vậy,

anh ta tháo dùi cui giắt bên thắt lưng, giơ cao lên và bằng một động tác điên dại, đập túi bụi lên người Luther một cách hung bạo.

15

Trước cơn bão

“Thầy thầy thế nào?”

– Cũng không đến nỗi tệ. Nhưng tôi nghĩ, anh quá chú trọng ngôn từ.

– Ngôn từ? Nhưng lúc viết, thì ngôn từ rất quan trọng, không phải vậy ạ?

– Có và không. Nghĩa của từ quan trọng hơn là bản thân ngôn từ.

– Thầy muốn nói gì?

– Tức là, một từ là một từ, còn tất cả các từ là của chung mọi người. Anh chỉ cần mở từ điển ra, chọn lấy một từ. Chính lúc đó nó mới trở nên hấp dẫn: anh có đủ khả năng mang lại cho từ đó một ý nghĩa riêng không?

– Nghĩa là thế nào ạ?

* * *

– Cứ lấy bất kì một từ rồi đặt nó ở trong một cuốn sách của anh. Chọn một từ bất kì, ví dụ mòng biển. Thế là mỗi khi nói đến anh, người ta bảo: “À, anh biết đó, Goldman là tay nhà văn viết về mòng biển”. Rồi sau đó sẽ có lúc họ nhìn thấy bọn mòng biển, khi đó họ bỗng nhiên nghĩ đến anh. Họ ngắm nhìn những chú chim đang kêu chí choé và nói: “Không biết Goldman có nhìn thấy mấy con mòng biển này không”. Rồi sau đó mọi

người đồng nhất mòng biển với Goldman. Mỗi khi nhìn thấy mòng biển, họ sẽ nghĩ đến cuốn sách của anh và toàn bộ công trình của anh. Họ không còn nhìn nhận những chú mòng biển theo cách như trước nữa. Chỉ vào lúc đó, anh mới biết rằng anh đã viết được một cái gì đó. Ngôn từ là cái thuộc về tất cả mọi người đến tận khi anh chứng minh được rằng anh có khả năng thuần hóa nó. Đó chính là cái để định nghĩa nhà văn. Anh sẽ thấy, Marcus ạ. một số người muốn thuyết phục anh tin rằng sách là mối liên hệ với các từ ngữ, nhưng sai, sách là mối liên hệ với con người”.

Thứ Hai ngày 7 tháng Bảy năm 2008, Boston, Massachusetts

Bốn ngày sau khi bắt giam Cảnh sát trưởng Pratt, tôi gặp Roy Barnaski trong triển lãm tư nhân ở khách sạn Plaza tại Boston để kí hợp đồng xuất bản có trị giá một triệu đô la cho cuốn sách tôi viết về vụ án Harry Quebert. Douglas cũng có mặt; anh ta lộ rõ vẻ nhẹ nhõm khi thấy tình hình của tôi rất cuộc có cái kết tốt đẹp.

– Tình thế hoàn toàn thay đổi, Barnaski nói. Goldman vĩ đại rất cuộc cũng quay trở lại làm việc. Xin mọi người một tràng pháo tay!

Tôi im lặng, chỉ lẳng lẳng rút tập giấy ra khỏi cặp và đưa cho ông ta. Barnaski nở nụ cười rạng rỡ:

- Ái chà, đây là 50 trang tuyệt hảo đầu tiên của cuốn sách
- Đúng vậy.
- Anh cho phép tôi mấy phút để ngó qua nhé.
- Xin cứ tự nhiên.

Douglas và tôi rời khỏi phòng để ông ta được yên tĩnh đọc. Chúng tôi đi xuống quầy bar của khách sạn gọi bia nâu sủi bọt.

- Mọi chuyện ổn chứ, Marc, Douglas hỏi tôi.

– Điều ổn cả. Bốn ngày gần đây như điên.

Anh ta lắc đầu, tán thêm:

– Toàn bộ câu chuyện này hoàn toàn điên rồ! Cuốn sách của cậu sẽ mang lại thành công mà cậu không tưởng tượng nổi đâu. Barnaski biết điều đó, chính vì vậy mà ông ta tặng cho cậu cả núi tiền. Nhưng một triệu đô chẳng thấm tháp gì so với số tiền ông ta thu được. Cậu phải biết: ở New York, ai cũng chỉ nói đến mỗi vụ này. Các xưởng phim bắt đầu bàn chuyện làm phim rồi, còn tất cả các nhà xuất bản đều muốn xuất bản sách về Quebert. Nhưng họ biết rằng người duy nhất thực sự có thể viết sách, đó là cậu. Cậu là người duy nhất quen biết Harry, cậu là người duy nhất biết Aurora từ bên trong. Barnaski muốn tóm được cuốn truyện trước tất cả mọi người: ông ta bảo nếu chúng ta là những người đầu tiên xuất bản thì Nola Kellergan có thể trở thành một thương hiệu mà nhà xuất bản Schmid & Hanson sẽ đăng kí bản quyền.

– Riêng cậu nghĩ thế nào về chuyện này? Tôi hỏi.

– Tớ nghĩ làm nhà văn thật là một cuộc phiêu lưu tuyệt vời. Một cách đẹp đẽ để có thể hơi hơi chống lại những điều tồi tệ mà người ta đang nói về Quebert. Bảo vệ ông ta chính là ước nguyện từ đầu của cậu, đúng không?

Tôi đồng tình. Tôi ngẩng lên nhìn trên đầu, phía cầu thang, nơi Barnaski đang ngồi khám phá một phần câu chuyện của tôi mà các sự kiện xảy ra trong những ngày gần đây đã làm cho nó dày thêm nhiều.

* * *

Ngày 3 tháng Bảy năm 2008, bốn ngày trước khi ký hợp đồng

Lúc đó là vài giờ trước khi bắt Cảnh sát trưởng Pratt. Tôi trở về Goose Cove từ nhà tù bang, nơi Harry vừa mới mất tất cả chỗ dựa tinh thần suýt nữa ném cả ghế vào mặt tôi sau khi nghe tôi kể về một bức tranh bán khỏa thân của Nola tại nhà Elijah Stern. Tôi đỗ xe phía trước nhà và khi xuống khỏi ô tô, tôi phát hiện ra ngay mẫu giấy kẹp giữa cửa ra vào: lại một bức thư nữa. Nhưng lần này, giọng điệu đã thay đổi:

Goldman, đây là lần cảnh báo cuối cùng.

Tôi chẳng để tâm: lần đầu tiên hay là lần cuối cùng, thì có thay đổi được gì? Tôi vứt mẫu giấy vào thùng rác trong bếp và bật vô tuyến. Các kênh truyền hình chỉ thông tin mỗi việc Cảnh sát trưởng Pratt bị bắt: một số người thậm chí còn đặt nghi vấn về những cuộc điều tra do chính ông ta phụ trách vào thời đó, đồng thời nghi ngờ rằng vị cựu đội trưởng đội cảnh sát này đã cố tình lãng quên vụ án Nola.

Ngày dần tàn, đêm xuống hứa hẹn một vẻ đẹp dịu dàng; đáng lẽ trong buổi tối mùa hè như thế này, phải cùng bạn bè thả sức uống bia và nhậu những tảng đùi cừu to trên giàn nướng. Tôi không có bạn bè, nhưng tôi nghĩ mình có thịt bò và bia. Tôi vào bếp, mở tủ lạnh nhưng trong đó trống rỗng: tôi đã quên không đi chợ. Chính tôi đã quên bản thân tôi. Tôi nhận ra mình cũng có cái tủ lạnh của Harry: cái tủ lạnh của người đàn ông cô độc. Tôi gọi điện thoại đặt một chiếc bánh pizza. Khi người giao hàng tới, tôi mang chiếc bánh ra ngoài hiên ngồi ăn. Ít nhất thì tôi cũng đã có một mái hiên và một bãi biển trước mặt: tôi chỉ còn thiếu mỗi lò nướng thịt, bạn bè và cô bạn gái để buổi tối trở thành hoàn hảo. Chính lúc đó, tôi nhận được cú điện thoại của một trong số vài người bạn hiếm hoi nhưng từ lâu không có tin tức gì: Douglas.

– Marc, có gì mới không?

– Có gì mới không à? Đã hai tuần tôi không nhận được tin tức gì của ông! Ông biến đi đằng nào thế? Ông là đại diện cho tôi, có phải thế không đồ cứt đá?

– Tôi biết rồi, Marc. Tôi rất tiếc. Tình hình bây giờ khó quá đi. Ý tôi muốn nói giữa cậu và tôi. Nhưng nếu cậu vẫn muốn tôi làm đại diện cho cậu, thì tôi rất vinh hạnh tiếp tục hợp tác.

– Thì tất nhiên rồi. Mình chỉ có một điều kiện: cậu tiếp tục đến nhà mình để cùng xem giải vô địch bóng rổ.

Anh ta cười.

– Được đây. Cậu lo vấn đề bia còn tôi sẽ lo món ngô nấu phô mát.

– Barnaski đưa cho mình một hợp đồng béo bở, tôi nói.

– Tôi biết rồi. Ông ta đã nói với tôi. Thế cậu chấp nhận chứ?

– Chắc là chấp nhận thôi.

– Barnaski rất phấn khích. Ông ta muốn gặp cậu càng sớm càng tốt.

– Gặp tôi làm gì?

– Để ký hợp đồng.

– Đã ký rồi cơ á?

– Ừ. Tôi nghĩ ông ta muốn yên tâm là cậu nhanh chóng bắt tay vào việc. Kì hạn sẽ rất ngắn nên cần phải viết nhanh. Ông ta hoàn toàn bị chiến dịch bầu cử tổng thống ám ảnh. Cậu thấy sẵn sàng chưa?

– Sẽ ổn thôi. Mình bắt đầu viết rồi. Nhưng mình còn chưa biết nên làm thế nào, có nên kể hết những điều mình biết hay không. Có kể việc Harry định bỏ trốn với đứa con nít đó? Doug à, câu chuyện này đúng hoàn toàn như mê sảng. Mình nghĩ cậu còn chưa ý thức hết được chuyện này.

– Sự thật thôi Marc ạ. Cậu cứ đơn giản kể hết sự thật về Nola Kellergan.

– Thế nếu sự thật có hại cho Harry thì sao?

– Nói lên sự thật là trách nhiệm của cậu với tư cách là một nhà văn. Ngay cả khi sự thật có khó khăn đến mấy. Đây là lời khuyên của tớ với tư cách là một người bạn.

– Thế còn lời khuyên của cậu với tư cách là đại diện?

– Lưu ý đặc biệt để bảo vệ cho cái thân cậu: tránh kết thúc mọi chuyện bằng kiện tụng vì ở bang New Hampshire này, số lượng các vụ án bằng số dân đấy. Ví dụ như cậu nói với tớ là cô bé này bị bố mẹ đánh đập phải không?

– Đúng rồi, bị mẹ đánh đòn.

– Thế thì cậu chỉ nên viết rằng Nola là một bé gái bất hạnh, bị đối xử không tốt. Chỉ cần viết thế, mọi người sẽ hiểu chính bố mẹ cô bé là những người chịu trách nhiệm về các hành vi đối xử tàn bạo này, nhưng điều này không được viết ra cụ thể như vậy, sẽ chẳng có ai kiện cậu được.

– Nhưng người mẹ đóng vai trò quan trọng trong chuyện này.

– Lời khuyên với tư cách là người đại diện nhé Marc: cậu cần phải có bằng chứng chắc như bê tông khi kết tội người khác, nếu không thì cậu chỉ có suốt đời đi hầu tòa. Mà tớ nghĩ mấy tháng gần đây, cậu đã bị cứt ngập đầu rồi. Phải tìm được nhân chứng đáng tin cậy để khẳng định giúp cậu rằng người mẹ là kẻ vô giáo dục nhất, thường xuyên đánh đập con gái, nếu không cậu chỉ nên dừng lại ở chỗ bé gái bất hạnh và bị đối xử tàn tệ. Như vậy chúng ta cũng tránh được việc bị luật sư bắt ngừng bán cuốn sách lại vì lí do bôi nhọ. Trái lại, về phía Cảnh sát trưởng Pratt, tất cả mọi người đều đã biết việc ông ta làm, nên

cậu có thể đi thẳng vào những chi tiết kinh tởm nhất. Như vậy sách sẽ bán chạy hơn.

Barnaski đề nghị gặp chúng tôi vào thứ Hai ngày 7 tháng Bảy tại Boston, một nơi tiện nhất cách New York một giờ bay và cách Aurora hai giờ ô tô. Tôi đã chấp nhận lời đề nghị. Như vậy, tôi có bốn ngày vắt chân lên cổ mà viết để có vài chương đưa cho ông ta.

– Cứ gọi điện cho tớ khi cậu cần bất cứ điều gì, Douglas còn nói thêm trước khi dập điện thoại.

– Được, cảm ơn cậu, Douglas, đợi đã...

– Ừ, gì cơ?

– Cậu sẽ làm cả mojito^[8] nữa chứ, cậu nhớ chứ?

Tôi nghe thấy cậu ta cười.

– Nhớ chứ, nhớ chứ.

– Hồi đó thật tuyệt, phải không?

– Lúc nào cũng tuyệt mà, Marc. Cuộc sống của chúng ta lúc nào cũng tuyệt mà, ngay cả khi có đôi lúc khó khăn.

* * *

Ngày 1 tháng Mười hai năm 2006, thành phố New York

– Doug, cậu có thể làm thêm mojito nữa không?

Đằng sau bàn bếp, Douglas đeo tạp dề để lộ cơ thể trần giống hệt đàn bà, rú lên một tiếng như sói gầm, chộp ngay lấy chai rượu rum và đổ hết vào trong chiếc hộp trộn đầy đá.

Lúc đó là ba tháng sau khi cuốn sách đầu tiên của tôi xuất bản; sự nghiệp của tôi đang trên đỉnh cao vinh quang. Đây là lần thứ năm trong vòng ba tuần, kể từ khi tôi chuyển đến ở

trong căn hộ của khu Village, tôi tổ chức tiệc tùng tại nhà. Cả tá người đang ngồi trong phòng khách tôi còn không biết đến một phần tư trong số họ. Nhưng tôi vô cùng thích thú. Douglas lo tưới các vị khách mời bằng mojito còn tôi thì chịu trách nhiệm làm món *white russian*, đó là món cocktail duy nhất mà tôi cho là đáng uống.

– Buổi tối thật tuyệt vời, Douglas nói với tôi. Có phải ông gác cổng đang nhảy trong phòng khách nhà cậu không đây?

– Đúng, mình mời ông ấy đấy.

– Có cả Lydia Gloor nữa kìa, mẹ kiếp! Cậu có nhận ra không? Lydia Gloor trong căn hộ của cậu kìa!

– Lydia Gloor là ai thế?

– Mẹ kiếp, Marc, cậu phải biết chứ! Diễn viên nổi nhất bây giờ mà. Cô ta đóng trong bộ phim truyền hình nhiều tập mà bây giờ ai cũng xem...Ờ thì hình như chỉ trừ có cậu. Cậu làm thế nào mà mời được cô ta tới đây?

– Tôi chẳng biết. Mọi người tới bấm chuông và tôi chỉ có việc mở cửa thôi. *Mi casa es tu casa!*^[9]

Tôi quay lại phòng khách cùng với với khay thức ăn khai vị và những chiếc hộp trộn cocktail. Tôi thấy tuyết đang rơi bên ngoài cửa sổ, bất chợt tôi muốn ra ngoài hít thở không khí tự do. Tôi mặc mỗi sơ mi và ra ngoài ban công đứng; trời lạnh cóng. Tôi chiêm ngưỡng New York quá rộng lớn trước mặt, hàng triệu những ánh điện sáng ngút tầm mắt. Tôi hét lên bằng tất cả sức lực: “Tôi là Marcus Goldman!” Đúng lúc đó, tôi nghe thấy giọng nói phía sau : một cô gái tóc vàng trạc tuổi tôi xuất hiện: Marcus Goldman, điện thoại của anh đổ chuông, cô nói với tôi. Gương mặt của cô ấy không phải là không quen.

– Tôi gặp cô ở đâu đấy rồi phải không? Tôi hỏi cô ta.

- Chắc hẳn là ở trên vô tuyến.
- Ra cô là Lydia Gloor
- Đúng rồi.
- Ôi, tôi xin lỗi.

Tôi nói cô ấy đợi tôi trên ban công, còn mình thì vội vàng trả lời điện thoại.

- A lôi
- Marcus à, Harry đây.
- Harry, thật vui khi được nghe giọng thầy! Thầy có khỏe không ạ?

- Không tôi... Thầy chỉ muốn gọi chào anh một câu thôi. Thầy nghe có rất nhiều tiếng ồn phía sau anh...Anh đang đông khách à...Có thể thầy gọi không đúng lúc

- Em đang tổ chức một buổi tiệc nhỏ. Tại căn hộ mới của em.
- Anh không ở Montclair nữa ư?
- Vâng, em mua một căn hộ mới tại khu Village. Từ bây giờ em sống ở New York! Thầy dứt khoát phải đến đây xem, nhà em có góc nhìn rộng lớn tới nghẹt thở.

- Tôi chắc vậy! Tóm lại là có vẻ anh đang rất vui thú, thầy mừng cho anh. Chắc anh phải có nhiều bạn lắm...

- Hàng tấn thầy ạ! Không phải chỉ có vậy thôi đâu: thầy biết không, có cả một cô diễn viên đẹp dã man đang đợi em trên ban công. Ha ha, em thật không thể tin được! Cuộc đời quá đẹp, thầy Harry. Cực kỳ đẹp! Thế còn thầy, thầy làm gì tối nay?

- Thầy ... Thầy cũng tổ chức một bữa liên hoan nho nhỏ. Mấy người bạn, thịt nướng và bia. Còn đòi hỏi gì hơn nữa? Ở đây cũng rất vui, chỉ còn thiếu có mỗi anh thôi. Ồ, có người đang bấm chuông Marcus ạ. Chắc mấy khách mời khác nữa

đến. Tôi phải cúp máy để ra mở cửa đây. Không biết trong nhà tôi có đủ chỗ ngồi không, nhưng mà có Chúa biết ngôi nhà này quá rộng!

– Chúc thầy một buổi tối thật đẹp, Harry. Chúc thầy vui vẻ. Em sẽ gọi lại cho thầy ạ.

Tôi quay ra ngoài ban công: chính từ buổi tối hôm đó, tôi bắt đầu đi lại với Lydia Gloor, người mà mẹ tôi sau này lúc nào cũng gọi là “diễn viên truyền hình”.

Tại Goose Cove, Harry ra mở cửa: đó là người giao bánh pizza. Ông nhận bánh rồi ngồi phía trước màn hình vô tuyến, vừa xem tivi vừa ăn tối.

Như đã hứa, tôi gọi lại cho Harry sau buổi tối liên hoan hôm đó...Nhưng cộng thêm một năm sau đó. Đó là vào tháng Hai năm 2008.

– A lô?

– Thầy Harry, Marcus đây ạ.

– Ồ, Marcus đây à! Anh Marcus gọi điện cho thầy đây ư? Không thể tin được. Từ khi anh trở thành sao thì anh chẳng tin tức gì cho tôi cả. Cách đây một tháng, tôi đã cố gắng gọi điện cho anh, nhưng chỉ gặp thư kí của anh nói rằng, anh không muốn gặp ai cả.

Tôi trả lời ngay lập tức:

– Mọi chuyện tôi tệ lắm thầy Harry ơi. Em nghĩ em không còn là nhà văn nữa.

Ông lấy lại ngay giọng nghiêm túc:

– Có chuyện gì vậy hả Marcus?

– Em không biết viết gì, đời em xong rồi thầy ơi. Toàn những trang trắng. Nhiều tháng rồi thầy ạ. Đến cả một năm trời rồi ạ.

Ông phá lên cười trấn an tôi, thật nông hậu.

– Tinh thần tắc tị hả Marcus, người ta gọi vấn đề này như vậy đó. Những trang trắng cũng ngu xuẩn như hiện tượng bất lực tạm thời về tình dục: đó là nỗi sợ của thiên tài, nỗi sợ đó làm chân giữa của anh mềm oặt ra như bún trong khi anh định chơi trò bắn pháo với cô nàng thần tượng anh và định mang đến cho cô nàng một cơn khoái cảm phải đo bằng độ Richter. Đừng lo lắng gì về tài năng Marcus ạ, hãy tự bằng lòng với việc xếp các con chữ lại cùng nhau. Lúc đó tài năng sẽ lại tự xuất hiện.

– Thầy nghĩ vậy ạ?

– Hẳn nhiên rồi. Nhưng anh cần phải bỏ bớt những đêm hội hè đình đám. Viết lách là chuyện nghiêm túc. Tôi đã chỉ bảo anh điều đó từ lâu.

– Em luôn nỗ lực làm việc mà. Em chỉ có làm việc và làm việc. Dù vậy, em vẫn chẳng làm được gì.

– Vậy thì chắc có lẽ anh chưa có một môi trường thuận lợi. New York đẹp đấy, nhưng lại quá ồn ào. Sao anh không đến chỗ tôi, ở nhà tôi, như cái thời anh còn là sinh viên của tôi ấy?

* * *

Ngày 4 đến ngày 6 tháng Bảy năm 2008.

Trong suốt mấy ngày trước cuộc hẹn với Barnaski ở Boston, cuộc điều tra của tôi tiến triển vô cùng ngoạn mục.

Mới đầu, Cảnh sát trưởng Pratt bị buộc tội vì có hành vi tình dục với bé gái vị thành niên dưới mười sáu tuổi, đã được thả ra ngay ngày hôm sau. Hiện ông ta đang ở tạm trong nhà nghỉ ở

Montburry; trong khi đó bà Amy đã bỏ thành phố đến sống với chị gái ở bang khác. Theo đội cảnh sát hình sự, không chỉ có bà Tamara Quinn đã cho Pratt xem tờ giấy viết tay về Nola mà bà tìm thấy tại nhà Harry, mà cả Nancy Hattaway cũng thông báo với ông ta những điều cô biết về Elijah Stern. Lí do khiến Pratt cố tình lờ đi hai hướng điều tra này vì ông ta lo sợ chính Nola đã kể chuyện giữa cô bé và ông ta với hai người đàn ông này. Ông ta không muốn gặp rủi ro khi phải hỏi cung họ. Tuy nhiên, ông ta thề không hề dính líu đến cái chết của Nola và Deborah Cooper, rằng ông ta đã chỉ đạo cuộc điều tra theo đúng cách.

Trên cơ sở những tuyên bố này, Gahalowood đã thuyết phục được Văn phòng công tố kí lệnh khám nhà của Elijah Stern. Việc này được thực hiện vào sáng thứ Sáu ngày 4 tháng Bảy, đúng vào Ngày Quốc khánh. Bức tranh Nola được tìm thấy trong xưởng và bị tịch thu. Elijah Stern bị giải về trụ sở cảnh sát để hỏi cung, nhưng ông ta không bị buộc tội gì...Tuy nhiên, những tin tức nóng hổi này lại làm tăng thêm sự tò mò trong dư luận quần chúng: sau vụ bắt giam nhà văn nổi tiếng Harry Quebert và cựu Cảnh sát trưởng Gareth Pratt, người đàn ông giàu và uy lực nhất bang New Hampshire cũng có dính líu đến cái chết của cô bé Kellergan.

Gahalowood kể cho tôi bản hỏi cung Stern một cách chi tiết. “Một tay hết sức đặc biệt”, Gahalowood nói: “Ông ta giữ bình tĩnh tuyệt đối thậm chí ông ta ra lệnh cho cả đội ngũ các luật sư của ông ta đứng đợi ở bên ngoài phòng. Sự hiện diện của ông ta, ánh mắt xanh ngắt màu kim loại của ông ta khiến tôi gần như cảm thấy lúng túng. Chúa mới biết tại sao tôi lại bị nao núng như thế. Tôi chỉ cho ông ta bức tranh và ông ấy khẳng định luôn rằng đó chính là Nola”.

– Tại sao ông lại có bức tranh này ở nhà? Gahalowood hỏi.

- Stern trả lời cứ như thể đây là việc hết sức hiển nhiên.
- Bởi vì nó thuộc sở hữu của tôi. Trong bang này có luật cấm treo tranh trên tường à?
- Không phải, nhưng bức tranh vẽ một bé gái bị giết.
- Thế nếu tôi có một bức tranh của John Lennon, ông ta cũng chết vì bị ám sát thì cũng nghiêm trọng à?
- Hãy hiểu rõ ý tôi, ông Stern, bức tranh này ở đâu ra?
- Một trong những người làm công của tôi đã vẽ vào thời đó. Anh ta là Luther Caleb.
- Tại sao anh ta lại vẽ bức tranh này?
- Tại vì anh ta thích vẽ.
- Bức tranh này được vẽ khi nào?
- Mùa hè năm 1975. Vào khoảng tháng Bảy, Tám gì đó, nếu tôi nhớ không nhầm.
- Ngay trước khi cô bé mất tích.
- Đúng vậy.
- Anh ta đã vẽ thế nào?
- Chắc là vẽ bằng bút vẽ.
- Ông đứng giả vờ ngây ngô như thế. Tại sao anh ta biết Nola?
- Tất cả mọi người đều biết Nola ở Aurora. Anh ta lấy cảm hứng từ cô ấy mà vẽ nên bức tranh này.
- Thế ông không thấy bối rối khi trong nhà mình treo bức tranh của một bé gái bị mất tích à?
- Không. Đây là bức tranh đẹp. Người ta gọi đó là “nghệ thuật”. Nghệ thuật đích thực thì làm nhiều người khó chịu. Còn nghệ thuật do đồng thuận chỉ là kết quả của sự thoái hóa

của một thế giới thối nát chỉ đúng về mặt chính sách.

– Ông có ý thức rằng sở hữu một tác phẩm hội họa, vẽ bé gái mới có mười lăm tuổi khỏa thân có thể khiến ông gặp phiền phức không, thưa ông Stern?

– Khỏa thân ư? Chẳng ai nhìn thấy bầu ngực cũng như các bộ phận sinh dục khác của cô ta.

– Nhưng rõ ràng là cô ấy khỏa thân.

– Anh có sẵn sàng bảo vệ quan điểm của mình trước tòa án không, trung sĩ? Bởi vì anh sẽ bị thua, và anh cũng như tôi, biết rõ điều đó.

– Tôi chỉ đơn giản muốn biết tại sao Luther Caleb lại vẽ Nola Kellergan?

– Tôi đã nói với ông rồi: anh ta rất thích vẽ.

– Ông có biết Nola Kellergan không?

– Chút ít, cũng như tất cả những người khác ở Aurora.

– Chỉ chút ít thôi ư?

– Chỉ chút ít thôi.

– Ông nói dối, ông Stern. Tôi có nhân chứng khẳng định rằng ông có quan hệ với cô ấy. Ông buộc cô ta tới nhà ông.

Stern phá lên cười:

– Anh có bằng chứng về những gì anh vừa nói không đấy? Tôi nghi ngờ điều đó vì nó không đúng. Tôi chưa bao giờ chạm vào bé gái này. Hãy nghe đây, trung sĩ, tôi cảm thấy ái ngại cho anh: cuộc điều tra của anh rõ ràng là đang dẫm chân tại chỗ. Còn anh thật sự không biết cách đặt câu hỏi. Vậy để tôi giúp anh nhé: chính Nola Kellergan đã tới gặp tôi. Một hôm cô ấy tới tận nhà tôi, cô ấy bảo cô ấy cần tiền. Cô ấy chấp nhận làm mẫu để vẽ tranh.

– Ông trả tiền cho cô ấy để cô ấy ngồi làm mẫu à?

– Đúng vậy. Luther có năng khiếu hội họa. Một tài năng bẩm sinh. Anh ta vẽ cho tôi rất nhiều tranh đẹp, những khung cảnh ở bang New Hampshire, cảnh cuộc sống hàng ngày của đất nước Mỹ tươi đẹp của chúng ta. Tôi vô cùng cảm động. Đối với tôi, Luther có thể trở thành danh họa lớn của thế kỉ. Tôi nghĩ rằng anh ta có thể làm được điều gì đó lớn lao khi vẽ chân dung của cô gái tuyệt vời này. Bằng chứng là, nếu tôi bán bức tranh này bây giờ, cùng với bao chuyện rác rưởi đang xảy ra xung quanh vụ việc, hẳn là tôi phải kiếm được một vài triệu đô. Anh có biết có nhiều họa sĩ đương đại có khả năng vẽ được những bức tranh giá hai triệu đô hay không?

Stern đã giải thích xong, ông ta tuyên bố đã mất quá nhiều thời gian, việc thu âm ông ấy bây giờ phải chấm dứt. Nói rồi ông ta bỏ đi, cả đoàn luật sư đi theo sau, để lại Gahalowood không còn biết nói câu gì mà lại có thêm một ẩn số nữa cho cuộc điều tra.

– Anh có hiểu thêm ra điều gì không, nhà văn? Gahalowood hỏi tôi sau khi kể xong cuộc hỏi cung Stern. Một hôm, có đứa bé gái mười lăm tuổi tới tận nhà Stern đòi làm mẫu vẽ để kiếm tiền. Anh có tin điều đó không?

– Thật là phi lí. Tại sao cô ta lại cần tiền nhỉ? Để bỏ trốn à?

– Có thể. Thế nhưng cô ta thậm chí không thèm mang theo cả tiền tiết kiệm. Trong phòng riêng của Nola, còn nguyên hộp bánh quy đựng 120 đô tiền tiết kiệm.

– Thế anh làm gì với bức tranh rồi? Tôi hỏi.

– Hiện tại chúng tôi cho vào kho lưu trữ. Đó là một vật chứng.

– Vật chứng để làm gì nếu như Stern không bị buộc tội gì?

– Vật chứng buộc tội Caleb.

– Vậy anh thực sự nghi ngờ hắn à?

– Tôi không biết, nhà văn ạ. Stern liên quan tới bức vẽ, còn Pratt lại liên quan tới hành vi tình dục, nhưng họ có động cơ nào để giết hại Nola kia chứ?

– Sợ cô ta nói ra chuyện? Tôi gợi ý. Có thể cô ấy đe dọa kể hết mọi chuyện, và trong một giây phút lo sợ, một trong hai kẻ đó đã đánh cô ấy đến chết trước khi chôn cô ấy trong rừng.

– Thế thì tại sao lại viết mấy chữ đó trên tập bản thảo? Vĩnh biệt Nola yêu quý, đó là lời của một người yêu cô ấy. Người duy nhất yêu Nola là Quebert. Phải chăng Quebert, khi biết chuyện về Pratt và Stern, thì bùng nổ giận dữ đến mức giết chết Nola? Câu chuyện này rất có thể là một vụ án mạng vì tình. Hơn nữa, đó chính là giả thuyết của anh còn gì.

– Harry phạm pháp rồi gây án mạng vì tình? Không, không thể như thế được. Thế khi nào thì có kết quả phân tích chữ viết chết tiệt kia?

– Nhanh thôi. Chỉ là ngày một, ngày hai, tôi nghĩ vậy, Marcus ạ, tôi phải nói với anh rằng: văn phòng công tố sẽ đưa ra một thỏa thuận cho Quebert, chúng tôi thôi không kết án tử hình ông ta nữa mà sẽ bào chữa cho ông ta được kết tội giết người vì tình. Hai mươi năm tù giam. Nếu ông ta cư xử tốt thì chỉ còn mười lăm năm. Không còn án tử hình nữa.

– Một sự thỏa thuận á? Tại sao lại phải thỏa thuận? Harry không phạm bất kì tội gì hết.

Tôi có cảm giác chúng tôi đã bỏ qua một điều gì đó, một chi tiết quan trọng có thể giải thích mọi việc. Tôi nghiên cứu lại thời gian trước khi Nola mất tích, nhưng không có sự kiện lớn nào cần phải lưu ý trong suốt tháng Tám năm 1975 ở Aurora,

cho tới tận buổi tối ngày 30 tháng 8 định mệnh đó. Nói thật là, khi nói chuyện với Jenny Dawn, Tamara Quinn và một số người dân trong thành phố, tôi có cảm nhận ba tuần cuối cùng của Nola Kellergan trước khi cô ta mất tích là quãng thời gian hạnh phúc. Harry kể cho tôi nghe về các trận đim đầu xuống nước lạnh, Pratt kể cho tôi nghe ông ta đã ép cô ấy phải mút dương vật như thế nào, còn Nancy thì kể cho tôi nghe về những cuộc hẹn điên rồ với Luther Caleb nhưng những lời tuyên bố của Jenny và của Tamara thì lại hoàn toàn khác: theo như họ kể không có gì cho phép nghĩ rằng Nola bị đánh đập hay đang trải qua một cuộc sống bất hạnh. Bà Tamara thậm chí còn nói, chính bà ta còn đề nghị cô ấy tiếp tục phục vụ tại tiệm Clark's bắt đầu từ ngày khai giảng năm học mới và Nola đã chấp nhận. Tôi khá ngạc nhiên khi bản thân tôi đã yêu cầu bà ta khẳng định điều này hai lần. Vậy thì tại sao Nola lại muốn tiếp tục nhận làm công việc phục vụ tại tiệm Clark's khi cô ấy dự tính bỏ trốn? Robert Quinn cho tôi biết đôi khi ông ta gặp cô bé mang theo người một chiếc máy chữ, nhưng dáng vẻ rất thoải mái, lại còn vui vẻ hát. Có thể nói Aurora vào tháng Tám năm 1975 giống thiên đường trên mặt đất. Cũng đã có lúc tôi nghi ngờ tự hỏi không biết có đúng thật Nola thực sự có ý định rời bỏ thành phố này hay không. Sau đó, nghi ngờ kinh khủng xâm chiếm tôi: điều gì đảm bảo rằng Harry kể cho tôi nghe sự thực? Làm thế nào mà biết được rằng Nola có thực sự yêu cầu Harry bỏ trốn cùng hay không? Không biết đó có phải là một mảnh lời để che đậy tội ác giết người của Harry hay không? Không biết liệu Gahalowood có lý ngay từ đầu?

Tôi gặp lại Harry vào buổi chiều ngày mùng 5 tháng Bảy, tại nhà tù. Bộ mặt ông nom thật gớm ghiếc, nước da tái xám. Những nếp nhăn mà tôi chưa bao giờ thấy xuất hiện trên trán.

- Ngài chưởng lý muốn đề nghị thầy một thỏa thuận, tôi nói.
- Tôi biết rồi, Roth nói với tôi rồi, án mạng vì tình. Tôi có thể ra khỏi tù sau 15 năm.

Theo giọng nói của ông, thì tôi hiểu rằng ông đã sẵn sàng đối mặt với bản án này.

- Thầy sẽ không chấp nhận đề nghị này đây chứ, tôi nói.
- Tôi không biết được, Marcus ạ. Nhưng đó là biện pháp để tránh án tử hình.

- Tránh án tử hình ư?

- Điều này nghĩa là gì? Nghĩa là chính thầy là thủ phạm à?

- Không! Nhưng tất cả đều buộc tội tôi! Tôi hoàn toàn không có ý muốn dẫn thân vào một trận đấu mà những vị công tố viên đã buộc tội tôi rồi. Mười lăm năm tù, thế vẫn tốt hơn gấp vạn lần tù chung thân hay án tử hình.

- Harry, em hỏi thầy câu hỏi này lần cuối cùng: có phải thầy giết Nola không?

- Tất nhiên là không, mẹ kiếp! Tôi còn phải nói với anh bao nhiêu lần nữa?

- Thế thì chúng ta sẽ chứng minh điều đó!

Tôi rút máy ghi âm ra đặt lên trên bàn.

- Hãy thương cho cái thân tôi, Marcus. Đừng có dùng cái máy này nữa.

- Nhưng phải hiểu được điều gì đã xảy ra chứ.

- Anh làm ơn đi, tôi không muốn anh ghi âm tôi thêm nữa.

- Thôi được rồi, vậy em ghi ra giấy.

Tôi rút sổ và bút ra.

- Em muốn chúng ta tiếp tục nói về việc bỏ trốn ngày 30

tháng Tám năm 1975. Nếu như em hiểu đúng thì vào lúc Nola và thầy quyết định bỏ đi, cuốn sách của thầy gần như hoàn thành...

– Tôi hoàn thành trước hôm khởi hành vài ngày. Tôi viết nhanh, rất nhanh. Tình trạng tôi lúc đó như lên đồng vậy. Tất cả đều đặc biệt: Nola lúc nào cũng ở bên cạnh, đọc, chữa và đánh máy. Có thể anh cho tôi là người yếu đuối, nhưng mọi thứ thật kì diệu. Cuốn sách hoàn thành vào ngày 27 tháng Tám. Tôi nhớ bởi vì hôm đó chính là ngày cuối cùng tôi gặp Nola. Chúng tôi thỏa thuận với nhau là tôi rời khỏi thành phố hai hoặc ba ngày trước, để tránh mọi ngờ vực. Vậy nên ngày 27 tháng Tám là ngày cuối cùng chúng tôi ở bên nhau. Tôi viết xong cuốn sách trong vòng một tháng. Thật điên rồ. Thật sự, tôi vô cùng tự hào về bản thân. Tôi còn nhớ hai tập bản thảo chêm chệ trên bàn ngoài hiên: một bản gốc viết tay và một bản đánh máy do chính Nola thực hiện. Chúng tôi ngồi với nhau trên bãi biển một lúc, đây cũng chính là nơi chúng tôi gặp nhau ba tháng trước. Rồi chúng tôi cùng nhau đi bộ rất lâu. Nola cầm tay tôi và bảo: “Gặp được anh làm đời em hoàn toàn thay đổi, Harry ạ. Anh thấy không, chúng mình thật hạnh phúc biết bao khi ở bên nhau”. Chúng tôi vẫn tiếp tục dạo bước trên bờ biển. Kế hoạch đã hoàn thành: tôi phải rời Aurora vào sáng hôm sau, phải đi qua tiệm Clark’s cho mọi người nhìn thấy và biết tôi sẽ đi vắng vài tuần do có việc khẩn cấp ở Boston. Sau đó, tôi sẽ phải ở lại Boston hai ngày, giữ cẩn thận hóa đơn khách sạn để làm bằng chứng nếu sau này cảnh sát có hỏi. Sau đó, ngày 30 tháng Tám, tôi sẽ đến trọ ở nhà nghỉ Sea Side trên đường 1, theo lời dặn của Nola tôi sẽ nhận phòng số 8, bởi vì nàng thích số 8. Tôi hỏi Nola làm thế nào nàng đến được nhà nghỉ, vì dù sao nó cũng cách Aurora vài dặm. Nàng bảo tôi không cần lo lắng, nàng đi bộ rất nhanh và

lại còn biết đường đi tắt qua bãi biển. Nàng sẽ đến thẳng phòng số 8 gặp tôi khi trời gần tối, khoảng 19 giờ. Chúng tôi sẽ lên đường sang Canada ngay lập tức. Chúng tôi sẽ tìm chỗ trú ẩn, thuê một căn hộ nhỏ. Vài ngày sau đó, tôi sẽ phải quay trở về Aurora, làm ra vẻ không có chuyện gì. Chắc chắn lúc đó cảnh sát sẽ tìm Nola, tôi phải giữ bình tĩnh: nếu người ta hỏi cung tôi, tôi sẽ phải trả lời là tôi vừa đi Boston, bằng chứng là hóa đơn khách sạn. Sau đó, tôi sẽ phải ở lại Aurora một tuần để tránh bị nghi ngờ. Lúc đó, Nola chỉ việc yên tâm chờ tôi trong căn hộ chúng tôi thuê. Sau đó, tôi sẽ trả ngôi nhà ở Goose Cove và rời bỏ Aurora mãi mãi với lí do cuốn sách của tôi đã hoàn thành nên tôi phải đi lo xuất bản. Thế là tôi sẽ quay trở lại với Nola. Tôi sẽ gửi bản thảo qua đường bưu điện tới các nhà xuất bản ở New York, rồi có thể sau đó phải đi lại từ Canada tới New York nếu cần để đảm bảo việc xuất bản sách.

– Thế còn Nola, cô ấy sẽ làm gì?

– Chúng tôi sẽ lo giấy tờ giả cho Nola để cô ấy có thể học nốt cấp ba rồi đại học. Chúng tôi sẽ đợi cho tới khi Nola mười tám tuổi thì sẽ chính thức trở thành phu nhân Harry Quebert.

– Giấy tờ giả mạo ư? Thật là hoàn toàn điên rồ!

– Tôi biết. Đó là điều hoàn toàn điên rồ. Hoàn toàn điên rồ!

– Thế chuyện gì xảy ra tiếp theo?

– Hôm đó, ngày 27 tháng Tám, trên bãi biển, chúng tôi đã nhắc đi nhắc lại kế hoạch đó nhiều lần, rồi chúng tôi quay vào nhà, ngồi trên chiếc tràng kỉ cũ trong phòng khách, nó cũng chưa cũ lắm nhưng nó quá gắn bó và thân thuộc với tôi. Ở đó chúng tôi nói chuyện bên nhau lần cuối. Vậy đó, Marcus, những lời nói cuối cùng của nàng, tôi sẽ không bao giờ quên. Nàng nói: “Chúng ta sẽ vô cùng hạnh phúc, Harry ạ. Em sẽ là vợ

của anh. Anh sẽ là nhà văn lớn. Là giáo viên đại học. Em vẫn luôn luôn mơ ước cưới một giáo viên đại học. Ở bên anh, em sẽ là người phụ nữ hạnh phúc nhất. Chúng ta sẽ nuôi một con chó lớn có bộ lông màu mặt trời, một loại chó labrador và gọi nó là Storm. Anh đợi em nhé, chỉ đợi chút xíu thôi”. Và tôi trả lời nàng rằng: “Tôi sẵn sàng đợi em suốt cuộc đời nếu cần, Nola ạ”. Đó là những lời cuối cùng của nàng. Sau đó, tôi thiếp ngủ. Khi tôi thức dậy thì mặt trời đã lặn và Nola đã đi về. Trên biển, vẫn còn luồng ánh sáng màu hồng làm biển vô cùng rạng rỡ, những đàn chim mòng biển kêu ran. Những con chim mòng biển thần thú thế mà Nola yêu đến thế. Trên bàn ngoài hiên, chỉ còn lại một bộ bản thảo: tập bản thảo mà tôi có, đó là bản gốc. Trong hộp bên cạnh có dòng tin nhắn mà tôi đã thuộc lòng : *Xin anh đừng lo lắng, Harry, đừng lo lắng vì em, em sẽ tự tìm cách đến gặp anh ở đây. Hãy đợi em ở phòng số 8, em rất thích con số này, nó là số em thích nhất. Hãy đợi em trong phòng lúc 19 giờ. Sau đó chúng ta sẽ ra đi cùng nhau, sẽ bên nhau mãi mãi. Tôi không đi tìm tập bản thảo kia: tôi hiểu là nàng cầm để đọc lại. Hoặc có thể để chắc chắn rằng tôi sẽ tới chỗ hẹn ngày 30. Nàng mang bộ bản thảo chết tiệt đó đi, Marcus ạ, như đôi khi nàng vẫn làm. Còn tôi, ngày hôm sau, tôi rời thành phố đúng như dự kiến. Tôi cố tình ghé qua tiệm Clark’s uống một cốc cà phê, để gặp mọi người và cho họ biết tôi sẽ đi vắng. Như mọi buổi sáng khác, lúc đó có Jenny, tôi nói với cô ấy rằng tôi có việc phải làm ở Boston, cuốn sách của tôi đã gần xong và tôi có mấy cuộc hẹn quan trọng. Và thế là tôi đi. Tôi đi không mảy may nghi ngờ rằng không bao giờ gặp lại Nola.*

Tôi đặt bút xuống. Harry khóc.

* * *

Ngày 7 tháng Bảy năm 2008.

Tại Boston, trong phòng khách của khách sạn Plaza, sau nửa tiếng đồng hồ Barnaski đọc lướt qua năm mươi trang bản thảo mà tôi mang tới, ông ta gọi chúng tôi vào.

- Anh thấy thế nào? Vừa bước vào phòng, tôi vừa hỏi ông ta.
- Mắt ông ta sáng hấp háy:
- Chỉ đơn giản là rất tuyệt, anh Goldman ạ! Tuyệt vời! Tôi biết, anh là thằng đàn ông biết thời!
- Xin lưu ý đây mới chỉ là những ghi chép của tôi. Trong đó có những việc không được phép xuất bản.
- Tất nhiên rồi, anh Goldman. Tất nhiên rồi. Dù sao đi chăng nữa, chúng ta sẽ phải trải qua những thử thách cuối cùng.

Ông ta gọi một chai rượu champagne, đặt bản hợp đồng lên bàn và tóm tắt nội dung chính: Cuối tháng Tám bàn giao bản thảo. Các dự án quảng cáo đã được làm xong. Sau hai tuần, đọc lại và trình bày. Tháng Chín, in. Dự kiến xuất bản muộn nhất vào tuần cuối tháng Chín. Thật là một kế hoạch hoàn hảo! Hip hip hip! Hoan hô!

- Thế nếu cuộc điều tra lúc đó chưa hoàn thành? Tôi hỏi. Tôi phải kết thúc cuốn sách như thế nào đây?

Barnaski chuẩn bị sẵn câu trả lời từ lâu, kể cả bộ phận pháp lý của công ty cũng đã duyệt:

- Nếu cuộc điều tra đã kết thúc, thì đó sẽ là cuốn truyện tường thuật chính xác. Nếu nó chưa kết thúc, thì chúng ta sẽ bỏ ngỏ chủ đề hoặc là anh tự nghĩ ra kết thúc, khi đó nó sẽ là tiểu thuyết. Về mặt pháp lý không có gì là sai trái, còn đối với độc giả thì điều đó cũng không có gì khác. Hơn nữa, nếu cuộc điều tra chưa kết thúc thì càng tốt: chúng ta có thể viết tiếp tập hai.

Thật quá béo bở!

Ông ta nhìn tôi với vẻ thông hiểu; nhân viên phục vụ mang rượu tới, ông ta đề nghị tự tay mình mở. Tôi kí hợp đồng. Ông ta mở nắp, rượu phụt mạnh, bắn ra khắp nơi. Ông ta rót đầy hai cốc, một cho Douglas và một cho tôi. Tôi hỏi:

– Ông không uống à?

Ông ta lau hai tay vào gối, tỏ thái độ không thích.

– Tôi không thích cái này. Champagne đúng là chỉ để diễn. Chỉ để diễn thôi, anh Goldman ạ, còn lợi ích lại nằm ở sản phẩm cuối cùng!

Nói rồi, ông ta ra ngoài gọi điện thoại cho Warner Bros bàn về tiền bản quyền chuyển thành phim.

Cùng buổi chiều hôm đó, trên đường trở về Aurora, tôi nhận được cuộc điện thoại của Roth: anh ta thật đang vô cùng rối loạn.

– Có kết quả rồi, anh Goldman ạ!

– Kết quả gì vậy?

– Phân tích chữ viết! Không phải là nét chữ của Harry! Không phải ông ta viết dòng chữ đó trên tập bản thảo!

Tôi hét lên vì vui sướng.

– Cụ thể điều đó có nghĩa như thế nào? Tôi hỏi.

– Tôi cũng chưa biết thế nào. Nhưng nếu đó không phải là chữ viết của ông ấy, tức là ông ta không có tập bản thảo trong tay lúc Nola bị giết. Hay nói cách khác, tập bản thảo là bằng chứng chính để buộc tội. Thẩm phán vừa mới ấn định một cuộc họp mới vào thứ Năm ngày 10 tháng Bảy này, lúc 11 giờ để đánh giá nhanh tình hình. Triệu tập khẩn như vậy chắc chắn là tin tốt cho Harry!

Tôi cảm thấy vô cùng phấn khích: Harry sẽ nhanh chóng được tự do. Vậy là Harry luôn nói thật, ông hoàn toàn vô tội. Tôi sốt ruột chờ đợi đến ngày thứ Năm. Nhưng vào ngày hôm trước của phiên họp đó, thứ Tư ngày 9 tháng Bảy, thảm họa đã xảy ra. Hôm đó, vào lúc 17 giờ, tôi ở Goose Cove, trong phòng làm việc của Harry, đang đọc lại các ghi chép về Nola thì nhận được điện thoại của Barnaski gọi vào di động giọng ông ta run rẩy.

- Marcus, tôi có tin khủng khiếp, ông ta nói ngay.
- Chuyện gì xảy ra vậy?
- Tôi bị mất trộm...
- Mất trộm, thế nghĩa là thế nào?
- Tập giấy của anh... Tập giấy mà anh mang tới Boston cho tôi.
- Cái gì? Tại sao lại như vậy được?
- Tôi để nó trong ngăn kéo bàn làm việc. Sáng hôm qua, tôi không thấy nó nữa... Mới đầu, tôi còn nghĩ là Marisa dọn dẹp và cất vào két, đôi khi cô ấy hay làm thế. Nhưng khi tôi hỏi thì cô ấy nói là không hề động đến. Hôm qua, tôi tìm suốt cả ngày mà không thấy.

Tim tôi đập thành thịch. Tôi cảm thấy một trận bão sắp nổ ra.

- Nhưng sao ông nghĩ chúng bị ăn cắp? tôi hỏi.

Im lặng kéo dài, rồi ông ta trả lời:

- Tôi nhận được điện thoại suốt chiều hôm nay từ các tờ báo *Globe*, *USA to day*, *New York Times*... Ai đó đã mang đồng giấy của anh tới tất cả các tờ báo quốc gia, họ phát hành ngay lập tức. Marcus à, rất có khả năng là ngày mai, toàn bộ đất nước này sẽ

biết hết nội dung cuốn sách của anh.

PHẦN HAI

Bình phục bệnh của nhà văn (Viết sách)

14

Ngày 30 tháng năm 1975 đáng nhớ

“Anh thấy không Marcus, xã hội của chúng ta được xây dựng theo cách mà lúc nào chúng ta cũng phải lựa chọn giữa lý trí và đam mê. Lý trí không bao giờ có lợi cho ai cả còn đam mê thường xuyên mang tính hủy hoại. Do đó, tôi rất khó khăn khi giúp anh.

- Tại sao thầy lại nói như vậy với em?
- Vậy đây. Cuộc đời là một trò bịp.
- Thầy có ăn khoai tây rán nữa không?
- Không. Nếu muốn, anh cứ ăn đi.
- Cảm ơn thầy.
- Anh thật sự không để ý tới điều tôi nói à?
- Có chứ ạ, em để ý lắm mà. Em nghe thầy chăm chú đấy chứ. Chương 14: cuộc đời là một trò bịp.
- Lạy Chúa, Marcus, anh chẳng hiểu gì cả. Đôi khi tôi có cảm giác mình đang trò chuyện với kẻ điên.”

16 giờ

Một ngày tuyệt đẹp. Một thứ Bảy cuối hè ngập tràn ánh nắng, tấm thảm Aurora trong bầu không khí thanh bình. Tại trung tâm thành phố, mọi người đi dạo thư thái, dừng lại trước những tủ kính ngắm nghía và tận hưởng nốt những ngày đẹp cuối cùng trong năm. Trên đường phố giữa các khu dân cư, không hề có một bóng xe ô tô, nhưng lại có hàng đàn trẻ con đua xe đạp, trượt patanh trong khi các bậc cha mẹ ngồi trước cổng nhà vừa nhấm nháp cốc nước chanh đường vừa đọc báo.

Đây là lần thứ ba trong vòng chưa đầy một tiếng đồng hồ, Travis Dawn lái xe cảnh sát đi tuần khu dân cư ở Terrace Avenue và ngang qua ngôi nhà của gia đình họ Quinn. Buổi chiều yên tĩnh tuyệt đối; không có báo động cũng không có cuộc gọi nào từ ban chỉ huy. Anh kiểm tra giấy tờ một vài lái xe tải đường dài nhưng đầu óc chỉ nghĩ về Jenny. Hai cha con cô đang ngồi ở hiên trước. Họ ở đó suốt buổi chiều chơi trò điện tử vào ô trống, trong khi bà Tamara hí hoáy tỉa những khóm hoa khổng lồ trước nhà để chuẩn bị cho mùa thu. Khi đến gần ngôi nhà, Travis cố tình đi thật chậm, hi vọng Jenny sẽ để ý, quay đầu lại và nhìn thấy anh, rồi cô sẽ giơ tay vẫy anh, một cử chỉ thân mật. Anh sẽ có cơ dừng lại giây lát chào cô qua cửa kính ô tô kéo xuống. Thậm chí, cô có thể còn mời anh cốc trà ướp lạnh và họ sẽ nói dăm ba câu chuyện với nhau. Nhưng Jenny không quay đầu lại, cũng không nhìn thấy anh. Cô cười với cha mình, có vẻ hạnh phúc. Travis lái xe đi tiếp và dừng lại cách đó hơn chục mét, ngoài tầm nhìn của gia đình họ Quinn. Anh nhìn bó hoa đặt trên ghế ngồi phía sau, rút giấy ra bắt đầu viết những điều muốn nói:

Chào Jenny. Hôm nay thật đẹp. Nếu tối nay em rảnh, chúng ta có thể cùng đi dạo trên bãi biển được không. Thậm chí, chúng ta có thể đi xem chiếu bóng. Ở Montburry có chiếu phim mới (đưa cho cô ấy bó hoa).

Đề nghị cô ấy đi dạo và đi xem phim. Dễ dàng là vậy nhưng Travis lại không dám bước xuống ô tô. Anh ta vội vàng nổ máy và tiếp tục đi tuần trên con đường khiến anh phải đi qua nhà gia đình Quinn cách đây hai mươi phút. Travis cất gọn gàng những bông hoa trên ghế phía sau để không ai nhìn thấy. Đó là những bông hồng dại mọc bên bờ hồ gần Montburry mà Erne Pinkas chỉ. Thoạt nhìn, chúng có vẻ không đẹp bằng những

bông hồng trồng ở nhà nhưng màu sắc lại rực rỡ gấp vạn lần. Travis luôn mong muốn rủ Jenny đến đó; thậm chí anh còn dựng lên cả một kế hoạch. Anh sẽ bịt mắt cô, rồi lái xe đưa cô đến tận mảnh đất mọc đầy hồng dại, sau đó mới cởi khăn che mắt để hàng nghìn màu sắc rực rỡ hiển hiện trước Jenny như màn bắn pháo hoa. Sau đó, cả hai sẽ ăn pic nic bên bờ hồ. Nhưng Travis chưa bao giờ có đủ can đảm để đề nghị cô điều đó. Lúc này, anh đang chạy xe trên Terrace Avenue, đi qua ngôi nhà của gia đình Kellergan, nhưng không chú ý đến nó một chút nào. Đầu óc anh đang để ở chỗ khác.

Mặc dù trời đẹp, nhưng ông mục sư chỉ ở trong xưởng suốt buổi chiều để sửa chiếc xe Harley Davidson cũ kĩ, ông hi vọng sẽ bắt nó phải lăn bánh được vào một ngày nào đó. Theo báo cáo của cảnh sát Aurora thì ông chỉ rời xưởng để đi uống nước và mỗi khi như vậy, ông đều nhìn thấy Nola đọc sách rất chăm chú trong phòng khách.

* * *

17 giờ 30

Trời càng tối, trung tâm thành phố càng vắng vẻ hơn, trong các khu dân cư, trẻ con cũng về nhà chuẩn bị ăn tối, trước cổng nhà, chỉ còn lại những chiếc ghế đầu vắng người và những tờ báo lộn xộn. Cảnh sát trưởng Gareth Pratt, đang nghỉ phép, còn vợ của ông ta là Amy, đang trên đường về nhà sau khi ghé chơi nhà mấy người bạn ở ngoại ô gần như suốt cả ngày. Cùng thời điểm đó, gia đình nhà Hattaway trong đó có cả Nancy, hai người anh trai và bố mẹ của cô đang trở về nhà ở Terrace Avenue, sau một buổi chiều nghỉ ngơi tại bãi biển Grand. Trong

báo cáo của cảnh sát thì bà Hattaway, mẹ của Nancy, cho biết từ trong nhà gia đình Kellergan, âm nhạc vọng ra với âm lượng chói tai.

Cách đó nhiều dặm, Harry đang trên đường tới nhà nghỉ Sea Side. Anh đăng kí ở phòng số 8 bằng tên giả, đồng thời thanh toán toàn bộ tiền phòng để khỏi phải xuất trình chứng minh thư. Trên đường tới nhà nghỉ Sea Side, anh còn dừng lại mua một bó hoa và đồ đầy xăng. Tất cả đã sẵn sàng. Chỉ còn một tiếng rưỡi nữa thôi. Thậm chí chưa đến. Ngay khi Nola tới, họ sẽ ăn mừng gặp mặt rồi đi ngay. Lúc 21 giờ, họ sẽ tới Canada rồi. Họ sẽ được ở bên nhau. Nàng sẽ không bao giờ cảm thấy bất hạnh nữa.

* * *

18 giờ

Bà Deborah Cooper, sáu mươi một tuổi, kể từ khi chồng chết, sống một mình trong ngôi nhà biệt lập ở bờ rừng Side Creek, đang ngồi bên bàn ăn trong phòng bếp nhào bột làm bánh táo. Gọt vỏ rồi cắt táo xong, bà vớt vài miếng qua cửa sổ cho bọn gấu mèo, và đứng phía sau cửa kính nhìn chúng tới. Đúng lúc ấy, bà thoáng nhìn thấy có bóng người chạy giữa những hàng cây: quan sát kĩ hơn, bà phát hiện rõ ràng một cô gái mặc váy đỏ đang bị một người đàn ông đuổi theo, sau đó họ bị những lùm cây che khuất. Bà vội vào phòng khách điện thoại khẩn cho cảnh sát. Báo cáo của cảnh sát ghi chép cú điện thoại của bà gọi tới ban chỉ huy vào lúc 18 giờ 21 phút. Cuộc gọi kéo dài 27 giây, nội dung như sau:

- Đây là trung tâm cảnh sát, xin lắng nghe vụ việc của quý vị.

- A lô, tôi là Deborah Cooper sống ở đường Side Creek. Hình như tôi vừa thấy một người đàn ông rượt đuổi một cô gái ở trong rừng.

- Xin bà hãy nói rõ hơn, sự việc xảy ra như thế nào?

- Tôi không biết! Tôi đang đứng ở cửa sổ nhìn về phía cánh rừng, thì thấy một cô gái chạy len lỏi giữa những hàng cây... Một người đàn ông chạy đuổi theo sau. Tôi nghĩ là cô gái ấy đang cố gắng thoát thân.

- Hiện tại họ ở đâu?

- Tôi... Tôi không nhìn thấy họ nữa. Họ đang trong rừng.

- Tôi sẽ cử một đội tuần tra đến ngay chỗ bà, thưa bà.

- Cám ơn ông, nhanh lên nhé!

Sau khi dập điện thoại, bà Deborah Cooper ngay lập tức quay trở lại cửa sổ phòng bếp. Bà không nhìn thấy gì nữa. Bà nghĩ có thể mình đã nhìn nhầm, mặc dù vậy, có cảnh sát đến kiểm tra khu vực này vẫn hơn. Bà đi ra cổng để đón đoàn tuần tra.

Trong bản báo cáo cũng ghi ban chỉ huy cảnh sát đã truyền thông tin cho cảnh sát ở Aurora. Cảnh sát duy nhất trực hôm đó là Travis Dawn. Anh có mặt ở đường Side Creek khoảng bốn phút sau cú điện cấp báo.

Sau khi nghe báo cáo nhanh tình hình, Travis lập tức tiến hành truy lùng trong rừng. Đi sâu vào rừng tầm chục mét tính từ hàng cây, anh tìm thấy mảnh vải màu đỏ. Nhận định tình hình có lẽ nghiêm trọng, Travis lập tức báo với Cảnh sát trưởng Pratt mặc dù ông đang nghỉ phép. Anh gọi điện thoại từ nhà bà Deborah Cooper. Lúc đó là 18 giờ 45 phút.

* * *

19 giờ

Cảnh sát trưởng Pratt nhận định vụ việc có vẻ nghiêm trọng nên đích thân ông đã tới tận nơi để tìm hiểu sự việc: Travis Dawn không bao giờ gọi điện tới nhà riêng tìm ông khi biết ông nghỉ phép nếu như tình hình không có gì đặc biệt.

Ngay khi tới đường Side Creek, ông ra lệnh cho bà Deborah Cooper đóng cửa ở trong nhà, còn ông ta và Travis Dawn cùng nhau lùng sục sâu hơn trong rừng. Họ tiến sâu vào rừng theo con đường nối dài từ bờ biển, đi theo hướng mà cô gái mặc váy đó nhiều khả năng đã gặp nạn. Trong báo cáo của cảnh sát có ghi, sau khi đi bộ được hơn một dặm, hai cảnh sát phát hiện ra vết máu và những lọn tóc vàng tại một khu vực rừng khá thưa thớt hơn bình thường; giáp với bờ biển. Lúc đó là 19 giờ 30 phút.

Rõ ràng bà Deborah Cooper đã đứng ở cửa sổ phòng bếp cố gắng dõi theo hai cảnh sát. Khi họ vừa biến mất khỏi con đường mòn một lúc lâu thì bất chợt bà lại nhìn thấy cô gái xuất hiện trong rừng, váy rách bươm, mặt đầy máu, đang chạy vội về phía nhà bà kêu cứu. Bà Deborah Cooper hoảng hốt mở cửa bếp cho nạn nhân vào rồi vội vàng chạy vào phòng khách để gọi cảnh sát lần nữa.

Trong báo cáo của cảnh sát, bà Deborah Cooper gọi điện thoại lần hai đến ban chỉ huy trung tâm lúc 19 giờ 30 phút. Cuộc gọi kéo dài hơn 40 giây, nội dung được ghi lại như sau:

- Đây là trung tâm cảnh sát, xin lắng nghe vụ việc của quý vị!

- A lô? (giọng hoảng sợ). Tôi là Deborah Cooper, tôi... ban này tôi vừa gọi... để báo có một cô gái bị rượt đuổi trong rừng, bây giờ cô ấy đang trong bếp nhà tôi.

- Xin bà cứ bình tĩnh, chuyện gì xảy ra vậy?

- Tôi không biết gì hết! Cô ấy chạy từ rừng vào đây. Hơn nữa, lúc này có hai viên cảnh sát đang ở trong rừng, nhưng tôi nghĩ họ không nhìn thấy cô ấy! Tôi mở cửa cho cô ấy vào phòng bếp rồi. Tôi... tôi nghĩ cô ấy là con gái của ông mục sư... Tôi nghĩ chính là cô bé gái đang làm việc ở tiệm Clark's...

- Địa chỉ nhà bà ở đâu?

- Deborah Cooper, đường Side Creek ở Aurora. Ban này, tôi đã gọi cho các ông một lần rồi! Cô bé ấy đang ở đây, ông hiểu rồi chứ? Mặt cô bé đầy máu! Tới đây nhanh lên!

- Được rồi, xin bà đợi chút. Tôi cử thêm tiếp viện đến ngay.

Cảnh sát trưởng Pratt và Travis đang lần tìm theo những vệt máu trong rừng thì bỗng nghe thấy những tiếng nổ chát chúa vang lên từ ngôi nhà. Không do dự lấy một giây, vũ khí trong tay, họ chạy ngược trở lại ngôi nhà.

Đúng lúc đó, tổng đài điện thoại của ban chỉ huy cảnh sát không thể nối máy được với cả Travis Dawn lẫn Cảnh sát trưởng Pratt. Họ nhận định tình hình đã thực sự nghiêm trọng, nên quyết định rung chuông tổng báo động trụ sở cảnh sát và cảnh sát bang, vội vàng cử tiếp viện tới đường Side Creek.

* * *

9 giờ 45

Hai cảnh sát chạy hộc hơi vào trong nhà. Họ vào qua lối cửa sau, ra đến bếp thì phát hiện thi thể bà Deborah Cooper nằm sòng soài trong vũng máu trên sàn, một viên đạn xuyên qua ngực gần tim. Cảnh sát trưởng Pratt nhanh chóng tìm kiếm khắp tầng trệt nhưng không phát hiện được gì, vội chạy ra ô tô

điện về ban chỉ huy yêu cầu tiếp viện. Nội dung ghi lại cuộc nói chuyện giữa Cảnh sát trưởng Pratt với ban chỉ huy:

- Tôi là Cảnh sát trưởng Pratt của Aurora. Tôi yêu cầu tiếp viện khẩn cấp tới đường Side Creek, nơi giao cắt với đường 1. Có một phụ nữ bị bắn chết và chắc chắn còn một cô bé nữa đang trong rừng.

- Cảnh sát trưởng Pratt, chúng tôi đã nhận được điện thoại của bà Deborah Cooper từ đường Side Creek cách đây 7 phút. Giọng bà ta rất hoảng loạn. Bà Deborah báo cho chúng tôi biết có một cô gái chạy vào nhà xin trú ẩn. Vậy hai việc có liên quan với nhau không?

- Cái gì? Người chết chính là bà Deborah Cooper ư? Trong ngôi nhà này không có ai nữa. Cử ngay một đội đến đây.

- Nhiều đội đã lên đường, thưa Cảnh sát trưởng. Tôi sẽ cử thêm các đội khác nữa.

Cuộc đối thoại chưa kịp kết thúc thì Cảnh sát trưởng Pratt đã nghe thấy tiếng còi hú: đội tiếp viện đã tới. Ông ta còn chưa kịp thông báo tình hình cho Travis, nhất là để yêu cầu anh ta lục soát ngôi nhà, thì bỗng điện đài thông báo: một cuộc rượt đuổi vừa xảy ra trên con đường 1, gần bờ rừng, cách đó vài trăm mét. Phó Cảnh sát trưởng Paul Summond, chỉ huy đội quân tiếp viện, tình cờ nhìn thấy một chiếc Chevrolet Monte Carlo màu đen biển số bị mờ, phóng như điên ra khỏi cánh rừng và tiếp tục chạy hết tốc lực về hướng Bắc mặc dù Paul đã ra lệnh dừng xe.

Cảnh sát trưởng Pratt nhảy lên ô tô để hỗ trợ Summond. Ông đi vào đường rừng song song với đường 1 với mục đích chặn ngang tên đào tẩu: ba dặm sau đường Side Creek, ông ta lao ra đường chính, suýt nữa thì đâm vào chiếc Chevrolet đen.

Đoàn xe rượt đuổi phóng đi với vận tốc điên dại. Chiếc Chevrolet đen tiếp tục đi đường 1 theo hướng Bắc. Cảnh sát

trưởng Pratt gọi điện đài yêu cầu các đơn vị dựng rào chắn, và yêu cầu trực thăng tới. Ngay lập tức, chiếc xe Chevrolet quay ngoắt một cú ngoạn mục, rẽ lên đường phụ rồi lại chuyển tiếp sang đường khác. Chiếc xe đổi hướng nhanh đến chóng mặt, xe cảnh sát bám theo một cách chật vật. Từ điện đài trên ô tô, Pratt đang gào lên vì cả đội cảnh sát sắp bị chiếc Chevrolet cắt đuôi.

Cuộc rượt đuổi tiếp tục trên những con đường hẹp: tên đào tẩu dường như rất thông thạo đường đi, càng ngày càng bỏ xa đoàn xe cảnh sát. Khi đến một ngã tư, chiếc Chevrolet suýt đâm vào một xe khác đi ngược chiều, khiến nó lao lên giữa vỉa hè. Pratt tránh được vật cản bằng cách đi lên cỏ, nhưng Summond đi ngay phía sau không kịp tránh, đâm sầm vào chiếc xe ngược chiều, nhưng không có hậu quả gì nghiêm trọng. Từ lúc đó, Pratt là người duy nhất bám sau chiếc Chevrolet. Ông ta mất bóng đối tượng trong một giây nhưng ngay sau đó nhìn thấy nó xuất hiện trên con đường từ Montburry, rồi lại bị mất bóng hoàn toàn. Chính lúc đó ông ta thấy đội tiếp viện kéo đến từ hướng ngược lại, ông hiểu rằng chiếc xe khả nghi đã trốn thoát. Ngay lập tức ông ta yêu cầu thắt nút toàn bộ mạng lưới giao thông, ra lệnh tổng truy lùng toàn vùng và yêu cầu tiếp viện từ cảnh sát bang. Tại đường Side Creek, Travis Dawn khẳng định: hoàn toàn không còn thấy bất kì dấu vết nào của cô gái mặc váy đỏ, trong nhà không có, bên ngoài cũng không.

* * *

20 giờ

Ông mục sư Kellergan vô cùng hoảng loạn, quay số điện

thoại khẩn của cảnh sát báo rằng Nola, cô con gái mười lăm tuổi của ông, đã biến mất. Phó Cảnh sát trưởng là người đầu tiên tới căn nhà 245 Terrace Avenue, ngay sau đó Travis Dawn cũng có mặt. 20 giờ 15 phút, Cảnh sát trưởng Pratt cũng đến. Cuộc gọi cuối cùng của bà Deborah Cooper được ghi lại đã giúp xóa sạch nghi vấn: Nola Kellergan chính là cô gái ở đường Side Creek.

Các đội tiếp viện của cảnh sát đổ về từ khắp mọi ngả. Giai đoạn đầu tiên của cuộc tìm kiếm từ rừng ra bãi biển được bắt đầu với hi vọng tìm thấy Nola Kellergan trước khi trời tối. Các toán cảnh sát chạy đảo cả vùng để tìm chiếc Chevrolet màu đen hiện tại không còn dấu vết.

* * *

21 giờ

21 giờ, nhiều đội cảnh sát bang đã tới đường Side Creek dưới sự chỉ huy của đại úy Neil Rodik. Tốp cảnh sát khoa học cũng nhanh chóng tới nhà Deborah Cooper và nơi có vết máu trong rừng. Những chùm đèn cao áp đã được lắp thêm soi sáng cả một vùng; cảnh sát tìm thấy nhiều lọn tóc vàng vướng lại, các mảnh răng vỡ và nhiều miếng vải đỏ.

Ro dik và Pratt, sau khi quan sát hiện trường đã nhận định tình hình

– Phải nói là chẳng khác gì một lò mổ lợn, Pratt nói.

Rodik gật đầu đồng tình rồi hỏi:

– Anh có nghĩ, cô bé vẫn còn ở trong rừng không?

– Hoặc cô bé đã biến mất với chiếc ô tô đó, hoặc cô ấy còn ở trong rừng. Chúng tôi lùng sục ngoài bãi biển như dùng lược

dày chải chấy rồi. Không có gì cả.

Rodik nghĩ ngợi giây lát.

– Điều gì có thể xảy ra nhỉ? Không biết cô bé đã bị mang đi xa chưa? Hay biết đâu còn nằm lại chỗ nào đó trong rừng?

– Tôi chẳng hiểu gì cả, Pratt thở dài. Tôi chỉ muốn nhanh chóng tìm được cô bé còn sống.

– Tôi biết, Cảnh sát trưởng ạ. Nhưng nhìn lượng máu mà cô gái bị mất, nếu còn sống đâu đó trong rừng thì hẳn tình trạng cũng rất bi thảm. Thật không hiểu cô bé lấy sức ở đâu mà về được tận ngôi nhà này. Chắc đó là sức mạnh của nỗi tuyệt vọng.

– Chắc vậy.

– Không có tin tức gì về chiếc xe à? Rodik hỏi tiếp.

– Không hề. Một bí ẩn thực sự. Chặn đường khắp nơi, trên tất cả mọi ngã.

Khi hai viên cảnh sát phát hiện những vết máu khắp từ ngôi nhà của bà Deborah Cooper cho đến tận chiếc Chevrolet đen, Rodik nhăn mặt vẻ thất bại.

– Tôi không thích phán đoán điều chẳng lành, ông ta nói, nhưng hoặc là cô ta đã lết đi đâu đó rồi chết, hoặc là cô ta cũng chết trong cốp của chiếc xe ô tô kia rồi.

20 giờ 45 phút, khi hoàng hôn chỉ còn là một vầng hồng nháy nhót ở đường chân trời, Rodik yêu cầu Pratt dừng các cuộc tìm kiếm.

– Ngừng các cuộc tìm kiếm ư? Pratt phản đối. Anh không suy nghĩ à. Hãy tưởng tượng cô bé vẫn còn sống ở đâu đó, ngay đây, đang đợi người tới cứu. Dù sao thì chúng ta cũng không thể bỏ mặc cô bé trong rừng! Lính tráng sẽ phải thức suốt đêm nếu cần, nếu cô bé còn ở đó thì họ sẽ tìm được.

Rodik là chuyên gia thực địa dày dạn kinh nghiệm. Ông biết đôi khi cảnh sát địa phương khá ngây thơ và ông đôi khi cũng phải thuyết phục họ quay trở về thực tế.

– Cảnh sát trưởng Pratt, anh phải từ bỏ các cuộc tìm kiếm thôi. Khu rừng này quá rộng, ta chẳng nhìn thấy gì nữa. Tìm kiếm ban đêm là vô ích. Tốt nhất đừng lãng phí nguồn lực, nên bắt đầu lại vào ngày mai. Tệ nhất là có thể sẽ bị lạc mất cả chiến sĩ của mình trong khu rừng mê mông này rồi lại phải đi tìm họ nữa đó. Anh lo lắng thế là đủ rồi.

– Nhưng phải tìm ra cô bé!

– Hãy tin vào kinh nghiệm của tôi: qua đêm trong rừng là vô ích. Nếu cô bé còn sống, ngay cả khi bị thương thì chúng ta sẽ tìm thấy vào ngày mai.

Trong lúc đó, tại Aurora, dân chúng hoàn toàn bán loạn. Hàng trăm kẻ hiếu kì vây quanh ngôi nhà của gia đình Kellergan khiến cảnh sát rất khó khăn mới thiết lập được trật tự. Ai cũng muốn biết chuyện gì đã xảy ra. Khi Cảnh sát trưởng Pratt quay trở lại, ông phải khẳng định các tin đồn: Deborah Cooper chết, Nola biến mất. Trong đám đông rú lên nhiều tiếng kêu hoảng loạn; các bà mẹ vội đưa con mình về và nhốt chúng trong nhà, còn các ông bố thì mang hết súng cũ ra, tổ chức tập trận dân sự để bảo vệ khu phố. Nhiệm vụ của Cảnh sát trưởng Pratt càng trở nên phức tạp: ông không thể để cả thành phố bị nhấn chìm trong nỗi lo sợ. Trên phố, các đội cảnh sát không ngừng đi tuần để trấn an dân chúng, trong khi đó cảnh sát bang có trách nhiệm đến từng nhà thu thập bằng chứng của những người hàng xóm tại Terrace Avenue.

* * *

23 giờ

Trong phòng họp của đồn cảnh sát Aurora, Cảnh sát trưởng Pratt và đại úy Rodik đang kết luận sự việc. Những phát hiện đầu tiên của cuộc điều tra chỉ ra rằng không hề có bất cứ một dấu vết nào chứng tỏ có người đột nhập vào phòng Nola hay có xung đột xảy ra trong phòng cô bé. Chỉ có cửa sổ là mở rộng.

- Cô bé có mang theo quần áo không? Rodik hỏi.
- Không. Không quần áo, không tiền bạc. Ông tiền tiết kiệm vẫn còn nguyên, trong đó có 120 đôla.
- Có hơi hường của vụ bắt cóc.
- Nhưng hàng xóm không nhận thấy có điều gì đặc biệt.
- Tôi không lấy làm ngạc nhiên, có kẻ nào đó đã thuyết phục được cô bé bỏ trốn cùng hẳn ta.
- Theo lối cửa sổ à?
- Có thể.
- Cũng có thể không, vì bây giờ là tháng Tám, tất cả các nhà đều mở rộng cửa sổ. Có thể cô bé ra ngoài đi dạo và gặp phải tên khốn nạn nào đó.

- Có thể. Một nhân chứng tên là Gregory Stark nói rằng khi dẫn chó đi dạo đã nghe thấy những tiếng kêu phát ra từ nhà Kellergan. Lúc đó khoảng 17 giờ, nhưng anh ta không dám chắc.

- Không dám chắc nghĩa là thế nào? Rodik hỏi.
- Vì tiếng nhạc phát ra từ nhà Kellergan quá to, nên anh ta không dám chắc đó có phải là tiếng kêu hay không.

Rodik nhăn nhó:

- Chúng ta chẳng có gì cả: không dấu vết, không bằng chứng. Cứ như chuyện ma vậy. Chỉ thoáng nhìn thấy một bé gái người đầy máu me, hoảng loạn và kêu cứu.

– Theo anh, bây giờ chúng ta nên làm gì? Pratt hỏi.

– Theo tôi, anh đã làm hết khả năng cho tối nay. Bây giờ, đến lúc anh cần tập trung cho những việc tiếp theo. Anh cho mọi người về nghỉ hết đi, chỉ để đội lính gác trên đường. Phải chuẩn bị kế hoạch tìm trong rừng, phải tiếp tục tìm kiếm ngay rạng sáng ngày mai. Anh là người duy nhất có khả năng tiến hành việc này vì chỉ có anh mới biết rõ mọi góc ngách của khu rừng. Cũng phải chuẩn bị gửi thông báo cho toàn thể đội ngũ cảnh sát, cố gắng đưa tất cả các chi tiết chính xác về Nola. Cô bé đeo trang sức gì hay các đặc điểm hình dạng khác biệt với những người khác để mọi người có thể nhận dạng dễ dàng. Tôi sẽ báo tin đến FBI, cảnh sát các bang lân cận và cảnh sát biên phòng. Ngày mai tôi sẽ cử trực thăng và cả chó nghiệp vụ tiếp viện tìm kiếm. Anh cũng phải ngủ một chút và hãy cầu nguyện đi. Tôi là người yêu nghề, cảnh sát trưởng ạ, nhưng các vụ bắt cóc trẻ con thật quá sức chịu đựng của tôi.

Suốt đêm, cả thành phố hoàn toàn náo loạn vì những màn trình diễn ô tô thiện nghệ của cảnh sát và những kẻ hiếu kì tụ tập trên Terrace Avenue. Một số người xung phong vào rừng. Một số khác đến đồn cảnh sát tình nguyện tham gia tìm kiếm. Hoảng sợ bao trùm trong dân chúng.

* * *

Chủ nhật ngày 31 tháng Tám năm 1975

Một trận mưa giá buốt dội xuống, rồi mây đen dày đặc dâng lên từ biển bao trùm cả vùng. 5 giờ sáng, gần ngôi nhà của Deborah Cooper, dưới tấm bạt căng vội, Cảnh sát trưởng Pratt và đại úy Rodik ra lệnh cho toán cảnh sát đầu tiên và những

người tình nguyện. Trên bản đồ, khu rừng được phân thành bốn vùng, mỗi vùng giao cho một nhóm chó nghiệp vụ và lính kiểm lâm dự định sẽ được điều tới trong buổi sáng để giúp mở rộng hơn nữa các cuộc tìm kiếm và luân phiên giữa các nhóm. Thời điểm hiện tại, lệnh điều động trực thăng bị hủy bỏ bởi vì lí do thời tiết xấu sẽ khiến tầm nhìn từ trực thăng rất hạn chế.

7 giờ sáng, trong phòng số 8 của nhà nghỉ Sea Side, Harry giật mình thức giấc, anh đã mặc nguyên cả bộ vest đi ngủ. Trên đài vẫn tiếp tục phát bản tin thời sự: ...tổng báo động trên toàn thành phố Aurora sau vụ một thiếu nữ mười lăm tuổi, tên là Nola Kellergan, mất tích tối hôm qua, vào khoảng 19 giờ. Cảnh sát tìm tất cả những người có thể cung cấp thông tin [...] Vào lúc biến mất, Nola Kellergan mặc váy đỏ [...]

Nola! Cả hai người đã thiếp ngủ nên quên mất đích đến! Anh nhảy khỏi giường, gọi Nola. Trong tích tắc, anh nhận ra nàng không có mặt trong phòng. Sau đó anh nhớ ra tối qua nàng không đến. Tại sao nàng lại bỏ rơi anh như vậy? Tại sao nàng không ở đây? Trên đài đang thông báo Nola mất tích, vậy rõ ràng nàng đã bỏ nhà đi như dự định. Nhưng tại sao lại không có anh? Nàng có gặp trở ngại gì không? Liệu nàng tại sao lại không có anh? Nàng có gặp trở ngại gì không? Liệu nàng có trốn ở Goose Cove không? Thế là cuộc chạy trốn của họ đã trở thành thảm họa.

Vẫn chưa ý thức hết được tính nghiêm trọng của vấn đề, anh vứt bó hoa, vội vàng rời căn phòng, thậm chí không thềm chải đầu hay thắt lại cà vạt. Anh ném va li vào trong xe, vội vã khởi động máy quay về Goose Cove. Đi chưa đến hai dặm, anh đã gặp một đội cảnh sát chặn đường kiểm tra. Cảnh sát trưởng Pratt lúc đó cũng có mặt, súng hơi trong tay. Tất cả mọi người đều căng thẳng. Ông nhận ra xe của Harry trong dòng xe bị chặn và

tiến lại gần. Harry kéo kính xuống hỏi:

– Cảnh sát trường, tôi nghe trên đài thông tin về Nola. Có chuyện gì vậy?

– Chuyện tồi tệ, rất tệ, ông ta trả lời.

– Nhưng là chuyện gì?

– Chẳng ai biết cả: cô bé đã biến mất khỏi nhà. Người ta nhận ra cô bé ở sau đường Side Creek tối hôm qua rồi sau đó thì không còn dấu vết, chúng tôi đã chặn toàn bộ vùng này, toàn bộ khu rừng cũng đang được lật tung để tìm Nola.

Harry tưởng tim mình sắp ngừng đập. Đường Side Creek chính là hướng đi tới nhà nghỉ. Hay là nàng đã bị thương khi đang trên đường tới nơi hẹn với anh? Nàng sợ một khi bị phát hiện ở đường Side Creek, thì cảnh sát sẽ ập đến tận nhà nghỉ bắt cả hai? Vậy nàng đang trốn ở đâu?

Pratt nhận thấy nét mặt khác lạ của Harry, trong chớp xe chứa đầy hành lí bèn hỏi:

– Anh vừa đi nghỉ về à? Ông ta hỏi.

Harry nói đúng như kế hoạch đã thống nhất với Nola.

– Tôi vừa đi Boston về. Có mấy việc liên quan tới cuốn sách.

– Boston à? Pratt ngạc nhiên. Thế sao anh lại về từ hướng Bắc.

– Đúng vậy, Harry lấp bắp. Vì tôi rẽ qua Concord.

Vẻ mặt Pratt đầy nghi ngờ, Harry lái xe Chevrolet Monte Carlo màu đen. Ông ta ra lệnh cho Harry tắt máy.

– Có chuyện gì thế? Harry hỏi.

– Chúng tôi đang tìm chiếc xe ô tô giống xe của anh vì có thể nó liên quan tới vụ việc.

– Một chiếc Monte Carlo à?

– Đúng vậy.

Hai nhân viên cảnh sát lục tung chiếc xe. Họ không tìm thấy gì khả nghi nên Cảnh sát trưởng Pratt cho phép Harry đi. Ông ta nói: “Đề nghị anh không được đi đâu khỏi vùng. Tất nhiên, việc này chỉ là để phòng bắt trộm”. Trên đài vẫn tiếp tục đưa thông tin miêu tả Nola: *Thiếu nữ, da trắng, cao 1 m69, nặng 50kg, tóc vàng dài, mắt xanh, mặc váy đỏ. Cổ đeo dây chuyền vàng khắc tên NOLA.*

Nàng không ở Goose Cove. Không có trên bãi biển, không ở ngoài sân cũng không có trong nhà. Không thấy nàng đâu cả. Anh gọi nàng, chẳng thèm quan tâm có ai đó nghe thấy. Anh đi khắp bãi biển, vẽ điên dại. Anh tìm một bức thư, một mẫu tin nhắn. Nhưng hoàn toàn không có dấu vết gì. Lo sợ bắt đầu xâm chiếm anh. Tại sao nàng trốn đi nếu như không phải để gặp anh?

Không còn biết phải làm gì, anh đến tiệm Clark's. Chính tại đây anh được biết bà Deborah Cooper đã nhìn thấy Nola người đầy máu trước khi bị giết chết. Anh không thể tin nổi. Điều gì đã xảy ra? Tại sao anh lại đồng ý để nàng tự đi? Nhẽ ra họ nên hẹn gặp ở Aurora. Anh đi bộ xuyên qua thành phố đến tận nhà gia đình Kellergan, xung quanh rất nhiều xe cảnh sát đang tham gia bàn luận với đám dân hóng chuyện để tìm thêm thông tin. Cuối buổi sáng, anh trở về Goose Cove, ngồi ngoài hiên với chiếc ống nhòm và hộp bánh mì cho bọn mòng biển. Anh đợi nàng đi lạc đường, rồi nàng sẽ quay lại. Nàng sẽ quay lại, chắc chắn sẽ quay lại. Anh đưa ống nhòm lên quan sát thật kỹ khắp nơi. Anh tiếp tục đợi. Màn đêm dần buông.

13

Trận bão

“Marcus yêu quý, sự nguy hiểm của sách là ở chỗ đôi khi anh có thể bị mất kiểm soát. Phát hành cũng có nghĩa là điều mà anh đơn độc viết ra bỗng nhiên thoát khỏi tay anh và bay biên mất giữa đông đảo dân chúng. Thời điểm đó cực nguy hiểm: lúc nào anh cũng phải có khả năng tự chủ. Mất tự chủ đối với chính quyển sách mình viết ra, chính là thảm họa”.

TRÍCH TỪ CÁC TỜ NHẬT BÁO NỔI TIẾNG CỦA BỜ ĐÔNG

Ngày 10 tháng Bảy năm 2008.

Trích từ New York Times:

MARCUS GOLDMAN SẮP VÉN BỨC MÀN BÍ MẬT VỀ VỤ HARRY QUEBERT

Tin đồn nhà văn Marcus Goldman đang viết sách về Harry Quebert nổi lên mấy ngày gần đây trong giới văn hóa. Tin này vừa được khẳng định do có sự rò rỉ thông tin. Hôm qua, một số trang bản thảo của cuốn sách này đã tới tay ban biên tập của nhiều tờ nhật báo quốc gia. Cuốn sách kể lại chi tiết cuộc điều tra tử mẫn do Marcus Goldman thực hiện nhằm làm sáng rõ toàn bộ các sự kiện diễn ra vào mùa hè năm 1975 dẫn đến cái chết của Nola Kellergan, cô bé mất tích vào ngày 30 tháng Tám năm 1975. Ngày 12 tháng Sáu năm 2008, người ta đã phát hiện ra hài cốt của Nola được chôn trong vườn nhà Harry Quebert ở Aurora.

Bản quyền cuốn sách đã được nhà xuất bản Schmid & Hanson, một đơn vị quyền lực tại New York mua. Tổng giám

đốc của công ty này, ông Roy Barnaski, không tiết lộ bất kì thông tin nào, mặc dù vậy cũng đã cho biết cuốn sách dự kiến sẽ được xuất bản vào mùa thu tới với tựa đề Vụ án Harry Quebert [...]

Trích từ Concord Herald:

TIẾT LỘ CỦA MARCUS GOLDMAN

[...] Goldman là người có quan hệ rất gần gũi với Harry Quebert và từng là sinh viên của ông ta ở trường đại học. Chính từ Aurora, Goldman đã tường thuật lại những sự kiện xảy ra gần đây ở thành phố này. Câu chuyện của nhà văn bắt đầu bằng việc phát hiện ra mối quan hệ giữa Quebert và thiếu nữ Nola Kellergan khi cô bé mới mười lăm tuổi.

“Vào mùa xuân năm 2008, gần một năm sau khi tôi trở thành ngôi sao mới nổi của nền văn học nước Mỹ, đã xảy ra một sự kiện mà tôi quyết định chôn chặt trong tâm trí của mình: tôi phát hiện ra thầy giáo dạy tôi hồi đại học, Harry Quebert, sáu mươi bảy tuổi, một trong những nhà văn được cả nước tôn vinh, đã từng có quan hệ với một bé gái mười lăm tuổi khi thầy ở độ tuổi ba mươi tư. Câu chuyện đó đã xảy ra trong suốt mùa hè năm 1975”.

Trích từ Washington Post:

QUẢ BOM MARCUS GOLDMAN

[...] Càng điều tra, Goldman càng không ngừng đi hết từ phát hiện này tới phát hiện khác. Đặc biệt, anh kể rằng Nola Kellergan là một cô bé bị bỏ rơi, bị đánh đập và hành hạ, phải chịu hàng loạt các trận đòn dã man, bị nhấn ngập đầu trong nước lạnh. Tình bạn và sự gần gũi với Harry Quebert giúp anh đạt được một sự chín chắn và điềm tĩnh mà từ trước đến nay anh chưa từng có. Điều đó cũng giúp cho anh mơ mộng về một cuộc sống tốt đẹp hơn [...]

Trích từ Boston Globe:

CUỘC SỐNG PHÙ DU CỦA CÔ THIẾU NỮ NOLA KELLERGAN

Marcus Goldman phơi bày ra những yếu tố mà báo chí chưa từng biết đến. Nola Kellergan là đối tượng tình dục của E.S., nhà kinh doanh hùng mạnh ở Concord, người đã sai tay chân đi tìm kiếm nàng làm món thịt tươi. Nửa phụ nữ, nửa trẻ con, thật béo bở cho các hoang tưởng của cánh đàn ông ở Aurora. Cô bé cũng đã từng là miếng thịt ngon của ông Cảnh sát trưởng trong vùng; ông ta đã ép Nola quan hệ tình dục bằng miệng. Chính gã Cảnh sát trưởng này là người chịu trách nhiệm điều tra vụ Nola mất tích [...]

Vậy là tôi đã mất quyền kiểm soát về cuốn sách của mình ngay từ khi thậm chí nó chưa tồn tại.

Đầu giờ sáng thứ Năm ngày 10 tháng Bảy, tôi phát hiện ra các tựa đề lừa gạt của báo chí: tất cả các tờ nhật báo quốc gia đều đưa lên trang nhất mấy đoạn tôi mới viết sơ qua nhưng cắt xén câu chữ, bỏ ra khỏi ngữ cảnh của nó. Các giả thuyết của tôi biến thành các khẳng định thô thiển; những điều giả sử trở thành sự thực mới được phát hiện và các trần trở suy nghĩ trở thành các phán xét khét tiếng có giá trị. Người ta tháo rời công trình của tôi ra từng bộ phận, phá hủy các ý tưởng, xâm phạm các suy nghĩ của tôi. Người ta đã giết chết Goldman, nhà văn đang trong quá trình bình phục, đang cố gắng một cách khó nhọc thấy lại con đường viết sách.

Khi Aurora thức giấc, cảm xúc bắt đầu gia tăng trong thành phố: dân chúng chết lặng, đọc đi đọc lại các bài báo. Điện thoại trong nhà bắt đầu liên tục đổ chuông, một số người không hài lòng đến tận cửa nhà bấm chuông yêu cầu giải thích. Tôi chỉ có

hai lựa chọn, hoặc đối diện trực tiếp với họ hoặc trốn biệt: tôi chọn cách thứ nhất. 10 giờ sáng, tôi nốc cạn hai ly rượu mạnh rồi đến thẳng tiệm Clark's.

Khi bước qua cửa kính ở lối vào, tôi cảm thấy mọi ánh nhìn của những vị khách quen đổ dồn về tôi như thể ngàn ấy mũi dao găm. Tôi ngồi xuống bàn 17, tim đập thình thịch. Jenny vô cùng tức giận, vội chạy lại chỗ tôi nói rằng tôi là thứ rác rưởi tồi tệ nhất. Tôi sợ cô ấy sẽ ném thẳng cả ấm cà phê vào mặt tôi.

– Thế nào hả, cô hùng hổ, cậu đến đây chỉ lợi dụng chúng tôi để kiếm tiền hả? Chỉ để viết những trò đểu cáng về chúng tôi hả?

Mắt cô mọng nước. Tôi cố gắng trấn tĩnh cô:

– Cô Jenny, cô biết đó không phải là sự thật. Mấy đoạn trích đó nhẽ ra không bao giờ được xuất bản. Nhưng...

– Có thật chính cậu viết những điều kinh khủng đó không?

– Những câu văn đó bị tách khỏi ngữ cảnh nên mới trở nên kinh khủng như vậy.

– Nhưng chính cậu đã viết ra những từ ngữ đó phải không?

– Đúng. Nhưng...

– Không *nhưng* gì cả, cậu Marcus!

– Cháu cam đoan mình không hề có định kiến với bất kì ai, bất kì điều gì

– Không muốn có định kiến à? Cậu có muốn tôi trích ra từ tuyệt tác của cậu không hả? (Cô mở một cuốn sổ nhật kí ra). Nhìn này, đây, nó được viết rõ ràng đây: Jenny Quinn, nữ nhân viên phục vụ tại tiệm Clark's, đã phải lòng Harry ngay từ ngày đầu tiên...Cậu định nghĩa về tôi như vậy đó hả? Một nữ hầu bàn, một kẻ hèn hạ thêm nhỏ dãi tình yêu của Harry phải không?

– Cô biết đó không phải là sự thật mà...

– Nhưng Chúa ơi, nó được viết rõ ràng ra đó! Nó được viết trên tất cả các tờ báo của cái đất nước chết tiệt này! Mọi người đều đọc nó! Bạn bè tôi, gia đình tôi, chồng tôi!

Jenny hét lên. Khách hàng im lặng quan sát. Vì không muốn gây căng thẳng nên tôi bỏ đi, tôi đến thư viện, hi vọng Erne Pinkas sẽ là đồng minh của tôi, có thể chia sẻ với tôi thảm họa khi ngôn từ không được sử dụng đúng cách. Nhưng chính ông cũng chẳng tha thiết gặp tôi.

– Ô này, đại văn hào Goldman, ông ta nói khi thấy tôi. Cậu tới đây tìm thêm những điều kinh khủng để viết về thành phố này đây à?

– Cháu thật sự kinh hoàng khi thông tin bị rò rỉ và lan truyền như vậy, bác Erne ạ.

– Kinh hoàng ư? Hãy dừng ngay màn kịch của cậu đi. Báo chí, internet, truyền hình không nói gì khác ngoài cậu! Chắc cậu phải hài lòng lắm nhỉ. Dù sao thì tôi cũng hi vọng cậu có thể lợi dụng hết các thông tin tôi cung cấp. Marcus Goldman vị thượng đế tối cao của Aurora thò mặt vào đây bảo: tôi cần biết cái này, tôi cần biết cái kia. Chả bao giờ mở mồm nói nửa lời cảm ơn, cứ như thể đó là chuyện đương nhiên, cứ như thể tôi là loại nằm dưới gót giày của nhà văn vĩ đại Marcus Goldman. Cậu có biết cuối tuần này tôi làm gì không? Tôi đã bảy mươi lăm tuổi rồi, cứ cách một Chủ nhật tôi lại phải đi làm thêm ngoài siêu thị Montburry mới kiếm đủ cái ăn cho hết tháng. Tôi lượm xe đẩy hàng ở bãi đỗ xe rồi đẩy chúng đến phía trước cửa hàng. Tôi biết rằng công việc này không có gì là vinh quang, tôi không phải là siêu sao như cậu, nhưng tôi có quyền được tôn trọng, phải không nào?

– Cháu rất tiếc.

– Tiếc à? Cậu có tiếc cái quái gì đâu! Cậu không hiểu vì cậu chưa bao giờ quan tâm, Marc ạ. Cậu chưa bao giờ quan tâm tới bất kì ai ở Aurora. Đối với cậu, tất cả chỉ vì vinh quang. Nhưng vinh quang cũng có hậu quả đấy!

– Cháu thực lòng lấy làm tiếc, bác Erne ạ. Nếu bác muốn thì chúng ta đi ăn nhé!

– Tôi không muốn đi ăn! Tôi muốn cậu để tôi được yên! Tôi còn phải sắp xếp hàng chồng sách. Sách mới quan trọng. Còn cậu chả là cái thá gì cả.

Tôi trở về giam mình ở Goose Cove, cảm giác sợ hãi. Marcus Goldman, đứa con nuôi của Aurora, dù bản thân không mong muốn, đã phản bội lại chính gia đình của mình. Tôi gọi điện cho Douglas, yêu cầu cậu ấy phải đăng thông cáo bác bỏ các thông tin do báo chí công bố.

– Thông cáo bác bỏ chuyện gì? Báo chí chỉ làm mỗi một việc là nhật ra những điều cậu đã viết. Dù sao thì chỉ hai tháng nữa thôi là nó được xuất bản rồi.

– Báo chí bóp méo hết cả! Không có bất kì điều gì họ diễn đạt lại giống với cuốn sách của mình!

– Thôi đi nào, Marc. Đừng làm to chuyện ra như vậy. Cậu phải tập trung vào văn chương của cậu, đó là việc cần thiết. Trước mắt cậu còn rất ít thời gian. Cậu còn nhớ cách đây ba ngày, chúng ta gặp nhau ở Boston và cậu đã kí hợp đồng trị giá cả triệu đô để viết xong cuốn sách trong vòng bảy tuần chứ?

– Mình biết rồi, biết rồi! Nhưng điều đó không có nghĩa rằng nó sẽ là đồng giấy chùi dít!

– Một cuốn sách viết ra trong vài tuần là một cuốn sách viết ra trong vài tuần... Harry cũng chỉ cần vài tuần để viết nên

Nguồn gốc cái xấu xa.

– Harry là Harry, không biết cậu có hiểu mình muốn nói gì không?

– Không, tớ không hiểu. Harry là một nhà văn cực lớn!

– Cảm ơn! Rất cảm ơn! Thế còn mình?

– Cậu biết là tớ không định nói như thế... Cậu là nhà văn, có thể gọi là... nhà văn hiện đại. Người ta thích cậu vì cậu còn trẻ, năng động... và hiện đại. Cậu là nhà văn hiện đại. Đây, thế đây! Mọi người không mong đợi cậu giạt được giải Pulitzer, người ta thích sách của cậu bởi vì nó là xu thế của thời đại, bởi vì nó giúp người ta tiêu khiển, thế là đã tốt rồi.

– Cậu nghĩ đúng như thế à? Cậu nghĩ mình chỉ là nhà văn làm trò tiêu khiển cho thiên hạ à?

– Đừng có bóp méo điều tớ nói nhé Marc. Nhưng mà... Thế cậu không ý thức được rằng độc giả thích cậu tại vì cậu... đẹp trai à.

– Đẹp trai à? Thật càng lúc càng tệ.

– Thôi đi, Marc, cậu thấy rõ tớ có thể nói đến đâu! Cậu truyền tải tới công chúng một hình ảnh nhất định. Như tớ đã nói với cậu đây, cậu đang là xu thế của thời đại. Tất cả mọi người đều yêu quý cậu. Cậu vừa là người bạn tốt, vừa là người tình bí ẩn, kiểu rất lí tưởng... Chính vì vậy Vụ án Harry Quebert sẽ gặt thành công lớn. Diên thật, cuốn sách còn chưa có, thế mà đã bán đắt như tôm tươi rồi. Trong suốt cuộc đời sự nghiệp, tớ chưa bao giờ thấy điều tương tự.

– Cậu vừa nói cái gì, Vụ án Harry Quebert à?

– Ý tớ là tựa đề của cuốn sách.

– Thế là thế nào, sao lại là tựa đề của cuốn sách?

– Thì chính cậu viết như thế trong tập bản thảo của cậu còn gì.

– Đó mới chỉ là tựa đề tạm thời. Mình để rõ ngay ở đầu trang: tựa đề tạm thời. Tạm thời. Cậu có hiểu không, nó là tính từ chỉ một cái gì đó chưa được quyết định dứt khoát.

– Barnaski chưa báo cho cậu à? Phòng marketing cho rằng tựa đề này quá hoàn hảo. Họ quyết định như vậy tối qua trong cuộc họp khẩn bất thường vì vụ rò rỉ thông tin. Họ quyết định phải lợi dụng điều này một cách tốt nhất, biến nó thành một công cụ marketing. Sáng nay, họ đã bắt đầu chiến dịch quảng cáo cho cuốn sách. Tớ tưởng cậu biết rồi. Lên internet mà xem.

– Cậu tưởng à? Mẹ kiếp, Doug! Cậu là đại diện của mình! Cậu không được tưởng mà phải hành động. Cậu phải đảm bảo cho mình biết tất cả mọi việc diễn ra xung quanh cuốn sách của mình chứ, mẹ kiếp!

Tôi điên tiết dập điện thoại, chạy lại phía máy tính. Trên trang đầu tiên của website Schmid & Hanson hoàn toàn chỉ có thông tin liên quan tới cuốn sách. Có một tấm ảnh màu khổ to của tôi và mấy tấm ảnh đen trắng về Aurora minh họa đoạn văn sau:

VỤ ÁN HARRY QUEBERT

Marcus Goldman kể về vụ mất tích của Nola Kellergan

Xuất bản mùa thu.

Hãy đặt mua ngay từ bây giờ!

13 giờ cùng ngày, sau kết quả giám định chữ viết, phiên tòa do văn phòng công tố triệu tập sẽ phải làm việc. Cánh nhà báo kéo đến rất đông, dồn lên trên cầu thang tòa án ở Concord,

trong khi đó trên các kênh truyền hình tường thuật trực tiếp vụ xét xử, phát thanh viên lại lập lại những lời tiết lộ mà báo chí đã đưa tin.

Một giờ trước khi mở phiên tòa, tôi gọi điện cho Roth thông báo tôi sẽ không đến tòa án.

– Anh bỏ trốn à Marcus? Anh ta chỉ trích tôi. Thôi đi, đừng giả vờ nhút nhát: cuốn sách này là ân huệ đối với tất cả mọi người. Nó sẽ gột hết tội lỗi cho Harry, làm cho sự nghiệp của anh thêm bền vững và cũng làm cho uy tín của tôi nhảy vọt lên một bậc: tôi sẽ không còn là Roth ở Concord nữa, mà tôi sẽ là Roth được nói đến trong tác phẩm best-seller! Cuốn sách này ra rất đúng thời điểm. Nhất là đối với anh. Hai năm anh không viết được gì cũng chẳng sao.

– Im đi Roth! Anh không biết anh đang nói gì đâu!

– Thế còn anh, Goldman, hạ màn đi! Anh biết rõ là sách của anh sẽ mang lại điều bất hạnh. Anh tiết lộ cho tất cả đất nước này thấy tại sao Harry là kẻ đồi bại. Anh đang gặp khó khăn trong việc tìm cảm hứng đang không biết viết gì thì bỗng nhiên anh vớ được cơ hội viết cảm chắc thành công.

– Mấy trang viết đó nhẽ ra không bao giờ được tới tay báo chí.

– Nhưng những trang đó do chính anh viết. Không cần phải suy nghĩ nhiều, hôm nay tôi tính sẽ đưa Harry ra khỏi nhà tù. Hiển nhiên là nhờ anh. Tôi nghĩ ông thẩm phán cũng phải đọc báo rồi, vậy nên tôi sẽ không cần nhọc công thuyết phục rằng Nola là loại gái đi tự nguyện.

– Đừng làm thế, Roth! Tôi kêu lên.

– Tại sao lại không?

– Bởi vì Nola không phải như vậy. Và Harry yêu Nola! Harry

yêu cô ấy!

Nhưng anh ta đã đập máy. Không lâu sau, tôi đã thấy Roth xuất hiện trên truyền hình, vẻ đắc thắng, ung dung bước lên những bậc thang của tòa án với nụ cười rạng rỡ. Cánh nhà báo giờ micrô ra trước mặt anh ta, hỏi anh ta những điều viết trên báo chỉ có đúng hay không: Nola Kellergan phải chăng đã quan hệ với tất cả đàn ông trong thành phố? Liệu cuộc điều tra có phải bắt đầu lại từ đầu hay không? Còn anh ta thì vui vẻ khẳng định tất cả mọi điều người ta hỏi.

Phiên tòa trở thành buổi lễ giải phóng cho Harry. Nó kéo dài chưa được 20 phút, theo kết luận của tòa, toàn bộ vụ án xì hơi như ống thổi. Bằng chứng có trọng lượng nhất là tập bản thảo thì hoàn toàn mất hết giá trị khi thông điệp Vĩnh biệt, Nola yêu quý không phải do Harry viết. Những chi tiết khác được phủ định sạch như cát cỏ: lời buộc tội của bà Tamara Quinn không đáng tin do không hề có bằng chứng cụ thể, chiếc Chevrolet Monte Carlo màu đen thời đó thậm chí còn không bị coi là chứng cứ có trọng lượng. Cuộc điều tra giống mớ bong bong khổng lồ. Chủ tọa quyết định, vì có những yếu tố mới vừa được phát hiện, nên Harry Quebert sẽ được thả tự do nếu đặt cọc một khoản là nửa triệu đô la.

Toàn bộ cánh nhà báo điên loạn vì cú đảo chiều ngoạn mục này. Tin đồn rộ lên, có lẽ vì muốn khuếch trương thanh thế nên ngài chưởng lý mới cho bắt bỏ tù Harry để mua vui dân chúng. Tại tòa, mọi người được chứng kiến màn trình diễn của cả hai bên: mới đầu là Roth hớn hử tuyên bố rằng sau khi gom xong tiền đặt cọc, ngày mai Harry sẽ là người tự do; sau đó đến vị chưởng lý nỗ lực giải thích tính lô gích trong điều tra của ông ta nhưng không mấy thuyết phục!

Khi cảm thấy quá chán với các màn diễn của tòa án qua màn

ảnh nhỏ, tôi đứng lên đi chạy. Tôi có nhu cầu phải chạy thật xa, thử thách cơ thể mình. Tôi có nhu cầu phải cảm thấy mình đang sống. Tôi chạy đến tận hồ Montburry, ở đây tụ tập rất đông trẻ con và các gia đình. Trên đường về, gần tới Goose Cove, một chiếc xe cứu hỏa vượt qua tôi, một chiếc khác bám sát theo và sau cùng là xe cảnh sát. Cùng lúc đó, tôi nhìn thấy làn khói xám và dày bốc lên từ rừng thông. Ngay lập tức tôi hiểu ra: ngôi nhà đang bị cháy. Vụ hỏa hoạn xảy ra, những lời đe dọa đã thành hiện thực.

Tôi cố gắng chạy cật lực như chưa bao giờ từng chạy như vậy, vội vàng về cứu lấy ngôi nhà của nhà văn mà tôi xiết bao quý mến. Lính cứu hỏa tới đông, nhưng lửa quá lớn, đã nuốt chửng toàn bộ mái hiên. Tất cả đang cháy rụi. Cách đám cháy khoảng chục mét, bên cạnh đường, một viên cảnh sát ngẩng nhìn mui xe của tôi có viết mấy chữ bằng sơn đỏ Đốt đi, Goldman, đốt đi.

* * *

10 giờ sáng hôm sau, đám cháy vẫn còn bốc khói. Phần lớn ngôi nhà đã bị phá hủy. Cảnh sát đặc nhiệm đang làm việc giữa đồng trống nát trong khi đó đội cứu hỏa cố gắng không cho đám cháy bùng lại. Theo quy mô của đám cháy mà phán đoán, thì xăng hoặc một sản phẩm kích cháy cùng loại đã được đổ xuống hiên. Lửa lập tức lan rộng. Toàn bộ hiên nhà, sân và phòng khách bị cháy rụi, thậm chí cả bếp cũng bén lửa. Tầng một tuy tránh được lưỡi lửa nhưng lại bị ám khói, đặc biệt bị hư hỏng nặng khi lính cứu hỏa dùng nước để dập lửa.

Tôi chẳng khác gì một bóng ma, vẫn mặc nguyên bộ quần áo

thể thao, ngồi bệt xuống cỏ nhìn đồng cỏ nát và tro tàn. Tôi ngồi đó cả đêm. Cạnh chân tôi là chiếc túi còn nguyên vẹn được lính cứu hỏa lấy từ trong nhà: bên trong có ít quần áo và chiếc máy tính.

Tôi nghe thấy tiếng ô tô đến gần và những tiếng xì xào sau lưng. Harry tới. Ông vừa được thả. Tôi đã báo tin cho Roth và tôi biết Harry chắc chắn đã được biết về thảm kịch này. Ông bước vài bước về phía tôi, rồi ông ngồi xuống cỏ, lẳng lặng nói với tôi:

– Anh sao thế, Marcus?

– Em không biết phải nói gì, thầy Harry.

– Không cần nói gì hết. Cứ nhìn điều anh làm. Không cần phải nói.

– Thầy Harry, em...

Ông nhìn thấy chữ viết trên mui chiếc xe Range Rover của tôi rồi hỏi:

– Ô tô của anh không bị sao à?

– Không ạ.

– Thế thì càng tốt. Vì anh sẽ lên xe và biến khỏi đây ngay lập tức.

– Thầy Harry...

– Cô ấy yêu tôi, Marcus! Cô ấy yêu tôi! Và tôi cũng yêu cô ấy, tôi không bao giờ còn yêu ai sau đó. Tại sao anh lại viết những điều kinh hoàng ấy chứ? Anh có biết vấn đề của anh là gì không? Anh chưa bao giờ được yêu! Chưa bao giờ! Anh muốn viết truyện tình, nhưng lại chẳng biết tình yêu là gì! Bây giờ, tôi muốn anh đi ngay khỏi đây! Chào anh.

– Em chưa bao giờ miêu tả, cũng chưa bao giờ nghĩ về Nola

giống như báo chí viết. Họ đánh tráo ý nghĩa của các ngôn từ em viết, thầy Harry ạ.

– Thế sao anh lại cho phép Barnaski gửi đồng giấy chùi dít ấy đến tất cả các tờ báo quốc gia?

– Không, đó là do mất trộm!

Ông cười điên dại.

– Mất trộm à! Đừng nói là anh ngây thơ đến mức tin vào chuyện bịa của Barnaski! Tôi khẳng định với anh, chính hắn đã copy và gửi đồng giấy chết tiệt của anh đi khắp đất nước này.

– Cái gì? Sao lại thế...

Ông cắt ngang lời tôi.

– Marcus, ước gì tôi chưa bao giờ gặp anh. Giờ thì đi đi. Anh đang đứng trên mảnh đất của tôi, bây giờ anh không được chào đón nữa.

Yên lặng kéo dài một lúc lâu. Lính cứu hỏa và cả nhân viên cảnh sát đều đứng nhìn chúng tôi. Tôi vội lấy chiếc túi, nhảy lên ô tô và ra đi. Ngay lập tức, tôi gọi điện cho Barnaski.

– Thật vui được nghe giọng nói của anh, Goldman, ông ta nói. Tôi vừa mới biết tin về ngôi nhà của Quebert. Tin tức này được phát trên tất cả các kênh truyền thông. Thật mừng vì biết rằng anh không làm sao cả. Tôi không nói chuyện với anh lâu được, tôi có cuộc hẹn gặp với ban lãnh đạo của Warner Bros: đạo diễn đã xếp hàng dài xin dựng phim Vụ án bắt đầu từ trang đầu tiên. Họ rất phấn khởi. Tôi nghĩ chúng ta có thể bán cho họ bản quyền để kiếm thêm một gia tài nho nhỏ.

Tôi ngắt lời ông ta:

– Không có sách vở gì cả, Roy.

– Anh huyền thuyên cái gì thế?

– Chính ông phải không? Chính ông đã gửi những trang viết của tôi cho giới báo chí! Ông phá hỏng hết cả!

– Đừng thay đổi xoành xoạch như chong chóng thế chứ, anh Goldman. Tệ hơn nữa, anh chơi trò siêu sao sang chảnh không làm tôi vui lòng một tí nào! Anh tham gia màn kịch lớn, đóng vai thám tử rồi bỗng nhiên lên cơn đồng bóng, đòi dừng hết cả lại. Anh biết không, tôi coi như là anh mới phải trải qua một đêm mất ngủ mà hành động đại dột như vậy, và quên cuộc gọi điện thoại này. Không có sách vở gì cả, đúng là... anh cho mình là ai thế hả Goldman?

– Là một nhà văn tự do thực sự. Viết có nghĩa là được tự do. Ông ta cố rặn ra để cười.

– Ai nhét vào đầu anh ý tưởng ngu ngốc như vậy? Anh là nô lệ cho sự nghiệp của anh, cho ý tưởng của anh, cho sự thành công của anh. Anh là nô lệ của các điều kiện của anh. Viết, có nghĩa là phụ thuộc. Phụ thuộc vào những người đọc sách của anh và phụ thuộc cả vào những người không đọc sách của anh. Tự do là sự bịa đặt khốn nạn! Không có ai tự do cả. Tôi nắm một phần tự do của anh trong tay, cũng như tất cả cổ đông của công ty nắm một phần tự do của tôi trong tay họ. Cuộc sống là như vậy đấy, Goldman. Không ai có tự do cả. Nếu con người có tự do thì họ sẽ hạnh phúc. Thế anh có biết ai thực sự hạnh phúc không? (Vì tôi im lặng, ông ta lại nói tiếp). Anh biết rồi, tự do là khái niệm hay đấy. Tôi biết một tay kinh doanh ở Wall Street, cực kì giàu có, vàng dát đầy người và ai ai cũng mỉm cười với anh ta. Một hôm, anh ta muốn trở thành người đàn ông tự do. Anh ta xem phóng sự về Alaska, bộ phim ấy gây cho anh ta một cú sốc mạnh. Thế là anh ta quyết định trở thành người đi săn, sống bằng khí trời trong lành, tự do và hạnh phúc. Anh ta vứt bỏ hết tất cả, đi đến miền nam của Alaska, phía Wrangell. Thế

rồi anh biết không, hắn đã từng thành công mọi thứ trong cuộc sống và cũng đã thành công tương tự ở thử thách này: tức là hắn đã trở thành người đàn ông thực sự tự do. Không ràng buộc, không gia đình, không nhà cửa: chỉ có vài con chó và một cái lều. Hắn đã là người đàn ông duy nhất thực sự tự do mà tôi biết.

– Hắn đã là à?

– Đúng, đã là. Anh chàng đã rất tự do trong vòng ba tháng, từ tháng Sáu đến tháng Mười. Rồi rớt cuộc khi mùa đông tới, anh ta chết cồng vì lạnh sau khi chén hết cả lũ chó vì thất vọng. Không ai tự do cả; Goldman ạ, ngay cả những người thợ săn ở Alaska. Đặc biệt là ở trên đất Mỹ, nơi tất cả những người Mỹ chân chính đều phải phụ thuộc vào hệ thống, người Inuit phụ thuộc vào viện trợ của chính phủ và rượu những người Indien tự do nhưng lại bị nhốt trong các vườn thú dành cho người mà ta gọi là khu bảo tồn, ở đó họ buộc phải nhảy đi nhảy lại những điệu múa đáng thương liên tục dưới trời mưa, mua vui cho đám khách du lịch. Không có ai có tự do cả, con trai của ta ạ. Chúng ta là tù nhân của những người khác và của chính chúng ta.

Trong khi Barnaski nói thì tôi bỗng nghe thấy tiếng còi hụ phía sau: tôi bị xe cảnh sát đuổi theo. Tôi dập điện thoại, đỗ lại bên đường, nghĩ chắc tôi bị bắt do sử dụng điện thoại trong khi lái xe. Nhưng từ xe cảnh sát, trung sĩ Gahalowood bước ra. Anh ta tiến lại phía cửa sổ xe tôi và nói:

– Anh đang quay về New York đây à, nhà văn.

– Ai bảo anh thế?

– Thì anh đang đi theo hướng về New York.

– Ồ, chẳng hiểu sao tôi tự nhiên chạy theo hướng này, không suy nghĩ gì cả.

- Bản năng tồn tại chẳng?
- Anh nói chuẩn xác quá. Làm thế nào anh biết là tôi?
- Chắc anh không để ý, nhưng trên mui xe viết tên anh. Bây giờ không phải là lúc về nhà đâu, nhà văn ạ.
- Nhà của Harry bị cháy rồi.
- Tôi biết rồi. Chính vì vậy tôi ở đây gặp anh. Anh không thể về New York được.
- Tại sao?
- Tại vì anh là một tay dũng cảm. Trong suốt cuộc đời sự nghiệp, tôi hiếm khi gặp được một người kiên cường như anh.
- Người ta phá hỏng hết cuốn sách của tôi rồi.
- Nhưng anh còn chưa viết cuốn sách đó cơ mà: số phận anh còn đang nằm trong tay anh! Anh vẫn có thể làm được tất cả! Anh có thiên bẩm viết sách! Thế thì hãy bắt tay vào việc và viết một tuyệt tác! Anh là người biết đấu tranh, nhà văn ạ. Anh là người biết đấu tranh, và anh có cuốn sách phải viết. Anh có những điều phải nói! Xin anh thứ lỗi, nhưng anh cũng đã đặt tôi vào tình huống cút đá đến tận cổ. Tay chưởng lý bị rơi vào tình cảnh không mấy vui vẻ nên tôi cũng bị dính theo. Chính tôi đã bảo với ông ta phải nhanh chóng bắt Harry. Tôi nghĩ ba mươi ba năm sau khi vụ việc xảy ra, bị bắt bất ngờ chắc chắn sẽ làm cho Harry sợ hãi. Tôi đã nhầm lẫn như kẻ mới vào nghề. Rồi anh nhúng mũi vào, với đôi giày đánh xi bóng loáng trị giá bằng cả tháng lương của tôi. Tôi sẽ không diễn vở kịch tình cảm sướt mướt ngay bên lề đường, nhưng...đừng bỏ đi. Chúng ta cần phải hợp tác với nhau để kết thúc cuộc điều tra này.
- Tôi chẳng còn có chỗ ngủ nữa. Ngôi nhà bị cháy...
- Anh vừa đút túi một triệu đô la. Trên báo viết như vậy đấy. Anh cứ việc ngủ phòng hạng siêu sang trong khách sạn nào đó ở

Concord. Tôi sẽ đưa thêm cho anh hóa đơn các bữa trưa của tôi để anh thanh toán luôn thể. Tôi đang chết đói đây. Lên đường thôi, nhà văn. Chúng ta còn có rất nhiều việc phải làm.

* * *

Trong suốt một tuần sau đó, tôi không hề đặt chân tới Aurora. Tôi thuê hẳn một phòng hạng siêu sang ở Regent's, trung tâm Concord, tại đó, suốt ngày tôi chỉ cúi mặt hoặc vào cuộc điều tra, hoặc vào cuốn sách. Tôi chỉ nhận được tin tức của Harry thông qua Roth, anh ta báo cho tôi biết rằng ông đã tới ở tại phòng số 8 của nhà nghỉ Sea Side. Roth bảo Harry không còn muốn gặp lại tôi nữa vì tôi đã làm dơ bản tên Nola. Anh ta còn nói thêm:

– Xét cho cùng, tại sao anh lại đi kể với toàn giới báo chí rằng Nola là loại gái lăng loàn không tự tin vào bản thân?

Tôi định cố bảo vệ mình:

– Tôi không hề kể lể gì hết! Tôi mới viết có vài trang rồi đưa cho gã Roy Barnaski khốn kiếp vì ông ta muốn yên tâm thấy công việc của tôi có tiến triển. Ông ta cố ý sắp đặt cho tất cả các báo in tin dưới dạng là một vụ trộm.

– Nếu mà anh đã nói vậy thì...

– Nhân danh Chúa, không phải tôi cố tình nói vậy mà đó là sự thực!

– Dù sao đi nữa thì cũng hoan hô nghệ sĩ. Tôi không thể làm tốt hơn được.

– Anh muốn nói gì?

– Biến nạn nhân thành tội phạm, cách tốt nhất để bác bỏ lời

kết tội.

– Harry được thả tự do trên cơ sở nghiên cứu nét chữ. Anh biết rõ điều đó hơn cả tôi.

– Ôi giờ ời, Marcus, như tôi đã nói với anh rồi, tòa án cũng chỉ là những con người cả thôi. Điều đầu tiên họ làm hàng sáng lúc uống cà phê, đó là đọc báo.

Roth là người nông dân xôi thịt nhưng không đến nỗi đáng ghét, cũng cố gắng an ủi tôi bằng cách giải thích rằng Harry rất rối loạn vì mất Goose Cove, nhưng rồi cảnh sát sẽ nhanh chóng tóm được hung thủ và Harry khi đó sẽ cảm thấy tốt hơn nhiều. Về vấn đề này, các điều tra viên hiện đang có hướng đi nghiêm túc: ngày hôm sau vụ hỏa hoạn, sau khi tìm kỹ xung quanh ngôi nhà, họ phát hiện trên bãi biển có bi đông đựng xăng giấu trong lùm cây, trên bi đông vẫn còn dấu vân tay. Nhưng không may là dấu vân tay này không trùng với bất kì dấu vân tay nào mà cảnh sát lưu giữ. Gahalowood cho rằng, nếu không có những yếu tố khác, rất khó mà nhầm lẫn được tội phạm. Theo Gahalowood, hẳn đây là một công dân gương mẫu nhất, trước kia chưa có tiền án tiền sự nên sẽ không bao giờ gây chú ý của mọi người. Tuy nhiên, ông ta cho rằng có thể thu hẹp đối tượng tình nghi là người trong vùng, ai đó ở Aurora, sau khi gây tội giữa ban ngày đã vội vàng thủ tiêu tang vật công kênh vì sợ những người đi đạo ở đó phát hiện.

Tôi có sáu tuần để lật ngược diễn biến sự việc và biến cuốn sách của tôi thành tuyệt tác. Đã đến lúc phải chiến đấu, phải trở thành nhà văn như tôi mong muốn. Tôi dành buổi sáng để viết sách, còn buổi chiều tôi làm việc cùng Gahalowood. Anh ta đã biến căn phòng hạng siêu sang của tôi thành phòng làm việc phụ của mình, yêu cầu nhân viên phục vụ ở khách sạn chuyên chở những tập tài liệu chứa đầy bằng chứng, báo cáo, trích báo,

ảnh và các lưu trữ khác.

Chúng tôi nghiên cứu lại từ đầu toàn bộ cuộc điều tra: chúng tôi đọc lại tất cả các báo cáo của cảnh sát, nghiên cứu tất cả lời khai của các nhân chứng thời kì đó. Chúng tôi vẽ bản đồ Aurora và những vùng lân cận, cùng tính toán các khoảng cách, từ nhà gia đình Kellergan tới Goose Cove, rồi từ Goose Cove tới đường Side Creek. Gahalowood đến tận nơi kiểm tra toàn bộ thời gian để di chuyển trên các quãng đường bằng xe hơi cũng như đi bộ, thậm chí anh ta còn kiểm tra lại cả thời gian can thiệp của cảnh sát địa phương tới các sự việc, thực sự là họ đã phản ứng rất nhanh.

– Khó mà chê trách được những gì Cảnh sát trưởng Pratt đã làm, tôi nói. Cuộc điều tra được tiến hành rất chuyên nghiệp. Còn về phần Harry, thì chúng ta biết rằng thông điệp trên tập bản thảo không phải do ông ấy viết. Thế thì tại sao Nola lại được chôn ở Goose Cove?

– Hẳn là để được yên, Gahalowood gợi ý. Anh có bảo với tôi, Harry kể cho tất cả mọi người rằng có lúc anh ta vắng mặt mấy ngày ở Aurora.

– Chính xác. Vậy theo anh, hung thủ biết Harry không có nhà?

– Có thể. Nhưng khi quay về, Harry lại không nhận ra có người đào hố ở gần nhà mình, công nhận điều này hơi lạ...

– Lúc đó ông ấy không được bình thường, tôi nói. Ông ấy lo lắng, suy sụp. Ông ấy chỉ ngồi đợi Nola. Thế thì cũng rất dễ hiểu khi ông ấy không nhận thấy vết đào bới, nhất là ở Goose Cove hề trời chỉ hơi mưa là đất hoàn toàn biến thành bùn.

– Thế thì tôi cũng có thể đồng ý với anh. Vậy là, hung thủ biết chắc không ai đến làm phiền hán ở đây. Nếu như người ta

tìm ra bộ hài cốt, thì ai sẽ là người bị kết tội?

- Harry.

- Chuẩn rồi, nhà văn ạ.

- Thế thì tại sao lại có dòng chữ ấy? Tôi hỏi. Tại sao lại viết Vĩnh biệt Nola yêu quý?

- Câu hỏi này trị giá một triệu đô la, nhà văn ạ. Tức là, nếu tôi được phép nói, thì ý tôi là đây là câu hỏi dành cho anh đó.

Vấn đề chính chúng tôi gặp phải đó là các hướng nghiên cứu đang rất mờ lung. Rất nhiều câu hỏi quan trọng vẫn tắc tị, Gahalowood ghi hết lên tờ giấy khổ lớn.

- Elijah Stern

Tại sao hắn trả tiền cho Nola để vẽ cô ấy? Động cơ nào giết chết Nola?

- Luther Caleb

Tại sao hắn vẽ Nola? Tại sao hắn lại lảng vảng ở Aurora? Động cơ nào giết Nola?

- David và Louisa Kellergan

Họ có đánh đập con gái mình quá đáng không? Tại sao họ giấu giếm ý định tự tử của Nola và vụ trốn nhà đi Martha's Vineyard?

- Harry Quebert

Có phải là thủ phạm?

- Cảnh sát trưởng Gareth Pratt

Tại sao Nola lại quan hệ với ông ta? Động cơ: có bị Nola dọa tố cáo không?

- Tamara Quinn khẳng định tờ giấy lấy trộm ở nhà Harry bị mất cắp có đúng không? Ai đột nhập vào tiệm Clark's?

- Ai là người viết những bức thư nặc danh cho Harry? Ai là người biết chuyện kể từ ba mươi ba năm nay mà không bao giờ hé răng?

- Ai là người đốt Goose Cove? Ai là người không muốn cuộc điều tra này kết thúc?

Buổi tối mà Gahalowood ghim tờ giấy trên tường trong căn phòng của tôi ở khách sạn, anh ta thả một cái rở dài, đầy thất vọng.

- Chúng ta càng điều tra thì tôi càng thấy sự việc mờ mịt hơn, anh ta nói. Tôi nghĩ phải có một yếu tố trung tâm nối kết những con người và những sự kiện này với nhau. Đó chính là chìa khóa của cuộc điều tra! Nếu chúng ta tìm ra được mối liên hệ đó, chúng ta sẽ tìm ra thủ phạm.

Anh ta đổ gục xuống ghế bành. Lúc đó là 19 giờ, Gahalowood không còn chút năng lượng nào để suy nghĩ tiếp. Như những ngày trước đó, vào giờ này, tôi chuẩn bị ra ngoài để làm việc thường làm: tôi đâm bốc trở lại. Tôi tìm ra một phòng đâm bốc cách khách sạn 15 phút chạy xe và quyết định nghiêm túc quay trở lại võ đài. Chính nhân viên bảo vệ khách sạn giới thiệu nơi này cho tôi và anh ta cũng tập ở đó. Kể từ khi ở Regent's, tối nào tôi cũng đến phòng tập này.

- Anh đi đâu mà ăn mặc như vậy? Gahalowood hỏi.

- Đâm bốc. Anh có muốn đi cùng không?

- Chắc chắn không.

Tôi nhét đồ vào túi xách và chào anh ta:

- Cứ ở đây đến khi nào anh muốn, trung sĩ nhé. Khi về chỉ cần sập cửa lại là được.

-Ồ, đừng lo lắng gì cả, tôi chỉ ghé qua phòng làm việc thôi.

Anh đi đấm bốc thật đấy à?

– Đúng.

Anh ta do dự một chút, rồi khi tôi đã đi qua cửa phòng, anh ta liền gọi:

– Đợi tôi một tí, nhà văn, thôi, tôi đi cùng với anh!

– Sao anh lại thay đổi ý kiến thế?

– Vì tôi muốn hạ gục anh. Tại sao anh lại thích đấm bốc hả nhà văn?

– Đó là cả một câu chuyện dài, trung sĩ ạ.

Thứ Năm ngày 17 tháng Bảy, chúng tôi đến gặp Neil Rodik, đại úy cảnh sát đã cùng chỉ đạo cuộc điều tra năm 1975. Hiện nay ông ấy đã tám mươi lăm tuổi, sống trên xe lăn, trong ngôi nhà dành cho người già bên bờ biển. Ông ấy vẫn còn nhớ những nghiên cứu thảm họa về Nola. Ông ấy nói đó là vụ án kéo dài cả đời ông ta.

– Đứa bé gái biến mất, thật không thể tưởng tượng nổi! Ông kêu lên. Một người phụ nữ thấy nó người đầy máu chạy ra khỏi rừng. Trong lúc gọi điện thoại cho cảnh sát, con bé vĩnh viễn biến mất. Theo tôi, điều ngạc nhiên nhất đó là tại sao cha Kellergan lại mở nhạc âm ã đến như vậy. Điều này luôn giày vò tôi. Và rồi, hơn nữa, lúc nào tôi cũng tự hỏi tại sao làm cha mà lại không nhận ra con gái mình bị bắt cóc.

– Vậy thì thưa đại úy, đó là vụ bắt cóc sao? Gahalowood hỏi.

– Thật khó mà nói được thế. Không có bằng chứng gì cả. Không biết liệu có phải con bé ra ngoài đi dạo rồi bị kẻ rồ nào đó bắt lên xe tải và đưa đi? Ừ, hẳn là vậy.

– Liệu ông còn nhớ thời tiết của mấy ngày tìm kiếm trong rừng khi ấy không?

- Rất tệ, sương mù dày đặc. Tại sao anh lại hỏi tôi như vậy?
- Để biết chắc chắn Harry Quebert thực sự không thể phát hiện ra có người đào bới trong vườn của ông ta.
- Cũng không hẳn là vô lí. Khuôn viên nhà ông ta quá rộng. Nhà ông có vườn không hả trung sĩ?
- Có.
- Cỡ nào?
- Nhỏ thôi.
- Anh có nghĩ rằng nếu có ai đó tới nhà anh lúc anh đi vắng đào một cái hố nhỏ rồi sau đó anh không phát hiện ra?
- Quả thật là rất có thể.

Trên đường quay trở về Concord, Gahalowood hỏi ý kiến tôi về cuộc trò chuyện.

- Đối với tôi, tập bản thảo chứng minh rằng Nola không bị bắt ra khỏi nhà, tôi nói. Cô ấy đi với chủ định gặp Harry. Họ hẹn nhau ở chỗ nhà nghỉ, cô ấy bí mật bỏ nhà đi cùng thứ duy nhất có giá trị đáng kể. Cô ấy bị bắt chính trên đường đi.

Gahalowood mỉm cười.

- Tôi nghĩ tôi bắt đầu thích thú với ý tưởng này đây, anh ta nói. Cô ta bỏ nhà, điều này lí giải tại sao không có ai biết hay nghe thấy gì. Cô ta đi đường 1 tới nhà nghỉ Sea Side. Chính lúc đó cô ta bị bắt. Hoặc có thể cô ta bị người quen tóm cổ trên đường. Chính thủ phạm đã viết Nola yêu quý. Hắn biết Nola. Hắn muốn chờ cô ấy. Rồi thì hắn giở trò sàm sỡ. Có thể hắn tấp xe vào vệ đường, rồi thò tay dưới váy cô bé. Cô bé chống lại: hắn đánh Nola, bắt cô bé phải im. Nhưng hắn không khóa cửa xe, nên rốt cuộc Nola bỏ chạy. Cô bé muốn trốn trong rừng, và ai sống gần đường 1 và khu rừng Side Creek?

– Deborah Cooper.

– Chính xác! Kẻ tấn công để ô tô bên đường, đuổi theo Nola. Deborah Cooper nhìn thấy cả hai và gọi cảnh sát. Trong khi đó, kẻ tấn công tóm được Nola ở chỗ người ta tìm thấy máu và những lọn tóc; cô bé chống cự, bị hấn đánh cật lực. Có thể hấn đã cưỡng hiếp cô bé. Nhưng lúc đó cảnh sát đến: Travis Dawn và Cảnh sát trưởng Pratt bắt đầu lùng sục trong rừng và dần dần tiếp cận hấn. Vậy nên hấn kéo Nola vào tít sâu trong rừng, nhưng cô bé thoát được, chạy về nhà bà Deborah Cooper tìm cách trốn ở đó. Còn Dawn và Pratt thì tiếp tục lùng sục trong rừng. Cả hai đã đi quá xa để có thể nhận thức được mọi việc. Deborah Cooper mở cửa đón Nola vào phòng bếp và vội vàng đi vào phòng khách để gọi điện thoại cho cảnh sát. Khi bà quay trở lại phòng bếp, thì kẻ tấn công đã ở đó; hấn đột nhập vào nhà để bắt Nola. Hấn hạ bà Cooper bằng viên đạn xuyên tim và mang Nola đi. Hấn kéo cô bé tới tận ô tô, ném vào trong cốp xe. Có thể cô bé vẫn còn sống nhưng chắc đã bất tỉnh vì mất máu. Chính lúc đó hấn đụng phải xe ô tô của Phó cảnh sát trưởng. Cuộc rượt đuổi diễn ra. Sau khi cắt đuôi cảnh sát, hấn trốn ở Goose Cove. Hấn biết đó là nơi hẻo lánh, sẽ không có ai đến quấy rầy hấn. Các nhân viên cảnh sát lại truy lùng hấn ở đoạn trên, đoạn đường đi Montburry. Hấn để ô tô với Nola lại Goose Cove; có khi hấn còn đang hoảng để xe vào gara. Sau đó hấn ra bãi biển và đi bộ về Aurora: hấn thạo đường, biết rõ đường rừng, hấn biết Harry đi vắng. Hấn biết hết. Hấn về nhà mà không làm bất kì ai chú ý; hấn tắm rửa, thay quần áo, rồi khi cảnh sát đến nhà gia đình Kellergan, nơi có người cha vừa báo con gái bị mất tích, thì hấn cũng hòa vào đám đông những người tò mò trên đại lộ Terrace Avenue. Đó chính là lí do tại sao ta không tìm ra kẻ giết người: bởi vì trong khi tất cả mọi người tìm kẻ sát nhân

xung quanh Aurora, thì hẳn lại trà trộn vào đám động hiểu kì, ngay chính giữa Aurora.

– Mẹ kiếp, tôi nói. Vậy thì hẳn ở ngay đó à?

– Đúng vậy. Tôi tin rằng từ bấy đến giờ hẳn vẫn ở đây. Giữa đêm, hẳn chỉ việc quay trở về Goose Cove xuyên qua bãi biển. Tôi nghĩ lúc đó thì Nola đã chết. Vậy nên hẳn chôn cô bé ngay đấy, cạnh bìa rừng, nơi không ai nhận thấy đất bị đào lên. Sau đó, hẳn quay lại lấy ô tô và để gọn gàng trong gara riêng, từ đó, hẳn không đi chiếc xe đó ra ngoài trong một thời gian dài để tránh mọi ngờ vực. Vụ án thật hoàn hảo.

– Vậy từ đó, chúng ta có thể suy ra được điều gì?

– Một người đàn ông cô độc. Một người nào đó hành động mà không làm cho bất kì ai đặt câu hỏi và không hỏi tại sao hẳn không lái ô tô ra khỏi gara. Một người nào đó sở hữu chiếc ô tô hiệu Monte Carlo màu đen.

Tôi háo hức theo:

– Vậy chỉ cần xem ai là người sở hữu xe Chevrolet màu đen ở Aurora vào thời kì đó thì ta sẽ có được gã đàn ông của mình!

Gahalowood hạ nhiệt tôi ngay lập tức:

– Vào thời kì đó, Pratt cũng nghĩ vậy. Pratt đã nghĩ đến tất cả mọi điều. Trên báo cáo của ông ta có cả danh sách những người sở hữu xe ô tô hiệu Chevrolet màu đen ở Aurora và cả ở vùng lân cận. Ông ta đã đến gặp từng người và tất cả bọn họ đều có bằng chứng ngoại phạm chắc chắn. Tất cả, chỉ trừ một người: đó là Harry Quebert.

Lại là Harry. Chúng tôi lúc nào cũng vấp phải Harry. Mỗi một tiêu chí phụ mà chúng tôi xác định được để lật tẩy bộ mặt kẻ sát nhân đều dẫn tới Harry.

– Thế Luther Caleb thì sao? Tôi hỏi, le lói tia hi vọng. Hẳn sở

hữu loại ô tô nào?

Gahalowood lắc đầu:

Xe Mustang màu xanh.

Tôi thở dài.

– Theo anh, thưa trung sĩ, từ bây giờ chúng ta phải làm gì?

– Caleb còn có người em gái mà chúng ta chưa thẩm tra. Tôi nghĩ đã đến lúc phải tới thăm cô ta. Đó là hướng đi duy nhất mà chúng ta còn chưa thực sự khai thác.

Tối hôm đó, sau khi luyện đâm bốc xong, tôi lấy hết cam đảm đi tới nhà nghỉ Sea Side. Lúc đó khoảng 21 giờ rưỡi. Harry đang ngồi trên ghế tựa bằng nhựa, trước phòng số 8, tận hưởng không khí dịu dàng của buổi tối và uống sôđa. Nhìn thấy tôi nhưng ông không nói lời nào; lần đầu tiên, trước ông, tôi cảm thấy lúng túng.

– Em cần gặp thầy, thầy Harry. Để nói với thầy rằng em cảm thấy vô cùng tiếc về tất cả những chuyện đã xảy ra

Ông ra hiệu cho tôi ngồi xuống chiếc ghế tựa bên cạnh.

– Sôđa không? Ông hỏi.

– Dạ, vâng ạ.

– Có máy bán tự động ở cuối hành lang.

Tôi mỉm cười, chạy đi mua một lon Coca light. Khi quay trở lại, tôi nói với ông:

– Lần đầu tiên đến Goose Cove, thầy cũng nói như vậy với em. Lúc đó em đang năm thứ nhất đại học. Thầy pha nước chanh và hỏi em có muốn uống không. Em trả lời là có, thế là thầy bảo em tự đi mà lấy trong tủ lạnh.

– Thời kì ấy thật đẹp.

– Vâng.

– Điều gì đã thay đổi vậy, Marcus?

– Không có gì. Tất cả, nhưng lại không có gì. Chúng ta đã thay đổi tất cả, thế giới thay đổi. Trung tâm thương mại thế giới sụp đổ, nước Mỹ tham chiến...Nhưng thầy đối với em không thay đổi. Thầy vẫn là thầy của em. Thầy vẫn là Harry.

– Điều đã thay đổi là trận chiến giữa thầy và trò, Marcus ạ.

– Không, chúng ta không hề có đấu tranh.

– Thế mà có đấy. Tôi dạy cho anh viết sách, và hãy xem sách vở của anh đã làm gì tôi: chúng làm hại tôi.

– Em không bao giờ muốn làm hại thầy, thầy Harry. Em hứa với thầy sẽ tìm ra kẻ đốt Goose Cove.

– Nhưng điều đó có trả lại ba mươi năm kỉ niệm mà tôi vừa bị mất không? Toàn bộ đời tôi đã tan thành khói! Tại sao anh lại kể những điều kinh hoàng nhường vậy về Nola?

Tôi không trả lời. Chúng tôi ngồi im lặng hồi lâu. Mặc dù chỉ có ánh sáng yếu ớt từ bóng điện hành lang, nhưng thầy vẫn nhận thấy những vết thương trên nắm tay tôi vì tôi tập đấm bốc.

– Tay anh, ông nói. Anh lại quay trở lại tập đấm bốc à?

– Vâng.

– Anh đấm không đúng chỗ. Điều đó luôn luôn là điểm yếu của anh. Anh đấm tốt, nhưng cứ để đốt đầu của ngón cái quá cao nên nó bị va vào lúc đấm.

– Thầy trò mình đi đấm bốc nhé? Tôi đề nghị.

– Nếu anh muốn.

Chúng tôi ra bãi để xe. Không một bóng người. Chúng tôi cởi trần trùng trục. Thầy gầy đi rất nhiều. Thầy ngắm nhìn tôi:

– Người anh rất đẹp, Marcus ạ. Lo cưới vợ đi, trời ạ! Cưới vợ

ngay đi!

- Em có cuộc điều tra phải hoàn thành cái đã.
- Quỷ tha ma bắt cuộc điều tra của anh đi!

Chúng tôi đứng đối diện nhau, đấm những cú thận trọng; một người đấm thì người kia phải giữ thế thủ vững chắc và tự vệ. Harry đấm một cú mạnh.

- Thầy không muốn biết ai là kẻ giết Nola à? Tôi hỏi.

Harry dừng lại ngay.

- Anh biết kẻ đó à?
- Không. Nhưng các hướng điều tra đang tiến triển rất tốt. Ngày mai trung sĩ Gahalowood và em sẽ đi gặp em gái của Luther Caleb ở Portland. Bọn em còn nhiều người phải thẩm tra ở Aurora.

Ông thở dài:

- Aurora... Kể từ khi ra khỏi tù, tôi chưa gặp lại bất kì ai. Hôm trước, tôi dừng lại đôi phút trước Goose Cove. Cảnh sát cứu hỏa nói tôi có thể vào, tôi vào lấy ít đồ dùng rồi đi bộ tới đây. Từ đó tôi chẳng đi đâu nữa cả. Roth lo thu xếp với bảo hiểm và tất cả những việc cần thiết khác. Tôi không thể tới Aurora được nữa. Tôi không muốn nhìn thẳng những người ở đó, bảo họ rằng tôi yêu Nola và tôi viết sách cho cô ấy. Thậm chí tôi còn không thể nhìn tôi một cách trực diện. Roth nói với tôi rằng cuốn sách của anh sẽ được gọi là *Vụ án Harry Quebert*.

- Đúng vậy. Cuốn sách của em kể rằng tác phẩm của thầy là một cuốn sách hay. Em rất thích *Nguồn gốc cái xấu xa*! Chính cuốn sách đó đã thúc đẩy em trở thành nhà văn!

- Dừng nói vậy, Marcus!

- Đó là sự thật! Đó là cuốn sách hay nhất em được đọc. Thầy

là nhà văn thần tượng của em!

– Vì tình yêu của Chúa, xin anh đừng nói nữa!

– Em muốn viết sách để bảo vệ tác phẩm của thầy, thầy Harry ạ. Khi biết thầy viết cuốn sách đó cho Nola, mới đầu em rất choáng, thật đấy. Rồi em đọc lại. Nó rất tuyệt vời! Thầy nói hết trong đó! Nhất là đoạn cuối. Thầy kể lại nỗi buồn lúc nào cũng làm thầy đau khổ. Em không thể để cho mọi người làm bản cuốn sách đó, bởi vì chính cuốn sách đó dạy em nên người. Thầy biết đấy, cái thuở nước chanh, lúc em tới nhà thầy lần đầu: khi em mở tủ lạnh ra thấy nó trống trơn, thì em hiểu ra nỗi cô đơn của thầy. Ngày hôm đó, em đã hiểu: Nguồn gốc cái xấu xa là cuốn sách về nỗi cô đơn. Thầy đã viết nỗi cô đơn một cách ấn tượng nhất. Thầy là nhà văn vĩ đại!

– Đừng nói nữa, Marcus!

– Phần cuối cuốn sách mới hay chứ! Thầy không chấp nhận tất cả những điều liên quan tới Nola: Nola đã biến mất mãi mãi, thầy biết thế nhưng vẫn cứ chờ đợi, bất chấp tất cả... Bây giờ khi em đã thực sự hiểu được cuốn sách của thầy, câu hỏi duy nhất của em là liên quan tới tựa đề cuốn sách. Tại sao thầy đặt tên sâu khổ đến vậy cho cuốn sách hay như thế?

– Điều này rất phức tạp, Marcus.

– Nhưng em đến với thầy là để được hiểu biết...

– Điều đó quá phức tạp...

Chúng tôi nhìn thẳng nhau, đối đầu nhau, tư thế phòng thủ như hai tên lính xung trận. Rốt cuộc ông nói:

– Tôi không biết có nên tha lỗi cho anh không, Marcus ạ...

– Tha lỗi cho em? Nhưng em sẽ xây lại Goose Cove! Em sẽ trả hết! Với số tiền thu được từ cuốn sách, chúng ta sẽ xây lại toàn bộ ngôi nhà! Thầy không thể phá bỏ tình bạn của chúng ta như

vậy!

Ông bắt đầu khóc.

– Anh không thể hiểu được, Marcus ạ. Không phải tại anh! Anh không có lỗi gì, ấy vậy mà tôi lại không thể tha thứ cho anh được.

– Nhưng tha thứ cho em về chuyện gì?

– Tôi không thể nói cho anh biết được. Anh sẽ không thể hiểu...

– Thế là thế nào, thầy Harry! Tại sao lại có trò đánh đố như vậy chứ? Chuyện gì xảy ra vậy, trời ơi!

Ông lấy mu bàn tay quạt những giọt nước mắt lăn tràn trên khuôn mặt.

– Anh còn nhớ lời khuyên của tôi không? Ông hỏi. Khi anh còn là sinh viên của tôi, một hôm tôi nói với anh: đừng bao giờ viết một cuốn sách nếu anh không biết đoạn kết.

– Vâng, em còn nhớ chứ. Em sẽ mãi mãi ghi nhớ điều này.

– Đoạn kết cuốn sách của anh sẽ là thế nào?

– Sẽ là một cái kết đẹp.

– Nhưng rốt cuộc thì cô ấy chết!

– Không, cuốn sách đó sẽ không kết thúc bằng cái chết của nhân vật nữ chính. Sau đó còn những điều tốt đẹp sẽ xảy ra.

– Điều gì vậy?

– Người đàn ông từng chờ đợi cô ấy ba mươi năm sẽ bắt đầu sống lại từ đầu.

TRÍCH ĐOẠN TỪ: NGUỒN GỐC CÁI XẤU XA (trang cuối)

Khi anh hiểu ra rằng không có gì kéo dài mãi mãi và hi vọng chỉ là dối trá, thì anh bắt đầu viết cho nàng lần cuối cùng. Sau những bức thư tình, đã đến lúc phải viết thư buồn. Phải chấp

nhận như vậy. Từ bây giờ, anh không làm gì ngoài chờ đợi nàng. Suốt đời anh sẽ chờ nàng. Nhưng anh cũng biết rằng nàng sẽ không bao giờ trở lại nữa. Anh biết sẽ không còn được gặp nàng nữa, không còn được nhìn thấy nàng nữa, không còn được nghe tiếng nàng nữa.

Khi anh hiểu ra rằng không có gì kéo dài mãi mãi, anh viết cho nàng lần cuối cùng.

Em yêu quý!

Đây là bức thư cuối cùng của anh. Đây là những lời cuối cùng của anh. Anh viết cho em để nói với em lời vĩnh biệt.

Kể từ ngày hôm nay, sẽ không còn “chúng ta” nữa. Những người yêu nhau rời xa nhau và không còn gặp lại, chuyện tình của họ cũng kết thúc.

Em yêu, anh sẽ rất nhớ em. Anh nhớ em vô cùng.

Đôi mắt anh đẫm lệ. Trong anh đang bốc cháy.

Chúng ta sẽ không còn gặp nhau nữa; anh nhớ em vô cùng.

Hi vọng em sẽ được hạnh phúc.

Anh tự nhủ rằng anh và em chỉ là giấc mơ, bây giờ đã đến lúc phải thức dậy. Suốt đời anh nhớ em.

Vĩnh biệt. Anh yêu em, sẽ không bao giờ yêu nữa.

12

Người vẽ tranh

“Hãy học cách yêu lấy những thất bại của mình, Marcus ạ, bởi vì nhờ chúng mà anh nên người. Chính thất bại sẽ làm cho thành công trở nên có ý nghĩa.”

Thời tiết ở Portland, Maine đẹp rạng rỡ hôm chúng tôi đi gặp Sylla Caleb Mitchell, em gái của Luther. Hôm đó là thứ Sáu ngày 18 tháng Bảy năm 2008. Gia đình Mitchell sống trong ngôi nhà duyên dáng ở khu chung cư gần đồi, trên đồi là trung tâm thành phố. Sylla tiếp chúng tôi trong phòng bếp; khi chúng tôi đến, cà phê bắt đầu bốc khói từ hai chiếc tách giống hệt nhau đặt trên bàn, những cuốn album ảnh gia đình xếp thành chồng bên cạnh.

Gahalowood đặt lịch hẹn Sylla từ ngày hôm trước. Trên đường từ Concord tới Portland, Gahalowood kể cho tôi nghe, khi nói chuyện với Sylla trên điện thoại, ông có cảm giác cô ấy đang đợi điện thoại của ông. “Tôi tự giới thiệu tới là cảnh sát, đang điều tra về vụ ám sát Deborah Cooper và Nola Kellergan, muốn gặp cô ấy để đặt vài câu hỏi. Về nguyên tắc thì ai cũng hoảng hốt ngay khi nghe thấy mấy tiếng cảnh sát: họ sẽ hỏi lại có chuyện xảy ra, tại sao lại liên quan tới họ. Thế nhưng Sylla Mitchell chỉ trả lời đơn giản: Ngày mai, cứ đến lúc nào anh muốn, tôi ở nhà. Đúng là chúng ta cần nói chuyện với nhau.”

Trong phòng bếp, cô ngồi đối diện với chúng tôi. Sylla là một phụ nữ đẹp, tầm 50 tuổi, dáng người khỏe khoắn, hiện đại và có hai con. Chồng của cô lúc đó cũng có mặt, đứng phía sau, như thể ông ấy ngại làm phiền.

– Thế nào, tất cả những chuyện này có phải là sự thật không?

– Chuyện này là chuyện gì? Gahalowood hỏi.

– Những chuyện viết trên báo... Những điều kinh hoàng về cô bé tội nghiệp ở Aurora.

– Đúng. Thật ra báo chí có bóp méo sự thật nhưng sự việc thì đúng. Thưa cô Mitchell, hôm qua có vẻ cô không lấy làm ngạc nhiên vì cú điện thoại của tôi.

Cô có vẻ buồn rầu.

– Như tôi đã kể với anh ngày hôm qua trên điện thoại, cô nói, trên báo người ta không để tên rõ ràng nhưng tôi hiểu E.S là Elijah Stern, Tài xế của ông ta là Luther. (Cô rút ra một mẫu báo và đọc to như thể cố hiểu rõ thêm những điều còn chưa hiểu.) E.S., một trong những người giàu có nhất bang New Hampshire, cử gã tài xế của mình đi đón Nola ở trung tâm thành phố đưa về nhà ông ta ở Concord. Ba mươi ba năm sau, bạn gái của Nola mà thời kì đó mới chỉ là một đứa trẻ, đã kể lại rằng một hôm chính cô đã chứng kiến Nola đi với gã tài xế như thể đi vào chỗ chết. Nhân chứng này đã miêu tả gã tài xế là người đàn ông đáng sợ có thân hình lực sĩ và khuôn mặt méo mó biến dạng. Miêu tả như vậy chỉ có thể là anh trai tôi.

Cô dừng lời và nhìn chúng tôi chăm chăm. Cô đợi câu trả lời. Gahalowood đánh bài ngửa trên bàn:

– Chúng tôi tìm thấy một bức vẽ chân dung Nola Kellergan gần như khỏa thân tại nhà của Elijah Stern. Theo Stern, chính anh trai cô là người vẽ bức tranh đó. Rõ ràng Nola đã chấp nhận làm mẫu vẽ tranh vì tiền. Luther đến đón Nola ở Aurora đưa đến Concord gặp Stern. Chúng tôi không biết rõ điều gì xảy ra ở đó, nhưng hiển nhiên là Luther đã vẽ tranh Nola.

– Anh tôi vẽ nhiều lắm! Sylla thốt lên! Anh ấy rất có năng khiếu, nhẽ ra Luther phải có sự nghiệp tốt đẹp. Có phải...Có phải các anh nghi Luther giết hại Nola?

– Cứ nói thẳng là anh ta nằm trong danh sách những người bị tình nghi, Gahalowood trả lời.

Một giọt nước mắt lăn dài trên má Sylla.

– Anh biết không trung sĩ, tôi còn nhớ ngày Luther chết. Hôm đó là thứ Sáu cuối tháng Chín. Tôi vừa tổ chức tiệc sinh nhật tròn hai mươi một tuổi. Chúng tôi nhận được cú điện thoại của cảnh sát, họ bảo rằng Luther đã mất vì tai nạn ô tô. Tôi còn nhớ rõ tiếng chuông điện thoại hôm đó, mẹ tôi nhắc máy. Bên cạnh là cha tôi và tôi. Mẹ tôi trả lời điện thoại, ngay sau đó thì thềm với chúng tôi: cảnh sát gọi. Bà nghe rất chăm chú và nói: OK. Tôi sẽ không bao giờ quên được giây phút đó. Ở đầu dây đằng kia, nhân viên cảnh sát báo tin về cái chết của đứa con trai. Ông ta vừa nói điều gì đó như kiểu *Thưa bà, tôi có nhiệm vụ khó khăn là phải báo với bà rằng con trai bà đã qua đời trong một tai nạn ô tô, và mẹ tôi trả lời: OK. Sau đó, bà dập máy, bà nhìn chúng tôi và nói: Nó chết rồi.*

– Chuyện gì xảy ra? Gahalowood hỏi.

– Ô tô rơi từ độ cao ba mươi mét từ sườn núi dốc bên bờ Sagamore, bang Massachusetts. Người ta bảo Luther say rượu. Đoạn đường ấy rất ngoằn ngoèo, ban đêm lại không có điện.

– Lúc đó anh ta bao nhiêu tuổi?

– Ba mươi...Anh ấy ba mươi tuổi. Anh trai tôi là người tốt, nhưng... Các anh biết không, tôi rất hài lòng vì các anh tới đây. Tôi nghĩ tôi phải kể cho các anh nghe một chuyện mà nhẽ ra phải kể cách đây ba mươi ba năm rồi mới phải.

Bằng một giọng run rẩy, Sylla kể cho chúng tôi nghe màn

kịch xảy ra khoảng ba tuần trước vụ tai nạn. Hôm đó là thứ Bảy ngày 30 tháng Tám năm 1975.

* * *

Ngày 30 tháng Tám năm 1975, Portland, Maine.

Tối hôm đó, gia đình nhà Caleb dự định đi ăn tối tại quán Horse Shoe, quán ăn ưa thích của Sylla để tổ chức lễ sinh nhật của cô lần thứ hai mươi mốt. Cô sinh ngày mùng 1 tháng Chín. Jay Caleb, cha cô, đã tạo cho Sylla một bất ngờ thú vị bằng cách đặt phòng ăn riêng tại tầng một; và mời tất cả bạn bè của cô cùng một số người thân, tất cả khoảng 30 người, kể cả Luther.

Gia đình nhà Caleb gồm cha, mẹ, và Sylla, đến tiệm ăn lúc 18 giờ. Tất cả khách mời đã đợi sẵn Sylla trong phòng ăn, nồng nhiệt chúc mừng khi cô bước vào. Bữa tiệc bắt đầu: có cả âm nhạc và rượu champagne. Luther vẫn chưa tới. Mới đầu, người cha nghĩ chắc trục trặc trên đường đi. Lúc 19 giờ rưỡi, bữa chính đã được dọn ra mà con trai ông vẫn chưa có mặt. Mặc dù thông thường anh ta không có thói quen đến trễ. Jay bắt đầu lo lắng. Ông cố gắng gọi điện cho Luther theo số điện thoại cố định trong phòng riêng của Caleb tại nhà Stern. nhưng không có ai nhắc máy.

Luther không có mặt vào bữa tối, rồi cả lúc ăn bánh ga tô, đến khi màn khiêu vũ bắt đầu anh ta cũng vẫn chưa tới. Một giờ sáng, gia đình Caleb trở về nhà trong nỗi lo lắng và im lặng. Không thể có chuyện gì khiến Luther vắng mặt trong bữa sinh nhật em gái mình. Khi về đến nhà Jay bật ngay đài phát thanh trong phòng khách. Đài đưa tin về một vụ việc có cảnh sát can thiệp ở Aurora, tiếp theo là vụ một bé gái mười lăm tuổi mất

tích. Aurora là một địa danh quen thuộc với mọi người. Luther nói anh ta thường xuyên tới đó để chăm sóc những bụi hoa hồng trong một dinh cơ sang trọng nằm bên bờ biển của Elijah Stern. Jay Caleb nghĩ đó chỉ là một sự trùng hợp. Ông chăm chú lắng nghe cho tới cuối bản tin, sau đó ông còn nghe tin từ nhiều kênh phát sóng khác để xem có vụ tai nạn giao thông nào xảy ra hay không; nhưng không hề có tin tức gì kiểu như vậy xảy ra trong vùng. Ông lo lắng thức gần như cả đêm, do dự không biết có nên báo cảnh sát hay không; ở nhà đợi hay đánh xe đi tìm tận Concord. Rốt cuộc ông thiếp đi trên chiếc tràng kỉ trong phòng khách.

Sáng sớm hôm sau, vẫn không có tin tức gì, ông gọi điện thoại cho Elijah Stern để hỏi. “Luther á?” Stern trả lời. “Cậu ấy không có đây. Cậu ấy xin nghỉ phép mà. Cậu ấy không nói cho ông biết à?” Toàn bộ câu chuyện thật kì lạ; tại sao Luther bỏ đi mà không báo cho gia đình? Rồi trí và không thể ngồi chờ hơn được nữa, Jay Caleb quyết định lao ra đường tìm con trai.

* * *

Nhớ lại thời kì đó, Sylla Mitchell vẫn còn thấy run rẩy. Cô bất chợt đứng lên pha tiếp cà phê.

– Ngày hôm đó, cô nói với chúng tôi, trong khi cha tôi đến Concord, mẹ tôi thì ở nhà vì biết đâu Luther trở về, còn tôi thì đi chơi cả ngày với bạn. Khi tôi trở về nhà thì trời đã tối muộn. Bố mẹ tôi đang ngồi trong phòng khách nói chuyện, tôi nghe thấy tiếng cha nói với mẹ tôi: Tôi nghĩ Luther đã làm chuyện vô cùng ngu ngốc. Tôi hỏi có chuyện gì xảy ra thì cha tôi ra lệnh không được hờ ra với bất kì ai là Luther đã biến mất, nhất là với

cảnh sát. Cha tôi bảo chính ông sẽ có trách nhiệm tìm anh ấy về. Cha tôi uống công vô ích tìm suốt ba tuần lễ. Cho đến tận khi xảy ra tai nạn.

Cô nấc lên nghẹn ngào.

– Chuyện gì xảy ra vậy, cô Mitchell? Gahalowood dịu dàng hỏi. Tại sao cha cô lại nghĩ Luther đã làm một chuyện hết sức tồi tệ? Tại sao ông ấy lại không gọi cảnh sát?

– Rất là phức tạp, trung sĩ ạ. Mọi chuyện hết sức phức tạp.

Cô mở cuốn album ảnh ra và kể cho chúng tôi nghe về gia đình Caleb: Jay, một người cha hết mực dịu dàng; người mẹ, Nadia, cựu hoa hậu của xứ Maine, người dạy cho hai đứa con sở thích thẩm mỹ. Luther là anh cả, lớn hơn cô chín tuổi. Cả hai đều sinh ra ở Portland. Cô cho chúng tôi xem những bức ảnh từ thời trẻ con. Ngôi nhà của gia đình, những kì nghỉ ở Colorado, khu nhà kho mênh mông trong công ty của người cha, nơi Luther và cô trải qua nhiều kì nghỉ hè. Một loạt ảnh chụp gia đình khi còn ở Yosemite năm 1963. Luther lúc đó mười tám tuổi, một thanh niên điển trai, thanh mảnh và lịch lãm. Sau đó là một loạt ảnh vào mùa thu năm 1974: những năm tuổi hai mươi của Sylla. Các nhân vật đều già đi. Jay, người cha mà cả gia đình tự hào bây giờ đã xấp xỉ sáu mươi. Còn bà mẹ đã có những nếp nhăn trên mặt. Luther gần ba mươi tuổi: gương mặt anh ta hoàn toàn biến dạng. Sylla ngắm nghía rất lâu trang album cuối cùng.

– Trước, gia đình chúng tôi đẹp tuyệt, cô nói. Trước, chúng tôi hạnh phúc biết mấy.

– Trước cái gì? Gahalowood hỏi.

Cô nhìn anh ta như thể đó là điều hiển nhiên.

– Trước vụ tấn công.

– Vụ tấn công? Gahalowood nhắc lại. Tôi không hề biết chuyện đó

Sylla đặt hai tấm ảnh của anh trai mình cạnh nhau.

– Chuyện đó xảy ra vào mùa thu sau khi chúng tôi đi nghỉ ở Yosemite về. Hãy nhìn tấm ảnh này... Nhìn này, anh ấy quá đẹp trai. Các anh biết không, Luther là thanh niên rất đặc biệt. Anh ấy yêu nghệ thuật, có năng khiếu đặc biệt về hội họa. Lúc đó anh ấy mới học xong cấp ba, và được nhận vào trường Nghệ thuật của Portland. Ai cũng bảo anh ấy sẽ trở thành danh họa nổi tiếng, anh ấy có tài. Anh ấy là một thanh niên hạnh phúc. Nhưng đúng lúc đó xảy ra chiến tranh ở Việt Nam và anh ấy phải đi quân dịch. Quân đội vừa gọi anh ấy. Luther bảo rằng khi trở về, anh ấy sẽ công tác trong lĩnh vực nghệ thuật và sẽ cưới vợ. Anh ấy có vị hôn thê rồi. Chị ấy tên là Eleanore Smith, học cùng trường anh ấy hồi cấp ba. Tôi đã nói đây, trước buổi tối tháng Chín năm 1964, anh ấy đã là một thanh niên hạnh phúc.

– Tôi hôm đó, có chuyện gì xảy ra?

– Trung sĩ đã bao giờ nghe nói về một băng đảng tên là Field Goals^[10] chưa?

– Băng đảng Field Goals à? Không, chưa bao giờ.

– Đó là tên do cảnh sát đặt cho nhóm côn đồ hoành hành trong vùng vào thời kì đó.

* * *

Tháng Chín năm 1964

Lúc đó khoảng 22 giờ. Luther ở nhà Eleanore suốt cả buổi tối và đang đi bộ về nhà. Ngày hôm sau anh sẽ phải lên đường đi

quân dịch. Eleanore và anh vừa mới quyết định sẽ cưới nhau ngay khi anh trở về: họ thề sẽ chung thủy với nhau mãi mãi và làm tình với nhau lần đầu tiên trên chiếc giường trẻ con của Eleanore, trong khi đó mẹ của Eleanore đang làm bánh ngọt cho cả hai trong bếp.

Khi Luther ra khỏi ngôi nhà của gia đình Smith, anh còn ngoái lại nhiều lần. Dưới cánh cổng, nhờ ánh sáng của những ngọn đèn, anh còn thấy Eleanore vừa khóc nức nở vừa giơ tay vẫy. Anh đi dọc theo phố Lincoln: vào giờ đó, con phố này rất tối và ít người đi lại, nhưng lại là con đường ngắn nhất để về nhà. Anh phải đi bộ ba dặm. Một chiếc ô tô vượt qua anh, ánh sáng của đèn pha rọi thẳng con đường cả quãng dài phía trước. Sau đó, chiếc ô tô thứ hai lao tới phía anh với tốc độ kinh khủng. Những người trên xe rõ ràng là rất kích động thò đầu qua cửa hét lên để làm anh hoảng sợ. Luther không phản ứng gì. Chiếc ô tô đột ngột dừng lại giữa đường, trước anh độ chục mét. Anh tiếp tục bước, còn có thể làm gì khác được nữa? Có nên đi sang phía bên kia đường hay không? Khi đi qua chiếc ô tô, tên lái xe hỏi anh:

- Ê, mày là dân ở đây hả?
- Đúng vậy, Luther trả lời.

Hắn ném lon bia vào mặt anh.

- Đàn ông xứ Maine là bọn mất dạy! Tên lái xe rống lên.

Cả hội ngôi trên xe la hét. Tất cả có tám thằng, nhưng trong bóng tối, Luther không nhìn rõ mặt bọn chúng. Anh đoán chúng còn trẻ, khoảng tuổi từ hai lăm đến ba mươi, say rượu và rất hung tợn. Anh thấy sợ và tiếp tục đi, tim đập thành thịch. Anh không phải là kẻ hiếu chiến, anh không muốn có chuyện rắc rối.

– Ê, tên lái xe tiếp tục gây gổ. Mà đi đâu thế thằng con mắt dạy?

Luther không trả lời, rảo bước nhanh hơn.

– Quay lại đây! Quay lại đây, bọn tao sẽ cho mày biết bọn tao thuần hóa lũ mắt dạy như mày thế nào.

Luther nghe thấy tiếng của ô tô mở ra và tên lái xe kêu lên: “Chúng mày ơi, cuộc săn đuổi thằng mắt dạy bắt đầu! 100 đô la cho đứa nào bắt được nó”. Ngay lập tức, Luther bỏ chạy: anh hi vọng sẽ có ô tô đi tới. Nhưng không có ai đến cứu anh cả. Một thằng đã tóm được Luther, đẩy anh ngã xuống đất rồi hét lên với đồng bọn: “Tao tóm được nó rồi! Tao tóm được nó rồi! 100 đô la là của tao!” Cả hội nhảy vào giẫm đạp lên Luther. Anh nằm chết bẹp dưới đất, một đứa trong hội tấn công hét to: “Ai muốn chơi đá bóng nào? Chúng mày ơi, bắt đầu trò field goals thôi”. Những tên khác phấn khích hò hét, chúng lần lượt hét đứa này đến đứa khác sút thẳng vào mặt Luther, hung hãn chưa từng thấy, cứ như thể sút bóng ghi bàn. Khi chơi chán, chúng bỏ mặc Luther nằm chết ngất bên lề đường. 45 phút sau, Luther được một người đi xe máy phát hiện và đưa vào viện cấp cứu.

* * *

– Sau mấy ngày nằm liệt bất tỉnh, Luther tỉnh dậy nhưng toàn bộ khuôn mặt hoàn toàn vỡ nát, Sylla giải thích cho chúng tôi. Gia đình tôi đã cho tiến hành liên tiếp nhiều cuộc giải phẫu, nhưng không thể trả lại cho anh ấy gương mặt như trước nữa. Anh ấy nằm viện hai tháng liền. Khi ra viện, Luther phải sống với bộ mặt vẹo vọ và nói năng rất khó khăn. Tất nhiên là không còn chuyện phải đi Việt Nam, nhưng anh ấy cũng chẳng còn

làm được bất kì việc gì khác. Anh ấy ngồi bó gối cả ngày trong nhà, không vẽ nữa, cũng không còn dự định kế hoạch gì nữa. Sáu tháng sau, Eleanore hủy hôn ước rồi bỏ đi khỏi Portland. Ai trách chị ấy được chứ? Lúc đó, chị ấy mới có mười tám tuổi, hoàn toàn không muốn hi sinh cả đời để chăm sóc Luther, anh ấy đã hóa thành chiếc bóng kéo lê cuộc tồn tại đau đớn của mình. Anh ấy không còn là chính mình nữa.

– Thế còn những kẻ tấn công thì sao? Gahalowood hỏi.

– Người ta không tìm thấy chúng. Băng đảng này đã hoành hành nhiều lần trong vùng rồi. Mỗi lần, chúng rất hỉ hả chơi những trận field goals. Nhưng trường hợp Luther là trận tấn công tai ác nhất của chúng: chúng suýt giết chết anh ấy. Tất cả báo chí đều nói đến chúng, cảnh sát làm rất căng. Nhưng sau vụ Luther thì không thấy chúng xuất hiện nữa. Hẳn chúng nó sợ bị bắt.

– Sau đó chuyện gì xảy ra với anh trai cô?

– Trong suốt hai năm tiếp theo, Luther chỉ ám ở nhà. Anh ấy chẳng khác gì một bóng ma. Anh ấy không làm gì hết. Cha tôi cố tình ở lại trong nhà kho của ông thật muộn, còn mẹ tôi thì tìm cách đi đâu đó suốt ngày bên ngoài. Hai năm không thể chịu đựng nổi. Sau đó, một ngày vào năm 1966, có người đã đến bấm chuông cửa...

* * *

Năm 1966

Anh do dự trước khi ra mở cửa: anh thấy rất khó chịu khi có người nhìn vào mình. Nhưng anh là người duy nhất ở nhà, mà có thể là có việc quan trọng. Anh mở cửa, trước mặt anh là

người đàn ông chừng ba mươi tuổi, vẻ rất lịch lãm.

– Xin chào, người đàn ông đó nói. Tôi rất xin lỗi vì đến bấm chuông đường đột như vậy, nhưng tôi bị hỏng xe cách đây năm mươi mét. Biết đâu anh am hiểu đôi chút về cơ khí?

– Phũng phòn phùy, Luther trả lời.

– Không có gì nghiêm trọng lắm, chỉ là thủng lốp. Nhưng tôi không làm sao vặn được con ốc.

Luther đồng ý đi xem tình hình. Chiếc ô tô có kiểu dáng cực kì sang trọng đang đậu ở bên vệ đường, cách nhà Luther khoảng một trăm mét, Một cái đinh đâm thẳng vào lốp trước. Con ốc khô dầu cứng lại vẫn không xoay chuyển; tuy nhiên rất cuộc Luther cũng mở được nó và thay được lốp.

– Tốt quá, thật đáng khâm phục, người đàn ông nói. Thật may vì gặp được cậu. Cậu làm nghề gì? Thợ cơ khí à?

– Phong phạm gì cả. Phước phôi hay vẽ. Nhưng rồi phôi gặp tai nạn.

– Thế cậu kiếm sống thế nào?

– Phôi không phạm gì cả.

Người đàn ông nhìn Luther và chia tay ra.

– Tôi tên là Elijah Stern. Cảm ơn cậu. Tôi mắc nợ cậu rồi đấy.

– Phôi phen là Luther Caleb.

– Rất vui được gặp Luther.

Họ nhìn thẳng mặt nhau giây lát. Rồi cuộc Stern nói ra câu hỏi mà anh ta vô cùng tò mò muốn hỏi kể từ khi thấy Luther mở cửa.

– Mặt của cậu bị sao vậy? Anh hỏi.

– Anh có nghe nói đến băng đảng *field goals* bao giờ chưa?

– Chưa.

– Chúng là một bọn chuyên đi tấn công người khác cho vui. Chúng đá vào đầu nạn nhân chẳng khác gì người ta sút vào một quả bóng.

– Ôi, kinh khủng quá... Tôi rất tiếc.

Luther nhún vai, vẻ cam chịu số phận.

– Cậu không được để chúng làm như thế! Stern kêu lên giọng thân mật. Nếu đời hạ cậu sát đất, thì cậu phải trả thù nó đi! Thế cậu có muốn có nghề nghiệp ổn định không? Tôi đang tìm người trông coi mấy cái xe ô tô và làm tài xế cho tôi. Cậu làm tôi rất hài lòng. Nếu như cậu thấy thích công việc đó thì tôi sẵn sàng nhận cậu.

Một tuần sau, Luther chuyển tới Concord, cùng với đội ngũ những người làm công của Luther ở luôn trong dinh thự bao la rộng lớn của gia đình Stern.

* * *

Sylla cho rằng cuộc gặp gỡ với Stern rất có ích cho anh trai của mình

– Nhờ có Stern, Luther đã trở thành một con người, cô nói với chúng tôi. Anh ấy có công ăn việc làm, có lương hàng tháng. Cuộc sống của anh ấy lại trở nên có ý nghĩa. Đặc biệt là anh ấy cầm bút vẽ trở lại. Stern và anh ấy rất hợp nhau: anh ấy lái xe cho ông ta, đồng thời cũng còn là người bạn bạn tâm giao của ông ta. Stern lúc đó vừa kế thừa sự nghiệp của cha; ông ta sống một mình trong một cơ ngơi quá rộng lớn. Tôi cho rằng ông ta rất vui được bầu bạn với Luther. Quan hệ của họ rất khăng khít

chặt chẽ. Luther làm việc suốt cho ông ấy chín năm liên tục, cho đến tận khi chết.

– Thừa cô Mitchell, Gahalowood hỏi. Quan hệ của cô với anh trai như thế nào?

Cô mỉm cười:

– Anh ấy là một người thật đặc biệt. Tính cách anh ấy rất dịu dàng. Anh ấy yêu hoa, yêu nghệ thuật. Nhẽ ra anh ấy không phải kết thúc cuộc đời như tài xế lái xe limousine. Ý tôi không muốn nói xấu gì cánh tài xế cả, nhưng Luth là người không tầm thường chút nào! Anh ấy thường về ngày Chủ nhật ăn trưa ở nhà. Buổi sáng về đến nơi, anh ấy ở với chúng tôi cả ngày, buổi tối lại quay về Concord. Tôi rất thích những ngày Chủ nhật ấy, nhất là anh ấy lại vẽ trở lại, phòng riêng của anh ấy được chuyển thành xưởng vẽ. Anh ấy thật sự rất tài năng. Ngay khi anh bắt tay vào vẽ, thì ở anh tỏa ra một vẻ đẹp thật điên rồ. Tôi ngồi trên ghế tựa đằng sau anh và xem anh làm. Tôi nhìn những nét vẽ mới đầu rất hỗn loạn, nhưng rồi anh bắt ngờ phối hợp lại với nhau tạo thành một hiện thực điên rồ. Mới đầu, cứ tưởng anh ấy đang làm gì linh tinh, rồi sau đó một hình ảnh hiện ra bất chợt giữa những đường nét đó, cho đến khi mỗi một đường nét phác ra đều có ý nghĩa. Đó là giây phút tuyệt đối phi thường. Tôi bảo anh ấy rằng anh ấy phải tiếp tục vẽ, phải nghĩ đến nghệ thuật, phải cho tổ chức trưng bày tranh do anh ấy vẽ. Nhưng anh ấy không muốn vì khuôn mặt, vì giọng nói của anh ấy. Vì tất cả. Trước khi xảy ra vụ tấn công, anh ấy bảo anh ấy vẽ bởi vì điều đó tồn tại trong chính con người anh ấy. Nhưng khi anh ấy rút cuộc vẽ trở lại, anh ấy bảo anh ấy vẽ để cảm thấy đỡ cô đơn.

– Có thể cho chúng tôi xem vài bức tranh do anh ấy vẽ được không? Gahalowood hỏi.

– Vâng, tất nhiên rồi. Cha tôi đã tập hợp tất cả những bức vẽ để ở Portland và những bức vẽ trong phòng của Luther tại nhà Stern thành một bộ sưu tập. Cha tôi bảo, một ngày nào đó, ông sẽ mang chúng cho bảo tàng, có thể sẽ thành nổi tiếng. Nhưng rồi ông chỉ dồn những kỉ niệm đó cất vào hòm gỗ. Sau đó, kể từ khi bố mẹ tôi qua đời, tôi cất chúng ở nhà tôi.

Sylla dẫn chúng tôi xuống tầng hầm, ở đó có hẳn một phòng chứa đầy những hòm gỗ lớn. Nhiều bức tranh cỡ lớn còn thò ra cả ngoài, trong khi đó những bức phác thảo và những bức vẽ dở còn chồng chất trên giá vé. Số lượng thật đáng kinh ngạc.

– Ở đây thật hỗn độn, cô tỏ ý xin lỗi. Những đóng kỉ niệm hồ lớn. Tôi không dám vớt bất kì thứ gì.

Khi lục xem các bức tranh, Gahalowood phát hiện ra bức vẽ một cô gái tóc vàng.

– Đó là Eleanore, Sylla giải thích. Những bức này được vẽ trước khi xảy ra vụ tấn công. Anh ấy rất thích vẽ người yêu. Anh ấy bảo có thể vẽ cô ấy suốt đời.

Eleanore là cô gái tóc vàng xinh đẹp. Điều bí hiểm nằm ở Eleanore rất giống Nola. Có rất nhiều bức vẽ chân dung của các cô gái khác nữa, tất cả đều tóc vàng; ngày tháng để trên tranh đều là những năm sau khi bị tấn công.

– Những người phụ nữ được vẽ trong những bức tranh này là ai vậy? Gahalowood hỏi.

– Tôi không biết, Sylla trả lời. Hẳn là từ trí tưởng tượng của Luther.

Đúng lúc đó, chúng tôi phát hiện ra cả một loạt tranh được vẽ bằng bút than. Trong số đó, tôi phát hiện có bức vẽ phía bên trong của tiệm Clark's với một cô gái đẹp mà buồn đứng tại quầy. Cô gái trong tranh giống Jenny một cách kinh ngạc,

nhưng tôi cho rằng đó chỉ là sự trùng hợp. Cho đến tận khi lật phía sau bức vẽ thì tôi mới thấy chú thích: Jenny Quinn, 1974. Vậy nên tôi hỏi:

– Dường như anh trai cô có ám ảnh vẽ toàn phụ nữ tóc vàng, tại sao vậy?

– Tôi không biết, Sylla nói. Thực sự tôi không biết.

Gahalowood nhìn thẳng vào mắt Sylla, vừa tỏ thái độ trầm trọng, vừa tỏ vẻ dịu dàng, nói:

– Thưa cô Mitchell, bây giờ đã tới lúc cần nói cho chúng tôi biết tại sao tối ngày 31 tháng Tám năm 1975, cha của cô lại nói ông ấy nghĩ Luther đã làm “chuyện vô cùng ngu ngốc”.

Cô gật đầu.

* * *

Ngày 31 tháng Tám năm 1975

9 giờ sáng, khi Jay Caleb dập điện thoại, ông đã hiểu rằng có chuyện gì đó không hay xảy ra. Elijah Stern bảo với ông rằng Luther xin nghỉ phép mà không nói cụ thể thời gian. “Ông tìm Luther à? Stern tỏ ra ngạc nhiên. Nhưng cậu ấy không có ở đây. Tôi tưởng ông biết. - Không có ở đó ư? Thế thì nó ở đâu? Hôm qua chúng tôi đợi nó suốt vì sinh nhật em gái mà nó lại không đến. Tôi rất lo. Nó nói với anh chính xác như thế nào? - Cậu ấy bảo tôi rất có thể cậu ấy sẽ phải nghỉ việc ở chỗ tôi đó là thứ Sáu. - Nghỉ việc ở chỗ anh á? Sao lại thế? - Tôi không biết. Tôi nghĩ chính ông là người biết lí do”.

Ngay khi dập điện thoại, Jay lại nhắc nó lên lần nữa để gọi báo cảnh sát. Nhưng ông dừng lại giữa chừng. Ông có linh cảm

kì lạ. Nadia, vợ của ông, bước vào trong phòng.

- Stern báo gì? Bà hỏi.
- Nói là Luther bảo bỏ việc hôm thứ Sáu.
- Bỏ việc, thế nghĩa là thế nào, sao lại bỏ việc.

Jay thở dài; ông cảm thấy mệt mỏi vì đêm vừa rồi thiếu ngủ.

– Tôi chẳng biết gì hết, ông nói. Tôi hoàn toàn không hiểu chuyện gì xảy ra. Hoàn toàn bó tay.

—Tôi phải đi tìm nó.

– Nhưng tìm nó ở đâu?

Ông nhún vai. Ông hoàn toàn không biết phải tìm ở đâu.

Ông nhặt chùm chìa khóa của chiếc xe pick-up và lên đường, thậm chí chẳng biết phải bắt đầu từ đâu. Rốt cuộc ông quyết định xuống Concord. Ông biết rất ít đường đi lối lại ở thành phố này nên bắt đầu đi theo ngẫu hứng và bị lạc đường. Nhiều lần, đi ngang qua đồn cảnh sát, ông những muốn dừng lại nhờ cảnh sát giúp đỡ, nhưng mỗi lần định làm thế thì có một cái gì đó trong ông lại gạt đi. Rốt cuộc ông đến nhà Elijah Stern. Elijah Stern không có nhà, chỉ có một người làm công ra mở cửa và dẫn ông vào tận phòng riêng của con trai. Jay hi vọng Luther để lại tin nhắn gì đó; nhưng ông không thấy gì cả. Căn phòng bày biện ngăn nắp, chẳng có thư để lại, cũng chẳng có bất kì tín hiệu gì giải thích tại sao con ông bỏ đi.

– Luther có nói gì với anh không? Jay hỏi tay nhân viên đang dẫn đường cho ông.

– Không. Hai ngày vừa rồi tôi nghỉ, nhưng người ta bảo hiện tại Luther sẽ không quay trở lại làm việc.

– Hiện tại, nó sẽ không trở lại đây? Thế có nghĩa là nó bỏ việc hoàn toàn hay chỉ xin nghỉ phép?

– Tôi cũng không rõ nữa.

Mọi sự không rõ ràng xung quanh Luther thật rất đáng ngạc nhiên. Bây giờ Jay tin chắc rằng đã xảy ra sự cố nghiêm trọng nên con trai ông biến mất như bay hơi vậy. Ông rời khỏi dinh cơ nhà Stern, quay trở lại thành phố. Ông dừng lại, vào tiệm ăn để gọi điện thoại cho vợ và nuốt vội một chiếc bánh mì kẹp. Nadia thông báo rằng bà vẫn không có tin tức gì. Vừa ăn, ông vừa lướt đọc mấy tờ báo: chỉ có tin tức vợ vẫn xảy ra ở Aurora.

– Thực hư vụ mất tích này là như thế nào vậy? Ông hỏi chủ quán.

– Một câu chuyện bản thủ... Chuyện xảy ra ở làng nhỏ cách đây một tiếng đồng hồ: một phụ nữ đáng thương bị ám sát và một bé gái mười lăm tuổi bị bắt đi. Tất cả cảnh sát nhà nước đều lao vào tìm kiếm

– Đi Aurora thế nào nhỉ?

– Ông cứ đi đường 95 theo hướng Đông. Khi gặp bãi biển thì theo đường 1 hướng Nam, Aurora ở đây.

Như có linh tính thôi thúc, Jay Caleb lên đường đi Aurora. Trên đường 1, ông bị cảnh sát bắt dừng xe hai lần, sau đó ông đi thẳng theo đường rừng rậm rạp Side Creek, ông được chứng kiến đội ngũ tìm kiếm rất hùng hậu: hàng chục xe cơ động của cảnh sát, cảnh sát khắp nơi, chó nghiệp vụ và rất nhiều hoạt động. Ông chạy xe đến tận trung tâm thành phố. Sau cảng thuyền một đoạn, ông dừng lại trước tiệm ăn trên phố chính đông chật ních người. Ông bước vào, đứng tựa ở quầy. Một cô gái tóc vàng tươi tắn phục vụ cà phê cho ông. Trong khoảnh khắc ông có cảm giác quen biết cô gái này, thế mà đây là lần đầu tiên trong đời ông tới đây. Ông nhìn cô gái chăm chú, cô mỉm cười với ông. Sau đó ông thấy tên của cô trên thẻ gắn ở ngực áo:

Jenny. Bất chợt, ông đã hiểu ra: người phụ nữ trên bức họa vẽ bằng than chì mà Luther vẽ và đặc biệt thích chính là cô gái này! Ông còn nhớ rất rõ ghi chú ở phía sau bức tranh: Jenny Quinn, 1974.

– Tôi có thể giúp gì cho ông không? Thưa ông? Jenny hỏi. Ông có vẻ như đang bị lạc.

– Tôi chuyện xảy ra ở đây thật khủng khiếp...

– Thật thế...Vẫn còn chưa biết chuyện gì xảy ra với cô bé. Nó còn quá trẻ, mới chỉ có mười lăm tuổi. Tôi biết rất rõ cô bé ấy, cô bé làm việc ở đây vào thứ Bảy, tên là Nola Kellergan.

– C... Cô nói gì? Jay lập bập, hi vọng là mình nghe nhầm.

– Nola, Nola Kellergan.

Nghe thêm một lần nữa những âm thanh này, ông cảm thấy xung quanh hoàn toàn chao đảo. Ông có cảm giác muốn nôn. Ông phải ra ngay khỏi đây. Đi xa khỏi đây. Ông đặt tờ 10 đô la lên quầy, trốn chạy.

Lúc ông về đến nhà, Nadia lập tức thấy chồng hoàn toàn không bình thường. Bà vội vàng tiến lại và ông gần như ngã nhào vào tay bà.

– Lạy chúa tôi, Jay, có chuyện gì thế ?

– Cách đây ba tuần, Luth và tôi đi câu cá với nhau. Bà còn nhớ chuyện đó không?

– Có. Hai bố con ông mang theo cá lửng đen không ăn được da còn gì. Sao ông lại hỏi tôi chuyện đó?

Jay kể lại ngày hôm đó cho vợ nghe. Hôm đó là Chủ nhật ngày 10 tháng Tám năm 1975. Luther ở Portland về từ tối hôm trước: họ dự định cùng nhau đi câu vào sáng sớm ngày hôm sau ở hồ nhỏ. Hôm đó rất đẹp trời, cá cắn câu rất nhiều, mặc dù họ chỉ cốt chọn góc yên tĩnh nhất để khỏi bị mọi người đến làm

phiền. Cả hai uống bia và bàn chuyện cuộc đời.

– Phon phải nói phớt bỏ chuyện này, bố ạ, Luther nói. Phon gặp được một người phụ nữ pho cùng đặc biệt.

—Thật à?

– Phon phảo bố rồi đây. Pho ấy vô cùng đặc biệt, phong giống phát kì ai. Pho ấy làm tim con phải thổn thức, và pho ấy yêu phon. Chính pho ấy đã nói với phon như vậy. Một hôm nào đó, phon sẽ giới thiệu với bố. Con chắc là bố sẽ hài lòng về pho ấy.

Jay mỉm cười.

– Thế cô gái ấy cũng có tên họ chứ?

– Nola, bố ạ. Pho ấy tên là Nola Kellergan.

Kể xong chuyện hai bố con đi câu, Jay Caleb bảo vợ rằng: “Nola Kellergan là tên của cô gái bị mất tích ở Aurora. Tôi nghĩ Luther đã làm chuyện vô cùng ngu ngốc”.

Cùng lúc đó, Sylla về đến nhà. Cô nghe thấy những lời nói của bố “Thế có nghĩa là thế nào?” cô kêu lên. “Anh Luther đã làm chuyện gì?” Sau khi giải thích tình hình, cha cô ra lệnh không được kể chuyện này với bất kì ai. Không có ai được phép nhắc đến mối liên hệ giữa Luther và Nola. Suốt tuần tiếp theo sau đó, ông không có mặt ở nhà, lúc nào cũng ở ngoài đường để tìm con trai: mới đầu ông tìm tung mọi góc ngách ở Maine, sau đó ông tìm tới cả vùng bờ biển, từ Canada cho tới tận Massachusetts. Ông tìm đến các góc ngách xa xôi hẻo lánh nhất, cả những vùng hồ và các túp lều bên hồ mà con trai ông vẫn thích. Ông tự nhủ có lẽ con trai ông đang lẩn trốn ở đó, sợ hãi khi bị cảnh sát trên toàn liên bang truy lùng như một con vật. Nhưng ông không thấy bất kì dấu vết nào. Ông đợi con hàng đêm, rình rập nghe ngóng từng tiếng động nhỏ. Khi cảnh sát gọi điện tới để báo con ông đã chết, ông gần như là thở phào

nhẹ nhõm. Ông bắt Nadia và Sylla không bao giờ được nhắc đến chuyện này, để kỉ niệm về con trai của ông không bao giờ bị vấy bẩn.

* * *

Khi Sylla vừa kể xong câu chuyện, Gahalowood hỏi:

– Có phải là cô đang nói với chúng tôi là cô nghĩ anh trai mình đã làm gì đó liên quan tới việc Nola mất tích?

– Cứ nói thẳng là anh ấy có cách cư xử kì lạ với phụ nữ... Anh ấy rất thích vẽ họ. Nhất là phụ nữ tóc vàng. Tôi biết anh ấy âm thầm vẽ họ ở những nơi công cộng. Tôi không bao giờ có thể hiểu được tại sao anh ấy lại say sưa với chuyện này đến thế... Bởi vậy, vâng, tôi ngờ rằng có điều gì đó xảy ra với cô bé kia. Bố tôi nghĩ Luther phát điên vì bị Nola từ chối nên anh ấy giết Nola. Khi cảnh sát gọi điện tới để thông báo anh ấy tự tử, bố tôi khóc rất lâu. Qua tiếng khóc của ông, tôi còn nghe ông nói là: “Nó chết thì càng tốt... Nếu chính tôi tìm ra nó, có khi tôi giết nó mất. Để nó khỏi phải bị chết trên ghế điện”.

Gahalowood lắc đầu. Trung sĩ nhìn nhanh những đồng hồ vật của Luther để lại, và phát hiện ra một cuốn sổ ghi chép.

– Đây là nét chữ của anh cô à?

– Vâng, đó là các thông số về kích cỡ mây bụi hoa hồng... Anh ấy trông nom các bụi hoa hồng ở nhà Stern. Tôi cũng không biết tại sao tôi còn giữ nó.

– Tôi có thể lấy được không? Gahalowood hỏi.

– Lấy mang đi à? Vâng, tất nhiên rồi. Nhưng tôi sợ nó không có ích gì cho cuộc điều tra của các anh. Tôi xem qua rồi: chỉ là

những thông số hướng dẫn làm vườn.

Gahalowood tỏ ý đồng tình.

– Nhưng cô biết không, anh ta nói, tôi phải cho chuyên gia phân tích nét chữ của anh trai cô.

II

Trong khi chờ Nola

“Đắm vào cái bao cát này đi, Marcus. Hãy đắm nó giống như cả cuộc đời anh phụ thuộc vào điều đó. Anh phải đắm như thể anh viết và viết như thể anh đắm bốc vậ: phải vận hết nội lực bởi vì mỗi trận đấu, cũng như là mỗi cuốn sách, đều có thể là trận cuối cùng hay cuốn sách cuối cùng.”

Mùa hè năm 2008 là mùa hè rất yên tĩnh ở Mỹ. Những trận đua tranh giành tấm vé tổng thống kết thúc vào cuối tháng Sáu, những người theo Đảng Dân chủ, theo thỏa ước Montana, đã chỉ định Barack Obama làm đại biểu, trong khi đó, những người theo Đảng Cộng hòa, ngay từ tháng Hai, đã bầu John McCain. Từ lúc đó mọi người chỉ còn tập trung huy động sức lực của từng đảng: những cuộc tái ngộ quan trọng đến tận cuối tháng 8 mới xảy ra; cùng những thỏa ước quốc gia của các đảng lớn trong lịch sử đất nước, họ sẽ chỉ định chính thức đại biểu của đảng mình vào Nhà trắng.

Tình hình yên tĩnh tương đối trước trận bão bầu cử kéo dài tới tận Ngày bầu cử mừng 4 tháng Mười một đã nhường cho vụ án Harry Quebert lên đứng vị trí số một trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng, gây ra sự náo loạn chưa từng có trong dư luận quần chúng. Có những người “thân Quebert”, và có những người theo phái “chống Quebert”; có những người nghĩ rằng Quebert trả tiền đặt cọc để được tự do chẳng qua là vì có thỏa thuận tài chính với cha Kellergan. Kể từ khi báo chí xuất bản mấy tờ giấy phác thảo của tôi, thì cuốn sách của tôi liên tục được mọi người nhắc tới; tất cả mọi người đều đồng loạt không

nói về bất kì điều gì khác ngoài chuyện sẽ có một “Goldman mới xuất bản vào mùa thu này”. Mặc dù Elijah Stern không được nêu đích danh trên báo nhưng ông ta đã đâm đơn kiện vì bị bôi nhọ thanh danh nhằm ngăn cản việc xuất bản cuốn sách. Còn cha David Kellergan, ông có vẻ cũng muốn đâm đơn kiện và quyết liệt phản đối việc buộc tội ông đối xử tồi tệ với con gái. Giữa trận chiến hỗn loạn này, chỉ có hai người đặc biệt khoái trá: đó là Barnaski và Roth.

Roy Barnaski cho huy động toàn bộ đội ngũ luật sư riêng từ New York cho tới tận New Hampshire để dẹp hết mọi kiện tụng có nguy cơ khiến cho việc xuất bản sách bị ngừng trệ. Ông ta vô cùng hân hoan: không còn nghi ngờ gì nữa, chính ông ta là người chủ trò trong vụ ăn trộm bản thảo, giúp tăng ngoạn mục tiềm năng doanh số, đồng thời cho phép ông ta chiếm toàn bộ lãnh địa của báo giới và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Ông tự cho rằng chiến dịch của mình không tồi hơn cũng không tốt hơn các chiến dịch khác, thế giới sách đã chuyển từ lãnh địa nghệ thuật cao sang sự điên rồ của chủ nghĩa tư bản thế kỉ XXI; từ bây giờ sách viết ra là để được bán, mà để được bán thì cần phải làm cho mọi người bàn luận về nó, mà để người ta bàn luận về nó thì cần phải chiếm một không gian cho nó. Nếu như chúng ta không dùng sức mạnh để chiếm lấy không gian đó, thì những người khác sẽ chiếm lĩnh nó. Hoặc là ăn, hoặc là bị ăn.

Trên bình diện công lý, không mấy nghi ngờ rằng bộ hồ sơ hình sự sắp sửa sụp đổ. Benjamin Roth đang trên đường trở thành luật sư xuất sắc của năm và tiến tới nổi tiếng trên cả nước. Anh ta chấp nhận mọi lời mời phỏng vấn. Toàn bộ thời gian của anh ta hiển nhiên chỉ đủ dành cho các các kênh truyền hình và đài tiếng nói của địa phương. Bất kể chỗ nào, miễn là có

người nói về anh ta. “Anh có tưởng tượng được không, bây giờ tôi có thể đòi thù lao lên đến 1000 đô la một tiếng”, anh ta nói với tôi. “Mỗi khi xuất hiện trên một tờ báo nào đó, thì sau đó tôi lại cộng thêm mười đô tiền thù lao cho một giờ làm việc của tôi với khách hàng tiếp theo. Với cánh báo chí, điều anh nói chẳng mấy quan trọng, quan trọng là anh có mặt ở đó. Người ta nhớ đã thấy ảnh anh trong tờ New York Times, nhưng họ chẳng bao giờ nhớ anh kể chuyện gì ở đây đâu”. Suốt cả cuộc đời sự nghiệp, Roth mong mỗi có một vụ án thế kỉ, và bây giờ anh ta đã có. Bây giờ, dưới chùm ánh sáng của những chiếc máy chiếu, anh ta phục vụ báo chí mọi điều họ muốn nghe: Cảnh sát trưởng Pratt, Elijah Stern, anh ta nói đi nói lại không biết chán rằng Nola là đứa con gái hư hỏng, chắc chắn ả là người giết dây, và rốt cuộc Harry là nạn nhân thực sự của vụ án. Để kích thích trí tò mò của cử tọa, thậm chí anh ta còn tưởng tượng thêm ra rồi bóng gió rằng cả nửa thành phố Aurora có quan hệ gần gũi với Nola, đến mức tôi phải gọi anh ta để kết thúc chuyện này.

– Anh phải dừng ngay những chuyện tào lao đòi truy lại, Benjamin. Anh đang làm vậy bần tất cả mọi người.

– Thì chính vậy, Marcus, suy cho cùng, việc của tôi là gột rửa danh dự cho Harry hay nói cách khác phải chỉ ra danh dự đáng kinh tởm của những người khác. Nếu vụ án ra tòa, tôi sẽ phải mời Pratt ra làm chứng, phải triệu tập Stern, phải gọi tất cả các đảng nam nhi của Aurora ra trước vành móng ngựa để họ thú nhận công khai tội lỗi xác thật của họ với cô bé Kellergan. Tôi phải chứng minh rằng Harry tội nghiệp rốt cuộc chỉ có chút lỗi lầm là để một đứa con gái truy lạc lừa gạt, cũng giống như bao nhiêu người khác dính phải.

– Anh bịa chuyện gì vậy? Tôi hỏi giọng nghiêm trọng. Không bao giờ có chuyện như vậy.

– Thôi đi nào, bạn của tôi. Hãy gọi thẳng tên sự vật. Nola là con đĩ.

– Anh thật đáng xấu hổ, tôi trả lời.

– Đáng xấu hổ ư? Nhưng tôi chỉ nhắc lại những điều chính anh viết trong sách của anh đây thôi, không phải vậy sao?

– Hoàn toàn không, và anh biết rõ điều đó! Nola không có gì tai tiếng, cũng không phải hạng người gây chuyện. Chuyện của cô ấy với Harry là chuyện tình yêu thực sự!

– Tình yêu, tình yêu, lúc nào cũng tình yêu! Tình yêu chẳng có nghĩa gì hết, anh Goldman ạ! Tình yêu là âm mưu thâm độc do cánh đàn ông nghĩ ra để không phải giặt quần áo!

Văn phòng công tố bị báo giới đưa ra phê phán. Tình hình này được thể hiện rõ ngay trong trụ sở cảnh sát hình sự cấp bang: có tin đồn, trong một cuộc họp ba bên, thống đốc bang đã thân chinh báo động cho cảnh sát phải giải quyết vụ việc trong thời hạn ngắn nhất. Kể từ khi được Sylla Mitchell tiết lộ thông tin, Gahalowood bắt đầu nhìn nhận diễn biến cuộc điều tra sáng sủa hơn; mọi chi tiết càng ngày càng nghiêng về hướng Luther, Gahalowood đang trông đợi rất nhiều vào kết quả phân tích nét chữ để khẳng định linh cảm của mình. Trong khi chờ đợi, ông ta cần phải tìm thêm thông tin, đặc biệt là những chuyển lượn lời của Luther tại Aurora. Chính vì vậy, Chủ nhật ngày 20 tháng Bảy, chúng tôi cùng đi gặp Travis Dawn để hỏi thêm ông ta về chuyện này.

Vì tôi vẫn còn ngần ngại chưa muốn quay trở lại Aurora, cho nên Travis chấp nhận đến gặp chúng tôi ở một quán ăn dọc đường gần Montburry. Tôi chuẩn bị tinh thần sẽ bị tiếp đón lạnh lùng vì những điều tôi viết về Jenny, nhưng ông ta tỏ ra rất tử tế với tôi.

– Tôi rất lấy làm tiếc về những thông tin rò rỉ ra bên ngoài, tôi nói với Travis. Máy trang giấy đó của tôi chỉ là những ghi chép cá nhân, nhẽ ra chúng không được xuất bản cho mọi người đọc.

– Tôi không thể trách cậu về việc đó được, Marc ạ.

– Ông cũng có thể.

– Cậu chỉ kể sự thật thôi. Tôi biết đúng là Jenny có thích Quebert... Tôi thấy rõ hồi đó, cô ấy nhìn anh ta như thế nào... Trái lại, tôi nghĩ điều tra của anh đang đi đúng hướng, Marcus ạ. Ít ra, đó chính là bằng chứng. Vậy cuộc điều tra có gì mới không?

Gahalowood trả lời:

– Có, mới ở chỗ chúng tôi đang có những nghi vấn rất nghiêm túc về Luther Caleb.

– Luther Caleb - Tên khùng đó à? Thế chuyện vẽ tranh ấy là có thật à?

– Vâng. Rõ là cô bé này thường xuyên tới nhà Stern. Anh có biết chuyện giữa Cảnh sát trưởng Pratt và Nola không?

– Chuyện bậy bạ đó à? Không! Khi tôi biết chuyện, tôi không dám tin. Anh biết đấy, có thể là ông ta đã sa ngã, nhưng lúc nào ông cũng là người cảnh sát gương mẫu. Tôi tin công việc điều tra cùng những nghiên cứu của ông ấy, ngay cả trên báo chí cũng viết như thế.

– Thế còn các nghi ngờ về Stern và Quebert, anh nghĩ thế nào?

– Các anh cứ đa nghi, chứ tôi thấy bà Tamara Quinn hỏi đó tuy là có trình báo cảnh sát về Quebert, nhưng phải xác định rõ là bà ấy luôn tỏ ra biết hết mọi chuyện nhưng thực ra lại chẳng biết gì cả. Bà ấy không hề có bất kì bằng chứng gì về những điều

bà ấy kể. Bà ấy cứ nói đi nói lại là có bằng chứng cụ thể, nhưng mà lại đánh mất mà không hiểu vì sao. Không có gì đáng tin cậy cả. Thừa trung sĩ, chính anh là người biết phải hết sức cẩn trọng với những lời buộc tội không có căn cứ. Chi tiết duy nhất chống lại Quebert đó là chiếc xe Chevrolet Monte Carlo màu đen. Nhưng riêng điều này thì còn lâu mới đủ chứng cứ để buộc tội.

– Một bạn gái của Nola khẳng định với chúng tôi rằng cô ấy đã khai với Pratt về chuyện xảy ra ở nhà Stern.

– Pratt chưa bao giờ nói với tôi chuyện đó.

– Nếu thế thì thật khó mà không nghĩ ông ta điều tra quấy quá? Gahalowood đặt vấn đề.

– Đừng bắt tôi nói những điều tôi không nói, thừa trung sĩ.

– Thế còn Luther Caleb? Anh có thể nói đôi lời về anh ta chứ?

– Luther là một tay nực cười. Hắn quấy rối phụ nữ. Thậm chí hắn khiến Jenny phải đâm đơn kiện vì đã tỏ ra hung hãn với cô ấy.

– Anh chưa từng nghi ngờ hắn à?

– Không thực sự. Chúng tôi cũng có đưa tên anh ta ra, rồi kiểm tra anh ta đi loại xe nào. Tôi còn nhớ anh ta lái chiếc Mustang xanh lơ. Dù sao đi chăng nữa, ít có khả năng anh ta là nhân vật chúng ta tìm kiếm.

– Tại sao?

– Trước khi Nola biến mất ít lâu, tôi chắc chắn anh ta không bao giờ quay trở lại Aurora nữa.

– Nghĩa là sao?

Travis bất chợt tỏ vẻ không thoải mái.

– Chúng tôi cho rằng...Nghĩa là... Tôi thấy anh ta ở tiệm Clark's, lúc đó là vào giữa tháng Tám, sau khi tôi thuyết phục được Jenny kiện anh ta...Vì anh ta gây gổ với cô ấy, làm cho cô ấy bầm tím cả tay. Dù sao thì chuyện đó cũng nghiêm trọng. Khi thấy tôi đi đến, anh ta chạy trốn. Tôi rượt đuổi theo và bắt được anh ta, tôi bắt được anh ta trên đường 1. Và ở ...Tôi... Anh biết đấy, Aurora là một thành phố yên bình, tôi không muốn anh ta lảng vảng ở đó

– Anh đã làm gì anh ta?

– Tôi tấn cho anh ta một trận ra trò. Tôi cảm thấy xấu hổ về chuyện này. Và...

– Và gì, Cảnh sát trưởng Dawn?

– Tôi đập dùi cui vào bộ phận sinh dục của anh ta. Tôi tương cho anh ta một trận ra trò. Khi anh ta đau quá gập đôi người úp mặt xuống đất, tôi dựng anh ta dậy, rút súng lục ra, tôi lên đạn và chọc nòng súng vào giữa hai cặp bìu của anh ta. Tôi bảo tôi không muốn nhìn thấy anh ta lần nữa trong đời. Anh ta rên rỉ, méo máo rằng anh ta sẽ không quay trở lại nữa, và van vãn xin tôi thả cho đi. Tôi biết hành động của mình không đúng đắn cho lắm nhưng tôi muốn chắc chắn rằng không ai còn nhìn thấy anh ta ở Aurora nữa.

– Và anh nghĩ Luther vâng lời anh à?

– Hẳn nhiên rồi.

– Vậy có nghĩa là anh là người cuối cùng nhìn thấy Luther ở Aurora?

– Vâng. Tôi chuyển lệnh cho các đồng nghiệp, báo cho họ cả loại xe anh ta lái. Luther không xuất hiện thêm lần nào nữa. Một tháng sau đó, có tin anh ta chết ở Massachusetts.

– Tai nạn như thế nào?

– Tôi nghĩ anh ta gặp nạn ở đoạn đường vòng. Tôi không biết gì hơn. Nói thật là, tôi không quan tâm đến chuyện đó lắm. Lúc đó chúng tôi có nhiều chuyện quan trọng hơn phải làm.

Khi ra khỏi quán cơm, Gahalowood nói với tôi:

– Tôi cho rằng chiếc xe là chìa khóa của vấn đề. Phải biết ai lái chiếc Chevrolet Monte Carlo đen. Hoặc chúng ta cũng có thể đặt câu hỏi thế này: Liệu Luther Caleb có khả năng đã ngồi vào buồng lái của một chiếc xe Chevrolet Monte Carlo đen vào ngày 30 tháng Tám năm 1975 hay không.

Ngày hôm sau, tôi trở lại Goose Cove lần đầu tiên kể từ khi xảy ra hỏa hoạn. Mặc dù có biển báo của cảnh sát căng trước sân cắm vào trong ngôi nhà, nhưng tôi vẫn đi vào. Tất cả đều hỏng hết. Trong bếp, tôi nhìn thấy chiếc hộp KỈ NIỆM ROCKLAND, MAINE vẫn còn nguyên vẹn. Tôi đổ hết bánh mì khô ra và nhặt nhanh bỏ vào đó vài đồ vật còn nguyên vẹn sót lại trong các phòng. Trong phòng khách, tôi phát hiện ra một cuốn album nhỏ, thân kì thế nào mà lại không hề bị cháy. Tôi mang cuốn album ra ngoài, ngồi dưới gốc cây sồi to đối diện ngôi nhà để xem. Đúng lúc đó, Erne Pinkas tới. Ông nói với tôi:

– Tôi thấy ô tô của cậu đổ trên đường nhỏ rẽ vào đây.

Ông đến ngồi cạnh tôi.

– Ảnh của Harry à? Ông hỏi tôi và chỉ vào cuốn album.

– Vâng, cháu mới tìm được trong nhà.

Im lặng hồi lâu. Tôi lật từng trang. Những tấm ảnh hẳn là được chụp từ đầu những năm 1980. Trong nhiều tấm ảnh, có một con chó lông vàng.

– Con chó này của ai vậy? Tôi hỏi.

– Của Harry.

– Cháu không biết là ông ấy từng nuôi chó.

– Nó tên là Storm. Hẳn nó phải sống được mười hai hay mười ba năm.

Storm, tôi cũng từng nghe cái tên này, nhưng tôi không thể nhớ nghe ở đâu nữa.

– Marcus này, bác Pinkas nói. Hôm trước, tôi không muốn tỏ ra độc ác với cậu. Tôi rất tiếc nếu làm cậu tổn thương.

– Không có gì ạ.

– Có, có chứ. Tôi không biết là cậu bị đe dọa. Lí do là vì cuốn sách à?

– Rất có thể.

– Nhưng ai làm chuyện đó chứ? Ông chỉ tay về phía ngôi nhà bị cháy, hỏi.

– Không ai biết gì. Cảnh sát nói rằng kẻ đốt nhà đã sử dụng chất kích cháy như xăng chẳng hạn. Họ phát hiện ra một bi đông rỗng ngoài bãi biển, nhưng họ không nhận ra các dấu vân tay trên đó.

– Cậu bị đe dọa như vậy mà vẫn cứ tới ở đây à?

– Vâng.

– Tại sao?

– Vì lí do gì mà cháu phải bỏ đi nhỉ? Sợ hãi ư? Cần phải biết coi thường nỗi sợ hãi.

Pinkas nói rằng tôi là người có cá tính, chính ông cũng rất muốn có tính cách mạnh mẽ như vậy trong cuộc đời. Vợ ông lúc nào cũng tin tưởng ở ông. Bà ấy chết trước đó mấy năm do một cái hạch. Trên giường bệnh, bà còn nói với ông, cứ như thể ông là thanh niên trai trẻ còn tràn đầy tương lai ở phía trước: “Ernie, ông sẽ làm được điều gì đó thật lớn trong đời. Hãy tin

tưởng vào bản thân. Tôi già quá rồi. Cuộc sống ở phía sau tôi rồi. Không bao giờ là quá muộn cả, Ernie ạ. Hễ khi nào còn chưa chết, thì cuộc sống vẫn còn ở phía trước”. Nhưng kể từ khi vợ ông qua đời, thì Ernie chỉ có một thành công là xin được việc làm trong siêu thị ở Montburry để trả nợ chi phí các buổi truyền hóa chất và gìn giữ tấm bia trên mộ của vợ.

– Tôi thu gom và sắp xếp các xe đẩy hàng, Marcus ạ. Tôi đi khắp bãi đậu xe, tìm các xe đẩy đơn lẻ bị bỏ rơi, gom chúng lại với nhau, xếp vào hàng với các bạn của chúng vào đúng vị trí cho các khách hàng sau. Những chiếc xe đẩy không bao giờ cô độc. Hay nói chính xác là không bao giờ cô độc lâu. Bởi vì trong tất cả các siêu thị trên thế giới, luôn luôn có một gã Ernie đến tìm và dẫn chúng quay trở lại với gia đình của chúng. Nhưng rồi ai là người sẽ đến nhà Ernie để mang ông ta trở về với gia đình của ông ta nhỉ? Tại sao người ta lại làm như vậy với các xe đẩy trong siêu thị mà không làm như vậy với con người?

– Bác có lí đấy. Vậy cháu có thể làm được gì cho bác?

– Tôi muốn xuất hiện ở phần cảm ơn trong cuốn sách của cậu. Tôi muốn có tên trong phần cảm ơn ở trang cuối cùng, như các nhà văn vẫn hay làm thế. Tôi muốn tên tôi ở trên cùng, được nhắc đến đầu tiên. Được viết hoa. Bởi vì tôi có giúp cậu một chút trong việc tìm kiếm thông tin. Cậu nghĩ như vậy có được không? Vợ tôi sẽ rất tự hào. Người chồng bé nhỏ của bà ấy có đóng góp cho thành công vĩ đại của Marcus Goldman, ngôi sao lớn mới của nền văn học.

– Bác cứ tin tưởng ở cháu, tôi nói.

– Tôi sẽ đọc cho bà ấy nghe cuốn sách của cậu, Marc ạ. Hằng ngày tôi sẽ đến ngồi bên cạnh bà ấy, đọc cho bà ấy nghe truyện của cậu.

– Cuốn sách của chúng ta, bác Erne ạ. Cuốn sách của chúng ta.

Bất chợt chúng tôi nghe thấy những bước chân ở phía sau: Jenny tới.

– Tôi nhìn thấy xe của cậu đậu ở lối vào trên đường, Marcus ạ, cô nói với tôi. Bác Erne và tôi nhìn nhau mỉm cười. Tôi đứng lên, Jenny ôm tôi như thể một người mẹ ôm con. Sau đó, cô nhìn ngôi nhà và bắt đầu khóc.

Hôm đó, trên đường đến Concord, tôi đi qua nhà nghỉ Sea Side gặp Harry. Ông đang cởi trần, lê lét trước cửa phòng số 8. Ông đang luyện các động tác đấm bốc. Ông không còn như trước nữa. Khi thấy tôi, ông nói:

- Chúng ta đi đấm bốc đi, Marcus.
- Em đến đây để nói chuyện.
- Thì vừa đấm bốc vừa nói chuyện.

Tôi chìa ra cho ông chiếc hộp KỈ NIỆM ROCKLAND, MAINE mà tôi tìm thấy trong đồng đồ nát của ngôi nhà.

– Em mang tới cho thầy cái này, tôi nói. Em mới rẽ qua Goose Cove. Căn nhà còn đầy đồ đạc... Tại sao thầy không đến mà lấy?

- Thế anh muốn tôi đến lấy cái gì?
- Các kỉ vật.

Ông nhếch mép.

– Kỉ vật chỉ có làm buồn thôi, Marcus Nhìn thấy chiếc hộp này cũng đủ làm tôi muốn khóc!

Ông cầm chiếc hộp giữa hai tay, ghì chặt vào người.

– Khi Nola biến mất, ông kể với tôi, tôi không tham gia tìm kiếm. Anh có biết là tôi làm gì không?

- Không

- Tôi đợi nàng, Marcus ạ. Tôi đợi nàng. Đi tìm, có nghĩa là coi như nàng không còn nữa. Nhưng tôi đợi, tôi tin nàng sẽ quay trở lại. Tôi hoàn toàn chắc chắn, một hôm nào đó, nàng sẽ quay trở lại. Và ngày hôm đó, tôi muốn nàng phải tự hào về tôi. Tôi đã chuẩn bị đón nàng suốt ba mươi ba năm. Ba mươi ba năm! Hằng ngày, tôi vẫn mua sôcôla và hoa tươi cho nàng. Tôi biết Nola là người duy nhất mà tôi yêu mãi mãi, và tình yêu, Marcus ạ, nó chỉ đến có một lần trong đời! Nếu như anh không tin tôi, thì có nghĩa là anh chưa từng yêu bao giờ. Buổi tối, tôi ngồi trên tràng kỉ ngóng chờ bóng nàng tới, tự nhủ rằng, nàng sẽ bất ngờ xuất hiện như mọi khi. Khi đi hội thảo trên toàn quốc, tôi vẫn để tin nhắn trên cửa: Dự hội thảo ở Seattle. Trở về vào thứ Ba tới. Biết đâu nàng quay trở về lúc tôi vắng mặt. Tôi không bao giờ khóa cửa. Không bao giờ! Tôi không bao giờ khóa cửa suốt ba mươi ba năm. Mọi người nói tôi điên, một hôm nào đó khi trở về, nhà tôi sẽ trống rỗng vì kẻ trộm khuân hết, nhưng ở Aurora, New Hampshire, không ai lấy trộm của ai cái gì bao giờ. Anh có hiểu tại sao tôi đã sống lang thang nhiều năm trên đường, chấp nhận tất cả các cuộc hội thảo mà người ta đề nghị tôi làm không? Bởi vì tôi tự nhủ, có thể tôi sẽ gặp nàng. Tôi đã đi khắp chiều dài sang chiều rộng của đất nước, từ những đô thị lớn sầm uất hay tỉnh lỵ bé nhỏ, kiểm tra tất cả các tờ báo địa phương để chắc họ có quảng cáo về hội thảo của tôi, đôi khi tôi tự bỏ tiền túi ra để quảng cáo, tất cả những điều đó để làm gì? Để vì nàng, để chúng tôi có thể tìm thấy nhau. Trong suốt các cuộc hội thảo của tôi, tôi nhìn rõ vào từng khuôn mặt trong đám cử tọa, tôi kiếm tìm những gương mặt tóc vàng ở độ tuổi nàng, tôi tìm những người giống nàng. Mỗi lần, tôi lại thầm nghĩ: có thể nàng có mặt. Sau mỗi buổi hội thảo, tôi đáp

lại mọi đề nghị gặp mặt, tôi nghĩ có thể nàng sẽ tới gặp tôi. Trong suốt nhiều năm, tôi rình bóng hình nàng trong đám công chúng, mới đầu tôi chỉ lưu ý đến những cô gái ở tuổi mười lăm, rồi mười sáu, rồi hai mươi, sau đó là hai lăm! Marcus ạ, nếu như tôi ở lại Aurora, thì chỉ bởi vì tôi muốn đợi Nola. Còn bây giờ, vậy là một tháng rưỡi kể từ khi người ta tìm thấy xác của nàng. Chôn vùi trong vườn của tôi! Tôi đợi nàng chừng ấy năm, thế mà nàng ở ngay đó, ngay bên cạnh! Đúng chỗ mà tôi luôn luôn muốn trồng cấm tú cầu cho nàng! Kể từ khi người ta tìm ra nàng, tim tôi muốn vỡ tung, Marcus ạ! Bởi vì tôi đã mất tình yêu của đời mình, bởi vì nếu như tôi không hẹn nàng đến cái nhà nghỉ đáng nguyên rủa ấy, có thể nàng vẫn còn sống! Vậy thì đừng mang những kỉ vật đến đây, chúng làm tim tôi tan nát. Hãy thôi đi, xin anh, hãy thôi đi.

Ông đi lại phía cầu thang.

– Thầy đi đâu thế Harry?

– Đám bốc. Tôi chỉ còn mỗi việc đó thôi, đám bốc.

Ông tiến xuống dưới bãi đỗ xe và bắt đầu tung ra những cú đấm hung hãn như sắp đánh nhau dưới ánh mắt lo lắng của khách hàng trong quán ăn bên cạnh. Tôi đến gần và đứng trước ông ở thế phòng thủ. Ông cố gắng tấn công liên tục, nhưng ngay cả khi đám bốc, cũng không còn như trước nữa.

– Thực ra, anh tới đây làm gì?

Ông hỏi tôi giữa hai đợt tấn công phía bên phải.

– Làm gì ư? Thì để gặp thầy.

– Tại sao anh lại muốn gặp tôi đến thế? - Thì bởi vì chúng ta là bạn của nhau!

– Đúng là ở chỗ này đây Marcus ạ, đúng chỗ này anh chẳng hiểu gì cả chúng ta không thể là bạn nhau được nữa.

– Thầy đang nói gì thế hả Harry?

– Nói sự thật. Tôi yêu anh như con trai tôi. Và sẽ còn yêu mãi mãi, Nhưng chúng ta không còn có thể là bạn được nữa.

– Tại sao? Tại vì ngôi nhà bị cháy ư? Em sẽ trả tiền, em đã bảo thầy rồi! Em sẽ trả tiền!

– Anh vẫn chưa hiểu tôi, Marcus ạ. Không phải vì ngôi nhà.

– Tôi nói lỏng thế phòng thủ giấy lát, ông liền đâm thực mạng liên tục thẳng vào phía trên vai phải của tôi.

– Phải giữ chắc thế phòng thủ, Marcus! Nếu đâm vào đầu thì chắc anh ngất xỉu rồi đấy!

– Nhưng em bắt cần! Em muốn biết! Em muốn hiểu trò chơi bí ẩn của thầy có nghĩa là gì.

– Không phải là trò chơi. Khi hiểu ra, anh sẽ giải quyết được tất cả câu chuyện này.

Tôi dừng hẳn lại.

– Chúa ơi, thầy đang nói gì vậy? Thầy giấu em điều gì đúng không? Thầy không nói với em toàn bộ sự thật ư?

– Tôi đã nói hết với anh rồi, Marcus ạ, sự thật nằm trong tay anh.

– Em không hiểu.

– Tôi biết. Nhưng khi anh hiểu hết, thì mọi chuyện sẽ khác. Anh sẽ trải qua một thời kì khó khăn trong cuộc sống của mình.

Tôi ngồi thụp xuống dưới nền sân xi măng, lặc lỏi. Ông bắt đầu hét lên rằng không phải lúc để ngồi.

– Đứng lên đi, đứng lên đi! Ông hét lên. Chúng ta đang chơi một loại hình nghệ thuật cao quý là đâm bốt!

Nhưng tôi cảm thấy chẳng còn hứng thú gì với loại hình nghệ thuật cao quý đó cả.

– Đối với em, đám bốc chỉ có ý nghĩa nếu là vì thầy, Harry! Thầy có nhớ cuộc thi vô địch đám bốc năm 2002 chứ?

– Tất nhiên là tôi nhớ. Làm thế nào mà quên được.

– Thế tại sao chúng ta lại không còn là bạn của nhau nữa?

– Tại vì những cuốn sách. Những cuốn sách đã liên kết chúng ta với nhau và bây giờ chúng lại chia rẽ chúng ta. Điều này đã được viết ra rồi.

– Đã được viết ra? Thế nghĩa là thế nào?

– Tất cả đều ở trong những cuốn sách... Marcus ạ, ngay khi tôi gặp anh, tôi đã biết rằng thời điểm này sẽ tới.

– Nhưng thời điểm này là lúc nào?

– Tại cuốn sách mà anh đang viết.

– Cuốn sách đó ư? Nhưng nếu thầy muốn, em sẽ từ bỏ ngay! Thầy có muốn chúng ta sẽ hủy bỏ tất cả không? Thế thì được, thế thì hủy! Không còn sách nữa! Không còn gì hết!

– Đáng tiếc là điều đó chẳng giúp được gì. Nếu như không phải tại cuốn đó, thì lại tại cuốn khác.

– Harry, thầy đang kể chuyện gì vậy? Em không hiểu gì hết.

– Anh phải tiếp tục viết cuốn sách này, nó sẽ là một tuyệt tác, Marcus ạ. Tôi rất hạnh phúc về điều đó, nhất là anh đừng coi thường nó. Nhưng chúng ta đang tiến tới thời điểm chia li. Một nhà văn ra đi, một nhà văn khác sinh ra. Anh sẽ là người thay thế, Marcus ạ. Anh sẽ trở thành một nhà văn lớn. Anh bán được bản quyền với giá một triệu đô la! Một triệu đô la! Anh sẽ trở thành người có thể lực, Marcus ạ. Tôi luôn luôn biết điều đó.

– Nhưng, nhân danh Chúa, thầy muốn nói gì với em vậy?

– Marcus, chìa khóa nằm giữa những cuốn sách. Nó ở ngay

trước mắt anh. Hãy nhìn đi! Nhìn cho rõ đi! Anh có thấy chúng ta đang ở đâu không?

– Chúng ta đang trong bãi đỗ xe của một nhà nghỉ!

– Không! Không! Marcus ạ. Chúng ta đang ở nguồn gốc của cái xấu xa! Đã hơn ba mươi năm nay tôi sợ giây phút này.

* * *

Phòng đấm bốc trong khu ký túc xá đại học Burrows, Tháng Hai năm 2002

– Anh nhắm các cú đấm không chính xác, Marcus ạ. Anh đấm rất mạnh, nhưng lúc nào cũng để đốt ngón tay cái cao quá, nó sẽ bị cọ sát khi đấm.

– Đeo găng vào thì em không cảm thấy gì nữa.

– Anh phải biết cách đấm tay trần không găng. Găng chỉ để tránh giết chết đôi thủ mà thôi. Anh sẽ cảm thấy đau nếu đấm vào một cái gì khác chứ không phải cái túi này.

– Harry... Theo thầy thì tại sao lúc nào em cũng đi đấm bốc một mình?

– Hãy tự hỏi bản thân mình, Marcus.

– Em cho là tại vì em sợ, em sợ thua cuộc.

– Nhưng khi anh tới phòng tập ở Lowell theo lời khuyên của tôi, khi bị cái gã khổng lồ da đen đánh cho tơi tả, thì anh cảm thấy điều gì?

– Tự hào. Sau khi bị hạ gục, em cảm thấy rất tự hào. Ngày hôm sau khi nhìn những chỗ thâm tím trên cơ thể mình, em thấy yêu chúng thế: em đã bị vượt mặt và em dám chấp nhận điều đó! Em đã dám tự đấu tranh với bản thân mình!

– Vậy anh tự cho rằng đã chiến thắng.

– Vâng, suy cho cùng thì là như vậy. Ngay cả khi về mặt kĩ thuật mà nói, em bị thua, nhưng hôm đó em vẫn có cảm giác là đã chiến thắng.

– Câu trả lời chính ở chỗ đó: Thắng hay thua không quan trọng, Marcus ạ. Điều quan trọng là chặng đường anh trải qua giữa tiếng cồng của vòng đầu tiên và tiếng cồng của vòng sau cuối. Suy cho cùng, kết quả của trận đấu chỉ là một thông tin đưa ra cho công chúng. Ai có quyền nói anh bị thua, nếu như chính anh nghĩ anh thắng? Cuộc sống giống như cuộc thi chạy, Marcus ạ: lúc nào cũng có người chạy nhanh hơn và người chạy chậm hơn anh. Rốt cuộc, điều đáng giá nhất chính là sức mạnh mà anh bỏ ra để vượt qua chặng đường của mình.

– Harry, em thấy tờ áp phích này trong phòng học...

– Ừ, tờ quảng cáo giải vô địch đấm bốc liên trường... .

– Vâng... tất cả các trường đại học lớn đều tham gia... Harvard, Yale... Em... Em muốn tham gia.

– Vậy thì tôi sẽ giúp anh...

– Thật chứ ạ?

– Tất nhiên rồi. Anh có thể luôn tin tưởng ở tôi, Marcus ạ. Đừng bao giờ quên điều đó. Anh và tôi là đồng đội. Suốt đời.

10

Cuộc tìm kiếm bé gái mười lăm tuổi (Thành phố Aurora, bang New Hampshire, ngày 1 ngày 18 tháng Chín năm 1975)

“Harry, làm thế nào có thể truyền tải được những cảm xúc mà mình không trải qua?

– Đó chính là việc của anh với tư cách là nhà văn. Viết, có nghĩa là có khả năng cảm nhận mạnh hơn những người khác và tiếp theo là có thể truyền tải nó. Viết, có nghĩa là làm cho các độc giả của anh có thể thấy những điều mà đôi khi họ không thấy được. Nếu chỉ có những đứa trẻ mồ côi mới có thể kể được truyện của trẻ mồ côi, thì chúng ta sẽ không bao giờ giải quyết được vấn đề. Nghĩa là anh sẽ không thể nói được về người mẹ, về người cha, về con chó, viên phi công, hay về Cách mạng Nga bởi vì anh không phải là người mẹ, không phải là người cha, cũng không phải là con chó, càng chẳng phải phi công hay không hề biết đến Cách mạng Nga. Anh chỉ là Marcus Goldman. Nếu như mỗi nhà văn chỉ giới hạn ở chính bản thân mình, văn chương sẽ là một nỗi buồn khó chịu và sẽ mất hết ý nghĩa của nó. Người ta có quyền nói về tất cả, Marcus ạ, nói tất cả những gì làm chúng ta cảm động. Không ai có thể đánh giá chúng ta về điều đó. Chúng ta là nhà văn bởi vì chúng ta làm một việc mà tất cả mọi người xung quanh chúng ta đều làm theo cách hoàn toàn khác: viết. Đó là công việc vô cùng tinh tế”.

Ai cũng có lúc tưởng đã gặp Nola ở đâu đó. Trong cửa hàng bách hóa của thành phố lân cận, ở trạm dừng xe buýt, tại quầy

ăn uống ở cửa hàng. Một tuần sau khi mất tích, khi cuộc điều tra đang triển khai tích cực, cảnh sát đã phải đối diện với hàng loạt những nhân chứng nhầm tưởng. Tại hạt Cordridge, buổi chiếu phim phải đột ngột dừng lại giữa chừng khi một khán giả đang xem phim tưởng nhận ra Nola Kellergan ngồi ở hàng ghế đầu. Gần Manchester, một người cha đang dẫn con gái tóc vàng và cũng tầm mười lăm tuổi-đi hội chợ, thì bị bắt vào đồn cảnh sát để xác minh.

Mặc dù các cuộc điều tra đều hết sức tích cực, nhưng vẫn không mang lại kết quả gì: việc huy động toàn bộ dân chúng trong vùng cho phép mở rộng cuộc điều tra ra tất cả các thành phố lân cận, nhưng không cho phép tìm ra được một đầu mối nào. Các chuyên gia FBI tới tận hiện trường để tối ưu hóa công việc của cảnh sát, chỉ ra những nơi cần ưu tiên lục soát trên cơ sở kinh nghiệm và các thông kê thực tế: những sông hồ kênh rạch, bìa rừng gần bãi đỗ xe, khu đổ rác thối hoắc vì rác thải đang mục rữa. Họ thấy sự việc phức tạp tới mức phải viện đến cả sự trợ giúp của một nhà chiêm tinh học. Mặc dù nhà chiêm tinh học này đã thu được những thành công nhất định trong hai vụ giết người ở Oregon, nhưng lần này cũng không giúp được gì.

Cả thành phố Aurora sôi sục, đâu đâu cũng đầy ắp những kẻ tò mò và cánh nhà báo. Đồn cảnh sát nằm trên phố chính nhận nhiệm vụ với hàng loạt các hoạt động: đây là nơi người ta liên kết các mối nghiên cứu, tập trung và phân loại thông tin. Các đường điện thoại tắc nghẽn, điện thoại không ngừng đổ chuông, thường xuyên là chẳng để làm gì, mỗi cuộc gọi lại cần phải kiểm tra rất nhiều chi tiết. Nhiều hướng nghiên cứu mở ra ở Vermont và Massachusetts, nhiều nhóm cảnh sát cùng chó nghiệp vụ được điều đến hai nơi này. Nhưng cũng không thu

được kết quả gì. Cảnh sát trưởng Pratt và đại úy Rodik chịu trách nhiệm truyền tin cho báo giới mỗi ngày hai lần, cũng đã dần dần thú nhận sự bất lực của mình.

Ai cũng nhận thấy rằng Aurora đang là đối tượng theo dõi một cách sát sao: các nhân viên nhà nước trà trộn vào đám nhà báo đến từ khắp các bang để đưa tin về sự kiện, theo dõi toàn bộ khu vực xung quanh ngôi nhà của Kellergan và cả các cuộc điện thoại. Nếu như đây là vụ bắt cóc, thì thủ phạm sẽ nhanh chóng hiện hình. Hẳn sẽ gọi điện thoại, hoặc sẽ trà trộn vào đám người hiếu kì đang đổ dồn về trước ngôi nhà số 245 Terrace Avenue để tỏ ý giúp đỡ.

Dân chúng đoàn kết giúp đỡ nhau: đàn ông không kể giờ giấc cần mẫn tìm kiếm toàn bộ khu vực ngoài đồng, trong rừng, hoặc đi kiểm tra hai bờ sông. Robert Quinn xin nghỉ phép hai ngày để tham gia điều tra. Erne Pinkas được ông chủ cho phép, cũng nghỉ việc sớm một tiếng để gia nhập vào đội tình nguyện từ cuối buổi chiều cho đến tận tối. Trong căn bếp tiệm Clark's, Tamara Quinn, Amy Pratt và những người tình nguyện khác đang chuẩn bị bữa ăn nhẹ cho những người tình nguyện. Họ chỉ nói về cuộc điều tra.

– Tôi biết tin, Tamara Quinn nhắc đi nhắc lại. Tôi biết những thông tin quan trọng!

– Cái gì? Cái gì? Kể đi nào! Mọi người đồng loạt kêu lên trong khi đang quất bơ vào ruột bánh làm bánh mì kẹp.

– Tôi không thể nói gì cho các bà được... Điều này quá nghiêm trọng.

Và mỗi người kể chuyện riêng của mình: từ lâu nay họ đã nghi ngờ có chuyện mờ ám xảy ra ở ngôi nhà số 245 Terrace Avenue, không phải là ngẫu nhiên khi gia đình này lại có kết

cục xấu như vậy. Mẹ Philips, là người có con trai học cùng lớp với Nola, kể rằng rõ ràng là vào giờ giải lao, một học trò nam trêu chọc Nola, đã bất ngờ kéo áo Nola lên, thế là tất cả mọi người đều nhìn thấy trên cơ thể của cô bé có rất nhiều vết. Mẹ Hattaway kể rằng con gái Nancy của bà là bạn rất thân với Nola, và trong suốt mùa hè, có rất nhiều chuyện bất thường liên tục xảy ra rất là kì lạ. Đặc biệt là trong suốt cả một tuần liền, Nola bất ngờ biến mất; cửa nhà gia đình Kellergan đóng im ỉm không cho bất cứ ai vào. “Rồi lại còn cái thứ nhạc ấy nữa chứ!” Bà Hattaway kêu lên. “Ngày nào tôi cũng nghe thấy tiếng nhạc mở quá to trong nhà kho, tôi không biết có chuyện quỷ quái gì mà lại cần phải làm đình tai nhức óc cả khu dân cư lên như thế. Nhẽ ra tôi phải kiện ông ta vì gây tiếng ồn như vậy, nhưng tôi không bao giờ dám làm. Tôi tự nhủ, dù sao đi chăng nữa, thì ông ta cũng là mục sư ”

* * *

Thứ Hai ngày 8 tháng Chín năm 1975

Lúc đó là vào khoảng 12 giờ trưa.

Tại Goose Cove, Harry đang đợi. Những câu hỏi như chen lẫn nhau không ngừng trong đầu anh: điều gì đã xảy ra? Điều gì đã xảy ra với Nola? Từ suốt một tuần nay, anh giam mình trong nhà, chỉ biết chờ đợi. Anh ngủ trên ghế bành trong phòng khách, nghe ngóng từng tiếng động nhỏ. Anh không ăn uống gì. Anh có cảm giác phát điên: Nola có thể ở đâu được? Làm sao cảnh sát lại không lần ra bất kì một dấu vết nào của nàng? Càng nghĩ, thì duy nhất một ý tưởng cứ quay trở lại: có phải Nola muốn đánh lạc hướng cuộc điều tra? Có phải nàng cố tình dựng

nên vở kịch bị bắt cóc: trong khi cảnh sát bận tìm xung quanh Aurora, nàng có thể biến mất một cách an toàn ở một nơi xa xôi trên đất nước Canada. Thậm chí có thể mọi người sẽ nghĩ nàng đã chết, không đi tìm nữa. Có phải Nola đã cố tình dựng nên toàn bộ vở kịch này để họ có thể yên ổn bên nhau mãi mãi? Nếu đó đúng là sự thật, thì tại sao nàng lại không tới cuộc hẹn với anh ở nhà nghỉ? Hay vì cảnh sát đã đến quá nhanh? Liệu có phải hàng đang trốn trong rừng? Vậy điều gì đã xảy ra tại nhà Deborah Cooper? Có mối quan hệ nào giữa hai sự việc này không hay chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên? Nếu Nola bị bắt cóc, tại sao nàng không liên lạc với anh? Tại sao nàng không quay trở lại trú ẩn ở đây tại Goose Cove? Anh cố gắng suy nghĩ: nàng có thể ở đâu được? Hay nàng ở chỗ mà chỉ có họ mới biết, Martha's Vineyard? Quá xa! Chiếc hộp sắt trắng trong bếp gợi anh nhớ tới lần cả hai trốn đi Maine chơi, ngay lúc mối quan hệ của họ mới bắt đầu chớm nở. Nàng có trốn ở Rockland không? Nghĩ đến đó, anh nhặt ngay chìa khóa xe, vội vàng đi. Khi đẩy cửa ra, anh suýt va phải Jenny đang định bấm chuông. Cô đến để xem mọi chuyện có ổn không nhiều ngày không gặp anh, cô cảm thấy lo lắng. Cô thấy bộ dạng anh nom thật khủng khiếp, anh gầy xọp đi. Anh vẫn mặc bộ quần áo đã mặc trước đó một tuần khi anh tới tiệm Clark's.

- Harry, có chuyện gì vậy? Có hói.
- Tôi đang đợi.
- Đợi ai?
- Nola.

Cô không hiểu. Cô nói:

- Ô, vâng, chuyện thật kinh khủng! Tất cả mọi người trong thành phố đều đau lòng. Đã một tuần rồi, mà không hề có dấu

vết gì cả. Không hề có dấu vết gì. Harry... trông mặt anh thật khủng khiếp, em thấy lo quá. Gần đây anh có ăn uống gì không? Em sẽ chuẩn bị cho anh bồn nước tắm và nấu chút gì cho anh ăn.

Anh không có thời gian để loanh quanh với Jenny. Anh phải tìm ra nơi Nola trốn. Anh đẩy cô ra một cách hơi thô bạo, đi qua mấy bậc thang gỗ dẫn ra chỗ để xe, nhảy lên xe và khởi động máy.

– Tôi không muốn gì cả, anh nói từ cửa ô tô đang mở. Tôi rất bận và không muốn bị làm phiền.

– Nhưng bận việc gì? Jenny buồn bã nài nỉ.

– Chờ đợi.

Anh nhân ga và biến mất sau hàng thông. Cô ngồi bệt xuống các bậc thềm, bắt đầu khóc. Càng yêu anh, cô càng cảm thấy bất hạnh.

Cùng lúc đó, Travis Dawn bước vào tiệm Clark's, cầm trên tay những bông hoa hồng. Nhiều ngày rồi, anh không gặp cô; anh không gặp cô kể từ sau vụ mất tích. Anh ở trong rừng suốt buổi sáng cùng đội tìm kiếm, sau đó, khi lên xe, anh nhìn thấy những bông hoa dại trên sàn xe. Chúng héo úa, quấn queo đến nực cười, bỗng nhiên anh cháy bỏng mong muốn mang chúng tới cho Jenny ngay lập tức. Cứ như thể cuộc sống quá ngắn ngủi. Anh bỏ vị trí làm việc để đến tiệm Clark's, nhưng cô không ở đó. Anh ra quây ngời. Bà Tamara Quinn đến ngay chỗ anh, dạo này lúc nào cũng vậy, mỗi khi có người mặc quân phục, bà đều đến gần hỏi han.

– Việc điều tra tới đâu rồi? Bà hỏi theo kiểu một người mẹ đang lo lắng.

– Chúng cháu chẳng tìm thấy gì cả, bác Quinn ạ. Chẳng thấy

gì sất.

Bà thở dài, ngắm những vết nhăn mệt mỏi trên gương mặt viên cảnh sát trẻ.

– Ăn trưa chưa hả con trai?

– Ờ... Chưa ạ, bác Quinn ạ. Thực ra, cháu muốn gặp Jenny.

– Nó đi ra ngoài một tí.

Bà rót cho Travis cốc trà đá và để trước mặt anh khay giấy ăn. Lúc đó bà mới nhìn thấy những bông hoa và hỏi:

– Tặng cho nó à?

– Vâng ạ. Cháu muốn được yên tâm rằng Jenny vẫn khỏe mạnh bình thường. Với tất cả những chuyện vừa xảy ra gần đây...

– Chắc nó sẽ về ngay bây giờ đây. Bác đã dặn phải quay về đây trước giờ phục vụ ăn trưa, nhưng rõ là nó lại trễ giờ rồi đây. Con bé chẳng còn đầu óc gì nữa chỉ vì cái tay kia.

– Ai thế ạ? Travis hỏi và bất chợt cảm thấy tim mình thắt lại.

– Harry Quebert.

– Harry Quebert ạ?

– Chắc chắn là con bé đến nhà anh ta. Không hiểu sao con bé cứ cứng đầu cứng cổ, cố gắng làm hài lòng tên đểu cáng đó... Thôi, tóm lại bác không nên nói như vậy. Đặc sản hôm nay là cá mome ăn kèm với khoai tây rán...

– Tuyệt hảo, bác Quinn ạ, cháu cảm ơn bác.

Bà thân tình đặt một tay lên vai anh.

– Cháu là chàng trai tốt, Travis ạ. Bác sẽ rất vui nếu như Jenny của bác kết bạn với người như cháu.

Bà bỏ vào bếp. Travis nuốt vài ngụm trà đá. Anh buồn rười rượi.

Vài phút sau, Jenny về, vội vàng trang điểm để không ai nhận thấy cô khóc. Cô đi ra phía sau quây; đeo tạp dề phục vụ và lúc đó mới nhận ra Travis. Anh mỉm cười, chìa ra cho cô bó hoa đã tàn.

– Nó không còn được đẹp nữa, mình xin lỗi, nhưng mình muốn tặng bạn cách đây mấy ngày rồi. Mình nghĩ quan trọng là hành động.

– Cảm ơn Travis.

– Những bông hồng này là hồng dại. Mình biết gần Montburry có hàng trăm cây hồng. Mình sẽ đưa Jenny đến đó nếu bạn muốn. Thế nào Jenny? Ổn chứ? Bạn có vẻ không ổn...

– Tốt mà...

– Có phải chuyện khủng khiếp kia làm bạn buồn rầu không? Bạn sợ phải không? Đừng lo lắng gì cả, cảnh sát có mặt khắp nơi. Hơn nữa, mình chắc chắn là bọn mình sẽ tìm ra Nola.

– Mình không sợ. Chuyện này khác.

– Chuyện gì thế?

– Không có gì quan trọng.

– Có phải vì Harry Quebert không? Mẹ bạn bảo bạn thích anh ta.

– Có thể. Thôi, bỏ qua đi, Travis, chuyện này không quan trọng.

– Mình phải... Mình phải vào bếp đây. Mình đến muộn, mẹ chắc lại mắng mỏ mình mất thôi.

Jenny biến mất sau cánh cửa bếp, chạm trán ngay bà Tamara đang chuẩn bị đĩa ăn.

– Con lại đến muộn, Jenny ạ! Có mỗi mình mẹ trong phòng ăn phục vụ cả đồng người này.

– Con xin lỗi mẹ.

Tamara chìa ra đĩa cá mome và khoai tây rán.

– Mang ra cho Travis nhé con.

– Dạ vâng, mẹ.

– Cậu ấy là thanh niên tốt, con biết đấy.

– Con biết...

– Con mời cậu ấy đến nhà mình ăn cơm Chủ nhật này nhé.

– Ăn cơm ở nhà mình á? Không, mẹ ạ. Con không muốn. Con không thích bạn ấy tẹo nào. Hơn nữa, làm thế bạn ấy lại ảo tưởng, như thế con sẽ mang tiếng.

– Đừng cãi mẹ! Chính con cũng gây ra bao chuyện khi tưởng chỉ có một mình vào ngày dạ hội, chính nó tới mời con. Nó rất thích con, điều đó rõ ràng rành rành, nó sẽ là thằng chồng tốt. Quên Quebert đi, trời ạ! Không bao giờ có chuyện Quebert! Con phải nhớ như đinh đóng cột điều này! Quebert không phải là người đàn ông tốt! Đã đến lúc con phải tìm một người đàn ông, và con phải thấy hạnh phúc vì có một cậu thanh niên đẹp trai chạy theo tán tỉnh trong khi con suốt ngày mặc tạp dề phục vụ khách hàng món bánh mì kẹp!

– Mẹ!

Tamara giả giọng trẻ con cao vút và đàn độn để bắt chước giọng một đứa trẻ đang rên rỉ:

– Mẹ ơi! Mẹ ơi! Chấm dứt ngay cái trò rên rỉ này đi có được không hả? Sắp hai lăm tuổi rồi! Con muốn trở thành gái già à? Lũ con gái lớp con cưới chồng hết rồi! Thế còn con thì sao? Con là nữ hoàng sắc đẹp của cả trường, vậy mà nhân danh Chúa, điều gì xảy ra vậy? Hả? Mẹ quá thất vọng, con gái ạ. Mẹ rất thất vọng vì con. Nhà ta sẽ mời Travis ăn trưa vào Chủ nhật tuần

này, chấm hết. Con phải mang đĩa ra cho nó, mời nó. Bây giờ, con lấy giẻ lau hết các bàn ăn cho thật sạch sẽ nhé, nhìn tấm quả. Đó là bài học cho con vì đi làm muộn.

* * *

Thứ Tư ngày 10 tháng Chín năm 1975

– Bác sĩ biết không, vì cậu cảnh sát lịch lãm đó tán tỉnh con gái tôi nên tôi bắt nó phải mời anh ta đến nhà ăn trưa vào Chủ nhật. Nó không muốn nhưng tôi ép nó phải làm như vậy.

– Tại sao bà lại ép buộc cô ấy, thưa bà Quinn.

Bà Tamara nhún vai, đè toàn bộ trọng lượng của đầu xuống tay ghế, bà suy nghĩ giây lát rồi nói:

– Bởi vì... Bởi vì tôi không muốn con gái tôi cô độc suốt đời.

– Vậy là bà sợ con gái của bà phải sống cô độc suốt đời.

– Đúng vậy! Chính xác! Đến tận cuối đời!

– Thế còn bà, bản thân bà có sợ cô độc không?

– Có.

– Cô độc gợi cho bà điều gì?

– Cô độc chính là cái chết.

– Thế bà có sợ chết không?

– Thưa bác sĩ, tôi sợ nó vô cùng.

* * *

Chủ nhật ngày 14 tháng Chín năm 1975

Tại bàn ăn của gia đình họ Quinn, bà Tamara hỏi Travis liên

tục như nhả đạn. Bà muốn biết tất cả về cuộc điều tra đang dậm chân tại chỗ. Còn về phần Robert, ông cũng có một số điều tò mò muốn hỏi, nhưng trong những cơ hội hiếm hoi chen được vài lời, thì ngay lập tức bị vợ ông chặn họng: “Im đi, Bobbo. Không tốt cho căn bệnh ung thư của ông đâu”. Jenny vẻ mặt đau khổ, gần như không ăn chút gì. Mẹ cô là người duy nhất nói chuyện. Vào lúc ăn bánh táo, rốt cuộc bà đánh bạo hỏi:

– Thế Travis này, anh có danh sách những người bị tình nghi chứ?

– Không hẳn. Phải thú nhận là hiện tại chúng cháu đang bì bõm một chỗ. Đúng là điên lắm, không hề có bất kì dấu vết gì.

– Thế Harry Quebert có nằm trong danh sách những kẻ bị tình nghi không? Tamara vặn hỏi.

– Kìa mẹ! Jenny tức tối.

– Thì sao nào? Tôi không được quyền đặt câu hỏi trong cái nhà này nữa hay sao? Tôi nhắc đến tên anh ta bởi vì tôi có những lí do chính đáng: đó là kẻ hư hỏng, Travis ạ. Hư hỏng! Nếu hẳn là kẻ khiến con bé Nola biến mất thì tôi cũng sẽ không ngạc nhiên.

– Điều bác nói rất nghiêm trọng đó bác Quinn ạ, Travis trả lời. Chúng ta không thể nói như vậy mà không có bằng chứng.

– Nhưng tôi có mà! Bà gần lên, tức giận điên tiết. Tôi đã có rồi! Cháu biết không, bác đã từng có trong tay một tờ giấy do chính tay hắn viết, rất khả nghi. Bác cất trong két sắt ở tiệm ăn! Bác là người duy nhất có chìa khóa! Và cháu có biết bác cất chìa khóa ở đâu không? Ở ngay cổ bác đây này. Không bao giờ bác tháo nó ra! Không bao giờ! Ô thế mà một hôm bác định lấy tờ giấy chết tiệt đó ra đưa cho Cảnh sát trưởng Pratt, thì nó đã không cánh mà bay! Nó không còn trong két sắt nữa! Làm sao

lại xảy ra chuyện đó được? Bác không hiểu gì hết. Đúng là ý như chuyện ma vậy!

– Có thể chỉ đơn giản là mẹ cắt nó ở chỗ khác, Jenny gợi ý.

– Im đi, Jenny. Dù sao thì mẹ cũng không thần kinh, đúng không Bobbo, tôi có bị điên không hả?

Robert lắc lư cái đầu, không ra nói không cũng chẳng thành nói có, thái độ này chỉ tổ chọc tức thêm bà vợ.

– Thế nào, Bobbo, ông không thèm trả lời tôi khi tôi hỏi hả?

– Chỉ tại vì căn bệnh ung thư của tôi, rốt cuộc ông trả lời.

– À, vậy hả, thế thì ông sẽ không được ăn bánh táo. Chính bác sĩ nói vậy đấy: các món tráng miệng có thể sẽ giết chết ông ngay lập tức.

– Tôi không nghe bác sĩ nói vậy! Robert cãi lại.

– Đây, thấy chưa, bệnh ung thư làm cho ông bị điếc rồi. Hai tháng nữa, ông sẽ đi gặp các thiên thần, Bobbo đáng thương của tôi ạ.

Travis cố gắng làm dịu tình hình, tiếp tục nói:

– Dù sao đi nữa, nếu bác không có bằng chứng thì chẳng làm được gì cả, anh kết luận. Hiện tại điều tra rất chính xác, mang tính khoa học. Cháu biết rõ như vậy, cháu chính là thủ khoa của học viện cảnh sát.

Cứ nghĩ không biết mẫu giấy có thể kết tội Harry nằm ở đâu là bà Tamara đã thấy vô cùng khó chịu, bực bội. Để tự trấn an mình, bà vội lấy dao cắt bánh thành nhiều miếng một cách thô bạo y hệt một tên lính chiến, trong khi đó Bobbo khóc nức nở vì ông hoàn toàn không muốn chết.

Thứ Tư ngày 17 tháng Chín năm 1975

Ý nghĩ phải tìm ra mẫu giấy ám ảnh bà Tamara Quinn. Bà bỏ ra suốt hai ngày lục tung ngôi nhà, kể cả trong xe ô tô, thậm chí trong cả gara là nơi bà chưa bao giờ bước vào. Nhưng hoàn toàn vô ích. Sáng hôm đó, sau khi phục vụ xong bữa sáng tại tiệm Clark's, bà khóa cửa ở một mình trong phòng làm việc, đổ hết mọi thứ trong két sắt ra nền nhà: không ai có thể mở két, như vậy không thể có chuyện tờ giấy bị biến mất. Nó phải ở trong đó. Bà kiểm tra toàn bộ mọi thứ bên trong, nhưng vô ích; không còn biết phải làm gì, bà sắp xếp lại mọi thứ một cách có trật tự. Đúng lúc đó, Jenny gõ cửa rồi thò đầu vào. Cô thấy mẹ mình chui cả nửa người vào giữa cái miệng rộng ngoác của két sắt đang mở rộng.

– Mẹ, mẹ làm gì thế?

– Mẹ đang bận.

– Ô, mẹ! Mẹ vẫn còn tiếp tục tìm cái mẫu giấy quý quái đó à? Đừng nhúng mũi vào chuyện của người khác có được không?

– Máy giờ rồi?

Jenny nhìn đồng hồ.

– Gần 8 giờ rưỡi, cô nói.

– Ôi trời ơi, tôi muộn mất rồi!

– Muộn đi đâu hả mẹ?

– Mẹ có hẹn.

– Có hẹn á? Nhưng người ta đến giao nước uống sáng nay. Ngay từ thứ Tư tuần trước, mẹ...

– Con là con gái lớn rồi, phải không nào? Bà ngắt lời một cách khô khan. Con có hai cánh tay, con biết nơi nào là nhà kho. Không cần phải đi học ở đại học Harvard mới có thể xếp

két Coca này chồng lên két Coca khác: mẹ chắc chắn con giải quyết tốt việc này. Đừng có giương đôi mắt thờ lên nhìn người giao hàng, rồi bắt anh ta làm hộ đấy nhé! Đến lúc tự con phải xắn tay áo lên mà làm việc!

Không thèm ngược mắt nhìn con gái, bà Tamara nhặt chìa khóa xe hơi đứng dậy bỏ đi. Nửa tiếng sau khi bà đi khỏi, một chiếc xe tải khổng lồ đỗ phía sau tiệm Clark's: người giao hàng chắt một chồng két nước Coca trước lối vào cửa giao hàng.

– Có cần giúp không? Anh ta hỏi Jenny sau khi cô ký vào giấy nhận hàng.

– Không ạ. Mẹ tôi muốn tôi tự làm mọi việc.

– Thế tùy cô. Chúc cô một ngày tốt đẹp.

Chiếc xe tải nổ máy chạy đi. Jenny bắt đầu khuân từng két nước rất nặng xếp vào trong kho. Cô gằn bặt khóc. Đúng lúc đó, Travis lái xe đi tuần ngang qua và nhìn thấy cô. Anh dừng xe ngay lập tức, nhảy xuống khỏi xe.

– Cần giúp một tay không? Anh đề nghị.

Cô nhún vai.

– Mình làm được mà. Chắc bạn còn nhiều việc khác phải làm, cô nói nhưng không dừng tay.

Anh chỉ vào két nước Coca, cố gắng bắt chuyện.

– Người ta bảo cách pha chế loại nước này là bí mật. Nó được cất trong két sắt ở Atlanta.

– Mình không biết.

Anh theo Jenny đến tận nhà kho, chồng hết két nước này lên két nước khác vừa khuân vào. Jenny không nói năng gì, anh lại tiếp tục giải thích:

– Hình như là điều đó làm cho lính Mỹ rất phấn khởi. Sau

Thế chiến II, họ còn gửi cả Coca cho quân đội đóng ở nước ngoài. Mình đọc điều đó trong một cuốn sách viết về Coca. Thực ra đọc vậy biết vậy, mình cũng đọc những cuốn sách nghiêm túc hơn.

Cả hai quay trở ra cửa giao hàng. Jenny nhìn thẳng sâu tận đáy mắt anh.

– Travis.

– Gì thế Jenny?

– Hãy ôm mình thật chặt. Hãy ôm mình thật chặt, thật chặt vào! Mình cảm thấy cô đơn quá! Mình cảm thấy thật bất hạnh! Mình có cảm giác lạnh lẽo đến tận đáy con tim.

Anh quàng tay ôm Jenny vào lòng và siết mạnh nhất có thể.

– Thưa bác sĩ, con gái tôi bắt đầu đặt câu hỏi cho tôi. Ban này, nó vừa hỏi tôi đi đâu mà thứ Tư nào cũng đi như vậy.

– Thế bà trả lời thế nào?

– Tôi bảo tôi có hẹn! Tôi bắt nó phải đứng nhận các kết nước Coca! Tôi đi đâu chả liên quan gì tới nó cả!

– Căn cứ vào giọng nói của bà, tôi thấy hình như bà đang tức giận.

– Vâng, vâng, tất nhiên tôi rất tức, bác sĩ Ashcroft ạ!

– Tức gì, vì ai?

– Tức giận vì... vì... vì chính tôi!

– Tại sao?

– Vì tôi lại còn la mắng nó. Ông biết đấy, bác sĩ, chúng ta sinh con sinh cái, chúng ta muốn chúng được hạnh phúc nhất trên thế giới! Rồi cuộc đời lại bày trò trở trêu!

– Ý bà muốn nói gì?

– Lúc nào nó cũng muốn hỏi ý kiến tôi về mọi chuyện! Lúc

nào nó cũng rúc vào váy tôi mà hỏi: Mẹ, làm cái này thế nào? Mẹ, để cái này ở đâu, Mẹ cái này, mẹ cái kia, Mẹ, mẹ, mẹ! Nhưng tôi không ở đó mãi cho nó! Một khi nào đó, tôi sẽ không thể lo cho nó được nữa, bác sĩ hiểu chứ! Khi nghĩ đến đó, tôi cảm thấy đau quặn ruột, ở giữa đây này! Cứ như thể cả ruột non ruột già quặn lại! Nó làm tôi đau thật nên tôi ăn không biết ngon!

– Bà muốn nói, bà có những nỗi lo lắng phải không bà Quinn?

– Vâng, vâng, lo lắng! Lo kinh khủng! Chúng ta cố gắng làm tốt mọi thứ, chúng ta cố gắng dành cho con cái điều tốt nhất! Nhưng con cái chúng ta sẽ làm gì khi chúng ta không còn nữa? Chúng sẽ làm gì, hả? Làm sao chắc chắn được chúng sẽ hạnh phúc, khi chẳng bao giờ có điều gì đến với chúng? Như là đứa bé gái đó, bác sĩ Ashcroft, con bé Nola đáng thương đó, điều gì xảy ra với nó? Nó có thể đi đâu được chứ?

* * *

Nàng có thể đi đâu? Nàng không ở Rockland. Không ở trên bãi biển, cũng chẳng ở trong các tiệm ăn hay các cửa hàng. Không ở đâu hết. Anh gọi điện tới khách sạn Martha's Vineyard để hỏi xem có ai trông thấy một thiếu nữ tóc vàng không, nhưng nhân viên lễ tân trả lời như kiểu anh là một thằng khùng. Thế là anh cứ đợi, ngày nào cũng đợi, đêm nào cũng đợi.

Anh đợi suốt ngày thứ Hai.

Anh đợi suốt ngày thứ Ba.

Anh đợi suốt ngày thứ Tư.

Anh đợi suốt ngày thứ Năm.

Anh đợi suốt ngày thứ Sáu.

Anh đợi suốt ngày thứ Bảy.

Anh đợi suốt ngày Chủ nhật.

Anh đợi đến bỏng cháy và hi vọng: nàng sẽ trở lại. Cả hai sẽ cùng ra đi. Cả hai sẽ hạnh phúc. Nàng là người duy nhất mang lại ý nghĩa cho đời anh. Cứ mặc cho người ta đốt cháy hết sách vở, nhà cửa, âm nhạc và loài người: không có gì quan trọng miễn là nàng bên anh. Anh yêu nàng: yêu có nghĩa là, khi nàng ở bên anh, kể cả cái chết hay bất kì địch thủ nào cũng không làm cho anh sợ. Vậy nên anh đợi nàng. Khi màn đêm buông xuống, anh thề với những vì sao rằng anh sẽ đợi mãi mãi.

Trong khi Harry không chịu mất hi vọng, thì đại úy Rodik chứng kiến mọi hoạt động của cảnh sát đều thất bại mặc dù đã sử dụng rất nhiều biện pháp điều tra. Đã hai tuần họ khuấy thiên đảo địa mà không có kết quả gì. Trong cuộc họp với FBI và Cảnh sát trưởng Pratt, Rodik cay đắng thừa nhận:

– Lũ chó nghiệp vụ không đánh hơi được gì, các đội cảnh sát cũng không làm được gì. Tôi nghĩ chúng ta sẽ không tìm ra được cô bé.

– Tôi cũng khá là đồng tình với ý kiến của anh, người đại diện FBI thừa nhận. Về mặt nguyên tắc, trong những trường hợp như thế này, dù chết hay sống, thì hoặc là chúng ta phải tìm thấy nạn nhân ngay, hoặc là phải có một vụ tổng tiền. Nếu cả hai trường hợp này đều không phải, thì phải bỏ chung trường hợp này vào hồ sơ các vụ mất tích không được giải quyết đang chất chồng trên bàn làm việc của chúng ta từ nhiều năm nay. Chỉ riêng tuần vừa qua, trên toàn quốc, FBI đã nhận được năm báo các trẻ con mất tích. Chúng ta không có thời gian để xử lí tất cả các vụ.

– Thế thì chuyện gì xảy ra với bé gái này nhỉ? Cảnh sát trưởng Pratt nói vì không chịu giơ tay đầu hàng. Một vụ trốn nhà chằng?

– Trốn nhà ư? Không. Trốn nhà thì tại sao người ta lại thấy cô bé hoảng sợ, máu me đầy người?

Rodik nhún vai. Người của cơ quan FBI mời anh ta đi uống một vai bia.

Hôm sau, tối ngày 18 tháng Chín, vào giờ điểm báo cuối cùng, Cảnh sát trưởng Pratt và đại úy Rodik thông báo cuộc tìm kiếm Nola sẽ phải dừng lại. Ban cảnh sát điều tra tội phạm vẫn để mở hồ sơ. Không hề có bất kì phương hướng nào: trong suốt mười lăm ngày, không tìm thấy bất kì dấu vết nào về cô bé Nola Kellergan.

Những người tình nguyện do Cảnh sát trưởng Pratt chỉ huy tiếp tục điều tra và tìm kiếm khắp cả bang thêm nhiều tuần nữa. Nhưng vô ích. Nola Kellergan tựa như đã hoàn toàn bay hơi.

Chiếc Monle tarlo màu đen

“Từ ngữ đúng là đóng vai trò quan trọng, Marcus ạ. Nhưng đừng viết để người ta chỉ đọc, mà hãy viết để người ta có thể hiểu anh.”

Cuốn sách của tôi đang tiến triển tốt. Ngồi viết hàng giờ liền đã bắt đầu khiến cuốn sách dần dần có hình hài. Một cảm giác khó tả tưởng đã biến mất vĩnh viễn nay quay trở lại trong tôi. Như thể rốt cuộc tôi đã tìm lại được sức sống mà thiếu nó khiến tôi vận động một cách lạch lạch; cứ như thể ai đó vừa bấm nút trong bộ não của tôi và bắt chột tôi lại được thắp sáng. Cứ như thể tôi được hồi sinh. Đó là cảm giác của các nhà văn. Một ngày của tôi bắt đầu từ trước bình minh: tôi thức dậy chạy, xuyên qua Concord từ đầu này sang đầu kia, đeo tai nghe mini. Rồi khi quay trở lại khách sạn, tôi gọi một lít cà phê và bắt tay vào làm việc. Tôi lại tiếp tục cần đến sự hỗ trợ của Denis và tôi lại đón cô ấy ngược trở lại từ công ty Schmid & Hanson. Denis cũng đồng ý nhận lại công việc ở văn phòng của tôi tại Đại lộ thứ Năm. Bản thảo viết tới đâu, tôi đều gửi bưu điện cho Denis để cô ấy đánh máy và sửa lỗi. Mỗi khi hoàn thành một chương, tôi lại gửi cho Douglas để xin ý kiến. Tôi rất vui khi thấy anh ấy chỉ dán mặt vào máy tính đợi nhận những chương viết hoàn chỉnh của tôi. Anh ấy cũng không quên nhắc nhở tôi phải tuyệt đối đúng hạn, lúc nào cũng nói đi nói lại: “Nếu không làm đúng hạn, ta sẽ toi mạng!” Anh ấy nói “ta” nhưng về mặt lí thuyết thì Douglas không hề gặp rủi ro trong việc này, nhưng anh ấy tự thấy mình liên đới trách nhiệm và áp lực nặng nề y như tôi vậy.

Tôi nghĩ Douglas chịu rất nhiều sức ép từ phía Barnaski, anh ấy luôn cố gắng bảo vệ tôi: Barnaski lo sợ tôi không thể thực hiện được đúng thời hạn nếu như không có sự hỗ trợ từ bên ngoài. Ông ta gọi điện tới tôi nhiều lần để nói rõ ràng với tôi.

– Phải dùng các tay viết ma mới xong được cuốn sách của anh, ông ta nói với tôi, mình anh viết sẽ không thể hoàn thành đúng hạn được đâu, Tôi có cả đội quân sẵn sàng làm việc này, anh chỉ cần đưa ra dàn ý chính, họ sẽ viết hộ cho anh.

– Không bao giờ, tôi trả lời. Tôi là người chịu trách nhiệm viết cuốn này. Không ai làm thay tôi được.

–Ồ , anh Goldman, thật không thể chịu nổi cái lập trường kiên định và cả những tình cảm tốt đẹp của anh. Thời buổi bây giờ, ai cũng có người viết hộ cả. Như Untel^[11] chẳng hạn, anh ta không bao giờ từ chối đội ngũ viết văn của tôi.

– Untel cũng không tự mình viết ư?

Barnaski cười khẩy một cách ngu ngốc, tỏ ý rõ ràng:

– Hiển nhiên là không rồi! Anh nghĩ xem, ông ta làm thế quái nào mà giữ được nhịp độ viết lách như vậy chứ? Độc giả không muốn biết Untel viết như thế nào, hoặc thậm chí ai là người viết những cuốn sách đó. Tất cả những gì họ cần, đó là mỗi năm, vào đầu mùa hè, một cuốn sách mới của Untel ra mắt và họ mua mang đi nghỉ hè đọc. Thế thì chúng tôi đáp ứng nhu cầu đó. Như vậy nghĩa là có năng khiếu kinh doanh.

– Như vậy nghĩa là lừa dối độc giả, tôi nói.

– Lừa dối độc giả... suýt, Goldman, anh đúng là nhà kịch tính vĩ đại.

Tôi phải giải thích cho ông ta hiểu rằng không bao giờ có chuyện tôi để ai đó viết sách hộ tôi: ông ta trở nên mất kiên nhẫn và thô bạo hơn bao giờ hết.

– Goldman, chính tôi là người chuyển khoản cho anh cả triệu đôla để anh viết cuốn truyện chết tiệt này: vậy nên tôi muốn anh hợp tác. Nếu như tôi nghĩ rằng anh đang cần đội ngũ viết văn của tôi, thì chúng ta sẽ phải sử dụng họ, mẹ kiếp cứt đá!

– Bình tĩnh đi, Roy, ông sẽ có cuốn sách này đúng hạn. Với điều kiện là ông thôi ngay việc gọi điện thoại liên tục làm gián đoạn công việc của tôi.

Barnaski trở nên thô bạo một cách đáng sợ:

– Goldman, mẹ kiếp chó chết, tôi hi vọng anh ý thức được đầy đủ rằng với cuốn sách này, tôi đã đặt hẳn hai hòn d. của tôi lên bàn. Tất cả của tôi! Trên bàn! Tôi đầu tư một số tiền lớn, đang đùa giỡn với uy tín của một nhà xuất bản lớn nhất nước. Vậy thì nếu kế hoạch thất bại, không có được cuốn sách này chỉ vì trò đồng đánh trẻ con của anh hay vì bất cứ lí do cứt đá nào làm tôi lật thuyền, thì nên nhớ tôi sẽ kéo anh theo xuống đáy đáy! Xuống tận đáy sâu đáy!

– Tôi ghi nhận điều này, Roy. Tôi nhớ rõ rồi.

Ngoại trừ những lệch lạc về nhân phẩm, Barnaski có tài năng thiên bẩm về marketing: từ lâu, cuốn sách của tôi đã trở thành cuốn nổi nhất trong năm trong khi đó chiến dịch quảng cáo mới chỉ bắt đầu bằng những tấm biển quảng cáo khổ lớn trên đường phố New York. Chỉ sau vụ cháy nhà ở Goose Cove ít lâu, ông ta đã tuyên bố một câu hùng hồn: “Ở đâu đó ẩn giấu trên đất Mỹ, một nhà văn đang nỗ lực khám phá sự thật xảy ra năm 1975 tại Aurora. Và vì sự thật đó gây phiền toái, nên ai đó sẵn sàng làm bất kì điều gì buộc anh ta phải im lặng”. Ngày hôm sau, một bài báo xuất hiện trên tờ New York Times với tựa đề: Ai là người muốn lột da Marcus Goldman? Hiển nhiên là mẹ tôi đã đọc bài

báo đó và ngay lập tức gọi điện cho tôi:

- Vì tình yêu của Chúa, Markie, con đang ở đâu vậy?
- Ở Concord, tại khách sạn Regent's. Phòng suite 208.
- Thôi im đi! Mẹ không muốn biết điều đó!
- Ô kia mẹ, thế không phải chính là mẹ vừa...
- Nếu con nói với mẹ, thì mẹ sẽ nói lại với ông hàng thịt mất, rồi người này chuyển tai người kia, chả mấy chốc cả thị trấn New Jersey này sẽ biết con trai mẹ đang ở phòng suite 208 trong khách sạn Regent's ở Concord. Thế rồi kẻ đang muốn lột da con sẽ đến cắt tiết con trong khi con ngủ. Nhưng tại sao lại phải ở phòng hạng sang thế hả? Con có bạn gái chưa thế? Chuẩn bị cưới vợ chưa?

Lúc đó, tôi nghe bà gọi bố tôi: “Nelson, đến nghe điện thoại này! Markie sắp cưới vợ!”

- Mẹ ơi, không phải con sắp lấy vợ. Con chỉ ở một mình thôi. Gahalowood, lúc đó đang ở trong phòng của tôi, anh ta vừa thưởng thức bữa sáng thịnh soạn, chẳng biết làm gì hay hơn, liền kêu toáng lên.

- Ê, này! Có cả tôi ở đây nữa kia mà!”
- Ai thế hả? Ngay lập tức mẹ tôi hỏi.
- Không có ai cả.
- Đừng có nói dối! Mẹ nghe thấy giọng đàn ông. Marcus, bây giờ mẹ hỏi con một câu cực kỳ nghiêm trọng, con phải trả lời thành thực: có phải một gã đàn ông đồng tính bí mật trốn trong phòng của con không hả?

- Không, mẹ ạ. Chỉ có trung sĩ Gahalowood thôi. Anh ta là cảnh sát chịu trách nhiệm điều tra vụ án và là người làm cho hóa đơn khách sạn của con không ngừng tăng vọt.

Mẹ tôi đâu có chịu tin, bà còn đòi tôi đuổi trung sĩ ra ngoài. Sau đó, bà huyền thuyên đủ thứ chuyện nào là lo lắng cho an toàn của tôi, nào là lo sợ có ai đó thả bom vào nhà, nào là nhà hàng xóm tậu xe hơi mới.

Một hồi sau, bà hỏi:

- Thế cuốn sách của con tiến triển đến đâu rồi?
- Rất tốt mẹ a. Con phải hoàn thành trong vòng bốn tuần nữa.
- Thế kết thúc như thế nào Biết đâu chính kẻ giết đứa bé gái kia đang muốn giết con đây.
- Đó chính là vấn đề duy nhất của con đây ạ: con vẫn chưa biết cuốn sách phải kết thúc thế nào.

Chiều thứ Hai ngày 21 tháng Bảy, Gahalowood bước vào trong khi tôi đang viết đến chương Nola và Harry quyết định cùng nhau bỏ trốn sang Canada. Anh ta cực kỳ căng thẳng, vừa mở tủ lạnh lấy một vai bia vừa nói:

- Tôi vừa ở nhà Elijah Stern về.
- Ở nhà Stern? Mà không cho tôi đi cùng?
- Tôi nhắc lại cho anh biết là Stern đã kiện cuốn truyện của anh ra tòa. Tóm lại là tôi đến chỉ để kể cho anh...

Gahalowood giải thích ông ta tình cờ tới nhà Stern. Luật sư của Stern tên là Bo Sylford, một nhân vật tiếng tăm ở tòa án ở Boston, đã đón tiếp Gahalowood. Bo Sylford mặc bộ quần áo thể thao, người ướm đầm mồ hôi nói với Gahalowood: “Trung sĩ cho tôi xin năm phút. Tôi đi tắm qua rồi sẽ tiếp ông”.

- Đi tắm qua người á? Tôi hỏi.
- Anh biết không, ông Sylford đầy trần như nhộng khệnh khạng đi lại trong sân. Tôi đợi ông ta trong phòng khách nhỏ,

sau đó ông ta quay trở lại trong bộ lễ phục và có Stern đi cùng, Stern nói với tôi: “Vậy là trung sĩ đã làm quen với người bạn đời của tôi rồi đó”.

– Bạn đời á? Tôi hỏi lại. Có phải anh đang nói rằng Stern là người...

– Đồng tính. Điều này chứng tỏ ông ta chả bao giờ thấy Nola Kellergan hấp dẫn.

– Tất cả những chuyện này nghĩa là sao ? tôi hỏi.

– Đó cũng chính là câu tôi hỏi ông ta. Ông ta nói chuyện khá cởi mở.

Stern nói rất giận dữ vì cuốn sách của tôi; ông ta cho rằng tôi không biết mình đang nói chuyện gì. Gahalowood vội tranh thủ cơ hội khai thác thông tin:

– Thưa ông Stern, như vậy ông có thể cho tôi biết trên phương diện tình dục, thì mối quan hệ giữa Nola và ông thuộc loại nào?

– Tôi đã nói với ông ngay từ đầu, Stern trả lời không mấy may thay đổi nét mặt. Chỉ là quan hệ công việc.

– Quan hệ công việc à?

– Đúng vậy. Nola làm người mẫu để vẽ.

– Vậy Nola Kellergan thực sự tới đây ngồi làm mẫu cho ông ư?

– Đúng, nhưng không phải cho tôi.

– Vậy thì cho ai?

– Cho Luther Caleb.

– Cho Luther Caleb ư? Tại sao lại như vậy?

– Vì anh ta cảm thấy thích thú.

Sau đó, Stern kể lại câu chuyện xảy ra vào một tối tháng Bảy

năm 1975. Stern không còn nhớ chính xác là ngày nào, nhưng vào khoảng cuối tháng. Theo các phân tích của tôi thì việc này phải xảy ra ngay trước khi Nola và Harry đi Martha's Vineyard.

* * *

Concord. Cuối tháng Bảy năm 1975

Lúc đó trời đã tối muộn. Chỉ có Stern và Luther ở nhà, đang bận chơi cờ trên sân. Bỗng chuông cửa reo, họ nhìn nhau tự hỏi không biết ai có thể đến vào giờ này. Luther ra mở cửa và quay lại sân cùng một thiếu nữ tóc vàng đẹp rạng rỡ, nhưng đôi mắt sưng đỏ vì khóc. Là Nola.

– Thưa ông Stern, cô nói về nhút nhát. Tôi vô cùng xin lỗi vì tới đây đường đột như vậy. Tên tôi là Nola Kellergan, con gái mục sư ở Aurora.

– Aurora. Cháu từ Aurora tới đây ư? Stern hỏi. Làm sao cháu đi tới được tận đây?

– Cháu xin đi nhờ xe, thưa ông Stern. Cháu rất cần phải nói chuyện với ông.

– Chúng ta có quen biết nhau không?

– Không, thưa ông. Nhưng cháu có một mong mỏi vô cùng quan trọng ạ.

Stern quan sát cô gái còn rất trẻ, đôi mắt lấp lánh nhưng buồn, tới tìm ông giữa buổi tối muộn này vì một mong mỏi vô cùng quan trọng. Stern mời cô ngồi xuống ghế bành còn Caleb mang tới cốc nước cam và mấy chiếc bánh quy.

– Tôi nghe cháu đây, Stern cảm thấy thích thú khi thấy Nola uống liền một hơi cạn cốc nước cam. Thế cháu có điều gì quan

trọng đến thế phải hỏi tôi?

– Một lần nữa, cháu xin lỗi đã làm phiền vào giờ bất tiện như thế này, thưa ông Stern. Cháu lạng lẽ đến gặp ông là để... Để xin ông nhận cháu vào làm.

– Nhận cháu vào làm việc ư? Nhưng cháu làm công việc gì bây giờ?

– Bất cứ việc gì ông muốn, thưa ông. Cháu có thể làm bất kì điều gì cho ông.

– Nhận cháu vào làm việc à? Stern nhắc lại, vẫn chưa hiểu đầu đuôi. Nhưng tại sao chứ? Phải chăng cháu đang cần tiền?

– Không, đổi lại, cháu muốn ông cho phép Harry Quebert ở lại Goose Cove.

– Harry Quebert muốn đi khỏi Goose Cove sao?

– Harry Quebert không còn tiền để thuê tiếp. Anh ấy đã liên hệ với công ty môi giới nhà đất. Anh ấy không trả được tiền thuê nhà tháng Tám này. Nhưng anh ấy phải ở lại! Bởi vì Harry đang viết nốt cuốn sách, anh ấy mới chỉ bắt đầu viết và cháu cảm thấy đó sẽ là một cuốn sách tuyệt vời! Nếu phải đi, anh ấy sẽ không bao giờ hoàn thành được cuốn sách đó! Sự nghiệp của anh ấy sẽ kết thúc! Thưa ông, như vậy thì thật là đáng tiếc, quá đáng tiếc! Và cả chuyện của chúng cháu nữa. Cháu yêu Harry Quebert! Thưa ông Stern! Cháu yêu Harry Quebert và suốt đời cháu chỉ yêu mình Quebert! Cháu biết điều này đối với ông nghe có vẻ nực cười. Ông nghĩ cháu mới chỉ mười lăm tuổi, còn chưa biết gì về cuộc đời. Nhưng thưa ông Stern, cháu biết trái tim mình! Không có Harry thì cháu sẽ chẳng là gì cả.

Cô bé chấp hai tay lại như cầu khẩn, Stern hỏi:

– Thế cháu mong muốn gì ở tôi?

– Cháu không có tiền. Nếu có tiền, cháu sẽ trả ông tiền thuê

nhà để Harry có thể ở lại Goose Cove. Nhưng ông có thể thuê cháu! Cháu sẽ là người làm công cho ông, cháu sẽ làm việc lâu thế nào cũng được miễn là đủ bù lại số tiền thuê nhà trong vài tháng nữa.

– Nhà tôi có đủ người làm công rồi.

– Cháu có thể làm bất kì điều gì ông muốn. Mọi thứ! Hoặc xin ông cho cháu trả tiền thuê dần dần: cháu có 120 đô la rồi! (Cô bé rút mấy tờ giấy bạc từ trong túi ra). Đây là toàn bộ số tiền cháu tiết kiệm được! Thứ Bảy hàng tuần, cháu làm việc ở tiệm Clark's, cháu sẽ làm việc cho đến tận khi nào đủ tiền trả cho ông!

– Cháu kiếm được bao nhiêu?

– Ba đô la một giờ! Lại còn tiền tip nữa! Nola hãnh diện đáp.

Stern mỉm cười cảm động và dịu dàng nhìn Nola: suy cho cùng, ông không cần đến nguồn thu cho thuê nhà ở Goose Cove, ông hoàn toàn có thể để cho Quebert mượn nhà sử dụng trong vài tháng nữa. Nhưng đúng lúc đó, Luther đề nghị được nói chuyện riêng với Stern. Họ cùng nhau đi sang phòng bên cạnh.

– Eli, Caleb nói, phôi muôn vẽ cô bé đó. Phin ông hãy cho phép... Phin ông.

– Không, Luther, không thể được... Chưa thể được

– Phôi xin ông... Hãy để cho phôi vẽ cô bé đó... Lâu lắm rồi phôi không vẽ...

– Nhưng tại sao lại vẽ cô bé đó?

– Phôi vì cô ấy làm phôi nhớ đến Eleanore.

– Lại Eleanore à? Thôi đủ rồi đấy! Cậu phải thôi ngay chuyện đó đi!

Mới đầu Stern từ chối. Nhưng vì Caleb nài nỉ mãi nên cuối

cùng Stern cũng chấp thuận. Ông ta quay trở lại chỗ Nola, cô bé đang ăn bánh quy.

– Nola, tôi đã suy nghĩ kỹ, Stern nói. Tôi sẵn sàng để cho Harry Quebert ở lại cho đến khi nào anh ta muốn.

Cô bé liền nhảy lên ôm chầm lấy cổ Stern.

– Ôi, cảm ơn! Cảm ơn ông, thưa ông Stern!

– Đợi đã, có một điều kiện.

– Tất nhiên rồi! Tất cả những gì ông muốn! Ông thật là người tử tế, thưa ông Stern.

– Cháu sẽ làm người mẫu để Luther vẽ. Cháu phải cởi hết quần áo để anh ta vẽ.

Cô bé nghẹn giọng:

– Cởi hết quần áo ư? Ông muốn cháu không mặc gì ư?

– Đúng. Nhưng chỉ để làm mẫu vẽ. Không ai chạm tới người cháu.

– Nhưng thưa ông, thật rất bất tiện khi không mặc gì trên người... Cháu muốn nói là... (cô bắt đầu khóc nức nở). Cháu nghĩ có thể giúp ông các việc lật vạt ngoài vườn hay sắp xếp tài liệu trong thư viện. Cháu không nghĩ là cháu sẽ phải... Cháu không nghĩ tới...

Cô bé lau nước mắt trên má. Stern dịu dàng nhìn cô bé đã có nhiều đường nét của một người phụ nữ. Stern muốn ôm cô bé vào lòng để an ủi, nhưng ông kiềm chế không để bị tình cảm chi phối.

– Đó là cái giá của tôi, Stern nói một cách khô khan. Cháu phải làm người mẫu khỏa thân và Quebert sẽ được ở lại Goose Cove.

Cô bé gật đầu đồng ý.

– Vậy thì cháu sẽ làm như thế, thưa ông Stern. Cháu sẽ làm tất cả mọi điều ông muốn. Từ bây giờ, cháu thuộc về ông.

* * *

Ba mươi ba năm sau khi màn kịch trên xảy ra, vì lương tâm không ngừng cắn rứt và muốn được chuộc tội, nên Stern đã dẫn Gahalowood ra ngoài sân, đúng nơi ông ta yêu cầu Nola phải làm người mẫu khỏa thân theo yêu cầu của gã tài xế để Harry được ở lại trong ngôi nhà ở Goose Cove.

– Chuyện là vậy, tôi đã biết Nola trong hoàn cảnh đó. Ngày hôm sau khi cô bé tới đây, tôi cố gắng liên lạc với Quebert để cho anh ta biết rằng anh ta có thể ở lại Goose Cove, nhưng không được. Suốt cả tuần liền anh ta như bốc hơi vậy. Thậm chí tôi còn cử cả Luther đứng rình trước cửa nhà anh ta. Rồi cuộc Luther cũng vô được Quebert khi anh ta sắp sửa rời Aurora.

– Nhưng ông không thấy yêu cầu của Nola rất kì lạ sao? Kể cả việc cô bé mới có mười lăm tuổi mà quan hệ với một người đàn ông hơn ba mươi tuổi và đến cầu xin ở ông một ơn huệ.

– Anh biết không, trung sĩ, cô ấy nói về tình yêu quá thật lòng... Ngay cả tôi cũng không bao giờ biết cách nói hay thế về tình yêu. Hơn nữa, tôi lại yêu đàn ông. Anh biết hồi đó, người ta đánh giá người đồng tính như thế nào chứ? Thậm chí ngày nay vẫn vậy. Tôi luôn phải che giấu bản thân. Ngay cả khi tay Goldman huyền thuyên rằng tôi là thằng già bạo dâm lợi dụng Nola, tôi vẫn chẳng dám lên tiếng. Tôi chỉ để luật sư của mình ra mặt, cố gắng để cuốn sách bị cấm xuất bản. Trong khi đó, tôi chỉ cần nói với cả nước Mỹ rằng tôi không phải là đàn ông.

Nhưng cộng đồng của tôi rất khắt khe, tôi phải bảo vệ uy tín của bản thân mình.

Gahalowood quay trở lại trọng tâm câu chuyện:

– Thỏa thuận của ông với Nola được thực hiện thế nào?

– Luther lo đi đón cô bé ở Aurora. Tôi tuyên bố thẳng thừng là không muốn quan tâm tới tất cả những chuyện đó. Tôi yêu cầu anh ta phải dùng xe riêng của anh ta, chiếc Mustang màu xanh lơ, để đi đón cô bé, chứ không được lái chiếc Lincoln đen mà anh ta được sử dụng cho công việc. Ngay khi thấy anh ta đi Aurora, tôi cho toàn bộ người làm nghỉ việc ngày hôm đó. Tôi rất xấu hổ. Và tôi cũng không muốn Luther vẽ ngay trước khoảng sân vẫn dùng làm xưởng vẽ cho anh ta vì lo sợ ai đó biết chuyện. Vì vậy, Luther vẽ Nola trong phòng khách nhỏ nối liền với phòng làm việc của tôi. Mỗi khi cô bé đến và lúc ra về, tôi đều tới chào. Đó là điều kiện của tôi với Luther: tôi muốn đảm bảo mọi chuyện đều tốt đẹp. Tôi còn nhớ lần đầu tiên, cô bé ngồi trên tràng kỷ trải ga trắng, hoàn toàn khỏa thân, run rẩy, sợ hãi và rất lúng túng. Tôi nắm tay cô bé, đôi bàn tay lạnh ngắt. Không bao giờ tôi ngồi lại trong căn phòng đó, nhưng lúc nào tôi cũng ở gần, để đảm bảo Luther không làm điều gì xấu với cô bé. Tôi còn đặt máy thu âm trong phòng và có thể nghe thấy mọi thứ xảy ra trong phòng.

– Rồi thế nào?

– Không có bất kì chuyện gì. Luther không thở ra nửa lời. Bản chất anh ta cũng là người câm lặng, vì hàm của anh ta đã bị gãy. Anh ta vẽ cô bé. Tất cả chỉ có vậy.

– Vậy thì anh ta không sờ soạng gì cô bé à?

– Không bao giờ! Tôi nói rồi, tôi sẽ không tha thứ cho chuyện đó.

- Nola đến đây tổng cộng bao nhiêu lần?
- Tôi không biết. Có thể tới chục lần.
- Thế anh ta vẽ được bao nhiêu bức tranh?
- Đúng một bức duy nhất.
- Chính là bức mà chúng tôi lấy?
- Đúng vậy.

Vậy là nhờ vào Nola mà Harry mới có thể ở lại Aurora. Nhưng tại sao Luther Caleb lại muốn vẽ cô bé? Và tại sao Stern, theo như ông ta nói, sẵn sàng cho phép Harry sử dụng miễn phí ngôi nhà lại chấp thuận yêu cầu của Caleb, bắt Nola phải khỏa thân ngồi làm mẫu vẽ? Đó là những câu hỏi mà Gahalowood chưa có lời đáp. Ông ta giải thích cho tôi:

- Tôi cũng đã hỏi Stern. Tôi nói: “Thưa ông Stern, có một chi tiết mà tôi vẫn chưa hiểu: tại sao Luther lại muốn vẽ Nola? Ban nãy ông có nói anh ta cảm thấy thích thú khi vẽ Nola, ý ông muốn nói anh ta cảm thấy khoái cảm tình dục khi vẽ Nola à? Ông cũng có nhắc tới Eleanore, có phải đó chính là người yêu cũ của anh ta không?” Nhưng Stern không muốn tiếp tục. Ông ta bảo đó là câu chuyện phức tạp; tôi đã được biết điều cần biết và những thứ còn lại đều là chuyện quá khứ. Ông ta kết thúc cuộc nói chuyện. Tôi dường đột tới nhà ông ta nên tôi không thể bắt ông ta trả lời được.

- Jenny cũng kể Luther đề nghị vẽ cô ấy, tôi nhắc Gahalowood nhớ lại chi tiết này.

- Thế nghĩa là sao nhỉ? Một kẻ nghiện bút vẽ đến phát điên à?

- Tôi chịu, trung sĩ ạ. Anh có nghĩ Stern chấp thuận yêu cầu của Caleb vì thích hẳn không?

– Giả định này cũng đã xuất hiện trong đầu tôi, tôi cũng hỏi Stern rồi. Tôi hỏi có chuyện gì đặc biệt giữa ông ta và Caleb hay không. Ông ta rất điềm tĩnh trả lời hoàn toàn không có gì. “Tôi rất chung thủy với Sylford, bạn đời của tôi kể từ đầu những năm 1970. Tôi không bao giờ cảm thấy có gì lôi cuốn từ phía Luther Caleb ngoại trừ lòng thương hại, cũng chính vì lí do đó mà tôi tuyển anh ta vào làm việc cho tôi. Ở Portland, anh ta sống ngoài lề xã hội, mặt mũi biến dạng kinh khủng và hoàn toàn tàn phế sau khi bị đánh đập tàn bạo. Một cuộc đời coi như bỏ đi chẳng vì lí do gì. Anh ta hiểu biết nhiều về kĩ thuật, tôi lại cũng đang cần một người quản lý đội xe kiêm tài xế cho tôi. Chúng tôi nhanh chóng trở thành bạn thân thiết”. Anh thấy không, nhà văn, điều làm tôi trăn trở, chính là mối quan hệ bạn bè thân thiết giữa họ như ông ta nói. Nhưng tôi có cảm giác có gì đó còn hơn thế, một mối quan hệ có thể là bản thủ hơn cơ. Đó là cảm nhận của tôi khi nghe Stern kể lại việc ông ta chấp thuận yêu cầu của Caleb bắt Nola phải làm mẫu phẫu thuật. Việc này khiến ông ta phát buồn nôn, thế mà ông ta vẫn cứ làm, như thể Caleb có quyền lực rất lớn đối với ông ta. Hơn nữa, ngay cả Sylford cũng nhận thấy điều gì đó bất thường ở chỗ này. Từ đầu tới tận lúc đó, Sylford không hề hé răng nói nữa lời, thế mà khi Stern nói tới đoạn Nola hoảng sợ vì phải làm mẫu phẫu thuật, bỗng ông ta thốt lên: “Ôi, Eli, thế là thế nào, tại sao lại có chuyện đó hả? Tại sao không bao giờ nói chuyện này với tôi hả?”

– Thế việc Luther biến mất? Tôi hỏi. Anh có nói với Stern không?

– Gượng đã, nhà văn, hết nạc với vạc đến xương, tôi để dành điều ngon lành nhất cho đoạn cuối. Mặc dù không cố ý nhưng Sylford đã gây áp lực cho Stern. Sylford rất bức bối nên mất hết

những phản xạ của một luật sư. Ông ta gầm gừ: “Eli, giải thích đi! Tại sao em không bao giờ nói với tôi? Tại sao em yên lặng suốt chừng ấy năm? “Em” Eli tỏ ra lo lắng, anh có thể tưởng tượng được đấy, ông ta đáp lại rằng: “Tôi yên lặng, tôi yên lặng, nhưng tôi không quên! Tôi giữ bức tranh này suốt ba mươi ba năm! Ngày nào tôi cũng vào xưởng vẽ, ngồi xuống tràng kỉ và nhìn cô bé. Tôi phải chịu đựng ánh mắt của Nola, sự hiện diện của Nola. Cô bé nhìn tôi chăm chăm bằng ánh mắt của một bóng ma! Đó chính là hình phạt cho tôi!”

Gahalowood liền hỏi Stern rằng tại sao ông ta cho rằng mình bị trừng phạt.

– Có thể coi như tôi đã nhúng tay chút xíu vào cái chết của Nola! Stern hét lên. Tôi để cho Luther vẽ Nola khỏa thân, khiến con quỷ tà dâm trong anh ta trỗi dậy... Tôi tôi bảo Nola phải làm mẫu khỏa thân cho Luther, tôi đã tạo ra mối liên hệ giữa hai người đó. Tôi nghĩ mình phải gián tiếp chịu trách nhiệm về cái chết của bé gái hiền lành này.

– Chuyện gì xảy ra vậy, thưa ông Stern?

Mới đầu Stern im lặng, ông ta loay quanh một lúc lâu mới quyết định nói rõ:

– Tôi nhanh chóng nhận ra rằng Luther yêu Nola điên cuồng và anh ta muốn tìm hiểu tại sao Nola lại yêu Harry điên cuồng. Điều đó khiến anh ta phát bệnh. Anh ta hoàn toàn bị Quebert ám ảnh, đến mức suốt ngày nấp trong rừng quanh Goose Cove rình Quebert. Anh ta thường xuyên tới Aurora. Đôi khi còn ở lại cả ngày. Tôi có cảm giác không còn làm chủ được tình hình nên một hôm tôi đi theo anh ta. Tôi thấy xe của anh ta đỗ dưới tán cây trong rừng, gần Goose Cove. Tôi đỗ xe cách xa hơn, khuất tầm mắt và vào rừng kiểm tra. Tôi thấy Luther đang trốn phía sau bụi cây, nhìn về phía ngôi nhà. Tôi không ra mặt, nhưng tôi

muốn cho anh ta bài học nhớ đời. Tôi quyết định đến Goose Cove, như thể tình cờ tới thăm Harry. Tôi đi lên đường 1, tới Goose Cove bằng đường mòn. Tôi đi thẳng vào sân, cố tình hét toáng lên: “Xin chào! Xin chào Harry!” để Luther nghe thấy tiếng. Harry chắc nghĩ tôi bị điên. Nhưng tôi nhớ anh ta cũng rống lên như bò vậy. Tôi giả vờ để xe ở Aurora và đề nghị anh ta chở tôi về thành phố rồi cùng ăn trưa. Anh ta đồng ý ngay. Tôi tính làm như vậy sẽ đủ thời gian cho Luther rút lui sau một phen hoảng hồn. Tôi và Quebert ăn trưa ở tiệm Clark’s. Trong bữa ăn, Harry Quebert kể cho tôi nghe ngày hôm trước, từ sáng sớm, Luther đã cho anh ta quá giang từ Aurora về Goose Cove vì anh ta bị chuột rút. Harry hỏi tôi Luther làm gì ở Aurora vào lúc sáng sớm thế. Tôi phải đánh trống lảng, nhưng trong lòng rất lo lắng: chuyện này cần phải chấm dứt. Tối hôm đó, tôi ra lệnh cho Luther không bao giờ được tới Aurora nữa nếu không sẽ xảy ra chuyện. Nhưng anh ta ngoan cố không nghe. Do đó khoảng một, hai, tuần sau, tôi yêu cầu anh ta không được về Nola nữa. Chúng tôi cãi nhau nảy lửa. Hôm đó là thứ Sáu ngày 29 tháng Tám năm 1975. Luther nói không muốn làm việc cho tôi nữa, rồi sập cửa bỏ đi. Tôi nghĩ anh ta mất bình tĩnh nên hành động như vậy và sẽ quay lại. Hôm sau, tức là vào cái ngày 30 tháng Tám năm 1975 đáng nhớ đó, tôi đi lo công chuyện, khi trở về thấy Luther không có nhà, tôi có linh cảm vô cùng kì cục. Tôi đi tìm anh ta. Tôi lái xe ra đường Aurora, lúc đó chắc khoảng 20 giờ. Trên đường, tôi gặp cả một đội cảnh sát. Khi tới thành phố, tôi còn bắt gặp cả một đám đông: mọi người nói Nola đã biến mất. Tôi hỏi địa chỉ nhà gia đình Kellergan, nhưng thật ra chỉ cần bám theo đoàn người hiếu kì và xe cảnh sát là tới nơi. Tôi dừng lại một lúc trước ngôi nhà, không tin được mọi chuyện, ngắm nhìn nơi chốn cô bé dễ thương tốt bụng đã sống.

Ngôi nhà nhỏ yên tĩnh bằng gỗ ép màu trắng, có một chiếc xích đu buộc dưới tán cây sồi rậm rạp. Khi màn đêm buông xuống, tôi mới về tới Concord, đi thẳng vào phòng Luther xem anh ta có ở đó không, nhưng hiển nhiên là chẳng có ai. Chỉ có bức tranh Nola nhìn tôi chằm chằm. Bức vẽ đã hoàn thiện. Tôi gỡ xuống, mang sang xưởng vẽ. Bức tranh vẫn cứ nằm nguyên chỗ đó bấy lâu. Suốt đêm đó tôi đợi Luther về, nhưng vô ích. Hôm sau, bố anh ta gọi điện cho tôi: ông ta cũng đang tìm con trai mình. Tôi thông báo anh ta đã bỏ đi cách đây hai ngày và không nói thêm gì. Mà tôi cũng chẳng nói với ai. Tôi giữ im lặng. Bởi vì tố cáo Luther là tội phạm trong vụ Nola mất tích cũng đồng nghĩa với việc tố cáo chính tôi. Suốt ba tuần tiếp theo, tôi rình bóng của Luther; ngày nào cũng đi tìm. Cho tới tận khi bố anh ta thông báo anh ta đã chết vì tai nạn xe hơi trên đường.

– Ý ông có phải chính Luther Caleb là kẻ đã giết Nola phải không? Gahalowood hỏi.

Stern gật đầu.

– Vâng, thưa trung sĩ. Ba mươi ba năm nay tôi nghĩ thế.

Không bàn luận thêm về câu chuyện mà Gahalowood vừa kể, tôi lấy thêm hai chai bia trong tủ lạnh và mở máy ghi âm.

– Anh phải kể lại từ đầu câu chuyện vừa nãy, trung sĩ ạ. Tôi nói. Tôi phải ghi âm lại cho cuốn sách.

Anh ta vui vẻ chấp thuận.

– Nếu anh muốn.

Tôi bắt đầu bấm máy. Đúng lúc đó điện thoại của Gahalowood đổ chuông. Anh ta trả lời, và tôi đã ghi lại toàn bộ nội dung cuộc điện thoại của anh ta lúc đó: “Anh có chắc không thế?” Gahalowood hỏi. “Anh đã kiểm tra lại toàn bộ rồi chứ hả? Cái gì? Cái gì? Lạy Chúa, đúng là loạn hết rồi!”. Anh ta xin tôi

mẫu giấy và chiếc bút, ghi vắn tắt những điều người đầu dây bên kia đang nói rồi tắt máy. Anh ta nhìn tôi, nét mặt thật kì cục:

– Cảnh sát tập sự vừa gọi. Tôi yêu cầu anh ta tìm lại bản báo cáo về vụ tai nạn của Luther Caleb.

– Thế sao?

– Theo như báo cáo hồi đó, người ta tìm thấy Luther Caleb chết trong chiếc ô tô Chevrolet Monte Carlo đen, đăng kí dưới tên công ty của Stern.

* * *

Thứ Sáu, 26 tháng Chín năm 1975

Hôm đó trời đầy sương mù. Mặt trời mọc từ mấy tiếng đồng hồ rồi nhưng ánh sáng vẫn còn rất yếu. Những đám mây đục lơ lửng trong không trung, hiện tượng thời tiết thường xuyên xảy ra vào mùa thu ẩm ướt ở New England. 8 giờ, George Tent, một ngư dân, rời cảng Sagamore, bang Massachusetts, ra khơi trên con thuyền riêng cùng con trai. Vùng đánh bắt của hai bố con họ chủ yếu tập trung dọc bờ biển, và họ là một trong số ít những người ngư dân hay thả lưới ở một số vịnh vắng vẻ ít người để ý. Ngày hôm đó, George Tent cũng tới chính khe vịnh ít người đặt lưới để kéo hai mẻ. Trong khi người cha đang chèo thuyền ở vịnh Sunset Cove, là nơi đại dương ăn sâu vào giữa hai mỏm núi dựng đứng, con trai ông bất chợt phát hiện một luồng sáng lóa mắt. Tia nắng mặt trời lọt qua những đám mây và phản chiếu vào một cái gì đó. Cậu bèn lấy ống nhòm nhìn lên vách đá.

– Có chuyện gì thế? Ông bố hỏi.

– Có cái gì trên bờ ấy. Con không biết là cái gì, chỉ thấy phát sáng rất mạnh.

Cần trọng đo mực nước biển, Tent nhận thấy mực nước đủ sâu để có thể tiến tới gần vách đá hơn. Sau đó, ông chậm rãi đi tiếp dọc theo thành vách. Khi vòng qua tảng đá, họ bỗng phát hiện điều gây chú ý. “Mẹ kiếp chó má!” ông Tent chửi thề, trừng mắt lên nhìn. Ông vội vàng gọi điện đàm cho cứu hộ biển.

8 giờ 47 phút, cùng ngày hôm đó, cảnh sát Sagamore nhận được tin cấp báo từ hải quân về một vụ tai nạn chết người: một chiếc ô tô lao ra khỏi đường bộ, trượt dài trên vách đá ở Sunset Cove rồi đập vào những mỏm đá phía dưới. Cảnh sát Darren Wanslow có mặt ở hiện trường. Khi anh tới nơi, xe kiểm lâm đã có mặt, bên dưới vịnh một chiếc thuyền con thoi của lính gác biển đang tìm kiếm. Một nhân viên kiểm lâm nói:

– Họ bảo dưới kia có một chiếc xe hơi, nhưng chúng tôi chẳng nhìn thấy gì cả.

Cảnh sát Wanslow tiến sát bờ vực: vách đá dốc đứng, phủ đầy cây gai, cỏ cao và những nếp gấp đá. Quả thật là không thể nhìn thấy được bất kì điều gì bên dưới.

– Anh bảo có một chiếc xe hơi ở ngay phía dưới này à? Wanslow hỏi.

– Chúng tôi nghe tin báo khẩn là như thế. Tôi hình dung là một chiếc ô tô đậu trên bãi xe, nhưng vì một lí do nào đó nó lao xuống vực theo đường dốc này. Cầu cho đó không phải là bọn thanh thiếu niên tới đây hôn hít nhau giữa đêm và không kéo phanh tay.

– Chúa ơi, Wanslow thì thào, tôi cũng hi vọng là bên dưới không có đứa nhóc nào.

Viên cảnh sát kiểm tra góc sân để xe gần với vực nhất. Có một dải cỏ dài giữa đoạn cuối của phần sân xi măng và đoạn đầu của con dốc. Anh tìm dấu vết của chiếc xe khi lăn qua đó. Cỏ dại, cây gai bị bật rễ do sức nặng của chiếc xe khi nó lao xuống vách đá.

– Theo anh, chiếc xe lao thẳng xuống đó à? Wanslow hỏi viên kiểm lâm.

– Hẳn thế. Từ lâu chúng ta vẫn nói là phải có rào chắn. Bọn nhóc. Chẳng may chúng uống quá chén rồi lao thẳng xuống đó. Ngoại trừ đã để cả mấy chai rượu vào mũi, chắc hẳn phải có lí do kinh hoàng lắm mới lao thẳng xuống kia được.

Không thể nhìn rõ chiếc thuyền bên dưới đang làm những gì và bỗng nhiên nó lại di chuyển ra xa vách đá. Lúc đó, cả ba người đàn ông đều nhận ra một chiếc ô tô gắn lưng lửng ở một đầu của cần trục sắt. Wanslow quay trở lại xe ô tô, liên lạc với những người lính gác bờ biển qua điện đài.

– Ô tô hãng gì? anh hỏi.

– Một chiếc Chevrolet Monte Carlo, người dưới vực trả lời. Màu đen.

– Một chiếc Chevrolet Monte Carlo màu đen hả? Khẳng định lại xem nào, Chevrolet Monte Carlo màu đen phải không?

– Tôi khẳng định. Biển số xe thuộc bang New Hampshire. Bên trong có xác người chết. Nhìn thật kinh khủng.

* * *

Đã hai tiếng đồng hồ nay chúng tôi chạy chiếc xe Chrysler công vụ chậm chạp của Gahalowood. Hôm đó là thứ Hai ngày 21

tháng Bảy năm 2008 .

- Anh có muốn tôi cầm lái không trung sĩ?
 - Tuyệt đối không.
 - Anh lái quá chậm.
 - Tôi lái cẩn thận.
 - Chiếc xe này chẳng khác gì đồng phế thải trung sĩ ạ.
 - Đây là xe của cảnh sát bang. Hãy tỏ ra tôn trọng một chút nhà văn ạ.
 - Thế thì đây là một xe rác bang. Tôi mở nhạc nhé?
 - Trong mơ cũng không được làm như vậy, thưa nhà văn. Chúng ta đang trong cuộc điều tra, chứ không phải đang lái xe đi tán gái.
 - Anh biết không, tôi sẽ viết trong sách của tôi rằng anh lái xe chẳng khác gì một lão già đáng thương.
 - Thôi bật nhạc lên đi, nhà văn. Bật to hết cỡ lên. Tôi không muốn phải nghe anh nói cho đến khi nào tới nơi.
- Tôi cười.
- Được đây, anh nhắc lại cho tôi tên viên cảnh sát với... là Darren...
 - ...Wanslow. Ông ta là cảnh sát ở Sagamore. Ông ta là người được gọi báo khi người đánh cá tìm thấy xác ô tô của Luther.
 - Xe Chevrolet Monte Carlo màu đen à?
 - Chính xác.
 - Diên nhĩ! Tại sao không có ai gắn kết câu chuyện lại?
 - Làm sao mà tôi biết được. Đó chính là điều chúng ta cần làm sáng tỏ.
 - Tay Wanslow này bây giờ thế nào rồi?

– Ông ta về hưu được vài năm rồi. Hiện tại, ông ta trông coi một xưởng sửa chữa ô tô cùng với người cháu. Nay, anh đang ghi âm đây à?

– Vâng. Thế hôm qua, anh nói gì với Wanslow trong điện thoại thế?

– Không có gì nhiều. Dường như ông ta ngạc nhiên vì cú điện thoại của tôi. Ông ta nói ban ngày có thể gặp ông ta tại xưởng sửa chữa ô tô.

– Thế tại sao anh không thăm vấn ông ta qua điện thoại?

– Không có gì tốt hơn bằng nói chuyện trực tiếp, nhìn tận mặt, nhà văn ạ. Điện thoại quá vô nhân tính. Điện thoại chỉ để cho người dở như kiểu anh thôi.

Xưởng ô tô nằm ngay trên đường rẽ vào Sagamore. Chúng tôi thấy Wanslow đang cúi đầu vào cỗ máy của chiếc Buick cũ. Ông ta đuổi người cháu họ ra khỏi văn phòng, xếp gọn hàng chồng tài liệu sổ sách kế toán đặt trên chiếc ghế tựa để mời chúng tôi ngồi lên. Ông ta rửa tay rất lâu ở vòi nước phụ rồi mời chúng tôi uống cà phê.

– Thế nào? Ông ta vừa hỏi vừa rót cà phê đây ba chiếc tách. Có chuyện gì mà cảnh sát bang New Hampshire tìm gặp tôi ở đây?

– Như tôi nói với ông hôm qua, Gahalowood trả lời, chúng tôi đang điều tra về cái chết của Nola Kellergan, đặc biệt là về vụ tai nạn giao thông xảy ra trong hạt của ông vào ngày 26 tháng Chín năm 1975.

– Chiếc Monte Carlo màu đen phải không?

– Chính xác. Tại sao ông lại biết đó chính là điều chúng tôi quan tâm?

– Các anh đang điều tra về vụ Kellergan. Vào thời kì đó,

chính tôi cũng nghi ngờ ở đây có mối liên hệ.

– Thật ư?

– Vâng. Hơn nữa, đó chính là chi tiết khiến tôi nhớ nhất. Tôi muốn nói là, theo thời gian, có những điều người ta quên, nhưng có những điều vẫn in sâu trong trí nhớ. Vụ tai nạn này là một trong những điều phải nhớ.

– Tại sao?

– Anh biết đấy, khi là nhân viên cảnh sát của một thành phố nhỏ, tai nạn giao thông là phần việc quan trọng mà chúng ta phải giải quyết. Tôi muốn nói là, tôi, trong suốt cuộc đời sự nghiệp của mình, những xác chết duy nhất mà tôi nhìn thấy, là những xác chết vì tai nạn giao thông. Nhưng ở đây, chuyện lại khác: trong suốt mấy tuần trước đó, tất cả mọi người đều được báo động về một vụ bắt cóc đã xảy ra trong bang New Hampshire. Người ta dồn sức vào tìm kiếm chiếc ô tô hiệu Monte Carlo màu đen nên chúng tôi phải mở to mắt. Tôi còn nhớ trong suốt mấy tuần đó, tôi chỉ có mỗi một việc là cho quân đi lùng sục để tìm cho ra chiếc Chevrolet bất kể màu gì để kiểm tra. Tôi nghĩ, xe màu đen rất dễ có thể sơn lại. Tóm lại là tôi dốc hết sức vào vụ này, thì cũng giống như tất cả cảnh sát trong vùng thôi: chúng tôi muốn tìm cho ra Nola bằng mọi giá. Và rồi, rất cuộc, vào một buổi sáng, đứng vào ca tôi trực, thì bảo vệ bờ biển báo họ đang trục một chiếc xe ô tô từ phía dưới chân vực Sunset Cove lên. Thử hình dung xem chiếc ô tô đó thuộc loại gì...

– Một chiếc Monte Carlo màu đen.

– Chính xác. Biển đăng kí tại bang New Hampshire. Có một xác người chết bên trong. Tôi nhớ rõ lúc tôi kiểm tra bên trong chiếc xe: sau khi bị rơi xuống, nó hoàn toàn bẹp dí, còn xác

người bên trong nát như tương. Trên người anh ta vẫn còn giấy tờ tùy thân, anh ta là Luther Caleb. Tôi còn nhớ rõ lắm. Chiếc xe ô tô được đăng kí dưới tên của một công ty cỡ bự ở Concord, Stern Limited. Chúng tôi rà soát hết sức cẩn thận bên trong: chẳng có gì mấy. Phải nói là cú lao xuống làm hư hỏng quá nhiều. Thế nhưng, chúng tôi vẫn còn tìm thấy được đồng thủy tinh vỡ vụn còn lại của mấy chai rượu. Trong cốp xe, không có gì khác ngoại trừ vài bộ quần áo.

– Hành lí à?

– Vâng, đúng vậy. Chính xác hơn là một ít hành lí gọn nhẹ.

– Thế sau đó ông làm gì? Gahalowood hỏi.

– Làm công việc của tôi: tôi hoàn toàn tập trung vào việc điều tra. Tôi đặt ra và trả lời các câu hỏi tay này là ai, hắn làm gì ở đây và hắn ngã xuống dưới đó từ khi nào. Tôi nghiên cứu về Caleb. Các anh thử đoán xem tôi khám phá ra điều gì?

– Đơn kiện bản tại cảnh sát ở Aurora vì có hành vi tấn công, Gahalowood mệt mỏi tuyên bố.

– Chính xác! Chán thật, làm sao anh biết chuyện này?

– Tôi biết.

– Lúc đó, tôi nghĩ, đây không đơn giản là sự trùng lặp. Mới đầu, tôi dò hỏi xem đã có ai trình báo về việc anh ta mất tích không. Ý tôi là, theo kinh nghiệm của tôi về các tai nạn giao thông, tôi biết lúc nào cũng có người thân trong nhà lo lắng và thường nhờ đó chúng tôi nhận dạng được người chết. Nhưng ngay cả điều đó cũng không có, không hề có trình báo nào. Thật là kì lạ, phải không? Thế là tôi gọi điện cho công ty Stern Limited để có thêm thông tin. Tôi bảo họ rằng tôi vừa tìm thấy một chiếc ô tô của công ty, thế là người của công ty đó bảo tôi đợi máy: sau đoạn nhạc chờ thì tôi được gặp và nói chuyện với

Elijah Stern. Ông ta chính là người thừa kế của gia đình Stern. Đích danh ông ta. Tôi giải thích cho ông Stern nghe tình hình và hỏi có phải ông ấy bị mất một chiếc ô tô không. Ông ấy khẳng định với tôi là không phải. Tôi nói với ông ta về chiếc xe Monte Carlo màu đen thì ông ấy giải thích chiếc xe đó thường do tài xế của ông ta sử dụng ngoài giờ làm việc. Tôi hỏi ông ta, kể từ khi nào ông ta không gặp tài xế, thì ông ta trả lời tôi là anh ta đi nghỉ. “Đi nghỉ chính xác là từ bao lâu?” Tôi hỏi. Ông ấy bảo: “Vài tuần”. “Thế đi nghỉ ở đâu?” Ông ta lại bảo không biết gì hết. Tôi thấy việc này thật là kì cục kinh khủng.

– Thế rồi ông làm gì nữa? Gahalowood hỏi.

– Bản thân tôi nghĩ rằng chúng tôi vừa sờ tay vào kẻ khả nghi số một của vụ mất tích bé gái nhà Kellergan. Ngay lập tức, tôi gọi điện cho Cảnh sát trưởng Aurora.

– Ông gọi điện cho Cảnh sát trưởng Pratt à?

– Cảnh sát trưởng Pratt. Đúng rồi, đúng tên ông ấy là Pratt. Vâng, tôi báo cho ông ta kết quả tìm kiếm. Ông ta mới là người có trách nhiệm điều tra vụ mất tích.

– Thế rồi sao?

– Cùng ngày hôm đó, ông ta tới gặp tôi. Ông ấy cảm ơn tôi, rồi nghiên cứu hồ sơ rất chăm chú và cẩn thận. Ông ấy là người rất dễ mến. Ông ấy đi kiểm tra chiếc xe ô tô và nói rằng, thật đáng tiếc bởi vì chiếc ô tô không đúng với mẫu xe mà ông ta nhìn thấy trong cuộc rượt đuổi. Chính vì thế, thậm chí ông ta còn dẫn đo không chắc đã nhìn thấy xe Chevrolet Monte Carlo màu đen hay xe Nova. Hai mẫu xe rất giống nhau. Ông ta sẽ kiểm tra lại chi tiết này với trụ sở cảnh sát. Ông ta có nói thêm là ông ta cũng đã nghiêng về tay Caleb này nhưng lại có đủ chứng cứ bác bỏ nên không bám theo hướng điều tra này nữa.

Mặc dù vậy, ông ấy cũng yêu cầu tôi gửi lại cho ông ấy bản báo cáo của tôi, và tôi đã chấp thuận.

– Vậy là ông đã báo Cảnh sát trưởng Pratt nhưng ông ta không điều tra theo hướng nghi ngờ của ông?

– Chính xác. Như tôi đã nói với anh, Pratt khẳng định là tôi nhầm. Tôi phải nghe ông ấy, chính ông ấy mới là người điều tra vụ đó. Ông ấy biết việc phải làm. Ông ấy kết luận đó là vụ tai nạn bình thường, và tôi cũng viết đúng như vậy trong báo cáo.

– Thế ông không thấy lạ à?

– Lúc đó thì không. Tôi nghĩ chắc tôi kết luận quá vội vàng. Nhưng xin lưu ý là tôi làm việc hoàn toàn không có gì tắc trách: tôi gửi xác Luther đến bệnh viện để nghiên cứu xem điều gì có thể xảy ra, xem liệu tai nạn xảy ra có phải vì say rượu bởi vì trong xe có vỏ chai. Đáng tiếc là với những mẫu cơ thể sót lại, sau cú va đập kinh khủng khi lặn xuống vực cùng sự hủy hoại do nước biển, người ta không thể khẳng định được điều gì. Tôi xin nói cho các anh biết là, cái xác chết bị nghiền nát như tương. Bác sĩ chỉ còn có thể phỏng đoán được một điều, rằng xác chết hẳn là đã nằm đó từ mấy tuần rồi. Chỉ có Chúa mới biết nó còn có thể nằm lại ở đó bao nhiêu lâu nữa, nếu như tay đánh cá đó không nhìn thấy chiếc xe. Sau đó, hài cốt được trả lại cho gia đình, và việc này đánh dấu chấm hết cho câu chuyện. Tôi đã nói với các anh rằng, mọi chi tiết đều cho thấy đó là một tai nạn giao thông bình thường. Hiển nhiên là bây giờ, với tất cả những gì tôi được biết, nhất là về Cảnh sát Pratt và đứa bé gái, thì tôi không còn tin chắc được điều gì nữa.

Câu chuyện do Darren Wanslow kể rất cuốn hút. Sau cuộc trò chuyện, Gahalowood và tôi cùng đi ăn qua loa ở tận bãi tàu Sagamore. Cảng tàu này bé xíu, bên cạnh có một cửa hàng bách hóa và một cửa hàng bán bưu ảnh. Trời đẹp rực rỡ, đại dương

ngõ như bất tận. Xung quanh có những mái nhà xinh xắn nhiều màu sắc, đôi khi vươn ra sát biển. Nhà nào cũng được bao quanh bởi khu vườn xinh xắn được chăm sóc kỹ càng. Chúng tôi uống bia và ăn trưa bằng món thịt bò rán trong quán nhỏ dựng trên biển. Gahalowood vừa nhai vừa có vẻ suy nghĩ rất lung.

– Anh đang nghĩ gì vậy? Tôi hỏi.

– Tất cả dường như chỉ ra rằng Luther chính là thủ phạm. Anh ta có hành lí đi cùng với người anh ta chuẩn bị chạy trốn, có thể là mang theo Nola. Nhưng kế hoạch của anh ta gặp phải trở ngại: Nola muốn thoát khỏi anh ta, hẳn là anh ta đã phải giết mẹ Cooper, sau đó tấn công và đánh Nola quá tay.

– Anh nghĩ là chính anh ta à?

– Tôi tin vậy. Nhưng mọi chuyện chẳng rõ ràng mấy... Tôi không hiểu tại sao Stern lại không nói cho chúng ta biết về chiếc Chevrolet màu đen mặc dù đây là chi tiết quan trọng. Luther biến mất với chiếc ô tô được đăng kí dưới tên công ty, thế mà ông ta lại không lo lắng gì là thế nào? Tại sao gã Pratt quỷ quái này lại không điều tra thêm hướng đó?

– Anh nghĩ Cảnh sát trưởng Pratt có dính líu tới việc Nola bị mất tích à?

– Thú thật là tôi rất muốn đi hỏi ông ta tận nơi xem vì lí do gì mà ông ta lại bỏ lửng hướng điều tra Caleb mặc dù có báo cáo của Wanslow. Ý tôi muốn nói là, người ta cung cấp cho ông ta một hướng điều tra quý giá, vậy mà ông ta lại tuyên bố là không có liên quan gì. Quá kì lạ, anh có thấy thế không? Nếu thực sự ông ấy có nghi ngờ về kiểu dáng xe, tức có thể đó là chiếc Nova chứ không phải là chiếc Monte Carlo, thì ông ấy phải cho mọi người biết điều này chứ. Thế mà trong bản báo cáo của ông ấy, ông ấy chỉ nói đến Monte Carlo đen...

Cùng buổi chiều ngày hôm đó, chúng tôi đi ngay Montburry gặp Cảnh sát trưởng Pratt tại căn nhà nghỉ nhỏ mà ông ta đang ở. Ngôi nhà chỉ có một tầng, một dãy hàng chục phòng nằm cạnh nhau, chỗ đỗ xe ở phía trước mỗi phòng. Nơi này như không một bóng người. Chỉ có mỗi hai chiếc xe, trong đó có một chiếc ngay trước phòng của Pratt, hẳn là xe của ông ta.

Gahalowood đập vào cửa phòng. Không có tiếng trả lời. Anh ta đập tiếp. Vô ích. Một người phụ nữ dọn phòng đi ngang qua, Gahalowood giơ thẻ cảnh sát yêu cầu bà ta mở cửa phòng.

– Không thể được, bà ta trả lời.

– Thế là thế nào, không thể được? Gahalowood tức tối, chỉ rõ cho bà ta xem thẻ cảnh sát của mình.

– Hôm nay tôi đi qua đây nhiều lần để dọn phòng, bà ta giải thích. Tôi nghĩ có thể khách đi ra ngoài mà tôi không nhìn thấy, nhưng ông ta lại cắm chìa khóa bên trong. Không thể mở được. Như vậy có nghĩa là ông ta ở trong phòng. Ngoại trừ khả năng là ông ấy đi và sập cửa trong khi chìa khóa vẫn cắm bên trong ổ. Điều này thường xảy ra khi khách thuê phòng vội vã. Nhưng xe ô tô của ông ta lại đỗ ở đây.

Gahalowood có vẻ khó chịu. Anh ta đập cật lực vào cửa, như bắt buộc Pratt phải mở ngay. Anh ta cố gắng nhìn qua cửa sổ, nhưng tấm rèm đã kéo lại khiến viên trung sĩ không nhìn thấy bất kì cái gì bên trong. Gahalowood quyết định phá cửa. Ổ khóa đã phải nhượng bộ sau cú đập chân thứ ba. Cảnh sát trưởng Pratt nằm dài trên nền nhà ngay giữa vũng máu của chính mình.

8

Con quạ

“Ai cả gan thì người đó chiến thắng, Marcus ạ. Hãy nghĩ tới châm ngôn này mỗi khi anh phải đứng trước một lựa chọn khó khăn. Ai cả gan thì người đó chiến thắng.”

TRÍCH ĐOẠN TỪ VỤ ÁN HARRY QUEBERT

Thứ Ba, ngày 22 tháng Tám năm 2008, sau khi phát hiện ra xác chết của Nola vài tuần trước, dân chúng xung quanh thành phố Montburry nhỏ bé đều biết đến sự kiện khuấy động Aurora. Từng đoàn xe cảnh sát từ mọi ngả đổ về hướng nhà nghỉ gần khu công nghiệp. Đám đông người hiếu kì kháo nhau rằng có một người đàn ông đã tự tử, đó chính là cựu Cảnh sát trưởng ở Aurora.

Trung sĩ Gahalowood đứng trước cửa phòng, ngậy người ra nhìn. Các nhân viên cảnh sát thuộc đội cảnh sát khoa học đang làm việc xung quanh hiện trường, còn trung sĩ Gahalowood thì chỉ biết đứng nhìn. Tôi tự hỏi không biết điều gì đang diễn ra trong đầu anh ta. Rốt cuộc thì anh ta quay lại, nhận ra tôi đang ngồi trên mui một chiếc xe cảnh sát quan sát mình. Trung sĩ nhìn tôi với ánh mắt hung dữ và tiến về phía tôi.

- Anh làm trò quái gì với máy ghi âm thế hả nhà văn?
- Tôi đang dựng cảnh cho cuốn sách của tôi.
- Anh có biết anh đang ngồi trên mui xe cảnh sát không?

- Anh làm trò quái gì với máy ghi âm thế hả nhà văn?
- Tôi đang dựng cảnh cho cuốn sách của tôi.
- Anh có biết anh đang ngồi trên mui xe cảnh sát không?
- Ồ, xin lỗi, thưa trung sĩ. Thế thì sao?
- Dừng ngay máy ghi âm của anh lại đi có được không.

Tôi làm theo mệnh lệnh. Gahalowood giải thích:

- Theo những phát hiện đầu tiên của cuộc điều tra, Cảnh sát trưởng Pratt bị đánh vào sau hộp sọ. Một hoặc nhiều cú đánh. Bằng vật nặng.

- Giống Nola à?

- Cùng kiểu đó. Ông ấy chết cách đây khoảng mười hai tiếng. Có nghĩa việc đó xảy ra vào đêm nay. Tôi nghĩ Pratt biết hung thủ. Đặc biệt là ông ta vẫn cắm chìa khóa trên ổ. Hẳn là ông ta đã mở cửa cho tên sát nhân, có thể ông ta đang đợi hắn đến. Các cú đánh giáng xuống phía sau hộp sọ, cho thấy lợi dụng lúc ông ta sơ hở quay người đi thì vị khách đã giáng cho ông ta những cú định mệnh. Chúng tôi vẫn chưa tìm thấy hung khí giết người. Thủ phạm đã mang nó đi. Có thể đó là một thanh sắt, hoặc cái gì đó tương tự. Như vậy có nghĩa, không hề có cãi và xảy ra trước hành vi giết người nhưng là hành động được suy tính trước. Có ai đó đã tới tận đây để giết Pratt.

- Có nhân chứng không?

- Không có ai. Nhà nghỉ gần như vắng người. Không ai nhìn thấy hay nghe thấy gì. Lễ tân đóng cửa lúc 19 giờ. Bảo vệ trực từ 22 giờ tới 7 giờ sáng nhưng lại ngồi chết dí trước tivi. Ông ta không hay biết gì. Ở đây cũng chẳng có camera.

- Theo anh, ai có thể gây ra chuyện này? Tôi hỏi. Phải chăng đó cũng chính là người kẻ đốt Goose Cove?

– Có thể. Rất có thể là người được Pratt bảo vệ, bây giờ hẳn sợ ông ta khai ra. Có thể ngay từ đầu, Pratt biết đích danh kẻ giết Nola. Nhẽ ra ông ta phải bị trừ khử luôn để không bao giờ hở chuyện.

– Hình như anh đã có hẳn một giả thuyết phải không trung sĩ?

– Quả thật, yếu tố nào có thể nối liền tất cả các nhân vật lại với nhau: Goose Cove, chiếc Chevrolet màu đen, mà không phải là Harry Quebert...

– Elijah Stern?

– Elijah Stern. Tôi cũng nghĩ tới ông ta từ lâu và vẫn nghĩ tới ông ấy khi nhìn thấy xác chết của Pratt. Tôi không biết Elijah Stern có giết Nola hay không, nhưng ông ta đã che giấu Caleb từ ba mươi năm nay...Tự nhiên, hẳn lại nghĩ việc một cách rất bí ẩn, rồi chiếc ô tô biến mất mà ông ta không hề báo cho ai.

– Anh đang nghĩ tới chuyện gì vậy, trung sĩ?

– Tôi cho rằng Caleb chính là tội phạm và Stern đã nhúng tay vào việc này. Tôi nghĩ khi Caleb bị phát hiện ở Side Creek trên chiếc Chevrolet đen rồi thoát được sự truy đuổi của Pratt, anh ta tới trốn ở Goose Cove. Toàn bộ khu vực bị vây chặn, anh ta biết không còn cơ hội thoát thân, nhưng sẽ chẳng ai đến tìm anh ta ở đó. Không ai hết ngoại trừ Stern. Rất có khả năng là ngày 30 tháng Tám năm 1975, Stern thực sự đã đi vắng cả ngày để giải quyết công việc riêng như ông ta khẳng định. Nhưng khi quay về nhà và nhận thấy Luther vẫn còn chưa về, tệ hơn nữa là anh ta đi bằng xe công vụ, làm sao có thể tưởng tượng ông ta khoanh tay ngồi im được? Lô gích thì ông ta phải đi tìm Luther để ngăn cản anh ta làm điều xằng bậy. Tôi nghĩ ông ta cũng đã làm như vậy, nhưng khi tới Aurora thì quá muộn rồi: cảnh sát ở

khắp nơi, thậm kịch mà ông ta nghi ngờ đã xảy ra. Ông ta phải tìm Caleb bằng mọi giá. Ông ta sẽ đến đâu đầu tiên hả nhà văn?

– Goose Cove.

– Chính xác. Đó là nhà của Stern, ông ta biết Caleb sẽ cảm thấy an toàn ở đó. Nếu đến đây, thậm chí anh ta còn có hẳn bộ chìa khóa riêng. Tóm lại, Stern đến xem điều gì xảy ra ở Goose Cove và ông ta đã tìm ra Luther.

* * *

Ngày 30 tháng Tám năm 1975, theo giả thuyết của Gahalowood

Stern phát hiện chiếc Chevrolet đen đỏ trước gara: Luther đang lom khom cúi xuống cốp xe.

– Luther! Stern nhảy xuống xe, hét lên. Cậu làm gì thế hả?

Luther hoảng hốt.

– Chúng phôi...chúng phôi... cãi nhau.... Phôi không muốn làm cô ấy đau.

Stern tiến lại gần, phát hiện ra Nola nằm trong cốp xe cùng chiếc túi da, cơ thể vụn vẹo một cách kì quái, cô bé không còn cử động.

– Trời ơi! Cậu đã giết cô ấy rồi!

Stern nôn thóc nôn tháo.

– Cô ấy pháo cảnh sát, nếu không thì...

– Luther! Cậu đã làm gì thế hả? Cậu đã làm gì?

– Giúp phôi phôi, thương phôi phôi, Eli, hãy giúp phôi.

– Trốn đi, Luther. Nếu cảnh sát tóm được, cậu sẽ phải chết

trên ghế điện.

– Không, hãy thương hại phôi! Đừng vậy! Đừng vậy! Luther rống lên, vô cùng hoảng sợ.

Lúc đó Stern mới thấy vũ khí giắt ở thắt lưng của Luther.

– Luth! Cái... Cái gì thế này?

– Phà già... Phà già nhìn thấy hết.

– Bà già nào?

– Ở ngôi nhà đằng kia

– Lạy Chúa, có ai trông thấy cậu không?

– Eli, phôi và Nola cãi nhau... Cô ấy không bỏ qua. Phôi buộc phải phàm cô ấy đau. Nhưng cô ấy phoát ra rồi phùng chạy, cô ấy chạy phào ngôi nhà... Phôi chạy theo, phôi tưởng ngôi nhà không có người ở. Nhưng có phà già ấy ở đó nên phôi phải giết phà ấy.

– Cái gì? Cái gì? Cậu nói gì?

– Eli, phôi phan ông, cứu phôi phới.

Cần phải phi tang xác chết thật xa. Không lãng phí một giây, Stern vớ lấy cái xẻng trong ga ra và vội vàng đi đào hố. Ông ta chọn bìa rừng, ở đó đất mềm nên không ai, nhất là Quebert có thể phát hiện ra dấu vết đào bới. Ông ta nhanh chóng đào một cái hồ không sâu lắm, sau đó gọi Caleb khiêng xác chết lại, nhưng ông ta không thấy Caleb ở đó nữa, anh ta đang quỳ trước chiếc xe, cúi xuống cạnh đồng giấy.

– Luther? Trời ơi, cậu còn làm trò gì nữa thế?

Luther khóc.

– Thấy là cuốn sách của Quebert... Nola bảo tôi, Quebert đã viết cho cô ấy một cuốn sách... Đẹp tuyệt vời.

– Mang cô ta lại đây, tôi đào xong hố rồi.

– Đợi đã!

– Đợi gì?

– Phôi muốn nói với cô ấy rằng phôi yêu cô ấy.

– Hả?

– Hãy để phôi viết cho cô ấy một câu. Chỉ một câu thôi. Cho phôi mượn chiếc bút. Sau đó, chúng ta sẽ hôn cô ấy, sau đó, phôi sẽ biến mất mãi mãi.

Stern chấp thuận; ông ta rút chiếc bút từ túi áo vét đưa cho Caleb, anh ta ghi lên trang bìa tập bản thảo: *Vĩnh biệt, Nola yêu quý*. Sau đó anh ta cẩn thận bỏ tập bản thảo vào chiếc túi lúc nào cũng quàng chéo trên vai Nola, rồi vác cô bé tới tận miệng hố. Anh ta vứt xác Nola xuống đó. Hai người đàn ông vội vàng lấp đất lại, cẩn thận đặt lên trên vài cành thông gai, mấy cành cây và một ít rêu để ngụy trang một cách hoàn hảo nhất.

* * *

– Thế rồi sau đó thì sao? Tôi hỏi.

– Sau đó, Gahalowood nói với tôi, Stern muốn tìm cách bảo vệ Luther. Chính là sử dụng Pratt.

– Pratt?

– Đúng vậy, tôi nghĩ Stern biết chuyện Pratt làm với Nola. Ta biết rằng Caleb lảng vảng ở Goose Cove, rình rập Harry và Nola: chắc có thể anh ta bắt gặp Pratt túm lấy Nola ở vệ đường và bắt cô ta mút dương vật. Rất có khả năng Caleb đã kể lại chuyện này cho Stern biết. Cho nên tối hôm đó, Stern để Luther ở Goose Cove, đi tìm gặp Pratt tại văn phòng cảnh sát: ông ta đợi thật muộn, có thể là sau 11 giờ, khi các cuộc tìm kiếm đã kết

thúc. Ông ta muốn gặp một mình Pratt để ra điều kiện: ông ta yêu cầu để cho Luther chạy thoát và dàn xếp thế nào đó để Luther lọt qua được rào chắn, đổi lại, Stern sẽ không tiết lộ với ai chuyện giữa Pratt với Nola. Pratt chấp thuận. Rất có khả năng là như vậy, nếu không thì làm sao mà Caleb có thể đi tới tận Massachusetts? Nhưng Caleb cảm thấy bị lâm vào bước đường cùng. Anh ta không còn chỗ nào để đi, anh ta mất phương hướng. Anh ta mua rượu uống. Anh ta muốn kết thúc mọi chuyện. Anh ta đã lao xuống vực ở vách đá Sunset Cove. Vài tuần sau, khi tìm ra được chiếc xe, Pratt đích thân tới tận Sagamore để bịt kín mọi chuyện. Ông ta dàn xếp để Caleb không trở thành đối tượng tình nghi.

– Nhưng tại sao lại phải đánh lạc hướng nghi ngờ Caleb trong khi anh ta đã chết rồi?

– Vì còn Stern nữa. Stern biết chuyện. Nếu tha cho Caleb, thì Stern cũng sẽ được yên ổn.

– Vậy cả Pratt lẫn Stern đều biết sự thật từ đầu ư?

– Đúng. Họ đã đào sâu chôn kín câu chuyện này. Họ không bao giờ gặp lại nhau nữa. Stern rũ bỏ ngôi nhà ở Goose Cove bằng cách bán đứt cho Harry rồi sau đó không bao giờ đặt chân tới Aurora nữa. Trong suốt ba mươi năm, tất cả mọi người đều tin rằng câu chuyện này sẽ không bao giờ được giải quyết.

– Cho tới tận khi người ta phát hiện ra hài cốt của Nola.

– Và một nhà văn cứng đầu cứng cổ đã tới để lục lại toàn bộ sự việc. Một nhà văn khiến có kẻ tìm mọi cách buộc anh ta từ bỏ.

– Pratt và Stern muốn giấu kín sự việc này, tôi nói. Nhưng vậy thì ai đã giết Pratt? Phải chăng là Stern vì thấy Pratt có vẻ suy sụp và sắp khai ra sự thật à?

– Điều đó còn cần phải điều tra tiếp. Nhưng đừng tiết lộ nửa lời về tất cả những việc đó vào lúc này nhé, nhà văn, tôi không muốn có bất kì sự rò rỉ thông tin một lần nữa trên báo chí. Tôi sẽ tìm hiểu cặn kẽ thêm về cuộc đời Stern. Giả thuyết trên khá là khó kiểm chứng. Nhưng trong mọi trường hợp, đã có một mẫu số chung cho tất cả các kịch bản đó là Luther Caleb. Và nếu chính xác hẳn là kẻ giết Nola Kellergan, thì chúng ta sẽ có được kết luận...

– Qua việc phân tích nét chữ... tôi nói.

– Chính xác.

– Câu hỏi cuối cùng, thưa trung sĩ: tại sao Stern lại muốn bảo vệ Caleb bằng bất cứ giá nào?

– Điều đó chính tôi cũng rất muốn biết, nhà văn ạ.

Cuộc điều tra về cái chết của Pratt thực sự rất phức tạp: cảnh sát không hề có bất kì một mắt xích cụ thể hay một hướng điều tra nào cả. Một tuần sau khi Pratt bị ám sát, người ta tổ chức lễ mai táng cho Nola, đồng thời trả bộ hài cốt về cho mục sư Kellergan. Buổi lễ diễn ra vào thứ Tư ngày 30 tháng Bảy năm 2008 nhưng tôi không tham dự. Hôm đó trời bất chợt đổ mưa bụi, người đi dự lễ không đông lắm. David Kellergan đi xe mô tô tới tận mộ. Ông ta đeo tai nghe. Theo như lời mọi người kể lại cho tôi, những lời duy nhất ông ta nói là: “Tại sao lôi nó từ dưới đất lên để rồi lại chôn nó xuống dưới đất như vậy?” Ông ta không hề khóc.

Tôi không có mặt tại buổi lễ vì phải làm một việc quan trọng: đi gặp Harry để bầu bạn với ông. Harry ngồi trên bãi đỗ xe, ngực trần.

– Thầy có muốn vào trong trú mưa không, Harry, tôi nói với ông.

– Người ta đang chôn cô ấy đúng không?

– Vâng.

– Họ chôn nàng, còn tôi thậm chí không hề có mặt.

– Như vậy tốt hơn... Tốt nhất thầy không nên có mặt... Vì tất cả chuyện này.

– Quỷ tha ma bắt cái gọi là người ta đi! Họ đang chôn cất Nola và tôi thì thậm chí không có mặt để nói với nàng lời vĩnh biệt, để nhìn thấy nàng lần cuối cùng. Để được ở bên nàng. Từ ba mươi ba năm nay tôi chờ đợi để được gặp nàng, dù chỉ là một lần cuối cùng. Anh có biết tôi đang muốn được ở đâu không?

– Chỗ đám ma.

– Không. Ở thiên đường của các nhà văn.

Ông nằm dài người trên nền xi măng và không cựa quậy. Tôi nằm xuống cạnh ông. Mưa rơi xuống người chúng tôi.

– Marcus, tôi muốn chết.

– Em biết.

– Làm sao anh biết điều đó?

– Những người bạn thì cảm nhận được như vậy.

Yên lặng một hồi dài. Rồi cuộc tôi nói thêm:

– Hôm trước, thấy bảo chúng ta không thể là bạn của nhau được nữa.

– Đúng vậy. Chúng ta đang tới gần thời điểm nói lời vĩnh biệt Marcus ạ. Như thế anh biết rằng tôi đang đến gần cái chết, và anh biết rằng chỉ còn vài tuần nữa trước khi nói lời vĩnh biệt. Đây chính là bệnh ung thư của tình bạn.

Ông nhắm mắt lại. Dang rộng hai tay như thể đang nằm trên cây thánh giá. Tôi bắt chước ông. Chúng tôi cứ nằm như vậy trên nền xi măng rất lâu.

Sau đó, tôi rời nhà nghỉ đến tiệm Clark's tìm cách nói chuyện với những người dự lễ mai táng Nola. Tiệm ăn hoàn toàn vắng bóng người: chỉ có duy nhất một nhân viên phục vụ đang uể oải đánh bóng quầy hàng và khi thấy tôi đến thì giả vờ hoạt bát nhanh nhẹn, rót cho tôi cốc bia lạnh. Đúng lúc đó tôi phát hiện ông Robert Quinn đang nằm ẹp dưới đất ở cuối phòng, vừa nhăm nháp lạc rang, vừa chơi trò điện tử vào ô trống trên mấy tờ báo cũ lăn lóc trên bàn ăn. Robert Quinn đang trốn vợ. Tôi tới gần, mời ông ấy uống bia, ông ấy nhận lời và ngồi đẹp vào một đầu ghế để nhường chỗ cho tôi. Một động tác hết sức cảm động: nhẽ ra tôi có thể ngồi đối diện với ông ấy, trên một trong số khoảng năm mươi chiếc ghế trống trong nhà hàng. Nhưng ông ấy lại ngồi lui về một đầu để tôi ngồi xuống ngay bên cạnh, trên cùng một chiếc ghế dài nhỏ.

– Ông có dự đám tang Nola không? Tôi hỏi.

– Có.

– Vậy việc diễn ra thế nào?

– Bản thủ giống như toàn bộ câu chuyện này. Nhà báo nhiều hơn người nhà.

Chúng tôi ngồi im lặng một lúc lâu rồi ông ấy hỏi, để cho có chuyện mà nói.

– Thế việc viết sách của anh thế nào rồi?

– Đang tiến triển tốt. Nhưng cháu vừa đọc lại hôm qua và phát hiện cần phải làm sáng rõ thêm một số sự việc. Đặc biệt là về vợ bác. Bác ấy khẳng định đã có trong tay một tờ giấy quan trọng, do chính tay Harry Quebert viết, cho phép kết luận sự việc nhưng nó bị biến mất một cách bí ẩn. Thế bác có tình cờ biết tờ giấy đó biến đi đằng nào không ạ?

Ông uống một ngụm bia thật lớn, rồi còn tiếp tục ăn mấy hạt

lạc trước khi trả lời tôi.

- Đốt rồi, ông nói với tôi. Tờ giấy chết tiệt ấy bị đốt rồi.
- Gì cơ ạ? Làm sao bác biết chuyện đó? Tôi vô cùng sửng sốt.
- Vì chính tôi là người đốt.
- Gì cơ? Nhưng tại sao? Sao bác chẳng bao giờ nói?

Ông nhún vai, nói rõ ràng:

- Bởi vì chưa bao giờ người ta hỏi tôi. Cho tới bây giờ tính ra là ba mươi ba năm vợ tôi nói với tôi về tờ giấy. Bà ấy gào thét, la lối om sòm: “Nó ở đây cơ mà! Nó ở trong két này cơ mà! Ở đây cơ mà! Ở đây cơ mà!”. Bà ấy chưa bao giờ nói: “Robert, chồng yêu à, anh có tình cờ nhìn thấy tờ giấy ấy ở đâu không?”. Bà ấy chưa bao giờ hỏi tôi, thế cho nên tôi chưa bao giờ trả lời.

Tôi cố gắng không tỏ vẻ ngạc nhiên để ông nói tiếp.

- Thế là thế nào? Chuyện gì đã xảy ra?
- Mọi chuyện bắt đầu vào một chiều Chủ nhật: vợ tôi tổ chức một buổi liên hoan trong vườn rất nực cười để nghênh đón Quebert, nhưng Quebert lại không đến. Bà ấy phát điên phát dại, nên quyết định tới tận nhà riêng tìm gặp anh ta. Tôi còn nhớ rõ hôm đó là Chủ nhật ngày 13 tháng Bảy năm 1975. Cùng ngày cô bé Nola tự tử.

* * *

Chủ nhật, 13 tháng Bảy năm 1975

- Robert! Roooooooooooobert!

Tamara giận điên người xông vào nhà, tay cầm tờ giấy liên tục quạt quạt. Bà đi xuyên qua mấy phòng ở tầng trệt thì thấy ông chồng đang ngồi đọc báo trong phòng khách.

– Robert, trời đất ơi! Tại sao ông không trả lời khi tôi gọi hả? Ông có điếc không thể? Nhìn đây! Nhìn cái kính khủng này đi! Đọc đi, thật tửm lợm!

Bà chìa ra mẩu giấy vừa mới ăn cắp từ nhà Harry, ông đọc:

Nola của anh, Nola yêu quý, tình yêu Nola. Em đã làm gì? Tại sao em lại muốn chết? Phải chăng đó là vì anh? Anh yêu em, anh yêu em hơn tất cả. Đừng bỏ anh đi. Nếu em chết thì anh cũng chết. Điều quan trọng nhất trong cuộc sống của anh, Nola à, đó là em. Bốn chữ: N-O-L-A.

– Bà tìm thấy cái này ở đâu đây?

– Ở nhà thằng con hoang Harry Quebert! Hừm!

– Bà đến nhà anh ta để ăn trộm cái này à?

– Tôi không ăn trộm cái gì cả, tôi cần cái này! Tôi biết chuyện này rồi! Hắn là loại người vô đạo đức bản thủ, lừa đảo trẻ con mười lăm tuổi. Hắn làm tôi lộn mửa! Tôi muốn ói đây! Tôi muốn ói, Bobbo, ông nghe tôi nói chứ hả? Harry Quebert yêu trẻ con! Đây là chuyện bất hợp pháp! Hắn là đồ con lợn! Đồ con lợn! Hắn đến tiệm Clark's là để lừa tình, ừ, đúng thế! Hắn tới quán ăn của tôi để ngắm đít trẻ!

Robert đọc đi đọc lại đoạn văn nhiều lần. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây đúng là những lời lẽ yêu đương do Harry viết ra. Lời lẽ yêu đương dành cho một bé gái mười lăm tuổi.

– Bà định làm gì với tờ giấy này? Ông hỏi vợ.

– Tôi không biết.

– Bà có định báo cảnh sát không?

– Cảnh sát à? Không, Bobbo ạ. Bây giờ chưa phải lúc. Tôi không muốn tất cả mọi người biết tên tội phạm Quebert lại đi thích một đứa bé gái hơn Jenny cưng của chúng ta. Jenny đâu

rồi? Trong phòng nó à?

– Bà biết không, mấy phút sau khi bà ra khỏi nhà, chàng cảnh sát trẻ Travis Dawn tới đây mời con gái chúng ta đi dự buổi vũ hội mùa hè đây. Chúng nó đi ăn tối với nhau ở Montburry rồi. Jenny đã tìm được người để đi cùng đến dạ hội. Điều này không tuyệt hay sao?

– Tuyệt, tuyệt, chỉ có ông mới không ra gì, Bobbo khôn khổ của tôi ạ! Thôi nào, bây giờ hãy để cho tôi được yên! Tôi phải giấu tờ giấy này ở đâu để không ai biết.

Bobbo vâng theo lệnh, chạy ra trước cổng ngồi đọc nốt tờ báo. Nhưng ông không thể tập trung được, đầu óc quá bận rộn với điều mà bà vợ vừa phát hiện ra. Harry, một nhà văn lớn, vậy mà viết những lời lẽ yêu đương cho một đứa trẻ con chỉ bằng nửa tuổi anh ta. Cô bé Nola tốt bụng. Thật đúng là phiền toái. Có nên báo cho Nola biết chuyện này không nhỉ? Nói cho cô bé rằng Harry đang tràn đầy xúc cảm không thể kiềm chế, có thể anh ta sẽ trở nên nguy hiểm? Hay có phải báo cảnh sát, để cho cả bác sĩ đến thăm khám và chăm sóc anh ta?

Sau sự kiện trên một tuần thì diễn ra lễ hội mùa hè. Robert và Tamara Quinn đứng trong góc phòng, thưởng thức món cocktail không rượu. Đúng lúc đó họ nhận ra Harry Quebert giữa đám khách mời. “Nhìn kia, Bobbo, Tamara rít lên, kẻ vô đạo đức!” Họ quan sát Harry hồi lâu. Bà Tamara tiếp tục xả ra hàng loạt những lời chửi rửa thóa mạ mà chỉ Robert nghe thấy.

– Bà định làm gì với tờ giấy kia? Rốt cuộc ông Robert hỏi.

– Tôi không biết. Nhưng chắc chắn là tôi sẽ bắt anh ta phải trả nợ. Anh ta ghi sổ ở cửa hàng đến tận 500 đô la rồi!

Harry có vẻ rất lúng túng; anh đến quầy bar tự rót đồ uống và cố tỏ ra thật thoải mái. Sau đó, anh tiến lại phía nhà vệ sinh.

– Này, hăđ đi vào toa lét kia, bà Tamara nói. Nhìn kia, nhìn kia, Bobbo, ông có biết hăđ chuẩn bị làm gì không.

– Thì đi ị chứ còn làm gì?

– Không, hăđ vào đó nghĩ tới đưđa bé kia và thủ dâm!

– Gì cơ?

– Thôi ông im đi Bobbo! Ông chỉ đưđc cái ngoa ngoắt lắm mồm, tôi không muốn nghe ông nói nữa. Ông đưđng im đđây nhé.

– Bà đi đđâu thế?

– Đưđng im đđây. Rồi mở to mắt ra mà nhìn.

Bà Tamara đđặt cốc nước lên bàn cao, lén lút đi về phía nhà vệ sinh, bước vào đđúng phòng mà Harry Quebert vừa mới bước vào. Vài giây sau, bà bước ra, vội vàng chạy lại phía chồng.

– Bà làm gì thế? ông Robert hỏi.

– Đđã bảo im mồm! Bà vợ vừa chửi chồng vừa nâng cốc lên. Ông im mồm đi, nếu không chúng ta sẽ bị tóm đđây!

Amy Pratt thông báo với khách mời đđã tới giờ ăn. Đđám đông chậm rãi đi lại bàn. Lúc đó , Harry bước ra khỏi nhà vệ sinh, người mướt mồ hôi, sợ sệt hòa lẫn vào đđám khách mời.

– Nhìn hăđ chạy như thỏ ý kia, Tamara thì thđầm. Hăđ đđang sợ.

– Rốt cuộc, bà đđã làm gì thế? Robert hỏi.

Bà Tamara mỉm cười, kín đáo tung hứng thỏi son đỏ chót trên tay. Bà vừa mới dùng thỏi son đó để viết trên tấm gương trong nhà vệ sinh. Bà chỉ trả lời gọn lỏn:

– Tôi viết nhđn cho hăđ mấy chữ mà hăđ không thể quên đưđc.

Ngồi khuất tận phía sau cùng trong tiệm ăn, tôi nghe ông Robert Quinn kể chuyện mà không khỏi sửng sờ.

– Vậy ra tin nhắn trên tấm gương trong nhà vệ sinh là do vợ bác viết à? Tôi nói.

– Đúng vậy. Harry Quebert là nỗi ám ảnh của bà ấy. Bà ấy không còn nói với tôi chuyện gì khác ngoài tờ giấy. Bà ấy bảo chắc chắn sẽ hạ gục Harry. Bà ấy báo chí trong vùng sẽ sớm loan tin: Nhà văn nổi tiếng là kẻ đồi bại. Rốt cuộc bà ấy báo với Cảnh sát trưởng Pratt. Mười lăm ngày sau buổi dạ hội mùa hè, bà ấy đã kể hết với Pratt.

– Làm sao bác biết được chuyện đó? Tôi hỏi. Ông do dự giây lát trước rồi trả lời:

– Tôi biết vì... chính Nola kể cho tôi.

* * *

Thứ Ba ngày 5 tháng Tám năm 1975

Khoảng 18 giờ, ông Robert từ xưởng may găng tay trở về. Như mọi khi, ông đỗ chiếc Chrysler cũ kỹ trong lối đi, sau khi đã tắt máy, ông soi vào kính chiếu hậu chỉnh lại chiếc mũ, bắt chước kiểu nhìn của diễn viên Robert Stack lúc anh ta đóng vai Eliot Ness đang chuẩn bị đánh một trận ra trò vào mông các thành viên trong đội. Ông thường mang theo cái mũ ấy trong xe ô tô. Từ lâu Ông không còn có cảm hứng về nhà. Đôi khi ông đi lòng vòng về nhà muộn, thỉnh thoảng ông dừng lại chỗ người bán kem. Khi đứng dậy, ông nghe thấy có tiếng gọi từ sau hàng rào. Ông quay lại, nhìn quanh, chợt nhận ra Nola đang trốn sau hàng cây mào gà.

– Nola à? Robert hỏi. Chào cháu gái, cháu khỏe không?

Cô bé thì thầm:

– Cháu cần nói chuyện với bác, bác Quinn. Chuyện rất quan trọng.

Ông vẫn tiếp tục nói to và đồng dục:

– Thế thì vào nhà đi cháu, bác sẽ làm cho cháu một cốc nước chanh thật tươi mát.

Cô bé ra hiệu cho ông hạ thấp giọng.

– Không, Nola nói, chúng ta phải tới chỗ nào đó yên tĩnh. Có thể lên xe của bác đến nơi khác không ạ? Trên đường Montburry có chỗ bán xúc xích, có thể ở đó yên tĩnh.

Mặc dù rất ngạc nhiên trước đề nghị này, nhưng Robert không hề từ chối. Ông cho Nola lên ô tô rồi đi theo hướng Montburry. Họ dừng lại cách Montburry vài dặm, trước túp lều nhỏ dựng bằng gỗ ván nơi bán xúc xích và đồ ăn sẵn. Robert mua cho Nola một chiếc bánh sáp ong và một lon soda; mua cho mình một chiếc xúc xích và chai bia không cồn. Cả hai ngồi bên chiếc bàn kê ngoài bãi cỏ.

– Nào, có chuyện gì hả cô bé? Robert vừa hỏi vừa nhồm nhoàm ăn xúc xích rất ngon lành. Chuyện gì nghiêm trọng đến nỗi cháu không thể vào nhà uống nước chanh được nào?

– Cháu cần bác giúp, bác Quinn ạ. Cháu biết điều này đối với bác có vẻ kì cục, nhưng... Hôm nay, ở tiệm Clark's đã xảy ra một chuyện, mà chỉ có bác là người duy nhất mới có thể giúp cháu.

Thế là Nola kể lại câu chuyện mà cô bé đã ngẫu nhiên chứng kiến cách đó hai tiếng đồng hồ. Lúc đó, Nola tới gặp bà Quinn để lĩnh tiền công cho những ngày phục vụ tại quán vào thứ Bảy từ trước vụ cô tự tử mà không thành. Lúc đó là khoảng 16 giờ.

Cô đến tiệm Clark's và chỉ thấy Jenny cùng vài người khách trong quán. Jenny mãi xếp lại chồng đĩa, chỉ bảo với Nola là bà Quinn đang bận trong phòng làm việc và cũng không nói còn ai khác trong phòng. Phòng làm việc là nơi bà Quinn lưu giữ tất cả các giấy tờ sổ sách kế toán và các công thức chế biến trong kết sất, là nơi mắng mỏ những người giao hàng chậm qua điện thoại hoặc chỉ đơn giản là nơi để bà Quinn vào đó đóng cửa lại không có lí do gì chính đáng mỗi khi Nola muốn được trả tiền công. Đó là một căn phòng chật chội, trên cửa có gắn biển PHÒNG RIÊNG. Có thể đi vào phòng làm việc từ hành lang dành cho nhân viên phục vụ ở phía sau và dẫn tới khu vệ sinh của nhân viên.

Nola tiến tới trước cửa phòng làm việc, chuẩn bị gõ cửa thì nghe có tiếng nói. Có ai đó cũng đang ở trong phòng cùng với bà Tamara.

Giọng đàn ông. Nola giỏng tai lên nghe, hiểu được một đoạn của cuộc đối thoại.

– Hẳn là tên tội phạm, ông hiểu chứ? Bà Tamara nói. Cũng có thể hẳn là yêu quái râu xanh! Ông phải làm gì đó đi.

– Bà có chắc chắn chính Harry Quebert viết những dòng này không?

Nola nhận ra giọng nói của Cảnh sát trưởng Pratt.

– Hoàn toàn chắc chắn, bà Tamara trả lời. Chính tay hẳn viết. Harry Quebert nhòm ngó con gái của ông Kellergan, hẳn đã viết những lời lẽ bẩn thỉu trụy lạc về cô bé. Ông phải làm gì đó đi.

– Được rồi. Bà kể với tôi chuyện này là đúng. Nhưng bà lại đột nhập bất hợp pháp vào nhà của Quebert ăn cắp mảnh giấy này. Bây giờ tôi chưa thể làm gì được cả.

– Không thể làm gì được cả? Thế nghĩa là sao? Phải đợi cho gã thần kinh điên loạn này làm hại xong cô bé thì ông mới hành động được sao?

—Tôi không nói như vậy, Cảnh sát trưởng đầu dậu. Tôi sẽ theo dõi Quebert sát sao. Trong khi chờ đợi, bà cứ giữ lấy tờ giấy này cẩn thận. Tôi không thể giữ nó được, tôi có thể sẽ gặp phiền toái.

– Tôi cất nó trong két sắt này, bà Tamara nói. Không ai mở được nó. Nó sẽ được bảo toàn. Tôi xin ông, ông hãy làm điều gì đó đi, Quebert là loại tội phạm rác rưởi! Một tên tội phạm! Một tên tội phạm!

– Đừng lo lắng quá, bà Quinn, bà sẽ thấy chúng tôi làm thế nào với loại người như vậy.

Nola nghe thấy tiếng bước chân tiến về phía cửa, cô bé vội vàng chạy ra ngoài phòng ăn.

Robert cảm thấy vô cùng bối rối vì điều Nola vừa kể. Ông nghĩ bụng: khổ thân cô bé, biết được Harry viết ra những điều bậy bạ về mình, chắc hẳn phải choáng váng lắm đây. Cô bé cần được tâm sự với ai đó, và cô bé đã tìm đến ông; ông sẽ phải tỏ ra xứng đáng với sự tin cậy này, phải giải thích rõ ràng tình hình, phải nói với cô bé rằng đàn ông là một loại chim kì cục, đặc biệt là Harry Quebert, cho nên nhất định cô bé phải tránh xa anh ta và nếu sợ anh ta làm điều gì xấu thì phải báo ngay cho cảnh sát biết. Hơn nữa, không biết anh ta đã làm hại cô bé chưa? Không biết cô bé có cần tâm sự mình đã bị làm hại hay không? Không biết ông có biết cách ứng xử phù hợp nếu cô bé thổ lộ những tâm sự như thế không. Theo như bà vợ ông, thì ông là người không đủ khả năng để biết bữa tối phải dọn bàn như thế nào. Nuốt xong miếng xúc xích, ông vội nghĩ ra những ngôn từ để an

úi mà ông có thể nói được thành lời, nhưng ông còn chưa kịp nói gì thì Nola tuyên bố:

– Bác Quinn ơi, bác phải giúp cháu lấy được mẫu giấy đó.

Ông Quinn suýt nghẹn xúc xích.

* * *

– Không cần phải vòng vo làm gì, anh Goldman ạ, ông Robert Quinn nói với tôi. Tôi đã lường trước hết mọi điều, trừ mỗi điều đó: Nola muốn tôi lấy tờ giấy quý quái đó. Anh có muốn uống thêm cốc bia nữa không?

– Vâng, được ạ, giống như cốc ban nãy. Bác có thấy phiền không nếu như cháu ghi âm lời bác?

– Ghi âm tôi á? Xin anh cứ việc. Lần đầu tiên có người quan tâm tới điều tôi nói đến thế.

Ông gọi nhân viên phục vụ thêm hai cốc bia; tôi lấy máy ghi âm ra và bấm nút.

– Vậy là, ở quán xúc xích đó, cô bé muốn bác giúp đỡ, tôi nói để bắt đầu vào chuyện.

– Đúng vậy. Rõ ràng là vợ tôi sẵn sàng làm mọi việc để làm hại Harry Quebert. Còn Nola thì sẵn sàng làm mọi chuyện để bảo vệ Harry trước hành động của vợ tôi. Tôi còn sửng sốt về cuộc trò chuyện lúc đó. Tôi bắt đầu hiểu ra đúng là có chuyện giữa Nola và Harry. Tôi còn nhớ rõ cô bé nhìn tôi, đôi mắt sáng long lanh điềm tĩnh, còn tôi thì hỏi: “Cái gì? Thế nghĩa là thế nào? Lấy lại mẫu giấy đó?” Cô bé trả lời tôi: “Cháu yêu anh ấy. Cháu không muốn bất kì điều gì có hại cho anh ấy. Anh ấy viết những dòng đó là vì cháu muốn tự tử. Tất cả đều là do lỗi của

cháu, nhẽ ra cháu không nên tìm đến cái chết làm gì. Cháu yêu Harry, anh ấy là tất cả những gì cháu có, là tất cả ước mơ của cháu từ trước tới nay”. Rồi chúng tôi trò chuyện với nhau về tình yêu. “Vậy cháu muốn nói là cháu với Harry Quebert, hai người...” “ Chúng cháu yêu nhau!” “ Yêu á? Cháu đang kể chuyện gì với bác thế? Cháu không thể yêu anh ta được!” “ Tại sao lại không được?” “ Tại vì anh ta quá già so với cháu.” “Tuổi tác không thành vấn đề!” “ Tất nhiên đó là vấn đề!” “Vậy nhẽ ra nó không nên là vấn đề mới phải!” “ Những cô bé ở tuổi cháu không việc gì phải quan hệ với một gã tầm tuổi như anh ta.” “ Cháu yêu anh ấy!” “ Đừng có nói những điều kì quái thế, cháu có ăn bánh sáp ong đi không nào?” “Nhưng bác Quinn ơi, nếu như cháu mất anh ấy tức là cháu mất tất cả!” Tôi không tin vào mắt mình nữa, anh Goldman ạ: cô gái bé nhỏ này đang yêu Harry phát điên. Những tình cảm mà cô bé thể hiện là những tình cảm tôi không bao giờ biết, hay nói cách khác, tôi không nhớ tôi có cảm nhận như vậy với chính vợ tôi. Vào giây phút đó, vì bé gái mười lăm tuổi này mà tôi nhận ra rằng rõ ràng tôi chưa hề được biết đến tình yêu, rất nhiều người chắc chắn cũng không hề biết tới tình yêu. Họ chỉ biết hài lòng với những tình cảm vốn tốt, rồi tự chôn vùi bản thân trong những tiện nghi của một cuộc sống đáng thương và làm tuột mất những cảm giác thần diệu mà chính nó mới đáng là điều duy nhất biện minh cho sự tồn tại. Tôi có người cháu sống ở Boston, làm việc trong ngân hàng, kiếm được cả núi tiền mỗi tháng, có vợ và ba con, một cô vợ tuyệt vời và một chiếc xe ô tô tuyệt đẹp. Đúng là một cuộc sống lí tưởng chứ còn gì nữa. Nhưng một hôm, nó về nhà, nói với vợ là, nó sẽ ra đi vì nó tìm thấy tình yêu với một cô sinh viên đúng bằng tuổi con gái nó đang học ở trường Harvard mà nó gặp tình cờ trong một hội nghị. Ai cũng nói rằng thẳng

cháu tôi bị điên, rằng nó cố tìm lại tuổi trẻ đã mất của nó ở cô sinh viên này, nhưng tôi thì tôi tin rằng, đơn giản là nó đã tìm thấy tình yêu. Nhiều người lầm tưởng họ yêu nhau nên cưới nhau. Rồi một ngày, thậm chí là họ không hề mong muốn cũng không hề ngờ tới, họ phát hiện ra tình yêu. Cứ như bị tình yêu tát vào giữa mặt. Lúc đó, cứ như thể hydro gặp không khí, nó phát nổ một cách ngoạn mục và phá hủy tất cả. Ba mươi năm cuộc sống vợ chồng không thoả mãn đột ngột tan vỡ, giống như cái hồ xí tự hoại khổng lồ bị nóng sôi lên đến độ bùng nổ bắn tung toé ra tất cả mọi người xung quanh. Khủng hoảng tuổi bốn mươi, đàn ông chín muồi muốn làm tình với trẻ nít, đó chính là những người biết đến tình yêu quá muộn và buộc phải làm cho cuộc sống của mình hoàn toàn đảo lộn.

– Vậy bác đã làm gì? Tôi hỏi.

– Cho Nola ư? Tôi từ chối. Tôi nói không muốn dính líu gì tới việc này và dù sao đi chăng nữa thì tôi cũng chẳng làm gì được. Tờ giấy nằm trong két sắt, mà chiếc chìa khóa duy nhất để mở két sắt thì đêm cũng như ngày, lúc nào cũng treo trên cổ của bà vợ tôi. Nghĩa là chịu chết. Cô bé van xin tôi, nói nếu cảnh sát tóm được tờ giấy thì Harry sẽ gặp rắc rối nghiêm trọng, sự nghiệp của anh ta sẽ bị đổ bể, cũng có thể còn phải bị ngồi tù trong khi anh ta không làm điều gì xấu xa. Tôi còn nhớ đôi mắt cháy bỏng, thái độ và những điệu bộ của cô bé nữa... Trong đó chứa đựng biết bao nhiêu niềm say mê tuyệt diệu. Tôi còn nhớ cô bé nói: “Họ sẽ phá hỏng hết bác Quinn à! Người ở thành phố này hoàn toàn điên, làm cháu nhớ đến vở kịch Những bà phù thủy ở Salem của Arthur Miller, thế bác đọc Miller chưa?” Đôi mắt cô bé bắt đầu ươn ướt, lệ bắt đầu ứa ra rồi chảy tràn trên má. Tôi đọc Miller rồi. Tôi còn nhớ tiếng vang của vở kịch khi được ra mắt lần đầu tiên ở Broadway: buổi biểu diễn đầu tiên đó

đúng vào buổi tối xử tử hình vợ chồng Rosenberg. Tôi còn nhớ hôm đó là thứ Sáu. Chuyện đó làm tôi sớn gai ốc vì gia đình nhà Rosenberg cũng có con nhỏ ở độ tuổi Jenny nhà tôi lúc đó. Tôi tự hỏi không biết điều gì sẽ xảy ra với Jenny nếu tôi cũng bị xử tử hình như thế. Tôi thấy nhẹ cả người khi không phải là cộng sản.

– Tại sao Nola lại nhờ chính bác?

– Chắc vì cô bé tưởng tôi có thể mở được khóa của két sắt. Nhưng không phải vậy. Như tôi đã nói với anh, không ai ngoài vợ tôi có quyền mở cái tủ ấy. Lúc nào bà ấy cũng giữ rịt chiếc chìa khoá, treo vào dây chuyền và lúc nào cũng khư khư kẹp giữa hai bầu vú. Còn tôi thì, từ lâu đã chẳng được chạm vào ngực của bà ấy rồi.

– Thế chuyện gì xảy ra?

– Nola nài nỉ tôi. Cô bé nói: “Bác rất khéo léo nhanh nhẹn. Bác tự biết phải làm thế nào! Rốt cuộc thì tôi đồng ý. Tôi nói với cô bé là sẽ cố gắng.

– Tại sao? Tôi hỏi.

– Tại sao à? Thì bởi vì tình yêu! Như tôi đã nói với anh ban nãy, cô bé mới chỉ mười lăm tuổi nhưng nói được những điều mà tôi hoàn toàn không biết và chắc hẳn tôi sẽ chẳng bao giờ biết. Ngay cả khi, thú thực, chuyện với Harry khiến tôi buồn nôn. Tôi làm điều này là vì cô bé chứ không phải vì Harry. Tôi hỏi cô bé định làm gì với Cảnh sát trưởng Pratt. Có bằng chứng hay không có bằng chứng, thì ông ta đã biết rõ mọi chuyện. Cô bé nhìn thẳng vào mắt tôi nói: “Cháu sẽ không cho ông ta gây hại. Cháu sẽ biến ông ta thành tội phạm”. Vào lúc đó, tôi còn chưa hiểu gì hết. Chỉ cách đây vài tuần, khi Pratt bị bắt, tôi mới ngã ngựa người ra, chắc đã có chuyện kì quái.

Thứ Tư ngày 6 tháng Tám năm 1975

Không hề bàn bạc thống nhất với nhau nhưng cả hai đều bắt tay hành động ngay ngày hôm sau cuộc trò chuyện. Khoảng 19 giờ, Robert Quinn mua thuốc ngủ tại quầy thuốc ở Concord. Cùng lúc đó, tại đồn cảnh sát Aurora, Nola quỳ gối xuống dưới bàn làm việc của Cảnh sát trưởng Pratt, cố gắng bảo vệ Harry bằng cách kết tội Pratt, biến ông ta thành tội phạm, kéo ông ta theo một chuỗi sự kiện xoắn xuýt vào nhau trong suốt ba mươi năm.

Đêm hôm đó, bà Tamara ngủ say như chết. Sau khi ăn tối xong, bà cảm thấy mệt đến mức lăn ra ngủ khi còn chưa tẩy trang. Bà ngã vật xuống giường tựa một xúc thịt và ngủ rất sâu. Giấc ngủ tới nhanh đến mức Robert lo sợ đã bỏ thuốc quá liều sẽ giết chết vợ mình, nhưng những tiếng ngáy như sấm dậy với nhịp điệu như đoàn quân duyệt binh ngay lập tức trấn tĩnh ông. Ông đợi tới một giờ sáng mới hành động: Ông đợi cho chắc chắn Jenny cũng đã ngủ, và ở thành phố, sẽ không có ai có thể nhìn thấy ông. Khi đến lúc bắt đầu hành động, ông lay vợ thật mạnh để chắc chắn bà hoàn toàn không còn biết gì: ông cảm thấy hoan hỉ khi thấy bà vợ không phản ứng gì. Lần đầu tiên trong đời, ông cảm thấy mình mạnh mẽ là vậy: con rồng khi ngủ không còn làm ai phải sợ. Ông tháo vòng cổ của bà ra, lấy chìa khóa, vẽ đắc thẳng. Lúc đi qua, ông còn bóp vú vợ một cái cật lực và tiếc nuối nhận ra rằng việc đó chẳng gây cho ông tí tẹo hứng thú nào.

Ông rời khỏi nhà không một tiếng động. Để giữ im lặng tuyệt đối và không gây bất kì ngờ vực nào, ông lấy xe đạp của con gái

đạp đi trong đêm, chiếc chìa khóa của tiệm Clark's và của két sắt yên vị trong túi. Ông làm điều này vì Nola, nhưng trên hết là làm hại vợ ông. Ông đạp xe như bay xuyên qua thành phố, bỗng cảm thấy tự do phơi phới, tới mức ông quyết sẽ li dị vợ. Jenny giờ đã là người lớn, chẳng còn lí do gì để níu giữ. Ông đã chán ngấy con hổ cái này, ông có quyền được sống một cuộc đời mới. Ông cố ý đạp loanh quanh thêm mấy vòng để kéo dài cảm giác hưng hực đang dâng trào. Khi tới con phố chính, ông xuống xe dắt bộ để có đủ thời gian quan sát xung quanh: cả thành phố đang chìm trong giấc ngủ yên bình. Không một tia sáng hay tiếng động nào. Ông dựng xe vào tường, mở cửa tiệm Clark's rồi lặn mò đi vào trong nhờ ánh đèn ngoài đường hắt vào qua cửa kính. Ông đi tới tận phòng làm việc. Đây là nơi ông không bao giờ được vào nếu không được sự đặc cách của vợ, thế mà bây giờ ông đang làm chủ ở đây; ông giẫm nó, ông xâm phạm nó, lãnh địa này đã được ông chinh phục. Ông tắt đèn và bắt đầu khám phá từng giá để từng chồng tài liệu và từng tập hồ sơ. Biết bao nhiêu năm nay ông mơ được lục lợi nơi này: vợ ông có thể cất giấu những gì ở đây? Ông ngó vội vào những chồng tài liệu, ngạc nhiên khi nhận ra mình đang tìm kiếm những bức thư tình. Ông tự hỏi liệu vợ ông có lừa dối ông không. Nhưng ông chỉ thấy những chồng đơn đặt hàng và các tài liệu kế toán. Vì thế ông chuyển sang tìm trong két sắt đồ sộ, cao tới một mét. Ông tra chìa vào ổ và vặn, run người khi nghe tiếng ổ khóa bắt đầu xoay. Ông kéo cánh cửa nặng nề, rọi đèn pin vào bên trong. Có bốn tầng tất cả. Đây là lần đầu tiên ông thấy két sắt mở; ông run lên vì hồi hộp.

Trên tầng đầu, ông thấy các tài liệu ngân hàng, bản sao kê tài khoản mới nhất, các phiếu thu và phiếu trả lương nhân viên.

Ở tầng thứ hai, ông thấy một chiếc hộp bằng sắt trắng đựng

quỹ tiền mặt của tiệm Clark's, một túi đựng tiền mặt trả người cung cấp hàng.

Ở tầng thứ ba, ông thấy mẫu gỗ có hình con gấu. Ông mỉm cười. Đây là kỷ vật đầu tiên ông tặng cho bà Tamara khi họ chính thức đi chơi với nhau lần đầu tiên. Khi ấy, ông đã phải chuẩn bị rất kỹ càng cho buổi hẹn hò đó. Một tuần liền ông đều đi làm thêm ở trạm xăng sau mỗi buổi học ở trường để có thêm thu nhập dẫn Tami của ông tới tiệm ăn sang trọng nhất trong vùng, tiệm *Chez Jean-Claude*, một tiệm ăn Pháp phục vụ những món tô hảo hạng. Ông nghiên cứu toàn bộ thực đơn ở đó, tính toán cụ thể sẽ phải trả bao nhiêu nếu bà chọn những món đắt tiền nhất; ông tiết kiệm cho tới khi có đủ tiền, rồi mời bà đi ăn. Buổi tối đáng nhớ hôm đó, khi ông tới đón bà tận nhà, biết được nơi họ sẽ tới, bà van xin ông đừng phung phí tiền bạc vì bà. “Ồ, Robert, tình yêu của em, nhưng như vậy lãng phí quá, không cần thiết”, bà nói như vậy. Bà nói hai chữ tình yêu. Để thuyết phục ông từ bỏ ý định, bà đề nghị đi ăn mì ở một nhà hàng nhỏ của Ý tại Concord mà từ lâu bà rất thích. Họ ăn spaghetti, uống chianti và rượu nho của nhà hàng cho đến khi chuyển choáng say. Ăn xong, họ cùng nhau đi dự hội làng gần đây. Khi quay trở về, họ dừng lại bên bờ biển, cùng nhau đợi mặt trời mọc. Trên bãi cát, ông tìm thấy một mẫu gỗ nhìn rất giống con gấu, ông đưa cho bà trong khi bà đang áp vào ngực ông trong ánh sáng đầu tiên của ngày mới. Bà bảo rằng sẽ giữ nó mãi mãi và hôn ông lần đầu tiên.

Tiếp tục khám phá bên trong két sắt, ông Robert rất cảm động khi thấy bên cạnh mẫu gỗ đó, có cả đồng ảnh của chính ông chụp qua các năm. Sau lưng mỗi tấm, bà Tamara đều viết mấy chữ chú thích, thậm chí ngay cả sau những tấm ảnh gần đây nhất. Tấm ảnh cuối cùng có ghi tháng Tư, khi họ cùng

nhau đi xem đua ô tô. Trên tấm ảnh, ông Robert đang dí mắt vào óng nhòm để bình luận trận đấu. Đằng sau tấm ảnh, bà Tamara ghi: *Robert của tôi lúc nào cũng vô cùng say mê cuộc sống. Tôi sẽ yêu Robert của tôi đến hơi thở cuối cùng.*

Bên cạnh những tấm ảnh là rất nhiều kỉ niệm về cuộc sống chung của hai người: tấm thiệp mời cưới của họ, thiệp thông báo Jenny chào đời, các tờ thực đơn cả hai cùng làm mà ông cứ ngỡ đã vứt từ lâu, những món quà nhỏ, một con quay giả, chiếc bút lưu niệm, hay cả chiếc chặn giấy hình xoáy ốc mà họ mua làm kỉ niệm trong kì nghỉ ở Canada. Còn ông, người lúc nào cũng bị mắng mỏ bằng những lời lẽ thật chua ngoa, đại loại như: *Này Bobbo, ông muốn tôi làm trò ngu vậy à? Thế mà ở đây, bà ấy trân trọng lưu giữ tất cả trong chiếc két sắt này. Ông Robert cho rằng tất cả những thứ vợ ông cất giữ trong két sắt mới thể hiện đúng tình cảm và trái tim của bà. Nhưng ông không hiểu tại sao.*

Ở tầng trên cùng, ông thấy một cuốn tập dày đóng bìa da và mở ra đọc: nhật kí của vợ ông, bà Tamara. Vợ của ông viết nhật kí. Thế mà ông chưa bao giờ may mắn biết đến điều đó. Ông mở một trang bất kì, đọc dưới ánh đèn pin:

Ngày 1 tháng Một năm 1975 Lễ thánh Sylvestre được tổ chức tại gia đình Richardson. Cảm nhận về buổi tối: 5 tháng Mười. Thức ăn không ngon lắm còn gia đình nhà Richardson là những người buồn chán. Thế mà chưa bao giờ mình để ý tới điều này. Mình nghĩ lễ thánh Sylvestre là dịp tốt để biết được ai trong số bạn bè của mình là những người buồn chán. Bobbo nhanh chóng nhận thấy mình chán và muốn làm mình khuây khỏa. Anh ấy đóng vai chú hề, kể chuyện tiểu lâm. Những người trong gia đình Richardson cười lẩn cười bò. Thậm chí Paul Richardson còn đứng lên lấy bút ghi lại một chuyện của anh. Nó bảo nó sẽ không bao giờ quên chuyện này. Còn mình, tất

cả những gì mình có thể làm, đó là cãi nhau với anh. Trong ô tô lúc về mình nói với anh những lời kinh khủng. Mình bảo: “Ông chẳng làm ai cười được với những truyện tiếu lâm rẻ tiền đâu. Ông thật thảm hại. Ai bắt ông phải làm thằng hề thế? Có phải ông là kỹ sư của một nhà máy lớn không? Sao ông không nói về nghề nghiệp, tỏ ra là người nghiêm túc, quan trọng. Có phải ông là người làm trong gánh xiếc đâu, mẹ kiếp!” Anh trả lời là các câu chuyện anh kể làm Paul cười rất nhiều. Mình quát bắt anh câm miệng, bảo không muốn nghe anh nói nữa.

Mình không hiểu tại sao mình cứ tỏ ra độc ác thế. Mình yêu anh biết bao. Anh dịu dàng thế, chăm sóc ân cần chu đáo thế. Mình không hiểu tại sao mình lại cư xử tồi tệ với anh. Sau đó mình lại tự hận mình, mình ghét bản thân mình. Mình thật xấu xa.

Ngày đầu năm, mình quyết định thay đổi. Rốt cuộc thì năm nào cũng vậy, mỗi năm mình lại quyết định như thế vào ngày đầu năm nhưng rồi mình chẳng bao giờ thực hiện. Từ mấy tháng nay, mình quyết định đến khám bác sĩ Ashcroft ở Concord. Chính bác sĩ khuyên mình ghi nhật kí. Mình tới bác sĩ mỗi tuần một lần. Chẳng ai biết chuyện này. Mình quá xấu hổ nếu có ai biết mình đi gặp bác sĩ tâm thần. Mọi người sẽ bảo mình điên. Mình không điên. Mình đau khổ. Mình đau khổ nhưng không hiểu tại sao. Bác sĩ Ashcroft nói, mình có xu hướng phá hủy tất cả những gì tốt đẹp cho mình. Người ta gọi hiện tượng này là sự tự phá hủy. Bác sĩ bảo mình lo lắng về cái chết và có thể là vì điều đó. Mình cũng chẳng biết nữa. Mình chỉ biết rằng mình cảm thấy đau khổ. Mình yêu Robert, mình chỉ yêu mỗi anh ấy. Không có anh, mình sống thế nào được?

Robert đóng cuốn sổ lại. Ông khóc. Điều vợ ông không bao giờ nói được với ông thì bà ấy viết ra đây. Bà ấy yêu ông. Bà ấy yêu ông thực sự. Bà ấy chỉ yêu mỗi mình ông. Ông thấy đây là những lời đẹp nhất mà ông từng đọc. Ông lau nước mắt để khỏi

làm nhòe cuốn sổ và tiếp tục đọc; Tamara đáng thương, Tamy yêu quý, người phải im lặng chịu đựng. Tại sao bà ấy lại không nói với ông tất cả mọi chuyện đi khám bác sĩ Ashcroft? Nếu như bà đau khổ, thì ông cũng muốn được đau khổ cùng, chính vì thế mà ông mới cưới bà. Rọi đèn pin vào sâu phía trong, ông nhìn thấy tờ giấy mà Harry viết. Điều đó đột nhiên mang ông trở lại với hiện thực. Ông nhớ đến nhiệm vụ phải lấy tờ giấy. Bất chợt ông thấy hận mình về điều đang làm; ông sắp sửa từ bỏ việc này thì bất chợt ông nghĩ, nếu lấy đi tờ giấy này, có thể vợ ông sẽ ít bận tâm về Harry Quebert và quan tâm đến ông nhiều hơn. Ông mới là điều quan trọng, vợ ông yêu ông. Điều này được viết rõ ràng. Suy cho cùng, đó mới là điều thúc đẩy ông lấy đi tờ giấy. Ông ra khỏi tiệm Clark's, đạp xe xuyên qua thành phố, và tại một con phố yên tĩnh, ông lấy bật lửa ra đốt tờ giấy của Harry Quebert. Ông nhìn tờ giấy vàng dần rồi quăn lại cháy thành một ngọn lửa vàng, rồi chuyển sang xanh lơ và chậm chạp biến mất. Phút chốc nó chẳng còn lại gì. Ông trở về nhà, để lại chìa khóa vào giữa hai bầu ngực vợ, nằm xuống ngủ bên cạnh và ôm bà thật chặt.

Phải hai ngày sau bà Tamara mới biết là tờ giấy đã biến mất. Bà tưởng mình phát điên: bà chắc chắn đã cất nó vào két sắt, thế mà nó lại không có ở đấy nữa. Không ai có thể mò được vào đó, bà vẫn giữ chìa khóa trên mình, không hề có dấu vết đột nhập. Không biết bà có làm thất lạc đâu đó trong phòng làm việc hay không? Không biết bà có vô tình cất vào chỗ nào khác không? Bà lục tung căn phòng hàng giờ liền, đổ hết các cặp tài liệu ra rồi lại xếp lại, phân loại giấy tờ rồi lại sắp xếp lại lần nữa, nhưng vô ích: tờ giấy bé nhỏ đã bí ẩn biến mất.

Robert Quinn bảo vài tuần sau khi Nola mất tích, thì vợ ông bắt đầu đổ bệnh.

– Bà ấy nhắc đi nhắc lại rằng nếu còn mảnh giấy thì cảnh sát có thể hỏi cung Harry.

Cảnh sát trưởng Pratt nói không có mẩu giấy thì ông ta chẳng thể làm được gì. Bà ấy như loạn trí. Bà ấy nói với tôi đến cả trăm lần mỗi ngày rằng: “Chính Quebert, chính là Quebert! Tôi biết, ông biết, tất cả chúng ta đều biết! Tất cả chúng ta đều thấy tờ giấy, đúng không?”

– Tại sao bác không bao giờ nói với cảnh sát về những điều bác biết? Tôi hỏi. Tại sao bác không nói rằng Nola đã tìm gặp bác và nói với bác về Harry? Như vậy có thể bác sẽ mang đến một hướng điều tra, phải không?

– Tôi cũng muốn làm như vậy. Tôi rất đồng ý với ý kiến của anh.

– Anh có thể tắt máy ghi âm đi được không, anh Goldman?

– Vâng ạ.

– Tôi tắt máy ghi âm, xếp gọn gàng vào túi. Ông Robert nói tiếp:

– Khi Nola biến mất, tôi tự trách mình rất nhiều. Tôi tiếc đã đốt tờ giấy liên quan tới Harry. Tôi nghĩ nhờ bằng chứng đó, cảnh sát có thể hỏi cung Harry, điều tra về hướng anh ta, có thể giúp cuộc điều tra tiến triển hơn. Nếu anh ta không có tội, thì anh ta cũng chẳng có gì phải sợ. Nói cho cùng, cây ngay không sợ chết đứng, phải không nào? Tóm lại là tôi rất hận mình. Vậy nên tôi bắt đầu viết thư nặc danh và dán trước cửa nhà anh ta mỗi khi anh ta đi vắng.

– Gì cơ? Những bức thư nặc danh đó là của bác viết à?

– Chính tôi. Tôi viết sẵn cả đồng bằng máy chủ của thư kí ở

xưởng may găng ở Concord. Tôi đã biết việc anh làm với đứa bé gái mười lăm tuổi. Rồi cả thành phố sẽ nhanh chóng biết điều này. Tôi cất đồng giấy dó trong hộp đựng găng để trong ô tô. Cứ hễ khi nào gặp Harry trong thành phố, thì tôi lại vội vàng về Goose Cove để nhét một tờ vào cửa.

– Nhưng tại sao bác làm vậy?

– Thì để giảm bớt gánh nặng lương tâm. Vợ tôi không ngừng nhắc đi nhắc lại rằng chính anh ta là thủ phạm. Tôi cũng nghĩ có thể lắm chứ. Vậy nên tôi quấy rối anh ta, làm cho anh ta sợ để rốt cuộc anh ta phải ra tự thú. Chuyện này kéo dài mấy tháng, sau đó thì tôi thôi không làm thế nữa.

– Điều gì khiến bác dừng lại?

– Nỗi buồn của Quebert. Sau khi cô bé mất tích, anh ta vô cùng thiếu não... Quebert không còn như trước nữa.. Tôi nghĩ không thể nào là anh ấy được. Cho nên tôi không làm như vậy nữa.

Tôi vô cùng sửng sốt vì những điều mình vừa được nghe. Tôi tiếp tục hỏi thêm mấy câu bâng quơ:

– Bác hãy nói cho cháu biết, bác Quinn: thế có phải bác chính là người đốt Goose Cove không?

Ông mỉm cười, có vẻ như thấy câu hỏi của tôi quá khôi hài.

– Không. Anh đúng là tay hóm hỉnh, anh Goldman ạ, tôi không bao giờ làm điều đó với anh. Không biết kẻ bệnh hoạn nào lại đứng ra làm việc đó.

Chúng tôi nốc cạn cốc bia. Tôi gợi chuyện:

– Rốt cuộc các bác không li dị. Vậy mọi việc được thu xếp ổn thỏa với bác gái rồi chứ ạ? Ý cháu muốn hỏi sau khi bác phát hiện ra tất cả các kỉ niệm cất trong két sắt và cuốn nhật kí của bác gái?

– Mọi chuyện càng ngày càng trở nên tồi tệ hơn, anh Goldman ạ. Bà ấy vẫn không ngừng chửi bới tôi, không bao giờ nói yêu tôi. Không bao giờ. Trong suốt những tháng tiếp theo rồi những năm tiếp theo, tôi thường xuyên đánh thuốc cho bà ấy ngủ để đọc đi đọc lại cuốn nhật kí của bà ấy, khóc về các kỉ niệm và hi vọng một ngày nào đó mọi chuyện sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Hi vọng một ngày nào đó mọi chuyện sẽ trở nên tốt đẹp hơn: có thể đó cũng là tình yêu.

– Tôi gạt đầu để tỏ ý tán thành.

Trong căn phòng hạng sang ở khách sạn Regent's, tôi tiếp tục viết sách, tràn đầy cảm hứng. Tôi kể lại chuyện Nola Kellergan mới mười lăm tuổi đã làm như thế nào để bảo vệ được Harry. Nola đã dâng hiến, cam kết thế nào để Harry có thể ở lại ngôi nhà lí tưởng thoải mái sáng tác mà hoàn toàn không phải lo lắng; làm thế nào mà dần dần cô bé vừa trở thành nàng thơ, vừa là thần hộ mệnh cho tuyệt tác của Harry. Càng viết, tôi càng ngạc nhiên nghĩ rằng Nola Kellergan chính là người phụ nữ đặc biệt mà tất cả các nhà văn trên thế giới chắc chắn đều mơ ước. Từ New York, Denis đánh máy lại những trang viết của tôi bằng tinh thần làm việc tận tụy và hiệu quả hiếm có, một buổi chiều cô gọi điện cho tôi nói:

– Marcus, em khóc.

– Tại sao thế? Tôi hỏi.

– Vì cô bé này, vì Nola. Em nghĩ em cũng yêu cô bé mất rồi.

Tôi mỉm cười nói với Denis:

– Tôi cho rằng ai cũng đều yêu cô bé, Denis ạ. Tất cả.

Hai ngày sau đó, tức là vào ngày 3 tháng Tám, Gahalowood vô cùng phấn khích gọi điện cho tôi.

– Nhà văn ơi! Ông ấy rống lên. Tôi đã có kết quả từ phòng thí

nghiệm! Mẹ kiếp, thật chó má, anh sẽ không thể tin vào tai mình được đâu nhé! Nét chữ trên tập bản thảo chính là nét chữ của Luther Caleb! Hoàn toàn không còn nghi ngờ gì nữa nhé! Chúng ta đã tóm được hắn rồi, Marcus! Chúng ta đã tìm ra tên sát nhân!

7

Cuộc sống sau Nola

“Hãy biết quý trọng tình yêu, Marcus ạ. Hãy coi tình yêu là cuộc chinh phục đẹp nhất đời anh, là tham vọng duy nhất của anh. Sau người này, sẽ có người khác. Sau cuốn sách này, sẽ có cuốn sách khác. Sau vinh quang này, sẽ đến vinh quang khác. Sau khi tiêu hết tiền, sẽ lại có tiền. Nhưng sau tình yêu, Marcus ạ, sau tình yêu, chẳng còn gì khác ngoài vị mặn chát của dòng lệ”.

Cuộc sống sau khi mất Nola thực sự không phải là cuộc sống. Ai cũng nói rằng ở Aurora, trong suốt nhiều tháng sau khi Nola mất tích, cả thành phố chìm dần trong trạng thái suy sụp trầm uất và nỗi lo sợ về một vụ mất tích mới sẽ xảy ra.

Lúc đó là mùa thu, lá cây nhuộm màu sắc sỡ. Nhưng trẻ con không còn được ra ngoài nhảy vào nằm giữa đồng lá vàng rụng chắt ngắt trước lối đi: các bậc phụ huynh lo lắng không rời mắt canh chừng. Từ bây giờ cha mẹ đứng đợi xe buýt cùng con và chờ sẵn trên đường trước giờ tan học. Bắt đầu từ 15 giờ rưỡi, trên vỉa hè, một hàng dài các bà mẹ đứng trước cửa nhà ngóng các con đi học về.

Trẻ con không còn được phép đi đâu một mình. Thời kì vàng son khi trẻ con có thể vui vẻ chạy nhảy hét hò đầy đường phố đã qua rồi: trước nhà để xe, không còn nhóm các trẻ đi giày trượt patanh hay giày bánh xe đấu hockey nữa, cũng không còn đám trẻ chơi nhảy dây đánh chàm, thi nhảy lò cò trên những ô vuông to tướng vẽ bằng phấn trên nền đường xi măng. Trên đường phố chính người ta cũng không còn thấy xe đạp dựng

trên vỉa hè trước cửa hàng bách hóa của gia đình Hendorf, nơi trẻ con có thể mua một nắm kẹo với giá chưa đầy một xu. Chỉ còn duy nhất một bầu không khí tĩnh lặng ngự trị trên đường phố.

Nhà nào cũng khóa cửa cài then cẩn thận. Khi màn đêm vừa buông xuống, những người đàn ông tình nguyện đi tuần, họ kiểm tra một vòng quanh khu phố để bảo vệ gia đình và hàng xóm. Phần lớn họ tự trang bị gậy gộc, một số người còn mang theo súng săn. Họ bảo nhau, nếu cần, cứ việc nổ súng không phải ngần ngại.

Niềm tin hoàn toàn bị đổ vỡ. Khách vãng lai, những người bán hàng rong và tài xế lái xe khách rất bị coi thường, lúc nào họ cũng bị canh chừng theo dõi. Điều tệ hại nhất là thái độ nghi kỵ giữa người dân với nhau. Hàng xóm láng giềng là bạn với nhau từ 25 năm, giờ bắt đầu thành gián điệp rình rập lẫn nhau. Người này ngờ vực người kia không biết đã làm gì vào cuối buổi chiều ngày 30 tháng Tám năm 1975.

Xe cảnh sát lượn đi lượn lại không ngừng nghỉ xuyên suốt từ đầu này tới đầu kia thành phố; không có cảnh sát thì người dân lo lắng nhưng quá nhiều cảnh sát cũng khiến họ lo sợ. Khi chiếc xe Ford đen nổi bật trong dòng xe cảnh sát đỗ trước nhà 245 Terrace Avenue, ai cũng nghĩ chắc đại úy Rodik đến đưa tin. Ngôi nhà gia đình Kellergan kéo kín cửa suốt ngày, suốt tuần và suốt tháng. David Kellergan không tới làm lễ ở nhà thờ nữa, một vị mục sư khác được cử đến từ Manchester đến thay thế trông coi và đảm bảo các buổi lễ ở nhà thờ St. James.

Sau đó là cuối tháng Mười, trời đầy sương mù. Những đám mây lớn xám xịt, mờ ảo và ẩm ướt bao phủ toàn vùng. Chúng nhanh chóng chuyển thành những trận mưa liên hồi lạnh buốt. Tại Goose Cove, Harry cô độc, trầm uất. Từ hai tháng nay,

chẳng ai nhìn thấy bóng dáng anh. Suốt cả ngày anh giam mình trong phòng làm việc bên chiếc máy chữ, chỉ còn biết đến mỗi chồng bản thảo mà anh đã đọc lại tỉ mỉ và đánh máy. Anh dậy từ sáng sớm tinh mơ chuẩn bị rất cẩn thận: anh cạo râu nhẵn nhụi, ăn mặc cực đĩnh đạc mặc dù anh biết rằng mình sẽ chẳng ra khỏi nhà và cũng chẳng gặp ai. Anh ngồi thẳng bên chiếc bàn bắt tay vào công việc. Những lúc dừng lại hiếm hoi chỉ để pha đầy tách cà phê; phần thời gian còn lại, anh hoàn toàn tập trung vào việc viết, đọc lại, sửa chữa, xé đi và rồi bắt đầu viết lại.

Chỉ có Jenny là người duy nhất làm phiền anh trong nỗi cô đơn riêng lẻ. Sau khi xong việc ở tiệm Clark's, ngày nào cô cũng đến gặp anh, lo lắng khi thấy anh ngày càng suy sụp. Thông thường, cô tới vào khoảng 18 giờ; ướm sũng nước mưa vì đoạn đường vài bước chân từ ô tô tới cổng nhà. Jenny mang theo một giỏ đầy thức ăn lấy từ tiệm Clark's: bánh mì kẹp thịt gà, trứng trộn mayonnaise, mì ý trộn pho mát và kem tươi vẫn còn bốc khói đựng trong một chiếc đĩa bằng kim loại; cô còn giấu cả bánh ngọt tráng miệng không bán cho khách hàng để mang đến cho anh. Cô bấm chuông.

Harry nhẩy khỏi ghế. Nola! Nola yêu quý! Anh phóng như bay về phía cửa. Nàng đứng đó, trước mặt anh, khuôn mặt rạng ngời tuyệt diệu. Họ lao vào nhau, anh ôm chặt nàng trong vòng tay. Anh bế bổng nàng lên xoay nhiều vòng, xoay quanh cả trái đất, họ hôn nhau. Nola! Nola! Nola! Họ vẫn còn tiếp tục hôn nhau và cùng nhẩy. Mùa hè tuyệt đẹp, hoàng hôn với những tia sáng chói chang trên bầu trời. Trên đầu họ, hàng đàn mòng biển hót líu lo như họa mi, nàng mỉm cười, nàng cười vang, khuôn mặt rạng rỡ đẹp tựa mặt trời. Nàng đã ở đó, anh có thể ôm nàng vào lòng, chạm vào làn da, ve vuốt khuôn mặt nàng,

ngửi thấy mùi nước hoa của nàng, đùa giỡn với những lọn tóc của nàng. Nàng ở đó, nàng vẫn còn sống. Họ vẫn còn sống. “Trời ơi, thế em đã đi đâu vậy? Anh vừa hỏi vừa cầm bàn tay nàng. Anh đợi em mãi! Anh sợ quá! Ai cũng bảo có chuyện nghiêm trọng xảy ra với em! Người ta bảo bà Cooper nhìn thấy em người đầy máu gần Side Creek! Cảnh sát khắp nơi! Họ lùng sục tìm kiếm trong rừng! Anh tưởng có điều bất hạnh đã xảy ra với em. Anh hóa điên vì không biết điều gì đã xảy ra”. Nàng ôm anh thật chặt, ghì sát người anh và trấn an: “Đừng suy nghĩ nhiều quá, Harry yêu quý! Chẳng có chuyện gì xảy ra với em cả, em đang ở đây. Em đang ở đây! Chúng ta sẽ bên nhau mãi mãi! Anh ăn chưa? Chắc anh đói lắm rồi! Anh ăn chưa?”

– Anh ăn chưa, Harry? Harry? Harry? Anh sao thế? Jenny hỏi cái bóng ma gầy gò xanh lét đang mở cửa cho cô.

Giọng người con gái đưa anh trở lại với hiện thực. Trời tối và lạnh lẽo. Một trận mưa xối xả. Lúc đó gần là mùa đông. Bọn mòng biển đã bay đi từ lâu.

– Jenny, giọng anh yếu đuối, lạc lõng. Lại là cô đấy ư?

– Vâng, em đây. Em mang đồ ăn đến cho anh, Harry ạ. Anh phải ăn chút gì chứ, anh không khỏe, có vẻ không ổn tí nào.

Anh nhìn cô, ướm súng và run rẩy. Anh để cô vào nhà. Cô chỉ ở lại chốc lát. Chỉ đủ thời gian đặt chiếc giỏ vào bếp, lấy lại đĩa ăn đã mang tới từ hôm trước. Khi nhận thấy tất cả các đĩa thức ăn gần như chưa được động tới, cô nhẹ nhàng mắng:

– Harry, anh phải ăn chứ!

– Đôi khi tôi quên mất, anh trả lời.

– Lạ thật đấy, làm sao có thể quên ăn được chứ?

– Đó là bởi vì cuốn sách tôi đang viết...Tôi tập trung vào đó và quên tất cả mọi thứ còn lại.

- Đó hẳn phải là cuốn sách rất tuyệt.
- Rất tuyệt.

Cô không thể hiểu được làm sao anh có thể lâm vào tình trạng như vậy chỉ vì một cuốn sách. Mỗi lần, cô đều hi vọng được anh mời ở lại cùng ăn tối. Cô luôn chuẩn bị thức ăn cho hai người, nhưng anh không bao giờ chú ý đến điều đó. Cô đứng đó vài phút, giữa phòng bếp và nhà ăn, không biết nói gì nữa. Lúc nào anh cũng do dự, không biết có nên mời cô ở lại thêm đôi phút hay không. Nhưng rốt cuộc bao giờ anh cũng từ bỏ ý định đó vì không muốn mang lại cho cô những ảo vọng. Anh biết sẽ chẳng bao giờ anh có thể yêu cô thêm được. Khi im lặng quá lâu tới mức ngại ngừng, thì anh nói “cảm ơn” và ra mở cửa.

Cô trở về nhà, thất vọng, lo lắng. Bố cô làm cho cô một bát sôcôla nóng thả thêm vào một cái kẹo dẻo. Ông đốt lửa trong lò sưởi ở phòng khách. Họ ngồi trên tràng kỉ, và Jenny kể lại tình trạng Harry suy sụp đến mức nào.

- Tại sao anh ấy lại buồn đến thế? Cô hỏi. Cứ như thể sắp chết.
- Làm sao mà bố biết được, Robert Quinn trả lời.

Anh sợ mỗi khi có việc phải ra khỏi nhà. Những lần hiếm hoi anh phải rời Goose Cove thì khi về đến nhà anh đều thấy mẩu giấy với dòng tin nhắn kinh hoàng. Có ai đó rình rập anh. Có ai đó muốn làm hại anh. Có ai đó rình lúc anh vắng nhà đến ghim thư nặc danh ngay ở cửa chính. Dòng tin nhắn luôn luôn giống hệt nhau như thế này:

“Tôi biết việc anh làm với đứa bé gái mười lăm tuổi. Rồi cả thành phố sẽ nhanh chóng biết điều này”

Ai? Ai mang mỗi hiềm khích với anh? Ai biết chuyện anh và

Nola và bây giờ muốn làm hại anh? Anh phát ốm vì chuyện này; mỗi khi nhận được một bức thư nặc danh, anh đều cảm thấy cơn sốt sập xuống đầu. Anh đau đầu và vô cùng lo lắng. Anh lâm vào khủng hoảng, nôn mửa, và mất ngủ. Anh sợ sẽ bị buộc tội làm hại Nola. Làm sao có thể chứng minh anh vô tội được? Anh bắt đầu tưởng tượng ra những màn kịch tồi tệ nhất: sợ án tù chung thân sẽ nhốt giam và canh phòng anh khát khe cho tới tận cuối đời, có thể anh còn bị chết trên ghế điện hay trong phòng khí ga. Nỗi sợ cảnh sát trong anh cứ lớn dần lên: hề nhìn thấy bóng dáng bộ quân phục hay xe cảnh sát đều làm cho hệ thần kinh anh co giật vì căng thẳng. Một hôm, khi ra khỏi siêu thị, anh thấy một toán cảnh sát tuần tra trước bãi đỗ xe, trong số đó có một người cứ dõi theo anh chằm chằm. Anh cố tỏ ra bình tĩnh, rảo bước về phía xe hơi, trên tay là những món đồ đã mua. Nhưng bất chợt, anh nghe thấy có tiếng người gọi anh. Chính là tay cảnh sát đó. Anh giả vờ không nghe thấy gì. Có tiếng sập cửa xe ô tô phía sau: tay cảnh sát bước ra khỏi xe ô tô. Anh nghe thấy tiếng bước chân, tiếng lanh canh của chiếc còng số tám giắt nơi thắt lưng va đập với đồng vũ khí và dùi cui. Khi tới được ô tô, anh vội ném tất cả những thứ vừa mua vào cốp để chạy cho nhanh. Anh run bần bật, người túa mồ hôi, mắt mờ đi: anh hoàn toàn hoảng loạn. Anh tự nhủ, phải cố gắng bình tĩnh, lên xe và chạy. Không được về Goose Cove. Nhưng không còn thời gian nữa rồi: một bàn tay rắn chắc đã đặt lên vai anh.

Anh chưa bao giờ bị ai đánh, anh không biết đánh nhau như thế nào. Phải làm thế nào đây? Phải đẩy hẳn ra, nhanh chóng nhảy lên xe ô tô, phóng thật nhanh? Đập cho hẳn mấy cú? Giật lấy vũ khí rồi đánh hẳn? Anh quay lại, sẵn sàng làm mọi chuyện. Lúc đó, viên cảnh sát giờ ra tờ 20 đô la:

– Anh làm rơi này! Tôi gọi mà anh không nghe thấy. Anh có

Ổn không thế? Nhìn mặt anh trắng bệch

– Tôi ổn, ổn, Harry trả lời, tôi khỏe...Tôi... Tôi... Tôi đang mãi suy nghĩ. Vâng, cảm ơn. Tôi... Tôi phải đi đây.

Viên cảnh sát khoát tay tỏ vẻ thông cảm và quay gót, Harry run rẩy. Sau chuyện này, anh ghi tên học đấm bốc; anh đến đó luyện tập rất chăm chỉ. Rồi rớt cuộc, anh quyết định phải đi gặp người nào đó để nói chuyện. Sau khi tìm hiểu kĩ thông tin, anh liên lạc với bác sĩ Roger Ashcroft ở Concord, có vẻ ông ta là bác sĩ tâm lí giỏi nhất vùng. Họ thỏa thuận gặp nhau chữa bệnh hai tuần một lần vào sáng thứ Tư từ 10 giờ 40 đến 11 giờ 30. Anh không nhắc đến những bức thư nặc danh với bác sĩ Ashcroft, nhưng anh nói đến Nola. Anh không nêu tên đích danh Nola. Nhưng đây là lần đầu tiên, anh có thể kể chuyện về Nola với một người nào đó. Điều này có tác động vô cùng tốt với anh. Bác sĩ Ashcroft ngồi trong chiếc ghế đệm chăm chú lắng nghe anh nói, mỗi khi ông cố gắng phân tích thông tin, ông lại chọc những ngón tay vào mu bàn tay.

– Tôi nghĩ mình nhìn thấy người chết, Harry kể.

– Vậy bạn gái của anh đã chết rồi ư? Bác sĩ kết luận

– Tôi hoàn toàn không biết. Chính vì thế mà tôi phát điên.

– Tôi không nghĩ anh điên, anh Quebert.

– Đôi khi, tôi đi xuống bãi biển hét gọi tên cô ấy. Khi không còn đủ sức để hét nữa, tôi ngồi xuống bãi cát và khóc.

– Tôi nghĩ anh đang trong giai đoạn chịu tang. Một phần trong con người anh là lí trí, sáng suốt, ý thức, đang đấu tranh với một phần khác trong anh; phần này đang từ chối chấp nhận cái điều mà dưới góc nhìn của nó là không thể chấp nhận được. Khi thực tế vượt quá sức chịu đựng, thì người ta cố thay đổi nó. Tôi sẽ kê cho anh một đơn thuốc an thần giúp anh thư giãn.

– Không, đừng làm thế. Tôi còn phải tập trung viết sách nữa.
– Nói cho tôi biết về cuốn sách của anh đi, anh Quebert.
– Tôi viết về một chuyện tình tuyệt đẹp.
– Chuyện thế nào?
– Chuyện tình yêu giữa hai người không bao giờ có thể xảy ra.

– Chuyện giữa anh và bạn gái anh à?
– Vâng. Tôi căm thù sách.
– Tại sao?
– Tại sách làm tôi đau đớn.
– Hết giờ mất rồi, tuần tới, chúng ta sẽ nói tiếp về chuyện này.

– Vâng, được ạ, xin cảm ơn bác sĩ.

Một hôm anh chạm trán bà Tamara Quinn tại phòng chờ khi vừa bước ra khỏi phòng khám của bác sĩ.

* * *

Bản thảo hoàn thành vào giữa tháng Mười một, trong một buổi chiều u ám đến mức khó phân biệt đó là ngày hay đêm. Anh xếp gọn đồng giấy bản thảo, chăm chú đọc tựa đề viết bằng chữ in hoa trên tờ bìa:

NGUỒN GỐC CÁI XẤU XA. Bởi Harry L. Quebert

Bỗng nhiên anh thấy có nhu cầu nói chuyện với một người nào đó, ngay lập tức anh tới tiệm Clark's gặp Jenny.

– Tôi đã hoàn thành cuốn sách rồi, anh nói trong tâm trạng hưng phấn tột độ. Tôi đến Aurora để viết sách, nó đây. Xong

rồi! Hoàn thành rồi! Hoàn thành rồi!

– Thật tuyệt vời, Jenny trả lời. Em chắc chắn đây sẽ là một tuyệt tác. Từ bây giờ anh định làm gì?

– Tôi sẽ đi New York ít lâu. Mời các nhà xuất bản đặt in.

Anh gửi năm bản sao của bản thảo đến năm nhà xuất bản lớn ở New York. Chưa đầy một tháng sau, cả năm nhà xuất bản đều liên lạc lại khẳng định sách của anh là tuyệt tác và hồ hởi đặt giá rất cao để mua quyền xuất bản. Một cuộc sống mới bắt đầu. Anh thuê luật sư và một công ty đại diện. Cách lễ Noel mấy ngày, rốt cuộc anh kí được một hợp đồng ngoạn mục với giá một trăm ngàn đô la. Anh đang trên đường tới vinh quang.

Harry quay về Goose Cove ngày 23 tháng Mười hai bằng chiếc Chrysler Cordola mới tinh hào nhoáng. Anh đang định đón Noel ở Aurora. Một lá thư nặc danh kẹp ở góc cửa ra vào, không biết tự bao giờ. Đó là bức thư cuối cùng anh nhận được.

Cả ngày hôm sau anh tập trung chuẩn bị bữa tối: anh đặt một con gà tây khổng lồ, rán vàng với đậu và bơ, làm khoai tây chiên, bánh gatô sôcôla với kem tươi. Máy quay đĩa nhẹ nhàng phát bản nhạc Bà Butterfly. Anh kê bàn dành cho hai người cạnh cây thông Noel. Anh không hề biết đằng sau tấm cửa kính, từ phía ngoài, Robert Quinn đang quan sát anh và thề rằng kể từ ngày hôm đó sẽ không gửi thư nặc danh cho anh nữa.

Khi ăn xong, Harry xin lỗi chồng bát đĩa trước mặt, rồi biến vào phòng làm việc một lúc. Anh quay trở ra, tay cầm một chiếc hộp lớn.

– Cho em à? Nola reo lớn.

– Không dễ gì tìm được nó đâu, nhưng tất cả đều có thể, Harry vừa trả lời vừa để chiếc hộp xuống đất.

Nola quỳ gối ngòì xuống bên chiếc hộp. “Cái gì thế? Cái gì

thế?” Nàng nhắc lại và mở hộp. Một cái mõm thò ra, rồi đến cả cái đầu lông vàng. “Một chú chó nhỏ! Một chú cún có bộ lông màu mặt trời! Ôi, Harry, Harry yêu quý! Cảm ơn anh! Cảm ơn anh!” Nàng bế con chó ra khỏi chiếc hộp và nâng niu nó trên tay. Chú chó giống labrador chưa đầy hai tháng rưỡi. “Em tên là Storm nhé.!” Nàng giải thích với con chó. “Storm! Storm! Em là chú chó chị luôn mơ ước!”

Nàng đặt Storm xuống đất. Nó liền đi khám phá môi trường mới và nhảy nhót tung tăng khắp nhà, nàng nhào lên ôm cổ Harry.

– Cảm ơn Harry, em thật sự hạnh phúc ở bên anh. Nhưng thật xấu hổ quá, em chẳng có quà gì cho anh cả.

– Quà dành cho anh là thấy em được hạnh phúc, Nola ạ.

Anh ôm chặt nàng trong vòng tay, nhưng anh cảm thấy nàng trượt đi và ngay lập tức anh không còn cảm thấy nàng nữa, anh không nhìn thấy nàng nữa. Anh gọi, nhưng nàng không trả lời. Anh thấy trơ trọi một mình đứng giữa phòng ăn, tự ôm chính cánh tay mình. Ở dưới chân anh, con chó nhỏ chạy ra khỏi chiếc hộp và đùa nghịch với những sợi dây giày.

* * *

Nguồn gốc cái xấu xa được xuất bản tháng Sáu năm 1976. Ngay khi xuất bản, cuốn sách đã tạo được thành công vang dội. Đội ngũ các nhà phê bình đều hết lời ngợi khen. Người hùng Harry Quebert, 33 tuổi, từ bây giờ được coi là nhà văn lớn nhất thế hệ mình.

Hai tuần sau khi cuốn sách xuất bản, ý thức được tác động trong tương lai của cuốn sách, nên người xuất bản thân chinh

tới tận Aurora tìm gặp Harry:

– Thế nào, Quebert, nghe nói anh không muốn tới New York, người xuất bản sách ướm hỏi.

– Tôi không thể đi được, Harry trả lời. Tôi đang đợi một người.

– Anh còn đợi ai nữa? Anh nói gì vậy? Toàn bộ nước Mỹ mong chờ anh. Anh sẽ trở thành một ngôi sao lớn.

– Tôi không đi được, tôi còn có con chó nhỏ.

– Không sao, anh mang nó đi theo. Chúng tôi sẽ chiều nó hết sức: sẽ có một người chăm sóc nó, một người nấu ăn cho nó, một người dẫn nó đi dạo và một người tắm rửa vệ sinh cho nó. Vậy thôi nào, hãy chuẩn bị hành lí và lên đường tới vinh quang thôi, anh bạn.

Harry rời Aurora làm một vòng xuyên đất nước trong nhiều tháng. Không lâu sau đó, người ta không còn nói gì ngoài cuốn sách kì diệu của anh. Từ nhà bếp của tiệm Clark's hay từ phòng ngủ ở nhà riêng, Jenny dõi theo Harry qua các chương trình truyền thanh, truyền hình.

Cô mua và giữ gìn cẩn thận tất cả các tờ báo liên quan tới anh. Mỗi khi nhìn thấy sách của anh bày trong hiệu sách nào đó, cô đều mua một cuốn. Tất cả cô có tới hơn chục cuốn và đều đọc hết các cuốn đó. Thường xuyên, cô tự hỏi không biết anh có lại đón cô không. Mỗi khi người đưa thư đi qua, cô đều giật mình vì luôn đợi thư anh. Mỗi khi điện thoại reo, cô đều hi vọng là anh gọi. Cô đã đợi suốt cả mùa hè. Mỗi khi thấy một chiếc ô tô giống xe của anh, tim cô đập mạnh hơn.

Cô đã đợi anh suốt cả mùa thu sau. Mỗi khi cửa tiệm Clark's mở ra, cô đều tưởng tượng chính là anh quay trở lại đón cô. Anh chính là tình yêu của đời cô. Trong khi chờ đợi, để đầu óc

được bận rộn, cô lại nghĩ đến những ngày tháng may mắn khi anh tới ngồi làm việc tại bàn số 17 của tiệm Clark's. Ở đó, gần sát với cô, anh đã viết nên tuyệt tác mà tối nào cô cũng đọc lại vài trang. Nếu anh muốn quay lại sống ở Aurora, anh có thể tiếp tục tới đây hàng ngày: cô sẽ ở lại phục vụ để có niềm vui ở cạnh bên anh. Đối với cô, làm người phục vụ bánh mì kẹp suốt cả đời cũng chẳng sao, nếu như được tồn tại bên cạnh anh. Cô sẽ giữ bàn này để dành riêng cho anh, luôn luôn chỉ dành cho anh. Mặc dù cách đối xử của mẹ cô có thay đổi, cô sẽ tự bỏ tiền túi ra đặt làm tấm biển bằng kim loại đóng vít vào bàn số 17, trên đó viết rõ:

Tại chính chiếc bàn này, trong suốt mùa hè năm 1975, nhà văn Harry Quebert đã viết nên cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của mình Nguồn gốc cái xấu xa.

Ngày 13 tháng Mười năm 1976, Jenny tổ chức lễ sinh nhật thứ 26. Harry đang ở Philadelphie, cô đọc được tin đó trên báo. Kể từ khi ra đi, anh không hề gửi cho cô bất kì tin tức gì. Buổi tối hôm đó, trong phòng khách của gia đình và trước bố mẹ Jenny, Travis Dawn, từ một năm nay luôn tới ăn cơm tại gia đình họ Quinn vào các ngày Chủ nhật, đã ngỏ lời cầu hôn Jenny. Và vì không còn có chút hi vọng gì, nên cô đã chấp thuận.

* * *

Tháng Bảy năm 1985

10 năm sau vụ bắt cóc Nola cùng những ám ảnh về Nola đã bị thời gian xóa nhòa. Trên đường phố ở Aurora, từ lâu cuộc sống lại bắt đầu hồi sinh: trẻ con lại đi giày trượt tiếp tục chơi hockey

và cười đùa âm ỉ, chúng lại thi nhảy dây, thì đánh chàm trên vỉa hè. Trên đường phố chính, xe đạp lại đỗ chật kín trước lối vào cửa hàng bánh kẹo của gia đình Hendorf nhưng từ đó thì một nắm kẹo được bán với giá gần một đô la. Tại Goose Cove, cuối buổi sáng tuần thứ hai của tháng Bảy, Harry ngồi trước hiên nhà, tranh thủ tận hưởng ánh sáng mặt trời ấm áp của một ngày đẹp tuyệt vời để chữa những trang bản thảo của cuốn tiểu thuyết mới; gần bên cạnh, chú chó nhỏ Storm đang nằm ngủ. Một đàn chim mòng biển bay ngang trên đầu. Ông nhìn dõi theo, chúng sà xuống đậu trên bãi biển. Ngay lập tức, ông đứng dậy đi vào trong bếp, tìm chiếc hộp bằng sắt trắng có dập chữ KỈ NIỆM ROCKLAND, MAINE, rồi đi ra bãi biển tung bánh mì cho lũ chim, sau ông là chú chó Storm già nua bước đi khó nhọc vì viêm khớp. Ông ngồi trên bãi đá cuội ngắm bầy chim ăn bánh, chú chó cũng ngồi xuống bên cạnh. Ông vuốt ve nó hồi lâu. “Storm đáng thương, ông nói với nó, mày đi lại khó nhọc quá nhỉ. Bởi vì mày chẳng còn trẻ lắm nữa rồi... Còn nhớ ngày ta mua mày về đây, ngay trước lễ Giáng sinh năm 1975... Lúc đó mày là một cục lông nhỏ xíu, không to hơn hai nắm tay của ta”.

Bất chợt, ông nghe thấy có tiếng gọi.

– Harry?

Trên sân nhà, một vị khách đang gọi tên ông. Harry nheo mắt lại và nhận ra Eric Rendall, hiệu trưởng trường đại học Burrows, bang Massachusetts. Hai người đàn ông thấy quý mến nhau sau một cuộc hội thảo tổ chức một năm trước, và kể từ đó, họ thường xuyên liên lạc với nhau.

– Eric, anh đây à?

Harry trả lời.

– Tôi đây. Cứ đứng đây, tôi lên đây.

Vài giây sau, Harry đi trước, chú chó nhỏ già nua giống labrador nặng nhọc bước theo sau, lên gặp Rendall tại sân nhà.

– Tôi đã cố gắng gọi điện cho anh trước, ông hiệu trưởng tỏ ý xin lỗi vì cuộc viếng thăm đường đột.

– Tôi không hay trả lời điện thoại lắm, Harry mỉm cười.

– Tiểu thuyết mới của anh đây à? Rendall nhìn đồng giấy lộn xộn trên bàn, hỏi.

– Vâng, sẽ xuất bản mùa thu này. Tôi đã viết trong vòng hai năm. Tôi còn phải đọc lại nữa, nhưng anh biết đấy, tôi nghĩ sẽ không bao giờ có thể viết được gì tương tự như *Nguồn gốc cái xấu xa*.

Rendall nhìn kỹ Harry với vẻ thân thiện:

– Suy cho cùng, ông ta nói, mỗi nhà văn chỉ viết một cuốn duy nhất trong đời.

Harry gật đầu tán thành và mời khách một cốc cà phê. Rồi họ ngồi xuống bên cạnh bàn. Rendall giải thích:

– Harry, tôi đường đột tới đây tìm ông vì tôi nhớ ông bảo tôi là có mong muốn được dạy ở một trường đại học. Hiện tại có một vị trí trống ở khoa Văn trường đại học Burrows. Tôi biết, đây không phải là đại học Harvard, nhưng Burrows là trường đại học có chất lượng. Nếu ông quan tâm tới vị trí này, thì nó là của ông.

Harry quay lại phía con chó lông màu mặt trời, nựng:

– Mà có nghe thấy không, Storm, Ông thì thâm vào tai nó. Ta sẽ trở thành giáo sư đại học.

6

Nguyên tắc của Barnaski

“Anh thấy đây, Marcus, ngôn từ cũng hay, nhưng đôi khi nó thật vô nghĩa và không đầy đủ. Sẽ đến lúc có những người không muốn nghe anh nữa.”

- Thế thì nên làm gì lúc đó?
- Phải tóm cổ họ và chặn họng họ lại. Thật mạnh vào,
- Tại sao?
- Khiến họ ngạt thở. Khi ngôn từ không còn tác dụng nữa thì hãy tặng cho họ vài quả đấm”.

Đầu tháng Tám năm 2008, khi phát hiện một vài điểm mới trong cuộc điều tra, văn phòng công tố bang New Hampshire đã trình cho thẩm phán chịu trách nhiệm về vụ này một bản báo cáo mới kết luận Luther Caleb là kẻ ám sát bà Deborah Cooper, bắt cóc, đánh chết và chôn xác Nola Kellergan ở Goose Cove. Khi nhận được báo cáo này, thẩm phán đã triệu tập Harry và mở tòa đàm khẩn cấp. Trong buổi tòa đàm, thẩm phán đã hoàn toàn bác bỏ mọi lời buộc tội Harry. Việc Harry được phục hồi nhân phẩm khiến bức tranh về vụ án Harry Quebert thêm khởi sắc vào mùa hè năm đó: Harry Quebert, ngôi sao sáng của nước Mỹ vừa bị quá khứ nuốt chửng và làm cho ô nhục, có nguy cơ bị án tử hình và huỷ hoại toàn bộ sự nghiệp, nay rốt cuộc được minh oan. Luther Caleb được gán với những từ “con người bản thủ thối tha”, cuộc sống của anh ta bị phơi bày trên mặt báo và được coi là một trong những tội phạm nguy hiểm nhất nước Mỹ. Dư luận nhanh chóng chỉ tập trung vào Luther Caleb. Cuộc

đời anh ta bị báo chí đào bới, các tập san thi nhau minh họa tiểu sử hẳn bằng những tấm ảnh lưu trữ mua lại từ người thân: những năm tháng vô lo ở Portland, tài năng hội họa, trận ẩu đả trên đường phố, cuộc đời trượt dốc xuống địa ngục. Nhu cầu vẽ chân dung phụ nữ khóa thân của Luther là chủ đề khiến công chúng say sưa. Nhiều chuyên gia phân tích tâm lí đã được mời tới phỏng vấn để đưa ra những giải thích mới: đây có phải là bệnh lí phổ biến không? Chi tiết này có cho phép suy đoán các nội dung khác của vụ án? Do có sự dò rỉ thông tin từ phía cảnh sát, mà bức tranh tìm thấy ở nhà Elijah Stern đã bị phát tán rộng rãi, là cơ sở của những dự đoán điên cuồng nhất: ai cũng tự hỏi tại sao Stern, một con người có thể lực và được trọng vọng như thế, lại đứng ra bảo kê cho hành vi vẽ chân dung khóa thân một bé gái mười lăm tuổi?

Những ý kiến không đồng tình chĩa về ngài chưởng lý. Không một ai cho rằng ông ta là người có trách nhiệm khi hành động thiếu suy nghĩ và vội vàng, khiến cho Harry phải chịu ô nhục. Thậm chí một số người còn cho rằng khi kí vào bản báo cáo trừ danh hồi tháng Tám, ông chưởng lý đã kí dấu chấm hết cho sự nghiệp của chính mình. Nhưng Gahalowood đã cứu vớt phần nào danh dự cho ngài chưởng lý bằng cách tổ chức họp báo, tuyên bố rằng chưởng lý là người ký lệnh bắt Harry, nhưng cũng là người trả tự do cho Harry. Điều này không có gì là mâu thuẫn, cũng không phải là sự thất bại, mà chứng tỏ công lí đang được thực thi. “Chúng tôi không bắt tù nhằm ai cả”, Gahalowood tuyên bố với đám đông nhà báo. Chúng tôi có những mối nghi ngờ và chúng tôi đã xóa hết những nghi ngờ đó. Chúng tôi đã hành xử hợp lí trong cả hai tình huống. Đó chính là công việc của cảnh sát”. Để giải thích tại sao hàng bao năm trời vẫn chưa xác định đích xác thủ phạm, Gahalowood đề

cập đến lí thuyết của ông ta về sự phản hồi ngược: Nola là yếu tố trung tâm, xung quanh đó còn rất nhiều yếu tố ngoại vi khác. Vì vậy, cần phải tách yếu tố trung tâm ra khỏi những yếu tố ngoại vi để tìm ra kẻ giết người. Việc này chỉ có thể thực hiện được nhờ phát hiện ra bộ hài cốt. “Các anh nói rằng chúng tôi phải cần tới ba mươi ba năm để giải quyết vụ giết người, nhưng thực ra, chúng tôi chỉ cần hai tháng thôi. Trong khoảng thời gian còn lại, không có bộ hài cốt, nghĩa là không có vụ giết người. Chỉ là vụ một bé gái bị mất tích”.

Người ít biết rõ về tình hình là Benjamin Roth. Một buổi chiều tôi tình cờ gặp anh ta ở gian hàng mĩ phẩm trong một trung tâm thương mại lớn của Concord, anh ta nói với tôi:

– Thật điên rồ, hôm qua, tôi đi gặp Harry, có thể nói, dù ông ta được rửa sạch mọi tội danh, nhưng ông ấy không hề có vẻ gì vui sướng cả.

– Ông ấy đang buồn, tôi giải thích.

– Buồn à? Chúng ta thắng cuộc thế mà ông ấy lại buồn à?

– Ông ấy buồn vì Nola chết.

Cô ấy chết đã ba mươi ba năm rồi mà.

– Nhưng lần này, cô ấy mới chết thực sự.

– Tôi chẳng hiểu anh đang nói gì, anh Goldman ạ.

– Tôi cũng chẳng ngạc nhiên về điều đó.

– Tóm lại, tôi đã đi gặp ông ấy để bảo ông ấy có thể lấy lại ngôi nhà: tôi có nhiều bạn làm bảo hiểm, nhưng ông ấy phải liên hệ với kiến trúc sư và quyết định làm gì. Có vẻ như ông ấy đểch quan tâm tới tất cả những điều đó. Ông ấy chỉ nói với tôi mỗi một câu: “Đưa tôi tới đó”. Thế là chúng tôi đến Goose Cove. Vẫn còn hàng đống những thứ cứt đá trong ngôi nhà, anh biết không? Ông ấy bỏ hết cả lại đó, đồ gỗ và nhiều đồ đạc khác còn

nguyên vẹn. Ông ấy bảo chẳng cần gì nữa. Chúng tôi ở lại trong đó khoảng một tiếng đồng hồ. Một tiếng đồng hồ trên mảnh đất đầy bùn làm hỏng mắt toi của tôi một đôi giày trị giá 600 đô la. Tôi phải chỉ cho ông ta những cái mà ông ta nên giữ, nhất là đồ gỗ cổ. Tôi cũng đề nghị ông ấy phá tường để mở rộng phòng khách. Tôi còn nhắc ông ta rằng chúng ta có thể kiện lên cấp nhà nước bang vì đã xâm hại nhân phẩm ông ấy, có thể còn thu được cả một mỏ vàng nữa. Nhưng ông ấy không thêm phản ứng. Tôi đề nghị ông ấy liên lạc với một công ty chuyên dọn nhà để vận chuyển đồ đạc một cách an toàn rồi giữ gìn tất cả trong kho đồ gỗ. Tôi còn bảo thật may mắn vì trời không mưa, cũng không có trộm cắp, nhưng ông ấy lại trả lời rằng, chẳng cần. Thậm chí ông ấy còn nói thêm càng tốt nếu như có ai đến ăn trộm vì như vậy ít ra những món đồ gỗ cũng còn có ích. Anh có hiểu thế nghĩa là gì không hả anh Goldman?

- Vâng, ngôi nhà không còn có ích đối với ông ấy nữa.
- Không còn có ích gì nữa ư? Tại sao lại thế?
- Vì ông ấy chẳng còn ai để mà chờ đợi nữa.
- Để chờ đợi? Nhưng đợi ai?
- Nola.
- Cô ấy đã chết từ lâu rồi!
- Thì chính bởi vậy đây.

Roth nhún vai.

- Xét cho cùng, anh ta nói, ngay từ đầu tôi đã có lí. Cô bé Kellergan này là một con đĩ. Cô ta cười lên đầu lên cổ cả thành phố này. Harry cũng chỉ là kẻ bị lừa, một kẻ lãng mạn dịu dàng ngây ngô bị mắc bẫy, viết cho cô ta những lời lẽ yêu đương, hay chính xác là cả một tiểu thuyết.

Anh ta phá lên cười độc ác.

Thật là khôn. Bằng một động tác nhanh gọn, tôi túm lấy cổ áo sơ mi và đập mạnh tay luật sư vào tường, khiến những chai nước hoa rơi xuống đất vỡ vụn. Tôi chặn tay ngang cổ họng anh ta.

– Nola đã thay đổi cả cuộc đời Harry! Tôi hét to. Nola hy sinh vì ông ấy! Tôi cấm anh nhắc lại với tất cả mọi người rằng Nola là con đĩ.

Anh ta cố vùng ra nhưng vô ích; tôi nghe thấy giọng nói đang chết ngạt của anh ta nghẹn lại bé tí. Mấy người xúm quanh chúng tôi, nhân viên an ninh chạy tới và rút cuộc tôi bỏ Roth ra. Đầu anh ta đỏ như quả cà chua, áo sơ mi tuột cúc. Anh ta lắp bắp:

– Anh... anh.... Anh điên rồi, Goldman? Điên như Quebert! Tôi có thể kiện anh!

– Cứ làm như anh muốn, Roth ạ!

Anh ta bỏ đi, điên lên vì tức giận, khi đi được khá xa thì anh ta hét to:

– Chính anh nói Nola là con đĩ, Goldman ạ! Chính anh viết ra như vậy, đúng không? Tất cả những điều đó là do lỗi ở anh!

Tôi chỉ muốn cuốn sách hoàn thành rồi sẽ sửa chữa thảm họa gây ra vì mấy trang ghi chép của mình bị phát tán. Còn một tháng rưỡi trước khi nó được xuất bản chính thức. Roy Barnaski chịu áp lực lớn, gọi điện cho tôi nhiều lần trong ngày để chia sẻ sự phẫn khích của ông ấy.

– Tất cả đều hoàn hảo! Thời gian trù tính rất hoàn hảo! Bản báo cáo của ngài chưởng lý được đưa ra tại thời điểm này cùng biết bao sự kiện chấn động là điều may mắn không thể tưởng tượng được, vì trong ba tháng nữa, sẽ diễn ra bầu cử tổng thống, chẳng ai thèm quan tâm đến cuốn sách của anh và cả câu

chuyện này nữa. Anh biết không, thông tin là dòng chảy bất tận trong không gian có giới hạn. Khối lượng thông tin tăng theo cấp số nhân, nhưng thời gian người ta dành cho nó có giới hạn và không thể mở rộng ra được. Người bình thường dành bao lâu để đọc thông tin? Có đến một tiếng mỗi ngày? 20 phút đọc báo miễn phí trong tàu điện ngầm buổi sáng, nửa tiếng lướt mạng ở văn phòng và khoảng 15 phút xem CNN buổi tối trước khi đi ngủ. Nguyên liệu để lấp đầy khoảng thời gian này có đến vô tận! Trên thế giới hàng đống điều tởm lợm xảy ra, nhưng người ta không nói tới vì không có thời gian. Không thể đồng thời nói đến Nola Kellergan và Soudan, không có thời gian, anh hiểu không. Chỉ có 15 phút cho CNN mỗi buổi tối. Sau đó, mọi người muốn xem bộ phim truyền hình nhiều tập mà họ đang theo dõi. Cuộc sống là vấn đề lựa chọn các ưu tiên.

– Ông đúng là người theo chủ nghĩa hoài nghi, Roy ạ, tôi trả lời ông ta.

– Không đâu, trời đất ơi, không đâu! Đừng có kết tội tôi xấu xa! Chỉ đơn giản tôi là người thực tế. Còn anh, anh là tay thợ săn dẹt chuyên đi bắt bướm, một kẻ mộng mơ lang thang trên thảo nguyên tìm nguồn cảm hứng. Anh có thể viết một tuyệt tác về Soudan nhưng tôi sẽ không bao giờ xuất bản nó. Bởi vì công chúng đêch thềm! Họ đêch thềm cái đó! Vậy thì, vâng, anh có thể cho rằng tôi là kẻ mất dạy, nhưng việc tôi làm chỉ là đáp ứng yêu cầu. Ai cũng tránh xa đất nước Soudan, vậy đấy. Ngày hôm nay, khắp nơi người ta nói về Harry Quebert và Nola Kellergan, cho nên cần phải lợi dụng điều đó: hai tháng nữa, người ta sẽ nói về tân tổng thống, cuốn sách của anh sẽ chẳng còn tồn tại nữa. Nhưng lúc đó, chúng ta đã bán được nhiều tới mức cho phép anh có cuộc sống yên tĩnh, hạnh phúc trong ngôi nhà mới ở Bahamas.

Phải thừa nhận Barnaski có tài năng bẩm sinh về chiếm hữu không gian thông tin. Tất cả mọi người đều đã nói tới cuốn sách; Barnaski khiến họ càng nói nhiều hơn bằng cách tăng cường các chiến dịch quảng cáo. Vụ án Harry Quebert, cuốn sách có giá một triệu đô la, là lời giới thiệu của báo chí. Tôi nhận ra khoản thù lao khổng lồ ông ấy hứa trả cho tôi đã được tung tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đây cũng chính là một khoản đầu tư cho quảng cáo. Theo Barnaski, các nguyên tắc thương mại đã bị đảo lộn bởi sự xuất hiện của internet và các mạng xã hội.

– Hãy tưởng tượng xem, Marcus, giá phải trả cho một vị trí quảng cáo duy nhất trong tàu điện ngầm ở New York là bao nhiêu? Cả một gia tài. Chúng ta phải trả quá nhiều cho một tấm biển quảng cáo chỉ được tồn tại trong một khoảng thời gian rất có hạn và số người nhìn thấy nó cũng rất hạn chế: mọi người phải ở New York, phải đi đúng hành trình đó, xuống đúng ga đó vào đúng thời điểm. Ngày nay, chỉ cần tạo ra một cái buzz, khiến mọi người nói về mình, tin tưởng cho thiên hạ nói về mình trên các mạng xã hội: anh sẽ thâm nhập được vào một không gian quảng cáo miễn phí và không có giới hạn. Con người trên trái đất này tự nhiên sẽ lãnh trách nhiệm quảng cáo cho mình trên qui mô toàn cầu mà có khi không hề ý thức về điều đó. Tuyệt vời quá còn gì? Những người dùng facebook chỉ là làm việc không công. Thật là ngu ngốc nếu không sử dụng họ.

– Đó chính là điều mà ông làm phải không?

– Bằng cách tặng cho anh một triệu đô la chứ gì? Chính xác. Trả một khoản tiền khổng lồ như trả cho vô địch bóng rổ hay khúc côn cầu cho một nhà văn để hắn viết một cuốn sách, thì chắc chắn ai ai cũng sẽ nói tới nhà văn đó.

Tại New York, 6 trụ sở công ty Schmid & Hanson, căng thẳng đã lên tới đỉnh điểm. Tất cả các nhóm làm việc đều được huy động để đảm bảo sản xuất và theo sát cuốn sách. Công ty chuyển phát nhanh Fedex gửi tới cho tôi hẳn một chiếc điện thoại cho phép tôi tham gia trực tiếp vào tất cả các cuộc họp ở Manhattan từ căn phòng hạng sang trong khách sạn Regent. Họp với nhóm marketing chịu trách nhiệm quảng cáo, họp với nhóm thiết kế đồ họa chịu trách nhiệm thiết kế bìa sách, họp với ban pháp lí chịu trách nhiệm nghiên cứu tất cả các điều luật liên quan tới cuốn sách, và cuối cùng họp với đội ngũ các nhà văn ma mà Barnaski sử dụng để viết thay cho một số tác giả nổi tiếng mà ông ta cực kì muốn ép tôi chấp nhận sự dôi trá này.

* * *

Cuộc họp điện đàm số 2. Với các nhà văn ma.

– Ba tuần nữa, cuốn sách phải được hoàn thành, anh Marcus ạ. Barnaski nhắc lại với tôi đến lần thứ mười. Sau đó chúng ta sẽ có 10 ngày để chỉnh sửa, sau đó một tuần nữa để in. Như vậy có nghĩa là vào giữa tháng Chín, chúng ta sẽ phát hành khắp cả nước. Anh đảm bảo được tiến độ chứ?

– Được, Roy.

– Nếu cần, chúng tôi sẽ hỗ trợ! Từ phía sau, trưởng nhóm nhà văn ma, Francois Lancaster hét lên. Chúng tôi sẽ đáp ngay chuyến bay đầu tiên tới Concord, ngay ngày mai sẽ có mặt để giúp anh.

Tôi nghe thấy những người khác đồng thanh rú lên đúng rồi, ngày mai họ sẽ có mặt và mọi chuyện sẽ tuyệt diệu.

– Họ là những tay viết cừ khôi, Barnaski nài nỉ, ngay cả anh

cũng không phát hiện ra sự khác nhau.

– Đúng vậy, ngay cả anh cũng không thấy sự khác nhau đâu, Francois nhắc lại. Tại sao anh cứ muốn nai lưng làm việc trong khi anh có thể không phải làm?

– Các anh đừng lo, tôi sẽ đảm bảo đúng kì hạn.

Cuộc họp điện đàm số 4. Với nhóm marketing.

– Thưa anh Goldman, Sandra giám đốc marketing nói, chúng tôi cần có ảnh của anh trong lúc anh đang viết, các tấm ảnh cũ chụp với Harry, ảnh của Aurora. Ngoài ra chúng tôi cũng cần những ghi chép của anh để viết cuốn sách.

– Đúng, tất cả các ghi chép của anh, Barnaski nói theo.

– Được... được... Nhưng tại sao? Tôi hỏi.

– Chúng tôi muốn xuất bản một ấn phẩm về cuốn sách của anh, Sandra giải thích. Kiểu như một cuốn nhật kí được minh họa thật sinh động. Sẽ thành công vang dội cho mà xem. Tất cả những người mua sách của anh sẽ muốn mua cuốn nhật kí về cuốn sách của anh và ngược lại. Anh hiểu chứ.

Tôi thở dài:

– Các anh không nghĩ rằng tôi có cái khác cần phải làm trong thời điểm hiện tại hơn là tham gia viết một cuốn nhật kí một cuốn sách mà tôi còn chưa viết xong à.

– Chưa viết xong à? Barnaski rú lên như kẻ loạn trí. Tôi sẽ cử ngay lập tức đến cho anh những nhà văn ma!

– Không phải cử ai hết! Nhân danh chúa, hãy để cho tôi được yên thân viết xong cuốn sách.

Cuộc họp điện đàm số 6. Với các nhà văn ma.

– Chúng tôi đã viết là khi chôn cô bé, Caleb khóc. Francois Lancaster tuyên bố .

- Chúng tôi đã viết, thế nghĩa là thế nào?
- Đúng thế, hẳn chôn cất cô bé và khóc. Những hàng lệ rơi xuống ngôi mộ khiến đất hóa thành bùn. Cảnh tượng thật đẹp, rồi anh sẽ thấy.
- Ôi, nhận danh chúa, tôi có đề nghị các anh viết một cảnh đẹp về Caleb chôn cất Nola hay không?
- Thực ra là không, nhưng ông Barnaski nói...
- Barnaski à? A lô, Roy... ông có ở đây không? A lô, a lô?
- Ở... có, anh Marcus, tôi đây...
- Chuyện này nghĩa là thế nào?
- Đừng nổi cáu lên như vậy, Marcus. Tôi không thể chấp nhận rủi ro cuốn sách không xong đúng thời hạn, cho nên tôi đã yêu cầu các anh ấy làm trước, phòng trường hợp cần thiết. Chỉ là phòng thôi. Nếu anh không thích thì chúng ta sẽ không dùng văn của họ. Nhưng nếu anh không có đủ thời gian để hoàn thành, đây sẽ là phao cứu sinh cho chúng ta!

Cuộc họp điện đàm số 10. Với nhóm pháp lí.

- Chào anh Goldman, tôi là Richardson, làm ở bộ phận pháp lí. Chúng tôi đã nghiên cứu kĩ, và khẳng định chắc chắn, anh có thể sử dụng tên riêng, Stern, Pratt, Caleb. Những điều anh nói đều có trong báo cáo của chưởng lý, và những thông tin ấy lại được các phương tiện truyền thông dùng lại. Chúng ta đã được mặc áo giáp sắt, chúng ta không có nguy cơ gì hết. Không hề có sự xuyên tạc, bóp méo, chỉ có sự thực.
- Họ cũng nói rằng anh có thể cho thêm vài cảnh làm tình hay quyến rũ gì đó dưới dạng hoang tưởng hay giấc mơ, Barnaski chêm vào, có phải vậy không Richardson?
- Hoàn toàn được. Tôi cũng đã nói rồi. Nhân vật trong

truyện có thể mơ rằng anh ta đang làm tình, điều đó cho phép trong cuốn sách có chi tiết tình dục mà không có nguy cơ bị kiện tụng gì.

– Đúng vậy, thêm chút tình dục vào đi, Marcus, Barnaski nói lại. Hôm trước, Francois nói cuốn sách của anh rất hay nhưng tiếc là thiếu ít mắm muối. Bé gái mười lăm tuổi, Quebert hơn ba mươi tuổi một chút!

– Ông điên mất rồi, Roy ạ! Tôi kêu lên.

– Còn anh thì cứ làm lãng phí hết cả, Goldman ạ, Barnaski thở dài. Những câu chuyện thánh thiện, chẳng có sờ mó gì, làm mọi người phát ngán.

Cuộc họp điện đàm số 13. Cùng với nhóm thiết kế đồ họa.

Chọn bìa cho cuốn sách đúng là một bài toán học búa.

– Bìa sách có thể là một tấm ảnh của anh, trưởng nhóm thiết kế, Steven gợi ý.

– Một tấm ảnh của Nola, một người khác đề nghị.

– Một tấm ảnh của Caleb, sẽ có hiệu ứng nhiều hơn chứ phải không? Một người thứ ba lên tiếng.

– Thế tại sao lại không để ảnh của khu rừng nhỉ? Trợ lý trưởng nhóm tiếp lời.

– Đúng, một thứ gì đó gợi sự u tối và lo lắng sẽ không tồi, Barnaski nói.

– Hay cái gì đó tối tăm, rớt cuộc tôi gợi ý. Một cái nhìn chung về Aurora, và ở phía trước sẽ là hai cái bóng không phân biệt được nhưng người ta có thể nghĩ rằng đó là Harry và Nola, đi cùng với nhau trên đường.

– Phải lưu ý vào màu sắc tối tăm, Steven nói. Tối tăm sẽ gợi cảm giác chán. Và cái gì chán thì sẽ không bán được đâu.

* * *

Trong khi cuốn sách của tôi tiến triển với tốc độ chóng mặt, thì cuộc điều tra về kẻ ám sát Cảnh sát trưởng Pratt lại dậm chân tại chỗ. Gahalowood yêu cầu toàn đội cảnh sát tội phạm báo cáo kết quả, nhưng chẳng có gì tiến triển. Không một dấu vết, không một hướng điều tra nào có thể tiến hành. Chúng tôi nói rất lâu về chuyện này trong quán bar của hội lái xe ở cửa ngõ thành phố, nơi thỉnh thoảng Gahalowood đến cho khuây khỏa đầu óc và đánh bi a.

– Đây là hang ổ của tôi, anh ta nói và chìa cho tôi cây gậy mời đấu một ván. Đạo này tôi thường xuyên tới đây.

– Công việc chẳng dễ dàng gì, phải vậy không?

– Giờ cũng được rồi. Ít nhất là chúng tôi đã giải quyết được vụ Kellergan, đó là vụ quan trọng. Ngay cả việc này phát sinh ra những chuyện cứt đái kinh khủng hơn tôi tưởng. Nhất là khi viên chưởng lý làm việc rất tồi, mà lúc nào chẳng thế, bởi chưởng lý đã được bầu sẵn cả rồi.

– Thế còn anh?

– Thống đốc rất hài lòng, Cảnh sát trưởng cũng hài lòng, vậy tất cả mọi người đều hài lòng. Ngoài ra, các sếp còn định lập bản một đội chịu trách nhiệm nghiên cứu các hồ sơ chưa được làm rõ và muốn mời tôi tham gia.

– Các hồ sơ chưa được làm rõ à? Nhưng quả thật là rất khó chịu khi không có nạn nhân cũng không có thủ phạm! Suy cho cùng, đây chỉ là câu chuyện người chết.

– Đây là câu chuyện người sống chứ, anh Goldman. Trong trường hợp Nola Kellergan, người cha có quyền biết điều gì đã xảy ra đối với con gái của mình; còn Quebert thì suýt phải chịu

tai bay vạ gió oan uổng trước tòa án. Chân lí phải hoàn thành sứ mệnh của mình, ngay cả khi vụ việc xảy ra cách đây nhiều năm.

– Thế còn Caleb? Tôi hỏi.

– Tôi nghĩ anh ta bị mất phương hướng, lạc lối trong cuộc sống. Anh biết đấy, trong những trường hợp kiểu như thế này, thông thường có hai loại. Hoặc là giết người hàng loạt; hoặc là một loại điên rồ. Nhưng ở đây, trong vùng không hề xảy ra vụ nào tương tự như trường hợp Nola.

Tôi gật đầu thừa nhận.

– Điểm duy nhất làm cho tôi phải suy nghĩ, Gahalowood nói, đó là Pratt. Ai giết ông ta? Và tại sao? Vẫn còn có một người chưa lộ mặt trong vụ án này. Tôi sợ rằng chúng ta sẽ không bao giờ có thể giải quyết được vấn đề.

– Anh vẫn nghĩ đến Stern à?

– Tôi chỉ hơi nghi ngờ thôi. Tôi đã từng nói với anh, theo tôi có mảng tối trong quan hệ giữa ông ta với Luther. Mọi quan hệ giữa họ là thế nào? Tại sao Stern lại không nhắc gì đến việc xe ô tô của ông ta biến mất? Thật sự ở đây có điều gì đó rất kì lạ. Tại sao ông ta lại dính líu vào sự việc một cách gián tiếp như vậy? Có thể lắm.

– Thế anh không hỏi ông ta luôn điều đó à? Tôi hỏi.

– Có chứ. Ông ta tiếp tôi hai lần đều rất tử tế. Ông ta nói cảm thấy ổn hơn kể từ khi kể cho tôi về bức tranh. Ông ta có nói rõ đôi khi ông ta cho phép Luther được sử dụng chiếc Chevrolet Monte Carlo màu đen vào việc riêng, bởi vì chiếc Mustang xanh lơ rất tồi tàn. Tôi không biết sự thực có phải như vậy không nhưng dù sao chẳng nữa giải thích của ông ấy rất hợp lí. Tất cả đều vô cùng hợp lí. Đã mười ngày nay tôi tập trung tìm hiểu

thêm về cuộc sống của Stern nhưng không phát hiện ra điều gì cả. Tôi còn nói chuyện với cả Sylla Mitchell nữa, tôi hỏi cô ấy điều gì đã xảy ra với chiếc xe Mustang xanh lơ của anh trai cô ấy, Sylla bảo cô ấy hoàn toàn không biết gì hết. Chiếc xe này đã hoàn toàn biến mất. Tôi không có bằng chứng gì chống lại Stern, không có gì có thể làm tôi nghĩ ông ta có dính dáng đến vụ việc.

– Tại sao một người như Stern lại để cho một gã tài xế chi phối hoàn toàn như vậy? Nhún nhường trước những trò đồng đánh của anh ta, cho anh ta được sử dụng xe ô tô riêng... Có cái gì đó mà tôi còn chưa hiểu nổi.

– Tôi cũng vậy, nhà văn ạ. Tôi cũng vậy.

Tôi xếp các viên bi trên bàn.

– Hai tuần nữa tôi phải viết xong cuốn sách, tôi nói.

– Nhanh vậy à? Anh viết nhanh thật đấy.

– Cũng không nhanh lắm đâu. Có thể anh nghe thấy người ta nói cuốn sách này được viết trong hai tháng, nhưng thực ra tôi đã mất cả hai năm cơ đấy.

Gahalowood mỉm cười.

* * *

Cuối tháng Tám năm 2008, tôi tự cho mình thú vui xa xỉ là đã hoàn thành xong cuốn *Vụ án Harry Quebert* trước hạn một chút. Hai tháng sau đó, cuốn sách mang đến thành công cực kì vang dội.

Vậy là đã đến lúc tôi phải quay trở lại New York. Tại đây, Barnaski đang chuẩn bị tung ra một chiến lược quảng bá cực kì

hoành tráng cho cuốn sách bằng chiêu trưng bày ảnh lớn và gặp gỡ với cánh nhà báo. Tình cờ, tôi rời Concord đúng một ngày trước ngày cuối cùng của tháng Tám. Trên đường đi, tôi ghé qua Aurora để gặp Harry trong nhà nghỉ mà ông vẫn ở. Như mọi khi, ông vẫn đang ngồi trước cửa phòng.

– Em quay về New York, tôi nói với ông.

– Vậy đây là cuộc gặp vĩnh biệt.

– Đây chỉ là tạm biệt. Em sẽ nhanh chóng quay trở lại, sẽ khôi phục lại danh dự cho thầy, Harry ạ. Cho em xin vài tháng, và một lần nữa, thầy sẽ lại là nhà văn lớn được cả đất nước kính trọng.

– Tại sao cậu lại làm như vậy hả Marcus?

– Tại vì chính nhờ thầy mà em mới được như ngày hôm nay.

– Thế thì sao? Anh cảm thấy mắc nợ tôi à? Tôi giúp anh trở thành nhà văn, nhưng bởi vì hình như dưới mắt của dư luận quần chúng, chính tôi lại không còn là nhà văn nữa, nên anh cố gắng trả lại tôi cái tôi đã cho anh ư?

– Không, em bảo vệ thầy bởi vì em luôn tin tưởng ở thầy. Luôn luôn.

Tôi chìa ra cho ông một phong bì dày và nặng.

– Cái gì thế này? Ông hỏi.

– Cuốn sách em vừa viết.

– Tôi không đọc đâu.

– Em muốn có ý kiến đồng ý của thầy trước khi xuất bản. Cuốn sách này là của thầy.

– Không, Marcus ạ. Là cuốn sách của anh. Đó mới là vấn đề.

– Có vấn đề gì ở đây ạ?

– Tôi nghĩ cuốn sách này rất tuyệt vời.

– Thế thì tại sao nó lại là vấn đề.
– Phức tạp lắm, Marcus ạ. Một ngày nào đó, anh sẽ hiểu.
– Nhưng hiểu cái gì mới được chứ, trời ạ. Thầy nói đi, nói đi nào.

– Một ngày nào đó, anh sẽ hiểu, Marcus ạ.

Im lặng hồi lâu.

– Vậy bây giờ thầy định làm gì? Rất cuộc tôi hỏi.

– Tôi sẽ không ở đây nữa.

– Ở đây là ở đâu? Ở nhà nghỉ này, hay bang New Hampshire, hay là nước Mỹ?

– Tôi muốn đến thiên đường của các nhà văn.

– Thiên đường của các nhà văn? Nghĩa là gì ạ?

– Thiên đường của các nhà văn là nơi anh quyết định viết lại cuộc đời của anh như anh muốn sống. Bởi vì, Marcus ạ, sức mạnh của nhà văn, đó là có thể quyết định được kết cục của cuốn sách. Họ có đủ quyền lực quyết cho một người sống hay chết, có quyền lực thay đổi được tất cả. Nơi đầu ngón tay của các nhà văn có một sức mạnh mà họ thường không thể ngờ được. Chỉ cần nhắm mắt lại là họ có thể lật ngược lại dòng chảy của một cuộc đời. Marcus, điều gì sẽ xảy ra vào ngày 30 tháng Tám năm 1975 nếu...

– Chẳng ai thay đổi được quá khứ, thầy Harry, đừng nghĩ đến nó nữa...

– Làm thế nào mà không nghĩ đến quá khứ cho được?

Đặt chồng bản thảo lên trên ghế cạnh Harry, tôi làm bộ như chuẩn bị đi, vậy là Harry hỏi tôi:

– Cuốn sách của anh nói về chuyện gì?

– Chuyện một người đàn ông yêu một cô gái trẻ. Nàng nuôi

giấc mơ cho cả hai người. Nàng muốn họ sống chung và người yêu nàng sẽ trở thành nhà văn vĩ đại, thành giáo sư đại học và họ sẽ nuôi một chú chó lông màu mặt trời. Nhưng một hôm, cô gái ấy biến mất. Người ta không bao giờ tìm thấy nàng. Còn người đàn ông ở lại nhà chờ đợi. Ông ấy trở thành nhà văn vĩ đại, giáo sư đại học, và nuôi một chú chó lông màu mặt trời. Ông ấy làm tất cả những gì người yêu ông muốn trong khi đợi nàng. Ông ấy không bao giờ yêu ai khác nữa, chung thủy chờ đợi nhưng nàng không bao giờ trở lại.

– Bởi vì nàng đã chết!

– Vâng, nhưng bây giờ người đàn ông đó có thể tổ chức một đám tang.

– Không, quá muộn rồi! Bây giờ người đàn ông đó đã sáu mươi bảy tuổi rồi.

– Sẽ không bao giờ quá muộn để yêu lần nữa. Tôi giờ tay làm hiệu cho thầy một cách thân tình. Tạm biệt, Harry. Em sẽ gọi điện cho thầy ngay khi tới New York.

– Đừng có gọi. Như vậy tốt hơn.

Tôi bước xuống những bậc cầu thang phía bên ngoài dẫn ra sân để ra xe. Khi chuẩn bị trèo lên ô tô, tôi nghe thấy tiếng ông gọi với theo từ bên hiên tầng một:

– Marcus, hôm nay là ngày bao nhiêu nhỉ?

– Ngày 30 tháng Tám, Harry ạ..

– Bây giờ là mấy giờ rồi?

– Gần 11 giờ sáng.

– Chỉ còn hơn tám tiếng nữa, Marcus ạ!

– Hơn tám tiếng nữa thì sao ạ?

– Hơn 8 tiếng nữa thì đến 19 giờ.

Tôi vẫn chưa hiểu gì cả, tôi hỏi:

– Có chuyện gì xảy ra lúc 19 giờ?

– Nàng với tôi, hẹn nhau lúc đó, anh biết rồi mà. Nàng sẽ quay trở lại. Hãy nhìn này Marcus! Hãy nhìn xem chúng ta đang ở đâu! Chúng ta đang ở thiên đường của các nhà văn. Chỉ cần viết thôi, tất cả sẽ thay đổi.

* * *

Ngày 30 tháng Tám năm 1975, tại thiên đường của các nhà văn

Nàng quyết định không đến bằng đường 1 mà đi dọc bờ biển. Như vậy cẩn trọng hơn. Ôm chặt tập bản thảo trong tay, nàng chạy, dẫm chân trên đá cuội và cát. Nàng gần đến Goose Cove rồi. Chỉ cần đi bộ thêm hai hoặc ba dặm nữa thì sẽ tới nhà nghỉ. Nàng nhìn đồng hồ: hơn 18 giờ một chút. Khoảng 45 phút nữa, nàng sẽ đến được nơi hẹn. Đúng vào lúc 19 giờ như đã hẹn. Nàng tiếp tục đi, đã rất gần đường Side Creek, và phải vượt qua bờ rừng để đến đường 1. Dưới bãi cát, nàng leo qua một đoạn đường đá để lên phía rừng, rồi thận trọng vượt qua mấy hàng cây, rất chú ý để những bụi cây bên đường không làm vướng hay rách chiếc váy đỏ duyên dáng. Từ xa, qua mấy hàng cây xanh, nàng thấy một ngôi nhà: trong bếp, một phụ nữ đang chuẩn bị làm bánh táo.

Nàng đã lên đến đường 1. Ngay trước khi ra khỏi rừng, một chiếc ô tô phóng vút qua. Chính là Luther Caleb đang quay trở về Concord. Nàng tiếp tục đi thêm hai dặm nữa và sắp tới khu nhà nghỉ. Lúc đó là 19 giờ đúng. Nàng len lỏi qua bãi đỗ xe, leo lên cầu thang phía bên ngoài. Căn phòng số 8 ở tầng một. Nàng

leo bốn bậc cầu thang một, rồi đập liên hồi vào cửa phòng.

Có tiếng người vừa đập cửa. Anh vội vàng ra mở cửa.

– Harry! Harry yêu quý!

Nàng kêu lên ngay khi thấy anh xuất hiện ở khung cửa. Nàng nhảy lên ôm lấy cổ anh, hôn anh tới tấp. Anh nhấc bổng nàng lên.

– Nola! Em đây rồi! Em tới rồi! Em tới rồi!

Nàng nhìn anh với vẻ nức cười.

– Thì hiển nhiên là em tới rồi, anh nói thật buồn cười.

– Chắc anh đã thiếp ngủ và gặp ác mộng... Anh ở trong căn phòng này đợi em. Anh đợi em nhưng em không tới. Anh đợi em, đợi mãi, đợi mãi. Em chẳng bao giờ tới.

Nàng nép mình vào anh.

– Thật là cơn ác mộng khủng khiếp, Harry ạ! Bây giờ em tới đây rồi! Em sẽ ở đây mãi mãi!

Họ ôm nhau thật lâu. Anh tặng nàng bó hoa anh đang nhúng trong bồn rửa mặt.

– Em không mang theo gì à? Harry hỏi khi nhìn thấy nàng không có chút hành lí nào.

– Không, như vậy cho kín đáo. Chúng ta sẽ mua những thứ cần thiết trên đường. Nhưng em có mang theo tập bản thảo.

– Thế mà anh tìm nó mãi!

– Em đã cầm theo để đọc... Em rất thích, Harry ạ. Đúng là tuyệt tác!

Họ còn tiếp tục ôm nhau một lúc lâu nữa, rồi nàng nói:

– Chúng ta phải đi thôi, chúng ta phải đi thôi, nhanh lên. Chúng ta Phải đi ngay.

– Phải đi ngay ư?

– Vâng, em muốn đi xa nơi này. Harry, em không muốn ai đó phát hiện ra chúng ta, chiều lòng em đi Harry, em xin anh. Chúng ta phải đi ngay lập tức.

Màn đêm buông xuống. Hôm đó là ngày 30 tháng Tám năm 1975. Bóng hai người chạy trốn khỏi nhà nghỉ, nhanh chóng bước xuống các bậc cầu thang dẫn ra chỗ để xe trước khi mất hút trong chiếc Chevrolet Monte Carlo màu đen. Người ta có thể thoáng nhìn thấy chiếc ô tô lao trên con đường 1 thẳng hướng Bắc. Xe chạy rất nhanh rồi biến mất phía cuối chân trời. Ít phút sau, không còn thấy bóng dáng chiếc xe đâu nữa: nó chỉ còn là một chấm nhỏ màu đen, rồi thành một vết bé tí tẹo. Trong giây lát, chỉ còn có thể đoán được chấm sáng cực nhỏ do ánh đèn pha, rồi hoàn toàn biến mất.

Họ cùng nhau đi về hướng sự sống.

PHẦN THỨ BA

Thiên đường của các nhà văn

(Sách được xuất bản)

5

Cô bé khiến cả nước Mỹ cảm động

“Marcus ạ, một cuốn sách mới là một cuộc sống mới bắt đầu. Đó cũng là thời điểm thể hiện lòng nhân ái: anh trao tặng một phần của anh cho ai mong muốn khám phá nó. Một số sẽ say mê, một số khác sẽ ghét bỏ. Một số coi anh là thần tượng, còn số khác lại khinh bỉ. Một số người quan tâm, một số khác lại ghen tị. Nhưng Marcus này, anh viết không phải để cho họ; mà để cho tất cả mọi người có được một khoảng thời gian thú vị trong cuộc sống hàng ngày nhờ Marcus Goldman. Anh sẽ bảo tôi thế thì quá ít ỏi; thế nhưng được như vậy đã không phải là tồi. Một số nhà văn muốn thay đổi diện mạo cả thế giới. Nhưng liệu họ có thể thực sự làm được điều đó hay không?”

Ai ai cũng nói về cuốn sách. Trên các đường phố của New York, tôi không còn được yên thân đi dạo, cũng không thể chạy bộ trong công viên Central Park mà không có những người cũng chạy bộ như tôi nhận ra và thốt lên: “Ô kìa, là Goldman đó! Nhà văn đấy!”. Thậm chí, một số người còn chạy theo và hỏi tôi những vấn đề mà họ thắc mắc: “Những điều anh nói, anh viết trong sách là thật đấy à? Harry Quebert đã làm thế thật sao?”. Trong quán cà phê West Village nơi tôi có thói quen lui tới, một số khách hàng còn không ngần ngại ngồi hẳn vào bàn nói chuyện với tôi: “Tôi đang đọc quyển sách của anh, anh Goldman ạ: tôi không sao ngừng lại được! Cuốn đầu tiên đã quá hay rồi, thế mà cuốn này thì, trời ơi! Anh được người ta trả đến tận một triệu đô la để viết cuốn này à? Anh bao nhiêu tuổi? Chắc chưa đến ba mươi phải không? Ba mươi! Thế mà anh đã

hái được cả một đồng tiền như thế!” Ngay cả người gác cửa tòa nhà tôi ở còn tranh thủ đọc lúc không có người ra vào, lúc đọc xong, ông chặn tôi lại ở chân cầu thang máy rất lâu để thổ lộ những điều làm ông đang xúc động tột độ: “Ôi thật cuộc đó là điều đã xảy ra với Nola Kellergan ư? Kinh khủng thật! Nhưng làm sao mà lại thế được nhỉ? Này, anh Goldman này, làm sao mà lại có thể thế được nhỉ?”

Kể từ khi xuất bản, Vụ án Harry Quebert đã chiếm vị trí số một về doanh số bán ra trên khắp cả nước; nó hứa hẹn sẽ là cuốn sách bán chạy nhất trong năm trên toàn bộ châu Mỹ. Khắp nơi người ta nói đến nó: tivi, đài và trên báo chí. Những nhà phê bình đã chờ sẵn tôi sau mỗi một buổi quay, không ngớt lời ca ngợi tôi. Người ta nói rằng cuốn sách mới của tôi là một đại tiểu thuyết.

Ngay sau khi cuốn sách được phát hành, tôi đã phải lao vào một cuộc chạy đua để xúc tiến bán hàng, tôi phải đi khắp bốn miền của đất nước trong vòng chỉ có hai tuần, vì lý do cuộc bầu cử thống thống. Barnaski cho rằng đây là giới hạn của khuôn khổ thời gian thuộc về chúng tôi trước khi mọi ánh mắt chuyển hướng tới Washington cho cuộc bầu cử ngày 4 tháng Mười một. Khi quay trở lại New York, tôi còn lăn lộn ở tất cả các trường quay với nhịp độ điên cuồng để đáp lại sự cuồng nhiệt của công chúng. Tiếng vang đến tận nhà bố mẹ tôi, nơi các nhà báo và những người tò mò lần tới bấm chuông không ngừng ngoài cửa. Để đảm bảo cho bố mẹ tôi được yên, tôi đã phải tặng họ một chiếc xe ca cắm trại để biến giấc mơ từ lâu của hai người thành hiện thực: lái xe tới Chicago rồi xuống đường 66 đến tận California.

Kể từ sau khi xuất hiện một bài báo trên tờ New York Time, Nola bắt đầu được mọi người gọi là cô bé khiến cả nước Mỹ cảm

động. Những lá thư bạn đọc gửi cho tôi thể hiện đầy đủ mọi cung bậc cảm xúc: ai cũng cảm động vì câu chuyện của cô bé bất hạnh bị đối xử tệ bạc đã tìm lại được nụ cười khi gặp Harry Quebert. Khi sắp bước sang tuổi 16, Nola đã biết đấu tranh vì Harry, cho phép Harry viết nên *Nguồn gốc cái xấu xa*. Hơn nữa, một số nhà lí luận phê bình còn khẳng định rằng cuốn tiểu thuyết của Harry chỉ có thể được đọc một cách đúng đắn khi có cuốn truyện của tôi; bắt đầu từ đó, họ đưa ra cách tiếp cận mới theo đó Nola không còn là đại diện cho một tình yêu không thể, mà đại diện cho một tình cảm mạnh mẽ. Chính vậy mà *Nguồn gốc cái xấu xa*, trước đó bốn tháng bị cấm lưu hành ở gần như tất cả các thư viện và hiệu sách trên toàn quốc, thì bây giờ lại bán chạy như tôm tươi. Trong mùa sách dành cho lễ Giáng sinh, đội ngũ marketing của Barnaski đang chuẩn bị hẳn một hộp sách với số lượng in rất hạn chế, trong đó bao gồm *Nguồn gốc cái xấu xa*, Vụ án Harry Quebert và một cuốn phân tích văn học của một người nào đó tên là Francois Lancaster.

Về Harry, tôi không còn nắm được tin tức gì kể từ khi chia tay với ông ở nhà nghỉ Sea Side. Tôi đã cố gắng liên lạc với ông vô số lần nhưng điện thoại di động của ông đã bị cắt. Khi tôi gọi đến nhà nghỉ và yêu cầu nối máy với phòng số 8, chuông điện thoại cứ thế đổ dài mà không có người trả lời. Nhìn chung, tôi hoàn toàn mất liên lạc với Aurora, nhưng có khi thế lại hay; tôi hoàn toàn không muốn biết ở đó, người ta đã đón nhận cuốn sách của tôi như thế nào. Qua bộ phận pháp lý của công ty Schmid & Hanson, tôi chỉ biết Elijah Stern vẫn tiếp tục ngoan cố kiện công ty này ra tòa vì cho rằng đã xuất bản cuốn sách xuyên tạc sự thật liên quan tới ông ta, đặc biệt là những người mà tôi đã phỏng vấn lấy ý kiến về lí do tại sao ông ta đồng thuận với Luther, trong đó có việc cho phép anh ta được vẽ Nola khỏa

thân, không bao giờ báo cho cảnh sát biết khi chiếc xe Monte Carlo màu đen của mình biến mất. Thế mà trước khi xuất bản sách, tôi còn gọi điện xin ý kiến ông ta, nhưng Stern không thèm trả lời.

Bắt đầu từ tuần thứ ba của tháng Mười, đúng như Barnaski dự tính, cuộc bầu cử tổng thống bắt đầu chiếm hết tất cả các phương tiện thông tin đại chúng. Các thư xin địa chỉ của tôi đã giảm xuống mạnh mẽ; tôi cảm thấy nhẹ người được chút ít. Tôi vừa mới sống qua hai năm đầy thách thức, có được thành công đầu tiên, trải qua căn bệnh của các nhà văn và rồi rút cuộc viết tiếp được cuốn thứ hai. Đầu óc tôi nặng trĩu, tôi cảm nhận rõ ràng nhu cầu được nghỉ dưỡng ở đâu đó một thời gian. Vì không muốn đi một mình, lại cũng muốn cảm ơn Douglas, vì sự hỗ trợ của anh ấy, tôi mua hai tấm vé đi Bahamas. Tôi muốn dành cho Douglas một bất ngờ thú vị vào một buổi tối khi anh ta tới nhà tôi xem chương trình thể thao. Nhưng tôi đã vô cùng nhầm lẫn, vì anh ta đã từ chối lời mời của tôi.

– Ô, thế thì tuyệt thật đấy, anh ta bảo tôi, nhưng tớ dự định đưa Kelly đi Caraibes đúng ngày hôm đó.

– Kelly? Cậu vẫn còn quan hệ với cô ấy à?

– Ô, tất nhiên rồi. Cậu không biết à? Bọn mình sẽ cưới nhau. Tớ cũng định rủ cô ấy tới đó để ngỏ lời cầu hôn.

– Ôi, thật tuyệt vời! Mình thực sự rất vui. Xin chúc mừng cậu!

Chắc trông mặt tôi buồn quá, vì anh ta nói:

– Marc, cậu đã có tất cả mà bất cứ ai đều mong muốn. Từ bây giờ, đã đến lúc không nên ở một mình nữa.

Tôi tỏ ý đồng tình.

– Chẳng qua là vì... Cả hàng thế kỉ nay mình chả có cuộc hẹn

hò nào cả, tôi bào chữa.

Bạn tôi mỉm cười.

– Đừng lo.

Chính cuộc trò chuyện này dẫn tới một sự việc vào buổi tối ngày hôm sau, thứ Tư 22 tháng Mười năm 2008, một buổi tối mọi thứ hoàn toàn điên đảo.

Douglas sắp xếp cho tôi một cuộc hẹn với Lydia Gloor, người mà cậu ta biết rằng vẫn luôn vương vấn tôi. Douglas thuyết phục tôi gọi điện cho Lydia Gloor và chúng tôi thỏa thuận sẽ gặp lại nhau trong một quán bar ở Soho. Khoảng 19 giờ, Douglas ghé qua nhà tôi để kích lệ tinh thần tôi.

– Cậu vẫn chưa sẵn sàng à? Anh ta nhận xét khi thấy tôi vẫn còn cởi trần lúc ra mở cửa.

– Tớ không quyết được nên mặc cái áo sơ mi nào đây, tôi vừa trả lời, vừa giơ hai chiếc áo ra trước mặt.

– Mặc cái áo màu xanh da trời ý, cái ấy đẹp.

– Cậu có chắc chắn là đi chơi với Lydia sẽ không phải là sai lầm đấy chứ, Dong?

– Giời ơi, cậu chuẩn bị đi chơi, chứ có phải chuẩn bị cưới đâu mà lo, Marc. Cậu chỉ đi uống có cốc nước với một cô gái xinh đẹp, cô ấy thích cậu mà cậu cũng thích cô ấy. Rồi cậu sẽ thấy có còn luồng điện nào chạy giữa hai người nữa không thì rõ.

– Thế sau khi uống nước xong thì làm gì?

– Tớ đã đặt sẵn cho cậu bàn ăn ở tiệm ăn của Ý cực hiện đại, không xa quày bar chỗ uống nước. Tớ sẽ gửi địa chỉ qua tin nhắn cho cậu.

Tôi mỉm cười.

– Nếu không có cậu thì tớ biết làm thế nào hả Doug?

– Thì bạn bè là để giúp đỡ nhau chứ còn gì nữa!

Đúng lúc đó, di động của tôi đổ chuông. Hẳn là tôi sẽ không nhắc máy nếu như không nhìn thấy trên màn hình điện thoại hiện ra tên Gahalowood.

– A lô, trung sĩ à, thật vui khi được nghe tiếng anh.

Tiếng nói ở đầu dây bên kia rất khó nghe.

– Chào nhà văn, tôi rất tiếc là phải gọi làm phiền anh...

– Không, không, anh không hề làm phiền tôi tí nào.

Gahalowood có vẻ rất bối rối, anh ta nói với tôi:

– Thưa nhà văn, tôi nghĩ chúng ta đang gặp vấn đề.

– Có chuyện gì à?

– Chuyện về mẹ của Nola Kellergan. Trong sách của anh, anh kể là bà ta đánh đập con gái.

– Louisa Kellergan, vâng. Thế có chuyện gì vậy?

– Có vào mạng bây giờ được không? Tôi phải gửi cho anh một email.

Tôi chạy vào phòng khách bật máy tính. Tôi vào hòm thư trong khi vẫn cầm điện thoại nói chuyện với Gahalowood. Anh ta vừa gửi cho tôi một bức ảnh.

– Cái gì thế ? Tôi hỏi. Anh bắt đầu làm cho tôi lo rồi đấy.

– Mở ảnh ra đi. Anh có nhớ đã nói với tôi về Alabama không?

– Vâng, tất nhiên là tôi nhớ. Họ rời nơi đó để tới Aurora.

– Chúng ta thất bại rồi, Marcus ạ. Chúng ta quên khuấy Alabama. Thế mà chính anh còn nói với tôi về nơi đó.

– Tôi nói gì với anh nhỉ?

– Anh nói là cần phải đi tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra ở Alabama.

Tôi bấm vào file ảnh, là một bức hình chụp bia mộ trong nghĩa trang, trên đó khắc dòng chữ:

LOUISA KELLERGAN

1930-1969

Người vợ; người mẹ yêu quý

Tôi lặng người đi, Chúa ơi! Tôi thở hắt ra.

– Như vậy nghĩa là thế nào?

– Nghĩa là mẹ của Nola đã chết từ năm 1969, tức là 6 năm trước khi cô bé mất tích!

– Ai đưa cho anh tấm ảnh này?

– Một nhà báo ở Concord. Ngày mai, việc này sẽ đồng loạt xuất hiện trên trang nhất của tất cả các loại báo, nhà văn ạ, và anh có biết điều gì sẽ xảy ra không: không đến ba ngày đâu, cả đất nước này sẽ tuyên bố rằng cuốn sách của anh lẫn cuộc điều tra của cảnh sát toàn là nhằm nhí.

Bữa tối với Lydia Gloor hôm đó đã không diễn ra. Douglas lôi Barnaski về từ cuộc hẹn, Barnaski lôi Richardson từ nhà tới, và chúng tôi đã có một phiên họp nảy lửa trong phòng họp của công ty Schmid & Hanson. Thực ra tấm ảnh do tờ báo Concord Heral chụp lại từ một tờ báo địa phương vùng Jackson. Suốt hai tiếng đồng hồ, Barnaski cố sức thuyết phục ông tổng biên tập tờ Concord Heral từ bỏ ý định đưa bức ảnh này lên trang nhất số báo ra ngày hôm sau, nhưng vô ích.

– Các anh có tưởng tượng được dân chúng sẽ nói thế nào khi biết cuốn sách của anh là tập hợp những lời dối trá không! ông ta hét lên với tôi. Nhân danh Chúa, Marcus, anh không kiểm tra lại các nguồn thông tin à?

– Tôi không biết sao nữa, thật điên rồ! Chính Harry cũng nói với tôi về người mẹ mà! Ông ấy còn nói với tôi thường xuyên nữa là đằng khác. Tôi chẳng hiểu gì cả. Người mẹ đánh Nola. Ông ấy đã nói với tôi chính xác như vậy. Ông ấy kể cho tôi các trận đòn, rồi thì chìm đầu xuống nước cho chết đuối.

– Thế bây giờ Quebert nói sao?

– Không thể liên lạc được với Quebert. Tối nay tôi gọi điện ít nhất là 10 lần rồi. Dù sao đi nữa thì đã hai tháng nay, tôi không hề có tin tức của ông ấy.

– Gọi tiếp đi! Anh phải giải quyết việc này! Hãy tìm người nào có thể giải thích giúp anh! Phải cho tôi một lời giải thích để tôi đưa ra cho các nhà báo vào sáng ngày mai khi gặp họ.

Khoảng 20 giờ, rốt cuộc tôi gọi điện cho Erne Pinkas.

– Ôi trời ơi, thế anh lòi đầu ra được bà mẹ vẫn còn sống thế? Ông ta hỏi.

Tôi đờ người không biết trả lời thế nào, chỉ nói một cách ngắn gọn:

– Chẳng có ai nói với cháu là bà ấy chết rồi!

– Nhưng cũng không có ai nói với anh là bà ấy còn sống!

– Có! Harry nói với cháu như vậy mà.

– Ờ, thế thì đúng là ông ấy chẳng coi cậu ra cái gì. Mục sư Kellergan đến Aurora này chỉ có một mình với con gái. Chưa bao giờ có người mẹ đi cùng.

– Cháu không còn hiểu chuyện gì nữa cái cháu có cảm giác đang bị loạn trí mất rồi. Giờ cháu thành hạng người nào đây!

– Thành nhà văn tởm. Tôi có thể nói rằng ở đây, thật là khó nuốt. Suốt một tháng nay, chúng tôi nhìn thấy cậu khệnh khạng trên ti vi, trên đài báo. Chúng tôi ai cũng bảo cậu toàn kể

những kể cuối.

– Tại sao chẳng có ai báo cho cháu biết?

– Báo cho cậu á? Báo cho cậu cái gì? Hỏi cậu là cậu có nhầm hay không à?

– Tại sao bà ấy lại chết?

– Tôi hoàn toàn không biết.

– Thế còn chuyện bật nhạc to hết cỡ? Cả những trận đòn thì sao? Cháu có nhân chứng đã khẳng định với cháu.

– Nhân chứng khẳng định về việc gì? Rằng ông mục sư cố tình bật nhạc thật to rồi đeo tai nghe vào để dễ bề đánh con gái cật lực ư? Đúng là tất cả mọi người ai cũng đều nghi ngờ như vậy. Nhưng trong cuốn sách, cậu kể là cha Kellergan trốn trong gara trong lúc người mẹ hành hạ con gái. Nhưng vấn đề là người mẹ chưa từng bao giờ đặt chân lên mảnh đất Aurora này bởi vì bà ta đã chết trước khi chuyển nhà. Vậy, làm thế nào người ta có thể tin vào tất cả các điều còn lại mà cậu kể trong sách được? Mà cậu còn bảo với tôi, cậu sẽ cho tên tôi vào phần cảm ơn...

– Cháu đã làm đúng như vậy!

– Cậu viết tên tôi giữa các tên khác: E. Pinkas, Aurora. Tôi muốn tên tôi phải viết hoa hết. Tôi muốn người ta nói đến tôi.

– Cái gì? Nhưng...

Ông ấy đã đập mạnh điện thoại. Barnaski nhìn tôi với con mắt khó chịu. Ông ta chỉ ngón tay về phía tôi vẻ hăm dọa:

– Goldman, ngày mai, anh sẽ đáp chuyến bay đầu tiên đến Concord và anh phải giải quyết cho tôi cái đồng cứt thối này.

– Roy, nếu tôi về Aurora, họ sẽ xử tử tôi ngay tại chỗ.

– Ông ta gắng gượng cười và nói:

– Anh phải cảm thấy sung sướng khi họ chấp nhận chỉ xử trảm anh ngay tại chỗ là xong.

* * *

Cô bé khiến cả nước Mỹ phải cảm động phải chăng chỉ là nhân vật tưởng tượng trong một bộ não bệnh hoạn của một nhà văn đang mất cảm hứng? Làm thế nào mà chi tiết quan trọng nhường ấy lại bị anh ta quên lãng một cách thô thiển như vậy? Thông tin từ tờ Concord Herald, được tất cả các phương tiện thông tin đại chúng khác copy lại bởi đang gieo rắc mối nghi ngờ về sự thật liên quan đến vụ án Harry Quebert.

Sáng thứ Sáu ngày 23 tháng Mười, tôi đáp chuyến bay đầu tiên tới Concord, và đầu giờ chiều ngày hôm đã hạ cánh. Tôi thuê ngay ô tô ở sân bay đến thẳng văn phòng cảnh sát gặp Gahalowood đang đợi. Anh ta tóm tắt lại cho tôi toàn bộ tin tức mình biết liên quan tới quá khứ của gia đình Kellergan ở Alabama.

– David và Louisa Kellergan cưới nhau năm 1955. Lúc đó ông ta đã là mục sư của một tòa thánh phát triển rất thịnh vượng. Vợ của ông cũng góp phần nhiều vào sự phát triển thêm nữa của tòa thánh. Nola Sinh năm 1960. Không có điều gì đáng lưu ý trong những năm sau đó. Nhưng vào một đêm mùa xuân năm 1969, một vụ hỏa hoạn đã tàn phá toàn bộ ngôi nhà. Bé gái được cứu thoát khỏi lưỡi lửa hung dữ, nhưng người mẹ thì chết. Vài tuần sau đó, mục sư Kellergan rời bỏ Jackson.

- Vài tuần sau ư? Tôi ngạc nhiên hỏi.
- Đúng vậy. Và họ tới Aurora.
- Thế tại sao Harry lại nói Nola bị mẹ đánh?

- Thế thì phải hiểu là bố của cô ấy đánh.
- Không, không! Tôi kêu lên. Harry nói với tôi là người mẹ! Chính là người mẹ! Tôi vẫn còn băng ghi âm đây!
- Thế thì chúng ta hãy cùng nghe xem nào, Gahalowood gợi ý.

Tôi có mang theo các đĩa ghi âm mini. Tôi bày hết lên bàn làm việc của Gahalowood, cố gắng nhận ra chính xác chiếc đĩa ghi âm đoạn đó dựa trên nhãn mà tôi đã cẩn thận dính trên đĩa. Tôi sắp xếp rất có trình tự, theo từng người và có đề ngày tháng, thế mà tôi vẫn không tìm ra được chính xác đâu là đĩa ghi âm về nội dung trên. Đúng vào lúc rũ hết tất cả mọi thứ trong túi ra, tôi mới thấy cái đĩa cuối cùng không đề ngày tháng mà tôi đã bỏ qua. Tôi bỏ nó ngay vào đầu đọc.

- Thật kì lạ, tôi nói. Tại sao tôi lại không đề ngày tháng trên cái đĩa này?

Tôi bật loa. Tôi nghe thấy tiếng mình thông báo hôm đó là thứ Ba, ngày 1 tháng Bảy năm 2008. Tôi đã ghi âm Harry trong phòng thăm tù nhân.

- Đây có phải là lí do khiến thầy muốn bỏ trốn không? Tại sao hai người lại dự tính bỏ trốn vào ngày 30 tháng Tám?

- Đó là vì có chuyện khủng khiếp xảy ra, Marcus ạ. Anh đang ghi âm à?

- Vâng.

- Tôi sẽ kể cho anh nghe một chuyện cực kì kinh hoàng. Để anh có thể hiểu. Nhưng tôi không muốn chuyện này phát tán ra.

- Cứ tin tưởng ở em.

- Anh biết đấy, một tuần chúng tôi sống với nhau ở Martha's Vineyard, Nola nói dối là đến nhà bạn chơi, nhưng thực ra cô ấy đã bỏ nhà đi mà không nói năng gì. Nàng đi mà không nói với ai nửa lời.

Vào ngày hôm sau khi chúng tôi trở về, tôi gặp lại Nola, nàng buồn vô hạn. Nàng bảo tôi là bị mẹ đánh. Toàn thân nàng đầy những vết thâm tím. Nàng khóc. Ngày hôm đó, nàng bảo tôi nàng đã bị mẹ trừng phạt mà không có lí do. Bà ấy đánh bằng cái thước kẻ sắt, rồi bà ấy cũng làm cái trò quái đản như đã từng làm ở Guantánamo, đó là dìm đầu con gái mình xuống nước: bà ấy đổ đầy thùng nước, túm tóc con gái dúi đầu xuống. Bà ấy bảo làm vậy là để giải thoát cho nàng.

- Giải thoát cho cô ấy ư?

- Giải thoát khỏi tội ác. Tôi nghĩ đó là một kiểu rửa tội. Giống như Jesus ở Jourdain hay kiểu tương tự như thế. Mới đầu, tôi không tin được, nhưng bằng chứng vẫn còn rành rành ra đó. Tôi hỏi: “Ai làm em thế này?” “Mẹ.”

“Thế sao bố em không can?” “Bố đóng cửa ở trong gara nghe nhạc rất to. Bố làm như vậy mỗi khi mẹ trừng phạt em. Bố không muốn phải nghe thấy”. Nola không thể chịu đựng hơn nữa Marcus ạ. Nàng không thể chịu đựng được nữa. Tôi muốn đến thẳng gặp nhà Kellergan giải quyết việc này. Chuyện này phải chấm dứt. Nhưng Nola van vãn tôi không được làm gì hết, nàng sẽ gặp rắc rối, bố mẹ chắc chắn sẽ đưa nàng đi xa và chúng tôi sẽ không bao giờ được gặp nhau nữa. Tuy nhiên, tình trạng này không thể kéo dài thêm. Vì thế vào khoảng ngày 20 tháng Tám, chúng tôi quyết định phải nhanh chóng bỏ đi. Tất nhiên là bí mật, không cho ai biết. Chúng tôi quyết định sẽ bỏ trốn ngày 30 tháng Tám. Chúng tôi muốn đi tận Canada, qua biên giới Vermont. Có thể là tới tận Colombie-Britannique, tìm một căn lều gỗ để sống. Cuộc sống tươi đẹp bên hồ nước. Sẽ không ai có thể biết chuyện.

- Vậy lí do cả hai quyết định bỏ trốn cùng nhau là vậy?

- Đúng thế

- Vì sao thấy lại không kể cho em chuyện đó ?

- Vì đó mới chỉ là phần mở đầu của câu chuyện, Marcus ạ. Vì sau đó, tôi đã phát hiện ra một sự thực kinh hoàng về mẹ của Nola...

Đúng lúc đó, chúng tôi phải dừng lại vì lính gác tới. Thời gian thăm tù nhân đã hết.

- Chúng ta sẽ nói tiếp chuyện này vào lần tới, Marcus ạ, Harry vừa đứng dậy vừa nói với tôi. Trong khi chờ đợi, dứt khoát cậu phải giữ kín chuyện này đây.

(Có tiếng chuông vang lên). Giọng lính gác thông báo đã hết giờ thăm tù nhân.

- Lần tới, chúng ta sẽ nói tiếp chuyện này, Marcus. Từ giờ đến lúc ấy, nhớ không được nói với ai về chuyện này.

- Vậy thì Quebert đã phát hiện ra được điều gì đó về người mẹ của Nola à? Gahalowood sốt ruột hỏi.

- Tôi không nhớ đoạn tiếp theo, tôi trả lời, cảm thấy quẫn trí, cuống cuống tìm cái đĩa tiếp theo trong đồng đĩa.

Nhưng tôi khựng lại, tái mặt kêu lên:

- Trời ơi, không thể như thế được.

- Cái gì thế, nhà văn?

- Đây là đĩa ghi âm cuối cùng với Harry! Chính vì thế mà không có ngày tháng ghi trên đĩa! Tôi hoàn toàn quên mất nó. Chúng tôi còn chưa nói xong chuyện này, tại vì sau đó, ta phát hiện thêm thông tin về Pratt, rồi Harry không muốn tôi ghi âm nữa nên trong các buổi nói chuyện sau, tôi ghi tóm tắt nội dung vào một cuốn sổ. Sau đó xảy ra vụ mất trộm mấy tờ giấy ghi chép tôi đưa cho Barnaski khiến Harry giận tôi kinh khủng. Tại sao tôi lại ngu ngốc đến thế.

- Cần phải nói chuyện ngay với Harry, Gahalowood tuyên bố

và với tay lấy chiếc áo khoác ngoài. Chúng ta phải biết ông ta đã phát hiện ra điều gì liên quan đến Louisa Kellergan.

Chúng tôi cùng đi về phía nhà nghỉ Sea Side.

Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy không phải Harry mà là một cô gái cao lớn tóc vàng mở cửa phòng số 8. Khi gặp nhân viên lễ tân anh ta chỉ giải thích cho chúng tôi rằng:

- Gần đây, không có ai tên là Harry Quebert ở nhà nghỉ này.
- Không thể như thế được, tôi nói. Ông ấy ở đây mấy tuần liền.

Theo yêu cầu của Gahalowood, nhân viên lễ tân tra cứu sổ ghi chép trong vòng sáu tháng trở lại đây. Nhưng anh ta vẫn khẳng định rõ ràng:

- Không có ai tên là Harry Quebert.
- Không thể như thế được, tôi tức tối. Tôi đã gặp ông ấy ở đây rồi mà. Một người đàn ông cao lớn, mái tóc bạc bù xù.
- À, là ông ta à. Vâng, đúng là có người đàn ông như thế thường lê la ngoài bãi đỗ xe. Nhưng ông ấy không bao giờ thuê phòng.
- Ông ấy thuê phòng số 8 mà! Tôi khẳng định. Tôi thường xuyên thấy ông ta ngồi trước cửa phòng.
- Vâng, đúng là ông ấy ngồi trước cửa phòng. Tôi cũng đã yêu cầu ông ấy đi khỏi đó nhưng mỗi lần như vậy ông ấy lại nhét cho tôi tờ 100 đôla! Với giá đó, ông ấy có thể đứng trước cửa phòng bao lâu tùy thích. Ông ấy bảo, đứng đó gọi ông ấy nhớ lại những kỉ niệm đẹp.
- Thế từ khi nào ông ấy không đứng đấy nữa? Gahalowood hỏi.
- Ái chà, cũng phải đến mấy tuần rồi. Tôi nhớ đúng cái ngày

ông ấy bỏ đi, ông ấy còn dúm cho tôi tờ 100 đô để nếu có ai gọi điện tới đây muốn được nối máy với phòng số 8, thì tôi phải giả vờ chuyển cuộc gọi đến phòng số 8 rồi cứ để mặc cho đổ chuông. Ông ấy có vẻ rất vội vàng. Ngay sau vụ cãi nhau...

– Vụ cãi nhau nào? Gahalowood lên giọng hỏi. Lại còn có vụ cãi nhau nào ở đây nữa?

– À, ông bạn của các anh cãi nhau với một ông già. Ông già nhỏ thó đi ô tô đến chỉ để gây chuyện. Cãi nhau ầm ĩ, rú rít loạn lên. Tôi đã định vào can, nhưng rốt cuộc ông già ấy lên xe ô tô bỏ đi. Chính lúc đó, bạn của các anh cũng bỏ đi luôn. Nếu không thì kiểu gì tôi cũng phải mời ông ta ra khỏi cửa. Vì nếu còn gây ồn ào, khách hàng phàn nàn thì tôi là người phải chịu trách nhiệm.

– Nhưng họ cãi nhau về việc gì?

– Chuyện gì đó liên quan tới thư từ. Tôi nghĩ vậy. Ông già hét lên với bạn của các anh rằng: “Chính là mày”.

– Thư à? Thư nào?

– Ờ, các anh muốn tôi kể cái gì?

– Vậy sau đó thì sao?

– Ông già kia bỏ đi, bạn của các anh cũng bỏ đi luôn.

– Thế anh có thể nhận diện được ông ta không?

– Ông già á? Không, tôi không nghĩ vậy. Nhưng cứ đi hỏi bạn của anh ấy. Bởi vì ông già ấy lại quay lại lần nữa, đúng là lão già buồn cười. Tôi cho rằng ông ta muốn lột da bạn các anh. Bạn của các anh đi rồi nhưng tôi cảm giác có chuyện không ổn nên đã gọi điện cho cảnh sát giao thông. Ngay lập tức hai toán cảnh sát đến và kiểm tra ông già. Sau đó, họ để cho ông ta đi, họ bảo không có vấn đề gì cả.

Gahalowood liền gọi điện thoại cho trung tâm cảnh sát, yêu

cầu nhận diện ông già mới bị cảnh sát giao thông kiểm tra tại nhà nghỉ Sea Side.

– Họ sẽ gọi cho tôi ngay khi có thông tin, Gahalowood cúp máy, nói với tôi.

Tôi cảm thấy vô cùng mông lung, vừa vò đầu bứt tai, tôi nói:

– Thật là phi lí, phi lí hết sức!

Bất chợt nhân viên lễ tân nhìn tôi, hỏi tôi vẻ nực cười:

– Có phải anh là Marcus?

– Vâng, sao cơ?

– Bởi vì bạn của các anh có để lại đây một chiếc phong bì, nói rằng sẽ có một thanh niên đến đây tìm cái này và chắc chắn sẽ nói: “Thật là phi lí, phi lí hết sức!”. Ông ấy nói nếu đúng có cậu thanh niên ấy đến thì tôi phải đưa cho cái này.

Anh ta chìa ra cho tôi một cái phong bì, bên trong có một chìa khóa.

– Chìa khóa à? Gahalowood nói. Không còn gì khác nữa à?

– Không có gì.

– Nhưng chìa khóa này là khóa của cái gì?

Tôi chăm chú quan sát hình dạng của nó. Bất chợt, tôi nhận ra:

– Chìa khóa ngăn để đồ trong phòng tập ở Montburry!

20 phút sau, chúng tôi có mặt tại phòng thay quần áo của câu lạc bộ thể hình. Bên trong ngăn tủ số 201, có một tập giấy được đóng với nhau: kèm theo một bức thư viết tay.

Marcus yêu quý!

Nếu như anh đang đọc những dòng này, thì có nghĩa là chắc chắn đã có chuyện rối rắm khủng khiếp xảy ra liên quan tới

cuốn sách của anh và anh đang cần tìm câu trả lời. Cái này có thể sẽ làm anh quan tâm. Cuốn sách này là sự thật.

Harry.

Là một tập bản thảo đánh máy, không dày lắm, có tựa đề:
NHỮNG CHÚ MÒNG BIỂN Ở AURORA, Bởi Harry Quebert.

– Thế có nghĩa là thế nào? Gahalowood hỏi tôi.

– Tôi chẳng biết gì cả. Hình như là tập bản thảo chưa bao giờ được xuất bản của Harry.

– Giấy có vẻ cũ lắm rồi, Gahalowood chăm chú kiểm tra những trang giấy và nhận xét.

Tôi giở nhanh các trang.

– Nola nói đến những chú mòng biển, tôi nói. Harry bảo cô ấy rất yêu mòng biển. Chắc phải có một sợi dây liên hệ nào đó.

– Nhưng tại sao ông ta lại nói cuốn sách này là sự thật? Có phải đây là bản ghi chép những gì đã xảy ra vào năm 1975?

—Tôi không biết.

Chúng tôi quyết định sẽ nghiên cứu tập bản thảo sau và quay trở về Allrora. Khi chúng tôi đến nơi, người ta đổ dồn sự chú ý vào tôi. Những người qua đường nhìn tôi với thái độ miệt thị. Trước tiệm Clark's, Jenny vô cùng tức giận vì đoạn văn tôi miêu tả mẹ của cô ấy, đồng thời không chịu tin rằng bố cô là tác giả của những bức thư nặc danh gửi cho Harry nên công khai thóa mạ tôi.

Người duy nhất chấp nhận nói chuyện với chúng tôi là Nancy Hattaway. Chúng tôi đi gặp cô ấy tại cửa hàng.

– Tôi không hiểu, Nancy nói. Tôi chưa bao giờ nói với anh về người mẹ của Nola.

– Tuy nhiên, cô có nói với tôi về những vết đòn mà cô nhận

thấy trên người Nola. Đó là khi Nola bỏ trốn khỏi nhà suốt một tuần liền, và bố mẹ Nola giả vờ để cô tin rằng Nola bị ốm.

- Nhưng chỉ có ông bố thôi. Chính ông ta không cho tôi vào nhà khi Nola biến mất suốt một tuần của tháng Bảy năm đó. Tôi chưa bao giờ nói với anh về người mẹ.

- Cô có nói với tôi về những cú vọt vào ngực bằng thước kẻ sắt, cô có nhớ không?

- Những cú đánh vào ngực thì đúng. Nhưng tôi không nói là mẹ cô ấy đánh.

- Tôi đã ghi âm lại! Hôm đó là ngày 26 tháng Sáu vừa rồi. Tôi có đoạn băng ghi âm đây, nhìn tôi có dán nhãn ngày tháng ở trên đây.

Tôi bắt đầu mở máy:

- Điều mà cô nói với tôi liên quan tới mục sư Kellergan thật là kì lạ, cô Hattaway ạ. Tôi mới gặp ông ấy cách đây vài tuần, ông ấy cho tôi có cảm giác ông ấy là người khá dịu dàng.

- Ông ta có thể tạo cảm giác ấy, ít nhất là trước mặt công chúng. Người ta mời ông ấy tới cứu vãn cho tòa thánh St. James đang rơi vào sự hoang phế cơ mà; mà ông ấy còn làm được những điều kì diệu ở Alabama nữa. Quả thực là sau khi tiếp quản công việc, ông ấy đã làm cho ngôi đền St. James nhanh chóng chật ních con chiên mỗi sáng chủ nhật. Nhưng ngoài chuyện đó ra, rất khó mà biết có những chuyện gì thực sự xảy ra trong nhà gia đình Kellergan...

- Cô nói vậy nghĩa là sao?

- Nola bị đánh đập.

- Cái gì?

- Vâng, cô ấy bị đánh đòn rất dã man. Tôi còn nhớ một chuyện kinh khủng anh Goldman ạ. Vào đầu mùa hè. Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy những dấu vết kinh khủng như thế trên người Nola.

Chúng tôi đi bơi ở bãi biển Grand. Nola có vẻ buồn, tôi nghĩ chắc là vì một cậu con trai nào đó. Lúc đó có Cody là một đứa con trai học lớp 11 cứ bám theo Nola. Và rồi cô ấy thú nhận với tôi là ở nhà cô ấy bị bắt nạt, cô ấy bị mắng là đồ con gái độc ác. Tôi hỏi lí do tại sao cô ấy lại bị mắng như vậy thì cô ấy có nhắc đến các sự việc xảy ra ở Alabama, nhưng không chịu nói rõ đó là chuyện gì. Sau đó, trên bãi biển, khi cô ấy cởi quần áo, tôi còn thấy rất nhiều vết đánh cực đau ở ngực. Tôi hỏi cô ấy tại sao lại có những vết kinh khủng như vậy. Anh có biết cô ấy trả lời như thế nào không: “Tại mẹ tớ; hôm chủ nhật, mẹ tớ đánh tớ bằng thước sắt”. Hiển nhiên là tôi hoàn toàn sửng sốt, tôi cứ nghĩ mình nghe nhầm. Nhưng cô ấy còn nhấn mạnh thêm: “Thật đấy, đó là sự thực, chính mẹ tớ còn bảo tớ là đồ con gái độc ác”. Nola có vẻ rất tuyệt vọng, chính vì vậy tôi không dám nài nỉ gì thêm. Khi bơi xong ở bãi biển Grand, chúng tôi cùng về nhà tôi, tôi bôi gel lên ngực cho cô ấy. Tôi khuyên cô ấy phải kể chuyện mẹ của cô ấy cho ai đó, ví dụ như cho y tá ở trường, bà Sanders chẳng hạn. Nhưng Nola trả lời là cô ấy không muốn nói đến chủ đề này nữa.

– Đây, tôi kêu lên và dừng đoạn đang nghe lại. Cô thấy không, cô nhắc đến người mẹ mà.

– Không, Nancy cãi lại. Rõ ràng là tôi đã nói cho anh biết rằng tôi cực kì ngạc nhiên khi Nola lại nhắc đến mẹ của cô ấy. Ý tôi muốn bảo anh rằng có chuyện gì đó không bình thường ở gia đình Kellergan. Tôi cứ đinh ninh là anh phải biết mẹ cô ấy đã chết rồi chứ.

– Không, tôi hoàn toàn không biết gì hết! Ý tôi là mẹ của cô ấy đã chết, nhưng là sau khi Nola mất tích. Tôi còn nhớ rõ ràng David Kellergan còn chỉ cho tôi xem một tấm ảnh của vợ ông ấy vào lần đầu tiên khi tôi đi gặp ông ấy. Tôi cũng còn nhớ ông ấy đón tiếp tôi rất chu đáo nồng hậu. Tôi còn nhớ đã hỏi đại loại là: “Thế vợ bác ở đâu?” Ông ấy trả lời tôi rằng: “Vợ tôi mất đã lâu”.

– Vậy thì, bây giờ nghe lại đoạn băng nghi âm này thì tôi mới hiểu tại sao anh bị hiểu nhầm. Đúng là sự hiểu nhầm kinh khủng, anh Goldman ạ, tôi rất lấy làm tiếc.

Tôi mở tiếp đoạn băng ghi âm:

- ...cho y tá ở trường, bà Sanders chẳng hạn. Nhưng Nola trả lời là cô ấy không muốn nói đến chủ đề này nữa.

- Thế chuyện gì đã xảy ra ở Alabama?

- Tôi không biết gì hết. Tôi không bao giờ được biết. Nola không bao giờ nói cho tôi biết.

- Chuyện đó có liên quan gì tới việc chuyển nhà của họ không?

- Tôi không biết. Tôi cũng rất muốn giúp anh, nhưng thực sự là tôi không biết.

– Tất cả là do lỗi của tôi, thưa cô Hattaway, tôi nói. Sau đó, tôi quá tập trung vào Alabama...

– Vậy nếu có chuyện Nola bị đánh thì là bị bố đánh à? Gahalowood hỏi, có vẻ rất hoang mang.

Nancy suy nghĩ giây lát, cô có vẻ như mất phương hướng. Rốt cuộc, cô ấy trả lời:

– Đúng vậy. Hoặc cũng có thể không phải. Tôi cũng không biết nữa. Trên người cô ấy có bao nhiêu là vết bầm thâm tím. Khi tôi hỏi cô ấy chuyện gì xảy ra, thì cô ấy chỉ bảo là lúc ở nhà cô ấy bị trừng phạt.

– Trừng phạt vì tội gì?

– Nola không bao giờ nói thêm. Nhưng cô ấy không nói là bị bố đánh. Suy cho cùng, chúng ta chẳng biết gì cả. Một hôm trên bãi biển; chính mẹ tôi cũng nhìn thấy những vết đánh trên người Nola. Rồi tiếng nhạc chói tai mà ông mục sư mở liên tục. Tất cả mọi người đều nghi cha Kellergan đánh con gái, nhưng

không ai dám nói. Dù sao thì ông ấy cũng là mục sư của chúng tôi.

Kết thúc cuộc nói chuyện với Nancy Hattaway, Gahalowood và tôi còn ngồi lại một lúc lâu trên ghế dài, trước cửa hàng, và im lặng. Tôi hoàn toàn tuyệt vọng.

– Một hiểu lầm đáng nguyên rủa! Rốt cuộc tôi kêu lên. Tất cả những chuyện này là vì một sự hiểu lầm! Làm sao tôi lại ngu ngốc đến thế cơ chứ?

Gahalowood cố gắng an ủi tôi.

– Bình tĩnh đi nhà văn, đừng có nghiêm khắc quá với bản thân như thế. Ai cũng có lúc nhầm lẫn. Quá chăm chú theo hướng điều tra mình đặt ra nên ta không thể nhìn thấy điều quá hiển nhiên rõ ràng. Có điều gì đó ức chế khiến chúng ta hiểu nhầm là chuyện bình thường.

Vào lúc đó, điện thoại của Gahalowood reo. Viên trung sĩ trả lời.

– Cảnh sát đã tìm được tên của người bị kiểm tra giấy tờ ở chỗ nhà nghỉ, Gahalowood thăm thì, thái độ vô cùng ngạc nhiên.

Sau đó mặt anh ta thộn ra trông rất nực cười. Rồi anh ta hạ điện thoại xuống khỏi tai, nói với tôi:

– Đó chính là David Kellergan.

Âm nhạc không bao giờ tắt, vang lên dữ dội từ ngôi nhà số 245 Terrace Avenue: mục sư Kellergan đang ở nhà.

– Dứt khoát chúng ta phải biết ngay ông ta muốn gì ở Harry, Gahalowood nói với tôi khi nhảy ra khỏi xe. Nhưng nhà văn này, làm ơn để cho tôi nói chuyện nhé.

Khi kiểm tra tại nhà nghỉ Sea Side, cảnh sát giao thông đã phát hiện một khẩu súng săn trong xe ô tô của David Kellergan.

Tuy nhiên không có vấn đề gì vì David Kellergan có đầy đủ giấy tờ sở hữu vũ khí một cách hợp pháp. Ông ấy giải thích đang trên đường đến câu lạc bộ bắn súng thì muốn dừng lại mua cà phê ở nhà hàng của nhà nghỉ Sea Side. Cảnh sát không thể xử lý ông ấy vì bất kì tội gì nên đã để cho ông ấy đi.

– Phải bắt ông ấy khai ra, trung sĩ ạ, tôi nói khi cả hai chúng tôi cùng rảo bước trên con đường lát gạch dẫn vào ngôi nhà. Tôi rất tò mò muốn biết chuyện thư từ ở đây nghĩa là gì... Thế mà Kellergan từng khẳng định với tôi rằng không quen biết Harry mấy. Anh có nghĩ là ông ta nói dối tôi không?

– Chúng ta sẽ khám phá ra điều này ngay bây giờ đây, nhà văn ạ.

Tôi cho rằng cha Kellergan nhìn thấy chúng tôi đi đến, vì ông ấy mở cửa ngay trước cả khi chúng tôi bấm chuông, trong tay lăm lăm khẩu súng. Ông ta không còn có thể tự kiểm chế, có vẻ muốn giết chết tôi luôn. “Mày làm vậy bắn linh hồn vợ và con gái ta!”. Ông ta gào lên. “Mày là đồng cốt thôi! Đồ con hoang”. Gahalowood cố gắng trấn tĩnh viên mục sư, yêu cầu ông ta hạ súng xuống và giải thích rằng chúng tôi đến chỉ để tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra với Nola. Bị lôi kéo bởi âm thanh ồn ào, những người hiếu kì nhanh chóng đổ xô đến tập trung trước ngôi nhà, trong khi đó mục sư Kellergan vẫn luôn mồm chửi bới. Gahalowood ra hiệu cho tôi dần dần rút lui. Hai toán cảnh sát của Aurora đã tới, hú còi âm ỉ. Travis Dawn nhảy xuống xe, rõ ràng không hài lòng khi nhìn thấy tôi. Ông ta nói với tôi: “Cậu có nghĩ là mình đã gây khá nhiều phiền toái cho thành phố này rồi không?”. Rồi ông ta quay sang hỏi Gahalowood có lí do chính đáng nào không mà cảnh sát bang lại đến thành phố Aurora trong khi không thông báo cho cảnh sát địa phương biết trước. Vì biết chúng tôi không có nhiều thời gian, nên tôi hét

lên với David Kellergan:

– Hãy trả lời tôi, ông mục sư: ông bật nhạc hết cỡ và vui thích lắm phải không?

Ông ta lại giơ súng lên.

– Tao không bao giờ giơ tay lên với con gái tao! Nó không bao giờ bị đánh! Mà là đồ đểu, Goldman! Tao sẽ mời luật sư, lôi mày ra trước vành móng ngựa!

– À thế à? Thế tại sao ông còn chưa làm? Tại sao ông còn chưa ra tòa án? Có thể Ông không muốn bị người ta phanh phui quá khứ chứ gì! Chuyện gì xảy ra ở Alabama?

Ông ta nhổ nước bọt về phía tôi.

– Loại người như mày không bao giờ hiểu được đâu, Goldman.

– Chuyện gì xảy ra với Harry Quebert ở nhà nghỉ Sea Side? Ông che giấu chúng tôi cái gì?

Đúng lúc đó, Travis cũng bắt đầu gào lên, dọa Gahalowood sẽ báo lên cấp trên, và yêu cầu chúng tôi phải đi khỏi ngay lập tức.

Chúng tôi im lặng chạy xe thẳng hướng Concord. Rồi rốt cuộc Gahalowood lên tiếng:

– Chúng ta đã lỡ mất chuyện gì hả nhà văn? Điều gì xảy ra ngay trước mắt mà chúng ta không nhìn thấy?

– Giờ thì tôi chắc chắn Harry biết điều gì đó liên quan đến mẹ của Nola nhưng chưa nói với tôi.

– Và chúng ta cũng có thể giả định rằng mục sư Kellergan biết là Harry biết. Nhưng biết gì mới được chứ, mẹ kiếp, bó tay!

– Trung sĩ này, anh nghĩ mục sư Kellergan có thể dính líu đến vụ này ở chỗ nào nhỉ?

* * *

Báo chí bắt đầu thêm mắm thêm muối.

Tin mới về Vụ án Harry Quebert: thông tin bất nhất vừa được phát hiện trong truyện của Marcus Goldman khiến mọi người bắt đầu ngờ vực cuốn sách từng được giới phê bình hết lời ca ngợi và được ông trùm xuất bản sách ở Bắc Mỹ là Roy Barnaski giới thiệu là cuốn sách chính xác về các sự kiện xảy ra khiến cô bé Nola Kellergan bị giết hại năm 1975.

Tôi không thể quay lại New York chừng nào còn chưa làm rõ được vụ việc, bởi vậy, tôi lại tới trú tạm trong căn phòng hạng sang ở khách sạn Regent tại Concord. Người duy nhất được tôi liên lạc và cung cấp địa chỉ chính xác là Denise, cô ấy thông tin cho tôi những bình luận, diễn giải mới nhất ở New York và những phiên bản mới nhất liên quan tới bóng ma của bà Kellergan, mẹ của Nola. Tối hôm đó, Gahalowood mời tôi ăn tối tại nhà riêng. Hai con gái của ông đang vận động cho chiến dịch của Obama, chúng làm náo động cả bữa ăn. Hai đứa cho tôi những tấm hình đề can tự dán lên ô tô. Sau đó, khi tôi giúp Helen rửa bát trong nhà bếp, bà nói nhìn tôi có vẻ buồn. Không hiểu tôi đã làm gì, tôi giải thích. Không hiểu sao tôi lại bị chết dí ở tình huống này.

– Chắc phải có một lí do chính đáng nào đó, Marcus ạ. Anh biết không, Perry rất tin tưởng ở anh. Ông ấy bảo anh là một người đặc biệt. Tôi ở với ông ấy ba mươi năm nay, ông ấy chưa bao giờ nói như vậy về bất kì ai. Tôi tin chắc anh không làm chuyện gì vớ vẩn, chắc sẽ có cách giải thích hợp lí cho tất cả những việc này.

Đêm hôm đó, Gahalowood và tôi thức rất khuya trong phòng làm việc để nghiên cứu tập bản thảo mà Harry để lại cho tôi. Nhờ đó, tôi phát hiện ra cuốn tiểu thuyết chưa được xuất bản, *Những chú mòng biển ở Aurora*, là một cuốn tiểu thuyết tuyệt diệu mà qua đó Harry kể lại chuyện của mình với Nola. Không hề có đề ngày tháng nhưng tôi tin rằng ông viết nó sau khi viết cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa*. Bởi vì nếu như cuốn tiểu thuyết *Nguồn gốc cái xấu xa* kể về một tình yêu không thể và không bao giờ có thể trở thành hiện thực, thì cuốn *Những chú mòng biển ở Aurora* lại kể về việc Nola đã khơi gợi cảm hứng cho Harry như thế nào, nàng chưa bao giờ hết tin tưởng ở Harry, còn khuyến khích Harry trở nhà văn lớn như trên thực tế. Nhưng ở đoạn kết, Nola không chết: vài tháng sau khi trở nên nổi tiếng, Harry nhân vật chính có gia tài lớn, đã bay sang Canada, tại đó, trong căn nhà đẹp đẽ bên hồ lớn, Nola đợi ông.

Tầm 2 giờ sáng, Gahalowood pha cho tôi một cốc cà phê và hỏi:

– Suy cho cùng, Harry đang cố gắng nói với chúng ta điều gì qua cuốn sách của ông ấy nhỉ?

– Ông ấy tưởng tượng về cuộc sống của ông ấy nếu Nola không chết, tôi nói. Cuốn sách này là thiên đường của nhà văn.

– Thiên đường của nhà văn? Nó là cái gì?

– Đó chính là khi khả năng viết đối lập với nhà văn. Nhà văn không còn biết các nhân vật của mình chỉ tồn tại trong đầu thôi hay đang sống thực sự.

– Thế thì giúp được gì cho chúng ta?

– Tôi không biết gì hết. Hoàn toàn không biết gì hết. Cuốn truyện thật hay mà ông ấy không xuất bản. Tại sao ông ấy lại giấu kĩ tận đáy ngăn kéo tủ như vậy chứ?

Gahalowood nhún vai.

– Có thể tại vì ông ấy không dám cho xuất bản khi viết về cô gái bị mất tích, Gahalowood giải thích.

– Có thể. Nhưng trong cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa* ông ấy cũng viết về Nola và vẫn đưa cho các nhà xuất bản để in. Tại sao ông ấy lại viết cho tôi là *cuốn sách này là sự thật?* Sự thật gì? Hay là sự thật về Nola chẳng? Ông ấy muốn nói gì nhỉ? Nola không chết và đang sống trong một túp lều gỗ à?

– Tôi chả thấy có ý nghĩa gì ở đây cả, Gahalowood đánh giá. Rõ ràng các phân tích khoa học đã chứng minh đích xác bộ hài cốt là của Nola.

– Thế nghĩa là sao nhỉ?

– Nghĩa là chúng ta chưa có tiến triển thêm được tẹo nào cả, nhà văn ạ.

Sáng hôm sau, Denise gọi điện cho tôi thông báo rằng có một phụ nữ gọi điện tới công ty Schmid & Hanson, người ở công ty này cho cô ấy số điện thoại của Denise.

– Cô ấy muốn nói chuyện với anh, Denise giải thích, bảo có việc rất quan trọng.

– Quan trọng à? Về chuyện gì?

– Cô ấy nói đã học cùng trường với Nola Kellergan ở Aurora và Nola có kể chuyện với cô ấy về mẹ mình.

* * *

Cambridge, Massachusetts, thứ Bảy ngày 25 tháng Mười năm 2008

Cô ấy có tên trong cuốn kỉ yếu năm 1975 của trường trung

học Aurora, tên là Stefanie Hendorf, trong sổ, có hai tấm ảnh của Stefanie Hendorf rồi đến ảnh của Nola. Vì cưới chồng người Phần Lan, nên bây giờ Stefanie Hendorf đổi tên theo họ chồng là Stefanie Larjinjak và sống trong một ngôi nhà sang trọng tại Cambridge, khu ngoại ô giàu có của Boston. Gahalowood và tôi sẽ đi gặp cô ấy ở nhà riêng. Stefanie Larjunja 48 tuổi, bằng tuổi Nola nếu Nola còn sống. Cô ấy là phụ nữ đẹp, qua hai đời chồng, có ba con, từng dạy môn lịch sử nghệ thuật tại Harvard và bây giờ mở phòng tranh riêng. Stefanie lớn lên ở Aurora, học cùng lớp với Nola, Nancy Hattaway và vài người khác mà tôi từng gặp trong quá trình điều tra. Khi nghe Stefanie kể chuyện quá khứ, tôi cứ nghĩ trong đầu rằng đây là một người sống, còn Nola là người chết từ tuổi 15, Stefanie được sống, được mở phòng tranh, thậm chí được cưới chồng tới tận hai lần liền.

Trên chiếc bàn thấp kê giữa phòng trưng bày, Stefanie chỉ cho chúng tôi xem mấy bức ảnh hồi trẻ.

– Tôi theo dõi sát vụ việc ngay từ đầu, Stefanie bắt đầu giải thích. Tôi còn nhớ ngày Nola biến mất, tôi cho rằng tất cả các cô gái vào tuổi tôi lúc ấy đang sống ở Aurora cũng thế, vẫn còn nhớ tất cả. Cho nên khi tìm thấy thi hài của Nola rồi Harry Quebert bị bắt, tất nhiên là tôi rất lưu tâm. Đúng là một chuyện... Tôi rất thích cuốn sách của anh, Goldman ạ. Anh miêu tả Nola cực kì sinh động. Nhờ anh, tôi có cảm giác như được gặp lại cô ấy. Có thật là người ta định dựng thành phim không?

– Đúng là có công ty Warner Bross muốn mua bản quyền, tôi trả lời.

Stefanie chỉ cho chúng tôi xem ảnh: ảnh chụp buổi lễ sinh nhật mà Nola cũng có mặt năm 1973. Cô nói tiếp:

– Nola và tôi chơi rất thân với nhau. Nola là đứa bạn gái

tuyệt vời. Ở Aurora, ai cũng quý cô ấy. Hình ảnh hai bố con Nola khiến tất cả mọi người đều cảm động: một vị mục sư tốt bụng góa bụa và một cô gái tận tình chu đáo lúc nào cũng mỉm cười, không bao giờ phàn nàn. Tôi còn nhớ hồi đó mỗi khi tôi đỏng đảnh hay đòi hỏi thì mẹ tôi còn nói với tôi: “Phải noi gương Nola kia kìa! Tội nghiệp con bé, Chúa đã tước mắt của nó người mẹ, thế mà lúc nào nó cũng đáng yêu, ngoan ngoãn và vâng lời”.

– Trời ơi, tôi nói, làm sao mà tôi lại không hiểu ra là mẹ của Nola đã mất rồi cơ chứ. Cô nói cô rất thích cuốn sách của tôi phải không? Chắc hẳn cô nghĩ thậm chí tôi là hạng nhà văn rác rưởi phải không!

– Ô, hoàn toàn không! Ngược lại là đằng khác! Thậm chí tôi cứ tưởng anh cố tình viết như vậy. Bởi vì tôi đã trải nghiệm điều đó với Nola.

– Thế nghĩa là thế nào, ý cô nói trải nghiệm điều đó với Nola nghĩa là gì?

– Một hôm, đã xảy ra một chuyện vô cùng kì lạ đã khiến tôi phải tránh xa Nola.

* * *

Tháng Ba năm 1973

Gia đình Hendorf có một cửa hàng tạp hóa trên phố chính. Tỉnh thoảng sau giờ học Stefanie dẫn Nola tới đó chơi và ăn vụng kẹo trong nhà kho. Một buổi chiều, cả hai vào trong kho, trốn đằng sau đồng bao tải bột mì ăn vụng kẹo dẻo cho đến tận khi đau bụng mới thôi, họ thích chí không nhìn được cười, phải lấy tay bịt miệng để không ai nghe thấy. Bất chợt, Stefanie nhận

thấy ở Nola có điều gì đó không ổn. Ánh mắt Nola hoàn toàn thay đổi, đồng thời Nola không nghe thấy gì nữa.

– Nola, có chuyện gì thế, cậu có bị sao không? Stefanie hỏi.

Nola không trả lời. Stefanie hỏi mãi, rốt cuộc Nola nói:

– Tớ... tớ... phải về nhà.

– Đã phải về rồi á? Tại sao?

– Mẹ muốn tớ về ngay.

Stefanie tưởng mình nghe nhầm.

– Cái gì? Mẹ cậu á?

Nola đứng dậy, sợ hãi. Cô bé nhắc lại:

– Tớ phải về!

– Nhưng... Nola! Mẹ cậu chết rồi cơ mà!

Nola vội vàng đi ra phía cửa nhà kho. Stefanie níu lấy cánh tay cô bạn. Nola quay lại túm lấy váy của Stefanie hét lớn:

– Mẹ tớ! Nola hoảng loạn hét lên. Cậu không thể biết mẹ tớ sẽ làm gì đâu! Khi tớ độc ác, mẹ tớ sẽ trừng phạt!

Rồi cô ấy chạy vụt đi rất nhanh.

Stefanie đứng như trời trồng một lúc lâu. Buổi tối, ở nhà, Stefanie kể lại chuyện với mẹ, nhưng bà Hendorf không tin nửa lời. Bà dịu dàng xoa đầu con gái, nói:

– Mẹ không biết con lấy đâu ra tất cả những chuyện này, con gái yêu quý ạ. Thôi nào, đừng có nói vớ vẩn nữa, đi rửa tay đi. Bố con vừa mới về và đói rồi: chúng ta ra bàn ăn thôi nào.

Ngày hôm sau ở trường, Nola lại có vẻ rất bình thản, chẳng tỏ ra có thái độ gì đặc biệt cả. Stefanie không dám đá động gì tới chuyện xảy ra ngày hôm trước. Nhưng vì quá băn khoăn nên khoảng 10 ngày sau đó, rốt cuộc Stefanie đi gặp trực tiếp mục sư Kellergan kể ông biết. Cô được ông mục sư đón tiếp rất ân cần

trong phòng làm việc, như ông vẫn cư xử với tất cả mọi người. Ông cho Stefanie uống cả nước si rô, rồi nghe chuyện rất chăm chú, tưởng rằng Stefanie đến gặp ông để tìm lời khuyên với tư cách là cha giám mục. Nhưng khi Stefanie vừa kể xong điều đã chứng kiến, chính ông mục sư Kellergan cũng không tin.

– Chắc là cháu nghe nhầm rồi, ông Kellergan nói.

– Cháu biết chuyện này rất hoang đường, thưa mục sư. Nhưng chắc chắn đó là sự thực.

– Suy cho cùng thì chuyện này không có nghĩa gì cả. Tại sao Nola lại kể với cháu một chuyện ngu ngốc như vậy? Chẳng nhẽ cháu không biết mẹ của Nola mất rồi à? Có phải cháu muốn gây chuyện rắc rối đúng không?

– Không, nhưng...

David Kellergan muốn kết thúc cuộc nói chuyện, nhưng Stefanie cứ nài nỉ. Bất chợt khuôn mặt vị mục sư thay đổi hoàn toàn, cô bé Stefanie không bao giờ muốn nhìn thấy bộ mặt đó: lần đầu tiên, vị mục sư nhiệt tình tốt bụng mang một khuôn mặt tối tăm, hung dữ như thế.

– Ta không muốn nghe cháu nói chuyện này thêm nữa! Ông nhấn mạnh. Không được nhắc lại với ta hay với bất kì người nào khác, nghe rõ chưa? Nếu không, ta sẽ đến nói với bố mẹ cháu rằng cháu là đứa trẻ dối trá. Ta sẽ nói bắt được quả tang cháu ăn cắp ở nhà thờ. Ta sẽ nói cháu ăn cắp của ta 50 đô la. Cháu không muốn gặp phiền toái phải không nào? Thế nên hãy là một cô bé ngoan.

* * *

Stefanie dừng lại. Cô lật lật mấy bức ảnh rồi quay về phía tôi.

– Vậy nên tôi không bao giờ nói về chuyện đó nữa, Stefanie nói tiếp. Nhưng tôi không bao giờ quên được chuyện ấy. Nhiều năm trôi qua, dần dần tôi cũng tự thuyết phục được mình rằng tôi đã nghe nhầm, hiểu nhầm, và không có chuyện như vậy xảy ra. Thế rồi, cuốn sách của anh xuất bản, tôi tìm thấy trong đó hình ảnh một người mẹ còn sống và hành hạ con gái mình. Tôi không thể nào diễn tả cho anh hiểu được điều gì xảy ra trong tôi; anh có tài năng xuất chúng, anh Goldman ạ. Cách đây mấy ngày, khi các tờ báo bắt đầu nói anh kể chuyện linh tinh, tôi nghĩ tôi phải liên hệ với anh, tại vì tôi biết anh đã viết sự thật.

– Sự thật nào? Tôi kêu lên. Người mẹ Nola đã chết từ lâu.

– Tôi cũng biết rõ như vậy. Nhưng tôi cũng biết rằng anh có lí.

– Thế cô có nghĩ Nola bị bố đánh không?

– Dù sao thì đó cũng là điều mà tất cả mọi người thường nói. Ở trường, tất cả chúng tôi đều nhìn thấy những vết đòn trên cơ thể Nola. Nhưng ai dám đứng lên chống lại ông mục sư? Ở Aurora, năm 1975, chẳng có ai muốn nhúng mũi vào chuyện của người khác. Lúc đó là thời kì khác. Thỉnh thoảng, tất cả mọi người ai cũng bị tát cho một phát.

– Cô có suy nghĩ gì khác liên quan tới Nola hay cuốn sách không? Tôi hỏi tiếp.

Stefanie suy nghĩ vài giây và nói.

– Không, cô trả lời. Trừ việc là, gần như là...quá vui vì sau chừng ấy năm phát hiện ra Harry Quebert và Nola yêu nhau.

– Cô muốn nói điều gì?

– Anh biết không, hồi đó tôi là đứa trẻ quá ngây thơ...Sau khi xảy ra chuyện trên tôi ít khi gặp Nola. Nhưng vào mùa hè Nola biến mất thì tôi lại thường xuyên gặp cô ấy. Trong suốt mùa hè

năm 1975, tôi làm việc rất nhiều ở cửa hàng của bố mẹ tôi hồi đó nằm đối diện với bưu điện. Anh biết không, tôi liên tục gặp Nola. Cô ấy đến đó để bỏ thư. Tôi biết vì khi nhìn thấy cô ấy đến đó quá nhiều, tôi đã vắn hỏi cô ấy. Rốt cuộc, một hôm cô ấy cũng phải mở miệng. Cô ấy nói đang yêu như điên, họ thư từ với nhau. Nhưng cô ấy không bao giờ muốn nói cho tôi biết người đó là ai. Hồi đó tôi cứ nghĩ là Cody, một cậu bạn trai ở lớp 11, thành viên đội bóng rổ. Tôi không lần nào ngó được tên của người nhận, nhưng một lần tôi nhìn thấy chữ Aurora. Tôi chẳng hiểu tại sao ở Aurora mà lại phải viết thư gửi bưu điện cho một người cũng ở Aurora.

Khi chúng tôi ra khỏi nhà Stefanie Larjinjak, Gahalowood nhìn tôi, mắt mở to cẩn trọng. Anh ta nói:

- Không hiểu điều gì đang xảy ra thế hả nhà văn?
- Anh hỏi tôi thì tôi hỏi ai bây giờ! Theo anh, bây giờ chúng ta phải làm gì?
- Phải làm điều mà nhẽ ra chúng ta đã làm từ lâu rồi: tới Jackson, Alabama. Chính anh là người đặt ra câu hỏi này từ lâu, nhà văn ạ: điều gì đã xảy ra ở Alabama.

4

Ngôi nhà hạnh phúc ở Alabama

”Khi viết tới đoạn kết của cuốn sách, Marcus ạ, hãy làm cho độc giả đến phút cuối vẫn còn phải giật mình.

– Tại sao?

– Tại sao à? Tại vì phải giữ độc giả say mê tới phút cuối. Như khi anh chơi bài: phải giữ vài quân át chủ bài vào lúc kết.”

Jackson, Alabama, ngày 28 tháng Mười năm 2008

Chúng tôi đã đến Alabama.

Khi tới sân bay Jackson, chúng tôi được một cảnh sát bang trẻ tuổi đón tận nơi, tên là Philip Thomas mà Gahalowood đã liên lạc trước đó mấy ngày. Anh ta mặc đồng phục, đứng thẳng như chữ l, mũ sụp xuống mắt đợi chúng tôi ở sảnh dành cho người đi đón. Anh ta trịnh trọng chào Gahalowood rồi nhìn tôi, hơi kéo mũ lên một chút.

– Hình như tôi gặp anh ở đâu đó rồi thì phải? Anh ta hỏi tôi. Trên truyền hình à?

– Có thể, tôi trả lời.

– Tôi có thể giúp anh, Thomas, Gahalowood xen vào. Anh ta chính là tác giả của cuốn sách hiện nay tất cả mọi người đều nhắc tới. Phải coi chừng đấy, anh ta có khả năng gây rắc rối lớn mà anh không lường trước được đâu.

– Vậy gia đình Kellergan chính là gia đình anh miêu tả trong sách à? Viên cảnh sát hỏi tôi, cố gắng không để lộ sự ngạc nhiên.

– Chính xác, Gahalowood tiếp tục trả lời thay tôi. Đừng có

đến gần người này, sĩ quan. Chính tôi từng có cuộc sống thanh bình cho đến khi gặp phải anh ta.

Sĩ quan Thomas thực hiện công việc với thái độ vô cùng nghiêm túc. Theo yêu cầu của Gahalowood, anh ta đã chuẩn bị sẵn cho chúng tôi một tập tài liệu về gia đình Kellergan, chúng tôi cùng xem nhanh trong quán ăn gần sân bay.

– David J. Kellergan sinh ở Montgomery năm 1923, Thomas giải thích. Ông ta học tôn giáo rồi mục sư, đến Jackson nhận nhiệm vụ tại nhà thờ Mt Pleasant. Cưới Louisa Bonneville năm 1955. Họ sống chung với nhau trong ngôi nhà trên một khu phố yên tĩnh tại phía bắc thành phố. Năm 1960, Louisa Kellergan sinh được một cô con gái, đặt tên là Nola. Chẳng có gì phải lưu ý thêm. Một gia đình không có vấn đề gì, có tín ngưỡng ở Alabama. Cho đến khi xảy ra thảm kịch năm 1969.

– Thảm kịch à? Gahalowood nhắc lại.

– Một vụ hỏa hoạn. Một đêm, cả ngôi nhà bị cháy. Louisa Kellergan chết trong vụ hỏa hoạn.

HỎA HOẠN CHẾT NGƯỜI TẠI LOWER STREET

Một người phụ nữ đã bị chết tối qua trong vụ hỏa hoạn chính ngôi nhà của mình trên đường Lower Street. Theo lính cứu hỏa, một ngọn nến vẫn còn được thắp sáng có thể là nguyên nhân của thảm kịch. Toàn bộ ngôi nhà bị phá hủy. Nạn nhân là vợ của một vị mục sư trong vùng.

Theo báo cáo của cảnh sát, đêm ngày 30 tháng Tám năm 1969, vào lúc khoảng một giờ sáng, trong khi mục sư túc trực tại chân giường của một con chiên đang hấp hối; Louise. và Nola đang ngủ thì xảy ra hỏa hoạn bất ngờ. Đúng lúc về tới trước nhà thì vị mục sư nhận thấy khói dày đặc bốc ra từ ngôi nhà. Ông

vội vàng vào trong: tầng trên đã bén lửa. Tuy nhiên, ông cũng tới được phòng của con gái, thấy nó gần như vô thức, vẫn nằm trên giường. Ông bế con chạy ra ngoài vườn rồi quay trở lại cứu vợ, nhưng lúc đó lửa đã lan ra cả ngoài cầu thang. Hàng xóm được báo động chạy đến nhưng chỉ còn có thể bất lực đứng nhìn. Khi lính cứu hỏa tới nơi thì toàn bộ tầng trên đã cháy rụi: những lưỡi lửa tỏa ra từ cửa sổ, liếm lên mái nhà. Louisa Kellergan được đưa ra nhưng đã chết vì ngạt. Báo cáo của cảnh sát kết luận rằng một cây nến còn cháy đã bén lửa vào rèm cửa rồi nhanh chóng bùng ra cả căn nhà xây bằng gỗ lát. Vị mục sư còn viết trong tờ khai rằng vợ ông thường xuyên đốt nến thơm để trên tủ đầu giường trước khi ngủ.

– Nhìn ngày tháng kia! Tôi kêu lên khi đọc bản báo cáo. Nhìn ngày xảy ra vụ hỏa hoạn kia, trung sĩ!

– Ôi, lạy chúa tôi: ngày 30 tháng Tám năm 1969.

– Thanh tra điều tra vụ này từ lâu nghi ngờ thủ phạm chính là người cha, Thomas giải thích.

– Tại sao anh biết điều đó?

– Tôi có nói chuyện với ông ta. Ông ấy tên là Edward Horowitz. Bây giờ thì ông ấy đã về hưu rồi. Suốt ngày ông ấy chỉ có mỗi việc sửa thuyền phía trước nhà.

– Đi gặp ông ấy được không? Gahalowood hỏi.

– Tôi đặt hẹn cho các anh rồi. Ông ấy đợi chúng ta lúc 3 giờ.

Horowitz đang đứng trước nhà, vẻ trơ trơ, đang chăm chú sơn vỏ một chiếc ca nô gỗ. Lúc đó trời mây xám xịt rất hung dữ nên ông ta mở sẵn cửa ga ra để làm chỗ trú nếu cần. Ông mời chúng tôi tự lấy bia từ két bia để ngay dưới đất, nói chuyện với chúng tôi trong khi vẫn không dừng công việc của mình, nhưng vẫn khiến chúng tôi hiểu rằng ông ta hoàn toàn chú ý đến

chúng tôi. Ông kể lại vụ hỏa hoạn của gia đình Kellergan, nhắc lại tất cả những điều mà chúng tôi đã đọc trong bản báo cáo của cảnh sát, không có thêm chi tiết gì.

– Suy cho cùng, vụ hỏa hoạn này là câu chuyện thật kì cục, ông ta kết luận.

– Tại sao ông lại nói như vậy? Tôi hỏi.

– Từ lâu, người ta đã nghi chính David Kellergan đốt nhà và giết vợ. Hoàn toàn không hề có bằng chứng gì về tất cả các sự việc mà ông ta kể: cứ như là có phép màu, ông ta về nhà rất đúng lúc để cứu đứa con gái, nhưng lại quá muộn để cứu người vợ. Bản thân tôi rất muốn tin chính ông ta đã châm lửa đốt nhà. Nhất là chỉ vài tuần sau, ông ta lại bỏ thành phố đi. Nhà cháy, vợ chết, còn ông ta thì bỏ đi. Có cái gì đó không rõ ràng, nhưng chúng tôi không bao giờ có chút xíu bằng chứng nào có thể nói ông ta là tội phạm.

– Cũng cùng một kịch bản như vụ con gái ông ta mất tích, Gahalowood nhận xét. Năm 1975, Nola hoàn toàn biến mất, hẳn là cô ấy bị giết hại, nhưng không hề có bất kì một yếu tố nào cho phép khẳng định điều đó.

– Anh nghi gì vậy, trung sĩ? Tôi hỏi. Rằng ông mục sư đã giết vợ rồi giết con gái à? Anh cho rằng chúng ta đã bắt nhầm tội phạm à?

– Nếu đúng như vậy thì thật là thảm họa, Gahalowood ghen hợm. Chúng tôi có thể hỏi thêm ai được, thưa ông Horowitz?

– Khó nói lắm. Các anh có thể đi thăm đền Mt Pleasant. Có thể ở đó họ có sổ đăng kí giáo dân, sẽ có một số người biết mục sư Kellergan. Nhưng 39 năm trôi qua rồi...các anh sẽ mất rất nhiều thời gian.

– Chúng tôi chẳng còn thời gian nữa mà mất, Gahalowood đáp lại.

– Tôi biết David Kellergan rất gần gũi với giáo phái Ngũ tuần trong vùng, Horowitz nói tiếp. Những người điên vì Chúa sống thành cộng đồng trong trang trại cách đây một giờ đi đường. Ngay sau khi xảy ra hỏa hoạn, vị mục sư đã chuyển ra sống ở đó. Tôi biết điều này vì chính tôi phải tới đó gặp ông ta trong quá trình điều tra. Ông ấy sống ở đó cho tới tận khi bỏ đi. Cứ vào đó và xin nói chuyện với mục sư Lewis, nếu như ông ta vẫn còn ở đó thì chính ông ta là thủ lĩnh của giáo phái này.

Mục sư Lewis mà Horowitz nói đến là người quản lý cộng đồng của nhà thờ mới của Đảng cứu thế. Sáng ngày hôm sau chúng tôi đã tới đó. Sĩ quan Thomas đến đón chúng tôi tại nhà nghỉ Holiday. Nhà nghỉ nằm ngay bên đường, và chúng tôi thuê hai phòng-một phòng do Nhà nước bang New Hampshire trả tiền, một phòng do chính tôi trả tiền. Chúng tôi đi đến một khu trang trại rộng, phần lớn dùng để trồng trọt. Sau khi bị lạc trên con đường trồng toàn ngô, chúng tôi gặp một người lái máy kéo, nhờ anh ta dẫn chúng tôi tới tận khu nhà ở và chỉ cho chúng tôi ông mục sư.

Chúng tôi được một người phụ nữ to béo và tốt bụng đón tiếp hết sức thân tình, bà mời chúng tôi vào phòng làm việc. Vài phút sau, chúng tôi được gặp ông Lewis. Tôi cũng biết chắc hẳn ông ta khoảng 90 tuổi, nhưng bề ngoài trông ông ta trẻ hơn đến 20 tuổi. Ông ta có vẻ rất thân thiện, dễ mến, chẳng có gì giống với miêu tả của Horowitz.

– Cảnh sát à? Ông ta vừa nói vừa bắt tay chào từng người.

– Cảnh sát bang New Hampshire và cảnh sát của Alabama, Gahalowood giới thiệu rõ. Chúng tôi điều tra về cái chết của

Nola Kellergan.

– Tôi có cảm giác rằng gần đây mọi người chỉ nói về mỗi chuyện này.

Vừa bắt tay, ông vừa nhìn tôi chăm chú và hỏi tôi:

– Anh có phải là... .

– Đúng vậy, chính là anh ấy đây, Gahalowood trả lời với vẻ khó chịu.

– Vậy... tôi có thể làm gì cho các anh đây?

Gahalowood bắt đầu cuộc hỏi cung.

– Thừa mục sư Lewis, nếu như tôi không nhầm, thì ông có biết Nola Kellergan.

– Đúng vậy. Chính xác thì tôi biết rất rõ bố mẹ của cô bé. Hai con người tuyệt vời, lịch sự. Rất gần gũi với cộng đồng của chúng tôi.

– “Cộng đồng” của các ông nghĩa là gì?

– Chúng tôi thuộc trào lưu Ngũ tuần, thừa trung sĩ. Không có gì hơn. Chúng tôi chia sẻ các ý tưởng đạo giáo với nhau. Vâng, tôi biết, một số người gọi chúng tôi là giáo phái. Mỗi năm, chúng tôi phải tiếp hai lần các cơ quan xã hội đến kiểm tra xem con cái của chúng tôi có được đi học không, có được nuôi nấng chu đáo không hay có bị đối xử thậm tệ không. Họ cũng còn đến để xem chúng tôi có vũ khí không hay chúng tôi có phải là những người tôn sùng người da trắng không. Câu chuyện thật lố bịch. Con cái của chúng tôi đều đi học ở trường của nhà nước, và chưa bao giờ trong đời tôi có lấy một khẩu súng nhỏ. Tôi còn tham gia tích cực vào chiến dịch bầu cử tổng thống của Barack Obama. Thế chính xác là anh muốn biết gì?

– Điều xảy ra vào năm 1969, tôi nói.

– Apollo 11 hạ cánh xuống mặt trăng, Lewis trả lời. Chiến thắng huy hoàng của người Mỹ trước kẻ thù Xô viết.

– Ông biết rất rõ tôi muốn nói tới chuyện gì. Vụ hỏa hoạn ở gia đình Kellergan. Điều gì thực sự xảy ra? Điều gì xảy ra với bà Louisa Kellergan?

Trong khi tôi còn chưa nói hết lời cuối cùng, thì Lewis nhìn tôi chằm chằm rất lâu và hướng tới phía tôi.

– Gần đây, tôi thấy anh xuất hiện rất nhiều trên vô tuyến, anh Goldman ạ. Tôi nghĩ rằng anh là nhà văn có tài, nhưng tại sao anh lại không đi tìm hiểu thông tin về Louisa? Và tôi nghĩ chính vì thế mà bây giờ anh tới đây phải không? Cuốn sách của anh rất vô lí, nói một cách chính xác là như vậy, tôi nghĩ hiện tại anh đang vô cùng lo lắng, có đúng không? Anh tới đây để làm gì? Tìm sự bào chữa cho những lời dối trá của anh ư?

– Tìm sự thật. Tôi trả lời.

Ông ta cười buồn bã.

– Sự thật ư? Nhưng sự thật nào hả anh Goldman? Sự thật của Chúa hay sự thật của con người?

– Sự thật của ông. Sự thật của ông về cái chết của Louisa Kellergan là gì? Có phải David Kellergan đã giết vợ không?

Viên mục sư Lewis đứng dậy khỏi chiếc ghế mà ông ta đang ngồi, đóng cửa phòng làm việc vẫn còn để ngỏ. Sau đó, ông ta đứng cạnh cửa sổ nhìn kỹ ra bên ngoài. Cảnh tượng này nhắc tôi liên tưởng ngay đến cuộc viếng thăm của chúng tôi tới Cảnh sát trưởng Pratt. Gahalowood ra hiệu cho tôi rằng đến lượt anh ta tiếp tục câu chuyện.

– David trước kia là một người đàn ông thật sự tốt, cuối cùng ông Lewis thì thâm.

– Trước kia thôi ư? Gahalowood vắn lại.

- Thì tôi không gặp ông ta suốt 39 năm rồi.
 - Ông ấy đã đánh con gái phải không?
 - Không! Không! David là người đàn ông có trái tim trong sáng, nhân hậu, một người có đức tin. Khi David mới đến Mt Pleasant, không một ai thèm đến nhà thờ. Sáu tháng sau, sáng Chủ nhật nào các hàng ghế trong nhà thờ cũng chật kín người. Ông ấy hoàn toàn không phải là người dám làm điều xấu cho vợ con, dù là một điều nhỏ nhất.
 - Vậy thì họ là ai? Gahalowood hỏi nhẹ nhàng. Những người trong gia đình Kellergan là ai?
- Vị giám mục Lewis gọi vợ tới. Ông yêu cầu mang trà và mật ong đến cho tất cả mọi người. Ông quay trở lại ngồi vào ghế và nhìn chúng tôi lần lượt từng người một. Cái nhìn của ông ta thật dịu dàng và giọng nói rất ấm áp.
- Nhắm mắt lại! Hãy nhắm mắt lại. Tôi sẽ đưa các anh trở về Jackson, Alabama, năm 1953.

* * *

Jackson, Alabama, tháng Một năm 1953

Câu chuyện này thuộc thể loại truyện cả nước Mỹ ưa thích. Một ngày đầu năm 1953, một vị mục sư trẻ từ Montgomery tới, bước vào ngôi đền thờ Mt Pleasant đổ nát nằm tại trung tâm Jackson. Trời hôm đó giông bão lớn: nước từ trời trút xuống như những chiếc ri-đô, những dòng nước mạnh hiếm có dọn sạch tất cả các con phố. Cây cối chao đảo, những tờ báo bứt ra khỏi tay người bán báo dạo đang trú dưới mái hiên của một cửa hàng để bay vút lên không trung trong khi đó những người qua đường di chuyển bằng cách chạy vội từ chỗ trú này sang chỗ trú

khác.

Vị mục sư đẩy cánh cửa ngôi đền thờ khiến nó kêu lên kèn kẹt: bên trong tối lẫm, trời lạnh giá. Ông chậm chạp tiến vào giữa các hàng ghế. Nước mưa dột bên trong ở những nơi mái thủng, tạo nên những vũng nước trên nền nhà. Nơi này hoàn toàn không có bóng người, không hề có một con...chiên và ít có dấu hiệu sinh sống của con người. Ở chỗ đốt nến, chỉ còn lại xác vài cây nến đã cháy. Ông tiến lên bàn thờ, hướng tới phía bục giảng đạo, bước lên bậc cầu thang gỗ đầu tiên.

– Đừng làm vậy.

Một giọng nói không biết ở đâu bỗng vang lên khiến vị mục sư giật mình. Ông quay đầu lại, thấy một người đàn ông đậm người bước ra từ bóng tối.

– Đừng làm vậy, ông ta nhắc lại. Cầu thang bị một hết rồi, anh có nguy cơ ngã gãy cổ. Có phải anh là mục sư Kellergan không?

– Vâng, David lúng túng trả lời.

– Xin chúc mừng anh tới giáo xứ mới. Tôi là linh mục Jeremy Lewis, tôi lãnh đạo Cộng đồng Giáo hội mới của Chúa cứu thế. Khi người tiền nhiệm anh ra đi, tôi được yêu cầu phải chăm nom tới giáo đoàn này. Bây giờ, nó thuộc trách nhiệm của anh.

Hai người đàn ông nồng nhiệt bắt tay nhau. David Kellergan run run.

– Anh run à? Lewis nhận ra. Anh sắp chết rét rồi kia! Đi nào, có một quán cà phê trong góc phố. Chúng ta đi uống một cốc thật nóng và sẽ nói chuyện sau.

Jeremy Lewis và David Kellergan làm quen nhau như vậy. Ngồi trong quán cà phê gần đó, họ cùng đợi cơn bão tan.

– Người ta bảo tôi là Mt Pleasant không được tốt lắm, David Kellergan mỉm cười, hơi ngạc nhiên, nhưng thú thực tôi không tin là nó tồi tệ đến thế.

– Vâng. Tôi không giấu rằng anh chuẩn bị nhận nhiệm vụ ở một giáo xứ trong tình trạng suy tàn. Các giáo dân chẳng thêm đến, cũng không còn cống hiến nữa. Cả tòa nhà đang rơi vào đổ nát. Nhiều việc cần phải làm. Tôi hi vọng rằng điều này không làm anh sợ.

– Rồi anh sẽ thấy, thừa linh mục Lewis, còn phải tồi tệ hơn nữa mới có thể khiến tôi sợ.

Lewis mỉm cười. Ông đã cảm thấy bị mê hoặc bởi nhân cách mạnh mẽ và uy tín của người đồng nhiệm trẻ.

– Anh lập gia đình chưa? Ông hỏi.

– Chưa. Tôi vẫn còn độc thân.

Kellergan, vị mục sư mới, đã bỏ ra sáu tháng đi tới từng gia đình trong giáo xứ để tự giới thiệu với các con chiên và thuyết phục họ trở lại trên ghế ngai của tòa thánh Mt Pleasant hàng sáng Chủ nhật. Sau đó, ông đứng ra gây quỹ nhằm sửa lại mái của đền thờ. Tuy ông không đi phục vụ chiến tranh ở Triều Tiên, nhưng ông đã nhiệt tình tổ chức một chương trình tái hòa nhập cho các cựu chiến binh. Sau đó, một số người còn tình nguyện tham gia sửa lại phòng phụ của giáo hội. Dần dần, cuộc sống cộng đồng được tái thiết lập, ngôi đền Mt Pleasant đã tìm lại vẻ huy hoàng của nó, còn mục sư David Kellergan nhanh chóng được coi là ngôi sao đang lên của Jackson. Những người có địa vị, đồng thời là thành viên của giáo xứ cho rằng Kellergan có triển vọng chính trị. Người ta đồn Kellergan sẽ có thể chiếm được ghế trong hội đồng thành phố. Có thể sau đó, ông còn được bầu giữ một nhiệm kỳ tại nhà nước liên bang. Có

thể sẽ là Nghị viện, ai mà biết trước được. Kellergan là người rất có năng lực.

Một buổi tối cuối năm 1953, David Kellergan ăn tối trong quán ăn nhỏ gần ngôi đền thờ. Ông ngồi tại quầy như thường lệ. Chạnh ông, một phụ nữ trẻ bất chợt quay lại, khi nhận ra ông thì mỉm cười:

– Xin chào mục sư, cô nói.

Ông hơi bối rối, mỉm cười đáp lại:

– Tôi xin lỗi, thưa cô, nhưng chúng ta có quen nhau không nhỉ?

Cô gái phá lên cười, tay nghịch nghịch những lọn tóc vàng:

– Em là thành viên giáo hội của ông. Em tên là Louisa. Louisa Bonneville.

Bối rối vì không nhận ra cô, ông đỏ mặt, cô cũng cười thật tươi. Ông châm điếu thuốc để tự trấn an đôi chút.

– Em có thể xin ông một điếu không? Cô hỏi.

Ông chìa ra cho cô gói thuốc lá.

– Ông đừng nói là em hút thuốc nhé, thưa mục sư? Louisa nói.

Ông mỉm cười.

– Tôi hứa.

Louisa là con gái một gia đình có địa vị trong giáo xứ. David và cô bắt đầu hẹn hò và nhanh chóng yêu nhau. Ai cũng cho rằng họ là cặp đôi hoàn hảo, viên mãn. Họ cưới nhau vào mùa hè năm 1955, rạng ngời vì hạnh phúc. Họ muốn có thật nhiều con, ít nhất là sáu đứa, ba con trai, ba con gái, những đứa trẻ vui vẻ, tươi cười sẽ làm náo động ngôi nhà ở Lower Street nơi đôi vợ chồng trẻ vừa mới dọn tới. Nhưng Louisa mãi không

mang thai. Cô chữa chạy tại nhiều chuyên gia, mới đầu không có kết quả gì. Cuối cùng, mùa hè năm 1959, bác sĩ cũng báo tin vui: cô đã có bầu.

Ngày 12 tháng Tư năm 1960, tại bệnh viện đa khoa Jackson, Louisa Kellergan sinh hạ đứa con đầu tiên và duy nhất.

– Con gái rồi, thầy lang thông báo cho mục sư David Kellergan đang bồn chồn đi lại ngoài hành lang.

– Ôi con gái! Mục sư Kellergan reo lên, rạng rỡ hạnh phúc.

Ông háo hức vội đi gặp vợ lúc này đang bế trên tay đứa trẻ mới lọt lòng. Ông ôm chặt vợ, ngắm đứa bé mắt vẫn còn nhắm. Rõ ràng tóc nó sẽ màu vàng giống mẹ.

– Mình đặt tên con là Nola nhé? Louisa gợi ý.

Ông mục sư thấy Nola là tên tuyệt đẹp nên gật đầu đồng ý.

– Chào mừng con, Nola, ông nói với con gái.

Trong suốt những năm tiếp theo, gia đình Kellergan luôn được coi là một tấm gương sáng. Sự tốt bụng của người cha, sự dịu dàng của người mẹ và đứa con tuyệt vời của họ. David Kellergan luôn có hàng tỉ ý tưởng và dự định, lúc nào cũng được vợ mình ủng hộ. Tất cả các ngày Chủ nhật trong dịp hè, họ thường xuyên đi picnic ở Cộng đồng Giáo hội mới của Chúa cứu thế, vì mối quan hệ thân thiết với linh mục Jeremy Lewis mà David Kellergan vẫn giữ gìn kể từ khi họ gặp nhau lần đầu gần 10 năm trước vào một ngày giông bão. Những người quen biết với gia đình Kellergan thời kì đó đều rất ngưỡng mộ hạnh phúc của họ.

* * *

- Tôi không bao giờ biết ai Hạnh phúc hơn họ, linh mục Lewis nói với chúng tôi. David và Louisa luôn dành cho nhau tình yêu vô bờ bến. Thật điên rồ. Cứ như Chúa sinh ra họ để yêu nhau vậy. Họ là người cha, người mẹ cực kì tuyệt vời, năng động và yêu thương con cái. Một gia đình khiến mọi người khao khát có được một mái ấm như thế, mang lại cho cộng đồng niềm hi vọng vĩnh cửu vào cuộc sống gia đình tốt đẹp. Thật tuyệt vời khi chứng kiến điều đó. Nhất là trong cái xã hội Alabama thối nát của những năm 1960 khi đang hoành hành nạn phân biệt chủng tộc.

- Nhưng tất cả đã bị đảo lộn, Gahalowood nói.

- Đúng vậy.

- Chuyện xảy ra như thế nào?

Yên lặng hồi lâu. Khuôn mặt linh mục Lewis biến dạng. Không thể ngồi yên được một chỗ, ông lại đứng lên, đi đi lại lại trong phòng.

- Tại sao lại phải nói về những chuyện này? Linh mục Lewis hỏi. Chuyện xảy ra cách đây quá lâu rồi...

- Thưa linh mục Lewis, điều gì xảy ra năm 1969?

Ông quay mặt nhìn cây thánh giá lớn treo trên tường, nói với chúng tôi:

- Chúng tôi đã trừ tà cho nó. Nhưng mọi chuyện diễn ra không mấy tốt đẹp.

- Gì? Gahalowood thốt lên. Ông đang nói chuyện gì thế?

- Cô bé... Cô bé Nola. Chúng tôi làm lễ trừ tà ma cho nó. Nhưng đó là cả một thảm kịch. Tôi nghĩ trong người Nola có quá nhiều quỷ dữ.

- Ông định nói điều gì thế ?

– Vụ hỏa hoạn... xảy ra vào ban đêm. Đêm đó, sự việc xảy ra không hoàn toàn chính xác như David Kellergan kể với cảnh sát. Đúng là anh ta trở về từ nhà một giáo dân đang hấp hối. Khoảng 1 giờ sáng khi về tới nhà, anh ta thấy ngôi nhà đang bốc lửa. Nhưng... biết nói với các anh thế nào nhỉ... Mọi chuyện xảy ra không như David Kellergan đã kể với cảnh sát.

* * *

Ngày 30 tháng Tám năm 1969

Jeremy Lewis đang ngủ rất say nên không nghe thấy tiếng chuông cửa. Matilda, vợ ông, là người ra mở cửa và ngay lập tức quay trở vào đánh thức ông dậy. Lúc đó là 4 giờ sáng. “Jeremy, dậy đi! Bà nói mà nước mắt lưng tròng. Thảm kịch đã xảy ra... Mục sư Kellergan đã ở đây rồi... Nhà anh ấy bị cháy, Louisa đã... cô ấy đã chết!”

Lewis nhảy ngay xuống giường. Ông thấy mục sư Kellergan trong phòng khách, mặt tái xanh, hoàn toàn suy sụp và đang khóc lóc. Nola, đứa con gái đứng bên cạnh. Matilda đưa Nola vào ngủ trong phòng dành cho khách.

– Chúa ơi! David, chuyện gì xảy ra vậy? Lewis hỏi.

– Ngôi nhà bị cháy. Louisa đã chết. Cô ấy đã chết!

David Kellergan không kiềm chế nổi; vật vã trong ghế bành, ông cứ mặc cho nước mắt chảy đầm đìa trên mặt. Toàn thân run rẩy. Jeremy Lewis đưa cho Kellergan một cốc rượu mạnh.

– Thế Nola ổn chứ? ông hỏi.

– Vâng, nhờ ơn Chúa. Bác sĩ đã khám cho nó. Nó không việc gì.

Đôi mắt Jeremy Lewis mờ đi.

– Chúa ơi... David, thật là một bi kịch. Thật là một bi kịch.

Ông đặt bàn tay lên đôi vai người đồng nhiệm để an ủi anh ta.

– Tôi không hiểu điều gì đã xảy ra, Jeremy ạ. Tôi đến thăm một giáo dân đang hấp hối. Khi trở về, cả căn nhà đang bốc cháy. Ngọn lửa lúc đó đã rất lớn.

– Chính anh đã cứu Nola ra à?

– Jeremy... Tôi phải nói với anh một điều.

– Là gì vậy? Cứ nói tất cả với tôi, lúc nào tôi cũng bảo vệ anh.

– Jeremy... Khi về đến trước nhà, lửa cháy đã rất to... Toàn bộ tầng trên đã bốc lửa rồi! Tôi muốn trèo lên để cứu vợ tôi, nhưng cả cầu thang cũng đã bén lửa! Tôi không thể làm gì được! Hoàn toàn không thể làm gì được!

– Trời ơi... Thế Nola thì sao?

David Kellergan như trực nôn.

– Tôi nói với cảnh sát rằng tôi đã trèo lên trên tầng, cứu Nola ra khỏi nhà, nhưng tôi không thể quay lại cứu vợ tôi được.

– Thế đó không phải sự thật ư?

– Không, Jeremy. Khi tôi về tới nhà, toàn bộ ngôi nhà đã bốc cháy. Còn Nola ... con bé đang hát ở ngoài cổng.

Sáng hôm sau, David Kellergan ở một mình với con gái trong phòng ngủ dành cho khách. Mới đầu, ông định giải thích cho con gái biết rằng mẹ nó đã chết.

– Con yêu quý, ông nói với con gái, con có nhớ tôi hôm qua không? Lửa đã làm cháy nhà, con nhớ không?

– Có.

– Chuyện nghiêm trọng đã xảy ra. Rất nghiêm trọng, rất đau

buồn và sẽ làm cho con rất đau lòng. Mẹ đang ở trong phòng thì xảy ra hỏa hoạn, và mẹ không chạy thoát được.

– Vâng, con biết. Mẹ chết rồi, Nola giải thích. Mẹ rất độc ác. Cho nên con đốt phòng của mẹ.

– Gì cơ? Con vừa nói gì thế?

– Con vào trong phòng mẹ, thấy mẹ đang ngủ. Con thấy mẹ có vẻ rất độc ác. Mẹ độc ác! Độc ác! Con muốn mẹ chết. Thế là con lấy diêm trên tủ và đốt rèm cửa.

Nola mỉm cười với người cha đang bắt nó nhắc lại câu chuyện. Nola lại nhắc lại lần nữa. Lúc đó, David Kellergan nghe thấy tiếng sàn nhà kêu cọt két, ông quay lại, linh mục Lewis đến hỏi thăm tình hình đứa trẻ, đã nghe được cuộc đối thoại của hai bố con.

Họ ngồi với nhau trong phòng làm việc đóng kín cửa.

– Chính Nola đốt nhà anh à? Nola đã giết mẹ của nó à? Lewis choáng váng kêu lên.

– Xuyt! Đừng kêu to như vậy, Jeremy! Nó nó nói nó đốt nhà, nhưng Chúa ơi, điều đó không thể là sự thật!

– Trong người Nola có quỷ không? Lewis hỏi.

– Quỷ ư? Không, không! Cũng có lúc tôi và mẹ nó nhận thấy nó có những cử chỉ và hành động rất kì lạ, nhưng hoàn toàn không có gì là độc ác.

– Nola đã giết chết mẹ nó, David. Anh có nhận thấy hết tính nghiêm trọng của câu chuyện không?

David Kellergan run rẩy. Ông khóc, đầu óc quay cuồng. Ông muốn nôn. Jeremy Lewis chìa ra cho ông cái giỏ giấy để ông trút vào đó cho nhẹ người.

– Đừng nói gì với cảnh sát đây, Jeremy, tôi xin anh!

- Nhưng chuyện rất nghiêm trọng, David!
- Đừng nói gì hết! Nhân danh Chúa, đừng nói gì cả. Nếu cảnh sát biết chuyện, Nola sẽ phải đi cải tạo, hoặc Chúa mới biết được nó sẽ phải đi đâu. Nó mới có chín tuổi...
- Vậy thì phải chữa chạy cho nó, Lewis nói. Nola bị quỷ ám, phải cứu lấy nó.
- Không, Jeremy, đừng làm vậy.
- Cần phải trừ tà cho nó, David ạ. Đó là giải pháp duy nhất để giải thoát nó khỏi cái ác.

* * *

- Tôi đã trừ tà cho Nola, linh mục Lewis giải thích với chúng tôi. Nhiều ngày liên tục, chúng tôi cố gắng đuổi con quỷ trong người nó ra.
- Chuyện mê sảng gì thế? Tôi thì thạo.
- Thế đây! Lewis đứng dậy, tại sao các anh lại nghi ngờ tới mức độ ấy chứ? Nola không phải là Nola: Quỷ dữ đã sở hữu cơ thể của nó!
- Thế ông đã làm gì đứa bé? Gahalowood hỏi.
- Về nguyên tắc, chỉ cần cầu nguyện là đủ, trung sĩ ạ!
- Để tôi đoán nhé, nhưng trong trường hợp này, cầu nguyện không đủ!
- Đúng thế, con quỷ quá mạnh! Vậy nên chúng tôi phải dìu dắt con bé xuống chầu nước thánh, để có thể chiến thắng được quỷ dữ.
- Giả vờ dìu cho chết trôi, tôi nói.

– Nhưng thế cũng không ăn thua. Cho nên, để hạ gục con quỷ, làm cho nó phải từ bỏ cơ thể của Nola, chúng tôi đã đánh nó.

– Ông đánh đứa trẻ mới 9 tuổi sao? Gahalowood không thể chịu được nữa.

– Không, không phải đứa trẻ, mà là con quỷ!

– Ông điên rồi, Lewis!

– Chúng tôi phải giải thoát cho cô bé! Chúng tôi nghĩ sẽ làm được điều đó. Nhưng Nola bắt đầu lâm vào các cơn khủng hoảng. Hai bố con nó ở trong nhà chúng tôi một thời gian thì con bé bắt đầu không thể kiểm soát nổi. Nó bắt đầu thấy mẹ nó.

– Ông muốn nói Nola bắt đầu bị hoang tưởng à? Gahalowood hỏi.

– Còn tệ hơn thế nữa: nó bắt đầu phát triển theo kiểu như một dạng nhân cách đúp. Có lúc nó trở thành chính người mẹ và nó tự trừng phạt mình bởi việc nó đã làm. Một hôm, tôi gặp nó la hét trong phòng tắm. Nó đổ nước đầy bồn tắm, một tay túm đầu tự bắt mình phải nhúng đầu vào nước đá. Không thể tiếp tục như thế được nữa nên David quyết định bỏ đi. Thật xa. Anh ấy bảo, anh ấy phải rời Jackson, rời Alabama, khoảng cách và thời gian chắc chắn sẽ giúp Nola tốt hơn. Lúc đó, tôi nghe nói giáo xứ Aurora đang tìm mục sư mới, anh ấy không chần chừ nửa giây. Vậy là anh ấy ra đi, chôn mình ở đầu kia của đất nước thuộc bang New Hampshire.

3

Ngày bầu cử

“Đời anh sẽ được đánh dấu bằng những sự kiện trọng đại. Hãy nhắc tới chúng trong cuốn sách của anh, Marcus ạ. Dầu những sự kiện này có tồi tệ đến thế nào, thì chí ít, chúng cũng xứng đáng được gọi là vài trang Lịch sử”.

Trích từ tờ Concord Herald ngày 5 tháng Mười một năm 2008.

BARACK OBAMA ĐÃ ĐẮC CỬ TỔNG THỐNG THỨ 44 CỦA HỢP CHỨNG QUỐC HOA KÌ

Ứng cử viên của Đảng Dân chủ, Barack Obama, đã đánh bại ứng cử viên của Đảng Cộng hòa McCain để trở thành tổng thống thứ 44 của Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ. Tại bang New Hampshire, trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2004, chính McCain cũng bị đánh bại bởi John Kerry [...]

Ngày 5 tháng Mười một năm 2008.

Ngày hôm sau của cuộc bầu cử, cả thành phố New York vô cùng hân hoan. Trên đường phố, mọi người ăn mừng chiến thắng của Đảng Dân chủ đến tận khuya, như thể để tổng khứ những con quỷ của nhiệm kỳ đôi vừa rồi. Cá nhân tôi chỉ tham gia vào cơn cuồng nhiệt của dân chúng qua màn hình tivi trong phòng làm việc, nơi mà suốt ba ngày nay tôi giam mình trong đó.

Sáng hôm đó, Denise đến văn phòng của tôi từ 8 giờ, mặc áo phong in hình Obama, tách uống trà Obama, đeo huy hiệu

Obama và mang đến một tập ảnh dán hình Obama. “Ồ, anh đã ở đây rồi cơ à Marcus”, cô ấy nói với tôi khi đi qua cửa và nhìn thấy tất cả đã sáng trưng. “Anh có ra ngoài tối qua không? Thật là một chiến thắng tuyệt vời! Em mang cho anh tập ảnh dán để anh dán lên xe đây này”. Vừa nói, Denise vừa để đồ đạc lên trên bàn, bật máy pha cà phê và nghe tin nhắn điện thoại, sau đó đi vào phòng tôi. Khi nhìn vào trong cô ấy tròn mắt sửng sốt và thốt lên:

– Ôi Marcus, nhân danh Chúa, chuyện gì xảy ra ở đây vậy?

Tôi ngồi trên ghế, nhìn chăm chăm vào bức tường mà trên đó, tôi đã thức gần như thâu đêm để viết ra những ghi chú và các sơ đồ của cuộc điều tra. Tôi đã nghe lại một lượt tất cả các băng ghi âm Harry, Nancy Hattaway và Robert Quinn.

– Có cái gì đó trong vụ này mà tôi không sao biểu được, tôi nói. Nó đang làm tôi phát điên.

– Anh đã ở đây cả đêm à?

– Đúng vậy.

–Ồ, Marcus, thế mà em cứ tưởng anh đã ra ngoài vui vẻ đôi chút. Đã lâu quá rồi không thấy anh đi đâu giải trí cả. Anh lại trần trở về cuốn sách ư?

– Tuần trước, tôi đã phát hiện ra một điều khiến tôi trần trở.

– Là gì vậy?

– Đó chính là vấn đề, vì tôi biết rõ điều đó là gì. Phải làm gì khi nhận ra người mà ta luôn tôn thờ yêu quý, luôn coi là tấm gương sáng bỗng phản bội và lừa dối ta?

Denise yên lặng một lúc suy nghĩ rồi nói:

– Em đã từng trải qua điều đó. Với người chồng đầu tiên. Em bắt gặp anh ta trên giường với người bạn gái thân nhất của em.

– Thế cô đã làm gì?

– Không làm gì cả. Em đã không nói gì và cũng không làm gì cả. Lúc đó là ở Hamptons, bọn em đi nghỉ cuối tuần cùng với hai vợ chồng cô bạn thân nhất của em, tại một khách sạn bên bờ biển. Cuối chiều thứ Bảy, em đi dạo một mình dọc theo bờ biển. Chỉ một mình, bởi vì chồng em bảo anh ta mệt. Em đã quay trở về sớm hơn dự tính rất nhiều. Thực ra đi dạo một mình cũng chẳng có gì vui thú cho lắm. Em quay về phòng, mở cửa bằng thẻ từ và em thấy họ trên giường. Chồng của em ở trên người cô bạn gái thân nhất của em. Mở bằng thẻ từ nên không gây ra tiếng động nào, họ không nhìn thấy em cũng chẳng nghe thấy em. Em nhìn họ giây lát, nhìn gã chồng của mình đang hì hục đủ mọi tư thế để khiến đứa bạn gái thân nhất của em rên rỉ như một con chó nhỏ. Sau đó, em yên lặng ra khỏi phòng, vào nhà vệ sinh nôn thốc nôn tháo, và em lại đi dạo. Một tiếng sau em trở về phòng: chồng em ngồi ở quầy bar của khách sạn uống rượu gin và cười với chồng của đứa bạn em. Em im lặng. Bọn em cùng ăn tối. Em làm như không có chuyện gì xảy ra. Buổi tối, anh ta ngủ như một đồng thối, anh ta mệt. Em câm lặng, em không nói gì suốt sáu tháng.

– Cuối cùng, cô đề nghị li dị?

– Không, anh ta bỏ em đi theo cô ta.

– Cô có bao giờ tiếc là đã không phản ứng?

– Ngày nào cũng tiếc.

– Vậy thì tôi sẽ phải hành động. Có phải cô muốn khuyên tôi làm thế?

– Đúng. Hãy hành động, Marcus ạ. Đừng có ngu dốt dại dột đáng thương để bị lừa như bản thân em.

Tôi mỉm cười.

– Cô là tất cả ngoại trừ loại người ngu đần đại dốt đáng thương.

– Marcus, anh đã phát hiện ra điều gì vào tuần trước thế?

* * *

5 ngày trước

Ngày 31 tháng Mười, giáo sư Gideon Alkanor, một trong những chuyên gia hàng đầu về tâm lí trẻ em của bờ Đông mà Gahalowood rất quen thân đã khẳng định chắc chắn: Nola đã mắc chứng bệnh nhiễu loạn tâm lí nghiêm trọng.

Ngày hôm sau, từ Jackson trở về, Gahalowood và tôi đã lái xe xuống tận Boston, ở đó Alkanor tiếp chúng tôi tại phòng làm việc của ông ấy trong bệnh viện Children's Hospital. Trên cơ sở các yếu tố đã được gửi tới từ trước, giáo sư cho rằng có thể lập một bảng dự báo về bệnh rối loạn tâm thần trẻ nhỏ cho Nola.

– Tóm lại điều đó có nghĩa là gì? Gahalowood sốt ruột.

Alkanor kéo kính xuống và thông thả lau mắt kính, như là để suy nghĩ về điều ông ta sắp sửa nói ra. Sau đó, ông ta quay về phía tôi:

– Rất cuộc, tôi cho rằng anh có lí, anh Goldman ạ. Tôi đã đọc cuốn sách của anh cách đây mấy tuần. Căn cứ vào những điều anh miêu tả và những yếu tố mà Perry mang tới cho tôi, tôi kết luận rằng đôi khi Nola bị mất ý niệm về thực tại. Đó là khi cô ta rơi vào tình trạng khủng hoảng, như lúc cô ta đốt phòng ngủ của mẹ mình. Đêm 30 tháng Tám năm 1960, Nola đã nhìn nhận thực tế một cách sai lầm: cô ta muốn giết mẹ mình nhưng vào thời điểm đó, thì giết người đối với cô ấy không có nghĩa gì hết.

Cô ta hành động mà không ý thức được tính nghiêm trọng của nó. Đang trong giai đoạn chấn thương tâm lí đầu tiên, thì tiếp sau đó, Nola lại bị chấn thương tâm lí lần nữa khi chịu hình phạt trừ tà và mỗi khi nhớ lại, chuyện đó trở thành một yếu tố kích hoạt hoàn hảo cho các cơn khủng hoảng về hiện tượng trùng lặp nhân cách, lúc ấy Nola trở thành người mẹ mà chính cô ta đã giết chết. Từ đó, mọi việc trở nên phức tạp: khi Nola mất ý niệm về thực tại, thì ký ức về người mẹ và hành động đốt phòng quay trở lại ám ảnh cô ta.

Tôi đứng im choáng váng.

– Vậy ông muốn nói rằng...

Alkanor gật đầu trước khi tôi chưa nói hết rồi tiếp lời:

– Nola tự đánh mình vào những lúc khủng hoảng.

– Nhưng điều gì có thể gây ra những cơn khủng hoảng đó?
Gahalowood hỏi.

– Hẳn là những chấn động cảm xúc dữ dội: trầm uất hay một nỗi buồn quá lớn. Tất cả những điều mà anh Goldman đã miêu tả trong cuốn sách đó, cuộc gặp gỡ với Harry Quebert, người cô ta đã yêu điên cuồng, rồi sự hắt hủi của ông ta khiến cô bé thậm chí đã muốn tự tử. Tôi kết luận đây đúng là một trường hợp “điển hình”. Mỗi khi cô bé bị khủng hoảng, cô ấy đều nhìn thấy mẹ mình và tự trừng phạt bản thân vì những điều mình đã làm.

Trong suốt những năm đó, Nola và mẹ cô ấy chỉ là một. Chúng tôi cần mục sư Kellergan khẳng định việc này nên thứ Bảy, ngày 1 tháng Mười một năm 2008, chúng tôi đã đến ngôi nhà số 245 Terrace Avenue. Trung sĩ Gahalowood và tôi đã thông tin lại cho Travis biết điều mà chúng tôi đã khám phá ở Alabama và trung sĩ yêu cầu Travis có mặt trong cuộc viếng thăm cha Kellergan để trấn an tâm lí ông mục sư.

Khi nhìn thấy chúng tôi ở trước cửa, cha Kellergan tuyên bố ngay lập tức:

– Tôi không có gì để nói với các anh. Không có gì để nói với anh, không có gì để nói với bất kì ai.

– Chính tôi mới là người có điều cần nói với ông, Gahalowood bình tĩnh giải thích. Tôi biết chuyện gì đã xảy ra ở Alabama vào tháng Ba năm 1969. Tôi biết về vụ cháy nhà, tôi biết tất cả.

– Anh không biết gì hết.

– Ông phải nghe họ nói, Travis lên tiếng. Hãy để chúng tôi vào nhà, David. Chúng ta sẽ thấy khá hơn khi vào trong nói chuyện.

Rốt cuộc thì David Kellergan cũng nhượng bộ; chúng tôi đi vào trong và được ông ta dẫn vào bếp. Ông ta tự rót cho mình một cốc cà phê nhưng không mời chúng tôi, rồi ngồi xuống bàn. Gahalowood và Travis ngồi đối diện với ông ta còn tôi thì đứng sau họ.

– Rốt cuộc là chuyện gì? Kellergan hỏi.

– Tôi đã tới Jackson, Gahalowood trả lời. Tôi đã nói chuyện với linh mục Jeremy Lewis. Tôi biết Nola đã làm gì.

– Hãy câm đi.

– Cô ấy bị bệnh rối loạn tâm thần trẻ nhỏ, phải chịu đựng các cơn khủng hoảng tâm thần phân liệt. Ngày 30 tháng Tám năm 1969, Nola đã đốt phòng ngủ của mẹ mình.

– Không! David Kellergan hét lên. Anh nói dối.

– Tối hôm đó, ông thấy Nola ca hát dưới cổng nhà. Rốt cuộc ông cũng hiểu chuyện gì đã xảy ra. Và ông đã cho trừ ma cho Nola vì nghĩ rằng làm như vậy là tốt cho cô ấy. Nhưng thật ra

nó lại là một thảm họa. Cô ấy bắt đầu rơi vào những cơn khủng hoảng về trùng lặp nhân cách trong đó cô ấy cố gắng trừng phạt chính bản thân mình. Vì thế, ông đã bỏ chạy thật xa khỏi Alabama, ông đã đi xuyên qua đất nước với hi vọng bỏ lại những bóng ma ở phía sau mình, nhưng chính bóng ma của vợ ông đã theo đuổi hai bố con bởi vì nó luôn luôn tồn tại trong đầu Nola.

Một giọt nước mắt lăn trên gò má của David Kellergan.

– Đôi khi nó rơi vào khủng hoảng, ông ta nghẹn ngào. Tôi không thể làm gì. Nó tự đánh chính mình. Nó vừa là con gái, vừa là mẹ. Nó tự đánh đòn, rồi nó van vỉ chính nó hãy dừng lại.

– Vì thế ông đã mở nhạc và giam mình trong gara, bởi ông không chịu đựng nổi.

– Đúng! Đúng! Không thể chịu đựng nổi. Nhưng tôi biết làm gì. Đứa con gái yêu quý của tôi, nó ốm yếu đến thế đấy.

Ông ta bắt đầu khóc nức nở. Travis nhìn ông ta, khiếp sợ vì những gì đang khám phá.

– Tại sao ông không đưa cô ấy đi chữa bệnh? Gahalowood hỏi.

– Tôi sợ người ta sẽ mang nó đi. Người ta sẽ giam giữ nó! Hơn nữa các khủng hoảng cũng ngày càng thưa dần. Thậm chí tôi còn cảm thấy trong suốt nhiều năm ký ức về vụ hỏa hoạn trong Nola đã biến mất, tôi thậm chí đã nghĩ các cơn khủng hoảng đã hoàn toàn chấm dứt. Ngày càng tốt hơn. Cho đến tận mùa hè năm 1975. Bỗng nhiên, tôi không hiểu tại sao, nó lại một lần nữa rơi vào khủng hoảng trầm trọng.

– Vì Harry, Gahalowood nói. Cuộc gặp gỡ với Harry là một chấn động tâm lí quá lớn đối với cô ấy.

– Mùa hè năm ấy thật kinh khủng, cha Kellergan nói. Tôi

cảm thấy các cơn khủng hoảng bắt đầu quay trở lại. Tôi gần như có thể dự đoán được. Thật là kinh hoàng. Nó tự đánh khắp người, lên ngực nó bằng chiếc thước sắt. Nó đổ đầy một chậu nước và tự nhúng đầu mình xuống, đồng thời van vỉ mẹ nó hãy dừng lại. Rồi nó giả giọng nói của mẹ nó, tự chửi bới mình không tiếc lời.

– Những trận đìm đầu xuống nước, chính ông đã bắt cô ta phải chịu đựng không?

– Jeremy Lewis cho rằng chỉ còn duy nhất biện pháp đó. Người ta bảo tôi rằng Lewis tính trừ tà cho con bé, chứ thực ra chúng tôi chưa bao giờ nói với nhau chuyện này. Bỗng nhiên, ông ta tuyên bố rằng con quỷ đã nhập vào cơ thể của Nola và cần phải giải thoát nó. Tôi chấp nhận chỉ vì một mong muốn duy nhất là ông ta không tố giác Nola với cảnh sát. Jeremy đúng là hoàn toàn điên, nhưng tôi có thể làm gì khác được? Tôi không có lựa chọn nào khác. Ở đất nước này, người ta có thể bỏ tù trẻ con...

– Thế còn các vụ bỏ nhà đi? Gahalowood hỏi.

– Đã có lần nó bỏ đi. Một lần, suốt cả tuần. Tôi còn nhớ đó là vào tuần cuối cùng của tháng Bảy năm 1975. Tôi biết phải làm gì? Gọi cảnh sát chẳng? Sẽ nói với họ thế nào? Rằng con gái tôi bị điên ư? Tôi tự nhủ sẽ đợi đến hết tuần mới thông báo với mọi người. Tôi đi tìm nó suốt cả tuần, cả ngày lẫn đêm. Và rồi, nó quay trở về nhà.

– Ngày 30 tháng Tám, điều gì đã xảy ra?

– Nó bị khủng hoảng trầm trọng. Tôi chưa bao giờ thấy nó trong tình trạng như vậy. Tôi đã cố gắng trấn an nó, nhưng chẳng làm gì được. Vì thế tôi đã nhốt mình trong gara để sửa cái mô tô chết tiệt kia. Tôi vận nhạc to hết cỡ. Tôi trốn trong đó

suốt cả buổi chiều. Chuyện sau đó thì các anh biết rồi đấy: khi tôi rời gara đi tìm nó, nó không còn ở đó nữa... Ban đầu tôi tìm nó quanh khu phố, và tôi nghe thấy người ta nói có người nhìn thấy một cô gái máu me đầy người gần Side Creek. Tôi hiểu ngay tình hình đã trở nên nghiêm trọng.

– Ông đã nghĩ gì lúc đó?

– Thành thật mà nói, mới đầu tôi nghĩ Nola bỏ nhà đi cùng với những vết đòn mà nó vừa gây ra cho bản thân. Tôi nghĩ bà Deborah Cooper có thể đã chứng kiến Nola đang trong cơn khủng hoảng. Bởi trên hết đó là ngày 30 tháng Tám, chính là ngày xảy ra vụ hỏa hoạn ngôi nhà chúng tôi ở Jackson.

– Cô ấy đã bao giờ chịu những cơn khủng hoảng dữ dội như vậy vào cùng ngày hôm ấy không?

– Không.

– Vậy điều gì khiến nó bùng nổ?

David Kellergan do dự giây lát trước khi trả lời. Travis Dawn hiểu rằng cần phải động viên ông ta nói tiếp.

– Nếu ông biết điều gì, thì phải nói cho chúng tôi biết. Nó rất quan trọng. Hãy làm điều đó vì Nola.

– Khi tôi vào trong phòng con bé ngày hôm đó, nó không có ở đây và tôi phát hiện một phong bì lớn đã bóc ở trên giường nó. Trên phong bì có để tên nó. Trong đó có một bức thư. Tôi nghĩ rằng chính bức thư ấy đã gây ra cơn khủng hoảng. Đó là một bức thư chia tay.

– Một bức thư? Vậy mà ông chưa bao giờ nói với chúng tôi về bức thư cả! Travis thốt lên.

– Bởi vì nét chữ trên bức thư ấy chỉ rõ rằng chủ nhân của nó là một người đàn ông lớn tuổi. Thế anh muốn thế nào? Muốn cả thành phố này sẽ nghĩ Nola là loại gái lẳng loạn à? Vào lúc đó ,

tôi chắc chắn cảnh sát sẽ tìm ra nó và dẫn nó về nhà. Dứt khoát tôi sẽ đưa nó đi điều trị bệnh thật tốt.

– Ai là tác giả của bức thư chia tay đó? Gahalowood hỏi.

– Là Harry Quebert.

Tất cả chúng tôi đều ngây người ra. Cha Kellergan đứng dậy và biến mất giây lát trước khi quay trở lại với một hộp các tông đựng đầy thư.

– Tôi đã tìm thấy các bức thư này sau khi con bé biến mất, nó giấu chúng trong phòng, đằng sau chiếc gương vẹo. Nola có quan hệ thư tín với Harry Quebert.

Gahalowood rút ngẫu nhiên một bức thư ra và đọc lướt.

– Làm thế nào mà ông biết đó là Harry Quebert? Gahalowood hỏi. Chẳng có bức thư nào được kí bên dưới cả.

– Bởi vì... tất cả những bức thư này đều được in trong cuốn sách của anh ta.

Tôi lục tìm trong hộp các tông: đúng là nó đựng toàn bộ những bức thư trong cuốn sách *Nguồn gốc cái xấu xa*, hay ít nhất là những bức thư mà Nola nhận được. Có đủ cả: những bức thư về bản thân họ, những bức thư ở bệnh viện Charlotte's Hill. Tôi thấy những nét chữ rõ ràng, một bản viết tay hoàn hảo, tôi có cảm giác khiếp sợ: tất cả những cái này đều thật là hiện thực.

– Đây chính là bức thư định mệnh cuối cùng, cha Kellergan nói và đưa một chiếc phong bì cho Gahalowood.

Ông ta đọc xong rồi đưa cho tôi.

Em yêu quý,

Đây là bức thư cuối cùng của anh. Đây là những lời cuối cùng của anh. Anh viết cho em để nói với em lời vĩnh biệt.

Kể từ ngày hôm nay, sẽ không còn “chúng ta” nữa.

Những người yêu nhau rời xa nhau và không còn gặp lại, chuyện tình của họ cũng kết thúc.

Em yêu, anh sẽ rất nhớ em. Anh nhớ em vô cùng.

Đôi mắt anh đẫm lệ. Trong anh đang bốc cháy.

Chúng ta sẽ không còn gặp nhau nữa; anh nhớ em vô cùng. Hi vọng em sẽ được hạnh phúc.

Anh tự nhủ rằng anh và em chỉ là giấc mơ, bây giờ đã đến lúc phải thức dậy.

Suốt đời anh nhớ em.

Vĩnh biệt. Anh yêu em, sẽ không bao giờ yêu nữa.

– Nó trùng với trang cuối cùng của cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa*, Kellergan giải thích cho chúng tôi.

Tôi thừa nhận. Tôi cũng nhận ra những dòng chữ này. Tôi cảm thấy choáng váng.

– Ông biết được Nola và Harry trao đổi thư từ với nhau từ khi nào? Gahalowood tra hỏi.

– Tôi mới chỉ biết cách đây vài tuần. Tôi nhìn thấy cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa* ở ngoài chợ. Người ta vừa mới bán trở lại. Không biết tại sao tôi lại mua nó. Tôi phải đọc cuốn sách này để cố hiểu. Ngay lập tức, tôi có cảm giác đã đọc những câu chữ này ở đâu đó rồi. Trí nhớ thật kì lạ. Suy nghĩ mãi, tôi cũng thấy tất cả sáng rõ: đó chính là những bức thư mà tôi tìm thấy trong phòng Nola. Không chạm đến từ ba mươi năm nay nhưng tôi lưu giữ chúng chỗ nào đó trong bộ nhớ. Tôi đọc lại chúng và chính từ đó mà tôi đã hiểu Thừa trung sĩ, bức thư quái ác khiến cho con gái tôi điên lên vì đau buồn. Có thể Luther Caleb đã giết chết Nola, nhưng dưới con mắt của tôi, Quebert cũng có tội ngang anh ta: nếu không có cơn khủng hoảng đó, có thể nó sẽ

không trốn nhà đi và không gặp phải Caleb.

– Đó chính là lí do ông đã tới nhà nghỉ tìm Harry... Gahalowood phỏng đoán.

– Đúng vậy. Trong suốt ba mươi ba năm, tôi đã tự hỏi không biết ai là tác giả của những bức thư chết tiệt này. Và câu trả lời, ngay từ đầu, đã nằm trong tất cả các thư viện trên toàn nước Mỹ. Tôi đã tới nhà nghỉ Sea Side và chúng tôi đã cãi nhau. Tôi điên tiết quay về nhà lấy súng, nhưng khi trở lại đó, thì hắn đã biến mất. Có lẽ tôi đã bắn chết hắn. Hắn biết là con gái tôi yếu đuối thế mà vẫn đẩy nó vào đường cùng.

Tôi như rơi từ trên trời xuống:

– Ông nói “hắn biết” có nghĩa là gì? Tôi hỏi.

– Hắn biết mọi chuyện về Nola! Toàn bộ! David Kellergan kêu lên.

– Ý ông là Harry đã biết tất cả các cơn khủng hoảng thần kinh của Nola?

– Đúng vậy! Tôi biết thỉnh thoảng Nola đã tới nhà hắn cùng với chiếc máy chữ. Tất nhiên là tôi không còn biết gì thêm nữa. Thậm chí tôi còn thấy đó là điều tốt cho con bé khi nó quen biết với một nhà văn. Lúc đó đang kỳ nghỉ hè nên nó cũng có việc để mà làm. Cho đến tận khi gã nhà văn chết tiệt đó đến tìm tôi gây chuyện bởi vì hắn nghĩ rằng vợ tôi đánh đập Nola.

– Harry đã tới tìm gặp ông vào mùa hè đó ư?

– Đúng vậy. Vào giữa tháng Tám. Một vài ngày trước khi con gái tôi biến mất.

* * *

Ngày 15 tháng Tám năm 1975

Lúc đó là giữa buổi chiều. Từ cửa sổ phòng làm việc, mục sư Kellergan nhìn thấy một chiếc xe Chevrolet đen đến đỗ trước bãi xe của nhà thờ. Ông thấy Harry Quebert xuống xe và bước nhanh về phía lối vào chính của tòa nhà. Ông tự hỏi không biết anh ta tới đây với mục đích gì: kể từ khi đến Aurora, Harry chưa một lần nào đến nhà thờ. Ông nghe thấy tiếng cửa mở ra, rồi tiếng bước chân trên hành lang và giầy lát sau, ông thấy Harry Quebert xuất hiện ở khung cửa phòng làm việc đang để ngỏ.

- Chào anh Harry, thật là một bất ngờ thú vị, mục sư nói.
- Chào mục sư, tôi có làm phiền ông không?
- Không hề, mời anh vào.

Harry bước vào trong phòng, đóng chặt cửa phía sau.

– Mọi chuyện ổn chứ? Mục sư Kellergan hỏi. Nhìn vẻ mặt anh thật lạ quá.

- Tôi đến để nói chuyện với ông về Nola.
- Ồ, thật đúng lúc, tôi muốn cảm ơn anh. Tôi biết thỉnh thoảng con gái tôi có ghé qua chỗ anh và khi về lúc nào nó cũng vô cùng vui vẻ. Tôi hi vọng điều này không làm phiền anh . . . Nhờ có anh mà nó có kì nghỉ hè thật lí thú.

Mặt Harry vẫn không biểu lộ nét vui vẻ.

– Sáng nay, Nola tới chỗ tôi. Cô ấy khóc và kể cho tôi nghe về mẹ của cô ấy.

Vị mục sư tái xanh mặt.

- Về...về vợ tôi? Nó kể gì với anh?
- Kể là bị bà ấy đánh đập! Bà ấy dìm đầu Nola xuống chậu nước đá!

– Harry, tôi...

– Thôi ngay đi mục sư. Tôi biết hết rồi.

– Harry, thực ra chuyện phức tạp hơn vậy nhiều Tôi...

– Phức tạp hơn vậy ư? Bởi vì ông định cố gắng thuyết phục tôi tin có lí do chính đáng giải thích cho những hành động tội lỗi này ư? Hả? Tôi sẽ đi gặp cảnh sát, ông mục sư ạ. Tôi sẽ tố cáo.

– Không, Harry... Đừng làm vậy...

– Có, tôi sẽ đi. Ông có tin không? Ông nghĩ tôi sẽ không dám làm vì ông là người của nhà thờ à? Ông chẳng là gì cả! Làm cha kiểu gì mà để cho vợ tra tấn con gái như thế?

– Harry... xin anh hãy nghe tôi nói. Có hiểu nhầm khủng khiếp ở đây nên chúng ta phải bình tĩnh nói chuyện với nhau.

– Tôi không biết là Nola đi kể với Harry, ông mục sư giải thích. Anh ta không phải là người đầu tiên nghi ngờ có chuyện kì quái, nhưng cho đến tận lúc ấy thì tôi mới chỉ gặp vấn đề với lũ bạn của Nola, với lũ trẻ con tôi có thể dễ dàng trả lời. Nhưng ở đây thì mọi chuyện lại hoàn toàn khác. Vậy nên, tôi phải thú nhận mẹ của Nola chỉ tồn tại trong đầu nó. Tôi cầu xin anh ta đừng kể lại cho bất kì ai, nhưng anh ta cứ nhúng mũi vào việc chẳng can dự gì tới mình, cứ một mực chỉ bảo tôi những điều phải làm với chính con gái tôi. Anh ta muốn tôi đưa nó đi chữa bệnh! Cho nên tôi đuổi anh ta cút đi. Rồi một tuần sau, con gái tôi biến mất.

– Và ông cố tình lánh mặt Harry trong suốt ba mươi năm, tôi nói. Bởi vì ông và Harry là hai người duy nhất biết bí mật của Nola.

– Anh biết đấy, nó là đứa con duy nhất của tôi! Tôi muốn tất cả mọi người đều giữ kỉ niệm tốt đẹp về nó, chứ không phải

nghe nó bị điên. Hơn nữa, nó không hề điên! Chỉ là hơi yếu đuối mong manh! Và nếu cảnh sát biết được sự thật về các cơn khủng hoảng của nó, họ sẽ không bao giờ tìm kiếm tích cực như thế. Họ sẽ bảo nó bị điên nên bỏ nhà đi là chuyện bình thường.

Gahalowood quay về phía tôi.

– Tất cả những điều này nghĩa là thế nào, hả nhà văn?

– Nghĩa là Harry nói dối: ông ấy không đợi Nola ở nhà nghỉ. Ông ấy muốn cắt đứt quan hệ. Ngay từ đầu ông ấy đã chủ định cắt đứt quan hệ với Nola. Ông ấy chưa bao giờ muốn bỏ trốn với Nola. Ngày 30 tháng Tám năm 1975, Nola nhận được bức thư cuối cùng của Harry thông báo rằng ông ta sẽ không đi cùng cô ấy.

Sau khi có lời khai của cha Kellergan, Gahalowood và tôi ngay lập tức quay trở lại trụ sở cảnh sát ở Concord để so sánh bức thư với trang cuối trong cuốn bản thảo được chôn cùng Nola: chúng hoàn toàn giống nhau.

– Ông ấy đã tính toán tất cả! Tôi kêu lên. Ông ấy quyết từ bỏ Nola. Ngay từ đầu ông ấy đã tính như vậy.

Gahalowood gật đầu đồng tình:

– Khi Nola đề nghị ông ta cùng bỏ trốn, Harry nói rằng sẽ không ra đi cùng Nola. Ông ta không hình dung nổi việc dính líu với bé gái mười lăm tuổi.

– Thế mà cô ấy đã đọc bản thảo viết tay, tôi ngạc nhiên.

– Tất nhiên, nhưng Nola tin đây chỉ là tiểu thuyết. Nola không biết Harry viết chính xác là chuyện có thật và đoạn kết đã được ấn định: Harry không muốn có Nola. Stefanie Larjinjiak có nói bọn họ quan hệ thư từ với nhau, Nola còn rình rập người đưa thư đến. Sáng thứ Bảy hôm xảy ra việc Nola bỏ trốn, ngày mà cô ấy tưởng sẽ đi xa và được hạnh phúc mãi mãi

với người bạn đời của mình, cô ấy kiểm tra lại hòm thư lần cuối. Cô ấy muốn chắc chắn không bỏ lỡ bức thư nào có thể làm lộ âm mưu bỏ trốn của họ. Nhưng Nola chỉ tìm thấy bức thư này, trong đó Harry thông báo tất cả chấm hết.

Gahalowood nghiên cứu chiếc phong bì đựng bức thư cuối cùng.

– Đúng là có địa chỉ người nhận trên phong bì nhưng lại không dán tem, cũng không có dấu bưu điện, ông nói. Vậy bức thư được bỏ thẳng vào thùng thư.

– Anh muốn nói chính Harry tới tận nơi bỏ vào đó?

– Đúng. Hẳn là ông ta bỏ vào đó ban đêm, trước khi đi thật xa. Hẳn là ông ta làm việc đó vào phút cuối cùng, trong đêm thứ Sáu chuyển sang thứ Bảy, như vậy sẽ ngăn cản Nola đi đến nhà nghỉ. Thứ Bảy, khi phát hiện ra bức thư của Harry, Nola lâm vào tình trạng điên loạn, suy sụp và mất phương hướng. Cô ấy rơi vào cơn khủng hoảng trầm trọng nhất và tự tra tấn bản thân. Cha Kellergan hoảng sợ, nên lại tự giam mình trong gara. Khi bình tĩnh trở lại, Nola nhận ra có mối liên hệ với bản thảo cuốn sách. Cô ấy muốn được giải thích nên cầm bản thảo đi bộ tới nhà nghỉ. Cô ấy hi vọng mọi chuyện không phải là sự thật, cô sẽ thấy Harry ở đó. Nhưng trên đường đi Nola gặp Luther và mọi chuyện xoay theo chiều hướng xấu.

– Nếu vậy thì tại sao Harry lại quay trở về Aurora ngày hôm sau khi Nola mất tích?

– Ông ta biết Nola biến mất. Vì đã gửi cho cô ấy bức thư này nên ông ấy lo sợ. Có khả năng ông ta cảm thấy tội lỗi và nhất là ông ta sợ có ai đó nhặt được bức thư hay tập bản thảo thì ông ta sẽ gặp chuyện rắc rối. Ông ta muốn quay lại Aurora để theo sát diễn biến tình hình, thậm chí còn phải thu hồi các chứng cứ có

khả năng quy kết trách nhiệm cho ông ta.

– Phải tìm gặp Harry. Nhất định tôi phải nói chuyện với ông ấy. Tại sao ông ta lại làm cho tôi tin rằng ông ta chờ đợi Nola trong khi chính ông đã viết hẳn bức thư tuyệt tình?

Gahalowood cũng tiến hành tổng điều tra trên cơ sở các cuộc gọi điện thoại và các sao kê thẻ tín dụng. Nhưng thẻ tín dụng của Harry không hề lưu thông tin gì và điện thoại cũng không có tín hiệu. Khi hỏi thông tin từ các trạm hải quan, chúng tôi mới phát hiện ông ta đã đi qua trạm Milbrooke ở Vermont để vào Canada.

– Vậy có nghĩa là ông ấy đã qua biên giới Canada, Gahalowood nói. Tại sao lại chọn Canada?

– Ông ấy cho rằng đó là thiên đường của các nhà văn, tôi trả lời. Trong bản thảo cuốn *Những chú mòng biển ở Aurora* mà ông ấy để lại cho tôi, thì kết thúc là ông ta tới đó với Nola.

– Rồi, nhưng xin lưu ý anh rằng, sách của ông ấy không hề viết chuyện thật. Thứ nhất là Nola đã chết, và hình như ông ấy chưa bao giờ có dự định bỏ đi cùng Nola. Thế mà ông ấy để lại cho anh bộ bản thảo trong đó viết ông ta và Nola sum họp ở Canada. Vậy đâu là sự thật?

– Tôi chẳng hiểu gì cả! Tôi thừa nhận. Vì lí do quỷ quái nào mà ông ấy lại bỏ đi chứ?

– Vì ông ấy muốn che giấu một điều gì đó, nhưng chúng ta chưa biết chính xác là điều gì.

Lúc đó, chúng tôi chưa biết lí do, và cũng chưa đi tới tận cùng của ngạc nhiên. Sự kiện lớn xảy ra sau đó đã trả lời các câu hỏi của chúng tôi.

Tối hôm đó, tôi nói với Gahalowood rằng hôm sau tôi sẽ bay về New York.

– Thế là thế nào? Anh trở về New York ư? Nhưng đúng là anh điên thật rồi, nhà văn ạ, chúng ta sắp tới đích rồi! Đưa hộ chiếu của anh đây, tôi tịch thu.

Tôi mỉm cười.

– Tôi không bỏ anh đâu, trung sĩ ạ. Nhưng đến lúc rồi.

– Đến lúc gì?

– Đến lúc phải đi bỏ phiếu. Nước Mỹ có cuộc hẹn gặp với Lịch sử bây giờ!

* * *

Ngày mùng 5 tháng Mười một năm 2008, trong khi cả New York còn liên hoan chiến thắng của Obama, thì tôi có cuộc hẹn ăn trưa với Barnaski tại nhà hàng Pierre. Chiến thắng của Đảng Dân chủ khiến bộ mặt ông ta nom thật dễ chịu: “Tôi thích người Black! Ông ta nói với tôi. Tôi thích những người Black điển trai! Nếu anh được mời đến Nhà Trắng, thì cho tôi đi theo nhé! Nào, thế nào, anh có tin tức gì quan trọng muốn nói với tôi?”

Tôi kể cho ông ta nghe điều tôi khám phá về Nola với bản báo cáo chứng rối loạn tâm thần ở trẻ, khuôn mặt ông ta rạng rỡ hẳn lên:

– Vậy những cảnh anh miêu tả hành vi thô bạo của người mẹ là chính Nola tự gây ra à?

– Đúng vậy.

– Thật là tuyệt vời! Ông ta hét vang cả nhà hàng. Cuốn sách của anh giống như tin hiệu báo trước! Chính người đọc cũng đang trong thời điểm điên loạn vì nhân vật người mẹ tồn tại mà

lại không tồn tại thực sự. Anh quả đúng là thiên tài, anh Goldman! Thiên tài!

– Không, chỉ đơn giản là tôi bị nhầm. Tôi bị Harry lừa.

– Harry có biết chuyện không?

– Có. Sau đó, ông ta đã biến khỏi mặt đất.

– Thế là thế nào?

– Không thể tìm thấy ông ta nữa. Rõ là ông ta đã qua biên giới Canada rồi. Ông ta chỉ để lại cho tôi một tín hiệu duy nhất rất bí ẩn và một tập bản thảo chưa được xuất bản về Nola.

– Anh có bản quyền không?

– Xin lỗi tôi không hiểu?

– Cuốn bản thảo chưa được xuất bản, anh có bản quyền không? Tôi mua lại của anh.

– Mẹ kiếp, Roy! Không có chuyện đó!

– Ồ, xin lỗi, tôi mới chỉ hỏi thế thôi mà.

– Có một chi tiết nào đó bị thiếu. Có cái gì đó mà tôi không hiểu nổi. Chuyện về bệnh tâm thần trẻ nhỏ, rồi Harry biến mất. Bức xếp hình bị thiếu một miếng, dù biết vậy nhưng tôi không thể hiểu nổi.

– Anh là người cả lo, Marcus ạ, hãy tin tôi, lo lắng như thế cũng chẳng để làm gì. Hãy tới bác sĩ Freud bảo ông ấy kê cho anh đơn thuốc an thần. Còn về phía tôi, tôi sẽ liên lạc với báo chí, chuẩn bị buổi họp báo về căn bệnh của trẻ, sẽ làm cho tất cả mọi người tin rằng ta biết chuyện ngay từ đầu nhưng đây là sự ngạc nhiên thần kì nhất: một cách cho mọi người thấy rằng sự thật đôi khi ở đâu đó và không nên giới hạn ở những ấn tượng đầu tiên. Những người đã lật mặt anh sẽ cảm thấy lố bịch, họ sẽ nói rằng anh là nhà chiêm tinh đại tài. Thế là tự nhiên, người ta

sẽ lại nhắc tới cuốn sách của anh, ta sẽ lại bán được cả đống. Quả này thì ngay cả những kẻ không hề có ý định mua sách cũng không thể cưỡng lại được trí tò mò muốn biết tại sao anh lại viết về người mẹ. Goldman, anh thật là thiên tài; bữa trưa cứ để tôi trả tiền.

Tôi hơi nhăn mặt, bảo với ông ta:

– Tôi không cảm thấy hoàn toàn thuyết phục, Roy ạ. Tôi muốn có thời gian để đào sâu thêm nữa.

– Anh thì chẳng bao giờ thấy được thuyết phục cả, anh bạn trẻ đáng thương của tôi ạ! Chúng ta không có thời gian để “đào sâu thêm” như anh nói. Anh đúng là nhà thơ, anh nghĩ thời gian trôi qua có một ý nghĩa nhưng thời gian trôi qua, thì hoặc là chúng ta kiếm được thêm tiền, hoặc là chúng ta mất tiền mà thôi. Tôi thì hoàn toàn tin tưởng vào giả thuyết đầu tiên. Tuy nhiên, có thể là anh đã biết, kể từ hôm qua chúng ta đã có một tân tổng thống, đẹp trai, da đen và rất nổi tiếng. Theo tính toán của tôi, ta sẽ phải nghe nhắc đến ông ấy dưới tất cả các giọng điệu trong vòng hơn một tuần, một tuần sẽ chỉ có chỗ cho ông ta. Vậy nên trong giai đoạn này liên lạc với báo giới và các phương tiện thông tin đại chúng khác là vô ích, chỗ tốt nhất dành cho chúng ta may ra chỉ là những bài ngắn trong mục chó chết chẹt là cùng. Cho nên một tuần nữa tôi mới liên lạc với báo giới, như vậy anh sẽ có thêm chút thời gian. Dĩ nhiên trừ trường hợp có một nhóm người phương nam đội mũ nhọn nổ súng ám sát tân tổng thống, chúng ta sẽ không thể chiếm vị trí trên trang nhất trong vòng một tháng. Nếu vậy thì vâng, phải đến một tháng. Thế thì đúng là thảm họa: một tháng nữa là Noel, lúc đó chẳng ai còn để ý đến câu chuyện của chúng ta nữa. Vậy nên trong vòng một tuần, chúng ta sẽ loan báo câu chuyện thần kinh ở trẻ nhỏ. Nếu còn thời gian, tôi sẽ cho xuất bản gấp

một cuốn sổ tay cho các ông bố bà mẹ, kiểu như: Phát hiện sớm bệnh tâm thần ở trẻ nhỏ hoặc làm thế nào để con mình không trở thành một Nola Kellergan mới, không thiêu sống quý vị trong giấc ngủ. Chắc chắn sẽ thành công vang dội. Nhưng thực ra chúng ta không còn thời gian nữa.

Tôi chỉ có một tuần trước khi Barnaski công bố tất cả. Một tuần để tìm hiểu điều gì chưa rõ, vẫn còn làm cho tôi phải băn khoăn áy náy. Thế mà đã bốn ngày trôi qua; bốn ngày không làm được gì. Tôi gọi điện liên tục cho Gahalowood, anh ta chỉ biết thừa nhận là bó tay. Cuộc điều tra đang trong ngõ cụt, không tiến triển gì thêm nữa. Sau đó, Vào đêm ngày thứ năm, một sự kiện xảy ra đã làm thay đổi cuộc điều tra. Đêm ngày 10 tháng Mười một. Cảnh sát giao thông Dean Forsyth đi tuần trên đường từ Montburry đi Aurora đã đuổi theo một xe ô tô không dừng đèn đỏ và chạy quá tốc độ. Một vụ vi phạm thường thấy, nhưng người lái xe lại tóa đấm mồ hôi và có vẻ bồn loạn, khiến viên cảnh sát trẻ nghi ngờ:

- Ông từ đâu tới, thưa ông? Cảnh sát Forsyth hỏi.
- Montburry.
- Ông làm gì ở đó?
- Tôi tới chơi nhà bạn.
- Tên bạn ông là gì?

Vẻ lúng túng, sợ hãi lộ rõ trong ánh mắt người lái xe càng khiến viên cảnh sát tò mò. Anh ta chiếu đèn lên mặt người đàn ông và thấy vết cào trên má.

- Má ông bị sao thế?
- Tôi bị vướng một cành cây thấp khỏi tầm nhìn.

Viên cảnh sát không tin.

- Tại sao ông chạy xe nhanh như thế?

– Tôi tôi xin lỗi. Tôi đang vội. Anh có lí, tôi nhẽ ra không nên làm vậy.

– Ông có uống rượu không?

– Không.

Qua kiểm tra nồng độ cồn, đúng là người đàn ông này không uống rượu. Giấy tờ xe hợp pháp, soi đèn pin kiểm tra bên trong chỉ phát hiện nhiều vỏ lọ thuốc nằm ngổn ngang ở ghế sau. Tuy nhiên, viên cảnh sát vẫn có linh cảm đáng ngờ: vẻ bản loạn nhưng cũng lại rất điềm tĩnh ở người lái xe. Bất chợt, anh ta phát hiện đôi tay người đàn ông này quá bẩn, giày dính đầy bùn còn quần thì ướt sũng.

Mời ông xuống xe, Forsyth nhấn từng chữ.

– Tại sao, hả? Hả? người lái xe ấp úng.

– Hãy làm theo và ra khỏi xe.

Người đàn ông không chịu. Cảnh sát Forsyth phải dùng vũ lực ép ông ta xuống xe. Anh dẫn người này về đồn cảnh sát gần đó, chụp ảnh theo quy định rồi lấy dấu vân tay. Thông tin hiện trên màn hình máy tính lúc đó khiến viên cảnh sát không khỏi bối rối. Mặc dù lúc đó là một giờ rưỡi sáng, anh ta vẫn nhắc điện thoại vì nhận thấy phát hiện của mình đủ độ quan trọng để mời trung sĩ Perry Gahalowood ra khỏi giường ngủ.

Ba tiếng sau, khoảng 4 giờ rưỡi sáng, đến lượt tôi bị điện thoại gọi dậy.

– Nhà văn à, Gahalowood đây, anh đang ở đâu thế ?

– Trung sĩ à, tôi trả lời vẫn còn ngái ngủ, tôi đang ở trên giường ngủ của tôi ở New York, anh còn muốn tôi ở đâu nữa! Có chuyện gì vậy?

– Chúng ta đã tóm được chú chim của chúng ta rồi, ông ta nói.

- Xin lỗi tôi không hiểu?
- Kể đót nhà Harry... chúng tôi đã tóm được hắn đêm nay.
- Cái gì?
- Anh đang ngồi đây chứ?
- Không, tôi vẫn còn đang nằm.
- Thế thì càng tốt. Tại vì nó sẽ làm anh sức mạnh đấy.

2

Kết thúc

“Đôi khi trong anh, sự nản chí chiến thắng, Marcus ạ. Điều đó là bình thường. Tôi từng nói với anh, viết tiểu thuyết cũng giống như đâm béc, và giống cả chạy bộ nữa. Chính vì vậy, tôi thường bắt anh chạy: nếu anh có đủ sức mạnh tinh thần hoàn thành được những chặng đường dài dưới trời mưa, trong thời tiết lạnh giá, nếu anh có đủ sức mạnh chạy cho đến tận cùng, bỏ toàn bộ sức lực, tất cả sự nhiệt tình từ trái tim để đến được đích, thì anh sẽ có đủ khả năng để viết. Đừng bao giờ để cho mệt mỏi lần sợ hãi ngăn cản anh. Trái lại, hãy sử dụng chúng để tiến lên.”

Cùng buổi sáng hôm đó, tôi đáp ngay máy bay đi Concord, hoàn toàn sửng sốt vì thông tin mới nhận. Tôi hạ cánh lúc 13 giờ, nửa tiếng sau, một chiếc taxi đỗ lại thả tôi xuống ngay trước đồn cảnh sát. Gahalowood đến đón tôi ở phòng lễ tân.

– Robert Quinn! Tôi kêu lên khi nhìn thấy ông ta, cứ như thể vẫn còn chưa tin vào sự thật. Vậy chính là Robert Quinn đốt Goose Cove sao? Chính ông ta gửi thư nặc danh đe dọa tôi ư?

– Đúng vậy, nhà văn ạ. Dấu vân tay trên bi đồng xăng đúng là của ông ta.

– Nhưng tại sao?

– Tôi không biết. Ông ta còn chưa mở miệng khai. Ông ta không chịu nói.

Gahalowood dẫn tôi vào phòng làm việc, mời tôi cà phê. Anh ta cho biết đội cảnh sát hình sự đã khám nhà ông Quinn ngay

đầu giờ sáng nay.

– Các anh có tìm thấy gì không? Tôi hỏi.

– Không có gì hết, Gahalowood trả lời. Hoàn toàn không có gì.

– Thế vợ của ông ta, bà ta nói gì?

– Đây đúng là điều kì lạ: chúng tôi vào nhà lúc 7 giờ rưỡi, nhưng không thể nào đánh thức được bà ta dậy. Bà ấy ngủ say như chết, thậm chí còn không để ý đến sự vắng mặt của chồng mình.

– Bà ấy bị ông chồng đánh thuốc ngủ, tôi giải thích.

– Thế là thế nào, sao lại đánh thuốc ngủ?

– Robert Quinn thường cho vợ uống thuốc ngủ mỗi khi ông ta muốn được yên thân. Rất có thể đêm nay ông ta cũng làm như vậy để không bị nghi ngờ. Nhưng nghi ngờ điều gì? Ông ấy đi đâu và làm gì giữa đêm như vậy? Tại sao người ông ta đây bần đất? Ông ta có đi chôn cái gì không?

– Đó chính là điều bí hiểm... Nếu ông ta không tự thú, tôi không thể kết tội ông ta được gì nhiều.

– Nhưng còn bi đông xăng?

– Luật sư của ông ta nói rằng Robert vô tình nhặt được trên bãi biển khi đi dạo. Cách đây ít lâu khi nhìn thấy can xăng dưới đất, ông ấy nhặt lên ném vào bụi rậm để khuất mắt những người đi dạo khác. Chúng ta cần thêm nhiều bằng chứng nữa, không thì luật sư của ông ấy chẳng có mấy khó khăn để phản biện lại chúng ta.

– Ai là luật sư của ông ta?

– Anh sẽ không tin tôi đâu.

– Cứ nói đi.

– Benjamin Roth.

Tôi thở dài.

– Vậy anh có nghĩ chính Robert Quinn là người giết Nola Kellergan không?

– Tôi nghĩ là hoàn toàn có thể.

– Hãy để tôi nói chuyện với ông ấy.

– Không có chuyện ấy đâu.

Lúc đó, một người đàn ông đi vào phòng mà không gõ cửa, ngay lập tức Gahalowood đứng bật dậy, thẳng đờ người. Đó chính là Lansdane, Cảnh sát trưởng của bang. Ông ta có vẻ bối rối.

– Cả sáng nay tôi phải nói chuyện điện thoại với ngài thống đốc, cánh nhà báo và luật sư Roth tai quái.

– Ông nói với các nhà báo chuyện gì vậy?

– Về người đàn ông bị chúng ta bắt đêm qua.

– Vâng, thưa ông. Tôi nghĩ chúng ta đang có hướng đi nghiêm túc.

Cảnh sát trưởng thân thiện đặt tay lên vai Gahalowood.

– Perry... chúng ta không thể tiếp tục nữa.

– Thế là thế nào?

– Câu chuyện này sẽ không bao giờ kết thúc. Chúng ta phải nghiêm túc, Perry, anh thay đổi tội phạm như thay áo. Roth nói anh sẽ gây ra cả một vụ tai tiếng lớn. Ông thống đốc muốn vụ này phải dừng lại. Đã đến lúc phải đóng hồ sơ.

– Nhưng thưa Cảnh sát trưởng, chúng ta vừa phát hiện những yếu tố mới! Cái chết của mẹ Nola, bắt giữ Robert Quinn. Chúng ta đang sắp tìm ra được cái gì đấy rồi!

– Mới đầu là Quebert, sau là Caleb, bây giờ thì là người cha,

hay ông Quinn hay ông Stern, hay Chúa ơi. Người cha, chúng ta có cái gì buộc tội ông ta không? Không! Stern? Không! Cả Robert Quinn nữa? Cũng không nốt!

– Có bi đông xăng chết tiệt kia...

– Roth nói ông ta chẳng khó khăn gì để thuyết phục thẩm phán rằng ông Quinn vô tội. Anh có định chính thức buộc tội ông ta không?

– Tất nhiên rồi.

– Thế thì anh sẽ bị thua, Perry ạ. Một lần nữa, anh sẽ lại thua. Anh là một cảnh sát tốt, Perry ạ. Thậm chí là tốt nhất, đó là điều không phải nghi ngờ. Nhưng đôi khi cũng phải biết từ bỏ.

– Nhưng thưa Cảnh sát trưởng...

– Đừng phá hỏng chặng đường cuối cùng của sự nghiệp, Perry... Tôi sẽ không buộc anh phải rút khỏi vụ án ngay lập tức. Vì tình bạn giữa anh và tôi, tôi sẽ cho anh thêm 24 tiếng đồng hồ nữa. 17 giờ ngày mai, hãy đến gặp tôi trong phòng làm việc, tôi sẽ chính thức tuyên bố anh đóng hồ sơ của vụ án Kellergan. Anh sẽ có 24 tiếng đồng hồ để nói với các đồng nghiệp rằng anh muốn từ bỏ và cứu vãn bề ngoài. Sau đó hãy nghỉ ngơi cuối tuần, đưa gia đình đi nghỉ, anh xứng đáng được hưởng như vậy.

– Thưa Cảnh sát trưởng, tôi...

– Cần phải biết từ bỏ, Perry. Hẹn ngày mai.

Lansdane bước ra khỏi văn phòng và Gahalowood ngồi bịch xuống ghế. Cứ như thể sự việc còn chưa đủ nản lòng, tôi nhận ngay được cuộc gọi di động của Roy Barnaski.

– Chào anh, Goldman, giọng ông ta vui vẻ. Ngày mai sẽ đúng là một tuần đó, chắc chắn là anh biết rồi.

– Một tuần gì cơ, Roy?

– Một tuần. Là thời hạn tôi cho anh trước khi công bố với báo chí về các phát hiện cuối cùng liên quan tới Nola Kellergan. Anh không quên đấy chứ? Tôi nghĩ anh còn chưa tìm thêm được cái gì mới.

– Nghe đây, chúng tôi đang có một hướng điều tra, Roy a. Có thể lùi lại buổi họp báo thì hơn.

– Ôi trời ơi, một hướng, hai hướng... lúc nào cũng có hướng. Goldman... Nhưng đúng là hướng ngựa bay thì có! Thôi thôi, đến lúc dừng các chuyện thế này lại rồi. Tôi sẽ triệu tập họp báo ngày mai lúc 19 giờ. Tôi tin tưởng anh sẽ có mặt đúng giờ.

– Không thể được. Tôi đang ở New Hampshire.

– Cái gì? Goldman, anh là điểm hút khách! Tôi cần anh!

– Xin lỗi, Roy.

Tôi dập điện thoại.

– Ai vậy? Gahalowood hỏi.

– Barnaski, người xuất bản sách cho tôi. Ông ta muốn triệu tập họp báo cuối ngày mai để tiết lộ tất cả về căn bệnh của Nola, ca ngợi cuốn sách của tôi là tác phẩm tuyệt vời bởi vì giúp người ta thấy rõ nhân cách kếp trong đứa bé gái mười lăm tuổi.

– Hay đấy, hình như là cuối ngày mai, chúng ta chính thức mất tất cả.

Gahalowood còn 24 giờ cuối cùng; anh ta không muốn ngồi không. Anh ta đề nghị tôi đi Aurora thẩm tra Tamara và Jenny để cố gắng khai thác thêm thông tin về Robert.

Trên đường, trung sĩ gọi điện cho Travis để báo trước chúng tôi đang đến. Chúng tôi gặp ông ta trước nhà gia đình Quinn, tâm trạng hoàn toàn choáng váng.

– Vậy đúng là có dấu vân tay của Robert trên can xăng ư?

Anh ta hỏi.

– Đúng vậy, Gahalowood trả lời.

– Mẹ kiếp, tôi không thể tin được. Nhưng tại sao ông ấy lại làm vậy?

– Tôi không biết.

– Các anh các anh có nghĩ ông ấy có liên quan tới cái chết của Nola không? Tại thời điểm này, không thể loại trừ điều gì. Jenny và Tamara thế nào?

– Tồi tệ, rất tồi tệ. Cả hai rất sốc. Tôi cũng vậy. Thật là ác mộng! Ác mộng! Travis ngồi trên capô, hoàn toàn mất phương hướng.

– Có chuyện gì vậy? Gahalowood hỏi vì nhận ra điều gì đó không bình thường.

– Trung sĩ, từ sáng nay tôi không ngừng nghĩ đến chuyện đó. Nó khiến tôi nhớ lại rất nhiều kỉ niệm.

– Kỉ niệm nào?

– Robert Quinn quan tâm rất sát cuộc điều tra. Thời kì đó, tôi thường xuyên tới gặp Jenny ăn trưa vào các ngày Chủ nhật. Ông ấy không ngừng hỏi han tôi về việc điều tra.

– Tôi cứ tưởng chỉ có vợ của ông ta mới quan tâm tới chuyện đó?

– Tại bàn ăn thì đúng là thế, nhưng ngay khi tôi vào nhà, ông ấy đã mời tôi bia và chúng tôi ngồi ngoài sân, ông ấy hỏi tôi đủ điều. Các anh có đối tượng tình nghi nào không? Các anh có hướng điều tra nào không? Sau bữa ăn, ông ấy tiễn tôi ra ô tô và lại tiếp tục nói chuyện. Tôi rất khó lảng tránh ông ấy.

– Có phải anh đang muốn nói với tôi rằng...

– Tôi không muốn nói gì cả, nhưng...

– Nhưng gì?

Travis lục tìm trong túi áo vét, lấy ra một tấm ảnh.

– Tôi thấy cái này sáng nay trong cuốn album gia đình mà Jenny giữ ở nhà.

Bức ảnh chụp Robert Quinn đứng cạnh chiếc Chevrolet Monte Carlo màu đen, trước tiệm Clark's. Phía sau lưng, có dòng chữ: Aurora, tháng Tám năm 1975

– Điều này nghĩa là gì? Gahalowood hỏi.

– Tôi cũng hỏi Jenny. Cô ấy cho biết là hè năm đó, bố cô ấy muốn mua xe ô tô mới, nhưng ông ấy không chắc muốn mua loại nào. Ông ấy tới các công ty kinh doanh xe trong vùng để thử xe và cứ mỗi cuối tuần, ông ấy lại lấy thử một loại khác.

– Trong đó có chiếc Monte Carlo màu đen? Gahalowood hỏi.

– Trong đó có chiếc Monte Carlo màu đen, Travis khẳng định lại.

– Anh muốn nói rằng ngày mà Nola biến mất, có khả năng Robert Quinn đã lái chiếc ô tô này?

– Đúng vậy.

Gahalowood đập tay lên trán và đề nghị được giữ bức ảnh.

– Travis, tôi nói tiếp, chúng tôi cần nói chuyện với Tamara và Jenny. Họ ở nhà chứ?

– Tất nhiên rồi, các anh vào đi, họ ở trong phòng khách.

Tamara và Jenny đang ngồi bó gối trên tràng kỉ. Chúng tôi ngồi đó suốt cả tiếng đồng hồ ép họ nói, nhưng cả hai choáng tới mức không có khả năng suy nghĩ minh mẫn. Rốt cuộc, vừa khóc nức nở, Tamara vừa gắng kể lại chi tiết buổi tối hôm trước. Bà và ông Robert ăn tối sớm, sau đó cùng nhau xem tivi.

– Bà có nhận thấy điều gì kì lạ trong cách cư xử của chồng bà

không? Gahalowood hỏi.

– Không... à mà có, ông ấy dứt khoát muốn tôi uống trà. Tôi thì không muốn nhưng ông ấy nhắc lại, “uống đi, Bibichette, uống đi. Trà này là một loại có lợi tiểu rất tốt cho bà”. Rốt cuộc thì tôi uống cốc nước chêt tiết ấy. Và rồi tôi thiếp ngủ trên ghế dài.

– Lúc đó là mấy giờ?

– Tôi nghĩ chắc khoảng 23 giờ.

– Thế sau đó?

– Sau đó tôi hoàn toàn không biết gì hết. Tôi ngủ say như chết. Khi tôi tỉnh dậy đã 7 giờ rưỡi sáng. Tôi vẫn còn nằm ngủ trên ghế dài khi cảnh sát đập cửa.

– Bà Quinn, có phải chính xác chồng bà có ý định mua một chiếc Chevrolet Monte Carlo màu đen không?

– Tôi... tôi không biết nữa... Vâng... Có thể... Nhưng... Các anh nghĩ rằng ông ấy có thể làm điều xấu cho đứa bé gái kia ư? Chính là ông ấy ư?

Lúc đó, bà ta vội vàng ra nhà vệ sinh nôn thóc nôn tháo.

Cuộc nói chuyện không mang lại điều gì. Chúng tôi ra về không thu được bất kì cái gì mới; thời gian đang chống lại chúng tôi. Trong ô tô, tôi gợi ý Gahalowood cho Robert xem tấm ảnh chụp với chiếc Monte Carlo màu đen, đó là một bằng chứng khá mạnh.

– Chẳng để làm gì, viên trung sĩ trả lời tôi. Roth biết Lansdane đang ép chúng ta bỏ cuộc hẳn là đã khuyên ông Quinn đùa bỡn với thời gian. Ông ta sẽ không nói đâu. Chúng ta sẽ thua cuộc. Ngày mai, 17 giờ, phải đóng cuộc điều tra, ông bạn Barnaski của anh sẽ xuất hiện trên truyền hình trước cả nước. Robert Quinn được trả tự do và chúng ta sẽ là một trận cười cho

cả nước Mỹ.

– Trừ trường hợp...

– Trừ trường hợp có điều thần kì xảy ra, nhà văn ạ. Trừ trường hợp chúng ta hiểu được đêm hôm qua, ông Quinn làm trò gì mà đi về nhà vội vã thế. Vợ ông ấy bảo bà ta thiếp ngủ lúc 11 giờ. Ông ấy bị bắt lúc nửa đêm. Vậy là có một tiếng đồng hồ trôi qua. Ít ra, chúng ta biết được ông ấy vẫn chỉ ở trong vùng. Nhưng ở đâu?

Gahalowood chỉ thấy còn một việc phải làm, đó là quay trở lại chỗ Robert Quinn bị bắt, cố gắng dựng lại sự việc. Thậm chí, anh ta còn tự cho phép bắt viên cảnh sát Forsyth phải tới hiện trường đúng ngày anh ta đang nghỉ phép. Một giờ sau, chúng tôi gặp Forsyth ở đoạn đường ra khỏi địa phận Aurora. Anh ta dẫn chúng tôi đến chỗ chặn xe ông Robert.

– Đúng ở chỗ này, anh ta nói với tôi.

– Đoạn đường thẳng, có nhiều bụi rậm, chúng tôi không thể tiến thêm được chút nào.

– Chính xác mọi chuyện xảy ra thế nào? Gahalowood hỏi.

– Tôi đang đi từ Montburry tới. Tôi đi tuần tra như thường lệ. Bỗng nhiên trước tôi có một chiếc ô tô lao xuống như điên.

– Lao xuống như điên nghĩa là thế nào?

– Vì chỗ ngã tư trên kia cao hơn khoảng năm đến sáu mét.

– Ngã tư nào?

– Không biết nói với các anh chính xác là giao cắt với đường nào, nhưng là ngã tư thì chắc chắn, có một điểm “Dừng lại”. Tôi biết đó là điểm “Dừng lại” vì đây là điểm dừng lại duy nhất trên đoạn đường này.

– Điểm dừng lại ở kia đúng không? Gahalowood hỏi tiếp.

- Đúng rồi, Forsyth khẳng định.
- Bất chợt, tôi thấy đầu óc mình hỗn độn. Tôi kêu lên:
- Ồ, đó là con đường ra hồ!
- Gì, hồ nào? Gahalowood nói.
- Ngã tư đó chính là điểm giao cắt với đường dẫn ra hồ Montburry.

Chúng tôi leo lên tới tận ngã tư rồi rẽ vào đường dẫn ra hồ. Đi tiếp một trăm mét, chúng tôi tới chỗ đậu xe. Bờ hồ trong tình trạng thảm hại; những trận mưa rào mùa thu đã cày xới khiến khu vực này biến thành bùn nhão.

* * *

Thứ Ba ngày 11 tháng Mười một năm 2008, 8 giờ.

Một đoàn xe cảnh sát đã tới bãi đỗ bên hồ. Gahalowood và tôi đã đợi được một lúc trong xe ô tô. Khi nhìn những chiếc xe chở thợ lặn của cảnh sát, tôi hỏi Gahalowood:

- Anh có chắc mình đáng làm như thế không, trung sĩ?
- Không. Nhưng chúng ta không có lựa chọn khác.

Đây là quân bài cuối cùng, quân bài cuối ván của chúng tôi. Chắc chắn Robert Quinn đã tới đây. Ông ta đã phải lội bì bõm trong bùn để đến được bờ nước, ông ấy tới đây vớt cái gì đó xuống hồ. Ít nhất đó là giả thuyết của chúng tôi.

Chúng tôi ra khỏi xe ô tô, đi lại phía đội thợ lặn đang chuẩn bị. Đội trưởng đội lặn đang phát lệnh, sau đó ông quay sang nói với Gahalowood.

- Chúng ta phải tìm cái gì, thưa trung sĩ? Ông ta hỏi.

– Tìm tất cả. Tìm bất kì cái gì. Tài liệu, hay vũ khí chẳng hạn. Tôi không biết. Một cái gì đó liên quan đến vụ án Kellergan.

– Ông có biết cái hồ này là bãi đổ rác không? Nếu như ông có thể nói chính xác hơn một chút...

– Tôi nghĩ điều chúng tôi đang tìm kiếm là quá đủ để lính của ông có thể nhận ra khi họ chạm tay vào. Bản thân tôi cũng chưa biết nó là cái gì.

– Theo ông nên tìm ở mực nào của hồ?

– Ngay gần bờ. Cứ nói là khoảng cách một tầm tay ném từ bờ. Tôi ưu tiên cho đoạn đối diện bên kia hồ. Kể tình nghi của chúng tôi người ngợm đầy bùn, ông ta bị xước ở mặt, chắc bị một cành cây thắp cào vào. Vậy chắc ông ta muốn giấu cái vật đấy ở chỗ không có ai muốn đến tìm. Tôi nghĩ ông ta đã đi sang phía bờ bên kia, nơi bị bụi cây và cây gai bao bọc.

Cuộc tìm kiếm bắt đầu. Chúng tôi đứng đợi trên bờ, gần bãi đỗ xe và quan sát những người thợ lặn đang biến mất dưới làn nước. Trời lạnh thấu tim gan. Một tiếng đồng hồ đầu tiên đã trôi qua mà vẫn chưa có kết quả gì. Chúng tôi ngồi ngay bên cạnh đội trưởng đội lặn, nghe hết những cuộc đàm thoại hiem hoi.

9 giờ 30, Lansdane gọi điện cho Gahalowood, chính cho trung sĩ một trận. Ông ta hét to tới mức mà tôi cũng có thể nghe được.

– Không đúng như thế chứ, Perry!

– Không đúng gì cơ, sếp?

– Anh đã huy động cả đội lính lặn à?

– Vâng, thưa sếp.

– Anh hoàn toàn bị mất trí rồi. Anh đang tự nướng anh đấy

hiếu không. Tôi có thể đình chỉ anh ngay lập tức vì kiểu sáng kiến như thế này! Tôi tổ chức họp báo lúc 17 giờ. Anh phải có mặt. Chính anh sẽ phải tuyên bố cuộc điều tra kết thúc ở đây. Anh phải tự thu xếp với cánh nhà báo. Tôi không che mông che đít cho anh nữa đâu, Perry! Tôi ngấy đến tận cổ rồi!

– Được ạ, thưa sếp!

Ông ta tắt máy và chúng tôi ngồi trong yên lặng.

Một giờ nữa trôi qua; cuộc tìm kiếm vẫn chưa mang lại kết quả gì. Mặc dù rất lạnh, Gahalowood và tôi vẫn không rời vị trí quan sát. Rồi cuộc tôi nói:

– Trung sĩ này, nếu như...

– Nhà văn, xin anh yên lặng nào. Đừng nói nữa. Tôi hoàn toàn không muốn nghe những câu hỏi vớ vẩn với cả những nghi ngờ của anh.

Chúng tôi lại tiếp tục chờ đợi. Bất chợt, điện đàm của đội trưởng đội lặn phát ra những tín hiệu bất thường. Có điều gì đó xảy ra. Những người thợ lặn ngoi lên khỏi mặt nước; cả đội có vẻ vô cùng náo loạn, tất cả mọi người đổ xô lại gần bờ.

– Có chuyện gì xảy ra vậy? Gahalowood hỏi đội trưởng đội lặn.

– Họ đã tìm thấy! Họ đã tìm thấy!

– Nhưng tìm thấy cái gì?

– Cách bờ khoảng chục mét, những người thợ lặn vừa phát hiện ra một chiếc bình bên trong có một khẩu súng colt 38 và chiếc dây chuyền vàng khắc tên NOLA.

Buổi trưa cùng ngày, ngồi đằng sau chiếc gương không tráng trong phòng thu âm của đồn cảnh sát bang, tôi tham dự buổi tự thú của Robert Quinn, sau khi Gahalowood đặt xuống trước mặt ông ta khẩu súng và chiếc vòng tìm thấy trong hồ.

– Đây là điều ông làm trong đêm trước phải không? Với giọng gần như dịu dàng, Gahalowood hỏi. Ông muốn phi tang những bằng chứng buộc tội quan trọng.

– Làm... làm thế nào mà các ông tìm thấy được?

– Ván bài đã xong, ông Quinn. Ván bài của ông đã xong. Chiếc Monte Carlo màu đen chính là ông lái đúng không? Xe lái thử, không đăng kí, không nhận diện được bất kì chỗ nào. Không ai điều tra tới tận ông nếu như ông không có ý định ngu ngốc là chụp ảnh với nó.

– Tôi... tôi...

– Tại sao hả? Tại sao ông lại giết đứa bé gái đó? Và cả người phụ nữ đáng thương kia?

– Tôi không biết. Tôi nghĩ tôi không còn là tôi nữa. Suy cho cùng, đó là một tai nạn.

– Chuyện như thế nào?

– Nola đang đi bộ trên vệ đường, tôi bảo cô ấy lên xe và chở giúp một đoạn. Cô ấy đồng ý, lên xe... Và rồi... Tôi cảm thấy cô đơn. Tôi muốn vuốt ve mái tóc cô ấy một chút... Cô ấy bỏ chạy vào rừng. Tôi phải bắt cô ấy lại, để cô ấy không được nói với ai. Rồi cô ấy chạy vào nhà bà Deborah Cooper. Tôi buộc phải hành động. Nếu không họ sẽ khai tôi ra... Đó là... Đó là những giây phút điên dại.

Khi ra khỏi phòng thu âm, Gahalowood điện thoại cho Travis để báo Robert Quinn đã kí vào bản nhận tội hoàn chỉnh.

– Sẽ có họp báo lúc 17 giờ, anh ta nói với Travis. Tôi không muốn ông phải biết tin qua truyền hình.

– Cảm ơn trung sĩ. Tôi... Tôi phải nói gì với vợ tôi?

– Tôi không biết. Nhưng báo trước cô ấy ngay. Tin tức truyền thông có hậu quả như trái bom.

– Tôi sẽ làm.

– Sếp Dawn, ông có thể tới Concord để làm rõ thêm một số chi tiết về Robert Quinn được không? Tôi không muốn làm điều này với vợ và mẹ vợ của ông.

– Tất nhiên rồi. Hiện tôi đang trong giờ làm việc, đang phải giải quyết một vụ tai nạn giao thông. Rồi tôi cũng cần phải nói chuyện với Jenny. Tốt nhất là tôi sẽ đến tối nay hoặc ngày mai.

– Cứ bình tĩnh tới vào ngày mai. Bây giờ không còn việc gì phải vội. Gahalowood tắt máy, vẻ thanh thản tuyệt vời.

– Thế còn bây giờ? Tôi hỏi.

– Bây giờ, tôi mời anh đi ăn gì đó. Tôi nghĩ chúng ta xứng đáng được như vậy.

Chúng tôi ăn trưa trong quán ăn ngay tại đồn cảnh sát. Gahalowood có vẻ suy tư: anh ta không động tới món gì. Anh cầm hồ sơ đặt lên bàn, suốt 15 phút đồng hồ, anh ta ngắm nghía bức ảnh Robert và chiếc Monte Carlo đen. Tôi hỏi:

– Điều gì làm anh suy nghĩ lung vậy, trung sĩ?

– Không có gì. Tôi chỉ thắc mắc tại sao ông Quinn lại có vũ khí trên người... Ông ấy nói với chúng ta là khi đang lái xe ô tô, ông ta bất ngờ gặp Nola trên đường. Nhưng, hoặc là ông ấy có chuẩn bị kĩ từ trước, hoặc là ông ấy bất ngờ gặp Nola, trong trường hợp này thì tôi băn khoăn tại sao ông ta lại có súng trên người, ông ta lấy đâu ra khẩu súng đó?

– Anh nghĩ ông ta tính toán trước tất cả nhưng nói thế để giảm tội ư?

– Có thể là như vậy.

Gahalowood tiếp tục ngắm nghía bức ảnh. Anh ta cầm nó sát tận mắt để nhìn kĩ từng chi tiết. Bất chợt nhận ra điều gì đó,

ánh mắt trung sĩ ngay lập tức thay đổi:

- Có chuyện gì vậy, trung sĩ? Tôi hỏi.
- Biển...

Tôi đi sang phía bên kia bàn, cúi xuống cạnh anh ta để nhìn rõ bức ảnh. Anh ta chỉ ngón tay vào thùng đựng báo phía sau, cạnh tiệm Clark's. Khi nhìn thật kỹ, có thể đọc được dòng chữ ở trên cái biển nhỏ: NIXON TỪ CHỨC

- Richard Nixon từ chức vào tháng Tám năm 1974! Gahalowood kêu lên. Bức ảnh này không thể được chụp vào tháng Tám năm 1975. Vậy thì ai là người viết ngày tháng sai vào đằng sau bức ảnh?

- Tôi không biết. Nhưng như vậy có nghĩa Robert Quinn nói dối chúng ta. Ông ta không giết ai cả.

Gahalowood nhảy ra khỏi ghế, vội vàng leo lên cầu thang, bốn bậc một. Tôi chạy đuổi theo dọc hành lang đến tận nơi giam tù nhân. Anh ta yêu cầu gặp Robert Quinn ngay lập tức.

- Ông đang bảo vệ ai hả? Gahalowood hét lên ngay khi nhìn thấy Robert Quinn trong xà lim. Ông không lái thử chiếc xe Monte Carlo màu đen vào tháng Tám năm 1975! Ông đang bảo vệ một người và tôi biết đó là ai! Vợ hay con gái ông?

Robert nhìn vô vọng. Không đứng lên khỏi chiếc ghế nhỏ trải đệm đang ngồi, ông ta thăm thì:

- Jenny. Tôi bảo vệ Jenny.

- Jenny? Gahalowood choáng váng nhắc lại. Chính con gái ông đã...

Gahalowood rút ngay điện thoại ra bấm số.

- Anh gọi ai vậy? Tôi hỏi.

- Travis Dawn. Để ông ta không được báo cho vợ. Nếu biết

bố cô ta đã thú tội hết, cô ấy sẽ hoảng sợ, bỏ trốn.

Travis không trả lời điện thoại di động. Vậy nên Gahalowood gọi về số điện thoại ở đồn cảnh sát Aurora đòi nối máy bộ đàm.

– Trung sĩ Gahalowood, cảnh sát bang New Hampshire, anh ta nói với viên cảnh sát trực máy. Tôi cần nói chuyện ngay lập tức với Cảnh sát trưởng Dawn.

– Sếp Dawn à? Phải gọi vào di động cho ông ấy. Ông ấy không trực hôm nay.

– Thế là thế nào? Tôi vừa gọi điện cho ông ta ban nãy, ông ấy còn bảo đang bận vì có một vụ tai nạn giao thông.

– Không thể thế được, thưa trung sĩ. Tôi nhắc lại là ông ấy không trực hôm nay.

Gahalowood dập điện thoại, tái xanh mặt, ngay lập tức ra lệnh tổng báo động.

Travis Dawn và Jenny Dawn bị bắt vài giờ sau tại sân bay Boston Logan, nơi họ đang chuẩn bị lên máy bay đi Caracas.

Khi tôi và Gahalowood rời trụ sở cảnh sát ở Concord thì đã rất muộn. Một đám đông nhà báo đã đợi sẵn chúng tôi ở lối ra liền đổ xô tới. Chúng tôi đi xuyên qua họ, không đưa ra bất kì lời bình luận nào rồi nhào vào trong ô tô của Gahalowood. Anh ta yên lặng chạy xe.

Tôi hỏi:

– Anh đi đâu thế trung sĩ? Tôi không biết. Thế thông thường cảnh sát sẽ làm gì trong những giây phút như thế này?

– Họ đi uống. Thế còn cánh nhà văn?

– Họ cũng đi uống.

Anh ta lái xe tới tận quán bar nằm ở lối ra của Concord. Chúng tôi ngồi tại quầy, gọi rượu mạnh cỡ lớn. Phía sau chúng

tôi, tấm biển trên màn hình tivi hiện dòng thông tin: CẢNH
SÁT AURORA THÚ NHẬN GIẾT NOLA KELLERGAN

I

Sự thật về vụ án Harry Quebert

“Chương cuối cùng của một cuốn sách, Marcus ạ, phải luôn luôn là chương đẹp nhất.”

New York, thứ Năm ngày 18 tháng Mười hai năm 2008. Một tháng sau khi phát hiện ra sự thật.

Đó là lần cuối cùng tôi gặp ông.

Lúc đó là 21 giờ. Tôi ở nhà, đang nghe nhạc từ máy phát mini, khi đó ông bấm chuông cửa. Tôi mở cửa và chúng tôi nhìn chăm chăm nhau một hồi lâu, im lặng. Rồi cuộc ông nói:

- Chào Marcus.
 - Sau một giây lưỡng lự, tôi trả lời:
 - Em nghĩ rằng thầy đã chết.
- Ông gật đầu tỏ ý tán thành.
- Tôi chỉ là một bóng ma mà thôi.
 - Thầy có muốn uống một li cà phê không ạ?
 - Có, đồng ý. Anh đang ở một mình à?
 - Vâng ạ.
 - Không nên ở một mình.
 - Em mời thầy vào, thầy Harry.

Tôi đi vào trong bếp pha cà phê nóng. Ông ngồi đợi trong phòng khách, bồn chồn, chơi nghịch với các khung ảnh để trên giá sách của tôi. Khi tôi quay trở lại với ấm cà phê và những chiếc tách, ông đang xem một tấm ảnh chụp hai chúng tôi vào ngày trao bằng tốt nghiệp ở trường đại học Burrows.

- Đây là lần đầu tiên tôi tới nhà anh, ông nói.
- Phòng dành riêng cho thầy tới thăm luôn sẵn sàng từ nhiều tuần nay rồi.
- Anh biết là tôi sẽ đến, đúng không?
- Vâng.
- Anh rất hiểu tôi, Marcus ạ.
- Những người bạn thường biết điều đó.
- Ông nở nụ cười buồn.
- Cảm ơn anh vì lòng hiếu khách, Marcus ạ, nhưng tôi không ở lại đâu.
- Thế tại sao thầy lại đến?
- Để vĩnh biệt anh.
- Tôi cố gắng che giấu sự hỗn loạn của mình và rót đầy cà phê vào tách.
- Nếu thầy bỏ em, thì em sẽ chẳng có ai là bạn nữa, tôi nói.
- Đừng có nói như vậy Marcus. Còn hơn cả một người bạn nữa, tôi yêu anh như yêu con trai, Marcus ạ.
- Em yêu thầy như yêu cha, Harry ạ.
- Bất chấp sự thật ư?
- Sự thật chẳng thay đổi được những điều mình cảm nhận về người khác. Đó chính là thảm kịch lớn nhất của tình cảm.
- Anh có lí, Marcus ạ. Vậy là anh đã biết hết cả rồi, phải không?
- Vâng.
- Làm thế nào mà anh biết?
- Rốt cuộc em đã hiểu.
- Anh là người duy nhất có thể lột trần mặt nạ của tôi.

– Vậy đó chính là điều mà thầy đã nói với em, ở bãi đậu xe của nhà nghỉ. Thầy nói với em rằng sẽ không còn như cũ nữa. Thầy biết rằng là em sẽ phát hiện ra tất cả.

– Đúng vậy.

– Làm thế nào mà chuyện lại xảy ra như thế hả Harry?

– Tôi không biết.

– Em có băng ghi hình các cuộc hỏi cung Travis và Jenny Dawn. Thầy có muốn xem không?

– Có, nếu anh đồng ý.

Thầy Harry ngồi trên tràng kỉ. Tôi cho đĩa DVD vào đầu đọc và bấm nút. Jenny xuất hiện trên màn hình. Cô được quay trực diện tại trụ sở cảnh sát bang New Hampshire. Cô đang khóc.

* * *

Trích từ cuộc thẩm tra Jenny E. Dawn

Trung sĩ P. Gahalowood : Thưa bà Dawn, bà đã biết chuyện từ bao lâu rồi?

Jenny Dawn (nức nở): Tôi... Tôi không bao giờ nghi ngờ điều gì. Không bao giờ! Cho tới tận khi người ta tìm thấy hài cốt của Nola ở Goose Cove. Cả thành phố hỗn loạn vì việc đó. Tiệm Clark's chật kín người: khách hàng, nhà báo đến để tìm hiểu. Thật là một địa ngục. Tôi cảm thấy rất khó chịu nên về nhà sớm hơn thường lệ để nghỉ ngơi. Tôi thấy một chiếc ô tô lạ đỗ trước cửa nhà. Khi vào trong, tôi nghe thấy những âm thanh chói tai. Tôi nhận ra giọng của Cảnh sát trưởng Pratt. Ông ấy cãi lộn với Travis. Họ không nghe thấy tiếng tôi về.

Ngày 12 tháng Sáu năm 2008

- Bình tĩnh nào Travis! Pratt điệu giọng. Sẽ chẳng có ai biết đâu, rồi cậu sẽ thấy.

- Nhưng làm thế nào mà ông lại chắc chắn đến vậy chứ?

- Chính Quebert sẽ lãnh mọi hậu quả. Bộ hài cốt ở trong vườn nhà ông ta! Tất cả đều kết tội ông ta!

- Mẹ kiếp, nếu ông ta có thể chứng minh mình vô tội thì sao?

- Ông ta không cãi được đâu. Không bao giờ được nhắc tới chuyện này nữa, hiểu chưa?

Jenny thấy có tiếng động liền nhanh chóng trốn vào phòng khách. Cô nhìn thấy Cảnh sát trưởng Pratt bước ra. Ngay khi ông ta nổ máy đi khỏi, cô chạy vội vào trong bếp tìm chồng mình, lúc này đang rất đau khổ.

- Điều gì đã xảy ra vậy Travis? Em đã nghe thấy tất cả câu chuyện của hai người! Anh đang giấu em điều gì vậy? Anh đang giấu em điều gì liên quan tới Nola Kellergan?

Jenny Dawn: Chính lúc đó Travis đã kể hết cho tôi. Anh ấy cho tôi xem sợi dây chuyền, và nói rằng anh ấy đã giữ nó để không bao giờ quên điều mình đã làm. Tôi cầm lấy sợi dây và nói sẽ lo liệu mọi chuyện. Tôi muốn bảo vệ chồng tôi, bảo vệ cuộc sống của chúng tôi. Lúc nào tôi cũng chỉ có một mình, trung sĩ ạ. Tôi không có con. Người duy nhất mà tôi có trên đời này là Travis. Tôi không muốn mất anh ấy...Tôi đã hi vọng biết bao cuộc điều tra sẽ nhanh chóng kết thúc và Harry sẽ bị kết án...Nhưng rồi Marcus Goldman xen vào xới tung quá khứ lên, và khẳng định chắc chắn Harry vô tội. Cậu ta có lí, nhưng tôi không thể để cho cậu ta làm thế. Tôi không thể để cho cậu ta phát hiện ra sự thật. Cho nên, tôi quyết định gửi thư đe dọa. Chính tôi đã tưới xăng đốt chiếc xe Corvette. Nhưng đó mới chỉ

là những cảnh báo của tôi. Rốt cuộc tôi quyết định đốt nhà.

Trích từ cuộc thẩm tra Robert Quinn

Trung sĩ P. Gahalowood: Tại sao ông làm như vậy?

Robert Quinnz: Vì con gái tôi. Nó có vẻ rất lo lắng về những biến động trong thành phố kể từ khi phát hiện hài cốt của Nola. Tôi thấy nó rất quan tâm đến chuyện này, nó cư xử một cách kì quặc. Nhiều khi nó bỏ tiệm Clark's không có lý do. Khi báo chí đưa tin về những trang bản thảo của Goldman, nó rơi vào tình trạng khủng hoảng. Thật kinh hoàng. Khi ra khỏi khu vệ sinh dành cho nhân viên, tôi thấy nó lặng lẽ bỏ đi bằng lối cửa sau. Tôi đã quyết định bám theo nó.

Thứ Năm ngày 10 tháng Bảy năm 2008

Cô ấy đỗ xe lại bên lề đường gần bìa rừng và vội vàng ra khỏi ô tô, lấy một bi đông xăng và một hộp xịt sơn. Cô đã rất cẩn thận đeo găng tay làm vườn để không để lại dấu vân tay. Ông lạch bạch đi theo cô từ xa một cách khó khăn. Khi ông vượt qua hàng cây bên đường, thì cô đã kịp tưới xăng lên chiếc Range Rover và ông phát hiện cô ấy đang đổ xăng lên cả thêm nhà.

- Jenny! Dừng lại ngay! Ông bố gào lên.

Cô ấy vội vàng bật diêm và ném xuống đất. Ngay lập tức lối vào ngôi nhà bốc lửa. Cô ngạc nhiên vì lửa cháy to đến thế liền lùi lại mấy mét và lấy tay che mặt. Bố cô túm lấy vai cô.

- Jenny, con điên rồi!

- Bố không thể hiểu được đâu, bố ơi ! Bố đang làm gì ở đây thế đi đi, đi đi!

Ông giật lấy cái bi đông trong tay cô.

- Chạy đi, ông ra lệnh. Chạy nhanh lên trước khi người ta kịp tóm cổ con!

Cô biến vào trong rừng, chạy về phía xe ô tô của mình. Ông cần phải phi tang bi đông đựng xăng, nhưng nỗi sợ khiến ông không thể làm được việc đó. Rốt cuộc, ông đi tới tận bờ biển và giấu nó giữa bụi cây.

Trích từ cuộc thẩm tra Jenny E. Dawn

Trung sĩ P. Gahalowood: Thế sau đó thì chuyện xảy ra thế nào?

Jenny Dawn: Tôi cầu xin bố tôi hãy đứng bên ngoài vụ này. Tôi không muốn ông phải dính líu tới chuyện đó.

Trung sĩ P. Gahalowood: Thế mà ông ấy đã nhúng tay vào rồi đây. Sau đó bà đã làm gì?

Jenny Dawn: Áp lực càng ngày càng đè nặng lên Cảnh sát trưởng Pratt kể từ khi ông ấy thú nhận đã ép Nola phải mút dương vật. Ban đầu ông ta còn bình tĩnh đến vậy, thế mà lại nhanh chóng suy sụp. Ông ấy sắp nói ra tất cả. Cần phải trừ khử ông ấy. Và lấy lại vũ khí.

Trung sĩ P. Gahalowood: Ông ấy đã giữ vũ khí...

Jenny Dawn: Đúng vậy. Đó chính là vũ khí công vụ ông ấy có từ lâu...

Trích từ cuộc thẩm tra Travis S. Dawn

Travis Dawn: Thưa trung sĩ, tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho điều tôi đã làm. Đã ba mươi ba năm nay tôi luôn nghĩ đến nó. Ba mươi ba năm, nó ám ảnh tôi.

Trung sĩ P. Gahalowood: Có điều này tôi vẫn chưa rõ, đó là, ông là một cảnh sát, vậy ông lại lưu giữ sợi dây chuyền,

nó là vật chứng hùng hồn của vụ án.

Travis Dawn: Tôi không thể rũ bỏ nó được. Sợi dây này là sự trừng phạt đối với tôi. Nó nhắc tôi nhớ về quá khứ. Kể từ ngày 30 tháng Tám năm 1975, không có ngày nào là tôi không trốn vào một xó để nhìn sợi dây này. Hơn nữa, nhớ ai phát hiện ra sợi dây này thì sao?

Trung sĩ P. Gahalowood: Thế Pratt thì sao?

Travis Dawn: Ông ấy sẽ khai. Kể từ khi các anh phát hiện ra chuyện giữa ông ta và Nola, ông ấy rất kinh hoàng. Một hôm, ông ấy đã gọi điện thoại cho tôi, ông ấy muốn gặp tôi. Chúng tôi hẹn gặp trên bãi biển. Ông ấy muốn khai hết mọi chuyện. Ông ấy muốn thỏa thuận với chưởng lý và muốn tôi làm tương tự như thế, vì cái kim trong bọc cũng sẽ có ngày lòi ra. Tối ngày hôm đó, tôi đã đến gặp ông ấy ở nhà nghỉ. Tôi đã cố gắng thuyết phục ông ấy. Nhưng ông ấy không chịu nghe. Ông ấy chìa khẩu súng colt 38 cũ ra và nói sẽ giao cho anh ngay ngày mai. Ông ấy sẽ khai hết, trung sĩ ạ. Vậy nên, tôi lợi dụng lúc ông ta quay lưng lại, đập chết ông ta bằng dùi cui. Tôi lấy khẩu súng và bỏ trốn.

Trung sĩ P. Gahalowood: Đập bằng dùi cui? Cũng giống như với Nola.

Travis Dawn: Đúng.

Trung sĩ P. Gahalowood: Cùng một vũ khí?

Travis Dawn: Đúng.

Trung sĩ P. Gahalowood: Chiếc dùi cui đó ở đâu?

Travis Dawn: Đó là dùi cui công vụ của tôi. Chính hồi đó, tôi và Pratt đã thỏa thuận như vậy: ông ấy bảo biện pháp tốt nhất để giấu vũ khí của các vụ án mạng, đó là để cho tất cả mọi người nhìn thấy và đều biết. Súng và dùi cui mà

chúng tôi đeo trên thắt lưng lúc đi tìm Nola chính là hung khí của vụ án.

Trung sĩ P. Gahalowood: Vậy tại sao rốt cuộc ông lại vứt bỏ chúng? Làm thế nào mà Robert Quinn lại có trong tay cả khẩu súng và sợi dây chuyền?

Travis Dawn: Jenny đã lấy của tôi. Và tôi đã nhượng bộ. Kể từ khi Pratt chết, cô ấy không ngủ nữa. Cô ấy không thể chịu đựng hơn được nữa. Cô ấy bảo chúng tôi không nên giữ chúng ở trong nhà mình, nếu cảnh sát điều tra vụ Pratt sờ đến gáy chúng tôi thì chúng tôi sẽ chết. Rốt cuộc cô ấy đã thuyết phục được tôi. Tôi muốn ra giữa biển để phi tang chúng, vì ở đó sẽ không bao giờ có ai tìm thấy được. Nhưng Jenny rất hoảng sợ và cô ấy đã lấy chúng đi trước khi hỏi ý kiến tôi. Cô ấy nhờ bố mình làm việc đó.

Trung sĩ P. Gahalowood: Tại sao lại là bố cô ấy?

Travis Dawn: Tôi nghĩ là cô ấy không tin tưởng tôi. Từ ba mươi ba năm nay, tôi đã không thể vứt bỏ sợi dây chuyền đi, cho nên cô ấy sợ rằng tôi sẽ không bao giờ làm được điều đó. Lúc nào cô ấy cũng có một lòng tin vô cùng vững vàng về bố mình, cô ấy coi ông là người duy nhất có thể giúp đỡ. Và rồi, ông ấy luôn bị nghi ngờ... Ông già Robert Quinn tốt bụng.

Ngày 9 tháng Mười một năm 2008

Jenny chạy ào vào trong phòng khách nhà bố mẹ. Cô biết là bố cô ở nhà một mình. Và sẽ thấy ông ở phòng khách.

- Bố ơi! Cô ấy gọi to. Bố ơi, con cần bố giúp!
- Jenny đã có chuyện gì xảy ra vậy?
- Đừng hỏi gì. Con cần bố vứt giúp con cái này.

Cô đưa cho bố một cái túi nilông.

- Cái gì thế?

- Đừng có hỏi là cái gì. Đừng mở nó ra. Rất nguy hiểm. Bố là người duy nhất có thể giúp con. Con cần bố vớt ở đâu đấy để không một ai có thể tìm thấy nó.

- Con có chuyện gì à?

- Vâng, con nghĩ thế.

- Vậy thì bố sẽ làm việc này cho con, con gái yêu ạ. Hãy bình tĩnh. Bố sẽ làm tất cả mọi điều cần thiết để bảo vệ con.

- Nhất là, bố đừng mở cái túi ấy ra. Bố chỉ được vớt nó đi vĩnh viễn thôi nhé.

Nhưng ngay khi con gái ông đi khỏi, Robert đã mở cái túi ra. Hoảng hốt bởi những thứ nhìn thấy, ông sợ rằng con gái mình là một tên giết người nên ông đã quyết định hành động từ khi màn đêm buông xuống: ném cái túi đó vào hồ Montburry.

Trích từ cuộc thẩm tra Travis S. Dawn

Travis Dawn: Khi tôi được tin bố vợ bị bắt, tôi biết rằng thế là chết. Cần phải hành động ngay. Tôi nghĩ cần biến ông ấy thành tội phạm. Ít nhất là tạm thời. Tôi biết ông ấy muốn bảo vệ con gái mình và ông ấy có thể trụ được một, hai ngày. Đủ thời gian để cho tôi và Jenny bỏ trốn đến một đất nước khác. Vì vậy tôi bắt đầu tìm một bằng chứng chống lại Robert. Tôi đã tìm trong cuốn album ảnh gia đình mà Jenny cất giữ, hi vọng tìm được một bức ảnh Robert và Nola chụp với nhau và viết vào đằng sau một điều gì đó có khả năng kết tội. Thế nhưng tôi lại tìm thấy ảnh của ông ấy chụp cùng một chiếc Monte Carlo màu đen. Thật là một sự trùng hợp hiếm có! Tôi đã viết ngày tháng vào đó, tháng

Tám năm 1975, và tôi đã mang nó đến cho anh.

Trung sĩ P. Gahalowood: Cảnh sát trưởng Dawn, đã đến lúc kể chúng tôi biết điều gì đã xảy ra vào ngày 30 tháng Tám năm 1975...

* * *

– Tắt đi, Marcus! Harry hét lên. Tôi xin anh, tắt ngay đi! Tôi không thể chịu đựng được khi nghe đoạn này đâu.

Tôi tắt băng ghi hình. Harry khóc nức nở. Ông ấy đứng dậy khỏi tràng kỉ và dính chặt vào cửa sổ. Bên ngoài, tuyết rơi từng bông lớn. Cả thành phố trắng xóa trong ánh sáng tuyệt đẹp.

– Em lấy làm tiếc, thầy Harry.

– New York là một chốn kì lạ, ông thì thạo. Tôi thường tự hỏi cuộc sống của mình sẽ như thế nào nếu như tôi ở lại đây chứ không đi Aurora vào đầu mùa hè năm 1975.

– Thế thì thầy sẽ không bao giờ biết được thế nào là tình yêu, tôi nói.

Ông nhìn trần trời vào bóng tối.

– Làm sao mà anh hiểu được, Marcus?

– Hiểu được cái gì? Hiểu được rằng thầy không phải là người viết cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa* à? Ít lâu sau khi Travis Dawn bị bắt, báo chí bắt đầu đưa tin về vụ việc và một vài ngày sau, em đã nhận được một cú điện thoại từ Elijah Stern. Ông ấy nhất thiết muốn gặp em.

* * *

Thứ Tư ngày 14 tháng Mười một năm 2008

Tại dinh cơ của Elijah Stern, gần Concord, bang NH.

– Cảm ơn anh đã tới đây, anh Goldman.

Elijah Stern tiếp tôi trong phòng làm việc.

– Tôi đã rất ngạc nhiên về cú điện thoại của ông, ông Stern ạ. Tôi nghĩ rằng ông không thích thú gì tôi lắm.

– Anh là một thanh niên rất có tài. Điều cánh nhà báo đang nói về Travis Dawn, chính là sự thực ư?

– Đúng vậy, thưa ông.

– Thật là điên rồ!

Tôi thừa nhận và nói với ông ta:

– Tôi đã hoàn toàn dậm chân tại chỗ về những gì liên quan tới Caleb. Tôi rất tiếc.

– Anh không hề dậm chân tại chỗ. Nếu như tôi hiểu chính xác, thì chính sự kiên trì của anh, rốt cuộc, đã cho phép cảnh sát hoàn thành vụ án. Có một viên cảnh sát thề rằng, hoàn toàn nhờ anh...hình như tên ông ta là Perry Gahalowood.

– Tôi đã yêu cầu người xuất bản sách của tôi thu hồi cuốn *Vụ án Harry Quebert*.

– Tôi thật vui mừng được biết điều đó. Vậy anh sẽ viết một cuốn khác để chữa lại chứ?

– Cũng có thể. Tôi còn chưa biết sẽ làm dưới hình thức nào, nhưng công lí sẽ được thiết lập. Tôi đã đấu tranh vì danh dự Quebert, và tôi cũng sẽ đấu tranh cho Caleb.

Ông ta mỉm cười.

– Chính điều này, thưa anh Goldman, là lí do tại sao tôi muốn được gặp anh. Tôi phải nói với anh sự thật. Và anh sẽ hiểu tại sao tôi không muốn đổ lỗi cho anh vì đã tin rằng Luther

là thủ phạm trong vòng mấy tháng: chính tôi cũng đã sống trong ba mươi ba năm với cùng một suy nghĩ sâu kín rằng Luther đã giết Nola Kellergan.

– Thật ư?

– Tôi đã có niềm tin tuyệt đối vào điều đó. Tuyệt đối.

– Tại sao ông không bao giờ nói với cảnh sát?

– Tôi không muốn giết Luther thêm một lần nữa.

– Tôi không hiểu ông đang cố gắng nói với tôi điều gì, thưa ông Stern.

– Luther như bị Nola ám ảnh. Anh ta suốt ngày ở Aurora, để mà quan sát cô ấy...

– Tôi biết, tôi biết. Tôi cũng biết là ông đã đi bắt quả tang anh ta ở Goose Cove. Ông đã nói chuyện này với trung sĩ Gahalowood.

– Vậy tôi nghĩ rằng anh đã đánh giá quá thấp mối ám ảnh của Luther. Vào tháng Tám năm 1975, anh ta ở rịt cả ngày cả đêm ở Goose Cove, chui rúc trong rừng, để mà rình mò Harry và Nola, ở trên sân nhà, ở ngoài bãi biển, khắp nơi. Khắp nơi! Anh ta đã hoàn toàn điên dại, anh ta biết hết chuyện của hai người! Tất cả không trừ chuyện gì! Anh ta nói suốt với tôi về chuyện đó. Ngày này qua ngày khác, anh ta kể với tôi điều họ đã làm với nhau, điều họ đã nói với nhau. Anh ta kể cho tôi hết câu chuyện của họ: họ gặp nhau trên bãi biển, họ làm việc với nhau vì một cuốn sách, họ đã đi chơi với nhau suốt cả một tuần. Anh ta biết hết! Tất cả mọi chuyện! Dần dần, tôi hiểu rằng anh ta đang sống một câu chuyện tình thông qua họ. Tình yêu mà anh ta không thể được trải nghiệm bởi hình dáng bên ngoài đáng sợ của anh ta, thì nay anh ta trải nghiệm thông qua họ. Đến mức mà tôi không thể gặp anh ta trong ngày được nữa! Thế rồi tôi

đành phải tự lái xe tới các cuộc hẹn công việc của tôi.

– Tôi xin lỗi vì đã ngắt lời ông, thưa ông Stern, nhưng có một điều mà tôi không thể hiểu nổi: tại sao ông lại không sa thải Luther? Tôi muốn nói là, thật vô lí: chúng tôi có cảm giác rằng chính ông là người vâng lời nhân viên của ông, khi anh ta đòi được về Nola hay khi đơn giản anh ta cứ thế bỏ ông để suốt ngày loanh quanh ở Aurora. Hãy tha thứ cho câu hỏi của tôi, nhưng mối quan hệ giữa anh ta và ông là như thế nào? Ông có...

– Phải lòng anh ta ư? Không.

– Thế thì tại sao mối quan hệ giữa anh ta và ông lại kì lạ như vậy? Ông là người có quyền lực. Thế mà lại xảy ra chuyện như vậy?

– Bởi vì tôi mắc nợ anh ta. Tôi... Tôi... Anh sẽ hiểu thôi. Luther bị ám ảnh bởi Harry và Nola. Một hôm, anh ta trở về trong bộ dạng thê thảm. Anh ta bảo tôi một tay cảnh sát ở Aurora đã cho anh ta liếm đất vì bắt quả tang anh ta rình rập, và một cô phục vụ ở tiệm Clark's cũng đã gửi đơn kiện anh ta. Câu chuyện này đang trở thành một thảm họa. Tôi yêu cầu anh ta không được tới Aurora nữa, tôi cho phép anh ta đi nghỉ một thời gian, ví như về thăm gia đình ở Maine hay đi bất cứ nơi nào. Rằng tôi sẽ trả hết toàn bộ chi phí...

– Nhưng anh ta đã từ chối, tôi nói.

– Không những anh ta từ chối, mà còn đòi mượn xe ô tô của tôi vì anh ta nghĩ chiếc xe Mustang của mình đã bị nhận diện sau vụ vừa rồi. Hiển nhiên là tôi đã từ chối, Thế là anh ấy kêu lên: “Anh chẳng hiểu gì cả, Eli! Họ sẽ bỏ đi! 10 ngày nữa, họ sẽ bỏ đi cùng nhau và sẽ bỏ đi mãi mãi! Mãi mãi! Trên bãi biển họ đã quyết định như vậy! Họ đã quyết định đi vào ngày 30! Ngày 30 họ sẽ bỏ đi mãi mãi! Tôi chỉ muốn nói lời vĩnh biệt với Nola,

đây là những ngày cuối cùng của tôi với cô ấy ông không thể tước cô ấy của tôi được trong khi tôi đã biết rằng tôi sắp mất cô ấy”. Tôi đã giữ vững lập trường. Tôi nhìn thẳng vào mắt anh ta. Và rồi, cái ngày 29 tháng Tám chết tiệt ấy. Ngày hôm đó, tôi đã tìm Luther khắp nơi. Nhưng không tìm thấy anh ta. Trong khi chiếc Mustang xanh lơ của Luther vẫn đỗ đúng chỗ cũ. Một nhân viên đã thông báo cho tôi biết anh ta lấy chiếc xe Monte Carlo màu đen của tôi đi. Luther nói dối rằng tôi cho phép anh ta làm điều đó. Anh ta làm cho tôi phát điên. Tôi lập tức vào phòng anh ta và tìm thấy bức vẽ Nola khiến cho tôi phát buồn nôn. Sau đó, tôi phát hiện một chiếc hộp đựng thư từ giấu dưới giường của anh ta. Những bức thư mà anh ta đã lấy trộm... Những bức thư trao đổi giữa Harry và Nola đều bị anh ta lấy trộm trong hòm thư. Tôi đợi anh ta quay về cuối ngày hôm đó, chúng tôi đã cãi nhau kịch liệt...

Stern im bật và nhìn vào trong mông lung.

– Điều gì đã xảy ra? Tôi hỏi.

– Tôi...Tôi muốn rằng anh ta không đi tới đó nữa, anh hiểu chứ! Tôi muốn sự ám ảnh về Nola phải chấm dứt ngay lập tức! Còn anh ta không muốn nghe gì hết! Không nghe gì hết! Anh ta bảo rằng Nola và anh ta, câu chuyện mạnh mẽ hơn bao giờ hết! Rằng không ai có thể ngăn cản họ ở bên nhau. Tôi mất phương hướng. Chúng tôi lao vào nhau và tôi đã đánh Luther! Tôi túm cổ anh ta, tôi hét lên và đánh anh ta. Tôi chửi anh ta là đồ nhà quê. Anh ta ngã xuống đất, bị dập mũi và chảy máu. Tôi vô cùng hoảng sợ. Và anh ta bảo tôi...Anh ta bảo tôi...

Stern không thể nói tiếp được nữa. Vẻ mặt ông ta trông thật kinh hãi.

– Thưa ông Stern, anh ta muốn nói gì với ông? Tôi hỏi để ông ấy không bị đứt mạch câu chuyện.

– Anh ta bảo tôi: “Chính là anh!”. Anh ta đã hét lên: “Chính là anh! Chính là anh!”. Tôi hoàn toàn bị tê liệt. Anh ta bỏ chạy vào phòng tìm một số đồ đạc và anh ta đã nhảy lên chiếc xe Chevrolet trước khi tôi có thể phản ứng. Anh ta đã... đã nhận ra giọng của tôi.

Stern khóc từ lúc đó. Ông ta nắm chặt đôi bàn tay điên dại.

– Anh ta đã nhận ra giọng của ông ư? Tôi nhắc lại. Ông muốn nói gì?

– Có... có một thời kì tôi đã gặp lại các bạn của tôi ở trường đại học Harvard. Một dạng kiểu tình huynh đệ. Chúng tôi đi Maine để nghỉ cuối tuần: hai ngày trong khách sạn lớn để uống rượu và ăn tôm hùm. Chúng tôi thích đánh nhau, chúng tôi thích lấy gậy thép gõ quật vào hông những thằng trai ẻo lả. Chúng tôi bảo rằng bọn con trai ở Maine là những kẻ nhà quê và rằng sứ mệnh của chúng tôi ở trên trái đất này là phải đánh chúng nó. Chúng tôi lúc đó đều chưa đến ba mươi tuổi, chúng tôi là con trai nhà giàu, kiêu ngạo. Chúng tôi hơi phân biệt chủng tộc, chúng tôi bất hạnh, chúng tôi bạo lực. Chúng tôi đã phát minh ra một trò chơi: trò *field goal*, có nghĩa là phải đánh lên đầu nạn nhân của chúng tôi giống như chúng tôi tranh giành một trái bóng. Một ngày vào năm 1964, gần Portland, chúng tôi rất bị kích động vì đã uống rất nhiều rượu. Trên đường, chúng tôi đã gặp một thanh niên. Tôi là người lái xe ô tô... Tôi đã dừng lại và tôi đã đề nghị rằng cả bọn phải chơi đùa chút xíu.

– Ông chính là người đã tấn công Caleb ư?

Ông ta không còn kiểm chế được nữa:

– Đúng! Đúng! Tôi không bao giờ tha lỗi cho bản thân mình! Ngày hôm sau chúng tôi tỉnh dậy trong phòng hạng sang của

khách sạn với cảm giác nôn nao như dưới địa ngục. Tất cả các báo đều tường thuật lại vụ tấn công: cậu thanh niên đang bị hôn mê. Cảnh sát đã tìm kiếm chúng tôi rất tích cực; người ta gọi chúng tôi là băng đảng *field goal*. Chúng tôi quyết định sẽ không bao giờ nhắc lại chuyện này nữa, đào sâu chôn chặt nó trong lòng mãi mãi. Nhưng tôi đã bị ám ảnh và hoàn toàn bị phát bệnh về chuyện này. Tôi đã đến Portland để tìm kiếm thông tin về gã thanh niên bị chúng tôi hành hung. Hai năm đã trôi qua như vậy, và một ngày không thể dừng được nữa, tôi quyết định cho anh ta một công việc và một cơ hội để thoát khỏi hoàn cảnh. Tôi giả vờ phải thay một lớp xe, tôi đã tìm anh ta để nhờ anh ta giúp đỡ và tôi đã tuyển anh ta làm tài xế riêng. Tôi đã cho anh ta tất cả những gì anh ta muốn Tôi đã tạo cho anh ta hẳn một xưởng vẽ ở trước sân trong ngôi nhà của tôi, tôi đã cho anh ta tiền bạc, tôi tặng anh ta một chiếc ô tô, nhưng không có gì trong số tất cả những thứ đó đủ để làm nhẹ cảm giác tội lỗi của tôi. Lúc nào tôi cũng muốn làm nhiều hơn cho Luther! Tôi đã phá vỡ sự nghiệp họa sĩ của anh ta, vậy nên tôi đã tài trợ cho tất cả các cuộc triển lãm, tôi để anh ta được tự do vẽ cả ngày. Và rồi, anh ta bắt đầu nói rằng anh ta cảm thấy cô đơn, rằng không có ai cần anh ta. Luther bảo rằng, điều duy nhất anh ta có thể làm với một người phụ nữ, đó là vẽ họ. Anh ta muốn vẽ những người phụ nữ tóc vàng, vì họ khiến anh ta nhớ tới người yêu cũ. Vậy nên tôi đã tuyển cả một đoàn gái đi tóc vàng để làm mẫu cho anh ta vẽ. Nhưng một ngày, ở Aurora, anh ta đã gặp Nola. Và đã phải lòng cô bé. Anh ta bảo rằng, đó là lần đầu tiên anh cảm thấy yêu một lần nữa. Và Harry xuất hiện, một nhà văn tài năng và đẹp trai. Chính là người mà Luther mong muốn được trở thành. Và Nola đã phải lòng Harry... Còn tôi, tôi có thể làm được gì? Tôi đã lấy cắp của anh ta cuộc sống,

tôi đã lấy tất cả của anh ta. Làm sao tôi có thể ngăn cản anh ta yêu được?

– Vậy ông làm những việc đó để chuộc tội?

– Anh nói thế nếu anh muốn.

– Ngày 29 tháng Tám điều gì đã xảy ra sau đó?

– Khi mà Luther hiểu rằng chính tôi là kẻ đã tấn công anh ta. Anh ta liền xách hành lí và bỏ trốn cùng với chiếc xe Chevrolet màu đen. Tôi đuổi theo anh ta, tôi muốn giải thích và mong anh ta tha lỗi. Tôi tìm anh ta khắp nơi, suốt cả ngày lẫn đêm nhưng vô ích. Cuối ngày, đài đưa tin Nola Kellergan biến mất, kẻ tình nghi bỏ chạy trên chiếc xe Chevrolet màu đen... Chẳng cần phải kể nhiều cho anh làm gì nữa. Tôi đã quyết định không bao giờ kể chuyện này với ai để Luther không bao giờ bị nghi ngờ. Đó chính là lí do tại sao tôi đã không thể chịu được khi anh đến đây để dựng Các bóng ma dậy. Nhưng rốt cuộc là nhờ có anh, tôi đã được biết rằng Luther không giết Nola. Anh đã làm nhẹ lương tâm cho tôi, anh Goldman ạ.

– Thế còn chiếc xe Mustang?

– Nó vẫn nằm trong nhà xe của tôi. Đã ba mươi ba năm nay, tôi giấu nó ở trong nhà xe của tôi.

– Thế còn những bức thư?

– Tôi cũng cất giữ chúng.

– Xin phép ông cho tôi xem qua chúng.

Stern nhắc một bức tranh trên tường xuống, lộ ra một két sắt nhỏ và ông ta mở nó ra. Ông rút ra một hộp đựng giấy chứa đầy các bức thư. Nhờ vậy tôi đã phát hiện ra toàn bộ thư từ giữa Harry và Nola, những bức thư đã cho phép viết nên cuốn sách *Nguồn gốc cái xấu xa*. Ngay lập tức, tôi nhận ra bức thư đầu tiên: đó chính là bức thư mở đầu cho cuốn sách. Bức thư để ngày

mùng 5 tháng Bảy năm 1975, lời lẽ ngập tràn nỗi buồn mà Nola đã viết khi Harry xua đuổi cô và cô biết anh đi chơi với Jenny trong Ngày Quốc khánh 4 tháng Bảy. Ngày hôm đó, cô đã kẹp vào cánh cửa một phong bì trong đó có bức thư này và hai tấm ảnh chụp ở Rockland. Một ảnh chụp đàn mòng biển. Ảnh thứ hai chụp hai người, đang ăn trưa ở chỗ pic nic.

– Làm thế quái nào mà Luther lại có thể lấy hết được tất cả những cái này? Tôi hỏi.

– Tôi không biết, Stern nói. Nhưng tôi không ngạc nhiên vì anh ta đã lén vào nhà Harry.

Tôi nghĩ anh ta hoàn toàn có thể ăn cắp những bức thư này trong những ngày mà Harry không có mặt ở Aurora. Nhưng tại sao Harry lại không bao giờ nói rằng những bức thư này đã biến mất? Tôi yêu cầu được mang hộp thư đi và Stern đã cho phép tôi làm điều đó. Trong tôi có một mối ngờ vực vô cùng to lớn.

* * *

Đối diện với tôi ở New York, Harry âm thầm khóc, khi nghe xong câu chuyện của tôi.

– Khi mà em nhìn thấy những bức thư này, tôi giải thích cho ông, trong đầu em lẫn lộn mọi thứ. Em nghĩ lại cuốn sách của thầy, cuốn sách mà thầy đã để lại trong ngăn tủ đựng đồ ở phòng tập: *Những chú mòng biển ở Aurora*. Và em đã nhận ra một điều: không hề có chim mòng biển trong cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa*. Làm sao mà em lại có thể không để ý đến chi tiết này trong chừng ấy thời gian cơ chứ: không hề có lấy một lần nhắc tới chim mòng biển! Thế mà thầy đã hứa là sẽ nhắc đến chim mòng biển! Đúng vào lúc đó thì em đã hiểu thầy không phải là

người viết cuốn *Nguồn gốc cái xấu xa*. Cuốn sách mà thầy đã viết trong suốt mùa hè năm 1975 là *Những chú mòng biển ở Aurora*. Đó mới là cuốn sách thầy viết và được Nola đánh máy. Em khẳng định điều đó khi nhờ Gahalowood phân tích nét chữ ở các bức thư mà Stern đưa cho em với nét chữ trên tin nhắn ở tập bản thảo viết tay chôn cùng với Nola. Hoàn toàn trùng khớp, khi đó em hiểu ra thầy đã lợi dụng em để phi tang tập bản thảo trứ danh của thầy. Đó không phải là nét chữ của thầy... Thầy không phải là người viết nên quyển sách đã khiến thầy gặt hái thành công như thế. Thầy ăn cắp của Luther!

– Im mồm đi, Marcus!

– Em có sai không? Thầy đã ăn cắp một cuốn sách! Một nhà văn có thể phạm lỗi làm nào nặng hơn thế nữa không? *Nguồn gốc cái xấu xa*: đó là lí do tại sao thầy đã đặt tựa đề của cuốn sách này như vậy! Và em không thể hiểu tại sao một tựa đề buồn thảm như thế lại được đặt cho một câu chuyện tuyệt đẹp như vậy! Nhưng tựa đề này không liên quan gì tới cuốn sách, mà nó liên quan tới chính thầy. Hơn nữa, chính thầy luôn nói với em: cuốn sách không phải là một mối quan hệ giữa các từ, mà là mối quan hệ với con người. Cuốn sách này là nguồn gốc của cái xấu xa mà nó đã gặm nhấm thầy từ bấy lâu, nỗi đau khổ của sự hối hận và của sự lờng gạt!

– Thôi đi, Marcus! Bây giờ hãy im đi!

Ông khóc. Tôi tiếp tục:

– Một hôm, Nola đã để một phong bì ở trước cửa nhà thầy. Đó là ngày 5 tháng Bảy năm 1975. Trong phong bì đựng ảnh những chú chim mòng biển và một bức thư viết trên loại giấy mà cô ấy thích, cô ấy đã nói với thầy về Rockland và cô ấy nói rằng cô ấy sẽ không bao giờ quên thầy. Đó là thời kì mà thầy tự buộc mình không được gặp cô ấy. Nhưng bức thư đó đã không

bao giờ tới tay thầy bởi vì Luther, người luôn rình rập ở nhà thầy, đã lấy đi ngay khi Nola bỏ đi. Đó là lí do làm sao mà kể từ ngày đó, anh ta bắt đầu trao đổi thư từ với Nola. Anh ta đã trả lời những bức thư, và đóng giả là thầy. Cô ấy đã viết thư lại, và nghĩ rằng đang viết cho thầy, nhưng Luther đã nhận những bức thư ngay trong hòm thư của thầy. Và chính anh ta đã viết thư ngược trở lại, lúc nào cũng giả vờ là thầy. Đó chính là lí do tại sao anh ta lúc nào cũng rình rập xung quanh nhà thầy. Những bức thư trao đổi giữa họ trở thành *Nguồn gốc cái xấu xa*. Trời ơi, Harry, sao thầy lại có thể làm thế ?

– Tôi đã rất lo sợ, Marcus! Vào mùa hè năm đó, tôi thật khó khăn để viết. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ có thể viết được nữa. Tôi đã viết nên cuốn sách này, *Những chú mòng biển ở Aurora*, nhưng tôi thấy chúng thật là dở tệ. Nola bảo rằng cô ấy rất thích, nhưng chẳng có gì có thể làm tôi nguôi ngoai. Tôi lâm vào tình trạng khủng hoảng điên dại. Cô ấy đánh máy cho tôi các trang bản thảo viết tay, tôi đọc lại, rồi tôi đã xé rách tất cả. Cô ấy van xin tôi hãy dừng lại, cô ấy bảo tôi: “Đừng làm như thế, anh thật là tài năng. Làm ơn, hãy viết xong chuyện đó đi. Harry yêu quý, em không thể chịu đựng được nếu anh không kết thúc được câu chuyện đó!” Nhưng tôi không tin vào điều đó. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ trở thành nhà văn. Và rồi một hôm, Luther Caleb đã đến bấm chuông cửa nhà tôi. Anh ta bảo tôi rằng anh ta không biết nói với ai, vậy nên anh ta đã tới tìm gặp tôi: anh ta đã viết một cuốn sách và anh ấy tự hỏi không biết câu chuyện này có đáng để gửi cho các nhà xuất bản hay không. Anh có hiểu không, Marcus, anh ta nghĩ rằng tôi là một nhà văn lớn của New York và tôi có thể giúp đỡ anh ta.

Ngày 20 tháng Tám năm 1975

– Luther?

Khi mở cửa, Harry không khỏi ngạc nhiên.

– Xin chào, Harry.

Anh ta dừng lại im lặng và bối rối.

– Tôi có thể làm gì cho anh hả Luther?

– Phôi đến gặp ông có chuyện riêng. Để xin ông một lời khuyên.

– Một lời khuyên à? Tôi xin nghe anh. Mời anh vào.

– Phàm ơn ông.

Hai người đàn ông ngồi vào phòng khách. Luther rất bối rối. Anh ta mang theo một phong bì to và đang ôm chặt nó ở trong lòng.

– Thế nào, có chuyện gì thế Luther?

– Phôi... phôi viết một tiểu thuyết. Một truyện tình.

– Thật à?

– Vâng. Nhưng phôi không biết nó có hay không. Phôi muốn nói là, làm thế nào mà mình biết được liệu một chuyện có hay tới mức đáng để được xuất bản hay không?

– Tôi không biết. Nếu như anh nghĩ rằng anh đã viết hết khả năng... Anh có mang bản thảo theo đây không?

– Có, đây là toàn bộ bản thảo viết tay, Luther tỏ vẻ có lỗi, rất bối rối. Phôi vừa nghĩ đến. Phôi cũng đã có bản đánh máy rồi, nhưng lúc đến đây phôi lại mang nhầm phong bì. Ông có muốn phôi quay phề nhà lấy bản kia rồi quay lại đây sau không?

– Không, cứ cho tôi xem đã. Đây là... Thôi nào, đừng rụt rè thế. Tôi tin chắc là chữ anh cũng đọc được.

Anh ta chìa ra chiếc phong bì lớn. Harry lấy ra đọc lướt mấy trang, kinh ngạc vì nét chữ hoàn hảo.

– Chính là chữ viết của anh à.

– Vâng.

– Ôi Chúa ơi, có thể nói là... Đó... đó là chữ vượt ra ngoài tưởng tượng. Làm thế nào mà anh viết được thế này?

– Phôi không philet. Chữ viết của phôi tự nhiên nó như vậy thôi.

– Nếu anh đồng ý, cứ để nó lại đây cho tôi. Tôi cần có thời gian để đọc. Tôi sẽ nói với anh ý kiến của tôi một cách trung thực nhất.

– Thật chứ?

– Tất nhiên rồi.

– Luther hoàn toàn đồng ý rồi ra về. Nhưng thay vì đi khỏi Goose Cove thì anh ta lại trốn ngoài bụi rậm đợi Nola như vẫn thường làm vậy. Chẳng bao lâu sau nàng đến, sung sướng vì sắp ra đi. Nàng không nhận ra bóng người lẩn trốn sau những bụi cây đang theo dõi mình. Nàng vào nhà bằng lối cửa trước mà không bấm chuông như mọi khi.

– Harry yêu quý, nàng gọi to.

Không có tiếng trả lời, cả ngôi nhà như bị bỏ hoang. Nàng gọi tiếp. Yên lặng. Nàng đi xuyên qua phòng ăn và phòng khách, vẫn không thấy anh. Anh cũng không có trong phòng làm việc. Không có ngoài sân. Nàng chạy xuống tận bãi biển hét gọi tên anh. Có thể anh đi tắm biển chẳng. Anh thường đi tắm biển mỗi khi mà làm việc quá nhiều. Nhưng trên bãi tắm không có một bóng người. Nàng cảm thấy sợ hãi xâm chiếm: anh có thể ở đâu được nhỉ? Nàng quay vào nhà, tiếp tục gọi. Chẳng có ai. Nàng tìm lại tất cả các phòng dưới tầng trệt rồi lên tầng. Khi mở cửa

phòng ngủ, nàng thấy anh đang ngồi trên giường chăm chú đọc một tập giấy.

– Harry? Anh ở đây à? Đã mười phút rồi em tìm anh khắp nơi...

Anh giật thót mình khi nghe thấy tiếng nàng.

– Xin lỗi, Nola, anh đang đọc...Anh không nghe thấy tiếng em.

Anh đứng dậy, xếp gọn những trang giấy đang cầm trong tay nhét vào ngăn kéo bàn. Nàng cười rạng rỡ.

– Đọc gì mà say sưa quá thế, đến nỗi không nghe cả tiếng em gào tên anh khắp nhà?

– Không có gì quan trọng.

– Đoạn tiếp theo của cuốn tiểu thuyết anh đang viết à? Cho em xem nào!

– Không có gì quan trọng, lúc nào có dịp anh sẽ cho em xem.

Nàng nhìn anh vẻ tinh nghịch:

– Anh có chắc mọi chuyện ổn cả không, Harry?

Anh mỉm cười:

– Mọi chuyện đều tuyệt vời, Nola ạ.

Họ cùng nhau ra ngoài bãi biển. Nàng muốn xem mòng biển. Nàng dang rộng hai tay như thể có cánh, vừa chạy vừa vẽ ra những vòng tròn lớn.

– Em ước gì có thể bay, Harry! Chưa đầy mười ngày nữa! Mười ngày nữa chúng ta sẽ bay! Chúng ta sẽ mãi mãi rời xa cái thành phố bất hạnh này!

Họ cứ tưởng chỉ có một mình trên bãi biển. Cả Harry lẫn Nola đều không ngờ rằng Luther Caleb đang quan sát họ từ những mỏm đá trong rừng. Anh ta đợi cả hai quay vào nhà rồi

mới rời khỏi chỗ nấp, chạy theo con đường Goose Cove quay trở lại chiếc xe Mustang đang đỗ trên con đường rừng song song. Anh ta quay trở lại Aurora, dừng lại trước tiệm Clark's và vội vàng đi vào: dứt khoát anh phải nói chuyện với Jenny. Phải có ai đó biết chuyện. Anh ta có một linh cảm không lành. Nhưng Jenny hoàn toàn không có ý muốn gặp anh.

– Luther à? Anh không được tới đây, cô nói ngay khi thấy anh ta xuất hiện.

– Phenny... Phôi rất phiến vì chuyện sáng hôm nọ. Nhẽ ra phôi không được túm tay cô như thế.

– Sau đó tôi bị tím bầm hết cả tay lên

– Phôi rất lấy làm phiến.

– Bây giờ anh phải đi ngay đi.

– Không, đợi đã...

– Tôi gửi đơn kiện anh rồi, Luther. Travis nói nếu anh còn đến đây, tôi sẽ phải gọi cậu ấy và anh sẽ gặp rắc rối đấy. Tốt nhất anh nên đi khỏi đây trước khi bị cậu ấy nhìn thấy.

Người đàn ông vạm vỡ ngơ ngác.

– Cô đã gửi đơn khiếu nại phôi ư?

– Đúng vậy. Sáng hôm trước anh làm tôi sợ chết khiếp...

– Nhưng phôi phải nói với cô một chuyện rất quan trọng.

– Chẳng có chuyện gì quan trọng cả, Luther, ra khỏi đây ngay...

– Chuyện về Harry Quebert.

– Harry?

– Phải, cô nghĩ thế nào về Harry Quebert.

– Tại sao anh lại nói với tôi về Harry Quebert?

– Cô có tin anh ta không?

- Tin? Có chứ, tất nhiên rồi. Tại sao anh lại hỏi tôi thế?
- Phôi phải nói với cô một chuyện.
- Nói với tôi một chuyện à? Chuyện gì vậy?

Khi Luther chuẩn bị nói thì một chiếc xe cảnh sát xuất hiện bên kia đường đối diện với tiệm Clark's.

- Travis đến đây Jenny kêu lên. Chạy ngay, Luther, chạy ngay! Tôi không muốn anh gặp chuyện rầy rà.

* * *

Thật quá đơn giản, Harry nói, đó là cuốn sách đẹp nhất mà tôi từng được đọc. Thậm chí tôi còn không ngờ truyện viết về Nola! Tên cô ấy không được viết ra. Câu chuyện tình thật đặc biệt. Sau đó, tôi không bao giờ gặp lại Caleb nữa. Tôi hoàn toàn không có cơ hội trả lại cho anh ta tập bản thảo. Bởi vì sau đó xảy ra những sự kiện như anh biết đây. Bốn tuần sau, tôi nhận được tin báo Luther Caleb chết trên đường. Tôi vẫn có trong tay tập bản thảo viết tay mà tôi biết là tuyệt tác. Vậy nên tôi quyết định coi nó là của tôi. Tôi đã xây dựng sự nghiệp và cuộc đời mình trên sự dối trá như vậy đây. Làm thế nào mà tưởng tượng được sự thành công của cuốn sách? Sự thành công gặm nhấm tôi suốt đời! Suốt đời! Thế rồi ba mươi ba năm sau, cảnh sát tìm ra Nola và bộ bản thảo trong vườn nhà tôi. Trong vườn nhà tôi! Lúc đó, tôi cực kì sợ là sẽ mất tất cả, tôi sợ vì trót nói chính tôi viết cuốn sách này cho Nola.

- Sợ sẽ mất tất cả ư? Thầy muốn được kết án giết người còn hơn là bị lộ ra sự thật về tập bản thảo à?
- Đúng! Đúng! Bởi vì toàn bộ cuộc đời của tôi là một sự dối

trá, Marcus ạ.

– Vậy là Nola chưa bao giờ lấy bản thảo của thầy về đọc. Thầy nói vậy để chắc chắn không ai nghi ngờ thầy chính là tác giả của nó.

– Đúng vậy. Nhưng tập bản thảo mà Nola có là ở đâu ra?

– Luther gửi vào hòm thư của cô ấy, tôi nói.

– Vào hòm thư của cô ấy ư?

– Luther biết thầy sẽ bỏ trốn với Nola, anh ta đã nghe thầy hết kế hoạch này khi hai người nói với nhau trên bãi biển. Anh ta biết rằng Nola sẽ ra đi còn anh ta thì không, và như vậy thì câu chuyện của anh ta sẽ kết thúc với sự bỏ đi của nhân vật nữ chính. Luther viết cho Nola bức thư cuối cùng, bức thư chúc Nola có một cuộc sống tốt đẹp. Bức thư đó có trong tập bản thảo mà sau đó anh ta mang tới cho thầy. Luther biết hết mọi chuyện. Nhưng đúng vào ngày ra đi, hẳn là trong đêm 29 sáng ngày 30 tháng Tám, chắc anh ta muốn chấm dứt cái vòng luẩn quẩn: anh ta muốn kết thúc câu chuyện tình với Nola giống như chính cuốn truyện anh ta viết. Vì vậy, anh ta bỏ bức thư cuối cùng vào thùng thư nhà ông Kellergan. Hay nói đúng hơn là bỏ vào đó gói bưu phẩm cuối cùng, gồm thư vĩnh biệt và tập bản thảo cuốn sách anh ta viết, để cho Nola biết anh ta yêu Nola biết bao nhiêu. Và bởi vì ý thức rằng sẽ không bao giờ gặp lại Nola nữa, cho nên Luther viết lên trang đầu tập bản thảo: *Vĩnh biệt, Nola yêu quý*. Chắc chắn anh ta đã rình tới tận sáng để yên tâm rằng chính Nola là người mở hòm thư và lấy gói bưu kiện như vẫn luôn làm thế. Khi nhìn thấy bức thư và tập bản thảo, Nola lại nghĩ rằng chính thầy đã viết cho cô ấy. Cô ấy định ninh là thầy sẽ không đến. Nola hoàn toàn suy sụp. Cô ấy phát điên.

Harry sợ hãi tái mặt, lấy hai tay ôm chặt tim.

– Kể cho tôi nghe đi, Marcus! Hãy kể cho tôi nghe đi. Tôi muốn nghe bằng lời lẽ của chính anh. Từ ngữ của anh luôn luôn chuẩn xác! Hãy kể cho tôi nghe điều gì đã xảy ra ngày 30 tháng Tám năm 1975.

* * *

Ngày 30 tháng Tám năm 1975

Một ngày cuối tháng Tám, một thiếu nữ mười lăm tuổi bị giết chết ở Aurora. Cô gái tên là Nola Kellergan. Tất cả những miêu tả mà các bạn nghe được về cô ấy đều cho thấy đó là một thiếu nữ tràn trề nhựa sống và ước mơ.

Rất khó khoanh vùng nguyên nhân của cái chết chỉ ở những việc xảy ra trong ngày 30 tháng Tám năm 1975. Suy cho cùng, có thể tất cả đã xảy ra từ nhiều năm trước. Trong suốt những năm 1960, khi bố mẹ của Nola không nhìn thấy căn bệnh ẩn chứa ở con gái của họ. Có thể vào một đêm năm 1967, khi một chàng trai bị băng đảng côn đồ say rượu đánh bầm dập, và một trong những kẻ đó do hối hận và dằn vặt mà biến thành người nhu nhược, cố chuộc lại lỗi lầm nên đã thiết lập mối quan hệ gần gũi với nạn nhân. Hay cái đêm của năm 1969, khi người cha quyết định ngậm miệng giữ kín bí mật của con gái. Hoặc cũng có thể tất cả bắt đầu vào một chiều tháng Sáu năm 1975, khi Harry Quebert gặp Nola rồi ngay lập tức phải lòng cô bé. Đó là câu chuyện về cha mẹ không muốn nhìn nhận sự thật về con cái mình.

Đó là câu chuyện về một kẻ thừa kế giàu có, nổi máu côn đồ trong những năm tuổi trẻ, đã phá hủy giấc mơ của một thanh niên, từ đó sống trong nỗi ám ảnh tội lỗi.

Đó là câu chuyện của một người đàn ông mơ ước trở thành đại văn hào, đã để cho tham vọng dần dần tiêu hủy chính bản thân mình.

Bình minh ngày 30 tháng Tám năm 1975, một chiếc ô tô đỗ trước nhà số 245 Terrace Avenue. Luther Caleb đến để vĩnh biệt Nola. Anh ta cảm thấy rất hoang mang, không ý thức nổi họ yêu nhau thật hay là anh ta đang mơ; anh ta cũng không còn biết có phải chính họ đã viết cho nhau chừng ấy thư từ. Nhưng anh ta biết chắc một điều rằng Nola và Harry dự định sẽ bỏ đi cùng nhau hôm nay. Luther cũng vậy, cũng muốn bỏ New Hampshire mà đi, đi thật xa, xa khỏi Stern. Mọi ý nghĩ trong đầu anh ta lẫn lộn: người đàn ông mang lại cho anh tình yêu cuộc sống lại chính là kẻ đã cướp cuộc sống của anh. Thật là cơn ác mộng. Từ bây giờ, điều duy nhất quan trọng là kết thúc câu chuyện tình cảm của mình. Luther sẽ phải đưa cho Nola bức thư cuối cùng. Anh viết bức thư này đã từ ba tuần nay, viết từ khi nghe thấy Harry và Nola bàn kế hoạch bỏ trốn vào ngày 30 tháng Tám. Luther vội vàng kết thúc cuốn sách đang viết, thậm chí anh đã đưa cho Harry Quebert cả bản thảo gốc: anh muốn biết liệu cuốn sách có đáng gửi xuất bản hay không. Nhưng bây giờ chẳng còn gì có giá trị nữa. Thậm chí anh còn không thèm đi đòi lại tập bản thảo. Anh giữ lại một bản đánh máy, đóng lại đẹp đẽ, để cho Nola. Thứ Bảy này, ngày 30 tháng Tám, sẽ là ngày anh ta bỏ vào hòm thư của gia đình Kellergan bức thư cuối cùng để khép lại câu chuyện của họ, cũng khép lại luôn cuốn sách anh viết để cho Nola nhớ đến anh. Anh còn chưa biết nên đặt tựa đề gì cho cuốn sách. Sẽ chẳng bao giờ có cuốn sách đó, vậy thì cần gì đến tựa đề? Anh hoàn toàn hài lòng với dòng để tặng bên ngoài bìa sách để chúc Nola chuyến phiêu lưu tốt đẹp: *Vĩnh biệt, Nola yêu quý.*

Đỗ xe trên phố, anh đợi ngày sáng lên. Anh đợi Nola bước ra. Anh chỉ muốn biết chắc chính cô sẽ là người cầm cuốn sách. Kể từ khi họ viết thư cho nhau, lúc nào cũng chính là Nola ra tìm thư. Anh đợi; anh trốn thật kín, không ai được thấy anh, nhất là Travis Dawn tàn bạo, nếu không anh sẽ mất đầu. Đòn roi anh đã lãnh đủ cho cả đời.

Lúc 11 giờ, rớt cuộc Nola cũng ra khỏi nhà. Cô nhìn xung quanh như mọi khi. Nom Nola thật rạng rỡ. Cô mặc chiếc váy đỏ thật là tươi trẻ. Cô vội vàng ra hòm thư, mỉm cười khi nhìn thấy chiếc phong bì cùng một gói dày. Cô vội vàng bóc thư ra đọc và bỗng nhiên loạng choạng muốn ngã. Cô vội vàng chạy vào nhà, khóc nức nở. Họ sẽ không đi cùng nhau, Harry sẽ không đợi cô ở nhà nghỉ. Bức thư cuối cùng của anh là bức thư vĩnh biệt.

Cô chạy vào phòng riêng, ngã gục xuống giường, hoàn toàn bị nỗi buồn thống trị. Tại sao? Tại sao anh xua đuổi cô? Tại sao anh lại làm cô tin rằng họ sẽ yêu nhau mãi mãi? Cô giở tập giấy: vậy đây chính là cuốn sách mà anh chưa bao giờ cho cô biết? Nước mắt Nola lăn dài trên giấy làm nhòe cả chữ. Đây là tất cả thư từ của hai người, những bức thư ở đây cả, và bức thư cuối cùng để kết thúc cuốn sách: anh nói dối cô ngay từ đầu. Anh chưa bao giờ dự tính bỏ đi cùng với cô. Cô đau đầu quá, khóc nhiều quá và chỉ muốn chết vì quá đau đớn.

Cánh cửa phòng Nola nhẹ nhàng mở ra. Bố có nghe thấy tiếng khóc.

- Có chuyện gì xảy ra thế, con gái yêu của bố?
- Không có bố ạ.
- Đừng nói là không có gì, bố thấy rõ là có chuyện xảy ra
- Ôi, bố ơi, con buồn quá, buồn quá!

Nola lao ra ôm chầm lấy cổ ông mục sư.

– Thả nó ra! Bất chợt Louisa Kellergan hét lên. Nó không xứng đáng được nhận tình yêu! Thả nó ra, David, thả nó ra!

– Thôi đi nào Nola... Đừng thế nữa con!

– Im ngay đi, David! Ông thật đáng thương! Ông không biết gì cả! Bây giờ chính tôi, tôi phải kết thúc việc này.

– Nola, nhân danh Chúa! Hãy bình tĩnh con ơi! Hãy bình tĩnh con ơi! Bố sẽ không để cho con tự làm con đau đớn nữa.

– Cứ để mặc kệ mẹ con tôi, David! Louisa điên lên, dữ dằn đẩy chồng ra.

Ông bất lực lùi lại đến tận hành lang.

– Lại đây, Nola! Người mẹ hét lên. Lại đây! Mà sẽ thấy điều mà phải thấy!

Cửa phòng đóng lại. Vị mục sư hoàn toàn bất động. Ông chỉ có thể nghe thấy chuyện xảy ra bên trong qua vách ngăn.

– Mẹ ơi, hãy thương con! Dừng lại đi! Dừng lại đi!

– Này, mà phải nhận lấy điều này! Đây là điều người ta làm với đứa con dám giết mẹ nó.

Vị mục sư vội vàng đi vào gara, vặn to loa, nhạc kêu hết cỡ.

Suốt ngày hôm đó, âm nhạc khuấy động cả ngôi nhà và toàn bộ khu vực lân cận. Những người qua đường ném những ánh nhìn khó chịu không đồng tình về phía ô cửa sổ. Một số người nhìn nhau tỏ vẻ am hiểu: họ tỏ ra biết chuyện đang xảy ra trong nhà ông Kellergan mỗi khi có âm nhạc to như thế.

Luther không động đậy. Anh ta vẫn ngồi bên tay lái của chiếc Chevrolet đậu lẩn trong dãy xe ô tô nằm dọc vỉa hè, không rời mắt khỏi ngôi nhà. Tại sao cô ấy khóc? Cô ấy không thích bức thư của anh chẳng? Thế còn cuốn sách của anh? Cô ấy cũng

không thích nốt? Tại sao lại khóc? Anh đã tốn biết bao công sức như thế, đã viết cho cô hẳn một cuốn sách về tình yêu, tình yêu nhẽ ra không làm người ta khóc.

Anh cứ đợi như vậy cho tới tận 18 giờ. Anh còn không biết có nên tiếp tục đợi cho tới khi Nola xuất hiện lần nữa hay là đi thẳng tới bấm chuông cửa. Anh muốn gặp cô, nói cho cô biết không nên khóc. Chính lúc đó anh thấy cô xuất hiện trong vườn: cô đã đi ra bằng lối cửa sổ. Cô quan sát để chắc chắn không bị ai nhìn thấy rồi lén đi trên vỉa hè. Cô đeo chiếc túi da. Thế rồi, cô bắt đầu chạy. Luther nổ máy. Chiếc Chevrolet dừng lại khi chạy ngang hàng với cô.

– Luther phải không? Nola nói.

– Đừng khóc... Phôi đến để nói phớt em rằng không nên khóc.

– Ôi, Luther, có chuyện buồn khủng khiếp xảy ra với em... Cho em đi với! Cho em đi với!

– Em đi đâu?

– Đi xa khỏi đây.

Không đợi câu trả lời của Luther, Nola nhảy lên ngồi ngay trên ghế phụ.

– Chạy đi, Luther dũng cảm! Em phải tới nhà nghỉ Sea Side. Không thể có chuyện anh ấy không yêu em! Chúng em yêu nhau, không ai có thể yêu như thế!

Luther vâng lời. Cả anh ta lẫn Nola đều không nhận thấy xe cảnh sát đã đi tới ngã tư. Travis Dawn đi qua đi lại trước nhà ông Quinn không biết đến lần thứ bao nhiêu, chỉ để đợi Jenny ở nhà một mình để tặng cô ấy bó hoa hồng dại mà anh ta đã hái. Anh ta sửng sờ kinh ngạc khi nhìn thấy Nola trèo lên trên chiếc xe mà anh ta không hề biết. Rồi anh ta nhận ra Luther ngồi ở vị

trí lái xe. Anh ta nhìn theo chiếc Chevrolet xa dần, còn đợi thêm một chút trước khi quyết định đuổi theo: anh không được để mắt hút nó, nhưng nhất là không được áp sát quá. Anh quyết tìm hiểu điều gì thúc đẩy Luther có mặt thường xuyên ở Aurora. Hắn có tới để rình rập Jenny không? Tại sao hắn chờ Nola đi đâu? Hắn có ý định gây ra tội ác gì không? Vừa chạy, Travis Dawn vừa cầm điện đài: anh ta muốn gọi cứu viện cho chắc ăn. Nhưng ngay lập tức anh ta thay đổi ý định: anh ta không muốn đồng nghiệp làm phiền. Anh ta muốn giải quyết mọi việc theo cách riêng của mình: Aurora là một thành phố yên tĩnh cho nên anh sẽ làm một cách yên tĩnh. Anh sẽ dạy cho Luther một bài học, một bài học khiến hắn nhớ đời. Lần này sẽ là lần cuối cùng hắn đặt chân tới đây. Travis vẫn tiếp tục băn khoăn là tại sao Jenny lại đi phải lòng con quái vật này.

– Chính anh viết những bức thư này à? Nola hỏi trong ô tô khi nghe xong những lời giải thích của Caleb.

– Đúng.

Cô lấy mu bàn tay gạt nước mắt.

– Luther, anh thật là điên! Không được đi ăn cắp thư từ của người khác! Điều anh làm là không tốt.

Anh ta cúi đầu, xấu hổ.

– Phôi xin lỗi... Phôi cảm thấy quá cô đơn...

Cô đặt một bàn tay thân mật lên bờ vai vạm vỡ của anh.

– Thôi nào, chuyện không có gì nghiêm trọng cả, Luther! Bởi vì như vậy có nghĩa là Harry yêu em. Anh ấy đợi em! Chúng em sẽ ra đi cùng với nhau!

Chỉ ý nghĩ ấy cũng đủ làm Nola rạng rỡ hạnh phúc.

– Em thật may mắn, Nola.

– Bọn em yêu nhau... Chắc chắn bọn em sẽ không bao giờ cô

đơn.

Họ lăn bánh trên đường 1. Họ đã đi qua đoạn cắt ngang với đường vào Goose Cove.

– Vĩnh biệt Goose Cove! Nola hạnh phúc reo lên. Ngôi nhà này là nơi duy nhất ở đây em có những kỉ niệm hạnh phúc.

Nola phá lên cười. Không vì lí do gì. Luther cũng cười theo. Luther và Nola sẽ chia tay nhau, nhưng cuộc chia tay thật đẹp. Bất chợt, họ nghe thấy tiếng còi cảnh sát sau lưng. Họ đã đi tới bìa rừng, chính là nơi Travis quyết định bắt Caleb để dạy cho anh một bài học. Sẽ không có ai nhìn thấy họ trong rừng.

– Travis đây! Luther hét lên. Anh ta mà bắt được chúng ta thì chết!

– Sợ hãi lập tức xâm chiếm Nola.

– Ôi, không, cảnh sát! Luther, hãy làm gì đi.

Chiếc Chevrolet tăng tốc. Đây là loại xe rất mạnh. Travis tức tối báo động trên loa yêu cầu Luther phải đỗ lại bên vệ đường.

– Đừng dừng lại! Nola van xin. Phóng nhanh đi! Phóng nhanh đi!

Luther chạy nhanh hơn nữa. Chiếc Chevrolet bỏ xa xe của Travis thêm chút nữa. Sau Goose Cove, đường 1 trở nên uốn khúc: Luther bám sát theo đường và lợi dụng nó để bỏ xa hơn nữa, tiếng còi cảnh sát xa dần.

– Anh ta sẽ gọi cứu trợ, Luther nói. Nếu anh ta bắt được chúng ta, em sẽ không bao giờ đi với Harry được! Vậy thì chúng ta sẽ trốn vào rừng. Khu rừng rất rộng, không ai có thể tìm ra chúng ta trong đó. Em có thể đi bộ tới nhà nghỉ Sea Side. Nếu họ bắt anh, Nola, anh sẽ không nói gì hết. Anh sẽ không nói là có em. Như vậy, em có thể trốn đi với Harry.

– Ôi, Luther...

– Hãy hứa với anh là em sẽ giữ cuốn sách của anh nhé! Hãy hứa là giữ nó để nhớ tới anh.

– Em hứa.

Đúng lúc đó, Luther đột ngột bẻ tay lái, chiếc ô tô lao thẳng vào bụi rậm ở bờ rừng, rồi đổ lại sau những bụi cây gai rậm rạp. Họ vội vàng nhảy xuống xe.

– Chạy đi! Luther ra lệnh cho Nola! Chạy đi!

Họ giẫm lên những bụi rậm đầy gai. Váy Nola rách toạc, mặt đầy vết xước. Travis giận dữ. Hắn không còn nhìn thấy chiếc Chevrolet đen nữa. Hắn tiếp tục tăng tốc, không để ý thấy chiếc Chevrolet đen bị những lùm cây che khuất. Hắn tiếp tục đi thẳng trên đường 1.

Họ chạy xuyên qua khu rừng. Nola chạy trước, Luther chạy sau, anh gặp khó khăn hơn nhiều khi phải luôn lách giữa những cành cây thấp vì thân hình vạm vỡ của mình.

– Chạy đi Nola! Đừng dừng lại! Anh kêu lên.

Không để ý; họ đã đến gần bờ rừng, sát đường Side Creek.

Ở cửa sổ nhà bếp, bà Deborah Cooper đang nhìn vào trong rừng. Bất chợt, có cảm giác thấy cái gì động đậy, bà nhìn chăm chú hơn thì thấy một cô gái đang chạy hết sức, theo sau là một người đàn ông. Bà vội vàng chạy lại máy điện thoại và bấm số gọi cảnh sát.

Travis vừa mới dừng lại ở vệ đường thì nhận được điện thoại của ban chỉ huy trung tâm: một cô gái được phát hiện ở đường Side Creek, rõ ràng là bị một người đàn ông rượt đuổi. Viên cảnh sát Travis nhận lệnh, ngay lập tức quay lại theo đường Side Creek, bật đèn pha nhấp nháy và rú còi hú. Đi được nửa dặm, anh ta thấy một tia sáng phản quang: chính là cửa kính của chiếc Chevrolet màu đen giấu giữa bụi rậm! Travis dừng lại,

tiến tới chiếc xe, vũ khí lăm lăm trong tay: trong xe không có người. Ngay lập tức anh quay trở lại ô tô, phóng như điên đến tận nhà của bà Deborah Cooper.

Họ dừng lại gần bãi biển thở lấy hơi.

– Anh có nghĩ là mình thoát rồi không? Nola hỏi Luther.

Anh ta dỏng tai lên nghe ngóng: hoàn toàn tĩnh lặng.

– Phình phải đợi phở đây một chút, anh nói. Trong rừng, chúng ta sẽ được che chở.

Tim Nola đập mạnh. Cô nghĩ tới Harry, nghĩ tới mẹ. Cô nhớ mẹ.

– Cô gái mặc váy đỏ, bà Deborah Cooper giải thích với viên cảnh sát Dawn. Cô ta chạy theo hướng ra biển. Một người đàn ông bám theo sau. Tôi nhìn không rõ lắm. Nhưng anh ta có vẻ vạm vỡ.

– Chính là hai người đó, viên cảnh sát nói. Tôi có thể sử dụng điện thoại ở đây được không?

– Tất nhiên rồi.

Travis gọi điện thoại về nhà Cảnh sát trưởng Pratt.

– Thưa Cảnh sát trưởng, tôi rất tiếc phải làm phiền ông ngày nghỉ, nhưng có một vụ nghiêm trọng. Tôi bắt gặp Luther Caleb ở Aurora

– Lại gặp nữa à?

– Vâng, nhưng có điều lần này hắn bắt Nola Kellergan lên ô tô của hắn. Tôi cố gắng đánh chặn nhưng hắn đã vượt qua tôi. Hắn trốn trong rừng cùng cô bé Nola. Tôi tin rằng hắn... Khu rừng rậm rạp lắm, thưa sếp, một mình tôi không làm gì được.

– Mẹ kiếp. Cậu gọi tôi là rất đúng! Tôi đến ngay đây.

– Bọn em sẽ đi Canada. Em rất thích Canada. Chúng em sẽ

sống trong một ngôi nhà nhỏ bên bờ hồ. Chúng em sẽ vô cùng hạnh phúc.

Luther mỉm cười. Ngôi trên thân cây chết, anh lắng nghe những giấc mơ của Nola.

– Một phụ định phép quá, anh ta nói.

– Vâng.

– Máy giờ rồi ạ?

– Gần 18 giờ 45 phút.

– Vậy em phải đi thôi. Em hẹn lúc 19 giờ, phòng số 8. Dù sao thì chúng ta cũng không còn rủi ro gì nữa.

Nhưng đúng lúc đó, họ nghe thấy tiếng động. Sau đó họ nghe thấy có tiếng nói.

– Cảnh sát! Nola lo sợ.

Cảnh sát trưởng Pratt và Travis đang lùng sục khu rừng; họ đi dọc theo bờ rừng rồi tiến sâu vào bên trong, dùi cui trong tay.

– Hãy đi đi, Nola, Luther nói. Đi đi, anh phở lại đây.

– Không, em không thể bỏ mặc anh!

– Đi đi, lạy Chúa! Đi đi. Em sẽ có đủ thời gian để đi tới tận nhà nghỉ. Harry đã phở đó! Phuôn ngay đi! Phạy thật nhanh. Em phạy ngay đi và chúc em phạnh phúc.

– Luther, em...

– Vĩnh biệt, Nola. Hãy hạnh phúc nhé. Hãy yêu cuốn sách của anh như anh đã muốn em yêu anh.

Nola khóc. Cô giơ tay vẫy và biến mất giữa những thân cây.

Hai viên cảnh sát tiến sâu vào trong rừng. Khoảng vài trăm mét sau, họ đã nhận thấy có bóng người.

– Chính là Luther ! Travis gầm lên. Nó đấy!

Anh ngồi trên gốc cây, không động đậy. Travis vội vàng xông lại phía anh, tóm tay anh.

– Đứa bé gái đâu rồi? Travis vừa lay vừa hét lên.

– Đứa bé gái nào? Luther hỏi.

Anh cố gắng đếm trong đầu thời gian cần thiết để Nola có thể đi tới nhà nghỉ.

– Nola đâu? Mà đã làm gì cô bé? Travis nhắc lại.

Vì Luther không trả lời, Cảnh sát trưởng Pratt, đi đến từ phía sau, đập dùi cui thật mạnh vào đầu Luther, khiến đầu gối anh ta vỡ nát.

Nola nghe thấy tiếng hét. Ngay lập tức, cô dừng lại, co rúm người. Họ đã tìm thấy Luther, đã đánh anh ấy. Cô do dự giây lát: cô phải quay lại, phải gặp cảnh sát. Thật bất công nếu vì cô mà Luther gặp phiền toái. Nola muốn quay trở lại chỗ gốc cây chết, nhưng bất chợt cô cảm thấy một bàn tay túm lấy vai mình. Cô giật mình quay lại:

– Mẹ à? Cô nói.

Hai đầu gối đã bị vỡ nát, Luther lăn lóc trên mặt đất rên rỉ. Travis và Pratt lần lượt thay phiên nhau nện dùi cui vào người anh.

– Mà đã làm gì Nola? Travis hét lên. Mà làm điều gì xấu cho cô ấy hả? Mà là thằng mất dạy đồ đốn? Sao mà làm điều xấu cho cô ấy hả?

Luther hét lên sau mỗi một cú đòn, van xin hai tên cảnh sát dừng tay.

– Mẹ ơi?

– Con làm gì ở đây vậy, con gái yêu của mẹ? bà hỏi.

– Con đang bỏ trốn.

- Tại sao?
- Vì con muốn gặp Harry. Con yêu anh ấy biết chừng nào.
- Con không được để bố con một mình. Bố con sẽ vô cùng bất hạnh nếu không có con. Con không thể bỏ đi như vậy được.
- Mẹ, mẹ ơi, con xin lỗi vì điều con đã làm.
- Mẹ tha lỗi cho con, con gái yêu của mẹ. Nhưng con phải dừng ngay điều xấu con đang làm.
- Vâng ạ.
- Con có hứa với mẹ không?
- Con hứa với mẹ, thưa mẹ. Bây giờ con phải làm gì?
- Hãy quay trở về nhà với bố con, bố con cần có con.
- Thế còn Harry? Con không muốn mất anh ấy.
- Con không mất anh ấy được. Anh ấy sẽ chờ con.
- Thật chứ?
- Đúng vậy. Anh ấy sẽ đợi con cho đến hết cuộc đời.

Nola còn nghe thấy những tiếng kêu. Luther! Ba chân bốn cẳng cô chạy lại phía gốc cây chết. Cô hét lên, cô hét lên hết sức để những tiếng đánh đập kia dừng lại. Cô hiện ra giữa lùm cây. Luther nằm thẳng cẳng, đã chết rồi. Trước anh ta, Cảnh sát trưởng Pratt và gã nhân viên cảnh sát Travis đang tái mặt nhìn xác chết. Máu me khắp nơi.

- Các anh làm gì thế? Nola hét lên.
- Nola? Pratt nói. Nhưng...
- Các anh giết chết Luther rồi!

Nola lao vào Pratt, hấn tát cô một cái như trời giáng khiến cô văng ra xa. Ngay lập tức, máu từ mũi cô chảy ra. Cô run lên vì sợ hãi.

– Xin lỗi Nola, tôi không muốn làm cô đau, Pratt lúng búng.
Cô lùi lại.

– Các anh... các anh đã giết chết Luther!

– Hãy đợi đã, Nola!

Nola bỏ chạy thục mạng. Travis cố gắng túm tóc cô; hấn nhỏ được một nắm tóc vàng.

– Tóm lấy cô ta, mẹ kiếp! Pratt hét lên với Travis. Hãy tóm lấy cô ta.

Nola luôn lách giữa những bụi cây, má rách toạc vì gai cửa. Cô chạy xuyên qua hàng cây cuối cùng. Một ngôi nhà. Một ngôi nhà! Cô vội vàng chạy vào nhà bếp. Mũi cô vẫn tiếp tục chảy máu. Mặt cô cũng dính đầy máu. Bà Deborah Cooper mở cửa. Bà hoảng sợ, cho cô vào nhà.

– Cứu với, Nola rên rỉ. Xin hãy gọi cứu trợ.

Bà Deborah vội vàng tới chỗ máy điện thoại một lần nữa gọi báo cảnh sát.

Nola cảm thấy một bàn tay chặn ngang cổ họng. Bằng một động tác mạnh, Travis nhấc cô lên. Cô chống chọi lại, nhưng hấn siết cô quá chặt. Hấn không kịp ra khỏi nhà, bà Deborah Cooper quay trở lại phòng khách. Bà hét lên hoảng sợ.

– Bà đừng sợ, Travis lúng búng. Tôi là cảnh sát. Mọi chuyện đều ổn.

– Cứu với! Nola hét lên và cố gắng vùng thoát thân. Họ giết người! Hai tên cảnh sát này đã giết chết một người! Có một người đàn ông chết trong rừng!

Giây phút trôi qua, rất khó có thể nói bao nhiêu thời gian đã trôi qua. Bà Deborah Cooper và Travis nhìn chăm chăm vào nhau trong yên lặng: bà không dám đi ra phía chiếc điện thoại,

còn hấn không dám chạy trốn. Rồi một tiếng súng vang lên, bà Deborah Cooper ngã vật xuống đất. Cảnh sát trưởng Pratt vừa hạ gục bà bằng vũ khí công vụ.

– Ông điên rồi! Travis hét lên. Hoàn toàn điên rồi! Tại sao ông lại làm như vậy?

– Chúng ta không có lựa chọn nào khác, Travis ạ. Anh biết là điều gì sẽ xảy đến với chúng ta nếu bà già kể lại mọi chuyện...

Travis run rẩy.

– Bây giờ chúng ta làm gì? Travis hỏi.

– Tôi không biết.

Nola, kinh hoàng, dồn toàn bộ sức lực của nỗi tuyệt vọng, lợi dụng lúc đó thoát khỏi tay Travis. Trước khi Cảnh sát trưởng Pratt có đủ thời gian phản ứng, cô nhảy ra bên ngoài qua cửa bếp. Bị mất thăng bằng ở bậc cầu thang, cô ngã xuống. Ngay lập tức, cô đứng dậy, nhưng đôi tay sắt của tên Cảnh sát trưởng đã tóm tóc cô. Cô hét lên, cắn vào tay hấn. Pratt buộc phải thả cô ra, nhưng cô không có đủ thời gian để vùng chạy: Travis đã đập thẳng dùi cui vào gáy cô. Nola ngã sõng soài xuống nền đất. Hấn lúi lại, hoảng hốt. Máu chảy tràn khắp nơi. Cô gái đã chết.

Travis cúi xuống thi thể giây lát. Hấn cảm thấy buồn nôn. Pratt run rẩy. Từ trong rừng, có tiếng chim hót líu lo.

– Chúng ta đã làm gì vậy, sếp? Travis thì thầm, mặt mũi xám ngoét.

– Bình tĩnh. Bình tĩnh. Không phải lúc để sợ.

– Vâng, sếp.

– Phải vứt xác của Caleb và Nola, đây sẽ là ghế điện đầy, cậu hiểu chưa.

– Vâng, sếp, thế còn bà Cooper?

– Chúng ta sẽ làm cho mọi người tưởng là một vụ giết người. Một vụ cướp đổi hướng xấu. Cậu phải làm chính xác những gì tôi nói.

– Vâng, sếp, tôi sẽ làm tất cả những gì cần thiết.

– Cậu sẽ nói mình nhìn thấy ô tô của Caleb gần đường 1.

– Vâng. Có chìa khóa cắm ở ổ.

– Tốt. chúng ta sẽ để xác chết vào xe ô tô. Chúng ta sẽ mang vứt nó, đồng ý không?

– Được.

– Ngay khi cậu đi khỏi đây, tôi sẽ yêu cầu cứu trợ để không ai nghi ngờ chúng ta. Cần phải làm mọi việc thật khẩn trương, rõ chưa? Khi đội cứu trợ đến, cậu đã đi xa rồi. Trong đám đông, sẽ không ai nhận ra là cậu không có mặt ở đây nữa.

– Vâng, sếp... nhưng tôi nghĩ là bà Cooper đã gọi cảnh sát một lần nữa.

– Mẹ kiếp, phải nhanh lên mới được.

Bọn chúng kéo xác của Luther và Nola tới tận chiếc Chevrolet. Sau đó, Pratt chạy trốn xuyên qua rừng. Hắn cầm điện đàm báo trung tâm rằng hắn vừa phát hiện bà Deborah Cooper bị hạ sát bằng một phát đạn.

Travis ngồi vào tay lái của chiếc Chevrolet đen và nổ máy. Đúng lúc vừa ra khỏi bụi rậm, thì hắn gặp một đội tiếp viện được cử đến sau khi nhận cú điện thoại lần thứ hai của bà Deborah Cooper.

Pratt đang liên lạc với trung tâm thì nghe thấy tiếng còi báo động của cảnh sát ở gần. Có một cuộc rượt đuổi trên đường 1 giữa một xe cảnh sát và một chiếc Chevrolet Monte Carlo màu đen được phát hiện trên đường Side Creek. Cảnh sát trưởng

Pratt thông báo sẽ tới cứu trợ ngay lập tức. Hắn nổ máy, bật đèn nhấp nháy, đi bằng con đường rừng chạy song song. Khi ra đến đường 1, hắn suýt đâm phải Travis. Họ hoảng hồn nhìn nhau giây lát.

Trong cuộc rượt đuổi, Travis đã bất ngờ bỏ xa xe cảnh sát. Hắn lại lên đường 1, đi theo hướng nam và rẽ vào Goose Cove. Pratt theo sát, giả vờ là đang đuổi theo hắn. Hắn thông báo những định vị sai lạc vào điện đàm, giả vờ đang ở trên đường Montburry. Hắn tắt còi hụ, lẩn vào đường Goose Cove và gặp lại Travis trước ngôi nhà. Cả hai người đàn ông bước ra khỏi xe, hoảng hốt, hoàn toàn thất vọng.

– Cậu có bị điên không mà dừng lại ở đây? Pratt hỏi.

– Quebert không có nhà, Travis trả lời. Tôi biết là hắn vắng mặt khỏi thành phố ít lâu. Hắn nói với Jenny Quinn và cô ấy báo lại với tôi.

– Tôi đã yêu cầu đặt rào chắn trên mọi nẻo đường. Tôi bắt buộc phải làm vậy.

– Mẹ kiếp! Mẹ kiếp! Travis rên rỉ. Tôi vào đường cùng rồi! Thế chúng ta làm gì bây giờ?

Pratt nhìn xung quanh. Hắn thấy nhà xe trống.

– Hãy để xe vào trong kia, khóa cửa lại rồi khẩn trương quay trở lại Đường Side Creek bằng đường biển. Hãy quay lại đó, giả vờ tìm tòi trong nhà bà Cooper. Tôi sẽ tiếp tục cuộc rượt đuổi. Chúng ta sẽ vứt xác chết trong đêm nay. Cậu có cái áo vét nào trong xe ô tô không?

– Có.

– Mặc nó vào đi. Người cậu đầy máu.

Mười lăm phút sau, trong khi Pratt gặp đội tiếp viện ở gần Montburry thì Travis mặc áo vét, cùng với những đồng nghiệp

vừa mới xuất hiện, đang vây xung quanh đường Side Creek, nơi vừa mới tìm thấy xác chết của Deborah Cooper.

Vào giữa đêm, Travis và Pratt quay trở lại Goose Cove. Họ chôn Nola cách nhà hai chục mét. Pratt là người khoan vùng phạm vi tìm kiếm cùng đại úy Rodik, cảnh sát bang: ông ta biết rằng Goose Cove không thuộc địa hạt của bang, sẽ không ai đến đây tìm kiếm. Nola vẫn mang bên mình chiếc túi đeo da và họ đã chôn nó cùng với cô bé, thậm chí không thèm nhìn xem có gì bên trong.

Khi cái lỗ được lấp kín, Travis lên chiếc Chevrolet đen lái đi và biến mất trên đường 1, xác chết của Luther nằm trong cốp xe. Hắn đi vào bang Massachusetts. Trên đường đi, hắn đã phải vượt qua hai trạm chặn của cảnh sát.

– Giấy tờ xe, lần nào các nhân viên cảnh sát cũng hỏi về vẻ mặt bình tĩnh khi nhìn thấy chiếc ô tô.

Và mỗi lần như vậy, Travis đều chìa thẻ cảnh sát ra và nói:

– Cảnh sát Aurora đây, anh em. Chính tôi đang trên đường đuổi theo kẻ giết người.

Các cảnh sát đều chào đồng nghiệp với vẻ kính trọng, lại còn chúc anh ta can đảm đuổi bắt được tội phạm.

Travis chạy xe đến tận thành phố nhỏ ven biển mà anh ta rất thông thuộc. Sagamore. Anh ta chạy theo đường dọc bờ biển, con đường này chạy dọc theo vách đá Sunset Cove. Có một bãi đỗ xe bỏ hoang không có người. Ban ngày, khung cảnh từ đây rất tuyệt vời; anh ta vẫn thường mong ước có dịp đưa Jenny tới đây để dã ngoại thật lãng mạn. Anh ta dừng xe, đặt Luther vào ghế lái, dốc vào miệng Luther chai rượu rởm. Xong đâu đó, anh ta để ô tô vào vị trí chết và đẩy: mới đầu nó chạy từ từ trên dốc đầy cỏ, rồi lao xuống mồm đá và biến mất trong khoảng không

giống như một tai nạn.

Sau đó, anh ta đi xuống đoạn đường phía dưới khoảng vài trăm mét. Một chiếc ô tô đã đợi sẵn bên đường. Anh ta nhảy lên trên ghế phụ, người túa đâm mồ hôi và đầy máu.

– Xong rồi, Travis nói với Pratt đang ngồi ở ghế lái.

Cảnh sát trưởng nổ máy.

– Không bao giờ chúng ta được nói về điều đã xảy ra, Travis. Khi chiếc ô tô được phát hiện, phải bịt kín mọi chuyện. Không có thủ phạm, đó là cách duy nhất để không có nguy cơ phải lo lắng. Hiểu chưa?

Travis gật đầu. Anh ta đút tay vào túi quần, nắm chặt sợi dây chuyền mà anh ta đã bí mật lấy từ cổ Nola lúc chôn cô bé. Sợi dây chuyền xinh xắn bằng vàng có khắc tên NOLA.

* * *

Harry ngồi lại trên tràng kỉ.

– Vậy là họ đã giết chết Nola, Luther và Deborah Cooper.

– Vâng, và họ đã sắp xếp để cho cuộc điều tra không bao giờ đi đến bất kì một kết luận gì. Harry, thầy biết Nola có những lúc bị tâm thần phải không? Chính thầy đã nói với mục sư Kellergan hồi đó...

– Tôi không biết gì về vụ hỏa hoạn. Nhưng tôi khám phá ra rằng Nola có những điểm yếu khi đến nhà ông Kellergan để giải quyết chuyện Nola bị đối xử tàn tệ. Tôi có hứa với Nola rằng tôi sẽ không đi gặp bố mẹ cô ấy, nhưng tôi không thể không làm gì, anh hiểu chứ? Chính từ đó mà tôi hiểu ra rằng bố mẹ của Nola thực ra chỉ còn có mỗi ông mục sư mà thôi. Ông ta góa bụa đã

từ sáu năm nay và hoàn toàn không biết phải làm gì trước tình trạng đó. Ông ta... ông ta từ chối không chịu nhìn sự thật một cách trực diện. Tôi sẽ phải mang Nola đi xa Aurora, để chữa bệnh cho cô ấy.

– Vậy thì, vụ bỏ trốn đó là để đi chữa bệnh cho cô ấy à...

– Đối với tôi, đó là lí do chính. Chúng tôi sẽ đi gặp những bác sĩ tốt nhất và cô ấy sẽ được chữa trị! Nola là một cô gái phi thường, Marcus ạ! Cô ấy đã biến tôi trở thành một nhà văn lớn, còn tôi sẽ xua đuổi những ý nghĩ xấu xa trong đầu Nola! Cô ấy đã mang cảm hứng đến cho tôi, cô ấy đã định hướng dẫn dắt tôi. Cô ấy đã định hướng cả cuộc đời tôi! Anh biết điều đó chứ, phải không nào? Anh hiểu rõ điều đó hơn bất kì ai.

– Vâng, Harry. Nhưng tại sao thầy lại không bao giờ nói với em?

– Tôi cũng đã muốn nói với anh! Nhẽ ra tôi đã nói với anh nếu như không có vụ các trang bản thảo của anh bị mất. Lúc đó, tôi nghĩ anh phản bội niềm tin của tôi. Tôi vô cùng giận anh. Tôi muốn cho cuốn sách của anh sẽ là sự thất bại: tôi biết không còn ai coi anh là nghiêm túc sau câu chuyện về người mẹ. Đúng là vậy đây: tôi muốn cuốn sách thứ hai của anh sẽ là một thất bại. Suy cho cùng thì cũng giống như cuốn sách thứ hai của tôi.

Chúng tôi ngồi im lặng một lúc lâu.

– Tôi cảm thấy rất đáng tiếc, Marcus ạ. Tôi tiếc cho tất cả. Anh phải rất thất vọng về tôi...

– Không.

– Tôi biết anh thất vọng về tôi. Anh đã đặt biết bao nhiêu hi vọng vào tôi. Tôi xây dựng đời tôi trên một điều dối trá!

– Em lúc nào cũng kính phục thầy, Harry. Không quan trọng là thầy viết hay không viết cuốn sách đó. Chính thầy là người

dạy em biết bao điều về cuộc sống. Điều này thì không ai có thể phủ nhận được.

– Không, Marcus. Anh sẽ không bao giờ còn nhìn tôi như trước nữa. Anh biết điều đó. Tôi chỉ còn là một kẻ đại bịp đáng khinh! Một kẻ mạo nhận! Đây chính là lí do tại sao tôi nói chúng ta sẽ không còn có thể là bạn bè được nữa: tất cả đã kết thúc. Tất cả đã kết thúc, Marcus ạ. Anh đang trên đường trở thành nhà văn tuyệt vời, còn tôi chẳng còn là gì nữa. Anh là nhà văn thực sự, còn tôi chưa bao giờ như vậy. Anh đấu tranh cho cuốn sách của anh, anh là người tự đấu tranh để tìm lại cảm hứng, đã vượt qua trở ngại! Trong khi đó thì tôi, khi ở trong cùng hoàn cảnh như anh, tôi đã phản bội.

– Harry, em...

– Cuộc đời là như vậy, Marcus. Anh biết rằng tôi có lí. Từ bây giờ anh không bao giờ có thể nhìn thẳng vào mặt tôi được nữa. Còn tôi, tôi sẽ không thể nhìn anh mà không cảm thấy một sự đố kỵ, sự đố kỵ hủy diệt, bởi vì anh đã thành công ngay chỗ tôi thất bại.

Ông ôm lấy tôi.

– Harry, tôi thì thâm. Em không muốn mất thầy.

– Anh biết tự xoay xở rất tốt, Marcus ạ. Anh đã trở thành người đàn ông xuất sắc. Nhà văn xuất sắc. Anh sẽ giải quyết mọi việc tuyệt vời. Tôi biết điều đó. Từ bây giờ, con đường của chúng ta đã đổi hướng mãi mãi. Người ta gọi thế là số phận. Số phận của tôi không bao giờ trở thành nhà văn lớn. Thế mà tôi lại đã cố gắng thay đổi số phận của mình: tôi đã ăn cắp một cuốn sách, tôi đã nói dối trong suốt ba mươi năm. Nhưng số phận thì không thể chinh phục được: rốt cuộc nó luôn luôn chiến thắng.

– Harry...

– Marcus ạ, số phận của anh luôn luôn là nhà văn. Lúc nào tôi cũng biết điều đó. Và tôi cũng luôn luôn biết rằng, cái thời điểm mà chúng ta đang trải qua bây giờ sẽ đến.

– Thầy lúc nào cũng là bạn của em, Harry.

– Marcus, hãy kết thúc cuốn sách của anh đi. Cuốn sách về tôi, hãy kết thúc nó đi! Bây giờ thì anh đã biết hết, anh kể lại sự thật với toàn bộ thế giới này. Sự thật sẽ giải phóng cho tất cả chúng ta. Hãy viết sự thật về Vụ án Harry Quebert. Hãy giải thoát tôi khỏi nỗi đau khổ đã gặm nhấm tôi từ ba mươi năm nay. Đây là điều cuối cùng mà tôi yêu cầu ở anh.

– Nhưng như thế nào? Em không thể xóa đi quá khứ.

– Không, nhưng anh có thể thay đổi hiện tại. Đó chính là quyền lực của nhà văn. Thiên đường của các nhà văn, anh có nhớ chứ? Tôi biết rằng anh biết cách làm.

– Harry, thầy chính là người dạy em khôn lớn và trưởng thành! Chính thầy đã khiến em trở thành như bây giờ!

– Đó chỉ là ảo tưởng thôi, tôi chẳng làm gì cả, Marcus ạ. Anh biết cách tự lớn lên.

– Không! Hoàn toàn sai! Em đã theo các lời khuyên nhủ của thầy! Em đã theo ba mươi một lời khuyên của thầy! Chính nhờ vậy mà em mới viết được cuốn sách đầu tiên! Và cả cuốn thứ hai! Và tất cả những cuốn khác nữa! Ba mươi một lời khuyên của thầy, Harry, thầy nhớ chứ?

Ông nở một nụ cười buồn.

– Tất nhiên là tôi nhớ chứ, Marcus.

* * *

Burrows, Noel năm 1999.

– Chúc mừng Giáng sinh, Marcus!

– Ôi, một món quà à thầy Harry? Em cảm ơn thầy, cái gì thế ạ?

– Mở ra đi. Một máy ghi âm nhỏ. Hình như đây đang là công nghệ hiện đại nhất. Anh suốt ngày lãng phí bao nhiêu thời gian ghi ghi chép chép tất cả những điều tôi kể cho anh nghe, nhưng rồi sau đó, anh lại mất hết các trang giấy ghi chép làm tôi lại phải nhắc lại. Tôi nghĩ thay vì thế anh có thể ghi âm lại tất cả.

– Tốt quá, thế bắt đầu đi ạ.

– Cái gì?

– Hãy cho em lời khuyên đầu tiên. Em sẽ ghi lại cẩn thận tất cả các lời khuyên của thầy.

– Được, thế lời khuyên loại gì?

– Em không biết... Lời khuyên dành cho nhà văn. Và dành cho người đấm bốc. Lời khuyên cho con người.

– Nhiều như thế á? Thôi được. Thế anh muốn bao nhiêu?

– Ít nhất là một trăm.

– Một trăm? Tôi cũng phải giữ lại để còn có cái dạy anh sau này nữa chứ.

– Thầy lúc nào cũng có cái gì đó để dạy em. Thầy là Harry Quebert vĩ đại.

– Tôi sẽ cho anh ba mươi mốt lời khuyên. Tôi sẽ dần dần đưa ra trong các năm tới. Không phải đưa luôn một lúc đâu.

– Tại sao lại là ba mươi mốt?

– Bởi vì ba mươi mốt là số tuổi quan trọng. Độ tuổi lên mười sẽ rèn luyện anh thành đứa trẻ. Độ tuổi hai mươi sẽ rèn luyện anh thành người lớn. Độ tuổi ba mươi sẽ khiến anh có trở

thành một người đàn ông hay không. Và ba mươi một có nghĩa là anh đã vượt qua thử thách đó. Anh tưởng tượng anh sẽ như thế nào khi ba mươi một tuổi?

– Giống như thầy.

– Thôi nào, đừng có nói linh tinh nữa. Hãy ghi âm đi thì hơn. Tôi sẽ đi theo trình tự giảm dần. Lời khuyên thứ ba mươi một: đó sẽ là lời khuyên liên quan tới các cuốn sách. Vậy thì đây, lời khuyên 31: Marcus ạ, chương đầu tiên là chương chính yếu của truyện. Nếu độc giả không thích chương đầu thì họ sẽ không đọc phần còn lại. Anh tính sẽ bắt đầu cuốn sách thế nào đây?

– Em không biết thầy Harry ạ. Thầy có nghĩ là một ngày nào đó em sẽ làm được không?

– Làm được cái gì?

– Viết được một cuốn sách

– Chắc chắn rồi, Marcus ạ.

* * *

Ông nhìn tôi hồi lâu và mỉm cười.

– Anh sắp ba mươi một tuổi, Marcus ạ. Thế là chúng ta đã tới nơi rồi: anh đã trở thành một người đàn ông tuyệt vời. Trở thành Siêu Nhân, điều đó chẳng là gì cả, nhưng trở thành một người đàn ông tuyệt vời là vương miện cho cả một quá trình đấu tranh lâu dài và tuyệt diệu của anh đối với chính bản thân anh. Tôi rất tự hào về anh.

Ông khoác áo vét lên và buộc lại khăn quàng cổ.

– Thầy đi đâu vậy, Harry?

- Tôi phải đi bây giờ.
- Đừng đi! Hãy ở lại đây!
- Tôi không thể.
- Hãy ở lại đây, thầy Harry! Hãy ở lại đây thêm chút nữa!
- Tôi không thể.
- Em không muốn mất thầy!
- Tạm biệt, Marcus. Trong suốt cuộc đời, anh là cuộc gặp gỡ đẹp nhất đời tôi.
- Thầy đi đâu ạ?
- Tôi phải đi đợi Nola ở đâu đấy.

Thầy ôm tôi vào lòng.

- Hãy tìm lấy tình yêu, Marcus. Tình yêu mang lại ý nghĩa cho cuộc sống. Khi người ta yêu, người ta trở nên mạnh mẽ hơn! Người ta sẽ lớn hơn! Người ta sẽ đi xa hơn!
- Harry! Đừng bỏ em!
- Tạm biệt, Marcus.

Thầy ra đi. Thầy vẫn để cửa bỏ ngõ phía sau lưng không đóng lại và tôi cứ để nó như thế rất lâu. Bởi đó là lần cuối cùng tôi gặp người thầy và người bạn Harry Quebert của tôi.

* * *

Tháng Năm năm 2002, chung kết cuộc thi đấm bốc liên trường đại học

- Marcus, anh sẵn sàng rồi chứ? Chúng ta sẽ lên võ đài trong ba phút nữa.
- Em sợ, thầy Harry.

– Tôi tin chắc là như vậy. Thế thì càng tốt: khi không sợ thì người ta không thể chiến thắng. Đừng có quên, đám bốc giống như khi viết một cuốn truyện vậy... anh có nhớ không? Chương 1, Chương 2...

– Vâng. Một; tấn công liên tục. Hai, hạ gục đối phương...

– Rất tốt, vô địch. Thôi nào, sẵn sàng chứ? Hây da, chúng ta đang ở cuộc đấu chung kết giải vô địch, Marcus ạ! Trận chung kết! Thử nghĩ xem, chỉ mới cách đây ít lâu, anh còn đang đấm bao cát, thế mà bây giờ anh đấu ở trận chung kết! Anh có nghe thấy loa gọi không: “Marcus Goldman và huấn luyện viên Harry Quebert, trường đại học Burrows”. Đến lượt chúng ta rồi! Tiến lên!

– Đợi đã, thầy Harry...

– Cái gì?

– Em có quà tặng cho thầy.

– Một món quà? Anh có chắc bây giờ là đúng lúc không đây?

– Tuyệt đối đúng. Em muốn đưa cho thầy trước trận đấu. Nó ở trong túi em, lấy ra đi. Em không thể lấy đưa cho thầy được, tại vì em đang đeo găng rồi.

– Một chiếc đĩa à?

– Vâng, một đĩa tuyển chọn! Ba mươi một câu quan trọng nhất của thầy. Về đám bốc, về cuộc sống, về tiểu thuyết.

– Cảm ơn, Marcus. Tôi cảm động quá. Sẵn sàng chiến đấu chưa?

– Hơn bao giờ hết...

– Thế thì chúng ta đi thôi...

– Đợi đã, vẫn còn một câu hỏi mà em còn thắc mắc...

– Marcus! Đến giờ rồi!

- Nhưng rất quan trọng! Em đã nghe lại tất cả các đĩa ghi âm rồi mà không bao giờ thấy thầy trả lời.
- Thế thì nói đi, tôi nghe đây.
- Harry, làm sao mình có thể biết một cuốn sách đã được viết xong?
- Một cuốn sách cũng giống như một cuộc đời, Marcus. Nó không bao giờ thực sự kết thúc.

Lời Kết

Tháng Mười Năm 2009

(Một năm sau khi xuất bản sách)

“Một cuốn sách hay, Marcus ạ, không phải chỉ được đo bằng những từ ngữ cuối cùng của nó, mà là hiệu quả của tất cả những từ ngữ trước đó. Khoảng nửa giây sau khi đã kết thúc cuốn sách của anh, sau khi đọc xong lời kết, độc giả phải cảm thấy tràn ngập một cảm xúc mạnh mẽ; trong vòng một giây, độc giả không thể làm gì khác ngoài việc chỉ nghĩ đến tất cả những gì cuốn sách vừa viết ra, nhìn trang bìa và mỉm cười buồn bã bởi vì độc giả sẽ phải nhớ nhung tất cả những nhân vật trong sách. Một cuốn sách hay, Marcus ạ, là một cuốn sách mà người ta sẽ cảm thấy tiếc khi đọc xong”.

Bãi biển Goose Cove, ngày 17 tháng Mười năm 2009

- Có tin đồn anh vừa viết xong một bản thảo mới, nhà văn ạ.
- Chính xác.

Tôi đang đứng với Gahalowood, trước biển, chúng tôi cùng uống bia và nhìn mặt trời đang xuống thấp dần ở phía chân trời.

- Lại một thành công lớn nữa của Marcus Goldman tài năng. Gahalowood thán phục kêu lên. Cuốn sách viết gì?
- Hẳn là anh đọc nó rồi. Anh còn xuất hiện trong đó nữa là đằng khác.
- Thật à? Tôi có thể ngó qua một chút được không?
- Trong mơ cũng không được, trung sĩ ạ.

- Dù sao đi chăng nữa, nếu nó tồi, anh sẽ phải trả lại tôi tiền.
- Goldman sẽ không bao giờ trả lại tiền nữa đâu, trung sĩ ạ.

Anh ta mỉm cười.

- Anh nhà văn này, hãy nói cho tôi biết, ai mớm cho anh ý tưởng xây lại ngôi nhà này làm thành nhà nghỉ viết văn cho giới trẻ vậy?

- Chỉ là ý tưởng của tôi vậy thôi.

- Ngôi nhà Harry Quebert dành cho nhà văn. Tôi thấy thật là cao cấp sang trọng. Suy cho cùng, các anh là những nhà văn, các anh là một loại người sống sung sướng. Đến đây để ngắm cảnh biển trời và viết sách, tôi cũng thấy sướng, tôi cũng thích làm nghề này... Anh đọc bài trong tờ New York Times hôm nay chưa?

- Chưa.

Anh ta lấy tờ báo ở trong túi ra và giở ra đọc:

Trên trang nhất: Những chú mòng biển ở Aurora, tiểu thuyết mới dứt khoát phải đọc. Luther Caleb, bị kết án oan ức về cái chết của Nola Kellergan, là nhà văn tài năng đặc biệt mà không được biết tới. Để tưởng nhớ tác giả, nhà xuất bản Schmid & Hanson đã trả lại công lý cho anh bằng cách xuất bản cuốn tiểu thuyết xuất sắc của anh về câu chuyện giữa Nola Kellergan và Harry Quebert. Cuốn tiểu thuyết tuyệt vời này kể về việc Harry Quebert đã lấy cảm hứng như thế nào từ mối quan hệ của ông ấy với Nola Kellergan để viết nên Nguồn gốc cái xấu xa.

Anh ta dừng lại, phá lên cười.

- Có chuyện gì vậy, trung sĩ? Tôi hỏi.
- Không có gì. Chỉ đơn giản anh là một người kì diệu, Goldman ạ! Kì diệu!

– Không phải chỉ có mỗi cảnh sát mới mang lại công lý, trung sĩ ạ.

Chúng tôi uống hết cốc bia.

– Ngày mai tôi về New York.

Anh ta gật đầu.

– Thỉnh thoảng hãy quay lại đây nhé. Để chào nhau đôi câu. Nghĩa là, nhất là vợ tôi, cô ấy sẽ rất vui.

– Tôi rất sẵn lòng.

– À, thực ra anh đã bảo tôi, tên cuốn truyện mới của anh là gì nhỉ?

– Sự thật về vụ án Harry Quebert.

Anh ta có vẻ suy nghĩ. Chúng tôi trở ra ô tô. Một đàn chim mòng biển bay qua xé ngang bầu trời, chúng tôi dõi theo chúng một lúc. Sau đó, Gahalowood còn hỏi tôi:

– Thế bây giờ, anh định làm gì hả nhà văn?

– Một ngày, Harry bảo tôi là: “Hãy mang lại ý nghĩa cho cuộc sống của anh. Có hai điều mang lại ý nghĩa cho cuộc sống, đó là sách và yêu”. Tôi đã có sách rồi. Nhờ Harry, tôi đã có được những cuốn sách. Từ bây giờ, tôi sẽ lên đường kiếm tìm tình yêu.

HẾT

Lời cảm ơn

Tôi trân trọng cảm ơn Erne Pinkas ở Aurora, bang New Hampshire, vì sự giúp đỡ quý báu của ông dành cho tôi.

Tôi xin trân trọng cảm ơn trung sĩ Perry Gahalowood (đội cảnh sát tội phạm bang New Hampshire) và thiếu úy Philip Thomas (đội cảnh sát giao thông bang Alabama).

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn đặc biệt tới trợ lý của tôi là Denise, không có cô ấy, tôi không thể hoàn thành được cuốn sách này.

• Chú thích •

[1] Căn phòng xa xỉ trong một khách sạn hạng sang.

[2] Saul bellow (1915-2005), tên thật là Solomon Bellows, là nhà văn Mỹ đoạt giải Pulitzer cho tác phẩm hư cấu và giải Nobel Văn học năm 1976.

[3] Arthur Asher Miler (1915-2005), là nhà viết kịch vĩ đại nhất nước Mỹ và thế giới, đoạt giải Pulitzer cho kịch năm 1949, giải Jerusalem 2003.

[4] Monica Lewinsky, thực tập sinh tại Nhà Trắng, từng có mối quan hệ mật thiết với Tổng thống Mỹ Bill Clinton, cô dính vào vụ bê bối tình dục với vị Tổng thống này và cả hai đã phải ra hầu tòa vào năm 1998.

[5] Thuật ngữ “Nhà văn ma” lấy lại từ tiếng Anh Ghost Writer, để chỉ một người “lùn” trong văn chương, tức là một nhà văn viết dưới tên một nhà văn khác. Bằng cách sáng tạo ra từ Ghost Writer, những người nói tiếng Anh đã biết ý thức được sự bạo tàn trong chức năng này đối với người sử dụng nó (chú thích của tác giả).

[6] Tiếng Italy, có nghĩa: Đã lâu lắm rồi.

[7] Viết tắt của National Hockey League: Liên đoàn Hockey Quốc gia.

[8] Một loại đồ uống của Cuba có cồn gồm: rượu rum, đá xay, đường...

[9] Tiếng Tây Ban Nha, có nghĩa: Nhà của tôi cũng là nhà của bạn.

[10] Từ dùng trong môn thể thao có nghĩa: Ghi bàn.

[11] Bút danh của Jean-Paul Desbiens (1927-2006); nhà văn,

nhà báo, giảng viên người Quebec. Các sáng tác của ông rất đa dạng và giành được nhiều giải thưởng lớn.